



NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Tập 3

BỔ TÁT DI LẶC THUYẾT

DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

TẬP 3

(Từ quyển 41- 60)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG

Người dịch: Sa-môn THÍCH GIÁC PHỔ

Cư sĩ TRẦN PHÁ NHẠC

Hiệu đính: Sa-môn THÍCH LỆ QUANG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Quyển 41

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 10. TRÌ GIỚI - 2

Như vậy, Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát phải nên biết rõ phạm và không phạm, là nhiễm ô và không nhiễm ô, ở bậc nhẹ, trung bình, nặng sai khác.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ngày ngày đối với Như Lai, hoặc vì Như Lai kiến tạo tháp; đối với chánh pháp, hoặc vì chánh pháp tạo lập kinh điển, đó là các Ma-đát-ly-ca của Kinh tạng Bồ-tát; đối với Tăng-già, đó là chúng các Bồ-tát ở mười phương cõi giới đã nhập đại địa, nếu không dùng hoặc ít, hoặc nhiều các thứ cúng dường mà vì cúng dường, dưới đến không đem thân một lay cung kính lễ bái, dưới đến không dùng một kệ bốn câu để xưng khen công đức chân thật của Phật, Pháp, Tăng, dưới đến không có một tâm tín thanh tịnh tùy niệm công đức chân thật của Tam

Bảo; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt. Nếu người không cung kính, lười biếng giải đãi mà phạm, là phạm nhiễm ô. Nếu người lỡ quên mất niệm mà phạm, thì không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc người tâm bị cuồng loạn. Hoặc người đã chứng nhập Ý lạc thanh tịnh địa, thường không phạm, do đặc ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát. Thí như Bí-sô đã đắc chứng tịnh, pháp nhĩ hằng thời đối với Phật, Pháp, Tăng, dùng đủ các việc thù thắng mà thừa sự cúng dường.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát có đầy đủ các dục mà không biết vui đủ, ở nơi lợi dưỡng cung kính sanh tâm vui đắm không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Vì đoạn trừ sự vui muốn các dục kia sanh khởi, nên phát siêng tinh tấn nhiếp phục đối trị, tuy nỗ lực ngăn ngừa chế phục, nhưng bị tánh hoặc loạn mạnh mẽ quấy nhiễu, lớp lớp sanh khởi hiện hành.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát thấy các bậc trưởng lão đồng pháp có đức đáng kính đến, bị tâm kiêu mạn ngăn che, ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không đứng dậy tiếp đón,

không mời ngồi chỗ cao hơn. Nếu có người đến đàm luận, vui vẻ vấn an thăm, mà bị kiêu mạn ngăn che, ôm tâm hiểm hận, ôm tâm khuể não, mở lời đối đáp không thuận chánh lý. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu không bị kiêu mạn ngăn che, không tâm hiểm hận, không tâm khuể não, chỉ do lưỡi biếng giải đãi, tâm quên mất không nhớ, gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc lúc lâm trọng bệnh. Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc đang lúc ngủ nghỉ, người sanh tưởng nhớ, tìm đến gần gũi nương tựa, dùng lời đàm luận vấn an thăm hỏi. Hoặc tự mình vì người tuyên thuyết các pháp, luận nghĩa quyết trạch. Hoặc cùng kia vui vẻ vấn an thăm hỏi đàm luận. Hoặc người thuyết pháp luận nghĩa quyết trạch, chuyên chú lắng tai nghe. Hoặc người có trái phạm thuyết chánh pháp, vì tâm muốn hộ trì người thuyết pháp. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, khiến lìa khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc hộ trì những phép tắc do Tăng chế lập. Hoặc tâm hộ trì nhiều hữu tình mà không đáp lời. Tất cả việc làm trên đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khi có người thỉnh mời đến nhà cư sĩ, hoặc đến chùa khác để phụng thí các thức ăn uống, y phục cùng các vật dụng nuôi thân khác... lại bị kiêu mạn ngăn che, ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không nhận lời mời của kia, không đến chỗ của kia. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do tâm lười biếng giải đãi, quên mất không nhớ, nên không nhận lời mời, không đến chỗ của kia, thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không có sức khỏe. Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc vùng xa xôi. Hoặc đường đi nguy hiểm. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, khiến họ ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc trước đã nhận lời thỉnh khác. Hoặc vì không muốn gián đoạn trong khi tu tập thiện pháp, muốn hộ trì phẩm thiện khiến không tạm bỏ. Hoặc vì dẫn nhiếp nghĩa chưa từng có. Hoặc không muốn thối mất pháp nghĩa đã nghe. Hoặc không muốn thối mất luận nghĩa quyết trạch. Hoặc lại biết kia ôm tâm tổn não, giả dối đến mời thỉnh. Hoặc hộ trì người nhiều

tâm hiềm hận. Hoặc hộ trì những phép tắc do Tăng chế lập. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không đến chỗ của kia, không thọ nhận lời thỉnh của kia đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nếu có người đem chủng chủng vật báu ma-ni, trân châu, lưu ly... màu sắc rất đáng yêu thích, cùng đem chủng chủng tài lợi đầy đủ thượng diệu ân cần phụng thí. Nhưng Bồ-tát do tâm hiềm hận, hoặc tâm khuể não, từ chối không nhận; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô, vì xả bỏ hữu tình vậy. Nếu do giải đãi lười biếng, quên mất không nhớ, nên từ chối chẳng nhận; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc tự quán xét thọ nhận rồi, tâm sẽ sanh nhiễm đấm. Hoặc lại quán xét thời gian sau người kia nhất định sẽ hối tiếc. Hoặc lại biết kia mê loạn mà bố thí. Hoặc biết thí chủ tùy thí, nếu mình tùy thọ nhận, do nhân duyên đây chắc chắn thí chủ sẽ nghèo thiếu. Hoặc biết vật đây của Tăng-già, vật đây của tháp. Hoặc biết vật đây do trộm cướp của người mà được. Hoặc biết vật đây là nhân duyên

phát sanh những việc quá hoạn, hoặc giết, hoặc trói, hoặc phạt, hoặc đuổi, hoặc hiềm, hoặc trách. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không nhận đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khi thấy có người đến cầu pháp, lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, sanh lòng tạt đổ thay đổi, không thí pháp cho kia. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do tâm giải đãi lười biếng, quên mất không nhớ, không thí pháp cho kia, thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc các ngoại đạo đến cầu để tìm lỗi thiếu sót. Hoặc có trọng bệnh. Hoặc tâm cuồng loạn. Hoặc muốn phương tiện điều phục kẻ kia khiến ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc đối với pháp đang có, chưa khéo thông lợi. Hoặc lại thấy kia không sanh tâm cung kính, không hổ thẹn, hiện oai nghi ác mà đến nghe thọ. Hoặc lại biết kia tánh độn căn, đối với giáo pháp rộng sâu, pháp rốt ráo sẽ sanh rất kinh sợ, do đây sẽ sanh khởi tà kiến, tăng trưởng tà chấp, bị suy tổn não hoại. Hoặc lại biết được nếu pháp đến tay kẻ kia sẽ

chuyển cho phi nhân. Tất cả việc trên Bồ-tát không thí cho, đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với các hữu tình phạm giới, bạo ác, ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, do kẻ kia phạm giới bạo ác làm duyên, nên Bồ-tát phương tiện xả bỏ, không muốn làm nhiều ích. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng mà xả bỏ, do tâm quên mất không nhớ, nên không làm nhiều ích; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô. Vì có sao? Vì chư Bồ-tát không được chỉ khởi tâm lân mẫn muốn làm nhiều ích riêng với các hữu tình hành trì tịnh giới, hiện hành nghiệp thân ngữ ý tịch tịnh. Như đối với các hữu tình phạm giới, bạo ác, thì đối với hữu tình hiện đang thọ các nhân khổ cũng vậy.

Không phạm: Hoặc tâm cuồng loạn, hoặc muốn phương tiện điều phục kẻ kia, như trước đã nói rộng. Hoặc tâm hộ trì nhiều hữu tình, hoặc giữ gìn những phép tắc do Tăng chế lập, cho nên Bồ-tát phương tiện xả bỏ không làm nhiều ích, đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-

tát, như Đức Phật trong Tỳ-nại-da Biệt giải thoát vì hộ trì các loại hữu tình, người chưa tịnh tín khiến sanh tịnh tín, người đã tịnh tín khiến tăng trưởng gấp bội, nên kiến lập giá tội, ngăn cấm các Thanh văn khiến không tạo tác. Đối với đây, Bồ-tát nên cùng tu học tất cả như các Thanh văn không sai khác. Vì có sao? Vì các Thanh văn lấy việc tự lợi là hơn, mà còn không xả bỏ việc thủ hộ người: vì khiến các hữu tình chưa tín sanh tín, người đã tín càng tăng trưởng gấp bội, tu học các học xứ. Huống chi Bồ-tát lấy việc lợi người làm trọng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, như Đức Phật đã thuyết trong Tỳ-nại-da Biệt giải thoát, vì khiến Thanh văn trụ ở nơi ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn, nên kiến lập giá tội, ngăn cấm các Thanh văn khiến không tạo tác. Đối với đây, Bồ-tát không nên cùng tu học như các Thanh văn. Vì có sao? Vì các Thanh văn lấy việc tự lợi là hơn, không nghĩ tưởng đến việc lợi người, đối với việc lợi người trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn mới gọi là diệu. Như Bồ-tát lấy việc lợi người làm trọng, không nghĩ đến lợi mình, đối với việc lợi

người chẳng phải trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn mà được gọi là diệu.

Như vậy Bồ-tát vì lợi người, khi đi đến những nơi không thân quen, xóm làng, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn và những thí chủ rộng lòng để khát cầu trăm ngàn chủng chủng y phục, phải quán xét các hữu tình kia có đủ khả năng hay không khả năng, tùy theo đó mà thọ nhận. Như cầu y phục, thì cầu bát cũng vậy. Như cầu y bát, thì cầu chủng chủng loại dây tơ dệt thành y phục cũng vậy. Chỉ vì lợi người thì được tích chứa y phục, các vật năm ngôi, mỗi thứ đến trăm; những vật sanh sắc có thể nhiễm số đến trăm ngàn muôn muôn ức, lại vượt quá số đây cũng nên giữ gìn tích chứa. Tóm lại, chư Bồ-tát không được cùng chung học với các Thanh văn trụ ở ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn. Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với việc lợi người lại ôm lòng hiềm hận, ôm lòng khuể não, trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng, tâm quên mất không nhớ, nên trụ ít sự, ít nghiệp, ít mong muốn; đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, vì lợi người nên khéo léo sử dụng phương tiện, ít hiện hành các tánh tội. Do nhân duyên đây không phạm giới Bồ-tát, sanh nhiều công đức.

Đó là như Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp vì tham tiền của nên muốn giết hại nhiều người, hoặc lại muốn hại Đại đức Thanh văn, Độc Giác, Bồ-tát, hoặc lại muốn tạo nhiều nghiệp vô gián. Thấy việc đây rồi, Bồ-tát khởi tâm suy nghĩ: “Nếu ta đoạn mạng sống của kẻ hung ác kia sẽ đọa nơi địa ngục. Nếu không giết kia, khi nghiệp vô gián thành, kia sẽ thọ khổ lớn. Thà rằng ta giết kia sẽ đọa địa ngục, trọn không khiến kia thọ khổ vô gián”. Bồ-tát đã suy nghĩ như vậy, ý vui thanh tịnh đối với kẻ kia, hoặc sanh tâm lành, hoặc sanh tâm vô ký, đến chỗ của kia sanh sâu thẹn hổ, dùng tâm lân mẫn mà đoạn mạng của kia. Do nhân duyên đây, không phạm giới Bồ-tát, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy có quan chức cấp trên bạo ác, không lòng từ mẫn, chuyên hành bức nã đối với hữu tình. Bồ-tát thấy rồi khởi tâm lân mẫn, phát khởi ý vui làm lợi ích an lạc, nên tùy theo khả năng có được mà phé truất tước vị. Do

nhân duyên đây, không phạm giới Bồ-tát, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy kẻ trộm cướp đoạt tài vật của người, hoặc vật của Tăng-già, hoặc vật của tháp, sau khi lấy nhiều vật rồi, tự chấp là sở hữu của mình nên mặc tình thọ dụng. Bồ-tát thấy vậy khởi lòng lân mẫn, phát sanh ý vui làm lợi ích an lạc đối với hữu tình kia, nên tùy theo khả năng bức ép kia lấy lại tài bảo, tự nghĩ: “Chớ để kia thọ dụng tài bảo như vậy, đê mê dài phải thọ những điều không có nghĩa lợi”. Do nhân duyên đây, đối với tài bảo đã lấy lại, nếu là vật của Tăng-già thì hoàn lại cho Tăng-già, nếu là vật của tháp thì hoàn lại cho tháp, nếu là vật của hữu tình thì hoàn lại cho hữu tình.

Lại thấy chúng sanh coi giữ vườn rừng lấy vật của Tăng-già, lấy vật của tháp, cho là sở hữu của mình, mặc tình thọ dụng. Bồ-tát thấy vậy khởi lòng lân mẫn, suy nghĩ đến kẻ ác kia: “Chớ để kia thọ dụng. Do nhân nghiệp tà thọ dụng đây, đê mê dài sẽ thọ những điều không có nghĩa lợi”. Do vậy, Bồ-tát tùy theo khả năng sức lực mà phế bỏ người kia. Bồ-tát tuy không cho lấy như vậy mà không

phạm, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát ở tại cư gia, có thiếu nữ chưa lập gia đình nhưng tập quen thói dâm dục, tâm muốn gần gũi Bồ-tát, cầu phi phạm hạnh. Bồ-tát thấy như vậy rồi, tác ý tư duy: “Ta chớ khiến tâm giận của kia sanh nhiều điều phi phước. Nếu tùy thuận tâm mong muốn của kia, kia liền được tự tại. Ta phương tiện an lập khiến kia phát sanh căn lành, xả bỏ nghiệp bất thiện”. Bồ-tát trụ tâm từ mẫn mà hành phi phạm hạnh. Bồ-tát tuy hành pháp uesthiệm như vậy mà không phạm, sanh nhiều công đức. Bồ-tát xuất gia, vì hộ trì giới Thanh văn mà bậc Thánh dạy khiến không hoại diệt, thì tất cả không được hành phi phạm hạnh.

Lại như Bồ-tát biết thân mạng khó có được, cũng không nói vọng ngữ, nhưng vì muốn cứu thoát hữu tình khỏi nạn mất mạng, nạn lao tù, nạn chặt chân tay, nạn xẻo mũi xẻo tai, khoét mắt, tuy biết đúng sự việc mà suy nghĩ cân nhắc dùng lời vọng ngữ. Tóm lại, Bồ-tát chỉ xem thấy hữu tình được nghĩa lợi mà làm, không thể không có nghĩa lợi. Tự tâm không nhiễm, giấu những điều đã biết, nói khác đi. Khi nói lời đây không phạm giới Bồ-tát,

sinh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy các hữu tình bị bạn ác nhiếp thọ, gần gũi thương yêu chẳng lìa. Bồ-tát thấy vậy khởi tâm lân mẫn, phát sanh ý vui làm lợi ích an lạc, tùy sức tùy khả năng nói lời ly gián, khiến kia lìa xa bạn ác, xả bỏ sự gần gũi thương yêu. Bồ-tát khởi nghĩ: “Chớ để hữu tình kia gần bạn ác, đem dài sẽ thọ những điều không nghĩa lợi”. Bồ-tát đem lòng nhiều ích như vậy, khéo léo nói lời ly gián để chia cắt kia mà không phạm, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy các hữu tình làm việc không như lý. Bồ-tát dùng lời thô ác quở trách mạnh mẽ, phương tiện khiến kia ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Bồ-tát đem tâm nhiều ích như vậy, mở lời thô ác đối với hữu tình kia mà không phạm, sanh nhiều công đức.

Lại như Bồ-tát thấy hữu tình hoặc ham vui ca hát kỹ nhạc, ngâm thơ ca vịnh; hoặc vui chơi, ăn uống, dâm dăng, luận bàn vô nghĩa. Bồ-tát đối với việc như vậy đều rất thiện xảo, đối với các hữu tình kia, khởi tâm lân mẫn, phát sanh ý vui làm lợi ích an lạc, dùng lời ỷ ngữ xứng hợp với các thể

loại đàn ca hát xướng, xứng hợp với ngôn ngữ của bọn giặc cướp, dâm dăng, ăn chơi để dẫn nhiếp hữu tình kia, khiến kia vâng nghe theo mình, được tự tại thoát khỏi các việc trên. Phương tiện giúp đỡ dẫn dắt khiến kia ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện, Bồ-tát hiện dùng ý ngữ như vậy mà không phạm, sanh nhiều công đức.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, sanh khởi dối trá, hiện tướng nói năng hư vọng, phương tiện tìm cầu giả lợi cầu lợi, ham ưa pháp tà mạng, không biết xấu hổ, kiên trì không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Vì muốn đoạn trừ sự sanh khởi vui muốn như trên, nên phát siêng tinh tấn, nhưng phiền não thiêu đốt mạnh mẽ, thời thời hiện khởi ngăn che nơi tâm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, bị lao xao quấy động, tâm không tịch tĩnh, không vui tịch tĩnh, lớn tiếng cười đùa huyên não ồn tạp, nóng vội khinh suất, nhẩy nhót, chế giễu người làm vui. Như các duyên đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do quên mất

không nhớ nên sanh khởi, thì không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Vì muốn khiến trừ sự sanh khởi vui muốn, như trước đã nói. Hoặc muốn phương tiện giải trừ khiến dừng sự sanh khởi hiềm hận của người. Hoặc muốn giải trừ sự sanh khởi sầu não của người. Hoặc tánh người thích các việc trên, vì phương tiện nhiếp thọ hộ trì, nên thuận theo người kia mà chuyển. Hoặc hữu tình khác nghi ngờ đối nghịch, trong ôm lòng hiềm hận, có âm mưu ác, ganh ghét chống đối, bên ngoài hiện dáng mặt vui vẻ, tỏ vẻ bên trong thanh tịnh. Tất cả như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khởi kiến chấp lập luận thế này: “Bồ-tát đối với Niết-bàn không nên vui thích, chỉ nên sanh khởi chán lìa. Đối với các phiền não và tùy phiền não, không nên khiếp sợ mà cầu đoạn diệt, không nên một hướng sanh tâm chán lìa, bởi chư Bồ-tát trải qua ba vô số kiếp lưu chuyển trong sanh tử cầu Đại Bồ-đề”. Nếu nói lời đây thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Vì cố sao? Như các Thanh văn gần gũi vui thích đối với Niết-bàn, thâm

tâm chán lìa đối với các phiền não và tùy phiền não, Bồ tát cũng vậy, gần gũi vui thích đối với Niết-bàn, thâm tâm chán lìa đối với phiền não và tùy phiền não. Nhưng Bồ-tát vượt quá Thanh văn kia trăm ngàn muôn muôn ức lần, bởi các Thanh văn chỉ vì tự thân mà siêng tu chánh hạnh để chứng nghĩa tự lợi, Bồ-tát rộng vì tất cả hữu tình mà siêng tu chánh hạnh, chứng nghĩa lợi khắp. Cho nên Bồ-tát phải siêng năng tu tập, tâm không tạp nhiễm. Bồ-tát ở nơi các pháp hữu lậu tùy thuận mà hành, thành tựu thắng vượt so với chư A-la-hán không pháp tạp nhiễm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tự mình phát lời không tín trọng như rêu rao việc ác, tán thán việc ác, ca ngợi việc ác, không giữ gìn, không tịnh sạch. Nếu sự việc kia có thật mà không tránh xa phòng hộ, đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu sự việc kia không thật mà không tịnh sạch, đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc ngoại đạo khác, hoặc người ganh ghét tật đố. Hoặc tự xuất gia, dựa vào hạnh hành khát, dựa vào hạnh tu thiện rồi phát lời chê

trách truyền khắp. Hoặc người bị giận hờn ngăn che. Hoặc người tâm điên đảo. Tất cả việc như vậy, Bồ tát dùng lời chê trách rộng khắp đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình giả dối hành chủng chủng gia hạnh khó hành, gia hạnh mạnh mẽ để được lợi dưỡng; ngăn ngừa khiến không hiện hành phiền não ưu sầu. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Tự mình quán xét: “Do nhân duyên đây được chút ít lợi, nhưng sanh nhiều ưu não trong hiện pháp”.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, lúc bị người mắng chửi, liền mắng chửi lại; lúc bị người sân hận, liền sân hận lại; lúc bị người đánh, liền đánh lại; lúc bị người khinh thường, liền khinh thường lại. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với hữu tình khác bị xâm phạm, nếu mình không làm mà người kia sanh nghi ngờ mình xâm phạm, Bồ-tát do tâm hiềm hận, do tâm chấp giữ

kiêu mạn, không như lý tạ lỗi, không sanh lòng nhẹ nhàng xả bỏ. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng, giải đãi phóng dật nên không tạ lỗi, không nhẹ nhàng xả bỏ, gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, khiến kia ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện. Hoặc các ngoại đạo. Hoặc xem xét người kia không có tội phi pháp hiện hành, mới tạ lỗi. Hoặc biết hữu tình kia tánh ưa đấu tranh, nếu tạ lỗi sẽ sanh nhiều oán ghét giận hờn. Hoặc biết người kia tánh kham nhẫn, tánh không hiềm hận. Hoặc biết nhân việc tạ lỗi, khiến người sanh hổ thẹn. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không tạ lỗi đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, bị người có hành vi xúc phạm rồi như pháp bình đẳng ăn năn tạ lỗi, Bồ-tát lại ôm lòng hiềm hận, muốn tổn não người kia, không nhận sự tạ lỗi của kia. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Tuy Bồ-tát đối với người kia không tâm hiềm hận, không muốn tổn não, nhưng do bầm tánh không thể kham nhẫn, nên không nhận việc tạ lỗi. Đây cũng gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không

phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: hoặc muốn phương tiện điều phục kia, còn lại nên biết như trước đã nói rộng. Tất cả như vậy, nếu không như pháp, không bình đẳng tạ lỗi, không nhận sự tạ lỗi của kia cũng không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, mà đối với người luôn ôm tâm oán hận không nguôi, đã sanh thì giữ chặt không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: vì đoạn trừ sự sanh khởi vui muốn như trên, còn lại như trước đã nói rộng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tham đắm hầu hạ lực tăng thượng, nên đem tâm ái nhiễm để cai quản lãnh đạo đồ chúng. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: không tham đắm chờ đợi sự hầu hạ, không tâm ái nhiễm để cai quản lãnh đạo đồ chúng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, lười biếng giải đãi, vui say ngủ nghỉ, vui say nằm ngửa, phi thời, phi lượng. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc

không có sức khỏe. Hoặc đi đường mỗi nhọc. Hoặc vì đoạn trừ sự sanh khởi vui muốn như trên. Còn lại tất cả nên biết như trước đã nói rộng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ôm tâm ái nhiễm, bàn luận thế sự hư huyền uổng phí qua ngày. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do quên mất không nhớ, uổng phí qua ngày, thì gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Khi thấy người bàn luận, ý vì muốn hộ trì người kia, khiến kia an trụ chánh niệm, nên lắng nghe trong chốc lát. Nếu việc kỳ lạ, hoặc tạm hỏi người, hoặc trả lời người hỏi. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tuy muốn khiến tâm an trụ, muốn khiến tâm định, nhưng lại sanh tâm hiềm hận, chấp giữ kiêu mạn, nên không đến chỗ của thầy để cầu thỉnh dạy trao. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi nên không cầu thỉnh dẫn dạy, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật, hoặc không có sức khỏe. Hoặc biết thầy kia dạy trao

diên đảo. Hoặc mình đã đa văn, tự có trí lực năng khiến tâm an định. Hoặc trước đã được dạy trao những điều cần yếu nên không thưa hỏi. Tất cả như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khởi tham dục cái, nhãn thọ không xả. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc vui muốn đoạn trừ sự sanh khởi của kia, tuy phát khởi siêng năng tinh tấn, nhưng phiền não thiêu đốt mạnh mẽ thời thời hiện hành chế ngự nơi tâm. Như tham dục cái, thì sân khuể, hôn trầm thù miên, trạo cử ác tác, cùng với nghi cái phải biết cũng vậy.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tham đắm mùi vị tinh lự, ở nơi mùi vị tinh lự thấy là công đức. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: hoặc vui muốn đoạn trừ sự sanh khởi như trên, còn lại như trước đã nói rộng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khởi kiến lập luận thế này: “Bồ-tát không nên lắng nghe, không nên tu học, không nên thọ trì giáo pháp tương ứng Thanh văn thừa. Bồ-tát ứng

dụng gì khi lắng nghe, khi thọ trì, khi tinh siêng tu học giáo pháp tương ứng Thanh văn thừa?”. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Vì có sao? Bồ-tát đối với sách luận của ngoại đạo hãy còn tinh cần nghiên cứu học tập, hà hướng lời Phật dạy.

Không phạm: vì muốn một hướng tu tập ít pháp, nên tạm xả pháp kia mà nói lời như vậy.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát mà chưa nghiên cứu thông tường tạng Bồ-tát, lại từ chối xả bỏ tất cả tạng Bồ-tát, chuyên tâm tu học một hướng tạng Thanh văn thừa. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, không phải phạm nhiễm ô. Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, chưa nghiên cứu thông tường lời Phật dạy, lại tinh siêng tu học các luận của đạo khác và các ngoại luận. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc rất thông minh nhạy bén, hoặc có khả năng nhanh chóng tiếp thu, hoặc trải qua thời gian lâu mà không quên mất. Hoặc ở nơi nhĩ, có khả năng tư duy, có khả năng thấu đạt. Hoặc đối với lời Phật dạy, quán sát như lý, thành

tự hiểu biết đồng hành không lay động. Hằng ngày thường dùng hai phần để tu học điều Phật dạy và một phần để học bên ngoài. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, tự mình bỏ qua pháp Bồ-tát, mà đối với các luận của đạo khác và các ngoại luận, thâm tâm lại quý trọng, tầm cầu nghiên cứu khéo léo, vui thích chấp đắm, gần gũi tập quen. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, không sanh tin hiểu đối với những điều thăm sâu, đối với pháp nghĩa chân thật tối thắng thăm sâu, đối với thần lực không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát lại phát sanh ghét bỏ, chống trái hủy báng, cho là không thể dẫn phát nghĩa, không thể dẫn phát pháp, không phải Như Lai thuyết, không thể lợi ích an lạc hữu tình. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Hủy báng như vậy, hoặc do mình bên trong không như lý tác ý, hoặc thuận theo người mà nói.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, khi được nghe pháp thậm thâm, tối cực thậm

thâm, tâm không tin hiểu. Bấy giờ Bồ-tát phải mạnh mẽ tịnh tín lãnh thọ, không tâm siểm khúc, phải học như vậy: “Ta làm việc chẳng phải thiện, như người mù không có mắt huệ. Ở nơi ngôn ngữ mật ý của Như Lai, ở nơi chánh nhãn chư Như Lai tùy theo mỗi loài mà tuyên thuyết, ta lại sanh phỉ báng”. Bồ-tát tự biết mình vô trí như vậy, chỉ vì ngưỡng mộ chư Như Lai, đối với pháp Phật không pháp nào mà không quán sát rõ biết, theo đó quán xét tất cả. Bồ-tát chánh hành như vậy, tuy không tin hiểu nhưng không sanh phỉ báng, nên không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, sanh tâm nhiễm ái, sanh tâm sân khúe đối với người, tự khen mình chê người. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc vì hàng phục các ngoại đạo ác. Hoặc vì giữ gìn Thánh giáo Như Lai. Hoặc muốn phương tiện điều phục kẻ kia, như trước đã nói rộng. Hoặc muốn khiến người chưa tịnh tín sanh khởi tịnh tín, người đã tịnh tín càng thêm tăng trưởng.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-

tát, biết có chỗ thuyết chánh pháp, luận nghĩa quyết trạch, lại bị kiêu mạn che lấp, ôm tâm hiểm hận, ôm tâm khuể não, nên chẳng đến nghe. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi chế phục nên không đến nghe, thì không phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc không biết, hoặc mắc phải bệnh tật, hoặc không có sức khỏe. Hoặc biết người kia tuyên thuyết điên đảo. Hoặc vì tâm hộ trì người thuyết pháp. Hoặc biết rõ nghĩa mà vị kia tuyên thuyết, tự mình đã nghe nhiều, đã thấu hiểu, đã thọ trì. Hoặc đã nghe nhiều, hành trì đầy đủ. Hoặc không muốn gián đoạn khi tâm đang an trụ một cảnh. Hoặc siêng dẫn phát định thù thắng của Bồ-tát. Hoặc tự rõ biết mình thuộc loại ngu độn bậc thượng, trí tuệ chậm lụt lầm lạc, khó thọ trì pháp được nghe, khó nhiếp tâm định ở nơi sở duyên. Tất cả việc như vậy Bồ-tát không đến nghe đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, cố ý khinh hủy, cười nhạo khinh thường, không sanh tâm cung kính đối với vị thầy thuyết pháp, chỉ nương văn, không nương nghĩa. Đây gọi là phạm,

có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát mà ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không làm trợ bạn đối với các hữu tình cần được giúp đỡ. Đó là không làm trợ bạn trên đường đi, hoặc nơi qua chốn lại, hoặc nơi sự nghiệp gia hạnh không diên đảo, hoặc việc bảo quản giữ gìn tài vật, hoặc việc hòa giải chia rẽ, hoặc giúp đỡ lãnh hội, hoặc nơi phước nghiệp. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị giải đãi lười biếng chế phục, nên không làm trợ bạn, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mắc phải bệnh tật, hoặc không có sức khỏe. Hoặc rõ biết người kia tự có khả năng làm được công việc. Hoặc biết người cầu tự có nơi nương tựa. Hoặc biết việc làm của người kia dẫn đến những điều phi nghĩa phi pháp. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc trước đã hứa làm trợ bạn cho người khác. Hoặc chuyển nhờ người có sức hơn trợ giúp. Hoặc đang lúc siêng tu tập thiện pháp không muốn tạm xả. Hoặc tánh ngu độn, nên ở nơi pháp được nghe khó thọ khó trì, như trước đã nói rộng. Hoặc

có ý hộ trì nhiều hữu tình. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế lập. Tất cả việc như vậy Bồ-tát không làm trợ bạn đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình mắc phải trọng bệnh, lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khêu não, không đến chăm sóc. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị lười biếng giải đãi chế phục, không đến chăm sóc, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc mình cũng đang mắc bệnh, hoặc không có sức khỏe. Hoặc chuyển nhờ người khác có đủ sức đến chăm sóc. Hoặc biết người bệnh kia đã có nơi nương tựa. Hoặc người bệnh kia tự có sức lực, có khả năng chăm sóc bản thân. Hoặc rõ biết kia mắc bệnh dài lâu, năng tự giữ gìn thân thể. Hoặc vì siêng tu thiện pháp rộng lớn thù thắng không gì hơn. Hoặc muốn hộ trì việc tu tập thiện pháp khiến không gián đoạn. Hoặc tự biết rõ mình thuộc hạng ngu độn bậc thượng, trí tuệ chậm lụt lằm loạn, nên khó thọ khó trì pháp được nghe, khó nhiếp tâm định ở nơi sở duyên. Hoặc trước đã hứa chăm sóc một người khác. Như đối với người bệnh, thì đối với người khổ, vì muốn dứt trừ

khổ của kia, nên làm trợ bạn phải biết cũng vậy.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình vì mong cầu các sự việc ở hiện pháp, hậu pháp, nên rộng hành điều phi lý. Bồ-tát lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khuể não, không vì kia tuyên nói chánh lý như thật. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị giải đãi lười biếng chế phục, nên không vì kia tuyên nói, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc tự mình không biết. Hoặc không có sức khỏe. Hoặc chuyển thỉnh người có đủ năng lực để thuyết. Hoặc người kia tự có trí lực. Hoặc kia được bạn lành nhiếp thọ. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc biết nếu vì kia tuyên nói chánh lý như thật, kia sẽ khởi tâm hiềm hận, hoặc phát lời ác, hoặc lãnh thọ điên đảo, hoặc không kính quý. Hoặc biết kia tánh hư xấu đáng thương. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không vì kia tuyên nói đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với các hữu tình trước đã có ân, mà không biết ân huệ, không nhớ ân huệ, ôm tâm hiềm hận, không muốn hiện tiền trả ân báo đáp. Đây gọi là

phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị lười biếng giải đãi chế phục, hiện không báo đáp, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Siêng năng làm việc, không có sức khỏe, không có khả năng để báo đáp. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc muốn báo ân, nhưng người kia không chịu nhận. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình gặp nạn khiến hao tán mất mát tài bảo, quyến thuộc, chức tước, bổng lộc nên sanh nhiều sầu não. Bồ tát lại ôm tâm hiềm hận, không đến động viên khuyên giải. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu bị lười biếng giải đãi chế phục, không đến khuyên giải, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: như phần đối với các sự nghiệp của người không làm trợ bạn đã nói ở trước.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, có các vật thực và các vật dụng nuôi thân, khi thấy người đến cầu xin lại ôm tâm hiềm hận, ôm tâm khêu não, không cung cấp thí cho. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do

lười biếng giải đãi phóng dật nên không thí cho, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc hiện tại không có tài vật dùng để thí. Hoặc kia mong cầu tài vật không như pháp, tài vật không hợp lý. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc người đến cầu những vật tương xứng với vua, muốn làm đẹp lòng vua. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế lập. Tất cả việc như vậy mà không huệ thí đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nhiếp thọ đồ chúng mà ôm tâm hiềm hận, không tùy thời dạy trao dạy răn những điều không điên đảo. Biết chúng thiếu thốn mà không đến những nhà tịnh tín, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... như pháp cầu y phục, thức ăn uống, các thứ tọa cụ ngọa cụ, thuốc trị bệnh, tạp vật nuôi thân... tùy thời cung cấp cho họ. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi phóng dật, không đến dạy trao, không đến dạy răn, không như pháp cầu các vật, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc muốn phương tiện điều.

phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế. Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không có sức khỏe, không thể hành trì gia hạnh. Hoặc chuyển nhờ người khác có đủ sức lực hơn. Hoặc biết đồ chúng có phước đức lớn, mỗi người tự có khả năng cầu các thứ y phục và vật dụng để nuôi thân. Hoặc tùy việc cần phải dạy trao dạy răn, đều đã dạy trao dạy răn không điên đảo. Hoặc biết trong chúng có ngoại đạo nghe trộm pháp, kia không thể kham, cũng không thể điều phục. Tất cả việc như vậy đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, đối với hữu tình lại ôm tâm hiềm hận, không tùy thuận mà chuyển tâm người. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do lười biếng giải đãi phóng dật, không tùy thuận mà chuyển hữu tình, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc kẻ kia ưa thích, chẳng phải kia thích hợp trong việc tùy thuận. Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không đủ sức khỏe để hành trì gia hạnh. Hoặc giữ gìn phép tắc do Tăng chế. Hoặc kẻ kia ưa thích, tuy kia thích hợp trong việc tùy thuận, nhưng ở trong đại chúng không ưa thích, không

thích hợp. Hoặc vì hàng phục các ngoại đạo. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không tùy thuận mà chuyển tâm hữu tình đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, ôm tâm hiềm hận, đối với người có thật đức, không muốn hiển dương; đối với người đáng xưng khen, không muốn xưng khen; đối với người diệu thuyết, không tán thán “Lành thay!”. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng phóng dật, nên không hiển dương... thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Nếu biết tánh ý người kia ít ưa thích tán thán, vì muốn hộ trì ý kia. Hoặc mắc phải bệnh tật. Hoặc không có sức khỏe. Hoặc muốn phương tiện điều phục kia, như trước đã nói rộng. Hoặc giữ gìn phép tắc do tăng chế. Hoặc biết do duyên hiển dương đây, người kia khởi tạp nhiễm cao ngạo, không có nghĩa lợi, vì muốn ngăn chặn lỗi trái vượt của kia. Hoặc biết công đức của kia chỉ tương tự công đức, mà chẳng phải thật đức. Hoặc biết việc của kia tuy tương tự lành thiện, mà chẳng phải thật lành thiện. Hoặc biết tuyên thuyết của

kia tuy tương tự diệu thuyết, mà chẳng phải thật diệu. Hoặc vì hàng phục các ngoại đạo ác. Hoặc vì đơi ngôn luận của người đến chỗ rốt ráo. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát không hiển dương đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thấy các hữu tình đáng phải quả trách, đáng phải trị phạt, đáng phải đuổi bỏ, lại ôm tâm nhiễm ô mà không quả trách. Hoặc tuy quả trách mà không trị phạt, như pháp dạy răn. Hoặc tuy trị phạt, như pháp dạy răn mà không đuổi bỏ. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, là phạm nhiễm ô. Nếu do giải đãi lười biếng phóng dật mà không quả trách cho đến đuổi bỏ, thì phạm không phải nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc biết kia không thể sửa trị, không thể dùng lời để nói với kia, kẻ kia sẽ phát lời thô ác, sanh nhiều hiềm hận, cho nên xả bỏ. Hoặc đơi dịp thích hợp. Hoặc thấy nhân đây là dịp khiến đấu tranh kiện tụng. Hoặc thấy nhân đây khiến phá hoại Tăng, gây phá hòa hợp Tăng. Hoặc biết hữu tình kia không ôm tâm siểm khúc. Hoặc biết kia thành tựu tâm quý mạnh mẽ tăng thượng, đã phạm liền nhanh chóng trở lại thanh tịnh. Tất

cả việc như vậy, Bồ-tát không quở trách cho đến đui bỏ, đều không phạm.

Hoặc chư Bồ-tát an trụ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, thành tựu đầy đủ chủng chủng thần thông uy lực biến hiện. Đối với hữu tình, kẻ cần điều phục, năng điều phục; kẻ có thể dẫn nhiếp, năng dẫn nhiếp. Bồ-tát vì người tín thí nên né tránh, không hiện thần thông để điều phục, dẫn nhiếp. Đây gọi là phạm, có lỗi trái vượt, chẳng phải phạm nhiễm ô.

Không phạm: Hoặc biết hữu tình kia là ngoại đạo ác, phỉ báng Thánh hiền, sở hữu tà kiến, chấp đấm những điều kỳ lạ. Đối với việc đây, Bồ-tát không hiện thần thông để điều phục dẫn nhiếp, thì không phạm. Lại có những việc không phạm khác: hoặc kia tâm cuồng loạn tăng thượng, hoặc lãnh thọ trọng khổ bức bách, hoặc kia chưa từng thọ luật nghi tịnh giới. Nên biết tất cả việc đây đều không phạm.

Lại nữa, chỗ phát khởi các học xứ của Bồ-tát như vậy, chư Phật tùy chỗ thích hợp đã thuyết rải rác trong Tố-đát-lãm, đó là nương luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới. Nay ở trong Ma-đát-lý-ca của tạng Bồ-tát đây, tổng

hợp lại một chỗ mà thuyết. Bồ-tát ở nơi chánh pháp đây phải sanh tâm tôn trọng, an trụ cực cung kính, chuyên cần tu học. Chư Bồ-tát đây từ người đã chánh thọ luật nghi giới, do ý lạc cầu học thiện thanh tịnh, ý lạc Bồ-đề, ý lạc nhiều ích tất cả hữu tình, phải sanh khởi tối cực tôn trọng cung kính. Ngay từ lúc đầu chuyên cần tu học, không nên trái phạm. Giả sử trái phạm, liền nhanh chóng như pháp hối trừ, khiến trở lại thanh tịnh.

Lại chư Bồ-tát phạm tất cả điều nói trên, nên biết đều nhiếp thuộc gây tạo việc ác, phải đi đến những vị có lực năng hiểu biết, năng lãnh thọ pháp Đại thừa, Tiểu thừa, lời nói biểu hiện nghĩa lý, mà phát lồ sám hối dứt trừ. Nếu chư Bồ-tát phạm phẩm triền bậc thượng, như pháp xứ *muốn hơn người* đã nói, mất luật nghi giới, cần phải thọ lại. Nếu trái phạm phẩm triền bậc trung, như pháp xứ *muốn hơn người* đã nói, nên đối trước ba vị, hoặc quá số trên, như pháp phát lồ, đoạn trừ các ác tác. Trước, Bồ-tát nên xưng tên, tường thuật lại những việc đã phạm, nói lời: “Trưởng lão (hoặc Đại đức) chứng minh! Tôi tên... đã phạm Tỳ-nại-da Bồ-tát”, rồi thuật lại những việc phạm ác tác. Ngoài

ra, Bí-sô phát lồ sám hối diệt tội ác tác cũng nói như thế. Nếu chư Bồ-tát phạm phẩm triển bậc hạ, như pháp xứ *muốn hơn người* đã nói và các phạm khác, phải đối trước một vị, như pháp phát lồ sám hối, nên biết như trước. Nếu vị ấy không tùy thuận, Bồ-tát không thể đối trước vị kia phát lồ hối trừ chỗ phạm, bấy giờ Bồ-tát dùng ý lạc thanh tịnh, tự tâm phát khởi thề nguyện: “Ta ở đương lai quyết định tự phòng hộ, trọn không phạm tội trọng”. Như vậy, đối với lỗi đã phạm được ra khỏi, trở lại thanh tịnh.

Lại, chư Bồ-tát muốn thọ luật nghi tịnh giới Bồ-tát, nếu không gặp bậc có đầy đủ công đức, bấy giờ nên đối trước tượng Như Lai tự thọ luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Phải thọ như vậy: trích y vai phải, quỳ gối phải chầm đất, nói lời thế này: “Con tên... ngưỡng cầu tất cả mười phương Như Lai, các chúng Bồ-tát đã nhập đại địa. Con nay muốn đối trước mười phương thế giới chư Phật, chư Bồ-tát thệ thọ tất cả học xứ Bồ-tát, thệ thọ tất cả tịnh giới Bồ-tát, đó là: luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới. Học xứ như vậy, tịnh giới như vậy, tất cả Bồ-tát quá khứ đã đầy đủ, tất cả

Bồ-tát vị lai sẽ đầy đủ, tất cả Bồ-tát hiện tại ở khắp mười phương nay đang đầy đủ. Đối với học xứ đây, đối với tịnh giới đây, tất cả Bồ-tát quá khứ đã học, tất cả Bồ-tát vị lai sẽ học, tất cả Bồ-tát hiện tại ở khắp mười phương đang học”. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy. Nói rồi đứng dậy. Còn lại tất cả nên biết như trước.

Lại ở trong đạo phạm giới của Bồ-tát, Bồ-tát rất ráo không còn phạm tội (tội vô dư). Như Thế Tôn thuyết: “Chư Bồ-tát đây, phần nhiều chỗ khởi phạm ứng với sân, chẳng phải ứng với tham”. Phải biết trong đây là sở thuyết mật ý, đó là chư Bồ-tát vì lực yêu quý các hữu tình, thương xót các hữu tình tăng thượng, phạm có tạo làm tất cả đều là tạo làm của Bồ-tát, không gì chẳng phải. Làm những việc nên làm như vậy, thì không thành phạm. Nếu chư Bồ-tát ganh ghét, ty hiềm đối với các hữu tình, thì không thể tu hành lợi mình, lợi người. Đây là việc không được làm của chư Bồ-tát. Làm điều không được làm như vậy, thì thành phạm.

Lại chư Bồ-tát cần phải rõ biết phạm ở bậc nhẹ, trung bình, nặng sai khác, như trong phần *Nhiếp sự* sẽ nói.

Như vậy, Bồ-tát tự nương tất cả Tỳ-nại-da, tu học các học xứ, thành tựu ba chủng viên mãn, an trụ nơi an lạc: 1. Thành tựu viên mãn gia hạnh; 2. Thành tựu viên mãn ý lạc; 3. Thành tựu viên mãn túc nhân.

Sao gọi là *viên mãn gia hạnh*? Chư Bồ-tát hành trì tịnh giới không khuyết phạm, thân, ngữ, ý hiện hành thanh tịnh, không luôn hủy phạm, tự phát lồ điều ác. Đây gọi là viên mãn gia hạnh.

Sao gọi là *viên mãn ý lạc*? Chư Bồ-tát vì pháp xuất gia, cầu Đại Bồ-đề, chẳng phải không cầu điều đó, không vì tồn tại mạng sống; vì cầu pháp Samôn, vì cầu Niết-bàn, không phải không cầu điều đó. Vì cầu như vậy, nên không trụ giải đãi, tinh tấn yếu ớt, không gây tạo tạp loại các pháp ác bất thiện, hậu hữu tạp nhiễm, bị các khổ dị thực thiêu đốt mạnh mẽ, sở hữu sanh lão bệnh tử ở đời vị lai. Đây gọi là viên mãn ý lạc.

Sao gọi là *viên mãn túc nhân*? Chư Bồ-tát trong các kiếp sống trước đã khéo tu phước, tu thiện, nên trong hiện đời bản thân không bị thiếu thốn chủng chủng y phục, thức ăn uống, tọa ngoại cụ, thuốc trị bệnh, các thứ tạp vật nuôi thân. Lại

năng rộng hành huệ thí cho người. Đây gọi là viên mãn túc nhân.

Như vậy, Bồ-tát nương Tỳ-nại-da siêng năng tu học, thành tựu ba chủng viên mãn, an trụ nơi an lạc. Trái với tướng đây, nên biết thành tựu ba chủng suy tổn, trụ nơi nguy khổ.

Như vậy đã rộng tuyên nói tóm lược tất cả giới của Bồ-tát, hoặc phẩm tại gia, hoặc phẩm xuất gia. Từ đây về sau, ở trong tất cả giới như vậy phân ra các tướng khó hành giới sai biệt cần phải rõ biết.



Quyển 42

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 10. TRÌ GIỚI - 3

3. Khó hành giới của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Ngay hiện đời, chư Bồ-tát bản thân tự có đầy đủ tài bảo, dòng tộc cao quý tự tại tăng thượng, lại năng xả bỏ tất cả để thọ trì luật nghi tịnh giới Bồ-tát. Đây gọi là khó hành giới thứ nhất của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đã thọ trì tịnh giới, gặp hiểm nạn bức bách cho đến mất mạng, nơi giới đã thọ vẫn không chút ít khuyết phạm, hà huống phạm tất cả. Đây gọi là khó hành giới thứ hai của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát như vậy khắp ở tất cả đi đứng, tác ý, hằng trụ chánh niệm thường không phóng dật. Cho đến lúc mạng chung, ở nơi giới đã thọ cũng không lầm phạm. Đối với tội nhẹ hãy còn không phạm, hà huống tội nặng. Đây gọi là khó hành giới thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn giới của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Chánh thọ giới; 2. Bản tánh giới; 3. Xuyên suốt tu tập giới; 4. Phương tiện tương ứng giới.

Chánh thọ giới: điều đầu tiên mà chư Bồ-tát thọ là ba chủng luật nghi Bồ-tát. Đó là luật nghi giới, niếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới.

Bản tánh giới: chư Bồ-tát trụ ở vị chủng tánh, bản tánh hiền nhân, hai nghiệp thân, ngũ tương tục hằng triển chuyển thanh tịnh.

Xuyên suốt tu tập giới: chư Bồ-tát trong những kiếp trước đã từng xuyên suốt tu tập ba chủng tịnh giới. Do lực an trụ giữ gìn của nhân đời trước, nên đời hiện tại không vui hiện hành tất cả pháp ác. Ở trong pháp ác, thâm tâm chán lìa, chỉ vui tu thiện hạnh. Ở trong thiện hạnh, thâm tâm vui thích.

Phương tiện tương ứng giới: chư Bồ-tát nương bốn niếp sự, thân ngũ ý nghiệp thiện hằng triển chuyển tương tục đối với các hữu tình.

5. Thiện sĩ giới của Bồ-tát: Lược có 5 chủng:

1. Chư Bồ-tát tự đầy đủ giới; 2. Khuyên người thọ giới; 3. Xưng khen công đức của giới; 4. Thấy bậc đồng pháp, thâm tâm hoan hỷ; 5. Giả sử có hủy phạm, như pháp hồi trừ.

6. Tất cả chủng giới của Bồ-tát: Nên biết giới đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng giới: 1. Giới hồi hướng, vì hồi hướng Đại Bồ-đề; 2. Giới rộng lớn, vì rộng nhiếp tất cả học xứ; 3. Giới xứ hoan hỷ vô tội, vì xa lìa hai biên là dục lạc và tự khổ hạnh; 4. Giới thường hằng, vì tận thọ mạng cũng không xả bỏ sở học giới đã thọ; 5. Giới bền chắc, vì tất cả lợi dưỡng cung kính, các luận khác, các tùy phiền não căn bản, tất cả không thể khuất phục, không thể dẫn đoạt; 6. Giới tương ưng vật trang nghiêm, vì đầy đủ tất cả giới trang nghiêm (Giới trang nghiêm như *Thanh văn địa* đã thuyết).

Bảy chủng giới: 1. Giới ngừng dứt, vì xa lìa tất cả việc giết hại...; 2. Giới chuyển làm, vì nhiếp tất cả thiện, vì nhiều ích hữu tình; 3. Giới phòng hộ, vì hộ trì giới ngừng dứt và giới chuyển làm; 4. Giới

dị thực tướng Đại sĩ; 5. Giới dị thực tăng thượng tâm; 6. Giới dị thực hướng đến khả ái; 7. Giới dị thực lợi ích hữu tình.

7. Thỏa mãn mong cầu giới của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng. Đó là chư Bồ-tát tự tư duy chân thật: “Ta mong cầu kia đối với ta chớ đoạn mạng, không cho mà lấy, tà hạnh uế dục, nói lời hư vọng, lời ly gián, lời xấu ác, lời thêu dệt, cũng không cầm các vật nguy hiểm để gia hại ta. Ta mong cầu như vậy rồi, nếu người làm trái lại, khiến ta không thỏa mãn mong cầu, ý ta không vui. Như ta, người kia cũng mong cầu như vậy: ta chớ đối với kia hiện hành đoạn mạng, nói rộng cho đến cầm vật nguy hiểm gia hại người. Kia mong cầu vậy rồi, nếu ta làm trái lại, kia không thỏa mãn mong cầu, ý kia không vui. Vậy thì ta thực hiện việc ấy làm gì?”. Bồ-tát tư duy quán xét sâu xa như vậy, biết nhân duyên thân mạng rất khó được, cũng không đối với người hiện hành tám chủng sự không thỏa mãn mong cầu, không vui ý như vậy. Tám chủng như vậy gọi là tám chủng thỏa mãn mong cầu giới của Bồ-tát.

8. Đời này đời khác vui giới của Bồ-tát:

Lược có 9 chủng. Chư Bồ-tát vì các hữu tình, đối với người nên ngăn chặn, thì chân chánh ngăn chặn; đối với người nên khai dẫn, thì chân chánh thuận khai dẫn; đối với người nên nhiếp thọ, thì chân chánh nhiếp thọ; đối với người nên điều phục, thì chân chánh điều phục. Hai nghiệp thân, ngữ của Bồ-tát thường triển chuyển thành tịnh. Đây là bốn chủng tịnh giới. Lại có tịnh giới đồng hành Bồ-thí, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tức là năm chủng. Gom chung lại là chín chủng tịnh giới.

Bồ-tát sở hữu tịnh giới như vậy, năng khiến mình, người đều được an lạc ở hiện pháp và hậu pháp. Cho nên gọi là đời này đời khác an vui giới của Bồ-tát.

9. Thanh tịnh giới của Bồ-tát: Lược có 10 chủng: 1. Giới khéo thọ, chỉ vì ba Bồ-đề của Sa-môn, chẳng phải vì mạng sống; 2. Giới không quá chìm, vì lúc phạm, xa lìa yếu hèn, sanh ăn năn hổ thẹn. Giới không quá cao, vì lúc phạm, xa lìa phi xử, sanh ăn năn hổ thẹn; 3. Giới xa lìa giải đãi, vì

không đắm trước ở nơi vui ngủ nghỉ, vui dựa vui nằm, vì đêm ngày siêng tu các thiện pháp; 4. Giới do xa lìa các phóng dật nhiếp thọ, vì tu tập năm điều không phóng dật như trước đã nói; 5. Giới chánh nguyện, vì xa lìa tham lam lợi dưỡng cung kính, vì không nguyện sanh cõi trời mà tự mình vui tu phạm hạnh; 6. Giới do đầy đủ quỹ tắc nhiếp thọ, vì ứng dụng mọi việc đều phù hợp với oai nghi, gia hạnh thiện pháp vi diệu viên mãn, hiện hành thân, ngữ chân chánh như pháp; 7. Giới do đầy đủ tịnh mạng nhiếp thọ, vì xa lìa kiêu mạn, dối trá... tất cả pháp tà mạng lỗi lầm; 8. Giới lìa hai biên, vì xa lìa pháp hai biên là thọ dụng dục lạc và tự khổ hạnh; 9. Giới xuất ly hẳn, vì xa lìa tất cả kiến chấp của ngoại đạo; 10. Giới ở nơi sở học trước đã thọ không làm tổn thất, vì không khuyết giảm, vì không phá hoại ở nơi tịnh giới Bồ-tát đã thọ. Mười chủng như vậy gọi là thanh tịnh giới của Bồ-tát.

Như vậy, Đại tạng Giới của Bồ-tát năng khiến ở đương lai sanh khởi quả Đại Bồ-đề. Tức vì nương đây, Bồ-tát viên mãn Tịnh giới Ba-la-mật-đa, hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Cho đến chưa chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nương vô lượng

tạng giới Bồ-tát đây chánh siêng tu tập, thường năng thành tựu năm chủng lợi ích thù thắng: 1. Thường được mười phương chư Phật hộ niệm; 2. Lúc sắp xả thân mạng trụ hoan hỷ rộng lớn; 3. Thân đã hoại, về sau sanh ở chốn nào, thường sanh đồng phận trong chúng các Bồ-tát tịnh giới hoặc bằng hoặc hơn, làm bạn đồng pháp, làm thiện tri thức; 4. Thành tựu vô lượng tạng công đức rộng lớn, năng viên mãn Tịnh giới Ba-la-mật-đa; 5. Hiện pháp, hậu pháp thường thành tựu tự tánh tịnh giới, giới thành tánh.

Như vậy đã thuyết tất cả chín chủng giới: tự tánh giới... nên biết nhiếp thuộc ba chủng tịnh giới là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Như vậy ba chủng tịnh giới Bồ-tát nói tóm lại là ba việc làm của Bồ-tát: luật nghi giới năng an trụ nơi tâm; nhiếp thiện pháp giới năng tự mình thành thực Phật pháp; nhiều ích hữu tình giới năng thành thực hữu tình.

Như vậy tổng nhiếp hết thấy việc nên làm của Bồ-tát, đó là muốn khiến hiện pháp lạc trú an trụ nơi tâm, thân tâm không mỗi một thành thực Phật pháp, thành thực hữu tình. Tóm lại, tịnh giới

Bồ-tát là vậy, thắng lợi tịnh giới là vậy, sở tác tịnh giới là vậy, ngoài đây ra trọn không có tịnh giới nào vượt quá tịnh giới đã nói trên. Ở trong đây, quá khứ Bồ-tát cầu Đại Bồ-đề đã học như vậy, vị lai Bồ-tát cầu Đại Bồ-đề sẽ học như vậy, hiện tại Bồ-tát khắp mười phương vô lượng vô biên vô tế trong các thế giới cầu Đại Bồ-đề đang học như vậy.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 11. AN NHÃN

Sao gọi là An nhĩn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
 Ôt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
 Tất cả môn, thiện sĩ
 Tất cả chủng, toại cầu
 Hai đời vui, thanh tịnh
 Chín chủng tướng như vậy
 Đây lược nói An nhĩn.*

Có chín chủng tướng an nhãn gọi là An nhãn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh nhãn; **2.** Tất cả nhãn; **3.** Khó hành nhãn; **4.** Tất cả môn nhãn; **5.** Thiện sĩ nhãn; **6.** Tất cả chủng nhãn; **7.** Thỏa mãn mong cầu nhãn; **8.** Đời này đời khác an vui nhãn; **9.** Thanh tịnh nhãn.

1. Tự tánh nhãn của Bồ-tát: Chư Bồ-tát hoặc do lực tư duy phân tích làm chỗ nương tựa, hoặc do tự tánh kham nhẫn tất cả oán hại, nên rộng khắp tất cả đều năng kham nhẫn. Do tâm vô nhiễm thuần từ mãn, nên năng kham nhẫn. Đây lược nói tự tánh nhãn của Bồ-tát.

2. Tất cả nhãn của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Nương nhãn của phẩm tại gia; 2. Nương nhãn của phẩm xuất gia. Hai chủng nhãn đây, mỗi chủng lại có 3 loại: a. Nhẫn chịu người oán hại; b. Nhẫn an thọ các khổ; c. Nhẫn thắng giải tư duy pháp.

a. Sao gọi là nhẫn chịu người oán hại của Bồ-tát? Chư Bồ-tát trường thời sanh khởi chủng chủng mạnh mẽ không gián đoạn, hiện tiền chịu các khổ do người oán hại, phải học như vậy: “Như đây là lỗi

nghiệp của bản thân ta do đời trước gây tạo chủng chủng nghiệp bất tịnh, nên nay thọ chủng chủng quả khổ như vậy. Nay ta nếu không thể nhẫn chịu ở nơi khổ không nghĩa lợi này, thì đây lại là nhân thống khổ ở đời vị lai. Nếu ta ở nơi nhân khổ lớn đây mà tùy thuận chuyển theo, tức tự mình làm điều không đáng yêu thích, tức tự mình sanh kết phước, tức tự mình gây thêm oán hại, chẳng phải do nơi người. Lại sở hữu các hành của thân ta, thân người, tất cả đều dụng tánh khổ làm thể. Vì kẻ kia không biết nên ở nơi thể tánh khổ của thân ta đây, càng gây tạo khiến tăng thêm khổ. Ta đã biết thể, có gì ở nơi thể tánh khổ của thân kia mà gây tạo gia thêm khổ? Lại, các Thanh văn phần nhiều chỉ tu hành nghĩa tự lợi, mà còn chẳng khởi không nhẫn chịu các khổ của mình, của người. Huống chi nay ta đang vì siêng năng tu hành nghĩa lợi người, mà lại chẳng thể nhẫn ư?”. Bồ-tát chánh tư duy phân tích như vậy rồi, siêng tu năm tướng, đối với người oán, người thân, phẩm kém, bằng, hơn; đối với các hữu tình có vui, có khổ, có đức, có lỗi, đều năng an nhẫn tất cả các khổ oán hại.

Sao gọi là năm tướng? 1. Tướng thân đời trước

thân thiện; 2. Tướng tùy thuận chỉ có pháp; 3. Tướng vô thường; 4. Tướng khổ; 5. Tướng nhiếp thọ.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tập tướng thân đời trước thân thiện? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Chẳng phải dễ có được chút phần hữu tình trải qua nhiều đời vẫn xoay trong các sanh thân khác nhau, mà chưa từng là cha mẹ, anh em, chị em, thân giáo, quý phạm và những bậc đồng hàng đáng tôn trọng”. Chánh tư duy như lý như vậy, nên đối với các hữu tình có oán hại, xả tướng oán ghét, trụ tướng thân thiện. Nương tướng thân thiện đây, đối với các oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tập tướng tùy thuận chỉ có pháp? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Nương tựa các duyên chỉ là hành, chỉ là pháp. Trong đây đều không có ngã, hữu tình, mạng, sanh; cũng không kẻ mắng, kẻ sân, kẻ đánh, kẻ khinh, kẻ trách; cũng không người bị mắng, người bị sân, người bị đánh, người bị khinh, người bị trách”. Chánh tư duy như lý như vậy, nên đối với hữu tình có oán hại, xả tướng hữu tình, trụ tướng chỉ có pháp. Nương tướng chỉ có

pháp đây, đối với các hữu tình có oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tướng vô thường? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Các hữu tình hoặc sanh hoặc trưởng, tất cả đều vô thường, đều là pháp chết. Kẻ cực báo oán, đó là kẻ đoạn mạng người, là các hữu tình luôn nghĩ đến đoạn mạng người. Duyên nào khiến bậc trí giả muốn đoạn lại? Như vậy các hữu tình trên là pháp sanh tử tánh vô thường, bậc trí giả còn chẳng nên khởi tâm nhiễm ô, hướng chi lại dùng tay, vật, gậy gia hại, cùng tất cả cách thức để đoạn mạng người”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, xả tướng thường bền chắc, an trụ tướng vô thường không bền chắc. Nương tướng vô thường đây, đối với các hữu tình oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tập tướng khổ? Chư Bồ-tát nên quán như vậy: “Các hữu tình rất hưng thịnh còn luôn bị ba thứ khổ vây quanh theo đuổi, đó là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Hướng là các hữu tình đang ở chỗ suy tổn”. Như lý quán rồi, nên học như vậy: “Ta nay đối với các hữu tình thường bị các khổ vây

quanh như thế, nên siêng phương tiện khiến họ lìa khổ, không nên khiến họ tăng thêm khổ”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, nên đoạn diệt tướng vui, sanh khởi tướng khổ. Nương tướng khổ đây, đối với các hữu tình oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

– Sao gọi là Bồ-tát đối với hữu tình có oán hại, tu tướng nhiếp thọ? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Ta vì tất cả hữu tình phát tâm Bồ-đề, nhiếp thọ tất cả hữu tình làm quyến thuộc, ta nên vì họ mà làm các việc có nghĩa lợi. Ta nay không được đối với hữu tình muốn làm nghĩa lợi cho họ, mà lại không nhẫn được oán hại của họ, ngược lại gây tạo việc không nghĩa lợi đối với kia”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, nên đối với các hữu tình có oán hại diệt trừ tướng kia, trụ tướng nhiếp thọ. Nương tướng nhiếp thọ đây, đối với các oán hại thấy đều năng kham nhẫn.

Sao gọi là nhẫn? Tự mình không dùng dùng nổi giận, không báo oán lại người, cũng không có tùy miên trôi chảy tương tục, cho nên gọi là nhẫn.

Như vậy gọi là Bồ-tát nhẫn chịu đối với các hữu tình có oán hại.

b. Sao gọi là nhân an thọ các khổ của Bồ-tát? Chư Bồ-tát nên học như vậy: “Từ xưa đến nay ta nương dục hành chuyển, thường cầu các dục, ý theo đó suy xét chọn lựa. Đó là nhân các khổ, truy cầu chủng chủng tánh khổ của các dục. Trong lúc truy cầu, như là theo đuổi chủng chủng công việc làm nông, vua quan... ta nhân thọ vô lượng khổ mạnh mẽ. Việc truy cầu các khổ vô nghĩa như vậy khiến ta chịu đủ chủng chủng khổ lớn, tất cả như thế đều do lỗi lầm của không trí suy xét gây ra. Ta nay vì cầu an lạc, năng dẫn phẩm thiện thù thắng hơn cả, vẫn phải nên tư trạch nhân thọ trăm ngàn muôn muôn ức khổ lớn, hưởng chi chút khổ nhỏ mà không nhân thọ được sao!”. Chánh tư duy như lý như vậy rồi, vì cầu Đại Bồ-đề nên đều năng nhân thọ tất cả việc khổ.

Sao gọi là tất cả việc khổ? Lược có tám chủng:

1. Khổ ở nơi nương tựa; 2. Khổ ở nơi pháp thế gian; 3. Khổ ở nơi oai nghi; 4. Khổ ở nơi nhiếp pháp; 5. Khổ ở nơi hành khát; 6. Khổ ở nơi lao nhọc vất vả; 7. Khổ ở nơi lợi tha; 8. Khổ ở nơi việc làm.

Khổ ở nơi nương tựa tức là nương bốn thứ: y phục, thức uống ăn, ngọa cụ, thuốc trị bệnh và các

tạp vật nuôi thân. Do nương đây, xuất gia thọ giới Cụ túc trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, thành bốn phận Bí-sô. Bồ-tát đối với đây, nếu được đẹp xấu, ít ỏi, chậm trễ, khinh miệt bất kính mà không sanh ưu buồn, chẳng do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi nương tựa của Bồ-tát.

Khổ ở nơi pháp thế gian lược có chín chủng: 1. Suy; 2. Hủy; 3. Chê; 4. Khổ; 5. Hoại, pháp hoại; 6. Tận, pháp tận; 7. Lão, pháp lão; 8. Bệnh, pháp bệnh; 9. Chết, pháp chết. Pháp thế gian như vậy hoặc chung hoặc riêng, hiện tiền gặp gỡ nhóm họp năng sanh các thứ khổ. Đây gọi là khổ ở nơi pháp thế gian. Bồ-tát xúc chạm các khổ như vậy, trạch nhẫn thọ, chẳng do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi pháp thế gian của Bồ-tát.

Khổ ở nơi oai nghi tức là bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Đêm ngày hằng thời, Bồ-tát trong ấy hoặc đi hoặc ngồi, từ pháp thuận chướng trong lòng tịnh tu, trọn không phi thời mê đắm nằm trên giường, trên cỏ lá. Bồ-tát ở nơi bệnh tật phát sanh khổ thấy đều nhẫn thọ, không do duyên đây

mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhân an thọ khổ ở nơi oai nghi của Bồ-tát.

Khổ ở nơi nhiếp pháp lược có bảy chủng: 1. Thừa sự cúng dường Tam Bảo; 2. Hầu hạ phụng sự bậc tôn trưởng; 3. Thừa hỏi thọ học chánh pháp; 4. Đã thừa hỏi thọ học rồi, phải rộng vì người thuyết; 5. Dùng âm thanh lớn đọc tụng; 6. Một mình riêng ở chốn không nhân, quán sát xưng lượng, tư duy không điên đảo; 7. Tu tập Du-già, tác ý nhiếp lấy hoặc Chỉ, hoặc Quán. Bồ-tát dùng mãnh lao nhọc thực hành nơi bảy chủng nhiếp pháp như vậy, nên các khổ phát sanh thấy đều nhân thọ, không do duyên đây mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhân an thọ khổ ở nơi nhiếp pháp của Bồ-tát.

Khổ ở nơi hành khất lược có bảy chủng: 1. Tự phát thệ thay đổi hình hài, cạo bỏ râu tóc, xả bỏ các tướng tốt thế tục; 2. Tự thệ từ bỏ hình sắc, vì thọ trì y hoại sắc; 3. Đi đứng, nói làm đều không mặc tình phóng túng. Tất cả đi đứng, du hành trong thế gian tự nhiếp thận trọng; 4. Nương người để tồn tại mạng sống, xả bỏ sự nghiệp thế gian, vì dùng những vật có được từ người để tồn tại; 5.

Trọn đời từ người khát cầu các thứ vật dụng để nuôi thân, không thọ dùng tài bảo thu được phi pháp, các vật tích trữ lâu; 6. Trọn đời ngăn dứt các dục thế gian, vì xa lìa pháp dâm dục phi phạm hạnh; 7. Trọn đời ngăn dứt xa lìa vui chơi, xem nghe ca nhạc, nhảy múa, diễn tuồng của thế gian, cùng xa lìa bạn hữu đồng tuổi vui chơi nhảy nhót. Hết thấy việc như vậy, chỗ có khó khăn vất vả do hạnh khát cầu phát sanh các thứ khổ, Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi hành khát của Bồ-tát.

Khổ ở nơi lao nhọc vất vả: chư Bồ-tát siêng tu thiện pháp là nhân duyên khiến phát sanh chủng chủng mệt mỏi, buồn bã quấy nhiễu. Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ lao nhọc vất vả của Bồ-tát.

Khổ ở nơi việc lợi tha: chư Bồ-tát tu tập 11 loại nghiệp lợi ích hữu tình nên biết như trước, do đây phát sanh chủng chủng ưu khổ. Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn thọ khổ

ở nơi việc lợi tha của Bồ-tát.

Khổ ở nơi việc làm: chư Bồ-tát nếu là người xuất gia thì có các nghiệp y, bát...; nếu là người tại gia thì có sự nghiệp buôn bán, làm nông, vua quan... không điên đảo, do đây phát sanh chủng chủng khổ cực. Bồ-tát đều năng nhẫn thọ tất cả, không do duyên đây mà sanh giải đãi phế bỏ tinh tấn. Như vậy gọi là nhẫn an thọ khổ ở nơi việc làm của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát tuy xúc chạm các thứ khổ, mà đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề chưa chánh siêng tu tập, thì chánh siêng tu tập; đã chánh siêng tu tập, năng không thối chuyển; thường siêng tu tập, ý không đổi dời, tâm không tạp nhiễm. Đây gọi là an nhẫn lãnh thọ các thứ khổ của Bồ-tát.

c. Sao gọi là nhẫn thắng giải tư duy pháp của Bồ-tát? Chư Bồ-tát năng chánh tư duy phân tích tất cả pháp. Do khéo quán sát nên được tuệ hiểu biết thù thắng, năng ở nơi tám chủng xứ sanh khởi thắng giải, khéo an trụ thắng giải.

Sao gọi là tám chủng xứ sanh khởi thắng giải?

1. Xứ công đức Tam Bảo; 2. Xứ chân thật nghĩa; 3. Xứ đại thần lực của chư Phật, Bồ-tát; 4. Xứ nhân;

5. Xứ quả; 6. Xứ nghĩa nên đắc; 7. Xứ tự mình ở nơi nghĩa kia được phương tiện; 8. Xứ nên hành của tất cả sở tri.

Lại thắng giải đây do hai nhân duyên, ở nơi các xứ kia năng khéo an lập: 1. Vì trường thời xuyên suốt tu tập; 2. Vì chứng trí thiện tịnh. Đây gọi là nhân thắng giải tư duy pháp của Bồ-tát.

Như vậy, vì tất cả nhân của hai phẩm xuất gia Bồ-tát và tại gia Bồ-tát đây, nên biết hiển thị rộng các tướng khó hành nhân sai biệt của Bồ-tát.

3. Khó hành nhân của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Đối với các hữu tình yếu kém, làm những việc không nhiều ích, Bồ-tát năng nhẫn thọ. Đây gọi là khó hành nhân thứ nhất.

Hoặc chư Bồ-tát ở địa vị tôn quý, đối với các hữu tình thấp hơn mình làm những việc không nhiều ích, vẫn kham năng nhẫn thọ. Đây gọi là khó hành nhân thứ hai.

Hoặc chư Bồ-tát đối với hữu tình chủng tánh ti tiện, làm những việc không nhiều ích tăng thượng, mà vẫn kham năng nhẫn thọ. Đây gọi là

khó hành nhẫn thứ ba.

4. Tất cả môn nhẫn của Bồ-tát: Lược có 4 chủng. Đó là chư Bồ-tát đối với người thân làm việc không nhiều ích; đối với người oán làm việc không nhiều ích; đối với người không oán không thân làm việc không nhiều ích, thấy đều năng kham nhẫn. Đối với ba hạng người kia, phẩm hạ liệt, trung bình, thù thắng, gây tạo những hành động không nhiều ích bậc thượng, đều năng kham nhẫn.

5. Thiện sĩ nhẫn của Bồ-tát: Lược có 5 chủng. Đó là chư Bồ-tát trước ở nơi nhẫn đây quán thấy những lợi ích thù thắng: “Nếu bồ-đặc-già-la nào năng kham nhẫn, ở đời vị lai không nhiều oán địch, không nhiều những sự chống trái chia rẽ, được nhiều hỷ lạc, lúc lâm chung không hối hận, sau khi thân hoại sẽ sanh trong đường thiện của cõi trời”. Vì thấy được lợi ích thù thắng đây, nên tự mình năng kham nhẫn, lại khuyến khích người hành trì nhẫn, khen ngợi công đức của nhẫn. Thấy chúng sanh năng hành nhẫn, Bồ-tát ý vui mừng an ủi khích lệ.

6. Tất cả chủng nhân của Bồ-tát: Nhân đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng nhân: 1. Chư Bồ-tát rõ biết nếu không nhân sẽ cảm quả dị thực không đáng yêu thích, vì tránh điều đó nên siêng năng tu hành nhân; 2. Đối với các hữu tình có tâm thương xót, có tâm bi mẫn, có tâm thân yêu, vì muốn thân thiện nên siêng tu hạnh nhân; 3. Đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì vui muốn mạnh mẽ, vì viên mãn An nhân Ba-la-mật-đa, do nhân duyên đây nên siêng tu hạnh nhân. Như đức Thế Tôn dạy: “Phàm người xuất gia phải đủ lực an nhân”. Do nhân duyên đây, không nên đã xuất gia thọ Cụ túc giới mà không hành trì an nhân; 4. Do đã lãnh thọ pháp, nên siêng tu hạnh nhân; 5. Chủng tánh đầy đủ, trước kia đã từng xuyên suốt tu tập hạnh nhân. Nay ở hiện tại an trụ tự tánh nhân, nên năng tu hạnh nhân; 6. Biết rõ tất cả pháp xa lìa hữu tình, duy thấy tất cả pháp tánh không hý luận. Vì quán sát pháp sâu chắc, nên năng tu hạnh nhân.

Bảy chủng nhân: 1. Đối với tất cả việc làm không nhiều ích đều nhân, thực hành theo tất cả nhân; 2. Nhân tất cả chỗ, đó là những nơi ẩn

khuất hay trước đại chúng, đều năng tu nhẫn; 3. Nhẫn tất cả thời, đó là hoặc phần đầu ngày, hoặc phần giữa ngày, hoặc phần cuối ngày; hoặc đêm hoặc ngày, hoặc quá khứ, hiện tại, vị lai, đều năng tu an nhẫn; 4. Hoặc bệnh, không bệnh, hoặc ngủ, hoặc thức, đều năng tu an nhẫn; 5. Do thân hành nhẫn, nên không đánh đấm; 6. Do ngữ hành nhẫn, nên không nói những lời không khả ái; 7. Do ý hành nhẫn nên không phát giận dữ, không gìn giữ ý vui xấu ác.

7. Thỏa mãn mong cầu nhẫn của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng: 1. Đối với người có khổ đến cầu xin, yêu sách, làm điều tệ ác bức bách, Bồ-tát năng an nhẫn; 2. Đối với các hữu tình ác nghiệp rất hung bạo bậc thượng, Bồ-tát nương pháp đại bi, an nhẫn không làm tổn não; 3. Đối với người xuất gia phạm giới, Bồ-tát nương pháp đại bi, an nhẫn không làm tổn não.

Lại có 5 chủng nhẫn chịu khổ nhọc: 1. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu khiến trừ các khổ của hữu tình; 2. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu để cầu pháp; 3. Chỗ có

khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu tùy pháp hành pháp; 4. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu đem pháp ấy vì người rộng thuyết; 5. Chỗ có khổ nhọc phát khởi do năng kham chịu làm trợ bạn đối với các sự nghiệp công việc của hữu tình.

Tám chủng như vậy gọi là thỏa mãn mong cầu nhân, đối với hữu tình gây tổn não, do nhân nên lia; đối với hữu tình có sự mong cầu, do nhân nên cho. Đây gọi là thỏa mãn mong cầu nhân.

8. Đời này đời khác vui nhân của Bồ-tát:

Lược có 9 chủng: 1. Chư Bồ-tát an trụ không phóng dật; 2. Đối với các thiện pháp thấy đều năng kham nhẫn; 3. Đối với nóng lạnh thấy đều năng kham nhẫn; 4. Đối với đói khát thấy đều năng kham nhẫn; 5. Đối với muỗi mòng cắn đốt thấy đều năng kham nhẫn; 6. Đối với nắng gió thấy đều năng kham nhẫn; 7. Đối với bò cạp, rắn độc cắn đốt... thấy đều năng kham nhẫn; 8. Đối với các việc làm nặng nhọc khiến thân tâm mỗi mệt bức não thấy đều năng kham nhẫn; 9. Đối với các hữu tình đọa trong các khổ sanh, lão, bệnh, tử... của sanh tử,

hiện tiền ai mãi xót thương mà tu hạnh nhẫn.

Bồ-tát năng tu hạnh nhẫn như vậy, năng khiến thân mình ở trong hiện đời an trụ an lạc, không bị tất cả pháp ác bất thiện xâm hại tạp loạn, năng dẫn nhân duyên an lạc ở đời sau, cũng năng khiến người tu hành chủng chủng chánh hạnh an lạc hiện pháp hậu pháp. Đây gọi là đời này đời khác vui nhẫn của Bồ-tát.

9. Thanh tịnh nhẫn của Bồ-tát: Lược có 10 chủng. Chư Bồ-tát khi gặp người làm việc không lợi ích: 1. Không gây tổn não trái nghịch; 2. Không phản trả; 3. Không ý giận dữ; 4. Không oán hiềm; 5. Thường hiện tiền ý vui tương tục muốn làm lợi ích an lạc cho kia, trước sau không thay đổi, không chỉ làm một việc lợi ích rồi xả không làm nhiều ích nữa; 6. Đối với người có oán tự đến ăn năn tạ lỗi, không khiến người sanh buồn não mệt mỏi rồi về sau mới nhận tạ lỗi; 7. Ngại kia mới mệt chán ngán, nên vừa tạ lỗi liền nhận; 8. Đối với việc không thể nhẫn, tự sanh tâm quý mãnh liệt tăng thượng, nương nơi kham nhẫn; 9. Đối với Đại sư, thành tựu quý kính mãnh liệt tăng thượng; 10. Vì

nương không tổn não các hữu tình, nên thành tự ai mãi yêu quý mãnh liệt của các hữu tình. Vì tất cả pháp không nhẫn, kể cả pháp trợ bạn đều được đoạn trừ, nên ly dục Dục giới.

Do mười tướng đây, nên biết được sự tu hành nhẫn của Bồ-tát thanh tịnh vô cấu. Nên biết trong đây, từ tự tánh nhẫn ban đầu cho đến thanh tịnh nhẫn cuối cùng, năng sanh quả Đại Bồ-đề rộng lớn vô lượng. Chư Bồ-tát lấy nhẫn đây làm chỗ nương, năng viên mãn An nhẫn Ba-la-mật-đa, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 12. TINH TẤN

Sao gọi là Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
Tất cả môn, thiện sĩ
Tất cả chủng, toại cầu*

*Hai đời vui, thanh tịnh
Chín chủng tướng như vậy
Đây lược nói Tinh tấn.*

Có chín chủng tướng tinh tấn gọi là Tinh tấn Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh tinh tấn; **2.** Tất cả tinh tấn; **3.** Khó hành tinh tấn; **4.** Tất cả môn tinh tấn; **5.** Thiện sĩ tinh tấn; **6.** Tất cả chủng tinh tấn; **7.** Thỏa mãn mong cầu tinh tấn; **8.** Đời này đời khác vui tinh tấn; **9.** Thanh tịnh tinh tấn.

1. Tự tánh tinh tấn của Bồ-tát: Chư Bồ-tát nơi tâm dũng mãnh, kham năng nhiếp thọ vô lượng thiện pháp, làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình, mạnh mẽ không gián đoạn, không diên đảo đồng hành với chỗ khởi dụng của thân, ngữ, ý. Đây gọi là tự tánh tinh tấn của sở hành Bồ-tát.

2. Tất cả tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Nương tinh tấn của phẩm tại gia; 2. Nương tinh tấn của phẩm xuất gia. Nên biết hai chủng tinh tấn đây, mỗi chủng lại có ba loại: **a.** Mặc giáp tinh tấn; **b.** Tinh tấn nhiếp thiện pháp; **c.** Tinh tấn nhiều ích hữu tình.

a. Sao gọi là mặc giáp tinh tấn của Bồ-tát? Chư Bồ-tát đã phát gia hạnh tinh tấn làm đầu, tâm dũng mãnh, trước mặc giáp thế nguyẹn: “Nếu ta vì giải thoát khổ cho một hữu tình, dầu dùng ngàn đại kiếp bằng một ngày đêm ở địa ngục, chẳng phải ở cõi nào khác, cho đến trải qua thời gian như vậy để chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, giả sử có vượt qua trăm ngàn bội số muôn muôn ức thời lượng kiếp số đây đi nữa mới chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, nhưng sự dũng mãnh của ta cũng không thối khuất. Ta đối với việc cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không phải chẳng tiến đến. Đã tiến đến rồi, siêng năng dũng mãnh không lười biếng giải đãi. Hướng chi trải qua thời gian khổ ngắn”. Đây gọi là mặc giáp tinh tấn của Bồ-tát.

Nếu có Bồ-tát ở nơi tương mặc giáp tinh tấn của Bồ-tát như vậy mà ít khởi thắng giải, ít sanh tịnh tín, hãy còn trưởng dưỡng tánh Đại Bồ-đề vô lượng dũng mãnh phát siêng tinh tấn. Hướng chi Bồ-tát thành tựu mặc giáp tinh tấn như vậy.

Bồ-tát như vậy vì cầu Đại Bồ-đề nhiều ích hữu tình, không có chút việc khó hành nào mà sanh

tâm khó và phát khởi sợ hãi khiếp nhược.

b. Sao gọi là tinh tấn nhiếp thiện pháp của Bồ-tát? Chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng là gia hạnh của Bồ thí, Trì giới, An nhẫn, Tinh tấn, Tĩnh lự, Trí tuệ Ba-la-mật-đa, cùng năng thành tựu tất cả gia hạnh này.

Nên biết đây lược có 7 chủng: 1. Tinh tấn không lay động, vì phân biệt tất cả, phân biệt chủng chủng căn bản phiền não, chút phần phiền não, tất cả luận khác, tất cả khổ xúc chạm... đều không thể lay động; 2. Tinh tấn kiên cố, vì gia hạnh ân trọng; 3. Tinh tấn vô lượng, vì năng hiện chứng đắc tất cả minh xứ; 4. Tinh tấn phương tiện tương ưng, vì đắc nghĩa đạo không điên đảo, vì tùy thuận mà hành, bình đẳng thông đạt; 5. Tinh tấn không điên đảo, vì chứng đắc “Dục” năng dẫn nghĩa lợi, xứng hợp sở dẫn nghĩa nguyện; 6. Tinh tấn hằng thời, vì gia hạnh không gián đoạn; 7. Tinh tấn xa lìa kiêu mạn, vì siêng năng tinh tấn, xa lìa cao cử.

Bảy chủng tinh tấn nhiếp thiện pháp đây nếu siêng năng gia hạnh khiến chư Bồ-tát nhanh chóng viên mãn Ba-la-mật-đa, mau chứng Vô thượng Chánh

đẳng Bồ-đề. Do tinh tấn đây dụng tất cả thiện pháp làm nhân duyên tối thắng năng tu chứng, năng thành tựu Bồ-đề, ngoài đây ra thì không thể thành tựu. Cho nên Như Lai dùng chùng chùng môn xưng khen tinh tấn năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

c. *Sao gọi là tinh tấn nhiều ích hữu tình của Bồ-tát?* Lược có 11 chùng, như trong phẩm Trì giới đã nói ở trước. Kia nói về giới, đây nói về tinh tấn, nên biết gọi là sự khác nhau của trì giới và tinh tấn.

3. Khó hành tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 3 chùng:

Nếu chư Bồ-tát không gián đoạn xa lìa các tướng y phục, tướng ăn uống, tướng ngọa cụ và tướng thân mình; không gián đoạn tu tập các thiện pháp, chưa từng giải đãi phế bỏ. Đây gọi là khó hành tinh tấn thứ nhất.

Nếu chư Bồ-tát tinh tấn như vậy, ở mọi thời từng không giải đãi phế bỏ tất cả chúng đồng phạm. Đây gọi là khó hành tinh tấn thứ hai.

Nếu chư Bồ-tát thông đạt công đức bình đẳng

không chậm chạp, không gấp rút, không điên đảo, năng dẫn nghĩa lợi thành tựu tinh tấn. Đây gọi là khó hành tinh tấn thứ ba.

Như vậy, lực khó hành tinh tấn của Bồ-tát nên biết tức do duyên bi mãn hữu tình cùng với nhân của Bát-nhã năng nhiếp.

4. Tất cả môn tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 4 chủng:

Tinh tấn xa lìa pháp nhiễm: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng khiến tất cả kiết phược, tùy miên, tùy phiền não triền chưa sanh chẳng sanh, đã sanh được đoạn diệt.

Tinh tấn dẫn phát pháp bạch: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn khiến tất cả thiện pháp chưa sanh được sanh, đã sanh được trụ, được không quên mất, được tăng trưởng rộng lớn.

Tinh tấn tịnh trừ nghiệp: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng khiến ba nghiệp đều thanh tịnh, năng điều phục thân, ngữ, ý nghiệp trở nên diệu khéo.

Tinh tấn tăng trưởng trí: chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng tích tập, năng tăng trưởng tuệ văn, tư, tu.

5. Thiện sĩ tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 5 chủng: 1. Tinh tấn không xả bỏ, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn không xả bỏ tất cả dục gia hạnh; 2. Tinh tấn không thối giảm, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn như điều trước đã thâm nhận lãnh thọ hoặc bằng hoặc hơn, phát siêng tinh tấn theo đó trưởng dưỡng; 3. Tinh tấn không hạ liệt, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn dũng mãnh mạnh mẽ trường thời không gián đoạn, tinh cần nỗ lực, tâm không khiếm nhược, không thối lui khuất phục; 4. Tinh tấn không điên đảo, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng dẫn nghĩa lợi, được sự nhiếp giữ của phương tiện thiện xảo; 5. Tinh tấn tinh cần dũng mãnh gia hạnh, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn nhanh chóng tiến đến Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

6. Tất cả chủng tinh tấn của Bồ-tát: Nên biết tinh tấn đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng tinh tấn.

Sáu chủng tinh tấn: 1. Tinh tấn không gián đoạn, vì tất cả thời đều tu gia hạnh; 2. Tinh tấn ân trọng, vì năng tu gia hạnh đầy đủ trọn vẹn; 3. Tinh tấn đẳng lưu, vì lực giữ gìn của nhân đời trước; 4.

Tinh tấn gia hạnh, vì luôn luôn tư trạch chủng chủng phẩm thiện, chân chánh gia hạnh; 5. Tinh tấn không xao động, vì tất cả khổ xúc chạm đều chẳng thể lay động, cũng chẳng khiến thay đổi thành tánh khác; 6. Tinh tấn không vui đủ, vì không vui đủ ở trong chút phần chứng đắc hạ liệt. Bồ-tát vì phát khởi siêng năng tinh tấn nên thành tựu sáu chủng của tất cả chủng tinh tấn như vậy. Do đó nói rằng: “Có thể lực, có siêng năng, có dũng mãnh kiên cố, ở nơi tất cả thiện pháp không xả ách vậy”.

Bảy chủng tinh tấn: 1. Tinh tấn đồng hành với dục khác, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn luôn mãnh liệt mong muốn đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, theo nguyện đây trưởng dưỡng; 2. Tinh tấn tương ứng bình đẳng, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn năng khiến tâm không bị trói buộc, tâm không bị nhiễm ô bởi một trong số phiền não căn bản hay tùy phiền não hiện hành. Do tinh tấn đây, năng khiến Bồ-tát bình đẳng an trụ tu tập tất cả thiện pháp; 3. Tinh tấn thắng tiến, đó là chư Bồ-tát nếu lúc tâm bị nhiễm ô, tâm bị trói buộc theo một trong số phiền não căn bản và tùy phiền não

hiện hành, vì đoạn các phiền não nên tinh tấn đồng mãnh như diệt lửa cháy đầu; 4. Tinh tấn siêng cầu, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn đồng mãnh không hề mỗi một cầu học tất cả minh xứ; 5. Tinh tấn tu học, vì chư Bồ-tát đối với pháp sở học, tùy chỗ thích hợp ở khắp tất cả xứ năng tùy pháp hành pháp; 6. Tinh tấn lợi tha, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn nên biết tướng đây như mười một chủng tướng trước đã nói; 7. Tinh tấn khéo phòng hộ, vì chư Bồ-tát sở hữu tinh tấn khởi chánh gia hạnh khéo tự phòng hộ giữ gìn, nếu phạm như pháp hối trừ.

Mười ba chủng tinh tấn của Bồ-tát như vậy gọi là tất cả chủng tinh tấn.

7 và 8. Phần Thỏa mãn mong cầu tinh tấn của Bồ-tát và Đời này đời khác vui tinh tấn: Nên biết như phần *An nhân* đã nói ở trước, chỉ sai khác ở chỗ: kia nói *kham nhân*, đây nói *dũng mãnh tinh tấn* của Bồ-tát.

9. Thanh tịnh tinh tấn của Bồ-tát: Lược có 10 chủng: 1. Tinh tấn tương ưng; 2. Tinh tấn xuyên

suốt tu tập; 3. Tinh tấn không trì hoãn; 4. Tinh tấn khéo nhiếp; 5. Tinh tấn tu tập đúng thời; 6. Tinh tấn thông đạt các tướng; 7. Tinh tấn không khiếm nhược thối lui; 8. Tinh tấn không xả ách; 9. Tinh tấn bình đẳng; 10. Tinh tấn hồi hướng Đại Bồ-đề.

Hoặc chư Bồ-tát bị các tùy phiền não bức bách, vì muốn đoạn dứt tùy phiền não kia, nên tu tập chủng chủng tướng đối trị tương ưng. Đó là: vì muốn đối trị các tham dục, nên tu tập bất tịnh; vì muốn đối trị sân khuể, nên tu tập từ mẫn; vì muốn đối trị ngu si, nên tu tập quán sát duyên khởi của tánh duyên; vì muốn đối trị các tầm tư, nên tu tập A-na-ba-na niệm; vì muốn đối trị các kiêu mạn, nên tu tập giới sai biệt. Hết thấy loại như vậy gọi là *tinh tấn tương ưng* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát chẳng phải chỉ thành tựu sở hữu tinh tấn ở giai đoạn mới bắt đầu sự nghiệp tu tập. Trong đây, tâm an trụ dạy trao dạy răn chẳng thể không nương gia hạnh xuyên suốt tu tập, gia hạnh tích tập. Cho nên gọi là *tinh tấn xuyên suốt tu tập* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát không chỉ gia hạnh như trên,

mà trong giai đoạn mới tu nghiệp đây còn thêm gia hạnh không trì hoãn, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân trọng. Đây gọi là *trì tấn không trì hoãn* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát từ nơi sư trưởng mà tự mình lắng nghe nhiều, có lực hành trì, không diên đảo chấp thủ, phát khởi siêng tinh tấn trụ tâm như vậy. Đây gọi là *trì tấn khéo nhiếp* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát đã chấp thủ không diên đảo, lúc nên tu chỉ, năng chánh tu chỉ; lúc nên tu cử, năng chánh tu cử; lúc nên tu xả, năng chánh tu xả. Đây gọi là *trì tấn tu tập đúng thời* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát ở nơi chủng chủng tướng chỉ, cử, xả như vậy, năng khéo rõ biết tướng trụ, nhập, xuất, năng không quên mất, năng khéo thông đạt, tu tập không gián đoạn, tu tập ân trọng. Đây gọi là *trì tấn thông đạt các tướng* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nghe thuyết về trì tấn của Bồ-tát, ở nơi chủng chủng pháp tối cực rộng lớn, tối cực thâm sâu không thể nghĩ bàn, không thể so lường mà không tự khinh miệt mình, tâm không khiếp nhược, không trụ nơi chút phần chứng đắc hạ liệt sai khác mà sanh vui đủ không cầu thắng

tiến. Đây gọi là *tinh tấn không khiếp nhược thối lui* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát tùy từng giai đoạn mà mật hộ căn môn, ăn uống biết lượng, đầu đêm cuối đêm thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già, an trụ chánh biết. Đối với loại tư lương đẳng trì như vậy, năng nhiếp thọ triển chuyển, tức đối trong đây, tu tập sung mãn mạnh mẽ. Ở tất cả thời, đối với những điều năng dẫn nhiếp nghĩa lợi không điên đảo, siêng dụng công gia hạnh. Đây gọi là *tinh tấn không xả ách* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát phát siêng tinh tấn không chậm chạp, không vội vàng, chuyển vận bình đẳng song song. Khắp tất cả việc nên làm cũng khéo bình đẳng ân trọng tu làm. Đây gọi là *tinh tấn bình đẳng* của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát hành trì tất cả tinh tấn, không gì chẳng vì hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là *tinh tấn hồi hướng Đại Bồ-đề* của Bồ-tát.

Như vậy, từ tự tánh tinh tấn ban đầu cho đến thanh tịnh tinh tấn sau cùng, Bồ-tát đều vì đặc quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương sở hữu tinh tấn đây

năng viên mãn Tinh tấn Ba-la-mật-đa, năng đối
với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nhanh chóng đã
chứng, sẽ chứng, nay chứng.



Quyển 43

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 13. TĨNH LỰ

Sao gọi là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
Tất cả môn, thiện sĩ
Tất cả chủng, toại cầu
Hai đời vui thanh tịnh
Chín chủng tướng như vậy
Đây lược nói Tĩnh lự.*

Có chín chủng tướng tĩnh lự gọi là Tĩnh lự Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh tĩnh lự; **2.** Tất cả tĩnh lự; **3.** Khó hành tĩnh lự; **4.** Tất cả môn tĩnh lự; **5.** Thiện sĩ tĩnh lự; **6.** Tất cả chủng tĩnh lự; **7.** Thỏa mãn mong cầu tĩnh lự; **8.** Đời này đời khác vui tĩnh lự; **9.** Thanh tịnh tĩnh lự.

1. Tự tánh tĩnh lự của Bồ-tát: Chư Bồ-tát ở nơi tạng Bồ-tát lấy văn, tư làm tiền dẫn, sở hữu

diệu khéo tâm tánh nhất cảnh thế gian và xuất thế gian. Tâm chánh an trụ hoặc phẩm Xa-ma-tha, hoặc phẩm Tỳ-bát-xá-na, hoặc chuyển vận đạo song song thông cả hai phẩm. Nên biết tức là sở hữu tự tánh tinh lự của Bồ-tát.

2. Tất cả tinh lự của Bồ-tát: Lược có 2 chủng:

1. Tinh lự thế gian; 2. Tinh lự xuất thế gian. Nên biết hai chủng đây, tùy chỗ thích hợp lại có ba chủng: **a.** Tinh lự hiện pháp lạc trú; **b.** Tinh lự năng dẫn công đức đẳng trì của Bồ-tát; **c.** Tinh lự nhiều ích hữu tình.

a. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu tinh lự, xa lìa tất cả phân biệt, năng phát sanh thân tâm khinh an, tối cực tịch tĩnh, xa lìa cao cử, xa lìa ái vị, vắng lặng hết thấy tướng. Đây gọi là tinh lự hiện pháp lạc trú của Bồ-tát.

b. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu tinh lự khiến năng dẫn, năng trụ chủng chủng đẳng trì thù thắng không thể nghĩ bàn, không thể so lường, do mười lực chủng tánh nhiếp lấy. Đẳng trì như vậy, tất cả Thanh văn và Độc giác còn không biết tên gọi của kia, huống chi năng nhập.

Hoặc chư Bồ-tát sở hữu tinh lực năng dẫn, năng trụ tất cả giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô ngại giải, vô tránh, nguyện trí của Bồ-tát... và các sở hữu công đức của Thanh văn. Đây gọi là tinh lực năng dẫn công đức đẳng trì của Bồ-tát.

c. Tinh lực nhiều ích hữu tình của Bồ-tát có 11 chủng nên biết như trước: 1. Chư Bồ-tát nương tinh lực năng làm trợ bạn đối với các sự nghiệp dẫn nghĩa lợi của hữu tình; 2. Đối với hữu tình có khổ, năng trừ khổ; 3. Đối với các hữu tình, khéo như lý thuyết; 4. Đối với hữu tình có ân, vì biết ân huệ tức liền báo đáp; 5. Đối với hữu tình đang gặp sợ hãi, năng làm người cứu hộ; 6. Đối với hữu tình gặp sự mất mát người thân, năng cõi giải ưu sầu; 7. Đối với những nơi thiếu thốn, năng thí cho tài vật; 8. Đối với đại chúng, khéo năng lãnh đạo dạy dẫn; 9. Đối với các hữu tình, khéo tùy tâm chuyển; 10. Đối với người có thật đức, tán thán khiến sanh hoan hỷ; 11. Đối với kẻ trái vượt, khéo chân chánh điều phục, biến hiện các thứ thần thông để điều phục, dẫn nhiếp.

Tất cả như vậy gọi chung là tất cả tinh lực của Bồ-tát. Ngoài đây ra trọn không còn hoặc hơn hoặc

thêm một tĩnh lự nào.

3. Khó hành tĩnh lự của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Nếu chư Bồ-tát đã năng an trụ tĩnh lự thù thắng rộng lớn, cực khéo thành thực, nhiều dẫn phát an trú, tùy vui muốn của mình, xả lạc của các tĩnh lự thù thắng kia, quán hết thấy vô lượng việc vì lợi vui hữu tình. Vì thành thực nghĩa lợi cho hữu tình, nên ý khéo tư duy chọn lựa trở lại sanh vào Dục giới. Đây gọi là khó hành tĩnh lự thứ nhất của Bồ-tát.

Nếu chư Bồ-tát nương tĩnh lự năng phát khởi vô lượng vô số chủng chủng việc không thể nghĩ bàn, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác, sở hành cảnh giới đẳng trì của Bồ-tát. Đây gọi là khó hành tĩnh lự thứ hai của Bồ-tát.

Nếu chư Bồ-tát nương tĩnh lự, nhanh chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là khó hành tĩnh lự thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn tĩnh lự của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Tĩnh lự có tâm có tứ; 2. Tĩnh lự đồng hành hỷ; 3. Tĩnh lự đồng hành lạc; 4. Tĩnh lự đồng hành xả.

5. Thiện sĩ tinh lự của Bồ-tát: Lược có 5 chủng: 1. Tinh lự không ái vị; 2. Tinh lự đồng hành từ; 3. Tinh lự đồng hành bi; 4. Tinh lự đồng hành hỷ; 5. Tinh lự đồng hành xả.

6. Tất cả chủng tinh lự của Bồ-tát: Nên biết tinh lự đây lược có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng tinh lự: 1. Tinh lự thiện; 2. Tinh lự vô ký biến hóa; 3. Tinh lự phẩm Xa-ma-tha; 4. Tinh lự phẩm Tỳ-bát-xá-na; 5. Tinh lự chánh tư duy sâu đối với việc tự lợi, lợi tha; 6. Tinh lự năng dẫn phát công đức uy lực thần thông.

Bảy chủng tinh lự: 1. Tinh lự duyên danh; 2. Tinh lự duyên nghĩa; 3. Tinh lự duyên tướng chỉ; 4. Tinh lự duyên tướng cử; 5. Tinh lự duyên tướng xả; 6. Tinh lự hiện pháp lạc trú; 7. Tinh lự nhiều ích hữu tình.

Mười ba chủng như vậy gọi là tất cả chủng tinh lự của Bồ-tát.

7. Thỏa mãn mong cầu tinh lự của Bồ-tát: Lược có 8 chủng: 1. Nương tinh lự năng dứt trừ

hết thấy chủng chủng tai họa như chú thuật, thuốc độc, mưa đá, quỷ mị...; 2. Nương tĩnh lự năng dứt trừ các thứ bệnh phát sanh do các giới không điều hòa, chống trái lẫn nhau; 3. Đối với những việc đại tai như đói khát, hạn hán... trí tĩnh lự đem lại trời mưa mát mẻ; 4. Đối với chủng chủng những việc gây hại của người, phi nhân, như làm nước ngập đất... nương tĩnh lự năng cứu giúp thoát khỏi nạn; 5. Đối với hữu tình ở nơi hoang vắng, thiếu thốn các thức ăn uống, nương tĩnh lự năng thí thức ăn uống; 6. Đối với việc giáo hóa hữu tình thiếu thốn tiền của địa vị, tĩnh lự năng bố thí tiền của, địa vị; 7. Đối với hữu tình phóng dật ở mười phương cõi giới, tĩnh lự năng chân chánh giáo huấn răn dạy; 8. Đối với các hữu tình tùy phát khởi các việc nên làm, tĩnh lự năng chân chánh trợ giúp.

8. Đời này đời khác vui tĩnh lự của Bồ-

tát: Lược có 9 chủng: 1. Tĩnh lự biến hiện thần thông để điều phục hữu tình; 2. Tĩnh lự biến hiện kỳ thuyết để điều phục hữu tình; 3. Tĩnh lự biến hiện dạy răn để điều phục hữu tình; 4. Tĩnh lự thị hiện các đường ác khiến người làm ác thấy được; 5.

Tĩnh lực năng thí biện tài cho người không có biện tài; 6. Tĩnh lực năng thí chánh niệm cho kẻ lạc chánh niệm; 7. Tĩnh lực lập luận không.điên đảo, tán thán ca tụng tụng Ma-đát-ly-ca vi diệu, năng khiến chánh pháp cứu trụ; 8. Đối với các sự nghiệp công xảo khéo léo của thế gian, năng dẫn nghĩa lợi nhiều ích hữu tình, tĩnh lực năng tạo làm hết thảy chủng loại sai biệt như sách vở, thước đo, con dấu, ghế ngồi, dép guốc... các vật dụng nuôi thân; 9. Đối với việc giáo hóa hữu tình, tĩnh lực phóng đại quang minh chiếu đến những chúng sanh nơi đường ác khiến tạm dứt các khổ.

9. Thanh tịnh tĩnh lực của Bồ-tát: Lược có 10 chủng: 1. Thanh tịnh tĩnh lực lìa các ái vị do thế gian thanh tịnh; 2. Thanh tịnh tĩnh lực không có nhiễm ô do xuất thế gian thanh tịnh; 3. Thanh tịnh tĩnh lực do gia hạnh thanh tịnh; 4. Thanh tịnh tĩnh lực do đắc căn bản thanh tịnh; 5. Thanh tịnh tĩnh lực do thắng tiến căn bản thanh tịnh; 6. Thanh tịnh tĩnh lực do nhập, trụ, xuất tự tại thanh tịnh; 7. Thanh tịnh tĩnh lực do xả tĩnh lực rồi, trở lại chứng nhập tự tại thanh tịnh; 8. Thanh tịnh tĩnh lực do

thần thông biến hiện tự tại thanh tịnh; 9. Thanh tịnh tĩnh lự do xa lìa tất cả các cái thấy thú hưởng thanh tịnh; 10. Thanh tịnh tĩnh lự do tất cả phiền não và sở tri chướng thanh tịnh.

Như vậy có vô lượng vô biên tĩnh lự khiến Bồ-tát năng đắc quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương đây năng viên mãn Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, năng đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nhanh chóng đã chứng, sẽ chứng, nay chứng.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 14. TRÍ TUỆ

Sao gọi là Trí tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát?
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
Tất cả môn, thiện sĩ
Tất cả chủng, toại cầu
Hai đời vui, thanh tịnh
Chín chủng tướng như vậy*

Đây lược nói Trí tuệ.

Có chín chủng tướng trí tuệ gọi là Trí tuệ Ba-la-mật-đa của Bồ-tát: **1.** Tự tánh tuệ; **2.** Tất cả tuệ; **3.** Khó hành tuệ; **4.** Tất cả môn tuệ; **5.** Thiện sĩ tuệ; **6.** Tất cả chủng tuệ; **7.** Thỏa mãn mong cầu tuệ; **8.** Đời này đời khác vui tuệ; **9.** Thanh tịnh tuệ.

1. Tự tánh tuệ của Bồ-tát: Bồ-tát năng hiểu biết nhập vào tất cả sở tri. Đã hiểu nhập, điều luyện chọn lọc các pháp, rộng duyên tất cả năm minh xứ mà chuyển: 1. Nội minh xứ; 2. Nhân minh xứ; 3. Ý phương minh xứ; 4. Thanh minh xứ; 5. Công nghiệp minh xứ. Đây gọi là tự tánh tất cả tuệ của Bồ-tát.

2. Tất cả tuệ của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Trí tuệ thế gian; 2. Trí tuệ xuất thế gian. Hai chủng đây, mỗi chủng có ba loại: **a.** Trí tuệ năng ở nơi sở tri chân thật, tùy hiểu biết thông đạt; **b.** Trí tuệ năng đối với năm minh xứ và đối với ba tụ, thiện xảo quyết định; **c.** Trí tuệ năng đem đến nghĩa lợi cho tất cả hữu tình.

a. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu diệu tuệ, ở nơi pháp

tánh vô ngã là nói năng, hoặc ở nơi chân đế muốn hiểu biết, hoặc ở nơi chân đế lúc đang hiểu biết, hoặc ở nơi chân đế về sau sẽ hiểu biết, tịch tĩnh tối thắng, hiện tiền sáng rõ, không phân biệt, là các hý luận. Nơi tất cả pháp ngộ tánh bình đẳng, nhập tướng chung rộng lớn. Thông đạt rốt ráo tất cả ngàn mé sở tri, xa là hai biên tăng ích và tổn giảm, thuận nhập trung đạo. Đây gọi là tuệ năng ở nơi sở tri chân thật, tùy hiểu biết thông đạt của Bồ-tát.

b. Hoặc chư Bồ-tát sở hữu diệu tuệ thiện xảo quyết định ở nơi năm minh xứ, như phẩm *Chủng tánh lực* đã thuyết ở trước; thiện xảo quyết định ở trong ba tụ, tức là ở nơi tụ pháp năng dẫn nghĩa lợi, tụ pháp năng dẫn chẳng phải nghĩa lợi, tụ pháp năng dẫn chẳng phải nghĩa lợi đều như thật biết; khéo léo nhiếp thọ đối với tám xứ; năng nhanh chóng viên mãn tư lương diệu trí rộng lớn vô thượng, nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

c. Trí tuệ năng đem đến nghĩa lợi cho tất cả hữu tình có 11 chủng, nên biết như trước. Tức là sở hữu diệu tuệ ở vị kia, nên biết gọi là trí tuệ nhiều ích hữu tình.

3. Khó hành tuệ của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Nếu chư Bồ-tát năng biết trí pháp thâm sâu vô ngã, đây gọi là khó hành tuệ thứ nhất.

Nếu chư Bồ-tát thường rõ biết trí phương tiện để điều phục hữu tình, đây gọi là khó hành tuệ thứ hai.

Nếu chư Bồ-tát rõ biết trí không chướng ngại ở nơi tất cả cảnh giới sở tri, đây gọi là khó hành tuệ thứ ba.

4. Tất cả môn tuệ của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Trong tạng Thanh văn và tạng Bồ-tát, sở hữu diệu tuệ do văn và do tư mà thành tựu; 2. Tuệ nhiếp thuộc lực tư trạch vì ở trong đó Bồ-tát năng tư duy chọn lọc điều nên làm, nên tùy chuyển; 3. Tuệ nhiếp thuộc lực tư trạch vì ở trong đó Bồ-tát tư duy chọn lọc điều không nên làm, nên dừng dứt; 4. Tuệ vô lượng do lực tu tập nhiếp lấy Tam-ma-hí-da-địa.

5. Thiện sĩ tuệ của Bồ-tát: Lược có 5 chủng:

1. Tuệ do lắng nghe chánh pháp mà huân tập thành; 2. Tuệ đồng hành ý chân chánh bên trong; 3. Tuệ đồng hành phương tiện hành lợi mình, lợi người; 4.

Tuệ khéo léo quyết định không điên đảo ở trong các pháp, pháp trụ, pháp an lập; 5. Tuệ xả phiền não.

Lại có các tuệ khác: 1. Tuệ vi tế, vì hiểu biết nhập vào tánh như sở hữu của sở tri; 2. Tuệ đủ khắp, vì hiểu nhập tánh tận sở hữu của sở tri; 3. Tuệ câu sanh, vì tư lương trí đời trước mà tích tập thành; 4. Tuệ đầy đủ dạy dẫn, vì ở nơi pháp nghĩa đã được nghe từ chư Phật hoặc chúng các Bồ-tát đã nhập đại địa, thọ trì đầy đủ; 5. Tuệ đầy đủ chứng đắc, vì từ *Ý lạc thanh tịnh địa* nhiếp thọ cho đến *Đến cứu cánh địa*.

6. Tất cả chủng tuệ của Bồ-tát: Nên biết tuệ đây lược có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng tuệ: ở nơi các đế có khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí. Ở vị cứu cánh có tận trí và vô sanh trí. Đây gọi là sáu tuệ.

Bảy chủng tuệ: pháp trí, loại trí, thế tục trí, thần thông trí, tướng trí, mười lực tiền hành trí, chánh đạo lý ở trong bốn đạo lý trí.

7. Thỏa mãn mong cầu tuệ của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng: 1. Trí nương pháp dị môn, đó là tuệ ở nơi pháp không ngăn ngại của Bồ-tát; 2. Trí nương tướng pháp, đó là tuệ ở nơi nghĩa không ngăn ngại của Bồ-tát; 3. Trí nương rõ từ pháp, đó là tuệ ở nơi rõ ngôn từ không ngăn ngại của Bồ-tát; 4. Trí nương phẩm loại sai biệt tất cả ngôn cú của pháp, đó là tuệ biện tài không ngăn ngại của Bồ-tát; 5. Tuệ hàng phục tất cả luận khác của Bồ-tát; 6. Tuệ thành lập tất cả tự luận của Bồ-tát; 7. Tuệ chánh dạy dẫn, xử trí tất cả sự nghiệp gia sản tại gia của Bồ-tát; 8. Tuệ khéo hiểu tất cả chủng chủng công việc thế gian của Bồ-tát.

8. Đời này đời khác vui tuệ của Bồ-tát:

Lược có 9 chủng: 1. Chư Bồ-tát ở nơi nội minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, khéo an trụ; 2. Ở nơi y phương minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 3. Ở nơi nhân minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 4. Ở nơi thanh minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 5. Ở nơi công nghiệp thế gian minh xứ, tuệ năng khéo sáng suốt, không an trụ; 6. Tất cả năm minh xứ trên, Bồ-tát đều dùng trí tuệ khéo léo, sáng suốt, thanh tịnh

làm chỗ nương; 7. Đối với người ngu si, Bồ-tát siêng tu chánh hạnh để giáo hóa, dùng tuệ thị hiện chỉ bảo dẫn dạy; 8. Đối với người phóng dật, Bồ-tát siêng tu chánh hạnh để giáo hóa, dùng tuệ thị hiện khích lệ khen gắng; 9. Đối với người khiếp nhục, Bồ-tát siêng tu chánh hạnh để giáo hóa, dùng tuệ thị hiện vui mừng an ủi.

9. Thanh tịnh tuệ của Bồ-tát: Lược có 10 chủng:

Ở nơi nghĩa chân thật có hai chủng tuệ, vì có được nghĩa chân thật của tánh như sở hữu và tánh tận sở hữu.

Ở nơi nghĩa lưu chuyển có hai chủng tuệ, vì nắm giữ chánh nhân, chánh quả.

Ở nơi nghĩa chấp thọ có hai chủng tuệ, vì như thật rõ biết điên đảo và không điên đảo.

Ở nơi nghĩa phương tiện có hai chủng tuệ, vì như thật rõ biết tất cả điều nên làm và điều không nên làm.

Ở nơi nghĩa rốt ráo có hai chủng tuệ, vì tạp nhiễm, như thật rõ biết tạp nhiễm; thanh tịnh, như thật rõ biết thanh tịnh.

Năm nghĩa thanh tịnh tuệ của Bồ-tát như vậy lược có 10 chủng sai khác. Đây gọi là thanh tịnh tuệ thù thắng không gì vượt hơn.

Như vậy vô lượng diệu tuệ cực khéo quyết định của Bồ-tát, Bồ-tát năng chứng quả Đại Bồ-đề. Bồ-tát nương đây năng viên mãn Trí tuệ Ba-la-mật-đa, nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại nữa, sáu chủng Ba-la-mật-đa như vậy, Đức Thế Tôn xưa đã thuyết nhiều chỗ trong Khế kinh, nay trong đây tổng hợp lại một chỗ mà thuyết. Ở trong Khế kinh, Đức Phật đã thuyết sở hữu Thí Ba-la-mật-đa cho đến Tuệ Ba-la-mật-đa, hoặc nêu chung, hoặc giải thích. Tất cả kia đều nhiếp vào tự tánh thí, nói rộng cho đến hoặc thanh tịnh thí, thú nhập, nhiếp thọ, như chỗ thích hợp đều phải rõ biết. Như vậy còn lại Trì giới cho đến Trí tuệ theo đó mà thuyết và thú nhập, nhiếp thọ, tùy chỗ thích hợp cũng phải rõ biết.

Lại, chư Như Lai khi làm Bồ-tát hành tất cả hạnh Bồ-tát, sở hữu vô lượng bốn sanh tương ứng với khổ hạnh khó hành. Nên biết tất cả khổ hạnh đây tương ứng cùng bố thí, nương tựa bố thí. Như

nói bố thí, thì tương ứng cùng trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tinh lự, trí tuệ; nương tựa trì giới, an nhẫn, tinh tấn, tinh lự, trí tuệ, phải biết cũng vậy.

Hoặc chỉ nương bố thí, nói rộng cho đến hoặc chỉ nương trí tuệ, hoặc nương chung cả hai, hoặc nương chung cả ba, hoặc nương chung bốn, hoặc nương chung năm, hoặc nương chung tất cả sáu Ba-la-mật-đa đều phải nên rõ biết.

Như vậy, Bồ-tát vì chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề mà tinh cần tu tập sáu Ba-la-mật-đa. Sáu Ba-la-mật-đa đây là biển bạch pháp rộng lớn, gọi là Đại Bạch Pháp Hải; là nhân để tất cả hữu tình, tất cả chủng loại viên mãn, gọi là Suối Nguồn Đại Bảo Tuôn Trào. Là chỗ tích chứa vô lượng tư lương phước trí và không có quả nào khác năng cùng tương xứng, chỉ trừ Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 15. NHIẾP SỰ

Sao gọi là Bốn chủng nhiếp sự của Bồ-tát? Ôt-Đà-Nam thuyết:

*Tự tánh, tất cả, khó
 Tất cả môn, thiện sĩ
 Tất cả chúng, toại cầu
 Hai đời vui, thanh tịnh
 Chín chủng tướng như thế
 Đây lược nói Nhiếp sự.*

Có chín chủng tướng nhiếp sự gọi là bốn chủng nhiếp sự của Bồ-tát: **1.** Tự tánh nhiếp sự; **2.** Tất cả nhiếp sự; **3.** Khó hành nhiếp sự; **4.** Tất cả môn nhiếp sự; **5.** Thiện sĩ nhiếp sự; **6.** Tất cả chúng nhiếp sự; **7.** Thỏa mãn mong cầu nhiếp sự; **8.** Đời này đời khác vui nhiếp sự; **9.** Thanh tịnh nhiếp sự.

Nhiếp sự của Bồ-tát có bốn tướng: **A.** Bồ thí; **B.** Ái ngữ; **C.** Lợi hành; **D.** Đồng sự.

A. Bồ thí:

Như trong phần Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát địa đã rộng thuyết

B. Ái ngữ:

1. Tự tánh ái ngữ của Bồ-tát: Chư Bồ-tát đối với các hữu tình thường vui tuyên nói những lời vui vẻ đẹp lòng, lời chân thật, lời như pháp, lời

dẫn nhiếp nghĩa. Đây lược nói tự tánh ái ngữ của Bồ-tát.

2. Tất cả ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Bồ-tát dùng lời dẫn dụ vấn an. Sử dụng lời nói đây, Bồ-tát hằng thời đối với các hữu tình xa lìa nhãn nhó, trước phát lời tốt lành, dung nhan thư thái, ánh mắt bình chính, vui cười làm đầu hỏi thăm: “Có được an ổn kiết tường không?”, hoặc “Tứ đại có điều hòa không?”, hoặc “Ngày đêm vui vẻ an ổn không?”. Dùng hết thấy tướng như vậy vấn an thăm hỏi hữu tình, thuận theo phép tắc lễ nghi thế gian mà chuyển.

Bồ-tát dùng lời vui mừng hoan hỷ. Sử dụng lời nói đây khi thấy hữu tình có quyến thuộc, vợ con, tài vật đang thời hưng thịnh mà không tự hiểu biết. Cho nên Bồ-tát đối với những điều nên hiểu biết, thì dùng lời vui mừng hoan hỷ mà dẫn dắt. Hoặc biết được người không vui thích về tín, giới, văn, xả, tuệ, cũng lại dùng lời đây.

Bồ-tát dùng lời tăng thêm lợi ích. Sử dụng lời nói đây, Bồ-tát tuyên thuyết lời tương ưng giáo pháp viên mãn tất cả chủng đức khiến lợi ích an

lạc cho tất cả hữu tình. Bồ-tát dùng lời nói đây hằng thường hiện tiền mà làm nhiều ích. Đây gọi là tất cả ái ngữ sai biệt của Bồ-tát.

Tóm lược phần này thế nào? Nên biết ái ngữ lược có 2 chủng: 1. Lời dạy thuận theo lẽ nghi phép tắc thế tục; 2. Lời thuận theo giáo pháp chân chánh. Hoặc lời dẫn dụ vấn an, hoặc lời vui mừng hoan hỷ, đây là lời thuận theo phép tắc thế tục. Hoặc lời tăng thêm lợi ích, đây là lời thuận theo giáo pháp chân chánh.

3. Khó hành ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Hoặc chư Bồ-tát đối với oan gia hay bạn ác làm hại, dùng tâm thiện tịnh, tâm không uế trước, tư duy chọn lựa hoặc dùng lời dẫn dụ vấn an, hoặc dùng lời vui mừng hoan hỷ, hoặc dùng lời tăng thêm lợi ích vì kia mà thuyết. Đây gọi là khó hành ái ngữ thứ nhất của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát đối với các hữu tình độn căn, ngu si phẩm thượng, tâm không nghi ngờ lo nghĩ, tư duy chọn lựa vì kia mà dẫn dạy chủng chủng pháp. Thệ nhận chịu mọi sự khổ nhọc vất vả, như

lý, như pháp, như thiện mà nhiếp lấy kia. Đây là khó hành ái ngữ thứ hai của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát đối với các hữu tình làm việc tà ác, siểm trá, khi đối Thân giáo sư, Quý phạm sư, các bậc tôn trưởng chân thật phước điền, mà không tâm hiềm hận, không tâm khuể não, tư duy chọn lựa hoặc dùng lời dẫn dụ vấn an, hoặc dùng lời vui mừng hoan hỷ, hoặc dùng lời tăng thêm lợi ích vì kia mà nói. Đây là khó hành ái ngữ thứ ba của Bồ-tát.

4. Tất cả môn ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Đối với người muốn đoạn trừ chướng ngại của các cái, hướng đến đường thiện, chư Bồ-tát trước tiên vì họ nói pháp nên làm; 2. Đối với người muốn điều thiện tâm, xa lìa các cái, chư Bồ-tát vì họ tuyên nói chánh pháp tương ưng bốn Thánh đế; 3. Đối với người tại gia, người xuất gia nhiều phóng dật, chư Bồ-tát khuyên can răn dạy không điên đảo, phương tiện khiến kia xa lìa đời sống phóng dật, an trụ hạnh không phóng dật; 4. Đối với hữu tình còn nhiều nghi hoặc ở nơi giáo pháp, chư Bồ-tát vì khiến kia xa lìa nghi hoặc, nên luận nghĩa quyết trạch tuyên nói chánh pháp.

5. Thiện sĩ ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 5 chủng. Đó là chư Bồ-tát vì giáo hóa chúng sanh nên nói như vậy: “Chư Như Lai cùng chư Bồ-tát năng thuyết pháp có nhân duyên, pháp có xuất ly, pháp có chỗ y, pháp có dũng mãnh chắc chắn, pháp có thần biến”.

Nếu pháp nói về nguyên nhân phát khởi kiến lập học xứ, pháp đây gọi là *pháp có nhân duyên*. Nếu pháp nói về thọ học, có hủy phạm, thì thiết trở lại thanh tịnh, pháp đây gọi là *pháp có xuất ly*. Nếu pháp được thuyết nhiếp lấy bốn y, thì thiết chánh hành pháp luật không điên đảo, pháp đây gọi là *pháp có chỗ y*. Nếu pháp được thuyết năng chánh hiển thị ra khỏi các khổ, không thối thất, tái phạm, pháp đây gọi là *pháp có dũng mãnh chắc chắn*. Nếu pháp được thuyết dụng ba thần biến, tất cả sở thuyết trọn không khiến đi vào đường ác, pháp đây gọi là *pháp có thần biến*.

6. Tất cả chủng ái ngữ của Bồ-tát: Nên biết ái ngữ đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng ái ngữ: 1. Đối với người thích hợp

với pháp lắng nghe, dùng ái ngữ để chỉ bày cho họ; 2. Đối với người thích hợp với pháp ngăn dứt, dùng ái ngữ để ngăn dứt; 3. Dùng ái ngữ khai thị pháp môn của các pháp; 4. Dùng ái ngữ khai thị tướng của pháp không điên đảo; 5. Dùng ái ngữ khai thị huấn dạy rõ ràng ngôn từ của các pháp không điên đảo; 6. Dùng ái ngữ khai thị phẩm loại cú sai biệt của pháp không điên đảo.

Bảy chủng ái ngữ: 1. Ái ngữ dẫn dụ vấn an; 2. Ái ngữ vui mừng hoan hỷ; 3. Ái ngữ khiến hữu tình ít mong cầu các thứ vật dụng, đi đến chỗ thiếu dục chân chánh; 4. Ái ngữ trấn an hữu tình khi gặp chủng chủng hãi sợ; 5. Ái ngữ nhiếp vào tuyên thuyết như lý; 6. Ái ngữ vì muốn khiến hữu tình ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện; có chánh kiến về nghe, nghi, nêu cử, quả trách; 7. Ái ngữ thỉnh người có năng lực hơn để nhiều ích.

Như vậy là 13 chủng ái ngữ của Bồ-tát gọi là tất cả chủng ái ngữ.

7. Thỏa mãn mong cầu ái ngữ của Bồ-tát:

Lược có 8 chủng. Đó là chư Bồ-tát nương bốn lời thanh tịnh, phát khởi tám lời thánh. Đây gọi là

thỏa mãn mong cầu ái ngữ của Bồ-tát.

Bốn lời tịnh: xa lìa lời hư vọng, lời ly gián, lời thô ác và lời thù dật.

Tám lời thánh: đó là thấy nói thấy, nghe nói nghe, hiểu nói hiểu, biết nói biết, không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không hiểu nói không hiểu, không biết nói không biết.

8. Đời này đời khác vui ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 9 chủng: 1. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ ưu sầu phát sanh do quyền thuộc khó; 2. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ ưu sầu phát sanh do tiền tài địa vị khó; 3. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ ưu sầu phát sanh do khó không có bệnh; 4. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ các khổ ưu sầu phát sanh do khó giữ tịnh giới; 5. Ái ngữ thuyết chánh pháp đoạn trừ các khổ phát sanh do khó có chánh kiến; 6. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi tịnh giới viên mãn; 7. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi chánh kiến viên mãn; 8. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi quý tặc viên mãn; 9. Ái ngữ thuyết chánh pháp khen ngợi chánh mạng viên mãn.

9. Thanh tịnh ái ngữ của Bồ-tát: Lược có 20 chủng, đó là hai mươi tướng tuyên nói chánh pháp, như phẩm *Lược chủng tánh* đã nói ở trước.

C. Lợi hành:

Nên biết tướng Lợi hành đây rộng như Ái ngữ, nhưng trong lợi hành đây nghĩa có sự sai khác, nay Ta sẽ thuyết. Đó là chư Bồ-tát do nương tất cả phẩm ái ngữ sai biệt, tùy chỗ thích hợp hướng đến nghĩa lợi hành nhiều ích hữu tình. Đây gọi là lợi hành.

1. Tự tánh lợi hành của Bồ-tát: Chư Bồ-tát vì các hữu tình dùng ái ngữ khai thị chỉ bày chánh lý, tùy chỗ thích hợp ở nơi sở học, tùy pháp hành pháp, theo đó ứng dụng nghĩa lợi hành. Như vậy trong việc lợi hành, an trụ tâm bi, tâm không ái nhiễm, khích lệ dẫn dắt điều phục, an đặt kiến lập. Đây gọi là tự tánh lợi hành.

2. Tất cả lợi hành của Bồ-tát: Lược có 2 chủng: 1. Hữu tình chưa thành thực, lợi hành năng thành thực; 2. Hữu tình đã thành thực, lợi hành

khiến giải thoát. Tức lợi hành đây lược có ba môn: a. Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp; b. Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hậu pháp; c. Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp, hậu pháp.

Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp tức là chân chánh khích lệ dẫn dắt ứng dụng sự nghiệp như pháp, chứa nhóm giữ gìn tiền của, địa vị khiến tăng trưởng. Nên biết gọi là lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích hiện pháp. Do đây năng khiến thu được danh tiếng rộng lớn và vui hiện pháp. An vui do việc nhiếp thọ vật dụng.

Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hậu pháp tức là chân chánh khích lệ dẫn dắt khiến buông xả tiền của địa vị, thanh tịnh xuất gia, thọ hạnh khát cầu để tồn tại mạng sống. Nên biết đây gọi là lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hậu pháp. Do đây năng khiến quyết định thu được an lạc ở hậu pháp, không quyết định thu được an lạc ở hiện pháp.

Lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích ở hiện pháp, hậu pháp tức là chân chánh khích lệ dẫn dắt khiến người tại gia, hoặc người xuất gia

thứ lớp tu hành, hướng đến ly dục. Nên biết gọi là lợi hành khích lệ dẫn dắt khiến lợi ích hiện pháp, hậu pháp. Do đây năng khiến hiện pháp thân được khinh an, tâm được khinh an, an trú nơi an lạc; năng khiến hậu pháp hoặc sanh về cõi Tịnh thiên, hoặc sanh trong Vô dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn.

3. Khó hành lợi hành của Bồ-tát: Lược có 3 chủng:

Hoặc chư Bồ-tát năng hành lợi hành đối với các hữu tình trước chưa hành nhân thiện căn thù thắng. Đây gọi là khó hành lợi hành thứ nhất. Vì cố sao? Vì các hữu tình kia khó khích lệ dẫn dắt.

Hoặc chư Bồ-tát năng hành lợi hành đối với các hữu tình đã gieo nhân thiện, nhưng hiện tiền đấm trước tiên của, địa vị rộng lớn đầy đủ. Đây gọi là khó hành lợi hành thứ hai. Vì cố sao? Vì hữu tình kia đấm trước chuyển theo những việc phóng dật rộng lớn, phóng dật tích cực.

Hoặc chư Bồ-tát năng hành lợi hành đối với các hữu tình đấm trước dị đạo, tà kiến, tà hạnh của các ngoại đạo. Đây gọi là khó hành lợi hành thứ ba.

Vì có sao? Vì kẻ kia ngu si chấp đả tâm mình, sanh chống trái chấp kiến đối với chánh pháp luật.

4. Tất cả môn lợi hành của Bồ-tát: Lược có 4 chủng: 1. Chư Bồ-tát đối với hữu tình chẳng tín, hoặc hữu tình tín viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập; 2. Chư Bồ-tát đối với hữu tình phạm giới, hoặc hữu tình giới viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập; 3. Chư Bồ-tát đối với hữu tình có tuệ ác, hoặc hữu tình có tuệ viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập; 4. Chư Bồ-tát đối với hữu tình keo lẩn, hoặc hữu tình huệ xả viên mãn, đều ân cần khích lệ dẫn dắt cho đến kiến lập.

5. Thiện sĩ lợi hành của Bồ-tát: Lược có 5 chủng: 1. Chư Bồ-tát khích lệ dẫn dắt hữu tình nhập vào nghĩa chân thật; 2. Khích lệ dẫn dắt hữu tình nhập vào đúng thời nghi; 3. Khích lệ dẫn dắt hữu tình nhập vào việc năng dẫn nhiếp nghĩa lợi thù thắng vi diệu; 4. Khích lệ dẫn dắt đối với các hữu tình nhu nhuyến; 5. Khích lệ dẫn dắt đối với hữu tình từ tâm.

6. Tất cả chủng lợi hành của Bồ-tát: Nên biết lợi hành đây có 6 chủng và 7 chủng, tổng cộng là 13 chủng.

Sáu chủng lợi hành: 1. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình nên nhiếp thọ, thì chân chánh nhiếp thọ; 2. Đối với hữu tình nên điều phục, thì chân chánh điều phục; 3. Đối với hữu tình ghét bỏ Thánh giáo, thì khiển trừ sự khuể não của kia; 4. Đối với hữu tình trụ không vui không ghét Thánh giáo thì khiến nhập; 5. Đối với hữu tình đã thâm nhập Thánh giáo, khiến chân chánh thành thực nơi đạo Tam thừa; 6. Đối với hữu tình đã thành thực, khiến được giải thoát.

Bảy chủng lợi hành: Chư Bồ-tát an lập giáo hóa hữu tình khiến họ giữ gìn, trưởng dưỡng ở nơi tư lương thiện, đó là hoặc nương hạ thừa mà xuất ly, hoặc nương đại thừa mà xuất ly. Như an lập giáo hóa hữu tình khiến giữ gìn trưởng dưỡng ở nơi tư lương thiện, thì ở nơi hạnh viễn ly, hoặc ở nơi tâm tánh nhất cảnh, hoặc ở nơi thanh tịnh các chướng, hoặc ở nơi tu tập tác ý phải biết cũng vậy. Hoặc hữu tình có chủng tánh Thanh văn, Độc giác, thì chân chánh an lập họ trong Thanh văn thừa, Độc

giác thừa. Nếu hữu tình có chủng tánh Như Lai, thì chân chánh an lập trong Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề tối thượng thừa.

7. Thỏa mãn mong cầu lợi hành của Bồ-tát: Lược có 8 chủng. Đó là chư Bồ-tát thấy các hữu tình đối với việc nên tầm, mà bị quấy nhiễu trói buộc của không tầm triền. Như không tầm triền, như vậy đối với việc nên quý, bị quấy nhiễu trói buộc bởi không quý triền, hoặc thuy miên triền, hoặc hôn trầm triền, hoặc trạo cử triền, hoặc ác tác triền, hoặc tật đố triền, hoặc keo lẩn triền, Bồ-tát phương tiện khai giải khiến họ xa lìa trói buộc quấy nhiễu của các triền kia.

8. Đời này đời khác vui lợi hành của Bồ-tát: Lược có 9 chủng.

Chư Bồ-tát nương thân nghiệp thanh tịnh, khích lệ hữu tình khiến kia xa lìa tất cả sự sát sanh, xa lìa không cho mà lấy, xa lìa các hạnh tà dục, xa lìa hoặc tốt-la, hoặc mê-lợi-đa, hoặc mặt-đà, phóng dật mà rượu là nguyên nhân.

Chư Bồ-tát nương ngữ nghiệp thanh tịnh, khích

lệ hữu tình khiến kia xa lìa tất cả vọng ngữ, khiến kia xa lìa tất cả lời ly gián, khiến kia xa lìa tất cả lời thô ác, khiến kia xa lìa tất cả ý ngữ.

Chư Bồ-tát nương ý nghiệp thanh tịnh, khích lệ dẫn dắt hữu tình khiến kia xa lìa tất cả tham dục, sân khuể, tà kiến.

9. Thanh tịnh lợi hành của Bồ-tát: Lược có 10 chủng. Đó là chư Bồ-tát đối với hữu tình, nương thanh tịnh bên ngoài có 5 lợi hành, nương thanh tịnh bên trong có 5 lợi hành.

Sao gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình nương thanh tịnh bên ngoài có năm lợi hành? 1. Lợi hành không tội; 2. Lợi hành không chuyển; 3. Lợi hành thứ lớp; 4. Lợi hành hạnh rộng khắp; 5. Lợi hành thích hợp.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình tạp ác hạnh, người trước đã làm các hành ác, người làm những điều có tội, người hành tạp nhiễm, thì năng chánh an lập họ nơi thiện pháp. Đây gọi là Bồ-tát đối với hữu tình *lợi hành không tội*.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình không ở nơi nhân giải thoát chân thật, không phải định thanh

tịnh, nhưng lại hy cầu được giải thoát chân thật, cầu được định thanh tịnh; thì năng chân chánh khích lệ dẫn dắt. Đây gọi là chư Bồ-tát đối với các hữu tình *lợi hành không chuyển*.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, trước quán sát sâu kỹ, biết họ có trí huệ thấp kém, liền nói pháp cạn mỏng dễ hiểu, tùy chuyển dạy răn dạy trao thô gần. Biết họ có trí huệ bậc trung, liền vì họ thuyết pháp bậc trung, tùy thuận chuyển pháp dạy răn dạy trao bậc trung. Biết họ có trí huệ rộng lớn, liền vì họ thuyết pháp thâm sâu, tùy chuyển pháp dạy răn dạy trao vi diệu sâu mầu. Bồ-tát khiến tất cả kia lần hồi tu tập thiện pháp. Đây gọi là chư Bồ-tát đối với các hữu tình *lợi hành thứ lớp*.

Chư Bồ-tát đối với tất cả hữu tình nơi bốn tánh là địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, a-tu-la cho đến trời, người, đều tùy lực, tùy khả năng mà lợi hành nghĩa lợi. Nếu có người cầu lợi ích an lạc, Bồ-tát liền ở ngay đó tùy căn loại mà khuyến dẫn. Đây gọi là Bồ-tát đối với hữu tình *lợi hành hạnh rộng khắp*.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, người tự hành các thiện pháp phẩm hạ, trung, thượng với công

năng sai biệt, có thể khích lệ dẫn dắt và người nương phượng tiện với công năng sai biệt, có thể khích lệ dẫn dắt, thì tùy chỗ thích hợp như thiện pháp của kẻ kia, như phượng tiện của kẻ kia mà khích lệ dẫn dắt họ. Đây gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình *lợi hành thích hợp*.

Đây gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình, nương thanh tịnh bên ngoài có năm chủng lợi hành.

Sao gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình, nương thanh tịnh bên trong có năm chủng lợi hành? 1. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, hiện tiền ý lạc khởi đại bi rộng lớn mà hành lợi hành; 2. Chư Bồ-tát khi làm nghĩa lợi cho hữu tình, phải thọ nhận tất cả khổ nhọc vất vả, tâm không mỏi mệt, sanh cực hoan hỷ, vì các hữu tình mà hành lợi hành; 3. Chư Bồ-tát tuy thị hiện sở hữu tài sản địa vị viên mãn tối thắng bậc nhất, mà tự khiêm hạ như tô tở, như kẻ hạ tiện dòng Chiên-đà-la, tâm khiêm hạ vâng nghe, tâm xa lìa cao mạn, xa lìa chấp ngã mà hành lợi hành đối với các hữu tình; 4. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, tâm không ái nhiễm, không hư ngụy, chân thật thương xót mà hành lợi hành; 5. Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, tâm rất

ráo không thối chuyển, từ mẫn mà hành lợi hành.

Đây gọi là Bồ-tát đối với các hữu tình, nương thanh tịnh bên trong có năm chủng lợi hành.

Như vậy gọi là ở nơi hai chủng thanh tịnh bên trong, bên ngoài, mỗi chủng có năm lợi hành, tổng cộng có mười chủng, gọi là thanh tịnh lợi hành của Bồ-tát.

D. Đồng sự:

Chư Bồ-tát nếu ở nơi nghĩa đây, ở nơi thiện căn đây, khích lệ dẫn dắt người thọ học, thì ở nơi nghĩa ấy, ở nơi thiện căn ấy, tự mình cũng thọ học, hoặc bằng, hoặc hơn. Như vậy Bồ-tát cùng người đồng sự nên gọi là Đồng sự của chư Bồ-tát. Hữu tình được giáo hóa, biết Bồ-tát đây cũng tu đồng sự, liền tự mình thọ học thiện căn kiên cố chắc chắn không thối chuyển. Vì có sao? Kia suy nghĩ: “Bồ-tát khuyên ta thọ học như thế, nhất định muốn làm lợi ích an lạc cho ta”. Do Bồ-tát dạy trao cho người, tức cũng tự mình thực hành. Nếu không thực hành sẽ không thể vì người làm lợi ích an lạc, Bồ-tát như vậy không phải đồng sự khích lệ dẫn dắt hữu tình. Có người sẽ hỏi: “Ông tự chẳng thể

thọ học thiện pháp, sao lại lấy thiện pháp khích lệ dạy trao dạy răn đối với người? Ông nên tự ân cần thưa hỏi thọ học dạy trao dạy răn”.

Có chư Bồ-tát đồng sự với người mà không tự hiển cùng người đồng sự. Đó là Bồ-tát cùng chư Bồ-tát khác đồng có công đức uy lực thủy đều ngang nhau, nhưng vì trọng đạo Bồ-tát, nên ẩn thiện của mình mà không hiển công đức uy lực; lại tự xem chư Bồ-tát khác là thầy, dù công đức uy lực của Bồ-tát này cùng Bồ-tát khác ngang nhau.

Có chư Bồ-tát chẳng phải đồng sự với người, mà tự hiển hiện cùng người đồng sự. Đó là chư Bồ-tát thấy có hữu tình tin hiểu hạ liệt, tâm sanh khiếp sợ nơi pháp thâm sâu, Bồ-tát liền chánh tư duy chọn lựa, muốn phương tiện dẫn hóa kẻ kia, nên tự hiện thân mình cùng kẻ kia đồng pháp, vào những nơi thấp hèn như dòng Chiên-đà-la cho đến hiện thân làm loài chó. Bồ-tát vì muốn điều phục, muốn giáo hóa, muốn làm nhiều ích, muốn trừ tai họa, nên sanh đồng phận trong loài chó, trong dòng họ Chiên-đà-la kia.

Có chư Bồ-tát đồng sự với người, cũng tự hiển hiện cùng người đồng sự. Đó là chư Bồ-tát thấy

hữu tình được giáo hóa, thọ học thiện căn vẫn còn bị khuynh động. Vì muốn kia trụ kiên cố, nên hiện thân cùng đồng sự hoặc bằng hoặc hơn.

Có chư Bồ-tát chẳng phải đồng sự với người, cũng chẳng tự hiển cùng người đồng sự. Đó là chư Bồ-tát tự hành phóng dật, xả bỏ việc lợi người.

Như vậy đã thuyết nhiều chủng của bố thí, trì giới, cho đến rốt sau rộng nói đồng sự. Trong đây, sở hữu Ba-la-mật-đa năng khiến Bồ-tát tự thành thực tất cả Phật pháp, sở hữu Nhiếp sự năng khiến Bồ-tát thành thực tất cả hữu tình. Nên biết đây lược nói tất cả nghiệp sở tác thiện pháp của chư Bồ-tát. Lại như trước đã nói có nhiều chủng bố thí, trì giới, cho đến rốt sau rộng nói đồng sự, rất nhiều như vậy là vô lượng thiện pháp trợ Bồ-đề phần.

Do ba nhân duyên nên biết *hiện hạnh*, đó là do ba nhân duyên của thân, ngữ, ý.

Do hai nhân duyên nên biết *tối thắng*, cũng gọi là *vô thượng*, cũng gọi là *bát cộng*, đó là do các thiện pháp kia rộng lớn, do không tạp nhiễm.

Nên biết trong đây, vì hữu tình không khác, vì sự không khác, vì thời không khác, gọi là rộng

lớn. *Hữu tình không khác*: chư Bồ-tát tu hành thiện căn bố thí... rộng khắp tất cả xứ sở hữu tình, rộng khắp tất cả pháp giới hữu tình, chẳng phải chuyên vì mình. *Sự không khác*: chư Bồ-tát tinh cần thọ học rộng khắp tất cả và tất cả chủng thiện căn bố thí... *Thời không khác*: chư Bồ-tát hoặc đêm, hoặc ngày, hiện pháp, hậu pháp, hằng thường không gián đoạn gia hạnh, không lìa gia hạnh, không xả thiện pháp. Do nhân đây thường hành thiện căn bố thí... không phế bỏ.

Nên biết trong đây, do bốn chủng tướng thành không tạp nhiễm: 1. Chư Bồ-tát tâm thường hoan hỷ tu các thiện pháp, do nhân duyên đây không khổ, không ưu, không thay đổi hối hận; 2. Chư Bồ-tát không tổn não người, không chấp trước kiến thú, không các tạp ác hạnh, tu hành vô lượng thiện căn bố thí...; 3. Chư Bồ-tát ân trọng khắp cả, ở nơi vô lượng thiện pháp bố thí... chỉ thấy công đức, chỉ thấy chân thật, chỉ thấy tịch tịnh; cực thiện chắc chắn, không theo duyên khác, không bị dẫn đoạt bởi các duyên khác; 4. Chư Bồ-tát không dựa vào nhân tu thiện bố thí... mà mong cầu quả dị thực, hoặc Chuyển luân vương, hoặc Thiên Đế Thích,

hoặc Ma, hoặc Phạm, cũng không ở nơi thí mong cầu người đáp trả. Không nương dựa bất kỳ việc gì, không nương tất cả danh dự cung kính thế tục, cho đến chẳng nương lợi dưỡng để tồn tại thân mạng. Do tướng như vậy nên thanh tịnh đồng hành hoan hỷ, không gì chẳng bình đẳng, ân trọng, không nương tựa mà tu hành bố thí... nói rộng cho đến đồng sự, nên biết có vô lượng thiện pháp, gọi là không tạp nhiễm.

Do ba nhân duyên nên biết *thanh tịnh*, đó là: do mạnh mẽ, do không động chuyển, do thiện thanh tịnh. Nếu chư Bồ-tát đã nhập Ý lạc thanh tịnh địa, tất cả thiện căn thấy đều mạnh mẽ, không động chuyển. *Mạnh mẽ*: vì ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát đây, nên tất cả thiện pháp chẳng do tư trạch mà mạnh mẽ hiện tiền. *Không động*: vì ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát đây, nên sở hữu thiện pháp tùy chỗ thành tựu, tùy chỗ tích tập đều không thối chuyển, ở đời đương lai không bị thối giảm. Bồ-tát trải qua ngày đêm như vậy, tự thân tận độ hết thấy, có được thiện pháp như phần trăng sáng, chỉ tăng không giảm. Nếu chư Bồ-tát trụ Đến cứu cánh địa, còn hệ thuộc thân hậu hữu cuối cùng, sở hữu

thiện pháp gọi là *thiện thanh tịnh*. Vượt qua địa đây, không còn có địa Bồ-tát nào nhiếp pháp thanh tịnh thù thắng hơn.

Như vậy, ban đầu từ Bồ thí... cho đến Đồng sự rốt sau có vô lượng thiện pháp, do ba nhân duyên nên biết hiện hạnh, do hai nhân duyên nên biết tối thắng, do ba nhân duyên nên biết thanh tịnh.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Tất cả thí, Tất cả giới, nói rộng cho đến Tất cả đồng sự, năng chiêu cảm quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thân kim cang kiên cố, chánh pháp cứu trụ.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Khó hành thí, Khó hành giới, nói rộng cho đến Khó hành đồng sự, năng chiêu cảm quả pháp hy hữu kỳ đặc không gì sánh xứng của Như Lai.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Tất cả môn thí, Tất cả môn giới, nói rộng cho đến Tất cả môn đồng sự, năng chiêu cảm tất cả quả tối thắng của Như Lai; hữu tình, trời, người cúng dường.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh

tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Thiện sĩ thí, Thiện sĩ giới, nói rộng cho đến Thiện sĩ đồng sự, năng chiêu cảm quả tối tôn tối thắng của Như Lai trong tất cả loài hữu tình, từ không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, cùng với phi tướng phi phi tướng xứ.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Tất cả chủng thí, Tất cả chủng giới, nói rộng cho đến Tất cả chủng đồng sự, năng chiêu cảm quả vô lượng phước đức thù thắng, ba mươi hai tướng Đại tượng phu, tám mươi tùy hảo trang nghiêm nơi thân của Như Lai.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Thỏa mãn cầu thí, Thỏa mãn cầu giới, nói rộng cho đến Thỏa mãn cầu đồng sự, năng chiêu cảm quả ngôi tòa Bồ-đề của Như Lai, tất cả ma oán chẳng thể xúc não, chẳng thể khuynh động.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Đời này đời khác vui thí, Đời này đời khác vui giới, nói rộng cho đến Đời này đời khác vui đồng sự, năng chiêu cảm quả lạc tối thắng tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí

của Như Lai.

Trong đây, nếu nhiều tu tập, nếu thiện thanh tịnh, nếu đầy đủ viên mãn sở hữu Thanh tịnh thí, Thanh tịnh giới, nói rộng cho đến Thanh tịnh đồng sự, năng chiêu cảm quả bốn nhất thiết chủng thanh tịnh của Như Lai: sở y tịnh, sở duyên tịnh, tâm tịnh, trí tịnh; cũng chiêu cảm quả ba bất hộ, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm trụ, tất cả pháp Phật bất cộng, quả cực thanh tịnh của Như Lai.

Như vậy, thiện pháp của Bồ-tát từ Bồ thí... cho đến Đồng sự, năng chiêu cảm quả *Đến cứu cánh vô thượng*. Nên biết cũng chiêu cảm lưu chuyển sanh tử thuận Bồ-tát hạnh. Ngoài ra cũng thành tựu vô lượng vô biên quả thù thắng khả ái vô tội.



Quyển 44

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 14. CÚNG DƯỜNG - THÂN CẬN - VÔ LƯỢNG

Sao gọi là cúng dường, thân cận, tu tập vô lượng của Bồ-tát? Ót-Đà-Nam thuyết:

Cúng Tam Bảo

Gần bạn lành

Tu vô lượng

Là rốt sau.

A. Cúng dường:

Sao gọi là Bồ-tát ở chỗ Như Lai, cúng dường Như Lai? Lược có 10 chủng: 1. Cúng dường xá-lợi; 2. Cúng dường tháp bảo; 3. Cúng dường hiện tiền; 4. Cúng dường không hiện tiền; 5. Tự mình thiết lễ cúng dường; 6. Dạy người thiết lễ cúng dường; 7. Cung kính cúng dường tài bảo; 8. Cúng dường rộng lớn; 9. Cúng dường vô nhiễm; 10. Cúng dường chánh hạnh.

1. Hoặc chư Bồ-tát tự thân hiện tiền cúng dường sắc thân của Như Lai. Đây gọi là cúng dường xá-lợi.

2. Hoặc chư Bồ-tát vì Như Lai dựng lập tất cả hoặc tháp, hoặc đền, hoặc đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới, trần thiết các thứ cúng dường. Đây gọi là cúng dường tháp bảo.

3. Hoặc chư Bồ-tát đối với thân Như Lai hay tháp mới, hoặc tự mình đối diện, hoặc tự mình chăm chú nhìn mà trần thiết cúng dường. Đây gọi là cúng dường hiện tiền.

Hoặc chư Bồ-tát đối trước Như Lai và tháp, lúc hiện tiền sắp bày bố thí cúng dường đầy đủ, tâm cùng ý lạc tăng thượng, tâm cùng tịnh tín phát khởi, suy nghĩ thế này: “Hoặc pháp tánh của một Như Lai, tức là pháp tánh của tất cả Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại. Hoặc pháp tánh của một tháp Như Lai, tức là pháp tánh của tất cả tháp Như Lai trong mười phương tất cả thế giới không ngần không mé. Cho nên nay tôi hiện cúng Như Lai, tức là cúng dường ba đời tất cả Như Lai. Nay tôi hiện cúng tháp, tức là cúng dường tháp mười phương tất cả thế giới không ngần không mé hoặc

đền, hoặc đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới”. Đây gọi là Bồ-tát cúng dường hiện tiền, không hiện tiền tất cả Như Lai và tháp.

4. Hoặc chư Bồ-tát đối với những nơi không hiện tiền tất cả Như Lai và tháp, liền tác tượng đến Như Lai, rộng vì ba đời tất cả Như Lai, tất cả mười phương tháp Như Lai mà thi thiết cúng dường. Đây gọi là Bồ-tát cúng dường không hiện tiền Như Lai và tháp.

Hoặc sau khi Phật nhập Niết-bàn, chư Bồ-tát vì Như Lai tạo lập hình tượng, hoặc tháp, hoặc điện, hoặc đài. Tùy lực, tùy khả năng mà dựng lập hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, cho đến trăm ngàn muôn muôn ức số... Bồ-tát đối với Như Lai thiết lập cúng dường rộng lớn không hiện tiền như vậy, sẽ gặt hái vô lượng quả đại phước đức, nhiếp thọ vô lượng phước Đại phạm rộng lớn. Do đây Bồ-tát năng ở trong vô lượng kiếp, đại kiếp, không đọa vào đường ác. Do nhân duyên đây, tư lương Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề không gì không viên mãn.

Trong đây, chư Bồ-tát nếu cúng dường hiện tiền Phật và tháp, nên biết gặt hái quả đại phước;

nếu cúng dường không hiện tiền Phật và tháp, sẽ gặt hái quả đại đại phước; nếu cúng dường hiện tiền, không hiện tiền Phật và tháp, sẽ gặt hái quả tối đại phước không gì sánh được.

5. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp, tự tay mình thiết lễ cúng dường, không sai khiến tôi tớ, không nhờ bạn bè, dân chúng, quyến thuộc, không nương phóng dật giải đãi lười biếng. Đây gọi là tự mình thiết lễ cúng dường của Bồ-tát.

Hoặc đối với Như Lai và tháp, chư Bồ-tát muốn thiết lễ cúng dường, chẳng phải chỉ tự làm mà còn khuyến khích hoặc cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn bè, dân chúng, quyến thuộc cùng làm, hoặc quốc vương, vương tử, đại thân, trưởng giả, cư sĩ cùng làm, hoặc Bà-la-môn cùng làm, hoặc quốc ấp tụ lạc, thương chủ nhiều tài bảo, dưới cho đến hết thầy nam nữ, lớn nhỏ nghèo cùng, tất cả người khổ dòng Chiên-đà-la cùng làm, hoặc thân giáo sư, quý phạm sư, những người cộng trú, cận trú, người đồng phạm hạnh, các vị xuất gia, hết thầy chúng ngoại đạo cùng làm. Bồ-tát khiến họ đối với Như Lai và tháp, tùy sức tùy khả năng sắp xếp các sự cúng dường. Đây gọi là mình và người cùng cúng dường của Bồ-tát.

6. Hoặc chư Bồ-tát hiện có ít tài vật đem dâng cúng, hưng khởi tâm bi mẫn, suy nghĩ thí cho người nghèo khổ thiếu phước không sức kia, khiến họ dùng vật thí đó cúng dường hoặc Như Lai hoặc tháp, nguyện người kia ở đời vị lai thọ nhiều an lạc. Người kia được vật đây dùng để cúng dường Như Lai và tháp. Bồ-tát đối với việc ấy, tự mình không làm việc cúng dường. Đây gọi là chỉ dạy người cúng dường của Bồ-tát.

Trong đây, chư Bồ-tát nếu tự mình cúng dường Phật và tháp, chỉ gặt hái quả đại phước; nếu chỉ dạy người cúng dường, sẽ gặt hái quả đại đại phước; nếu mình và người cùng cúng dường, sẽ gặt hái quả tối đại phước không gì sánh được.

7. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp Như Lai, hoặc dùng các thứ y phục, thức ăn uống, ngọc cụ, thuốc trị bệnh cùng các tạp vật nuôi thân... để cúng dường. Chắp tay thành kính lễ bái, dâng cúng chuông chuông huân hương, mặt hương, đồ hương, tràng hoa, kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái, đèn sáng. Ca tụng khen ngợi, năm luân quy mạng, đi nhiều quanh bên phải mà vì cúng dường. Hoặc phụng cúng thí vô lượng tiền của. Hoặc phụng thí ma-ni,

trân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô, xa cừ, mã não, hổ phách, kim ngân, xích châu... tất cả trân bảo như vậy. Hoặc lại phụng thí các thứ trang sức như vòng đeo tay, vòng đeo tai... cho đến phụng thí chuông chuông linh báu. Hoặc phân phát các thứ trân kỳ quý lạ, buộc dây lụa báu mà vì cúng dường. Đây gọi là Bồ-tát đối với Như Lai và tháp cung kính cúng dường tài bảo.

8. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp, trường thời sắp đặt cung kính cúng dường tài bảo như trên, hoặc cúng vật dụng nhiều, hoặc cúng vật dụng thượng diệu, hoặc hiện tiền, hoặc không hiện tiền, hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, hoặc tâm thanh tịnh thẳng giải mạnh mẽ hiện tiền cúng dường, dùng các chủng thiện căn như vậy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Bảy chủng như vậy gọi là cúng dường rộng lớn của Bồ-tát.

9. Hoặc chư Bồ-tát đối với Như Lai và tháp tự tay cúng dường, không ôm tâm khinh mạn bảo người cúng dường. Không trụ phóng dật giải đãi, lười biếng bất kính mà thiết lễ cúng dường. Không khinh khi trích thượng, tâm không xao lãng, tâm không tạp nhiễm mà thiết lễ cúng dường. Không

được vì tiền của cung kính, mà đối trước quốc vương, đại thần, các nhà tôn quý tin Phật, giả dối bày đặt chửi chửi việc cúng dường hư vọng. Không dùng màu sắc lòe loẹt, không dùng chửi chửi hương cục-quật-la, át-già-la... cùng vật bất tịnh khác để cúng dường. Sáu chửi như vậy gọi là cúng dường không nhiệm của Bồ-tát.

Lại chửi Bồ-tát lúc dùng tài bảo rộng lớn, không nhiệm cung kính cúng dường Như Lai và tháp như vậy, tài bảo thu được hoặc do năng lực tự tay mình tích chứa, hoặc do từ người mà cầu, hoặc có được đầy đủ tài bảo tự tại, năng làm vô lượng việc cúng dường như vậy.

Chửi Bồ-tát đã được đầy đủ tự tại, hóa thân làm hoặc một, hoặc hai, hoặc rất nhiều, cho đến trăm ngàn muôn muôn ức số... tất cả thân đây đều đối trước Như Lai và tháp cung kính lễ bái. Lại từ mỗi mỗi hóa thân như vậy, hóa ra nhiều tay, hoặc trăm, hoặc ngàn, hoặc quá số đây. Tất cả tay đây đều cầm vô lượng hương hoa mỹ diệu của các cõi trời, chửi chửi thân bảo thù thắng khả ái phụng rải lên Như Lai và tháp. Lại từ tất cả hóa thân như vậy, hóa xuất vô lượng âm thanh thượng diệu

ca ngợi công đức chân thật thắm sâu rộng lớn của Như Lai. Lại từ tất cả hóa thân như vậy, hóa xuất vô lượng vòng xuyên, các thứ trang nghiêm tối thượng tối diệu, cùng chủng chủng tràng phan bảo cái cúng dường đầy đủ Như Lai và tháp. Tất cả việc như vậy, Bồ-tát đã thành tựu tự tại đầy đủ trong việc thiết lập cúng dường, đều thuộc tự tâm. Bồ-tát như vậy lại không mong cầu Như Lai ra đời. Vì có sao? Vì Bồ-tát đây đã được chứng nhập Bất thối chuyển địa, qua lại tất cả quốc độ chư Phật đều không ngăn ngại để mà cúng dường.

Lại chư Bồ-tát hoặc không đủ lực tích tập tài bảo, cũng không từ người cầu để có được tài bảo, cũng không thu hoạch tài bảo đầy đủ tự tại để sắp đặt cúng dường. Nhưng ở nơi sở hữu hoặc Thiệm bộ châu, hoặc bốn đại châu, hoặc ở ngàn thế giới, hoặc ở hai ngàn thế giới, hoặc Tam thiên đại thiên thế giới, cho đến mười phương không ngần không mé các thế giới, phẩm thượng, trung, hạ, cúng dường đầy đủ tất cả Như Lai. Bồ-tát ở nơi các việc kia, dùng tâm tịnh tín đồng hành thắng giải, tư duy tùy hỷ rộng khắp tất cả. Bồ-tát như vậy ít dùng công sức mà phát khởi cúng dường rộng lớn vô biên,

nhiếp thọ tư lương Bồ-đề rộng lớn. Bồ-tát ở nơi đây, hằng thời không gián đoạn khởi tâm chân thiện, khởi tâm hoan hỷ, tinh cần tu học.

10. Hoặc chư Bồ-tát, ít thời ít thời, thoáng chốc thoáng chốc, cho đến như chừng mảy lông, rộng khắp tất cả hữu tình cho đến loài xuẩn động, tâm đồng tu tập từ, bi, hỷ, xả. Nơi tất cả hành tu tướng vô thường, tướng vô thường khổ, tướng khổ vô ngã. Đối với Niết-bàn tu tướng thù thắng lợi ích. Đối với Phật, Pháp, Tăng, Ba-la-mật-đa, tu tập tùy niệm. Tuy ít thời ít thời, thoáng chốc thoáng chốc, mà ở nơi tất cả pháp, trí Nhãn phẩm hạ tin hiểu chân như, pháp tánh lìa lời, tâm trụ vô phân biệt, trụ vô tướng còn sanh khởi ít phần, hà hướng đối việc đây thực hành hơn thời gian như vậy.

Như vậy, Bồ-tát thủ hộ luật nghi giới đã thọ, tinh siêng tu học pháp Xa-ma-tha, pháp Tỳ-bát-xá-na, pháp Bồ-đề phần; chân chánh siêng tu học tất cả Ba-la-mật-đa và các nhiếp sự. Đây gọi là cúng dường chánh hạnh của Bồ-tát. Cúng dường như vậy là tối bậc nhất, tối thượng, tối thắng, tối diệu không gì vượt hơn. Cúng dường như vậy vượt quá việc dùng tất cả chủng đầy đủ cúng dường ở

phần trước trăm lần, ngàn lần, cho đến ô-ba-ni-sát-đàm lần.

Mười tướng đây đều gọi là đầy đủ tất cả chủng cúng dường Như Lai. Như cúng dường Phật, thì cúng dường hoặc Pháp, hoặc Tăng, tùy chỗ thích hợp phải biết cũng vậy.

Như vậy, Bồ-tát cúng dường Tam bảo có 10 chủng. Lúc phát khởi cúng dường, phải nên duyên Như Lai sanh khởi sáu chủng ý vui tăng thượng: 1. Ý vui tăng thượng ruộng công đức rộng lớn không gì hơn; 2. Ý vui tăng thượng có ân đức rộng lớn không gì hơn; 3. Ý vui tăng thượng rất tôn quý trong tất cả loài hữu tình không chân, hai chân và nhiều chân; 4. Ý vui tăng thượng như hoa ưu-đàm vi diệu rất khó gặp; 5. Ý vui tăng thượng xuất hiện độc nhất trong tam thiên đại thiên thế giới; 6. Ý vui tăng thượng là chỗ nương của tất cả nghĩa, khiến viên mãn tất cả công đức của thế gian và xuất thế gian. Do sáu chủng ý vui tăng thượng đây, Bồ-tát đối với Như Lai, hoặc Pháp, hoặc Tăng, tuy tư duy chút phần hầy còn gặt hái quả công đức vô lượng, hà huống nhiều tư duy.

B. Thân cận:

Bồ-tát thành tựu bao nhiêu tướng năng làm bạn lành? Bao nhiêu chủng tướng năng làm bạn lành không hư dối? Thành tựu bao nhiêu tướng khiến tánh bạn lành làm chỗ nương tựa tin tưởng? Bồ-tát bạn lành có bao nhiêu chủng năng làm các việc bạn lành giáo hóa chúng sanh? Bồ-tát có bao nhiêu chủng thân cận bạn lành? Bao nhiêu chủng tướng nên ở nơi bạn lành lắng nghe chánh pháp? Có bao nhiêu chủng xứ, khi ở nơi bạn lành lắng nghe chánh pháp, không tác ý khác đối với vị thầy thuyết pháp?

1. Nên biết Bồ-tát thành tựu tám chi năng viên mãn các tướng bạn lành: 1. An trụ giới, tức là diệu khéo an trụ ở trong luật nghi giới Bồ-tát không khuyết không hở; 2. Đa văn, tức là thành tựu giác tuệ; 3. Chứng đầy đủ, tức là tùy thuận các phẩm thiện thù thắng do tu mà thành tựu như là pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na; 4. Trong tâm đầy đủ từ bi ai mẫn, tức là năng xả tự kỷ, hiện pháp lạc trú, tinh siêng không lười mỏi đối với việc nhiều ích người; 5. Vô úy, tức là khi vì người tuyên thuyết dạy trao chánh pháp, không do hãi sợ khiến quên

mất nhớ nghĩ; 6. Thấy đều năng kham nhẫn, tức là đối với sự cười nhạo khinh miệt, đối với lời nói chống trái không kính quý, đối với hết thấy lời nói phi ái, đối với chủng chủng ác hạnh, thấy đều năng kham nhẫn; 7. Không mỗi một, tức là dùng tất cả năng lực mạnh mẽ có được, nhiều tư trách, vì bốn chúng tuyên thuyết chánh pháp, dùng lời nói không rắc rối, dễ nghe dễ hiểu, tâm không nhàm chán mỗi một; 8. Khéo dùng từ, tức là dùng ngôn ngữ đầy đủ viên mãn, dùng ngôn từ biện biệt rõ ràng, không hoại mất pháp tánh.

2. Chư Bồ-tát đầy đủ các đức tương ưng năm chủng tướng, năng làm bạn lành không hư dối: 1. Đối với người, trước muốn cầu làm lợi ích an lạc; 2. Đối với lợi ích an lạc của kia, như thật biết rõ tường tận, hiểu biết không điên đảo; 3. Đối với người, khéo quyền phương tiện thuận thời nghi thuyết pháp, có lực có khả năng trong việc điều phục; 4. Tâm nhiều ích không nhàm mỏi; 5. Đối với các hữu tình ở phẩm liệt, phẩm trung, phẩm thắng, tâm không thiên lệch, đầy đủ đại bi bình đẳng.

3. Chư Bồ-tát thành tựu năm tướng khiến tánh

bạn lành làm chỗ nương tựa tin tưởng, khiến người ở xa nghe được cũng hết lòng sanh tịnh tín, hướng là những người gần gũi thấy được: 1. Thắng diệu, oai nghi viên mãn, oai nghi tịch tĩnh, oai nghi đầy đủ, tất cả chi phần đều không tháo động; 2. Thành khẩn cung kính, ba nghiệp hiện hành không trạo cử, không nhiễu loạn; 3. Không kiêu mạn, không giả hiện oai nghi nghiêm chỉnh để dối gạt người; 4. Không ganh ghét, trọn không được đối với lợi dưỡng cung kính của người thuyết pháp mà sanh khởi không kham nhẫn; lại thường khuyến thỉnh người thuyết pháp, cũng hằng khuyến thỉnh người khác rộng thí lợi dưỡng cung kính đối với vị kia, tâm không siểm nịnh dối trá, tâm thuần tịnh với người; thấy người thuyết pháp thu được tài bảo cung kính, sanh sâu tùy hỷ như chính mình được lợi dưỡng cung kính; thấy người được lợi dưỡng cung kính, tâm hoan hỷ vượt hơn như vậy; 5. Tiết kiệm đơn giản, cất chứa rất ít các vật dụng, tùy được, tùy xả.

4. Bồ-tát bạn lành do năm chủng tướng năng làm bạn lành giáo hóa chúng sanh: 1. Năng khuyên can khiến dừng dứt lỗi lầm; 2. Năng khiến nhớ

ngĩ; 3. Năng dạy trao; 4. Năng dạy răn; 5. Năng thuyết pháp. Các câu như vậy nên biết đã biện trong *Dạy răn dạy trao* của *Thanh văn địa*, rộng như phẩm “*Chúng tánh lực*” ở trước.

5. Do bốn chủng tướng khiến Bồ-tát viên mãn thân cận bạn lành: 1. Đối với bạn lành có bệnh, không bệnh, tùy thời chăm sóc cung cấp, hằng thời phát khởi tịnh tín thương quý; 2. Đối với bạn lành, tùy thời kính hỏi, lễ bái đón tiếp, chấp tay ân cần, tu nghiệp hòa kính mà vì cúng dường; 3. Đối với bạn lành, tùy thời như pháp cúng dường y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, các vật nuôi thân; 4. Đối với bạn lành ở nơi nghĩa hoặc hòa hợp hoặc chia lìa đã như pháp tùy chuyển tự tại, không bị khuynh động, thì xem là chỗ nương tựa chân chánh, như thật hiển phát, tâm thuận hành như lời dạy, tùy thời đến đi, cung kính phụng sự, thưa hỏi nghe thọ.

6. Chư Bồ-tát lúc muốn thỉnh pháp, nên năng thuận theo bạn lành lắng nghe chánh pháp, khởi năm chủng tướng: 1. Nghĩ tưởng “Thật quý báu”, vì nghĩa khó được; 2. Nghĩ tưởng “Là mất”, vì nghĩa tánh nhân năng đắc diệu tuệ câu sanh rộng lớn; 3.

Nghĩ tưởng “Sáng suốt”, vì nghĩa tuệ nhãn câu sanh rộng lớn, soi chiếu tất cả chúng sở tri như thật; 4. Nghĩ tưởng “Quá rộng lớn, công đức thù thắng”, vì nghĩa tánh nhân năng đặc Niết-bàn và dấu tích vi diệu của ba Bồ-đề vô thượng; 5. Nghĩ tưởng “Hoan hỷ rộng lớn không tội”, vì nghĩa hiện pháp chưa đặc Niết-bàn cùng ba Bồ-đề, thì ở nơi pháp Chỉ Quán như thật điều luyện, tánh nhân của lạc rộng lớn không tội.

7. Chư Bồ-tát khi muốn từ bạn lành lắng nghe chánh pháp, chỉ đem tâm thuần tịnh để lắng nghe chánh pháp, có năm chủng khiến không tác ý khác đối với người thuyết pháp: 1. Đối với người phạm giới, không tác ý khác; tức là không phát khởi tâm “Đây là người phá giới, không an trụ luật nghi, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”; 2. Đối với người thuộc dòng tộc thấp kém, không tác ý khác; tức là không khởi tâm “Đây là người chủng tánh thấp kém, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”; 3. Đối với người dung mạo xấu, không tác ý khác; tức là chẳng khởi tâm “Đây là người xấu xí, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”; 4. Đối với người văn dở, không tác ý khác; tức là chẳng khởi tâm

“Kia ở nơi ngôn từ chẳng khéo văn hoa, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”, nên chỉ nương nghĩa, không nương văn; 5. Đối với người phát lời không vi diệu, không tác ý khác; tức là chẳng khởi tâm “Đây là lời thô ác, nhiều phần khuể, chẳng dùng lời mỹ diệu để thuyết các pháp, ta nay chẳng nên theo kia để nghe pháp”.

Bồ-tát khi muốn nghe pháp, không nên tác ý năm điều như vậy, chỉ nên cung kính nhiếp thọ chánh pháp. Đối với vị pháp sư chưa từng gặp mặt, nếu Bồ-tát có huệ yếu kém, tâm sanh khinh thường, chẳng muốn theo để nghe chánh pháp, nên biết hành động đây chẳng cầu tự lợi, lui mất thắng tuệ.

C. Vô lượng:

Sao gọi là Bồ-tát tu bốn vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả? Lược có 3 chủng tu bốn vô lượng của chư Bồ-tát: 1. Vô lượng duyên hữu tình; 2. Vô lượng duyên pháp; 3. Vô lượng duyên không.

Hoặc chư Bồ-tát đối với ba tụ của tất cả hữu tình đây, an lập là không khổ không vui, có khổ, có vui. Trước tiên, đối với hữu tình muốn cầu vui, Bồ-tát phát khởi ý lạc tăng thượng cho vui, thắng

giải hữu tình duyên khắp mười phương, an trụ không điên đảo, tu tâm câu hữu với Từ. Đây gọi là *Từ duyên hữu tình*.

Hoặc chư Bồ-tát trụ tướng “chỉ có pháp, giả nói hữu tình”, tu tâm câu hữu với Từ. Đây gọi là *Từ duyên pháp*.

Hoặc chư Bồ-tát ở nơi pháp, xa lìa phân biệt, tu tâm câu hữu với Từ. Đây gọi là *Từ duyên không*.

Như Từ duyên ba loại sai biệt là duyên hữu tình, duyên pháp, duyên không, thì Bi, Hỷ, Xả nên biết cũng vậy.

Hoặc chư Bồ-tát đối với người có khổ, phát khởi ý lạc tăng thượng trừ khổ rộng khắp mười phương, tu tâm câu hữu với Bi. Đây gọi là Bi.

Hoặc chư Bồ-tát đối với người có vui, phát khởi ý lạc tăng thượng tùy hỷ rộng khắp mười phương, tu tâm câu hữu với Hỷ. Đây gọi là Hỷ.

Hoặc chư Bồ-tát đối với hữu tình không khổ không vui, có khổ, có vui, tùy theo thứ lớp mà phát khởi ý lạc tăng thượng, xa lìa si sân tham, rộng duyên khắp mười phương, tu tâm câu hữu với Xả. Đây gọi là Xả. Trong đây, vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả nếu duyên hữu tình, thì tướng đây cùng chung với

các ngoại đạo; nếu duyên pháp, thì tướng đây cùng chung với các Thanh văn, Độc giác, không cùng chung với các ngoại đạo.

Lại ba chủng vô lượng Từ, Bi, Hỷ của Bồ-tát nên biết nhiếp vào ý vui an lạc. Một chủng vô lượng Xả của Bồ-tát nên biết nhiếp vào ý vui lợi ích. Tất cả vô lượng của Bồ-tát như vậy gọi là ai mãn. Vì chư Bồ-tát nương đây thành tựu, cho nên gọi là bậc Ai mãn. Trong đây Bồ-tát đối với hữu tình giới, quán thấy có 110 chủng khổ, nên tu vô lượng Bi đối với các hữu tình.

Những gì gọi là 110 chủng khổ? Có 1 chủng khổ nương khổ của sự lưu chuyển không khác biệt. Tất cả hữu tình, không hữu tình nào chẳng đọa khổ lưu chuyển.

Lại có 2 khổ: 1. Dục là căn bản khổ, như sự vật khả ái bị biến hoại, do đây phát sanh khổ; 2. Si dị thực phát sanh khổ. Như thân thể lãnh thọ mạnh mẽ sự xúc chạm, tức ở nơi tự thể chấp ngã, ngã sở, ngu si mê muội sanh giận dữ oán thán. Do nhân duyên đây thọ nhận hai mũi tên thọ, đó là thân thọ mũi tên khổ và tâm thọ mũi tên khổ.

Lại có 3 khổ: 1. Khổ khổ; 2. Hành khổ; 3.

Hoại khổ.

Lại có 4 khổ: 1. Biệt ly khổ, đó là khổ phát sanh do thương yêu mà phải chia lìa; 2. Đoạn hoại khổ, đó là khổ phát sanh do chết, xa lìa chúng đồng phạm; 3. Tương tục khổ, đó là khổ phát sanh do từ đây về sau, lớp lớp sanh tử triển chuyển tiếp nối không dừng; 4. Rốt ráo khổ, đó là nhất định không có pháp Bát-niết-bàn.

Lại có 5 khổ, đó là năm thủ uẩn khổ của các loại hữu tình: 1. Khổ phát sanh do duyên tham dục triền; 2. Khổ phát sanh do duyên sân khuể triền; 3. Khổ phát sanh do duyên hôn trầm thùy miên triền; 4. Khổ phát sanh do duyên trạo cử ác tác triền; 5. Khổ phát sanh do duyên nghi cái triền.

Lại có 6 khổ: 1. Nhân khổ, vì tích tập nhân đi vào nẻo ác; 2. Quả khổ, vì sanh vào các đường ác; 3. Cầu tiền của, địa vị khổ; 4. Siêng năng giữ gìn khổ; 5. Không chán đủ khổ; 6. Biến hoại khổ. Sáu chủng như vậy nói chung là khổ.

Lại có 7 khổ: 1. Sanh khổ; 2. Già khổ; 3. Bệnh khổ; 4. Chết khổ; 5. Oán ghét gặp nhau mà khổ; 6. Thương yêu chia lìa mà khổ; 7. Mong cầu chẳng được mà khổ.

Lại có 8 khổ: 1. Lạnh khổ; 2. Nóng khổ; 3. Đói khổ; 4. Khát khổ; 5. Không tự tại khổ; 6. Tự bức não khổ, đó là các ngoại đạo như Vô Hệ...; 7. Bức não của những điều khác nên khổ, như sự xúc chạm do người khác cầm các vật ném quăng, xúc chạm của ruồi muỗi; 8. Giữ một loại oai nghi trong thời gian dài nên khổ.

Lại có 9 khổ: 1. Tự suy tổn khổ; 2. Người làm suy tổn khổ; 3. Thân thuộc suy tổn khổ; 4. Tiền của, địa vị suy tổn khổ; 5. Trước không bệnh, sau bị suy tổn khổ; 6. Giới suy tổn khổ; 7. Thấy suy tổn khổ; 8. Hiện pháp khổ; 9. Hậu pháp khổ.

Lại có 10 khổ: 1. Thiếu thốn các thứ để ăn nên khổ; 2. Thiếu thốn các thứ để uống nên khổ; 3. Thiếu thốn các phương tiện đi lại nên khổ; 4. Thiếu các thứ y phục nên khổ; 5. Thiếu thốn các thứ trang nghiêm nên khổ; 6. Thiếu thốn các vật dụng nên khổ; 7. Thiếu thốn hương hoa trang sức nên khổ; 8. Thiếu thốn kỹ nhạc, ca múa nên khổ; 9. Thiếu các thứ đèn sáng nên khổ; 10. Thiếu kẻ nam, người nữ phụng sự nên khổ.

Ngoài ra lại có 9 chủng khổ: 1. Tất cả khổ; 2. Rộng lớn khổ; 3. Tất cả môn khổ; 4. Tà hạnh khổ;

5. Lưu chuyển khổ; 6. Không toại ý nên khổ; 7. Chia rẽ khổ; 8. Rong ruổi khổ; 9. Tất cả chủng khổ.

Trong *tất cả khổ* lại có 2 khổ: 1. Nhân đời trước phát sanh khổ; 2. Duyên hiện tại phát sanh khổ.

Trong *rộng lớn khổ* lại có 4 khổ: 1. Trường thời khổ; 2. Mãnh liệt khổ; 3. Tạp loại khổ; 4. Không gián đoạn khổ.

Trong *tất cả môn khổ* cũng có 4 khổ: 1. Địa ngục khổ; 2. Bàn sanh khổ; 3. Thế giới quý khổ; 4. Niếp vào đường thiện khổ.

Trong *tà hạnh khổ* lại có 5 khổ: 1. Do hiện tại xúc phạm người, người làm việc chẳng nhiều ích nên phát sanh khổ; 2. Do thọ dụng thức ăn uống không điều hòa, tứ đại không quân bình nên phát sanh khổ; 3. Do hiện pháp gặp khổ bức bách, tự nhiên tạo tác phát khởi khổ; 4. Do hằng ở trong tác ý phi lý, nên thọ các phiền não và tùy phiền não triền khiến sanh khởi các khổ; 5. Do phát khởi chủng chủng thân ngữ ý ác hạnh, dẫn đến đời sau thọ các khổ ở đường ác.

Trong *lưu chuyển khổ* lại có 6 chủng lưu chuyển sanh tử bất định, chỗ phát sanh khổ: 1. Tự thân

bất định, như là trước kia đã từng làm chủ, về sau làm tôi tớ; 2. Cha mẹ bất định; 3. Vợ con bất định; 4. Tôi tớ sai khiến bất định; 5. Bạn bè, quan chức, quyến thuộc bất định, như là trước kia từng làm cha mẹ cho đến quyến thuộc, đời sau xoay vần chuyển lưu thành kẻ oan gia và ác tri thức; 6. Tiền tài, địa vị bất định, như là trước kia từng giàu có sung túc, về sau nghèo cùng khốn khổ.

Trong *không toại ý nên khổ* có 7 chủng: 1. Muốn cầu trường thọ nhưng sanh mạng ngắn ngủi, không toại ý nên khổ; 2. Muốn cầu đọan chánh nhưng sanh xấu xí, không toại ý nên khổ; 3. Muốn sanh dòng tộc cao sang nhưng lại sanh dòng bần tiện, không toại ý nên khổ; 4. Muốn cầu giàu có lại sanh nghèo hèn, không toại ý nên khổ; 5. Muốn cầu sức mạnh nhưng lại sanh yếu kém, không toại ý nên khổ; 6. Muốn cầu hiểu biết các cảnh giới sở tri, nhưng ngu si vô trí hiện hành, không toại ý nên sanh khổ; 7. Muốn cầu hơn người nhưng trái lại người hơn, không toại ý nên sanh khổ.

Trong *chia rẽ nên khổ* lại có 8 chủng: 1. Người tại gia có vợ con... bị tổn giảm nên khổ; 2. Người xuất gia vẫn còn hết thấy tham phiền não hưng

thạnh nên khổ; 3. Cơ hiểm nên khổ; 4. Oán địch bức bách nên khổ; 5. Sống ở nơi nguy hiểm hoang vắng, bị sợ hãi bức bách nên khổ; 6. Hệ thuộc người nên khổ; 7. Chi phần không đầy đủ, bị tổn nã nên khổ; 8. Bị giết hại, trói cột, xua đuổi, đánh đập, bức nã nên khổ.

Trong *rong ruổi theo khổ* có 9 khổ, đó là nương tám pháp thế gian có tám chủng khổ: 1. Pháp hoại, đến lúc hoại khổ; 2. Pháp tận, đến lúc tận khổ; 3. Pháp già, đến lúc già khổ; 4. Pháp bệnh, đến lúc bệnh khổ; 5. Pháp chết, đến lúc chết khổ; 6. Không lợi nên khổ; 7. Không tiếng khen nên khổ; 8. Bị sự chê trách nên khổ. Đây là tám khổ. Thêm mong cầu nên khổ là 9.

Trong *tất cả chủng khổ* có 10 khổ, đó là ngược lại với năm lạc đã nói ở trước, là năm chủng khổ: 1. Nhân khổ; 2. Thọ khổ; 3. Duy chỉ không lạc, khổ; 4. Thọ không đoạn dứt, khổ; 5. Xuất ly, viễn ly, tịch tĩnh, Bồ-đề, vui sở trị, nhà, kiết Dục giới, tâm, dị sanh khổ. Đây gọi là năm khổ.

Lại có 5 khổ: 1. Bức bách nên khổ; 2. Thiếu thốn các thứ vật chất nên khổ; 3. Tứ đại không quân bình nên khổ; 4. Thương yêu nhưng bị biến

hoại nên khổ; 5. Ba cõi phiền não phẩm thô trọng nên khổ. Đây gọi là năm khổ. Trước có năm, đây có năm, cộng chung là mười khổ. Đây gọi là tất cả chúng khổ.

Trước có 55, nay có 55, tổng cộng có 110 chúng khổ. Bồ-tát ở nơi cảnh giới sở duyên Bi, vì duyên cảnh đây nên chư Bồ-tát sanh khởi tu tập tăng trưởng viên mãn tâm Bi.

Lại chư Bồ-tát ở nơi khổ uẩn lớn, duyên 19 khổ phát khởi Đại Bi. Những gì là 19 khổ? 1. Ngu si dị thực khổ; 2. Hành khổ nhiếp lấy khổ; 3. Rốt ráo khổ; 4. Nhân khổ; 5. Sanh khổ; 6. Tự làm bức não khổ; 7. Giới suy tổn khổ; 8. Kiến suy tổn khổ; 9. Nhân đời trước khổ; 10. Rộng lớn khổ; 11. Địa ngục khổ; 12. Đường thiện nhiếp lấy khổ; 13. Tất cả tà hạnh phát sanh khổ; 14. Tất cả lưu chuyển khổ; 15. Vô trí khổ; 16. Tăng trưởng khổ; 17. Rong ruổi khổ; 18. Thọ khổ; 19. Thô trọng khổ.

Do bốn duyên nên Bi được gọi là Đại Bi: 1. Do duyên khổ của hữu tình thắm sâu, vi tế khó rõ làm cảnh sanh Bi; 2. Do trường thời tích tập mà thành, đó là chư Bồ-tát trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp tích tập thành tựu; 3. Do tác ý mạnh mẽ nơi

sở duyên mà phát khởi. Đó là chư Bồ-tát giữ gìn tác ý Bi đây, vì nhân duyên dứt các khổ hữu tình nên năng xả bỏ trăm ngàn thân mạng cùng với tài bảo, hà huống một thân mạng; đều năng kham nhẫn ở nơi tất cả thống khổ; 4. Cực thanh tịnh, đó là chư Bồ-tát đã đạt đến rốt ráo thanh tịnh của Bồ-tát, hay chư Như Lai đạt đến thanh tịnh Phật địa Như Lai.

Lại chư Bồ-tát do 110 chủng khổ đã nói ở trước, đối với các hữu tình lúc tu tâm Bi, tức là tu tập tất cả sở hữu tâm Bi của Bồ-tát. Lại năng nhanh chóng chứng ý lạc thanh tịnh, chứng nhập Ý lạc thanh tịnh địa của Bồ-tát. Đối với các hữu tình, Bồ-tát thành tựu tâm rất gần gũi, tâm rất nhớ quý, tâm muốn thi ân, tâm không nhàm mỏi, tâm thay thế chịu khổ, tâm có thể kham nhẫn tự tại, nhu hòa uyển chuyển. Chư Thánh Thanh văn đã đắc chứng nhập khổ để hiện quán, đã đạt đến rốt ráo, ở nơi khổ, tâm đồng hành nhằm chán sâu xa tương tục mà chuyển. Bồ-tát không như thế, xem thấy chúng sanh bị đọa trong số 110 chủng cực khổ uẩn lớn, trước tiên hành tâm Bi đối với các hữu tình. Như vậy, Bồ-tát lấy sự tu tập Bi mà

huân ướp nơi tâm, đối với các sự trong ngoài, không có chút phần nào mà chẳng thể xả, không có giới luật nghi nào mà chẳng thể học, không người oán hại nào mà chẳng thể nhẫn, không có tinh tấn nào mà chẳng phát khởi, không có tinh lực nào mà chẳng thể chứng, không có diệu tuệ nào mà chẳng thể nhập. Cho nên, nếu có ai thỉnh hỏi Như Lai: “*Lấy gì kiến lập Bồ-đề của Bồ-tát?*”. Như Lai đều chánh trả lời: “*Bi là chỗ kiến lập Bồ-đề của chư Bồ-tát*”.

Như trước đã nói, mỗi một vô lượng đều có vô lượng Bồ-tát tròn đầy đức như ý tùy chuyển, đều năng nhiếp thọ vô lượng quả đáng yêu thích, đều có vô lượng chủng chỉ chuyển theo một hướng là diệu thiện vô tội. Nên biết Bồ-tát tinh siêng tu học vô lượng như vậy, năng thành tựu bốn chủng công đức lợi ích thù thắng. Đó là do tu tập vô lượng đây, trước tiên đặc hiện pháp lạc trú tối thắng; nhiếp thọ tăng trưởng vô lượng tư lương phước đức tối thắng; năng đối Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ý lạc bền chắc; vì muốn nhiều ích các hữu tình, nên ở trong sanh tử kham năng nhẫn thọ tất cả đại khổ.

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ
Phần 17. BỒ ĐỀ PHẦN - 1

Sao gọi là pháp Bồ-đề phần của Bồ-tát? Ót-Đà-Nam thuyết:

*Tàm quý, lực kiên trì
 Không nhàm, luận, thế trí
 Chánh y, vô ngại giải
 Tư lương, Bồ-đề phần
 Chỉ Quán, tánh thiện xảo
 Đà-la-ni, chánh nguyện
 Có ba Tam-ma-địa
 Bốn pháp Ót-Đà-Nam.*

Tàm quý của Bồ-tát:

Lược có 2 chủng: 1. Tự tánh; 2. Chỗ nương.

Tự tánh: Chư Bồ-tát đối với tội hiện hành, năng nhận thức chân chánh: “Ta làm điều phi pháp”, trong lòng sanh hổ thẹn, đây gọi là *tàm*. Túc ở trong đây năng nhận biết chân chánh, đối với người sợ hãi, bên ngoài sanh hổ thẹn, đây gọi là *quý*. Bồ-tát vốn có bản tánh hổ thẹn mạnh mẽ

như vậy, hướng chi lại thêm tu tập. Đây gọi là tự tánh tầm quý của Bồ-tát.

Chỗ nương, lược có bốn chủng. Hoặc chư Bồ-tát đối với việc nên làm mà không tùy thuận, không kiến lập, nên sanh khởi hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ nhất.

Hoặc chư Bồ-tát đối với việc không nên làm, lại tùy thuận kiến lập, nên sanh hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ hai.

Hoặc chư Bồ-tát tự mình đã làm các việc ác, phát sanh hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ ba.

Hoặc chư Bồ-tát tự mình sanh khởi các việc ác tác hữu y, theo đuổi không xả nên sanh hổ thẹn. Đây gọi là chỗ nương thứ tư. Như vậy gọi là chỗ nương tầm quý của Bồ-tát.

Tánh lực hành trì kiên cố của Bồ-tát:

Tánh đây lược có hai chủng: 1. Tự tánh; 2. Chỗ nương.

Tự tánh: là tánh năng ngăn chặn tâm nhiễm ô, tánh không tùy thuận, không tự tại hành theo phiền não, tánh kham nhẫn khổ. Tuy hiện tại có nhiều chủng chủng hãi sợ mạnh mẽ, mà tánh gia

hạnh chân chánh không lay động, nên thành tựu tánh lực hành trì kiên cố. Như vậy gọi là tự tánh của tánh lực hành trì kiên cố.

Tánh lực hành trì kiên cố của Bồ-tát lược có 5 chỗ nương: 1. Gặp gỡ luân chuyển trong sanh tử, nơi có chủng chủng đại khổ mà giáo hóa hữu tình có chủng chủng tà hạnh; 2. Vì nhiều ích hữu tình, nên thệ thọ trường thời lưu chuyển trong sanh tử; 3. Lúc tuyên dương pháp nghĩa trong đại chúng, gặp phải các bè phái luận khác đấu tranh nạn vấn; 4. Thệ thọ tất cả học xứ của Bồ-tát; 5. Lắng nghe pháp rộng lớn thâm sâu khó nghĩ bàn.

Như vậy gọi là chỗ nương tánh lực hành trì kiên cố của Bồ-tát.

Tâm không nhàm mỏi của Bồ-tát:

Do năm nhân duyên Bồ-tát chánh gia hạnh rộng khắp trong tất cả mà tâm không nhàm mỏi: 1. Tánh Bồ-tát tự có lực nên không nhàm mỏi; 2. Bồ-tát tâm không nhàm mỏi như vậy, lớp lớp xuyên suốt tu hành nên không nhàm mỏi; 3. Bồ-tát phương tiện nhiếp thọ tinh tấn dũng mãnh, năng chân chánh tùy quán trước sau, đạt được sở

đắc triển chuyển thù thắng, nên không nhàm mỗi; 4. Bồ-tát thành tựu diệu tuệ mãnh lợi tăng thượng, có lực chánh tư trạch, nên không nhàm mỗi; 5. Bồ-tát hằng thường hiện tiền tâm Bi mãnh liệt, tâm cực ai mẫn đối với các hữu tình, nên không nhàm mỗi.

Khéo biết các luận của Bồ-tát:

Chư Bồ-tát đối với danh, cú, văn, thân của năm minh xứ tương ứng các pháp, từ người khéo lãnh thọ, khéo tập học thông lợi. Tức là ở nơi diệu nghĩa của các pháp như vậy, hoặc từ người mà khéo lắng nghe khéo xác quyết, hoặc tự mình tinh cần khéo tư duy biết pháp biết nghĩa. Bồ-tát như vậy, nơi pháp nơi nghĩa không bị quên mất, hằng thường tinh cần không xả gia hạnh.

Lại vì muốn rõ biết pháp nghĩa khác, càng về sau, càng mới, càng sai biệt, nên tuy văn, tư, tu đã đến rốt ráo, nhưng vì do đây cho nên dần dần thứ lớp mới được thành thực, ở nơi pháp nghĩa thu được tinh tín. Do hành tướng đây, nên trí Bồ-tát biết các luận không điên đảo, năng viên mãn vô lượng.

Khéo biết thế gian của Bồ-tát:

Chư Bồ-tát đối khắp tất cả hữu tình thế gian, như thật rõ biết thế gian như vậy thật là hiểm nạn, thật là ngu muội. Đó là tuy có sanh, lão, tử... lớp lớp sanh tử chồng chất, mà các hữu tình ở nơi sanh, lão, tử ấy... lên lên xuống xuống chẳng tự hay biết.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết hữu tình thế gian có các uế trước, lúc các uế trước ở đời trước tăng, không các uế trước ở đời trước giảm, đó là nương năm trước: 1. Thọ mạng trước; 2. Hữu tình trước; 3. Phiền não trước; 4. Kiến trước; 5. Kiếp trước.

Thời nay thọ mạng của người giảm dần, người sống trường thọ chẳng quá trăm năm. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *thọ mạng trước*.

Thời nay hữu tình phần nhiều không tôn trọng cha mẹ, không tôn trọng Sa-môn, Bà-la-môn, không tôn trọng bậc gia trưởng đáng kính, những người làm các việc có nghĩa có lợi, những người làm việc đáng làm. Họ không biết sợ hãi, chỉ làm các việc có tội ở đời này, có tội ở đời sau. Họ không tu huệ thí, không làm nghiệp phước, không thọ trai pháp,

không thọ tịnh giới. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *hữu tình trước*.

Thời nay hữu tình phần nhiều tập hành tham lam phi pháp, tham không bình đẳng, có sức chỉ để cầm nắm đao kiếm, cầm nắm binh khí đấu tranh lẫn nhau. Phần nhiều hành siểm khúc, dối trá, vọng ngữ, nhiếp thọ tà pháp, hiện hành vô lượng pháp ác bất thiện hiện có thể thấy được. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *phiền não trước*.

Thời nay phần nhiều hữu tình vì hoại chánh pháp, vì diệt chánh pháp, tạo lập nhiều việc tương tự chánh pháp, tà pháp, tà nghĩa, mong cầu hư vọng. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *kiến trước*.

Thời nay hữu tình dần dần nhập trong kiếp đói khổ, như hiện có nhiều nơi đói khổ; dần dần nhập vào kiếp dịch bệnh, như hiện có nhiều dịch bệnh lan tràn; dần dần nhập trong kiếp binh đao, như hiện có nhiều nơi dùng binh đao để sát hại lẫn nhau. Tất cả đều có thể thấy được. Thời xưa không vậy. Đây gọi là *kiếp trước*.

Như vậy gọi là Bồ-tát như thật rõ biết hữu tình thế gian.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết sự thành lập,

sự hủy hoại của các khí thể gian, đó là nhìn thấy rõ sự sai biệt của chúng.

Lại chư Bồ-tát sống nơi thế gian đều như thật biết nơi thế gian tập, nơi thế gian diệt, nơi thế gian năng hưởng đến tập hành, nơi thế gian năng hưởng đến diệt hành, nơi thế gian ái vị, quá hoạn, xuất ly.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết mắt cho đến ý, các uẩn vô sắc, bốn đại tạo sắc thành thân sĩ phu chỉ có như thế, chỉ có giả gọi tánh “người”. Ở trong chỗ có tướng, hoặc ngã, hoặc hữu tình, duy chỉ có tướng. Ở chỗ chỉ có ngôn thuyết tên gọi “mắt ta thấy sắc”, nói rộng cho đến “ý ta biết pháp”, cũng chỉ có ngôn thuyết tên gọi. Ở trong chỗ có lời nói thế tục, đó là người đây có tên như vậy, chủng loại như vậy, dòng tộc như vậy, ăn uống như vậy, lãnh thọ hoặc vui hoặc khổ như vậy, trường thọ như vậy, sống lâu như vậy, giới hạn thọ mạng tận hết như vậy, cũng chỉ có ngôn thuyết thế tục. Bồ-tát đều như thật biết các sự đây.

Do chư Bồ-tát như thật rõ biết, hoặc hữu tình thế gian lưu chuyển sai biệt, hoặc khí thể gian lưu chuyển sai biệt, hoặc quán xét nghĩa của tám chủng

tướng thế gian, hoặc các thế gian chỗ có thắng nghĩa, cho nên nói là “Khéo biết thế gian”.

Lại chư Bồ-tát nếu thấy người có niên đức, những bậc tôn quý, năng tiếp đón mời ngồi, thưa hỏi lễ bái, chấp tay ân cần, tu nghiệp hòa kính. Nếu thấy người có đức, hoặc những bậc ngang hàng, thì hoan hỷ thăm hỏi, dùng lời nhu nhuyễn cùng nhau đàm luận, không nương mạn... để so lường chống đối. Nếu thấy những người kém đức, thì tùy lực, tùy khả năng khuyên tu đức thù thắng, ẩn che thật đức, hoặc chỉ hiển chút ít, trọn không cao cử khiến người kia hổ thẹn, cũng không khinh chê khiến kia buồn bã thối lui; biết kia có mong cầu hoặc tiền của, hoặc pháp, thì không xoay lưng, cũng không nhăn nhó khó chịu; không giấu cợt lỗi lầm, cũng không khinh miệt làm mất danh dự của kia. Bồ-tát đối với tất cả hữu tình hoặc kém, hoặc bằng, hoặc hơn như vậy, nếu khi gặp họ, trước ý thăm hỏi vấn an “Thiện lai!”. Bồ-tát sống ở nơi yên ổn thì tùy sức mà chân chánh nắm giữ pháp tài bảo. Tuy ở nơi tôn quý có nhiều tài bảo, mà đối với hữu tình trọn không ngang ngược, lộng hành. Nhiếp lấy hữu tình, cung cấp tài vật. Người có tật

bệnh hay không có tật bệnh, trọn không xả bỏ. Thân nghiệp, ngữ nghiệp không gì chẳng tùy thuận.

Bồ-tát đối với người hoặc quen, hoặc không quen, tâm đều bình đẳng, không oán không hiềm, cùng làm bạn hữu. Đối với hữu tình không nơi nương tựa, tùy lực tùy khả năng làm nơi nương tựa, không dùng cách thức khiến người phát sanh ưu khổ, khiến người không được an lạc, dầu chỉ trong thoáng chốc. Nếu có nhân duyên nói chuyện vui cười, thì hợp lý xứng lý mà nói, không được không như lý. Tuy thâm tình thân mật không ngăn cách, cũng không được bàn luận chuyện thế sự... Bồ-tát đối với người, trọn không ôm lòng hiềm hận lâu, giả sử tạm thời khởi cũng không được chê trách. Hoặc thân ngữ của người có lỗi thiếu sót, thì hoặc khéo tư trạch, hoặc nương chánh pháp, hoặc kiếm điểm lỗi trái vượt để giải mở cho chính mình, không được khiến trách người. Nơi tâm an tĩnh, không vội bạo khinh suất, phát khởi nghiệp thân ngữ ý thủy đều kỹ lưỡng sâu xa. Khấp năng xa lìa mười bốn cấu nghiệp, ẩn tàng sáu phương, xa lìa bốn bạn ác, gần bốn bạn lành. Nên biết tất cả việc như vậy đầy đủ trong Khế kinh Thi-Khư-Cấp-Ca

đã thuyết: “Hoặc vì sự nghĩa lợi ích hiện pháp, tương ưng tiền tài địa vị, phát khởi khích lệ đầy đủ, giữ gìn đầy đủ, bình đẳng dưỡng mạng”. Đối với lĩnh vực nghề nghiệp công xảo của thế gian, đều được thiện xảo. Tánh không siểm, không dối, không lường gạt. Đối với lỗi hiện hành, lòng hổ thẹn sâu. Đầy đủ chánh hạnh, tôn trọng chánh hạnh, thủ hộ chánh hạnh. Có vật giao phó cho người, sanh tin tưởng sâu. Đối với tài vật của người, không trù tính so lường. Cho người mượn vật, trọn không trái ngăn. Phân chia tài vật chung có, trọn không dối trá. Biết rành về chân bảo, người chẳng biết rành, khi mua bán định giá tương xứng với chân bảo. Đối với các việc đời, làm khuôn mẫu quý tác lợi ích cho thế gian, chân chánh biện biệt một cách nhanh nhẹn, nhạy bén. Đối với các sự việc nên làm của người, người đến xin cầu giúp, đều làm trợ bạn. Thật thà thuần hậu không đời chuyển, không theo duyên khác. Khéo kinh doanh sự nghiệp, chẳng làm điều bất thiện. Nếu làm đế vương, dùng pháp để trị vì thế gian, chẳng dùng phi pháp, chẳng dùng trị phạt chẳng lành. Nếu lãnh đạo đại chúng, thì khuyến khích xả ác giới, khiến tu tập thiện

giới, thành tựu tám chủng ngôn ngữ Thánh hiền, đó là: ở nơi điều đã thấy, khi được hỏi thì đáp thấy; ở nơi điều đã nghe, hiểu, biết, khi được hỏi thì đáp nghe, hiểu, biết; ở nơi điều chẳng thấy, khi được hỏi thì đáp chẳng thấy; ở nơi điều chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng biết, khi được hỏi thì đáp chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng biết.

Bồ-tát thành tựu hết thấy pháp như vậy, như điều nên biết ở thế gian, như điều nên chuyển ở thế gian, Bồ-tát đều như thật biết tất cả, cho nên gọi là Bồ-tát khéo biết thế gian.



Quyển 45

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 17. BỒ ĐỀ PHẦN - 2

Bồ-tát tu bốn chánh y:

Bồ-tát vì cầu nghĩa, chẳng vì cầu văn từ hoa mỹ bóng bẩy của thế gian, nên từ người lắng nghe pháp. Khi cầu nghĩa chẳng vì cầu văn mà lắng nghe pháp như vậy, tuy gặp người thuyết pháp dùng ngôn âm lưu loát hay bình thường, Bồ-tát chỉ nương nghĩa cung kính nghe thọ.

Lại chư Bồ-tát như thật rõ biết thuyết pháp tối nghĩa và thuyết pháp hiển nghĩa. Như thật biết rồi, chỉ lấy chánh lý làm chỗ nương, tức liền tín thọ, chẳng do những bậc kỳ lão, những người tri thức, hoặc Phật, hoặc Tăng thuyết pháp. Cho nên chẳng y bổ-đặc-già-la. Như vậy, vì Bồ-tát dùng chánh lý làm chỗ nương, chẳng phải bổ-đặc-già-la, nên ở nơi nghĩa chân thật tâm không lay động, ở trong chánh pháp không bị duyên khác lôi kéo dẫn đoạt.

Lại, chư Bồ-tát ở chỗ Như Lai phát khởi vun trồng chánh tín sâu xa, vun trồng thanh tịnh sâu xa, một hướng chứng tịnh. Chỉ y kinh liễu nghĩa của Như Lai, chẳng y kinh bất liễu nghĩa. Vì kinh liễu nghĩa làm chỗ nương, nên ở nơi pháp Tỳ-nại-da của Phật thuyết không bị điều khác dẫn đoạt. Vì có sao? Vì dụng kinh bất liễu nghĩa mà Phật thuyết, nương chủng chủng môn biện nghĩa bản tánh, Bồ-tát vẫn chưa quyết chắc, còn sanh nghi hoặc, vì chẳng phải liễu nghĩa. Nếu chư Bồ-tát đối với kinh liễu nghĩa mà không xác quyết, thì ở nơi pháp Tỳ-nại-da mà Phật thuyết vẫn có thể bị dẫn đoạt.

Lại, chư Bồ-tát ở nơi chân thật trí kiến thấy là chân thật, chẳng phải ở nơi văn, tư mà nhận biết pháp nghĩa, chẳng phải ở nơi văn, tư mà chứng trí chân thật. Chư Bồ-tát đây như thật rõ biết sự tu thành tựu trí là chỗ nên biết, chẳng phải do văn, tư mà thành các thức là chỗ năng liễu đạt. Như thật biết rồi, nghe sở hữu pháp nghĩa tối cực thậm thâm Như Lai thuyết, trọn không hủy báng.

Đây gọi là Bồ-tát tu bốn chánh y. Vì nương bốn chánh y khéo tu tập, nên lược hiển có bốn lượng, đó là nghĩa sở thuyết, chánh lý, đại sư, tu

thành tựu tuệ chân thật chứng trí. Lại chư Bồ-tát vì lấy tất cả bốn y làm chỗ nương, mà tinh cần phát khởi chánh gia hạnh; ở nơi đạo xuất yếu, khai thị rõ ràng, không mê lầm hoặc loạn.

Bồ-tát tu bốn vô ngại giải:

Chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả môn sai khác, tánh tận sở hữu, tánh như sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Pháp vô ngại giải của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả tướng sai khác, tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Nghĩa vô ngại giải của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả tướng tận từ ngữ, tận tánh sở hữu, như tánh sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Từ vô ngại giải của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát ở nơi tất cả pháp, tất cả phẩm sai khác, tận sở hữu, tánh như sở hữu, nương tu thành tựu trí không trệ ngại, trí không thối chuyển. Đây gọi là Biện vô ngại giải của Bồ-tát.

Nếu chư Bồ-tát nương bốn vô ngại giải của Bồ-

tát như vậy, sẽ thành tựu năm thiện xảo rất thù thắng vô lượng: 1. Uẩn thiện xảo; 2. Giới thiện xảo; 3. Xứ thiện xảo; 4. Duyên khởi thiện xảo; 5. Xứ, phi xứ thiện xảo.

Do bốn hành tướng đây, ở nơi tất cả pháp, Bồ-tát tự khéo diệu hiện Chánh Đẳng Giác, cũng khéo vì người khai thị không điên đảo. Bỏ qua bốn chủng hành tướng đây, còn không tự năng khéo diệu hiện Chánh Đẳng Giác, hướng chi vì người khai thị không điên đảo.

Tư lương Bồ-đề của Bồ-tát:

Lược có 2 chủng: 1. Tư lương phước đức; 2. Tư lương trí huệ. Nghĩa của hai tư lương đây trong phẩm *Tự Lợi-Lợi Tha* ở trước đã phân biệt rộng.

Lại hai tư lương phước đức và trí huệ đây, Bồ-tát nếu tu tập trong vô số kiếp đầu tiên, gọi là hạ; nếu tu tập trong vô số kiếp thứ hai, gọi là trung; nếu tu tập trong vô số kiếp thứ ba, gọi là thượng.

Bồ-tát tinh cần tu tập ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần:

Chư Bồ-tát nương vào bốn vô ngại giải của Bồ-

tát, do khéo phương tiện nhiếp lấy diệu trí ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần, nên như thật rõ biết mà không tác chứng. Đây gọi là Bồ-tát rộng khắp tất cả lý thú ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề của hai thừa đều như thật biết, đó là lý thú Thanh văn thừa và lý thú Đại thừa. Ở nơi lý thú ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề của Đại thừa, đều năng như thật rõ biết. Ở nơi lý thú ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề của Thanh văn thừa, đều như thật rõ biết, như trong phần *Thanh văn địa* đã nói ở trước.

Sao gọi là Bồ-tát ở nơi lý thú ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề của Đại thừa như thật rõ biết? Chư Bồ-tát năng ở nơi thân trụ quán tuần thân, không ở nơi thân phân biệt có tánh, cũng không phân biệt tất cả chủng loại đều không có tánh.

Lại nữa, ở nơi thân, pháp tánh tự tánh xa lìa nói năng, như thật rõ biết. Đây gọi là nương lý thú thắng nghĩa, năng tu tập niệm trụ ở nơi thân, trụ quán tuần thân.

Hoặc chư Bồ-tát có diệu trí triển chuyển theo lý thú an lập vô lượng, gọi là nương lý thú thế tục năng tu tập niệm trụ ở nơi thân, trụ quán tuần thân. Như tu tập niệm trụ ở nơi thân, trụ quán

tuần thân, thì tất cả niệm trụ khác, tất cả pháp Bồ-đề phần khác nên biết cũng vậy.

Như vậy, Bồ-tát ở nơi thân, thọ, tâm, pháp, không phân biệt *khổ*, không phân biệt *tập*, không phân biệt sở tác đây đoạn *diệt*, không phân biệt đắc diệt đây là nhân của *đạo*. Lại tức ở nơi pháp tánh tự tánh xa lìa nói năng đây, như thật rõ biết hoặc pháp tánh *khổ*, hoặc pháp tánh *tập*, hoặc pháp tánh *diệt*, hoặc pháp tánh *đạo*. Đây gọi là nương vào lý thú thắng nghĩa, tu pháp Bồ-đề phần làm chỗ nương, duyên để tu tập. Hoặc chư Bồ-tát có diệu trí thuận chuyển theo lý thú an lập vô lượng, gọi là nương lý thú thế tục, duyên để tu tập.

Trong đây, Bồ-tát không chỗ phân biệt ở nơi tất cả pháp đây, nên biết gọi là *Chỉ*. Lược có bốn hành của Bồ-tát gọi là *Chỉ*: 1. Trí thắng nghĩa thế tục hành dẫn đầu; 2. Quả trí thắng nghĩa thế tục; 3. Rộng khắp tất cả tướng hý luận, không dụng công mà chuyển; 4. Tức ở nơi lìa lời như vậy, duy chỉ có sự. Do không có tướng, không chỗ phân biệt, nên tâm tịch tĩnh, hướng đến tất cả pháp tánh bình đẳng, chỉ một vị Thật Tánh. Do bốn hành đây, chư Bồ-tát chuyển vận đạo *Chỉ* dần dần cho

đến viên mãn trí kiến, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Hoặc sở hữu chân trí như thật ở nơi lý thú thắng nghĩa của các pháp và sở hữu diệu trí ở nơi lý thú thế tục, an lập vô lượng, nên biết gọi là Quán. Trong đây lược có bốn hành của Bồ-tát gọi là Quán: thực hành bốn hành đạo Chỉ làm hành dẫn đầu; ở nơi tất cả pháp, xa lìa biên chấp tăng ích không chân chánh; xa lìa biên chấp tổn giảm không chân chánh, cùng với thuận theo các pháp vô lượng; diệu quán lý thú an lập sai biệt. Do bốn hành đây là chuyển vận đạo Quán của chư Bồ-tát, dần dần cho đến viên mãn trí kiến năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là lược nói Chỉ, Quán của chư Bồ-tát.

Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát:

Lược thuyết có 12 chủng: nương bên trong có sáu chủng phương tiện thiện xảo năng tu chứng tất cả Phật pháp và nương bên ngoài có sáu chủng phương tiện thiện xảo năng thành thực tất cả hữu tình.

Nương bên trong có sáu chủng phương tiện

thiện xảo, năng tu chứng tất cả Phật pháp: 1. Chư Bồ-tát đối với tất cả hữu tình, tâm bi đồng hành đoái thương chẳng xả; 2. Chư Bồ-tát như thật biết khắp tất cả các hành; 3. Chư Bồ-tát hằng ở nơi sở hữu diệu trí của Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thâm tâm hân lạc; 4. Vì chư Bồ-tát đoái thương hữu tình làm chỗ nương, nên không xả sanh tử; 5. Vì chư Bồ-tát như thật biết khắp tất cả các hành làm chỗ nương, nên luân chuyển trong sanh tử mà tâm không nhiễm; 6. Vì chư Bồ-tát vui thích Phật trí làm chỗ nương, nên tinh tấn mãnh liệt.

Nương bên ngoài có sáu chủng phương tiện thiện xảo, năng thành thực tất cả hữu tình: 1. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến tất cả hữu tình dùng ít thiện căn mà chiêu cảm quả vô lượng; 2. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến hữu tình ít tổn công lực, nhưng dẫn nhiếp vô lượng thiện căn rộng lớn; 3. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến đoạn trừ khuể não đối với hữu tình phỉ báng trái ghét Thánh giáo Phật; 4. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát đối với hữu tình hủy báng trái ghét bậc trung, khiến khéo thú nhập; 5. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát đối với

hữu tình đã nhập vào, năng khiến thành thực; 6. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát năng khiến được giải thoát đối với hữu tình đã thành thực.

1. Sao gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát khiến các hữu tình dùng ít thiện căn mà cảm quả vô lượng? Chư Bồ-tát phương tiện thiện xảo khích lệ các hữu tình xả vật nhỏ bé, xấu kém, cho đến thấp nhất chỉ bằng một hạt lúa để thí ruộng xấu dở, cho đến thí cho các loài bàng sanh xuẩn động. Làm thí như vậy rồi, hồi hướng cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Như vậy thiện căn vật, ruộng tuy thấp, nhưng do lực hồi hướng nên cảm quả vô lượng.

2. Sao gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát khiến các hữu tình dùng ít công lực, nhưng dẫn nhiếp thiện căn rộng lớn vô lượng? Chư Bồ-tát phương tiện thiện xảo, thấy các hữu tình tin hiểu thọ tà trai giới, như một tháng không ăn... Bồ-tát phương tiện thiện xảo nói pháp tám chi Thánh trai giới, khiến họ xả bỏ thọ tà trai giới vốn tốn nhiều công lực cực khổ lại cảm quả không đáng ưa thích. Lại khuyến khích họ siêng tu học trai giới chân chánh không tốn công lực, nhưng thành tựu

quả khả ái rộng lớn.

Hoặc các hữu tình muốn cầu giải thoát, nhưng lại khởi tà phương tiện, tinh cần không giải đãi tự tu khổ hạnh. Bồ-tát phương tiện thiện xảo thuyết pháp trung đạo, khiến lìa hai biên, khiến nhập trung đạo.

Hoặc các hữu tình muốn cầu sanh thiên, nhưng lại khởi tà phương tiện như lên núi cao hiểm trở, thờ lửa, đoạn việc ăn uống... Bồ-tát phương tiện thiện xảo tuyên nói tinh lự không điên đảo, khiến kia thu được hiện pháp lạc trú, đương lai chứng đắc không các nạn khổ, thành tựu quả sanh thiên thù thắng đồng hành hỷ lạc.

Hoặc các hữu tình tin chú Phệ-địa-già của Bà-la-môn, vọng chấp cho là tinh cần thọ trì đọc tụng chú đây sẽ được thanh tịnh rốt ráo. Bồ-tát phương tiện khuyến khích khiến kia thọ trì đọc tụng tư duy nghĩa của Phật, Thánh dạy. Bồ-tát lại chân chánh vì họ tuyên dương khai thị diệu pháp Như Lai thuyết tương ưng tánh Không thẳm sâu, khiến kia phát sanh vui thích quyết định xa lìa tà chú, khởi tâm tịnh tín mạnh mẽ chỉ cần một sát-na nhằm lìa đồng hành tâm thiện, vẫn năng nhiếp

thọ thiện căn rộng lớn không thể tính kể số lượng, hà huống tương tục.

Lại chư Bồ-tát sở hữu chủng chủng thượng diệu trân bảo, hương hoa tốt đẹp, các thứ cúng dường của thế gian, sanh khởi ý lạc tăng thượng đồng hành tịnh tín thắng giải cúng dường Phật, Pháp, Tăng. Lại cũng khuyến dẫn người hành thắng giải cúng dường như vậy. Lại cúng dường tất cả Phật, Pháp, Tăng ở mười phương thế giới. Tức dùng ý lạc tăng thượng đồng hành tịnh tín như vậy, tích tập, phân bố, sanh sâu tùy hỷ quán tưởng giáp vòng. Lại cũng khuyến dẫn người hành tùy hỷ như vậy.

Lại chư Bồ-tát hằng thường tu tập niệm Phật, niệm Pháp, cho đến niệm Thiên, cũng khuyến dẫn người khiến tu tập sáu niệm. Lại chư Bồ-tát ý lời phân minh rõ ràng mà lễ Phật, Pháp, Tăng, đến lúc mạng chung cũng không từ bỏ, cũng khuyến dẫn người hành trì nghiệp lễ như vậy.

Lại chư Bồ-tát đều tùy hỷ tất cả phước nghiệp hữu tình rộng khắp mười phương, cũng khuyến dẫn người hành trì tùy hỷ như vậy.

Lại chư Bồ-tát nhập ý lạc đại bi rộng lớn tăng

thượng khắp tất cả hữu tình mười phương, nguyện đem thân mình thay thế thọ nhận tất cả ưu khổ của hữu tình, cũng khuyến dẫn người hưng khởi bi nguyện như vậy.

Lại chư Bồ-tát đem tâm thanh tịnh điều nhu tôn kính thuận theo học giới, đối với tất cả lỗi lầm, tất cả lỗi phạm quá khứ, hiện tại, tương đối trước mười phương chư Phật Thế Tôn chí thành phát lồ sám hối từ quá khứ cho đến vị lai, cũng khuyến dẫn người hành như vậy. Luôn luôn phát lồ lỗi phạm như vậy, ít dụng công lực, nhưng tất cả nghiệp chướng đều được giải thoát.

Lại chư Bồ-tát tâm đã được tự tại, tâm đã đầy đủ thân thông, hóa làm chủng chủng hóa sự khắp mười phương Phật, Pháp, Tăng và các hữu tình, nhiếp thọ vô lượng tụ đại phước đức rộng lớn. Lại chư Bồ-tát hằng thường tu tập từ, bi, hỷ, xả. Cũng khuyến dẫn người tu tập hành trì như vậy.

Như vậy, phương tiện thiện xảo của Bồ-tát khiến các hữu tình tốn ít công lực, nhưng dẫn nhiếp các quả thiện căn thắng diệu rộng lớn vô lượng.

3, 4, 5 và 6. Sao gọi là phương tiện thiện xảo

của Bồ-tát năng khiến đoạn trừ khuể não đối với hữu tình phỉ báng trái ghét Thánh giáo Phật; đối với hữu tình phỉ báng trái ghét bậc trung, năng khiến thú nhập; đối với hữu tình đã nhập vào, năng khiến được thành thực; đối với hữu tình đã thành thực, năng khiến giải thoát? Chư Bồ-tát vì muốn thành tựu viên mãn nghĩa lợi ích cho bốn chủng hữu tình như vậy, nên lược nói 6 chủng phương tiện thiện xảo: **a.** Phương tiện thiện xảo tùy thuận khai thông; **b.** Phương tiện thiện xảo cùng lập giao ước; **c.** Phương tiện thiện xảo ý lạc riêng khác; **d.** Phương tiện thiện xảo thiết lập sự cưỡng ép; **e.** Phương tiện thiện xảo thi ân, báo ân; **f.** Phương tiện thiện xảo rốt ráo thanh tịnh.

a. Sao gọi là phương tiện thiện xảo tùy thuận khai thông của Bồ-tát? Chư Bồ-tát sắp vì hữu tình thuyết pháp, trước nên phương tiện tùy thuận hiện hành thân ngữ nhu nhuyễn mỹ diệu, cũng lại hiện hành thân cận tùy chuyển thí để trừ sự sanh khởi khuể não của kia. Kẻ kia đoạn trừ khuể não sanh khởi, liền sanh thương kính Bồ-tát. Thương kính đã sanh, nên sanh khởi vui với pháp. Bồ-tát lại tùy căn cơ của kia mà tuyên thuyết chánh pháp dễ

hiểu dễ nhập, thứ lớp đúng thời, không điên đảo. Năng dẫn nghĩa lợi, kham nhiệm chỗ khó kham nhiệm. Đối với việc điều phục hữu tình kia, Bồ-tát tâm ai mãn hiển hiện thần thông, hiển thuyết chánh pháp như lý. Bồ-tát hoặc khuyến thỉnh người khác, hoặc làm chủng chủng việc hóa hiện thù đặc, khiến hữu tình kia thấy đều được điều phục. Hoặc đối với các luận tóm lược, cô đọng, dẫn nghĩa lợi thì năng khiến kia biện rộng. Hoặc đối với các luận quá rộng, dẫn nghĩa lợi, thì năng khiến kia tóm lược, thọ trì. Lại vì muốn kia nhớ nghĩ, nên tiếp tục nạn hỏi. Bồ-tát thấy kia nơi pháp đã năng thọ, năng trì, lại vì kia rộng khai chánh nghĩa sâu hơn. Khi kia đã thú nhập, lại khiến kia duyên khắp tất cả Tam-ma-địa môn. Lại năng tùy thuận mà dạy trao dạy răn, khiến kia tu lợi hành nhiều ích hữu tình.

Hoặc các hữu tình đối với kinh điển thậm thâm tương ưng tánh Không mà Phật đã thuyết, không hiểu nghĩa thú mật ý Như Lai. Trong kinh đây thuyết: “Tất cả pháp đều vô tự tánh, đều không có sự, không sanh không diệt. Tất cả pháp ngang đồng hư không, đều như mộng huyễn”. Kia nghe

như vậy, chẳng thể hiểu rõ nghĩa thú đây, tâm sanh kinh sợ, phỉ báng tất cả kinh điển như thế cho là chẳng phải Phật thuyết. Bồ-tát vì tất cả loại hữu tình kia, phương tiện thiện xảo như lý khai thông “trong kinh như vậy là nghĩa thú mật ý thâm sâu của Như Lai”, như thật khai hóa nhiếp hữu tình kia. Khi Bồ-tát chánh khai thông như vậy, vì kia nói rằng: “Kinh đây chẳng nói tất cả các pháp đều không chỗ có, chỉ nói tự tánh các pháp vốn là không”, cho nên thuyết: “Tất cả các pháp đều vô tự tánh”. Vì nương theo kia, các ngôn thuyết chuyển, dấu có tất cả ngôn thuyết về sự, nhưng ngôn thuyết kia khá nói tự tánh, còn nương đệ nhất nghĩa thì phi tự tánh, cho nên thuyết: “Tất cả các pháp đều không có sự”. Tất cả các pháp chỗ nói tự tánh, lý đã như thế, từ xưa đến nay đều không chỗ có, vậy gì sanh, gì diệt? Cho nên thuyết: “Tất cả các pháp không sanh, không diệt”. Ví như trong không, có nhiều nghiệp sắc của nhóm sắc khá được, dung thọ tất cả nghiệp sắc của các sắc. Tức trong hư không, hiện có chủng chủng sự hoặc qua hoặc lại, hoặc đến hoặc đi, hoặc đứng hoặc ngồi, hoặc co hoặc duỗi. Nếu ngay lúc đó thấy đều

trừ diệt, tức bấy giờ chỉ còn tánh vô sắc, tướng hư không thanh tịnh hiển hiện. Như vậy, giống như hư không lia ngôn thuyết sự, mà có chủng chủng ngôn thuyết do tà tướng phân biệt tham đắm hý luận tạo ra, tợ nghiệp sắc chuyển. Lại tất cả ngôn thuyết do tà tướng phân biệt tham đắm hý luận như vậy, đều là chỗ dung thọ của hư không lia ngôn thuyết sự. Nếu lúc Bồ-tát dùng diệu thánh trí khiến trừ tất cả chỗ khởi ngôn thuyết do tà tướng phân biệt tham đắm hý luận, bấy giờ Bồ-tát, bậc Thánh tối thắng, dùng diệu thánh trí chứng tất cả các pháp lia ngôn thuyết sự. Chỉ có tất cả ngôn thuyết tự tánh, chỗ hiển phi tánh, ví như tướng hư không thanh tịnh hiện ra; cũng chẳng thể vượt quá đây mà có tự tánh khác để tìm cầu. Cho nên thuyết: “Tất cả các pháp ngang đồng hư không”. Lại như huyền mộng, chẳng phải *như* hiển hiện, *như* đây thật có; cũng chẳng phải tất cả hình chất huyền mộng đều không chỗ có. Các pháp như vậy chẳng phải như thế lực xuyên xuyên tập của ngu phu, chỗ hiện như thật là có; cũng chẳng phải thắng nghĩa tất cả pháp tự tánh lia lời đều không chỗ có. Do phương tiện đây, ngộ nhập đạo lý “tất

cả các pháp chẳng phải có, chẳng phải không; giống như huyền mộng, tánh ấy không hai”, cho nên thuyết: “Tất cả các pháp đều như huyền mộng”. Như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp trong khắp pháp giới, chẳng lấy chút phần, chẳng xả chút phần, chẳng làm tổn giảm, chẳng làm tăng thêm, chẳng làm hoại mất, nếu pháp thật có biết là thật có, nếu pháp thật không biết là thật không. Bồ-tát như điều đã biết mà khai thị. Đây gọi là phương tiện thiện xảo tùy thuận khai thông của Bồ-tát.

b. Sao gọi là phương tiện thiện xảo cùng lập giao ước của Bồ-tát? Hoặc chư Bồ-tát thấy hữu tình đến cầu thức ăn uống... cùng hết thảy vật dụng nuôi thân, liền cùng kia lập giao ước rằng: “Các ông nếu đối với cha mẹ thường biết ân, cung kính cúng dường...; đối với các Sa-môn, Bà-la-môn cũng vậy, cho đến năng thọ trì tịnh giới. Như vậy tôi sẽ thuận theo sự mong cầu của các ông, sẽ thí hết thảy các thức ăn uống, cùng vật dụng nuôi thân. Nếu các ông không làm như vậy, tôi chẳng cấp thí”. Như vậy, Bồ-tát thấy hữu tình đến cầu chũng chũng thứ như nhà, ruộng, chợ, đất nước, tiền của, các sự tốt lành; hoặc đến cầu các công nghiệp xứ

và các minh xứ, hoặc đến cầu cùng làm bạn hữu, hoặc đến cầu kết hôn, hoặc đến cầu làm ấp hội, hoặc đến cầu trợ giúp kinh doanh sự nghiệp, Bồ-tát cùng kia lập giao ước rằng: “Nếu ông đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Được như vậy, tôi sẽ bố thí ruộng nhà, cho đến trợ giúp kinh doanh sự nghiệp”.

Lại, chư Bồ-tát thấy hữu tình hoặc phạm tội, hoặc bị thưa kiện, hoặc làm chũng chũng việc không lợi ích nên bị người bắt, trói buộc, gia hình, hoặc bị người sắp đánh đập, trói buộc, đem bán. Bấy giờ Bồ-tát tùy sức, tùy khả năng lập giao ước rằng: “Nếu các ông đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ phương tiện cứu ông thoát nạn”.

Lại chư Bồ-tát thấy hữu tình mắc phải chũng chũng nạn giặc cướp, nước lửa hoặc các việc khiến kinh sợ do người và phi nhân gây ra, khó bảo toàn mạng sống. Bấy giờ Bồ-tát lập giao ước rằng: “Nếu các người đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ giúp các người thoát khỏi nạn và sợ hãi kia”.

Hoặc chư Bồ-tát thấy hữu tình thương yêu nhau,

cầu chẳng xa lia. Bấy giờ Bồ-tát lập giao ước rằng: “Nếu các người đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ giúp các người toại nguyện, khiến yêu thương không chia lìa”

Lại chư Bồ-tát thấy hữu tình bị các bệnh khổ, nên lập giao ước rằng: “Nếu các ông đối với cha mẹ biết ân, cung kính cúng dường... nói rộng như trước. Như vậy tôi sẽ cứu các ông thoát khỏi bệnh khổ, được an vui”. Các hữu tình kia đã cùng Bồ-tát lập giao ước rồi, phải nên nhanh chóng thọ học các thiện pháp, nhanh chóng đoạn trừ các ác pháp. Bồ-tát đều năng thỏa mãn mong cầu của kia. Đây gọi là phương tiện thiện xảo cùng lập giao ước của Bồ-tát.

c. Sao gọi là phương tiện thiện xảo ý vui riêng khác của Bồ-tát? Chư Bồ-tát cùng các hữu tình lập giao ước rồi, các hữu tình kia chẳng nhanh chóng tu hành như điều đã giao ước. Bồ-tát đều chẳng thí cho như mong cầu của kia, chỉ vì Bồ-tát đây muốn kia được lợi ích, không phải vì ý vui riêng khác mà chẳng thí.

Như vậy, đối với các hữu tình gặp tai nạn, gặp

khiếp sợ, thương yêu mong muốn chẳng lìa, bệnh khổ bức não, chư Bồ-tát quyền thời xả bỏ không cứu giúp chỉ vì muốn kia được lợi ích, không vì ý vui riêng khác mà xả bỏ không cứu vớt.

Như vậy, Bồ-tát đối với hữu tình chỉ vì muốn kia được lợi ích, không vì ý vui riêng khác, phương tiện hiện hành nghiệp kiên quyết ngăn cản, dần khiến hữu tình kia ở thời gian khác đoạn trừ các điều ác, tu học các việc thiện. Cho nên Bồ-tát phương tiện tạm thời xả bỏ.

Hoặc có hữu tình đối với Bồ-tát tuy không có điều mong cầu, cũng không gặp các nạn, nói rộng cho đến không mắc phải các bệnh khổ; nhưng trước kia đã từng rất gần gũi Bồ-tát. Bấy giờ Bồ-tát tùy nghi khuyến dẫn kia, khiến kia đoạn trừ các pháp ác, tu tập các pháp thiện, khiến kia biết ân cha mẹ, cung kính cúng dường... nói rộng như trước, cho đến khiến kia tùy thuận thọ học tịnh giới. Nếu các hữu tình kia, dầu được Bồ-tát dẫn dắt như vậy mà cố ý khinh khi, phóng túng buông lung chẳng phụng hành; bấy giờ Bồ-tát hoặc tự biểu hiện hành động khiển trách, chỉ vì muốn kia được lợi ích, không vì ý vui riêng khác mà giận dữ; hoặc biểu hiện hành

động xa lìa, xoay lưng, chỉ vì muốn kia được lợi ích, chẳng vì ý vui riêng khác. Hoặc đối với hữu tình làm việc không nhiều ích ở thế gian, Bồ-tát cũng biểu hiện hành động tổn não, chỉ vì lợi ích cho kia, không vì ý vui riêng khác mà tổn não. Như vậy Bồ-tát đối với các hữu tình, bên ngoài biểu hiện hành động như thế nhưng bên trong ý vui riêng khác, hai tướng không tương ưng nhau. Do nhân duyên đây, Bồ-tát phương tiện an lập khiến hữu tình kia dần dần đoạn trừ các pháp ác, tu tập các pháp thiện. Bồ-tát phương tiện điều phục hữu tình như vậy, gọi là phương tiện thiện xảo ý riêng khác của Bồ-tát.

d. Sao gọi là phương tiện thiện xảo thiết lập các sự cưỡng ép của Bồ-tát? Chư Bồ-tát hoặc là gia chủ, hoặc là quốc vương có thế lực mạnh, thường chánh dạy răn đối với những người thân và thần dân, bảo rằng: “Các người thân của ta! Các thần dân của ta! Nếu các người chẳng biết báo ân cha mẹ... nói rộng cho đến hủy phạm giới, ta sẽ chấm dứt cung cấp tặng phẩm, dứt cung cấp y phục cùng các thức ăn uống, hoặc ta sẽ trị phạt. Nếu là người thân, ta sẽ đuổi bỏ xa lìa. Nếu là thần dân, ta sẽ

vĩnh viễn đuổi đi. Ta sẽ lập một hệ thống toàn người khéo léo tài giỏi, thường giám sát sự nghiệp này”. Do nhân đây, các hữu tình kia vì sợ trị phạt, nên siêng năng dứt bỏ các việc ác, làm các việc lành. Kia tuy chẳng vui muốn làm việc thiện, nhưng Bồ-tát phương tiện cưỡng ép khiến kia tu tập. Đây gọi là phương tiện thiện xảo thiết lập sự cưỡng ép của Bồ-tát.

e. Sao gọi là phương tiện thiện xảo thi ân báo ân của Bồ-tát? Chư Bồ-tát tùy khả năng nhiều ít mà thí ân huệ cho các hữu tình, hoặc thí theo mong cầu, hoặc cứu giúp thoát khỏi tai nạn, hoặc khiển trừ các sự khiếp sợ, hoặc khiến thương nhau được gần nhau, hoặc khiến ghét nhau được xa lìa, hoặc khiến thoát khỏi bệnh khổ được an lạc. Do đây hữu tình kia biết ân huệ, muốn báo ân đức Bồ-tát. Bấy giờ Bồ-tát khuyến khích kia tu thiện để trả ân, bảo rằng: “Tài bảo các ông chẳng dư dả gì, lại muốn báo đáp ân lớn. Nếu các ông năng biết ân cha mẹ, cung kính cúng dường... nói rộng cho đến thọ trì tịnh giới; đây mới gọi là báo ân đức lớn”. Như vậy, Bồ-tát đối với các hữu tình, trước bố thí ân huệ, sau khuyến khích tu thiện gọi là báo ân

lớn. Do phương tiện đây khiến người tinh cần tu học các thiện, cho nên gọi là phương tiện thiện xảo thi ân báo ân của Bồ-tát.

f. Sao gọi là phương tiện thiện xảo rất ráo thanh tịnh của Bồ-tát? Chư Bồ-tát đã an trụ Đền cứu cánh địa, được thiện thanh tịnh ở nơi đạo Bồ-tát. Trước, Bồ-tát hiện sanh trong chúng đồng phạm ở cõi trời Đĩ-sử-đa. Vô lượng hữu tình nhớ nghĩ nói rằng: “Bồ-tát danh hiệu như thế, nay đã sanh trong chúng đồng phạm ở cõi trời Đĩ-sử-đa, không lâu sẽ hạ sanh ở Thiệm-bộ châu, chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Chúng ta nguyện sẽ được gặp gỡ thân cận với Bồ-tát. Bồ-tát ấy hạ sanh chỗ nào, chúng ta cũng nguyện sanh nơi đó”. Như vậy, vì khiến vô lượng hữu tình phát sanh vui muốn chân chánh, theo đó nhiều tu tập. Lại, Bồ-tát bỏ thân ở cõi trời Đĩ-sử-đa hạ sanh trong nhân gian, hoặc ở dòng họ cao quý, hoặc ở dòng vương gia, hoặc vào nhà quốc sư. Xả bỏ đục lạc thượng diệu của thế gian, không đoái luyến, thanh tịnh xuất gia, vì khiến các hữu tình khởi tâm tôn kính. Lại hiện phát thệ nguyện tu những khổ hạnh khó hành, vì muốn hữu tình tin hiểu khổ hạnh, xả bỏ thú vui.

Lại chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vì khiến hữu tình cùng hướng đến Bồ-đề giải thoát hân lạc thù thắng. Lại chứng Vô thượng Chánh đẳng giác rồi, nhưng chưa vì hữu tình thuyết chánh pháp, đợi Phạm thiên vương đến khải thỉnh mới vì các hữu tình thuyết chánh pháp. Vì khiến hữu tình phát khởi sự tôn kính, tác suy nghĩ: “Pháp được thuyết đây nhất định thù thắng vi diệu, nên nay Phạm vương tự thân đến thỉnh, mong cầu Thế Tôn thuyết pháp”. Lại dùng Phật nhãn quán sát thế gian, không để hữu tình khởi nghi ngờ: Bồ-tát chỉ do Phạm vương đến thỉnh, vì tôn kính Phạm vương nên tuyên thuyết chánh pháp, chẳng phải Bồ-tát phát khởi tâm bi đối với hữu tình... cho đến vì có người kích phát, chẳng phải Bồ-tát tự có khả năng rõ biết căn cơ, tùy nghi thuyết pháp. Vì muốn hoại tà chấp của hữu tình như vậy, nên trước dùng Phật nhãn quán sát thế gian, sau mới chuyển pháp luân vô thượng chưa từng chuyển trong tất cả thế gian. Do vậy, Bồ-tát tuyên thuyết chánh pháp, chế lập học xứ. Đây gọi là phương tiện thiện xảo rất ráo thanh tịnh của Bồ-tát. Ngoài đây ra, không có phương tiện thiện xảo nào hoặc kỳ diệu hơn, hoặc

thắng vượt hơn, cho nên gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy đã thuyết, hoặc lược hoặc rộng, sáu chủng phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, năng trừ khuể não của hữu tình phỉ báng, trái ghét Thánh giáo Phật; năng khiến hữu tình phỉ báng trái ghét bậc trung, thú nhập Thánh giáo Phật; năng khiến hữu tình đã thú nhập, được thành thực; năng khiến hữu tình đã thành thực, được giải thoát.

Diệu đà-la-ni của Bồ-tát:

Lược có 4 chủng: 1. Pháp đà-la-ni; 2. Nghĩa đà-la-ni; 3. Chú đà-la-ni; 4. Năng đắc nhãn đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là Pháp đà-la-ni của Bồ-tát? Chư Bồ-tát thành tựu lực trì giữ niệm tuệ, do lực trì giữ đây nên nghe được những điều chưa từng nghe. Lời nói chưa nhu nhuyễn diệu hòa, chưa khéo thông lợi, thì chọn lọc khéo nhiếp danh, cú, văn thân. Vô lượng kinh điển, thứ tự còn lẫn lộn, thì kết tập thứ lớp, trải qua vô lượng thời năng thọ trì chẳng quên. Đây gọi là Pháp đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là Nghĩa đà-la-ni của Bồ-tát? Như trước đã nói, nhưng ở đây có sự sai khác. Tức là ở nơi vô

lượng nghĩa thú của pháp kia, tâm chưa nhu nhuyễn diệu hòa, chưa khéo thông lợi, trải qua vô lượng thời năng trì chẳng quên. Đây gọi là Nghĩa đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là Chú đà-la-ni của Bồ-tát? Chư Bồ-tát thành tựu đẳng trì tự tại như thế. Do đẳng trì tự tại đây gia bị, nên các chương cú của chú năng trừ tai hoạn cho các hữu tình, khiến các chương cú của chú kia thấy đều linh nghiệm. Không có tai họa nào mà chẳng trừ lành, không chỉ trừ một mà trừ chủng chủng tai họa, linh nghiệm bậc nhất, không hư vọng. Đây gọi là Chú đà-la-ni của Bồ-tát.

Sao gọi là năng đắc Nhẫn đà-la-ni của Bồ-tát? Chư Bồ-tát thành tựu nhân hành tự nhiên bền chắc, đầy đủ diệu tuệ. Một mình sống ở chốn không nhân, yên lặng không lời nói, mặc cho thiếu thốn vật chất, chỉ hành trì theo chánh kiến. Biết lượng mà ăn, không ăn tạp, ăn một loại là cực tinh lự. Đêm ngủ ít thức nhiều. Đối với sở thuyết của Phật về các chương cú Nhẫn đà-la-ni của Bồ-tát, năng tư duy sâu kỹ, như chú “Nhất chi, mật chi, cát chi tỳ, sạn để, bát đà nhị, tóa ha”. Đối với nghĩa chương cú chú như vậy, Bồ-tát tư duy quán xét sâu, thọ trì

so lường, theo đó chánh hành, chẳng do từ người được nghe mà tự nhiên thông đạt. Rõ biết các chương cú đà-la-ni như vậy đều không có nghĩa, chỉ là viên thành thật, chỉ là nghĩa Không. Như thật rõ biết nghĩa chương cú đây chỗ gọi nghĩa Không, cho nên quá đây chẳng cầu nghĩa khác. Ngang đây gọi là Bồ-tát diệu khéo thông đạt nghĩa chương cú của đà-la-ni. Bồ-tát đã chánh thông đạt như vậy, tức thuận nghĩa đây, không theo người nghe, chánh thông đạt nghĩa tất cả pháp, đó là: “Tất cả ngôn thuyết nói về nghĩa tự tánh các pháp đều không thành thật, chỉ có tự tánh các pháp lìa lời là nghĩa tự tánh”. Bồ-tát đã chánh thông đạt nghĩa tự tánh các pháp đây, biết rằng quá đây không có nghĩa khác khác cầu, do đây thu được hoan hỷ rộng lớn tối thắng. Bồ-tát thành tựu đà-la-ni đây, nên nói đã đắc chương cú đà-la-ni, lập nên thắng nhãn đà-la-ni của Bồ-tát. Bồ-tát đã đắc nhãn đây, chẳng lâu sẽ đắc ý lạc thanh tịnh thù thắng, nương nhãn thù thắng của Thắng giải hành địa bậc thượng mà chuyển. Đây gọi là Bồ-tát sở hữu năng đắc Nhãn đà-la-ni của Bồ-tát.

Trong đây, Bồ-tát ở nơi Pháp đà-la-ni, ở nơi

Nghĩa đà-la-ni, nếu trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, tự mình đã nhập Ý lạc thanh tịnh thù thắng địa, thì chỗ chúng đắc đã chắc chắn, an trụ bền vững rộng lớn. Từ đây trở xuống, hoặc dùng nguyện lực, hoặc nương tinh lực, dầu có thu được nhưng không chắc chắn, cũng không an trụ bền vững rộng lớn. Như đã nói về Pháp và Nghĩa đà-la-ni, thì Chú đà-la-ni phải biết cũng vậy. Nếu chư Bồ-tát đầy đủ bốn công đức mới năng thành tựu đà-la-ni như vậy, chẳng thể tùy khuyết một chủng.

Những gì gọi là bốn chủng công đức? 1. Ở trong các dục, không tham đắm; 2. Đối với sự việc người vượt hơn, không sanh đố kỵ, không ganh ghét vinh quang của người; 3. Đối với tất cả sự mong cầu, bình đẳng bố thí không hối tiếc; 4. Ở trong chánh pháp, sanh sâu hân lạc, tức là ở nơi tạng Bồ-tát và Ma-đát-ly-ca của tạng Bồ-tát, sanh sâu vui thích.

Sự tu tập chánh nguyện của Bồ-tát:

Lược có 5 chủng: 1. Nguyện phát tâm; 2. Nguyện thọ sanh; 3. Nguyện sở hành; 4. Chánh nguyện; 5. Đại nguyện.

Hoặc chư Bồ-tát sơ phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là nguyện phát tâm của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện đời sau tùy thuận sanh trong các đường thiện, nhiều ích hữu tình, gọi là nguyện thọ sanh của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện năng tư trạch các pháp không điên đảo; nguyện ở nơi các cảnh giới, tu tập thiện pháp thù thắng như vô lượng... gọi là nguyện sở hành của Bồ-tát.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện đời đương lai nhiếp thọ tất cả thiện pháp, nhiếp thọ tất cả sở hữu công đức, sở hữu chánh nguyện hoặc chung hoặc riêng của Bồ-tát. Đây gọi là chánh nguyện của Bồ-tát.

Đại nguyện của Bồ-tát tức từ chánh nguyện mà lưu xuất. Đại nguyện đây lại có 10 chủng:

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai dùng tất cả chủng thượng diệu, các thứ vật dụng cúng dường vô lượng vô biên Như Lai. Đây gọi là đại nguyện thứ nhất.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai nhiếp thọ giữ gìn tất cả chánh pháp của chư Phật Thế

Tôn, hành trì truyền trao khiến pháp nhân không hoại mất. Đây gọi là đại nguyện thứ hai.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai từ cung trời Đổ-sử-đa hạ sanh, cho đến nhập Đại Niết-bàn. Đây gọi là đại nguyện thứ ba.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai hành tất cả chủng chánh hạnh của Bồ-tát. Đây gọi là đại nguyện thứ tư.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai rộng năng thành thực tất cả hữu tình. Đây gọi là đại nguyện thứ năm.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai đều năng thị hiện khắp tất cả thế giới. Đây gọi là đại nguyện thứ sáu.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai rộng năng tịnh tu tất cả cõi Phật. Đây gọi là đại nguyện thứ bảy.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai tất cả Bồ-tát đều có cùng một chủng là ý lạc gia hạnh, thú nhập Đại thừa. Đây gọi là đại nguyện thứ tám.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai sở hữu tất cả gia hạnh không điên đảo, không hư vọng. Đây gọi là đại nguyện thứ chín.

Hoặc chư Bồ-tát nguyện ở đời đương lai nhanh chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đây gọi là đại nguyện thứ mười.

Ba Tam-ma-địa của Bồ-tát:

Đó là: 1. Không tam-ma-địa; 2. Vô nguyện tam-ma-địa; 3. Vô tướng tam-ma-địa.

Sao gọi là Không tam-ma-địa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát quán: “Tất cả mọi sự, tự tánh xa lìa tất cả ngôn thuyết, duy chỉ có tự tánh các pháp lìa lời, tâm chánh an trụ”. Đây gọi là Không tam-ma-địa của Bồ-tát.

Sao gọi là Vô nguyện tam-ma-địa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát tùy quán: “Hết thấy sở hữu các sự tự tánh lìa lời, do vì tà phân biệt nên sanh khởi phiền não và nhiếp thọ các thứ khổ. Đây đều là vô lượng ‘quá thất’ nhiễm ô. Ở đời đương lai Vô nguyện làm tiền dẫn, tâm chánh an trụ”. Đây gọi là Vô nguyện tam-ma-địa của Bồ-tát.

Sao gọi là Vô tướng tam-ma-địa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát chánh tư duy: “Sở hữu các sự, tự tánh lìa lời. Tất cả các tướng hý luận phân biệt diệt hẳn, vắng lặng, như thật rõ biết tâm chánh an

trụ”. Đây gọi là Vô tướng tam-ma-địa của Bồ-tát.

Hỏi: Có gì chỉ giả lập ba Tam-ma-địa không hơn không thêm?

Đáp: Pháp có hai chủng là *có* và *chẳng phải có*. Hữu vi, vô vi gọi là có. Ngã và ngã sở gọi là chẳng phải có. Ở trong hữu vi, vì có vô nguyện, vì đáng nhàm chán trái nghịch, nương đây kiến lập Vô nguyện tam-ma-địa. Ở trong vô vi, vì nguyện Niết-bàn, vì nhiếp chánh lạc, nương đây kiến lập Vô tướng tam-ma-địa. Ở nơi sự chẳng phải có, Bồ-tát không nguyện, cũng không phải không nguyện. Nhưng ở nơi chẳng phải có, Bồ-tát thật thấy là chẳng phải có. Nương thấy đây kiến lập Không tam-ma-địa.

Như vậy, Bồ-tát ở nơi ba Tam-ma-địa đây tinh siêng tu học. Đối với những gì đã kiến lập, như thật rõ biết. Đối với hành tướng khác của ba Tam-ma-địa, như thật ngộ nhập. Đối với lý thú được an lập, như thật ngộ nhập. Đối với lý thú cần tu tập, như thật rõ biết. Đối với các pháp trên, các chúng Thanh văn cũng tinh cần tu học và chứng đắc viên mãn.



Quyển 46

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA Phần đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 17. BỒ ĐỀ PHẦN - 3

Lại, chư Phật, Bồ-tát muốn khiến hữu tình thanh tịnh nên thuyết **bốn chủng pháp Ốt-Đà-Nam**. Những gì là bốn? **1.** Tất cả các hành đều vô thường, đây là pháp Ốt-Đà-Nam thứ nhất. **2.** Tất cả các hành đều khổ, đây là pháp Ốt-Đà-Nam thứ hai. **3.** Tất cả các pháp đều không có ngã, đây là pháp Ốt-Đà-Nam thứ ba. **4.** Niết-bàn tịch tĩnh, đây là pháp Ốt-Đà-Nam thứ tư.

Chư Phật, Bồ-tát vì hữu tình nên phần nhiều thuyết pháp tương ưng nghĩa như vậy, cho nên thuyết đây gọi là pháp Ốt-Đà-Nam. Lại từ xưa kia, chư Phật Thế Tôn ở tất cả thời nơi tâm tịch tĩnh triển chuyển tuyên thuyết, cho nên thuyết đây gọi là Ốt-Đà-Nam. Lại dấu tích hành đây năng hướng đến “sanh rộng lớn”, cũng năng thú hướng vượt khỏi hữu thứ nhất, cho nên thuyết đây gọi là Ốt-Đà-Nam.

1. Sao gọi là Bồ-tát bình đẳng tùy quán sát “tất cả các hành đều vô thường”? Chư Bồ-tát quán ngôn thuyết tự tánh tất cả hành ở tất cả thời đều không chỗ có. Các hành như vậy chẳng thể đắc thường, nên gọi là vô thường. Lại tức quán kia sự lìa ngôn thuyết, vì chẳng rõ biết chân thật kia, nên vô tri làm nhân, sanh diệt khả đắc. Các hành như vậy tự tánh lìa lời, có sanh có diệt, nên gọi là vô thường.

Lại chư Bồ-tát quán các hành quá khứ đã sanh đã diệt. Do các hành kia không nhân khả đắc, cũng không tự tánh, cho nên quán tánh nhân, tự tánh của kia cũng không chỗ có.

Lại quán các hành hiện tại đã sanh chưa diệt. Do các hành kia nhân chẳng thể đắc, vì đã cho quá; tự tánh khả đắc, vì vẫn còn chưa diệt. Cho nên quán tự tánh kia là có, mà không có nhân.

Lại quán các hành vị lai chưa sanh chưa diệt. Do các hành kia có nhân khả có thể được, vì chưa cho quá; không có tự tánh, vì vẫn còn chưa sanh. Cho nên quán kia chỉ có tánh nhân mà không tự tánh.

Như vậy, Bồ-tát quán trong ba thời, từng giai

đoạn các hành tương tục chuyển rồi, tiếp tục bình đẳng quán, thấy mỗi mỗi sát-na có các hành, mỗi hành đều có ba chủng tướng hữu vi. Ở sát-na sau lại có thêm chủng tướng hữu vi thứ tư. Tức ở trong đây, sát-na đi trước tự tánh hoại diệt, không gián đoạn, sát-na của các hành chẳng phải trước tự tánh sanh khởi, chánh quán là sanh. Hành đây đã sanh, tức thời chưa hoại, chánh quán là trụ. Hành đây đã sanh so với hành trước đã diệt, tự tánh sát-na của các hành đây chuyển khác, chánh quán là lão. Từ đây sát-na của các hành sanh sau, tức tự tánh sát-na của các hành đã sanh đây hoại diệt, cho nên chánh quán là diệt. Bồ-tát quán tự tánh sát-na của các hành đã sanh đây tức là tự tánh của sanh, trụ, lão; chẳng thấy có tự tánh sanh... nào khác.

Lại như thật quán thấy sát-na sanh sau, tức là sát-na của các hành sanh... đây tự tánh hoại diệt, không có tánh riêng khác. Bốn chủng tướng hữu vi như vậy tổng nhiếp các hành. Tóm lại có hai phần hiển bày: 1. Phần có; 2. Phần không. Trong đây, Đức Thế Tôn nương phần có để kiến lập chủng tướng hữu vi thứ nhất, nương phần không để kiến lập chủng tướng hữu vi thứ hai. Hai chủng trụ và dị

đều là sự hiển bày của các hành phân có, kiến lập tướng hữu vi thứ ba. Trong đây, Bồ-tát quán thấy tất cả thời chỉ có các hành, ngoài đây ra trọn không có sanh, trụ, lão, diệt nào khác hằng thật có tự tánh thành tự. Vì cố sao? Lúc các hành sanh, chỉ khá đặc các hành như vậy, không riêng có sanh, trụ, lão, diệt khác. Lúc các hành trụ, lão, diệt như vậy, chỉ khá có thể đặc các hành như vậy, không riêng có sanh, trụ, lão, diệt khác.

Lại, chư Bồ-tát dùng lý để tìm cầu, nhận thấy thực chất của sanh... cũng không khả đắc. Như vậy người tìm cầu cũng không khả đắc. Nếu các hành kia là sắc... riêng có pháp sanh, tức các hành như sắc... tự thể phải có thể sanh. Như vậy sanh đây cũng nên có sanh, thế thì có hai chủng sanh: 1. Sanh của hành; 2. Sanh của sanh.

Như vậy sanh của hành và sanh của sanh kia là một hay là khác? Nếu nói là một, kế chấp sanh thật có, tức là nói riêng có sanh là thực chất có, thì thật hoang đường. Điều này không hợp lý. Nếu nói là khác, như vậy tức lẽ chẳng phải sanh của hành, của sanh, lại chính là sanh của hành, của sanh. Điều này không hợp lý.

Như nói tướng sanh, thì nói tướng trụ, lão, diệt nên biết cũng vậy. Đó là nếu khi pháp diệt riêng có tự tánh là thật thành tựu, tức diệt đây lẽ phải có sanh có diệt. Nếu khi diệt sanh, thì tất cả các hành lẽ ra đều phải đồng diệt. Như vậy tức lẽ ít tổn công lực, như nhập diệt định, các tâm tâm sở tất cả đều diệt. Nếu khi diệt diệt, tất cả các hành đều đã diệt. Nhưng thấy sanh trở lại, như thế diệt không có tác dụng. Cho nên nói diệt có sanh, có diệt thì không đúng đạo lý.

Lại thiện nam tử, thiện nữ nhân ở tất cả thời nếu hằng có thực chất tự tánh thành tựu mà quán là giả có, năng tu chán lìa mong cầu giải thoát, điều này không hợp lý. Trái với tướng trên, ấy là đạo lý. Do hành tướng đây, chư Bồ-tát như thật rõ biết tất cả các hành đều vô thường.

2. Sao gọi là Bồ-tát bình đẳng tùy quán sát “tất cả các hành đều khổ”? Chư Bồ-tát lúc triển chuyển tương tục quán hành vô thường, nhận thấy năng bị ba chủng khổ nương tựa: 1. Hành khổ; 2. Hoại khổ; 3. Khổ khổ. Như vậy Bồ-tát như thật rõ biết tất cả các hành đều khổ.

3. Sao gọi là Bồ-tát bình đẳng tùy quán sát

“tất cả các hành đều không có ngã”? Chư Bồ-tát như thật rõ biết tất cả pháp hữu, vô, cả hai đều tánh vô ngã: 1. Bồ-đặc-già-la tánh vô ngã; 2. Pháp tánh vô ngã.

Ở trong các pháp, bồ-đặc-già-la tánh vô ngã: chẳng phải tức có pháp là chân thật có bồ-đặc-già-la, cũng chẳng phải lìa có pháp riêng có chân thật bồ-đặc-già-la.

Ở trong các pháp, pháp tánh vô ngã: ở trong tất cả ngôn thuyết sự, tất cả ngôn thuyết tự tánh các pháp đều không chỗ có. Như vậy Bồ-tát như thật rõ biết tất cả các pháp đều không có ngã.

4. Sao gọi là Bồ-tát bình đẳng tùy quán sát “Niết-bàn tịch tĩnh”? Chư Bồ-tát quán tất cả hành, nhân trước đoạn vĩnh viễn, sau diệt không sót thừa. Ngoài đây ra, rốt ráo không khởi không sanh, nên gọi là Niết-bàn. Nên biết thể Niết-bàn là tịch tĩnh, vì tất cả chủng khổ rốt ráo ngừng dứt, vì tất cả phiền não rốt ráo diệt. Như vậy, Bồ-tát chưa đắc ý lạc thanh tịnh tăng thượng, chưa kiến thánh đế của Thanh văn thừa, tuy phát khởi thắng giải đối với Niết-bàn, cũng nói lời “Niết-bàn tịch tĩnh”, mà đối với Niết-bàn đây chưa như thật hiểu, chưa

thể như thật chánh trí kiến chuyển, nhưng vị kia cũng đã tác ý như lý.

Thí như con vua, hoặc con trưởng giả, từ khi sanh ra cho đến khi trưởng thành chưa ra khỏi nội cung, chưa ra khỏi nhà trưởng giả. Vua và trưởng giả vì các con mình giả làm đủ các thứ đồ chơi như xe hươu, xe trâu, xe ngựa, xe voi để ban tặng cho hai đứa trẻ. Bấy giờ, hai đứa trẻ cùng chơi xe giả đây mà phát khởi tưởng cho là xe hươu, xe trâu, xe ngựa, xe voi thật. Thời gian sau trẻ dần khôn lớn, các căn thành thực, vua và trưởng giả bắt đầu khen ngợi xe thật. Bấy giờ trẻ nghe cha tán thán như vậy, nghĩ rằng: “Nay cha ta không khen ngợi bốn loại xe chúng ta đang có là thật chăng?”. Thời gian sau, biết hai trẻ đã trưởng thành, từ nội cung vua và trưởng giả dẫn chúng ra ngoài dạo chơi, chỉ bảo cho biết xe hươu, xe ngựa, xe trâu, xe voi thật. Khi kia thấy rồi, bên trong tự phát khởi trí tuệ thông hiểu như thật: “Đây mới thật là xe hươu, xe trâu, xe ngựa, xe voi! Cha ta trong đêm dài đã từng vì ta tán thán việc ấy. Chỉ vì ta vô trí, ở nơi các hình tượng xe giả, ở nơi các sự vật tương tự kia không như thật mà phát khởi hiểu biết cho là chân thật”. Do nhân duyên đây, kia

nhớ lại hiểu biết trước nên sanh hổ thẹn.

Như vậy, cung thất và nhà dụ cho sanh tử. Các ham muốn của trẻ dụ cho chưa chứng đắc ý lạc thanh tịnh tăng thượng của Bồ-tát và chưa kiến thánh đế Thanh văn thừa. Cha dụ cho chư Phật, Bồ-tát đã nhập đại địa, trước giả làm các loại xe hươu, xe trâu... Tượng xe hươu, xe trâu dụ cho Niết-bàn. Kế khen ngợi xe hươu... chân thật dụ cho chư Phật, Bồ-tát tự hiện chứng Niết-bàn chân thật. Như điều đã thấy, Bồ-tát và Thanh văn trước tán thán công đức chân thật của Niết-bàn. Còn lại dụ cho việc sau khi đã nghe của kia, chỉ thuận theo âm thanh, dùng giác tuệ hiểu biết, đem dài nghĩ tưởng về công đức Niết-bàn. Ở thời nào đó tư lương thành thực, dần dần tăng trưởng, thành tựu ý lạc thanh tịnh tăng thượng của Bồ-tát, kiến đế Thanh văn, nên sanh trí hiện chứng chân thật đối với Niết-bàn. Bấy giờ bên trong tự phát sanh trí tuệ thông hiểu như thật: “Niết-bàn như vậy, tất cả Thanh văn, Độc giác đã chứng. Chư Phật, Bồ-tát trước đã từng khen ngợi tuyên thuyết. Chúng ta trước kia đem tuệ ngu phu hiểu biết, ở nơi hình tướng tương tự chẳng thật kia phát khởi hiểu biết

cho là Niết-bàn chân thật”. Do nhân duyên đây, kia nhớ lại hiểu biết trước nên sanh hổ thẹn, chỉ nương hiểu biết như thật sau.

Lại như có người bệnh đến chỗ thầy thuốc giỏi, xin thuốc đúng bệnh và đã bình phục. Nhưng người bệnh lại sanh vui thích quý chuộng thuốc ấy, cho thuốc là thật. Do nhân duyên đây bệnh trước đã lành, bệnh mới phát sanh. Bấy giờ, thầy thuốc khuyên kia bỏ thuốc cũ, uống thuốc mới. Người bệnh ngu si sanh khởi nghi ngờ, không chịu bỏ đổi với thuốc trước. Lương y vì kia giải thích tánh dược của thuốc cũ và thuốc mới như vậy: “Với bệnh hiện tại thuốc cũ không còn thích hợp, dùng thuốc mới thù thắng hơn”. Người bệnh tuy nghe, nhưng không tin không hiểu. Người bệnh như vậy dụ cho Bồ-tát, Thanh văn, phàm phu bị bệnh phiền não giữ chặt. Đại lương y dụ cho chư Như Lai. Tất cả lương dược dụ cho những lời tuyên thuyết hoặc thượng thượng, cùng với cực thượng; hoặc thâm thâm thắng, cùng với cực thâm; hoặc liệt hoặc thắng, cùng với cực thắng, dạy trao dạy răn giáo pháp chân chánh. Kẻ kia tuy nghe, chẳng thể ngộ nhập, chẳng sanh hiểu biết, chẳng thể tu hành tùy pháp hành pháp.

Chư Bồ-tát, Thanh văn sanh lòng tịnh tín, không sanh nghi hoặc đối với pháp chư Phật thuyết. Phật thừa dụ như xe pháp Vô thượng thừa, tất cả bộ phận đều đầy đủ viên mãn trang nghiêm vi diệu. Như người khéo cưỡi xe, tùy theo *địa* cần đi, tùy theo *xứ* cần đến, nhanh chóng tiến đến, không chỗ dừng lại.

Phân đầu TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm 18. CÔNG ĐỨC BỒ TÁT

Sao gọi là **sở hữu công đức của Bồ-tát?**
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Hy kỳ, không hy kỳ
Tâm bình đẳng nhiều ích
Báo ân, cùng vui khen
Tánh gia hạnh chẳng hư.*

Khi chư Bồ-tát siêng năng tu học đối với Vô thượng Chánh đẳng giác thừa, nên biết có 5 pháp rất hy kỳ. Những gì là năm? 1. Đối với các hữu tình

không có nhân duyên lại sanh yêu quý; 2. Vì nhiều ích hữu tình, thường ở nơi sanh tử nhân vô lượng khổ; 3. Đối với hữu tình nhiều phiền não, khó điều phục, khéo năng thông hiểu điều phục; 4. Đối với nghĩa lý chân thật rất khó hiểu, năng tùy ngộ nhập; 5. Đầy đủ lực đại oai thần không thể nghĩ bàn. Bồ-tát sở hữu năm chủng pháp hy kỳ như vậy, nên không cùng chung với tất cả hữu tình khác.

Lại chư Bồ-tát thành tựu 5 chủng pháp không hy kỳ, nhưng lại được gọi là thành tựu pháp hy kỳ thâm sâu. Những gì là năm?

Chư Bồ-tát lấy việc khổ lợi tha làm nhân, nên lãnh thọ các sự khổ não tức tự mình vui. Cho nên Bồ-tát khắp thọ hành, lấy việc khổ lợi tha làm nhân. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu pháp không hy kỳ thứ nhất, nhưng lại gọi là thành tựu pháp hy kỳ thâm sâu.

Chư Bồ-tát khéo rõ biết quá thất của sanh tử và công đức của Niết-bàn, nhưng vui trong việc khiến các hữu tình thanh tịnh an vui tức tự mình vui. Cho nên Bồ-tát vì thanh tịnh hữu tình lực tăng thượng, nên thọ thọ trong sanh tử. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu pháp không hy kỳ thứ hai, nhưng

gọi là thành tựu pháp hy kỳ thẩm sâu.

Chư Bồ-tát tuy khéo rõ biết vị an lạc của sự tĩnh mặc, nhưng vui trong việc khiến hữu tình được thanh tịnh an vui tức tự mình vui. Cho nên Bồ-tát vì tịnh hữu tình lực tăng thượng, nên hằng siêng phương tiện thuyết chánh pháp. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu pháp không hy kỳ thứ ba, nhưng lại gọi là thành tựu pháp hy kỳ thẩm sâu.

Chư Bồ-tát tuy đã tích tập sở hữu thiện căn sáu Ba-la-mật-đa, nhưng vui trong việc khiến khắp hữu tình được thanh tịnh an vui tức tự mình vui. Cho nên Bồ-tát vì thanh tịnh hữu tình lực tăng thượng, nên dùng ý lạc thanh tịnh thí các hữu tình mà không mong cầu quả thí dị thực. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu pháp không hy kỳ thứ tư, nhưng lại gọi là thành tựu pháp hy kỳ thẩm sâu.

Chư Bồ-tát lấy việc lợi người làm việc tự lợi, cho nên Bồ-tát luôn hiện thọ hành làm các việc lợi ích tất cả hữu tình. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu pháp không hy kỳ thứ năm, nhưng lại gọi là thành tựu pháp hy kỳ thẩm sâu.

Lại chư Bồ-tát hành 5 chủng tướng nên khởi tâm bình đẳng đối với tất cả hữu tình. Những gì là

năm? 1. Trước hết, Bồ-tát phát tâm nguyện cầu Đại Bồ-đề, như vậy cũng là khởi tâm bình đẳng lợi ích tất cả hữu tình; 2. Bồ-tát đối với tất cả hữu tình, an trụ tâm bình đẳng đồng hành ai mãi; 3. Bồ-tát đối với hữu tình, khởi tâm bình đẳng đồng hành với thâm tâm phát khởi thương quý như con một; 4. Bồ-tát biết các tướng sự của hữu tình, đó là từ các duyên sanh các hành; biết sở hữu pháp tánh của một hữu tình như vậy, tức là biết tất cả pháp tánh của tất cả hữu tình; dụng pháp đây đồng hành nơi tâm, đối với tất cả hữu tình trụ tâm bình đẳng; 5. Bồ-tát đối với một hữu tình hành hạnh lợi ích, tức đối với tất cả hữu tình hành hạnh lợi ích cũng vậy; lấy việc làm lợi ích đồng hành nơi tâm, đối với tất cả hữu tình trụ tâm bình đẳng. Do năm tướng đây, nên biết Bồ-tát đối với các hữu tình tâm đều bình đẳng.

Lại chư Bồ-tát hành 5 chủng tướng nên năng làm tất cả việc nhiều ích hữu tình. Những gì là năm? 1. Bồ-tát tuyên thuyết dạy trao *chánh mạng* lấy làm nhiều ích; 2. Đối với hữu tình không thuận theo các sự nghiệp việc làm năng dẫn nghĩa lợi, Bồ-tát dạy trao *tùy thuận* lấy làm nhiều ích; 3. Đối

với hữu tình đang khổ, nghèo cùng, không nơi nương tựa, Bồ-tát khéo năng vì kia làm chỗ nương tựa lấy làm nhiều ích; 4. Bồ-tát dạy trao đạo năng hướng thiện lấy làm nhiều ích. 5. Bồ-tát dạy trao ba thừa lấy làm nhiều ích.

Lại chư Bồ-tát hành 5 chủng tướng nên hiện tiền năng đền đáp đối với hữu tình có ân. Những gì là năm? 1. An lập hữu tình khiến họ tự học các đức; 2. Phương tiện khiến họ học các đức của người; 3. Hữu tình đang khổ, nghèo cùng, không nơi nương tựa, thì tùy khả năng, tùy sức lực làm nơi nương tựa...; 4. Khích lệ khiến họ cúng dường chư Phật Như Lai; 5. Ở nơi chánh pháp Như Lai thuyết, khiến họ thọ trì đọc tụng, biên chép cúng dường.

Lại chư Bồ-tát sở hữu 5 điều nên thường phải vui mừng khen ngợi. Những gì là năm? 1. Gặp Phật ra đời, thường được thừa sự; 2. Ở chỗ chư Phật, thường nghe pháp tạng Bồ-tát sáu chủng Ba-la-mật-đa; 3. Ở nơi tất cả chúng, thường có thế lực thành thực hữu tình; 4. Năng kham nhiệm, nhanh chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 5. Đã chứng Bồ-đề, các chúng đệ tử thường hòa hợp, không tranh cãi kiện tụng.

Lại chư Bồ-tát do 5 nhân duyên nên biết năng thành tựu gia hạnh không hư dối nhiều ích hữu tình. Những gì là năm? Đó là chư Bồ-tát đối với các hữu tình, trước muốn cầu làm lợi ích an lạc; đối với các hữu tình đã được lợi ích an lạc, thì như thật hiểu rõ biết không điên đảo. Nên biết tất cả tướng như thế đã thuyết trong phẩm *Cúng dường - Thân cận - Vô lượng*.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam thuyết:

*Gia hạnh không điên đảo
Thối đọa, cùng thắng tiến
Tương trợ, công đức thật
Khéo điều phục hữu tình.*

Chư Bồ-tát hành 5 gia hạnh nên biết rộng nhiếp tất cả gia hạnh không điên đảo của Bồ-tát. Những gì là năm? 1. Gia hạnh tùy hộ; 2. Gia hạnh không tội; 3. Gia hạnh lực tư trạch; 4. Gia hạnh ý lạc thanh tịnh tăng thượng; 5. Gia hạnh ở trong quyết định.

Sao gọi là gia hạnh tùy hộ của Bồ-tát? Lược có 5 chủng: 1. Tùy hộ tuệ thông duệ, tức là do trí câu sanh đây nên nhanh chóng thu nhiếp pháp; 2. Tùy

hộ chánh niệm, tức là do chánh niệm như vậy năng nhiếp trì pháp khiến chẳng quên; 3. Tùy hộ chánh trí, do chánh trí đây nên lúc hành trì pháp, lúc khéo quán sát nghĩa, dùng chánh tuệ thông đạt. Do tuệ thông minh nhạy bén, tùy thuận chánh niệm tuệ hiểu biết, xa lìa các nhân duyên phần thối, tu tập gần gũi thuận theo các nhân duyên phần thắng; 4. Tùy hộ tự tâm, vì năng khéo giữ gìn các căn môn; 5. Tùy hộ tâm người, vì năng ở nơi tâm người chân chánh tùy chuyển.

Sao gọi là gia hạnh không tội? Chư Bồ-tát thực hành các thiện pháp sung mãn, không điên đảo, không gián đoạn, vô lượng, hồi hướng Bồ-đề.

Sao gọi là gia hạnh lực tư trạch? Tất cả tướng của chư Bồ-tát đây nên biết như trong phần *Thắng giải hành địa* sẽ thuyết.

Sao gọi là gia hạnh ý lạc thanh tịnh tăng thượng? Tất cả tướng của chư Bồ-tát đây nên biết như trong phần *Ý lạc thanh tịnh địa* và *Hành chánh hành địa* sẽ thuyết.

Sao gọi là gia hạnh ở trong quyết định? Tất cả tướng của chư Bồ-tát đây nên biết như trong phần *Quyết định địa*, *Quyết định hành địa*, cho đến *Đến*

cứu cánh địa sẽ thuyết.

Năm chủng gia hạnh như vậy nhiếp tất cả gia hạnh không điền đảo của Bồ-tát.

Lại, chư Bồ-tát hành chuyển thuận theo phần pháp thối, nên biết có 5 chủng. Những gì là năm? 1. Không kính chánh pháp và thầy thuyết pháp; 2. Phóng dật giải đãi; 3. Thường chấp trước phiền não; 4. Thường chấp trước gần gũi ác hạnh; 5. Khởi tăng thượng mạn so sánh hơn thua với các Bồ-tát khác; khởi tăng thượng mạn điền đảo ở nơi pháp.

Lại chư Bồ-tát hành chuyển thuận theo phần pháp thắng, nên biết có 5 chủng. Những gì là năm? Thứ lớp tương đậy trái với năm pháp phẩm hắc đã nói ở trước.

Lại lược có 5 chủng tương tự công đức của Bồ-tát, nên biết đây là lỗi lầm của Bồ-tát. Những gì là năm? 1. Gây tạo việc không nhiều ích đối với hữu tình hung ác, hủy phạm tịnh giới; 2. Giả dối hiện đủ các oai nghi; 3. Ở nơi pháp tương ưng văn từ chú thuật của thế gian và các sách luận của ngoại đạo, tham dự trong hàng trí giả thông minh lanh lợi; 4. Tu hành thiện hạnh có tội như thí...; 5. Tuyên thuyết kiến lập tương tự chánh pháp, lại khiến lưu bố rộng.

Lại lược có 5 chủng công đức chân thật của Bồ-tát. Những gì là năm? 1. Đối với hữu tình hung ác, hủy phạm tịnh giới, do nhân duyên đây càng khởi tâm bi hơn; 2. Bản tánh thành tựu đầy đủ oai nghi; 3. Ở nơi lời tuyên thuyết chân thật tịnh diệu của Phật, hoặc dạy, hoặc chứng, tham dự trong hàng trí giả thông duệ; 4. Khéo hành bố thí... tu hành thiện hạnh không tội như thí...; 5. Khai thị chánh pháp, ngăn chặn diệt trừ tất cả sự tương tự chánh pháp.

Lại chư Bồ-tát lược ở 10 xứ năng điều phục giáo hóa hữu tình không điên đảo. Những gì là mười? 1. Xứ xa lìa ác hạnh; 2. Xứ xa lìa các dục; 3. Xứ tinh cần không phạm, đã phạm liền ra khỏi; 4. Xứ mật hộ tất cả các căn môn; 5. Xứ trụ chánh biết; 6. Xứ xa lìa nơi ồn ào huyên náo; 7. Xứ ở chốn viễn ly, lìa tất cả các tầm tư ác; 8. Xứ xa lìa các chướng; 9. Xứ xa lìa các phiền não triền; 10. Xứ xa lìa tất cả các phẩm phiền não thô trọng.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam thuyết:

Thọ ký chư Bồ-tát

Nhập vào trong quyết định

Định làm, thường nên làm

Tối thắng là rốt sau.

Chư Bồ-tát lược có 6 tướng mong cầu chư Như Lai trao ký biệt Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Những gì là sáu? 1. Ở vị an trụ chủng tánh, chưa phát tâm; 2. Ở vị đã phát tâm; 3. Ở vị hiện tiền; 4. Ở vị không hiện tiền; 5. Có định thời hạn, tức vào thời ấy sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 6. Không định thời hạn, tức không tuyên bố thời hạn quyết định trao ký.

Lại chư Bồ-tát lược có 3 chủng ở trong quyết định. Những gì là ba? 1. Ở trong quyết định an trụ chủng tánh; 2. Ở trong quyết định phát tâm Bồ-đề; 3. Ở trong quyết định tu hạnh không hư dối.

Ở trong quyết định an trụ chủng tánh: chư Bồ-tát trụ ở vị chủng tánh gọi là ở trong quyết định của Bồ-tát. Vì cơ sao? Vì Bồ-tát đây nếu gặp thắng duyên, nhất định kham nhiệm chứng Vô thượng Chánh đẳng giác.

Ở trong quyết định phát tâm Bồ-đề: có chúng chư Bồ-tát đã khởi tâm quyết định đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, về sau không thối chuyển trở lại, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Ở trong quyết định tu hạnh không hư dối: chư

Bồ-tát đã được tự tại, ở khắp nơi hành lợi ích hữu tình, như sở thích tùy thuận tu tập hành trì, trọn không lỗi trái vượt.

Trong ba chủng ở trong quyết định đây, chư Phật Như Lai nương vị ở trong quyết định thứ ba, trao ký chư Bồ-tát đã ở trong quyết định.

Lại chư Bồ-tát lược có 5 việc quyết định phải làm, nếu Bồ-tát không làm như vậy, trọn không kham nhiệm chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Những gì là năm? 1. Phát tâm Bồ-đề; 2. Sanh tâm thương xót rất sâu đối với hữu tình; 3. Tinh tấn mạnh mẽ; 4. Phương tiện tu tập các minh xứ; 5. Không nhàm mỏi.

Lại chư Bồ-tát ở nơi 5 việc phải thường làm. Những gì là năm? 1. Phải thường không phóng dật; 2. Đối với các hữu tình có khổ, nghèo cùng, không nơi nương tựa, phải thường làm nơi nương tựa; 3. Đối với chư Như Lai, phải thường cúng dường; 4. Thường phải biết khắp có lỗi, không lỗi; 5. Tất cả sở tác trong các tác ý, hoặc đi, hoặc đứng, tâm Đại Bồ-đề làm đạo dẫn đầu. Năm chủng như vậy là việc phải thường làm của chư Bồ-tát.

Lại có 10 chủng pháp của Bồ-tát mà tất cả chư

Bồ-tát đồng tán thán là thù thắng kỳ đặc bậc nhất, được kiến lập ở trong pháp tối thượng. Những gì là mười? 1. Trong các chủng tánh, thì chủng tánh Bồ-tát là tối thù thắng; 2. Sơ phát tâm, thì phát khởi chánh nguyện là tối thù thắng; 3. Khấp tất cả Ba-la-mật-đa, thì Tinh tấn và Bát-nhã là tối thù thắng; 4. Trong các nhiếp sự, thì nhiếp sự ái ngữ là tối thù thắng; 5. Trong các loại hữu tình, thì Như Lai Thế Tôn là tối thù thắng; 6. Trong các vô lượng, thì bi mẫn hữu tình là tối thù thắng; 7. Trong các tinh lự, thì đệ tứ tinh lự là tối thù thắng; 8. Trong ba đẳng trì, thì Không tam-ma-địa là tối thù thắng; 9. Trong các đẳng chí, thì Diệt tận đẳng chí là tối thù thắng; 10. Trong tất cả phương tiện thiện xảo như trước đã nói, thì sở hữu phương tiện thiện xảo thanh tịnh là tối thù thắng.

Lại nữa, Ót-Đà-Nam thuyết:

*Các thi thiết kiến lập
Tất cả pháp tâm tư
Và biến trí như thật
Như vậy các vô lượng
Thuyết pháp, quả thắng lợi
Tánh Đại thừa, cùng nhiếp*

*Nên biết mười Bồ-tát
Kiến lập các danh hiệu.*

Lược có 4 chủng thi thiết kiến lập của chư Bồ-tát mà chỉ có Như Lai và chư Bồ-tát năng chánh thi thiết, năng chánh kiến lập. Tất cả hoặc trời, hoặc người, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn chẳng thể thi thiết kiến lập, trừ khi đã được nghe qua. Những gì là bốn? 1. Thi thiết kiến lập pháp; 2. Thi thiết kiến lập đế; 3. Thi thiết kiến lập lý; 4. Thi thiết kiến lập thừa.

Sao gọi là thi thiết kiến lập pháp? Thứ lớp kết tập, thứ lớp an bày sắp đặt, thứ lớp chế lập 12 phần giáo như Tổ-đất-lâm... mà chư Phật tuyên thuyết. Đây gọi là thi thiết kiến lập pháp.

Sao gọi là thi thiết kiến lập đế? Đây có vô lượng chủng:

Hoặc lập 1 đế: là nghĩa không hư vọng. Duy chỉ có một đế, vì không có đế thứ hai.

Hoặc lập 2 đế: 1. Thế tục đế; 2. Thắng nghĩa đế.

Hoặc lập 3 đế: 1. Tướng đế; 2. Ngữ đế; 3. Dụng đế.

Hoặc lập 4 đế: 1. Khổ đế; 2. Tập đế; 3. Diệt đế; 4. Đạo đế.

Hoặc lập 5 đế: 1. Nhân đế; 2. Quả đế; 3. Trí đế; 4. Cảnh đế; 5. Thắng đế.

Hoặc lập 6 đế: 1. Đế đế; 2. Vọng đế; 3. Nên biết khắp đế; 4. Nên đoạn vĩnh viễn đế; 5. Nên tác chứng đế; 6. Nên tu tập đế.

Hoặc lập 7 đế: 1. Ái vị đế; 2. Quá hoạn đế; 3. Xuất ly đế; 4. Pháp tánh đế; 5. Thắng giải đế; 6. Thánh đế; 7. Chẳng phải thánh đế.

Hoặc lập 8 đế: 1. Tánh hành khổ đế; 2. Tánh hoại khổ đế; 3. Tánh khổ khổ đế; 4. Lưu chuyển đế; 5. Hoàn diệt đế; 6. Tọa nhiễm đế; 7. Thanh tịnh đế; 8. Chánh gia hạnh đế.

Hoặc lập 9 đế: 1. Vô thường đế; 2. Khổ đế; 3. Không đế; 4. Vô ngã đế; 5. Hữu ái đế; 6. Không hữu ái đế; 7. Phương tiện đoạn kia đế; 8. Hữu dư y Niết-bàn đế; 9. Vô dư y Niết-bàn đế.

Hoặc lập 10 đế: 1. Bức bách khổ đế; 2. Tiền của thiếu thốn khổ đế; 3. Mười tám giới không bình đẳng hòa hợp khổ đế; 4. Chỗ yêu thích biến hoại đế; 5. Tho trọng khổ đế; 6. Nghiệp đế; 7. Phiền não đế; 8. Lắng nghe chánh pháp như lý tác ý đế; 9. Chánh kiến đế; 10. Quả chánh kiến đế.

Hết thấy loại như vậy gọi là thi thiết kiến lập

đế của Bồ-tát, nếu rộng phân biệt nên biết có vô lượng.

Sao gọi là *thi thiết kiến lập lý*? Là bốn đạo lý đã rộng phân biệt ở phần trước.

Sao gọi là *thi thiết kiến lập thừa*? Là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Đại thừa vô thượng. Ba chủng như vậy, riêng mỗi chủng lại do 7 chủng hành tướng thi thiết kiến lập. Đây gọi là thi thiết kiến lập thừa.

– Bảy chủng hành tướng của Thanh văn thừa:
1. Ở nơi bốn thánh đế, tuệ thông hiểu không diên đảo; 2. Tuệ đây làm chỗ nương; 3. Tuệ đây làm duyên; 4. Tuệ đây làm bạn; 5. Tuệ đây tạo tác nghiệp; 6. Tuệ đây làm tư lương; 7. Tuệ đây đắc quả. Do bảy chủng hành tướng đây, thi thiết kiến lập Thanh văn thừa, không gì không đủ khắp.

– Bảy chủng hành tướng của Độc giác thừa: cũng như phần thi thiết kiến lập Thanh văn thừa.

– Bảy chủng hành tướng của Đại thừa vô thượng: 1. Ở tất cả pháp, duyên sự lìa ngôn thuyết, sở hữu tánh chân như bình đẳng vô phân biệt, tuệ xuất ly; 2. Tuệ đây làm chỗ nương; 3. Tuệ đây làm sở duyên; 4. Tuệ đây làm bạn; 5. Tuệ đây tác nghiệp;

6. Tuệ dây làm tư lương; 7. Tuệ dây đắc quả. Do bảy chủng hành tướng dây, thi thiết kiến lập Đại thừa vô thượng, không gì không đủ khắp.

Chư Phật và chư Bồ-tát quá khứ, vị lai, hiện tại, sở hữu thi thiết kiến lập không diên đảo, hoặc đã từng sở tác, hoặc sẽ sở tác, hoặc nay sở tác, tất cả đều do bốn việc như vậy. Ngoài đây ra trọn không còn việc nào khác hoặc thêm hoặc hơn.

Lại chư Bồ-tát vì đắc bốn chủng biến trí như thật như vậy, nên khởi 4 tầm tư ở nơi tất cả pháp. Những gì là bốn? 1. Tầm tư danh; 2. Tầm tư sự; 3. Tầm tư giả lập tự tánh; 4. Tầm tư giả lập sai biệt. Bốn chủng như vậy nếu phân biệt rộng, nên biết như phẩm *Chân thật nghĩa*.

Lại chư Bồ-tát lược có 4 chủng biến trí như thật khắp tất cả pháp. Những gì là bốn? 1. Biến trí như thật do tầm tư danh dẫn; 2. Biến trí như thật do tầm tư sự dẫn; 3. Biến trí như thật do tầm tư giả lập tự tánh dẫn; 4. Biến trí như thật do tầm tư giả lập sai biệt dẫn. Bốn chủng như vậy nếu rộng phân biệt, nên biết như phẩm *Chân thật nghĩa*.

Lại chư Bồ-tát ở nơi năm vô lượng năng khởi tất cả tác dụng thiện xảo. Những gì là năm? 1. Vô

lượng hữu tình giới; 2. Vô lượng thế giới; 3. Vô lượng pháp giới; 4. Vô lượng giới được điều phục; 5. Vô lượng phương tiện điều phục giới.

1. *Sao gọi là vô lượng hữu tình giới?* Có 64 chúng hữu tình gọi là hữu tình giới, như trong phần Ý địa đã liệt kê đầy đủ. Nếu nương đạo lý tương tục nên biết có vô lượng sai biệt.

2. *Sao gọi là vô lượng thế giới?* Ở mười phương vô lượng thế giới có vô lượng danh hiệu, mỗi mỗi sai khác, như thế giới này gọi là Tác-ha, vua Phạm của thế giới đây gọi là Tác-ha chủ. Tất cả như vậy đều nên rõ biết.

3. *Sao gọi là vô lượng pháp giới?* Là các pháp thiện, bất thiện, vô ký. Hết thấy loại như vậy nên biết có vô lượng đạo lý sai biệt.

4. *Sao gọi là vô lượng giới được điều phục?* Hoặc có 1 chúng giới được điều phục, đó là tất cả hữu tình có thể điều phục vì đồng một loại.

Hoặc có 2 chúng giới được điều phục: 1. Đầy đủ phục; 2. Không đầy đủ phục.

Hoặc có 3 chúng giới được điều phục: 1. Độn căn; 2. Trung căn; 3. Lợi căn.

Hoặc có 4 chúng giới được điều phục: 1. Sát-

đế-lợi; 2. Bà-la-môn; 3. Phệ-xá; 4. Thủ-đà-la.

Hoặc có 5 chủng giới được điều phục: 1. Hành tham; 2. Hành sân; 3. Hành si; 4. Hành mạn; 5. Hành tâm tư.

Hoặc có 6 chủng giới được điều phục: 1. Tại gia; 2. Xuất gia; 3. Chưa thành thục; 4. Đã thành thục; 5. Chưa giải thoát; 6. Đã giải thoát.

Hoặc có 7 chủng giới được điều phục: 1. Khinh hủy; 2. Trung dung; 3. Trí hiển rộng; 4. Trí khai mở cạn mỏng; 5. Hiện được điều phục; 6. Đang được điều phục; 7. Duyên dẫn điều phục, tức là gặp duyên như vậy như vậy sẽ chuyển biến như vậy như vậy.

Hoặc có 8 chủng giới được điều phục: là 8 bộ chúng từ Sát-đế-lợi cho đến Phạm chúng.

Hoặc có 9 chủng giới được điều phục: 1. Như Lai giáo hóa; 2. Thanh văn, Độc giác giáo hóa; 3. Bồ-tát giáo hóa; 4. Khó điều phục; 5. Dễ điều phục; 6. Lời nhu nhuyễn điều phục; 7. Quả trách đuổi bỏ điều phục; 8. Xa điều phục; 9. Gần điều phục.

Hoặc có 10 chủng giới được điều phục: 1. Địa ngục; 2. Bàn sanh; 3. Cõi giới Diêm-ma; 4. Trời người Dục giới; 5. Trung hữu; 6. Hữu sắc; 7. Vô sắc;

8. Hữu tướng; 9. Vô tướng; 10. Phi tướng phi phi tướng.

Lược thuyết có 55 phẩm loại sai biệt như vậy, nếu nương đạo lý tương tục nên biết có vô lượng sai biệt.

Hỏi: Vô lượng hữu tình giới, vô lượng giới được điều phục có gì sai biệt?

Đáp: Tất cả hữu tình hoặc trụ chủng tánh, hoặc không trụ chủng tánh không có gì sai khác, gọi chung là vô lượng hữu tình giới. Chỉ khi trụ ở vị chủng tánh chuyển, mới được gọi là vô lượng giới được điều phục.

5. Sao gọi là vô lượng phương tiện điều phục giới? Như trước đã nói, trong đây cũng có vô lượng phẩm loại sai khác.

Hỏi: Có sao có thứ lớp năm vô lượng như vậy?

Đáp: Chư Bồ-tát tinh cần tu tập nhiều ích hữu tình, nên trước tiên thuyết vô lượng hữu tình giới. Các hữu tình nương một xứ nào đó lãnh thọ sự giáo hóa, nên thứ hai thuyết vô lượng thế giới. Các hữu tình sống ở cõi giới kia có chủng chủng pháp hoặc nhiễm hoặc tịnh sai biệt khả đắc, nên thứ ba thuyết vô lượng pháp giới. Thấy trong hữu tình giới như

vậy có các hữu tình có đại thế lực, có khả năng kham nhiệm, kham năng rất ráo giải thoát các khổ, nên thứ tư thuyết vô lượng giới được điều phục. Do phương tiện thiện xảo như vậy khiến các hữu tình giải thoát rất ráo, nên thứ năm thuyết vô lượng phương tiện của điều phục giới. Cho nên thuyết rằng: “Bồ-tát ở nơi năm chủng vô lượng đây năng phát khởi tất cả tác dụng thiện xảo”.

Lại chư Phật, Bồ-tát vì các hữu tình tuyên thuyết chánh pháp, nên biết có 5 quả lợi ích thù thắng rộng lớn. Những gì là năm? 1. Có hữu tình khi nghe Phật, Bồ-tát thuyết chánh pháp được xa trần lìa cấu, ở trong các pháp sanh khởi pháp nhãn; 2. Có hữu tình khi nghe Phật, Bồ-tát thuyết chánh pháp được tận các lậu; 3. Có hữu tình khi nghe Phật, Bồ-tát thuyết chánh pháp liền phát tâm chánh nguyện đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 4. Có hữu tình khi nghe Phật, Bồ-tát thuyết chánh pháp chứng đắc pháp nhãn tối thắng của Bồ-tát; 5. Có hữu tình khi nghe Phật, Bồ-tát thuyết chánh pháp liền thọ trì, đọc tụng, tu tập chánh hạnh, triển chuyển phương tiện, khiến chánh pháp nhãn trụ lâu chẳng dứt diệt. Năm chủng như vậy

gọi là quả lợi ích thù thắng rộng lớn do chư Phật, Bồ-tát thuyết chánh pháp mà được thành tựu.

Thừa của chư Bồ-tát tương ưng 7 đại tánh nên gọi là Đại thừa. Những gì là bảy? 1. Pháp đại tánh, vì trong mười hai phần giáo, Phương quảng nhiếp lấy giáo tạng Bồ-tát; 2. Phát tâm đại tánh, vì có loại hữu tình phát tâm chánh nguyện đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 3. Thắng giải đại tánh, vì có loại hữu tình ở nơi pháp đại tánh sanh tín giải thù thắng; 4. Ý lạc tăng thượng đại tánh, vì có loại hữu tình đã vượt qua Thắng giải hành địa, chứng nhập Ý lạc tịnh thắng địa; 5. Tư lương đại tánh, vì tu tập viên mãn tư lương phước đức, trí tuệ, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 6. Thời đại tánh, vì trải qua ba vô số đại kiếp mới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 7. Viên chứng đại tánh, vì chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Do công đức viên chứng tự thể khác so với công đức viên chứng tự thể Bồ-đề đây còn không thể sánh kịp, hà huống có chứng đắc khác hoặc vượt quá hoặc thù thắng hơn.

Trong đây, hoặc pháp đại tánh, hoặc phát tâm đại tánh, hoặc thắng giải đại tánh, hoặc ý lạc

tăng thượng đại tánh, hoặc tư lương đại tánh, hoặc thời đại tánh, sáu chủng như vậy đều là nhân của viên chứng đại tánh. Còn viên chứng đại tánh là quả của sáu loại đại tánh trước.

Lại có 8 chủng pháp năng nhiếp đầy đủ tất cả Đại thừa: 1. Giáo tạng Bồ-tát; 2. Ở trong tạng Bồ-tát như vậy hiển thị giáo nghĩa chân thật; 3. Ở trong tạng Bồ-tát như vậy hiển thị giáo uy lực không thể nghĩ bàn, rộng lớn, tối thắng của tất cả chư Phật, Bồ-tát; 4. Đối với sở thuyết trên, lắng nghe như lý; 5. Như lý tư duy làm tiền dẫn, hướng đến ý lạc thù thắng; 6. Hướng đến ý lạc thù thắng làm tiền dẫn, nhập hành tướng tu; 7. Đã nhập hành tướng tu, thành tựu viên mãn quả tu; 8. Do quả tu thành tựu viên mãn như vậy, nên rốt ráo xuất ly. Bồ-tát siêng năng tu học như vậy năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại, chư Bồ-tát siêng năng tu học những gì năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Lược có 10 chủng: 1. Trụ chủng tánh; 2. Đã thú nhập; 3. Ý lạc chưa thanh tịnh; 4. Ý lạc đã thanh tịnh; 5. Chưa thành thực; 6. Đã thành thực; 7. Chưa vào trong quyết định; 8. Đã vào trong quyết định; 9.

Hệ thuộc một đời sanh; 10. Trụ hậu hữu cuối cùng.

Trong đây, trụ chủng tánh của Bồ-tát, phát tâm tu học, gọi là đã thú nhập. Đã thú nhập, cho đến chưa nhập Ý lạc thanh tịnh địa, gọi là ý lạc chưa thanh tịnh. Đã nhập Ý lạc thanh tịnh địa gọi là đã đắc ý lạc thanh tịnh. Từ Ý lạc thanh tịnh địa cho đến chưa nhập Đến cứu cánh địa, gọi là chưa thành thực. Đã nhập gọi là đã thành thực. Trong giai đoạn chưa thành thực cho đến chưa đắc nhập Quyết định địa, Quyết định hành địa, gọi là chưa vào trong quyết định. Đã nhập gọi là đã vào trong quyết định. Trong giai đoạn đã thành thực lại có 2 chủng: 1. Hệ thuộc một đời sanh, tức là kiếp này không gián đoạn sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; 2. Trụ hậu hữu cuối cùng tức là trụ đời này năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Như vậy đã thuyết 10 chủng của Bồ-tát, từ chủng tánh đầu tiên cho đến năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đối với học của Bồ-tát phải năng chân chánh tu học. Có chư Bồ-tát hoặc ở trong học đây, hoặc học như thế mà không năng chân chánh tu học. Ngược lại cũng có các Bồ-tát đối với học của Bồ-tát đây năng chân chánh tu học.

Lại nữa, đã lược thuyết tất cả Bồ-tát có hết thấy loại như vậy không có sai khác, theo từng đức ấy mà giả lập danh, đó là: Bồ-đề-tát-đỏa, Ma-ha-tát-đỏa, Thành tựu giác tuệ, Tối thượng chiếu minh, Tối thắng chân tử, Tối thắng trụ trì, Tối thắng mạnh nha, Khấp năng hàng phục, cũng gọi là Dũng kiện, cũng gọi là Tối thánh, cũng gọi là Thương chủ, cũng gọi là Đại xung, cũng gọi là Lân mẫn, cũng gọi là Đại phước, cũng gọi là Tự tại, cũng gọi là Pháp sư. Như vậy mười phương không ngần không mé trong các thế giới có vô biên Bồ-tát, vì đức riêng khác nên có vô lượng vô biên tướng giả lập danh hiệu sai khác. Hoặc có các Bồ-tát hiện tại tự xưng “Ta là Bồ-tát”, nhưng đối với học của Bồ-tát không chánh tu hành; đây gọi là tương tự Bồ-tát, chẳng phải chân Bồ-tát. Hoặc có các Bồ-tát hiện tại tự xưng “Ta là Bồ-tát”, cũng năng chánh tu hành các học xứ của Bồ-tát; đây mới gọi là chân thật Bồ-tát.



Quyển 47

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần hai TÙY PHÁP TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 1. TƯỚNG BỒ TÁT

Sao gọi là **các tướng chân thật của Bồ-tát?**

Ốt-Đà-Nam thuyết:

Các Bồ-tát chân thật

Nên biết năm chủng tướng

Tự tánh, y xứ, quả

Thứ lớp, nhiếp năm chuyển.

Chư Bồ-tát có năm tướng chân thật, nếu người nào thành tựu sẽ ở trong hàng chư Bồ-tát. Những gì là năm? **1.** Ai mãn; **2.** Ái ngữ; **3.** Dũng mãnh; **4.** Huệ thí rộng rãi; **5.** Năng hiểu nghĩa lý mật ý thâm sâu.

Năm pháp như vậy, mỗi pháp lại riêng có năm chuyển: **a.** Tự tánh; **b.** Chỗ nương; **c.** Quả lợi ích; **d.** Thứ tự; **e.** Nhiếp lẫn nhau.

a. Tự tánh:

Tự tánh ai mãn lược có hai chủng: 1. Ý vui; 2. Chánh hạnh. Ý vui: chư Bồ-tát đối với các hữu tình phát khởi ý vui lợi ích, ý vui an lạc; đây gọi là ai mãn. Chánh hạnh: chư Bồ-tát đối với các hữu tình, như ý vui, tùy lược tùy khả năng dùng thân ngữ nhiều ích. Đây gọi là ai mãn.

Tự tánh ái ngữ: hoặc dùng lời vấn an dẫn dụ, hoặc dùng lời vui mừng hoan hỷ, hoặc dùng lời tăng thêm lợi ích, nên biết đã thuyết ở trước trong phẩm *Nhiếp Sự*.

Tự tánh dũng mãnh: chư Bồ-tát kiên định bền chắc, không sợ hãi yếu hèn, có đại thế lực.

Tự tánh huệ thí rộng rãi: chư Bồ-tát có tánh thí rộng lớn, tánh thí không nhiễm.

Tự tánh năng hiểu nghĩa lý mật ý thâm sâu: chư Bồ-tát sở hữu bốn vô ngại giải. Tức ở kia, trí dẫn phát chánh gia hạnh không điên đảo.

b. Chỗ nương:

– Chỗ nương ai mãn của Bồ-tát lược có 5 chủng. Những gì là năm? 1. Hữu tình có khổ; 2. Hữu tình ác hạnh; 3. Hữu tình phóng dật; 4. Hữu tình tà

hạnh; 5. Hữu tình phiền não tùy miên.

Tất cả hữu tình ở địa ngục... đều thọ khổ bức bách tương tục tiếp nối. Đây gọi là hữu tình có khổ.

Lại có hữu tình tuy không nhất định có khổ, nhưng hiện hành rất nhiều các thân hành ác, lời nói ác, ý nghĩ ác, vui thích ở trong các ác, như người làm nghề đồ tể giết dê, giết heo... những người không giữ luật nghi. Đây gọi là hữu tình ác hạnh.

Lại có hữu tình tuy chẳng phải quyết định có khổ và hành ác hạnh, nhưng ở nơi các dục đắm trước thọ dụng, thường vui thú trong chủng chủng các trò ca múa, phường chèo, hài kịch, cười đùa, tự lấy đây làm trò tiêu khiển, đó là những kẻ thọ dục trần. Đây gọi là hữu tình phóng dật.

Lại có hữu tình tuy không quyết định có khổ, không hành ác, không phóng dật, mà nương kiến chấp tập hành chủng chủng khổ hạnh cầu giải thoát. Như dạng hữu tình xả các ham muốn, nhưng lại xuất gia ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da. Đây gọi là hữu tình tà hạnh.

Lại có hữu tình tuy không quyết định có khổ, nói rộng cho đến chẳng phải tu tà hạnh, nhưng có

đầy đủ phước hay không đầy đủ phước do sự tùy miên của các phiền não. Như các dạng hữu học, dạng dị sanh chánh tu hành hiền thiện. Đây gọi là hữu tình phiền não tùy miên.

Như vậy gọi là 5 chỗ nương ai mãn của Bồ-tát. Do chỗ nương đây, do sở duyên đây, ai mãn triển chuyển. Ngoài đây ra không có chỗ nương nào khác hoặc quá hoặc hơn.

– Chỗ nương ái ngữ của Bồ-tát cũng có 5 chủng. Những gì là năm? 1. Lời chánh luận; 2. Lời chánh vui mừng hoan hỷ; 3. Lời chánh vấn an khích lệ; 4. Lời chân chánh ý tứ sâu xa; 5. Lời như lý. Trong phẩm *Nhiếp Sự* đã biện rộng. Như vậy gọi là năm chỗ nương ái ngữ của Bồ-tát. Do chỗ nương đây, do sở duyên đây, ái ngữ triển chuyển. Ngoài đây ra không có hoặc quá hoặc hơn.

– Chỗ nương dũng mãnh của Bồ-tát cũng có 5 chủng. Những gì là năm? Như phẩm *Bồ-đề phần* đã thuyết, tức là năm chỗ nương dũng mãnh của Bồ-tát. Do chỗ nương đây, do sở duyên đây, dũng mãnh triển chuyển. Ngoài đây ra không có hoặc quá hoặc hơn.

– Chỗ nương huệ thí rộng rãi của Bồ-tát cũng

có 5 chủng. Những gì là năm? 1. Huệ thí luôn luôn; 2. Huệ thí hoan hỷ; 3. Huệ thí ân trọng; 4. Huệ thí không nhiễm; 5. Huệ thí không nương tựa. Năm chủng như vậy trong phẩm *Bố thí* đã biện rộng. Do chỗ nương đây, do sở duyên đây, huệ thí rộng rãi triển chuyển. Ngoài đây ra không có hoặc quá hoặc hơn.

– Chỗ nương năng hiểu nghĩa lý mật ý thâm sâu của Bồ-tát cũng có 5 chủng. Những gì là năm? 1. Trong Tố-đát-lãm mà Như Lai đã thuyết, hiển hiện tùy thuận tánh Không thâm sâu, tương ưng duyên khởi của tánh duyên thâm sâu. Đây gọi là chỗ nương thứ nhất; 2. Ở trong Tỳ-nại-da, thiện xảo hủy phạm giới, thiện xảo trở lại thanh tịnh sáng sạch. Đây gọi là chỗ nương thứ hai; 3. Ở trong Ma-đát-lý-ca, thi thiết kiến lập pháp tướng không điên đảo. Đây gọi là chỗ nương thứ ba; 4. Năng chánh khiển trừ nghĩa tướng, ý thú khó hiểu của các pháp. Đây gọi là chỗ nương thứ tư; 5. Ở nơi tất cả pháp, năng giải thích nghĩa, từ, phẩm loại sai khác. Đây gọi là chỗ nương thứ năm.

Do chỗ nương đây, do sở duyên đây, năng hiểu nghĩa lý mật ý thâm sâu của Bồ-tát triển chuyển. Ngoài đây ra không có hoặc quá hoặc hơn.

c. Quả lợi ích:

Quả lợi ích ai mãn: Hiện tại, Bồ-tát ai mãn đối với tất cả hữu tình, khéo đoạn trừ các hiềm hận oán hại; đối với tất cả việc lợi vui hữu tình đều năng tu làm, tâm không khiếm nhược. Ở nơi gia hạnh đây an trụ nhiều ai mãn, năng nhiếp hiện pháp lạc trú không tội và nhiều ích hữu tình. Thế Tôn đã thuyết những lợi ích thù thắng của việc tu tâm từ, đó là: hiện thân, tất cả độc dược, dao gậy chẳng thể làm hại... Tất cả như vậy đều nên rõ biết. Đây gọi là quả lợi ích ai mãn của Bồ-tát.

Quả lợi ích ái ngữ: Hiện pháp, Bồ-tát ái ngữ nên đoạn dứt bốn lỗi của lời, đó là: lời vọng, lời ly gián, lời thô ác và lời thù dật. Do ái ngữ đầy năng tự nhiếp thọ, cũng năng nhiếp thọ người, nên hành chuyển được an vui. Vị lai, Bồ-tát do ái ngữ nên lời nói cung kính thuần hậu, lời nói thủy đều được tin dùng. Đây gọi là quả lợi ích ái ngữ của Bồ-tát.

Quả lợi ích dũng mãnh: Hiện pháp, Bồ-tát dũng mãnh năng xa lìa tất cả lười biếng giải đãi, tâm thường hoan hỷ, năng thọ tịnh giới luật nghi của Bồ-tát, đã thọ trọn không thối chuyển hủy phạm, năng chánh kham nhẫn nhiếp thọ tự lợi lợi

tha. Vị lai, tất cả sự nghiệp của Bồ-tát, do bám tánh kiên cố nên phạm chỗ tu làm nếu chưa thành tựu, trọn không giải đãi thối lui. Đây gọi là quả lợi ích dững mãnh của Bồ-tát.

Quả lợi ích huệ thí rộng rãi và quả lợi ích năng hiểu nghĩa lý mật ý thâm sâu của Bồ-tát: Như trong phẩm *Uy lực*, phần *Uy lực huệ thí* và *Uy lực Bát-nhã*, mỗi mỗi nên biết sai khác. Đây gọi là hai chủng quả lợi ích của Bồ-tát.

d. Thứ tự:

Sao có thứ tự 5 tướng quả lợi ích của Bồ-tát như vậy? Vì chư Bồ-tát trước tu *ai mãn* nhiếp thọ hữu tình, đối với kia luôn nhớ nghĩ muốn làm lợi ích. Kế đến Bồ-tát tu *ái ngữ*, vì muốn hữu tình kia ra khỏi bất thiện, an lập nơi thiện, nên tuyên thuyết chánh lý nhiếp thọ dạy bảo. Kế đến Bồ-tát tu *dững mãnh*, đều năng kham nhẫn tất cả dạng loại hữu tình hoặc đã thú nhập, hoặc khởi tà hạnh, hoặc bị ràng buộc biến đổi bởi chủng chủng phiền não; vì chẳng bao giờ xả bỏ các hữu tình an trụ chánh hạnh hay tà hạnh vậy. Bồ-tát đã tu dững mãnh như vậy, có loại hữu tình dùng tài bảo nhiếp

thọ năng khiến thành thực, có loại hữu tình dùng pháp nhiếp thọ năng khiến thành thực, có loại hữu tình dùng cả hai chủng tài bảo và pháp nhiếp thọ năng khiến thành thực. Cho nên kế sau Bồ-tát tu tập *huệ thí rộng rãi và năng hiểu nghĩa lý mật ý thâm sâu*. Đây gọi là thứ tự trước sau 5 tướng của Bồ-tát.

e. Nhiếp lẫn nhau:

Hỏi: Trong năm tướng của Bồ-tát và sáu pháp Ba-la-mật-đa, thì Ba-la-mật-đa nào nhiếp những tướng gì?

Đáp: Tĩnh lực Ba-la-mật-đa nhiếp ai mãn của Bồ-tát. Trì giới, Bát-nhã Ba-la-mật-đa nhiếp ái ngữ của Bồ-tát. Tinh tấn, An nhẫn Ba-la-mật-đa nhiếp dũng mãnh của Bồ-tát. Bố thí Ba-la-mật-đa nhiếp huệ thí rộng rãi của Bồ-tát. Tĩnh lực, Bát-nhã Ba-la-mật-đa nhiếp sở hữu năng giải nghĩa lý mật ý thâm sâu của Bồ-tát.

Năm tướng chân thật của Bồ-tát như vậy, mỗi mỗi tướng đều có năm chuyển là *tự tánh, chỗ nương, quả lợi ích, thứ tự, nhiếp lẫn nhau*, đã rộng phân biệt nên như thật biết.

Phần hai TÙY PHÁP TRÌ DU GIÀ XỨ

Phần 2. PHẦN

Hai phần Bồ-tát tại gia và xuất gia khi chánh tu học có bao nhiêu chủng pháp năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề? Ót-Đà-Nam thuyết:

*Có hai phần Bồ-tát
Trước khéo tu sự nghiệp
Thiện xảo, nhiều ích người
Hồi hướng là rốt sau.*

Chư Bồ-tát hoặc phần tại gia, hoặc phần xuất gia, khi mỗi phần hành chuyển lược có 4 pháp. Nếu hai phần tại gia và xuất gia đây chánh siêng tu học bốn pháp, sẽ nhanh chóng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Những gì là bốn? **1.** Khéo tu sự nghiệp; **2.** Phương tiện thiện xảo; **3.** Nhiều ích người; **4.** Hồi hướng không điên đảo.

1. Khéo tu sự nghiệp của Bồ-tát: Chư Bồ-tát ở nơi sáu Ba-la-mật-đa quyết định tu làm, thấy

đều tu làm, thường hằng tu làm, không tội tu làm.

Sao gọi là quyết định tu làm Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát hiện có chủng chủng tài pháp dùng để bố thí. Có người đến trước khát cầu, hoặc có ân, không ân, hoặc có đức, có lỗi, Bồ-tát lòng bình đẳng bố thí không thiên lệch, thấy đều nên thí cho. Hoặc người, hoặc phi nhân, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc các loại khác của thế gian không như pháp, Bồ-tát đều năng thí cho. Tâm thí không gì lay động được.

Sao gọi là thấy đều tu làm Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát hiện có chủng chủng tài pháp dùng để bố thí, có người đến khát cầu, tất cả thấy đều thí cho. Đối với các hữu tình, không có vật nhỏ nào mà chẳng thể xả, nhẫn đến thân mạng còn năng huệ thí, hà huống vật bên ngoài.

Sao gọi là thường hằng tu làm Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở nơi tu huệ thí thường hằng không gián đoạn, không nhàm mỏi. Ở tất cả thời, với sở hữu đương có, tùy huệ thí không lòng lẩn tiếc.

Sao gọi là không tội tu làm Bồ thí Ba-la-mật-đa của Bồ-tát? Chư Bồ-tát lìa thí tạp nhiễm như đã

nói trong phẩm *Bố thí* ở trước, tu hành bố thí không tạp nhiễm còn lại.

Bồ-tát như vậy năng khéo tu làm Bố thí Ba-la-mật-đa. Như năng khéo tu làm Bố thí Ba-la-mật-đa, thì năng khéo tu làm năm Ba-la-mật-đa kia phải biết cũng vậy. Đây gọi là do bốn hành tướng của Bồ-tát ở nơi Ba-la-mật-đa quyết định tu làm, thấy đều tu làm, thường hằng tu làm, không tội tu làm.

2. Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát: Lược có 10 chủng. Những gì là mười? 1. Đối với hữu tình trái ghét thánh giáo, phương tiện thiện xảo khiến trừ khuể não; 2. Đối với hữu tình trái ghét bậc trung, phương tiện thiện xảo khiến thú nhập; 3. Đối với hữu tình đã thú nhập, phương tiện thiện xảo khiến thành thực; 4. Đối với hữu tình đã thành thực, phương tiện thiện xảo khiến giải thoát; 5. Phương tiện thiện xảo ở nơi tất cả các luận khác của thế gian; 6. Phương tiện thiện xảo ở nơi luật nghi giới thanh tịnh, năng chân chánh quán sát các Bồ-tát thọ trì, hủy phạm; 7. Phương tiện thiện xảo ở nơi các chánh nguyện; 8. Phương tiện thiện xảo ở nơi Thanh văn thừa; 9. Phương tiện thiện

xảo ở nơi Độc giác thừa; 10. Phương tiện thiện xảo ở nơi Đại thừa. Tất cả phương tiện thiện xảo như vậy đã rộng phân biệt trong phẩm *Bồ-đề phân*, *Bồ-tát địa*, tùy chỗ thích hợp đều nên rõ biết.

Bồ-tát sở hữu 10 chủng phương tiện thiện xảo như vậy năng làm 5 việc: 1. Do bốn chủng phương tiện thiện xảo đầu tiên, khiến các Bồ-tát năng chánh an lập giáo hóa hữu tình nơi nghĩa tự lợi; 2. Do phương tiện thiện xảo ở nơi các luận khác của thế gian, khiến chư Bồ-tát khéo hay hàng phục tất cả luận khác; 3. Do phương tiện thiện xảo ở nơi luật nghi giới thanh tịnh, năng chánh quán sát các Bồ-tát thọ trì, hủy phạm, khiến chư Bồ-tát không phạm các lỗi; nếu đã phạm, liền nhanh chóng như pháp hối trừ; năng khéo tu tập thọ trì luật nghi giới thanh tịnh của Bồ-tát khiến thiện thanh tịnh; 4. Do phương tiện thiện xảo ở nơi chánh nguyện, khiến các Bồ-tát năng chứng viên mãn tất cả việc làm đúng nghĩa, được ưa thích ở đời đương lai; 5. Do phương tiện thiện xảo ở nơi ba thừa, khiến chư Bồ-tát thuận theo chủng tánh, căn, hiểu biết của hữu tình mà thuyết pháp tương ứng, thuyết thuận chánh lý.

Đây gọi là 10 chủng phương tiện thiện xảo năng khiến chư Bồ-tát làm 5 việc. Do 5 việc đây, tất cả việc làm có nghĩa của Bồ-tát ở hiện tại, vị lai đều thành tựu rất ráo.

3. Nhiều ích người của Bồ-tát: Chư Bồ-tát nương bốn nhiếp sự là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, năng khiến một phần hữu tình lợi ích, năng khiến một phần hữu tình an lạc, năng khiến một phần giáo hóa hữu tình được lợi ích an lạc. Đây nói lược nhiều ích người của Bồ-tát, nếu nói rộng thì như trong phẩm *Tự lợi, lợi tha*.

4. Hồi hướng không diên đảo của Bồ-tát: Sở hữu thiện căn của Bồ-tát do khéo tu tập 3 môn: khéo tu sự nghiệp, phương tiện thiện xảo và nhiều ích người. Tất cả căn lành tích tập được ở quá khứ, vị lai, hiện tại, dùng thuần một vị là tín tâm diệu tịnh mà hồi hướng cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Trọn chẳng đem thiện căn đã tích tập đây mong cầu quả dị thực khác ở thế gian mà không cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Đức Thế Tôn vì chư Bồ-tát hoặc tại gia, hoặc

xuất gia mà tuyên thuyết các pháp phải học, nên biết tất cả nhiếp vào bốn việc: khéo tu sự nghiệp, phương tiện thiện xảo, nhiều ích người và hồi hướng không điên đảo. Do đây khiến chúng chư Bồ-tát tiến cận sát Vô thượng Bồ-đề khó đắc khó chứng. Nên biết sở hữu Bồ-tát quá khứ vị lai hiện tại, hoặc phần tại gia, hoặc phần xuất gia tinh cần tu học, đã chứng, sẽ chứng, hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả đều do bốn pháp như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc hơn hoặc thêm.

Lại chư Bồ-tát hoặc tại gia, hoặc xuất gia, tuy đồng chánh siêng tu học bốn pháp như vậy, nhưng khác nhau rất xa. Bồ-tát xuất gia so với Bồ-tát tại gia khác biệt rất lớn, vượt hơn rất lớn. Vì cơ sao? Nên biết tất cả Bồ-tát xuất gia ở nơi lỗi lầm họa hoạn của việc nhiếp thọ cha mẹ, vợ con, thân thuộc đều được giải thoát. Bồ-tát tại gia không như vậy.

Lại, tất cả Bồ-tát xuất gia đối với việc nhiếp thọ hết thầy cha mẹ, thân thuộc; đối với sự nghiệp, chức tước, kinh doanh, chùng chùng ưu khổ khó khăn do công việc bức bách, thầy đều được giải thoát. Bồ-tát tại gia không như vậy.

Lại tất cả Bồ-tát xuất gia chỉ chuyên một hướng tu hành phạm hạnh. Bồ-tát tại gia không như vậy.

Lại tất cả Bồ-tát xuất gia chóng chứng thông tuệ tất cả pháp Bồ-đề phần, tùy theo sự tu tập các thiện pháp, đều nhanh chóng đến rốt ráo. Bồ-tát tại gia không như vậy.

Lại tất cả Bồ-tát xuất gia an trụ chắc chắn luật nghi thanh tịnh, phạm có mở lời chúng đều tín thọ phụng hành. Bồ-tát tại gia không như vậy. Hết thấy vô lượng thiện pháp như vậy, nên biết tất cả Bồ-tát xuất gia so với Bồ-tát tại gia khác biệt rất lớn, vượt hơn rất lớn.

Phần hai TÙY PHÁP TRÌ DU GIÀ XỬ Phẩm 3. Ý LẠC TĂNG THƯỢNG

Sao gọi là **ý lạc tăng thượng của Bồ-tát?**
Ốt-Đà-Nam thuyết:

*Bậc trí đối hữu tình
Có bảy tướng lân mẫn*

*Mười lăm thẳng ý lạc
Nên biết làm mười sự.*

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, thâm tâm phát khởi 7 tướng lân mẫn. Vì Bồ-tát dùng đầy đủ lân mẫn, nên gọi là ý lạc thiện, ý lạc cực thiện. Những gì gọi là bảy tướng lân mẫn? 1. Lân mẫn vô úy; 2. Lân mẫn như lý; 3. Lân mẫn không nhàm mõi; 4. Lân mẫn không cầu; 5. Lân mẫn không nhiễm; 6. Lân mẫn rộng lớn; 7. Lân mẫn bình đẳng.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, chẳng vì khiếp sợ mà khởi tâm lân mẫn. Thân, ngữ, ý nghiệp hiện tiền tùy thuận. Tâm vui thích làm lợi ích an lạc. Đây gọi là lân mẫn vô úy của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, không phải không như lý mà hành chuyển lân mẫn. Tức là trọn không dùng phi pháp, phi luật, phi xứ và phi hành hiền thiện để khích lệ dạy trao hữu tình. Đây gọi là lân mẫn như lý của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình đã lân mẫn như vậy, sau tùy nghi phát khởi tất cả sự nghiệp nhiều ích không hề nhàm mõi. Đây gọi là lân mẫn không nhàm mõi của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, không đợi

thỉnh cầu mà tự phát khởi lên mãi làm nhiều ích. Đây gọi là lân mãi không cầu của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình, tâm không ái nhiễm mà khởi lên mãi, tức là nhiều ích người không mong cầu báo ân, cũng không hy vọng thành tựu các quả dị thực khả ái ở đời đương lai. Đây gọi là lân mãi không nhiễm của Bồ-tát, cũng gọi là lân mãi không duyên của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát đối với các hữu tình phát khởi tâm lân mãi rộng lớn, chẳng nhỏ hẹp. Rộng lớn, tức là đối với các hữu tình gây tạo việc không nhiều ích, Bồ-tát không xả bỏ họ. Tự thân Bồ-tát thà chịu sự xấu ác, trọn chẳng đem ác gia thêm đối với kia. Đây gọi là lân mãi rộng lớn của Bồ-tát.

Chư Bồ-tát lân mãi tương ưng tương trạng như vậy, công đức như vậy, nên đối với tất cả loài hữu tình đều bình đẳng; đối với cõi giới hữu tình, không lòng phân chia thứ hạng. Đây gọi là lân mãi bình đẳng của Bồ-tát.

Bồ-tát lân mãi tương ưng 7 chủng hành tướng đây, gọi là ý lạc thiện, ý lạc cực thiện. Nên biết trong đây tịnh tín làm tiền dẫn, chọn lựa pháp làm tiền dẫn; ở nơi pháp của chư Phật, có được

thắng giải, tin hiểu quyết định rõ ràng. Đây gọi là ý lạc tăng thượng của Bồ-tát.

Như vậy nên biết ý lạc tăng thượng của Bồ-tát có 15 chủng. Những gì là mười lăm? 1. Ý lạc tối thượng; 2. Ý lạc ngăn dứt; 3. Ý lạc Ba-la-mật-đa; 4. Ý lạc chân thật nghĩa; 5. Ý lạc uy lực; 6. Ý lạc lợi ích; 7. Ý lạc an lạc; 8. Ý lạc giải thoát; 9. Ý lạc kiên cố; 10. Ý lạc không hư vọng; 11. Ý lạc không thanh tịnh; 12. Ý lạc thanh tịnh; 13. Ý lạc thiện thanh tịnh; 14. Ý lạc cần phải điều phục; 15. Ý lạc câu sanh.

Chư Bồ-tát đối với Phật, Pháp, Tăng chân thật tối thượng, khởi ý lạc thù thắng. Đây gọi là ý lạc tối thượng của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với thọ trì tịnh giới luật nghi, khởi ý lạc thù thắng. Đây gọi là ý lạc ngăn dừng của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với sự tu chứng bố thí, an nhẫn, tinh tấn, tinh lự, bát-nhã, khởi ý lạc thù thắng. Đây gọi là ý lạc Ba-la-mật-đa của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với pháp vô ngã, bổ-đặc-già-la vô ngã, các pháp chân như thắng nghĩa thăm sâu, khởi ý lạc thù thắng. Đây gọi là ý lạc chân thật nghĩa của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với uy lực thần thông không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ-tát, uy lực câu sanh, khởi ý lạc thù thắng. Đây gọi là ý lạc uy lực của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với hữu tình, khởi ý lạc thù thắng muốn dùng thiện pháp để dạy trao. Đây gọi là ý lạc lợi ích của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với hữu tình, khởi ý lạc thù thắng muốn đem nhiều ích mà trao cho. Đây gọi là ý lạc an lạc của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với các hữu tình như vậy, tâm không ái nhiễm, tâm không bị hệ buộc vào quả khả ái dị thực ở đời vị lai. Đây gọi là ý lạc giải thoát của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tâm chuyên chú không mảy may biến chuyển. Đây gọi là ý lạc kiên cố của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát đối với các hữu tình, phương tiện nhiều ích; đối với Đại Bồ-đề, phương tiện hướng đến chứng đắc, thắng giải đồng hành với trí không điên đảo. Đây gọi là ý lạc không hư vọng của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát sở hữu tất cả ý lạc tăng thượng

của Thắng giải hành địa, đây gọi là ý lạc không thanh tịnh của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát sở hữu tất cả tăng thượng ý lạc từ Ý lạc tịnh thắng địa cho đến Quyết định hành địa, đây gọi là ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát sở hữu tất cả ý lạc tăng thượng của Cứu cánh địa, đây gọi là ý lạc thiện thanh tịnh của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát sở hữu ý lạc không thanh tịnh, do ý lạc đây cần phải tư duy chọn lựa, nên gọi là ý lạc cần phải điều phục.

Lại chư Bồ-tát sở hữu ý lạc thanh tịnh, ý lạc thiện thanh tịnh, do ý lạc đây tánh thành tựu khéo an lập nơi sở y, nên gọi là ý lạc câu sanh.

Trên đây là 15 ý lạc tăng thượng diệu khéo của Bồ-tát thuận theo tất cả địa. Tóm lại, Bồ-tát nương ý lạc tăng thượng trên năng làm 10 sự. Những gì là mười?

1. Ý lạc tối thượng của chư Bồ-tát năng đối với Tam Bảo, dùng tất cả chủng tối thắng để cúng dường khắp tất cả, lấy tư lương Bồ-đề là bậc nhất.

2. Ý lạc ngăn dừng của chư Bồ-tát năng ở nơi việc thọ trì tịnh giới luật nghi, hiểu được nhân

duyên khó có được thân mạng, nên chẳng cố nghĩ phạm; giả sử có phạm, liền nhanh chóng hối trừ.

3. Ý lạc Ba-la-mật-đa của chư Bồ-tát năng ở nơi thiện pháp thường siêng tu tập, trụ không phóng dật, thường trụ tối thắng là không phóng dật.

4. Ý lạc chân thật nghĩa của chư Bồ-tát năng vì hữu tình mà đem tâm vô nhiễm lưu chuyển trong sanh tử, ý lạc tăng thượng không xả Niết-bàn.

5. Ý lạc uy lực của chư Bồ-tát năng ở nơi thánh giáo lãnh thọ hiểu biết thuần vị pháp thanh tịnh thượng diệu. Lại năng đối với việc tu tập, khởi tướng kiên cố, trụ nhiều hân lạc, không chỉ ở nơi văn, tư mà sanh vui đủ.

6. Ý lạc lợi ích, ý lạc an lạc, ý lạc giải thoát của chư Bồ-tát năng tạo tác các sự nghiệp chỉ vì nhiều ích hữu tình, thường tinh cần tu tập không nhàm mỏi.

7. Ý lạc kiên cố của chư Bồ-tát năng ở nơi chủng chủng tinh tấn mạnh mẽ, tinh tấn rộng lớn, phát khởi an trụ gia hạnh không trì trệ, không gián đoạn.

8. Ý lạc không hư vọng của chư Bồ-tát năng ở

nơi sở hành thiện pháp, mau chứng thông tuệ, chẳng ở nơi chút phần chứng hạ liệt sai khác mà sanh vui đủ.

9. Ý lạc cần phải điều phục của chư Bồ-tát năng dẫn phát ý lạc câu sanh.

10. Ý lạc câu sanh của chư Bồ-tát năng khiến nhanh chóng thú hưởng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề; năng cùng trời, người làm các việc có nghĩa lợi đem lại lợi ích an lạc.

Ý lạc cần điều phục tức là ý lạc không thanh tịnh; ý lạc câu sanh tức là ý lạc thanh tịnh và ý lạc thiện thanh tịnh, cho nên không nói riêng.

Đức Thế Tôn vì chư Bồ-tát ở nơi vô lượng chủng kia tuyên thuyết thi thiết khai thị ý lạc tăng thượng, nên biết tất cả chỉ nhiếp trong 15 ý lạc như trên. Chúng chư Bồ-tát quá khứ, vị lai, hiện tại diệu khéo ý lạc, đã chứng sẽ chứng hiện chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tất cả đều do 15 ý lạc đã thuyết như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc thêm hoặc hơn. Mười lăm ý lạc của Bồ-tát như vậy năng thành tựu quả lợi Đại Bồ-đề, cho nên Bồ-tát nương ý lạc đây mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Phần hai TÙY PHÁP TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 4. TRỤ - 1

Như vậy, từ chủng tánh đầy đủ đầu tiên, rộng ra cho đến sở học của chư Bồ-tát như đã nói, phải chánh siêng tu học. Ở nơi các tướng của Bồ-tát như đã nói, phải chân chánh hiển hiện hết thảy. Ở trong phần gia hạnh của Bồ-tát, phải chánh siêng tu học. Ở nơi ý lạc của Bồ-tát như đã nói, năng tịnh tu sửa trị.

Chúng chư Bồ-tát lược có 12 chủng trụ. Do 12 chủng trụ đây rộng nhiếp tất cả các trụ Bồ-tát, rộng nhiếp tất cả các hạnh Bồ-tát. Lại có trụ Như Lai thứ mười ba, do trụ đây nên hiện tiền Đẳng giác Bồ-đề rộng lớn, gọi là trụ Vô thượng. Những gì là 12 trụ của Bồ-tát? Ôt-Đà-Nam thuyết:

*Chủng tánh, thắng giải hành,
Cực hỷ, tăng thượng giới,
Tăng thượng tâm, ba tuệ,
Vô tướng có dụng công,
Vô tướng không dụng công,*

*Cùng với vô ngại giải,
Trụ Bồ-tát tối thượng
Trụ Như Lai tối cực.*

Mười hai chủng trụ của Bồ-tát: Trụ chủng tánh. Trụ thắng giải hành. Trụ cực hoan hỷ. Trụ tăng thượng giới. Trụ tăng thượng tâm. Trụ tăng thượng tuệ. Trụ tăng thượng tuệ đây lại có ba chủng: 1. Trụ tăng thượng tuệ tương ưng phần giác; 2. Trụ tăng thượng tuệ tương ưng các đế; 3. Trụ tăng thượng tuệ tương ưng duyên khởi dừng nghỉ, lưu chuyển, đó là chư Bồ-tát như thật rõ biết năng quán chân thật, sở quán chân thật, cùng với chân thật của các loài hữu tình chỉ do vô trí nên có lưu chuyển các khổ, do có trí nên dừng dứt các khổ. Như vậy Bồ-tát dùng tuệ quán sát ở nơi ba môn đây, nên trụ ba chủng tăng thượng tuệ. Trụ đạo vô tướng hành chuyển có gia hạnh, cố dụng công, không gián đoạn khuyết hở. Trụ đạo vô tướng hành chuyển không gia hạnh, không dụng công, không gián đoạn khuyết hở. Trụ vô ngại giải. Trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng. Đây gọi là mười hai chủng trụ của Bồ-tát. Mười hai chủng trụ của Bồ-tát như vậy rộng nhiếp tất cả các trụ Bồ-tát,

rộng nhiếp tất cả các hạnh Bồ-tát.

Trụ Như Lai: đó là vượt qua các trụ Bồ-tát, trụ Hiện tiền Đẳng giác Đại Bồ-đề. Trong đây, trụ Như Lai cuối cùng sẽ diễn thuyết đầy đủ trong phẩm *Cứu cánh Du-già xứ*. Nay ta sẽ thuyết sở hữu 12 chủng trụ của Bồ-tát như những gì đã an lập ở trên.

1. *Sao gọi là trụ chủng tánh của Bồ-tát? Sao gọi là Bồ-tát an trụ nơi trụ chủng tánh?* Chư Bồ-tát an trụ nơi trụ chủng tánh, tánh tự hiền nhân, tánh tự thành tựu công đức của Bồ-tát, tùy nghi làm nhiều thiện pháp. Vì tánh nhân hiền nên phương tiện tự đoạn trừ pháp ác, hành chuyển theo pháp thiện, chẳng do tư trạch, tự biết giữ gìn, tự biết phòng hộ. Chư Bồ-tát an trụ nơi trụ chủng tánh nhậm trì tất cả chủng tử Phật pháp. Ở trong tự thể, ở trong sở y đã có đầy đủ tất cả chủng tử, tất cả Phật pháp.

Lại chư Bồ-tát an trụ nơi trụ chủng tánh, xa lìa cấu thô, chẳng còn hiện khởi phiền não triền bậc thượng, vì triền đây là nguyên nhân tạo nghiệp vô gián, năng đoạn dứt thiện căn. Như phẩm *Chủng tánh* đã thuyết chủng chủng tướng trụ chủng tánh,

ở trong trụ chủng tánh của Bồ-tát đây, cần phải nói rộng, cần như thật biết. Đây gọi là trụ chủng tánh của Bồ-tát.

2. Sao gọi là trụ thắng giải hành của Bồ-tát?
Chư Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến chưa đắc ý lạc thanh tịnh, chỗ có tất cả các hạnh Bồ-tát nên biết đều gọi là trụ thắng giải hành.

Lại trong trụ chủng tánh của Bồ-tát, đối với mười một trụ còn lại của trụ Bồ-tát và đối với trụ Như Lai, chỉ có nhân chuyển nhiếp thọ nhân kia; đối với sở hữu các trụ Bồ-tát còn lại, còn chưa phát khởi hướng đến, chưa đắc chưa tịnh, hà huống trụ Như Lai.

Nếu chư Bồ-tát trụ thắng giải hành, đối với khắp tất cả trụ Bồ-tát còn lại và trụ Như Lai, đều gọi là phát khởi hướng đến, chưa đắc chưa tịnh. Tức lúc trụ thắng giải hành như vậy, cũng gọi là phát khởi hướng đến, cũng gọi là đắc; vì khiến ở trụ đây được thanh tịnh, nên tu chánh hạnh. Trụ thắng giải hành tức đã thanh tịnh, trước phát khởi hướng đến trụ Cực hoan hỷ, nay gọi là đắc; vì khiến ở trụ đây được thanh tịnh, nên tu chánh hạnh. Trụ Cực hoan hỷ tức đã thanh tịnh, trước

phát khởi hướng đến trụ Tăng thượng giới, nay gọi là đắc; vì muốn ở trụ đây được thanh tịnh, nên tu chánh hạnh. Triển chuyển nói rộng như vậy cho đến trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, tức trước đã phát khởi hướng đến trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, nay đây đã thanh tịnh. Từ đây không gián đoạn cho đến trụ Như Lai, nên biết nay đã đốn đắc, đốn tịnh. Cho nên trụ Như Lai đây có sai khác như vậy so với trụ Bồ-tát.

3. Sao gọi là trụ Cực hoan hỷ của Bồ-tát? Đó là trụ ý lạc thanh tịnh thù thắng của Bồ-tát.

4. Sao gọi là trụ tăng thượng giới của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây, do ý lạc thanh tịnh thù thắng làm duyên, đắc tánh giới tương ưng.

5. Sao gọi là trụ tăng thượng tâm của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây, do tăng thượng giới thanh tịnh làm duyên, đắc tinh lự đẳng trì, đẳng chí thế gian.

6. Sao gọi là trụ tăng thượng tuệ tương ưng phần giác của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây dụng đẳng trì do nương trí thanh tịnh thế gian làm chỗ nương. Vì giác các đế, nên ở nơi niệm trụ... ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, khéo léo điều luyện chọn lựa.

7. Sao gọi là trụ tăng thượng tuệ tương ứng các đế của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây dụng phần giác điều luyện chọn lựa làm chỗ nương, ở trong các đế như thật giác.

8. Sao gọi là trụ tăng thượng tuệ tương ứng duyên khởi dừng nghỉ, lưu chuyển của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây, vì ở các đế năng giác lực tăng thượng, điều luyện chọn lựa hiển thị do vô trí nên khổ cùng nguyên nhân khởi, điều luyện chọn lựa hiển thị do có trí nên khổ cùng nguyên nhân diệt.

9. Sao gọi là trụ vô tướng, có gia hạnh, có dụng công của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây, do an trụ ba chủng tăng thượng tuệ có gia hạnh, có dụng công không khuyết hở, không gián đoạn lực tăng thượng, ở nơi tất cả pháp tu đồng hành tuệ chân như vô phân biệt.

10. Sao gọi là trụ vô tướng, không gia hạnh, không dụng công của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây, do ở trụ vô tướng kia đã tu tập nhiều, nhậm vận tự nhiên không khuyết hở, không gián đoạn, đạo chuyển vận tùy hành.

11. Sao gọi là trụ vô ngại giải của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây dùng tuệ thiện thanh tịnh vô

động đẳng trì làm chỗ nương, đặc tuệ rộng lớn, vì người thuyết pháp; vô thượng làm chỗ nương, năng khéo phân tích đối với dị môn, nghĩa thú, từ ngữ giải thích sai biệt.

12. Sao gọi là trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng của Bồ-tát? Chư Bồ-tát ở trụ đây, đối với đạo Bồ-tát đã đạt đến rốt ráo, đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề đã được đại pháp rưới drench, hoặc hệ thuộc một đời sanh, hoặc thọ thân tối hậu. Từ đây an trụ không gián đoạn, tức lúc bấy giờ chứng giác Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, năng làm tất cả việc Phật làm.

Lại chư Bồ-tát trụ Thắng giải hành, đối với việc tu làm của Bồ-tát, việc làm còn nhỏ hẹp, việc làm còn khiếm khuyết, việc làm chưa quyết chắc, chỗ đặc còn bị thoái chuyển. Chư Bồ-tát trụ Cực hoan hỷ, đối với việc tu làm của Bồ-tát, việc làm rộng lớn, việc làm không khiếm khuyết, việc làm đã quyết chắc, tùy chỗ thành tựu không thoái chuyển. Như trụ Cực hoan hỷ, cho đến trụ Ba chủng tăng thượng tuệ phải biết cũng vậy. Chư Bồ-tát từ trụ Vô tướng đầu tiên, cho đến trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, đối với việc tu làm của Bồ-

tát, việc làm vô lượng, việc làm không khiếm khuyết, việc làm đã quyết chắc, tùy chỗ thành tựu trọn không thối chuyển.

Lại trụ Thắng giải hành của chư Bồ-tát đối với tu vô tướng của Bồ-tát, nên biết gọi là phát khởi hướng đến. Trụ Cực hoan hỷ, trụ Tăng thượng giới, trụ Tăng thượng tâm, trụ Tăng thượng tuệ, đối với tu vô tướng của Bồ-tát, nên biết gọi là đã đắc thành tựu. Trụ Vô tướng đầu tiên, đối với tu vô tướng của Bồ-tát, nên biết gọi là chứng trọn vẹn. Trụ Vô tướng thứ hai, đối với tu vô tướng của Bồ-tát, nên biết gọi là thanh tịnh. Trụ Vô ngại giải, trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, đối với quả tu vô tướng của Bồ-tát, nên biết gọi là lãnh thọ.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ ở trụ Thắng giải hành chuyển, có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Thắng giải hành chuyển, thì lực tư trạch thù thắng. Ở nơi gia hạnh việc làm của chư Bồ-tát, dùng tuệ phân biệt luôn luôn tư trạch mới năng tu làm. Tánh chưa thể kham nhiệm hoàn thành trọn vẹn các việc làm, chưa đắc kiên cố tương tục, chưa thể không thối

chuyển trong việc tu tập Bồ-tát thù thắng. Cũng vậy chưa thể đắc quả tu thù thắng, chủng chủng thắng giải vô ngại thân thông, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí. Chưa thể vượt qua năm chủng sợ hãi: sợ không sống còn, sợ tiếng ác, sợ chết, sợ đường ác, sợ khiếp nhục trước đại chúng.

Những việc lợi ích thù thắng nhiều ích hữu tình phải tư duy sách tấn mới năng tu làm, tánh chưa thể nhớ nghĩ ai mãi quý trọng hữu tình. Hoặc có lúc thân, ngữ, ý phát khởi tà hạnh đối với hữu tình. Hoặc có lúc phát khởi tham đắm nơi các cảnh giới. Hoặc có lúc hiện hành keo lẩn các vật dụng nuôi thân.

Tín hành theo chư Phật, Bồ-tát, người khác, bên trong chưa tự rõ biết chân thật. Tức là đối với hoặc Như Lai, hoặc Pháp, hoặc Tăng, hoặc chân thật nghĩa, hoặc các việc của hữu tình, hoặc uy lực thần thông của Phật, Bồ-tát, hoặc nhân hoặc quả, hoặc nghĩa nên đắc, hoặc phương tiện đắc, hoặc ở nơi các sở hành đều nhân người khác mà tín.

Thành tựu trí do nghe, do nghĩ nhỏ hẹp, chẳng phải vô lượng. Lại có lúc ở trong việc đây bị lạc chánh niệm, có lúc quên mất pháp. Thành tựu

thông hành khổ chậm chạp của Bồ-tát. Đối với Đại Bồ-đề không vui muốn sâu xa, không tinh tấn mạnh mẽ, không tinh tín bền vững thăm sâu.

Ở ba chỗ sau năng bị lạc chánh niệm: 1. Đối với cảnh giới sắc thanh hương vị xúc pháp vừa ý, chẳng vừa ý, có lúc tâm điên đảo lạc mất chánh niệm; 2. Đối với việc thọ sanh trong chủng chủng thân, đã thọ sanh rồi, quên mất sanh đời trước; 3. Đối với các pháp đã thọ đã trì, tác thuyết đã lâu, có lúc bị quên mất.

Chính ở trong ba chỗ lạc mất chánh niệm ấy, hoặc có lúc đã từng đầy đủ thông tuệ, năng thọ năng trì các pháp, kham năng ngộ nhập nghĩa lý, hoặc có lúc không như vậy. Hoặc có lúc nhớ nghĩ đầy đủ, hoặc có lúc quên mất không nhớ. Đối với các hữu tình chưa năng rõ biết như thật phương tiện thiện xảo điều phục. Tự mình đối với Phật, Pháp cũng chưa rõ biết như thật dẫn phát phương tiện thiện xảo. Vì người thuyết pháp dạy trao dạy răn, triển chuyển khích lệ dẫn dắt, mà đối với việc khích lệ dẫn dắt chưa như thật biết. Hoặc có lúc hư vọng xả bỏ, hoặc có lúc chẳng vậy, như tia sáng lóe lên trong bóng đêm, hoặc trúng, không trúng, tùy

muốn mà thành. Hoặc có lúc đối với Đại Bồ-đề, tuy đã phát tâm mà lại thối xả. Hoặc có lúc xả bỏ tịnh giới luật nghi Bồ-tát trước đã thọ học, chẳng thể thọ học trở lại. Hoặc có lúc tuy siêng tu tập việc lợi ích hữu tình, nhưng ở khoảng trung gian sanh nhàm mỗi, nên trở lại xả bỏ. Ý vui muốn khiến mình được an vui. Đối với việc khiến người vui, phải do suy nghĩ chọn lựa mới có thể làm. Đối với chỗ phạm của chư Bồ-tát, phần nhiều biết khắp, chẳng phải luôn biết khắp để đoạn hẳn không sót. Vì Bồ-tát luôn hiện hành hủy phạm, nên có lúc ở nơi pháp Tỳ-nại-da của tạng Bồ-tát bị cái khác dẫn đoạt. Hoặc có lúc nghe thuyết giáo pháp rộng lớn thắm sâu, tâm sanh kinh sợ dao động, do dự nghi hoặc. Đối với các hữu tình, xa lìa tất cả sự hiện hạnh Đại bi. Đối với các hữu tình, hiện tiền chỉ làm lợi ích an lạc chút ít, chưa thể rộng lớn, chưa thể vô lượng.

Như trên đã nói, ở nơi tất cả học xứ Bồ-tát cần viên mãn, thì đây chưa thể học khắp; ở nơi tất cả các tướng của Bồ-tát cần viên mãn, thì đây đều chưa thành tựu; ở trong chánh gia hạnh của phần Bồ-tát, chưa thể tu học khắp, chưa hiển hiện hết

thầy; ở nơi ý lạc của Bồ-tát, vẫn còn chưa thanh tịnh. Đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, tự mình còn xa. Đối với Niết-bàn, chưa tăng thượng ý lạc, vì chưa an lập sâu xa. Như ở trong sanh tử trường thời lưu chuyển, thì ở nơi pháp Bồ-đề phần vô động, diệu thiện, hưng thịnh, chưa thể thành tựu. Hết thầy dạng như vậy gọi là các hành, trạng, tướng của Bồ-tát an trụ nơi trụ Thắng giải hành chuyển.

Chư Bồ-tát ở trụ đây, lúc nhãn bậc hạ chuyển, các hành trạng tướng nói trên tương ứng phẩm thượng. Lúc nhãn bậc trung chuyển, thì các hành trạng tướng trên tương ứng phẩm trung. Lúc nhãn bậc thượng chuyển, thì các hành trạng tướng trên tương ứng phẩm hạ, tánh mỏng nhẹ. Lúc nhãn bậc thượng chuyển, các hành trạng tướng trên năng đoạn dần dần, cho đến vĩnh viễn không sót thừa. Từ đây không gián đoạn, nên biết Bồ-tát nhập trụ Cực hỷ. Do trong trụ Cực hỷ đặc phương tiện của trụ Thắng giải hành, chỗ nói “các pháp đều vô sở hữu”. Tất cả các pháp phẩm bạch đều hiển hiện, trái với hành trạng tướng trên. Do chư Bồ-tát thành tựu đây, nên được chuyển danh là Ý lạc tịnh thắng.

Lúc chư Bồ-tát an trụ nơi trụ Thắng giải hành chuyển, tuy có chút phần thắng giải thanh tịnh triển chuyển ở bậc nhuyển, trung, thượng, nhưng chưa được gọi là ý lạc tịnh thắng. Vì cơ sao? Vì khi thắng giải đây chuyển, vẫn còn nhiều chủng phiền não nhiễm ô hiện hành. Lúc Bồ-tát an trụ nơi trụ Cực hoan hỷ, tất cả thắng giải, các tùy phiền não thấy đều đoạn trừ vĩnh viễn. Xa lìa các tùy phiền não, thắng giải thanh tịnh triển chuyển.

Hỏi: Lúc Bồ-tát an trụ nơi trụ Cực hoan hỷ chuyển, nên biết có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Nếu chư Bồ-tát từ trụ Thắng giải hành nhập trụ Cực hoan hỷ, trước kia đối với hoàng nguyện Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề của Bồ-tát, chưa khéo thông đạt tự tánh Bồ-đề, chưa khéo thông đạt phương tiện Bồ-đề, phần nhiều thuận theo duyên khác mà chuyển, không khéo quyết định; thì nay, vì đoạn trừ xả bỏ quá thất kia nên phát khởi sáu tướng mới, khéo quyết định, bên trong chứng đắc tu tánh đại nguyện của Bồ-tát: 1. Trải qua tất cả nguyện sáng sạch khác; 2. Không gì sánh, không cùng chung; 3. Quả là thế gian; 4. Vượt qua tất cả cảnh giới thế gian; 5. Vì tùy cứu

khổ tất cả hữu tình, nên không cùng chung với tất cả Thanh văn, Độc giác; 6. Dẫu một sát-na sanh khởi nguyện đây: “Pháp tánh tự vậy”, năng đắc vô lượng quả pháp bạch tịnh khả ái của Bồ-tát. Lại đại nguyện đây không biến đổi, không cùng tận, tự tánh đã đắc không thể bị nhân duyên khác làm cho thối chuyển, biến đổi được. Lại phần thù thắng của nguyện đây thuộc biên tế sau của Đại Bồ-đề. Nguyện khéo quyết định của Bồ-tát đây cũng gọi là phát tâm.

Lại phát tâm như vậy lược có bốn tướng cần phải rõ biết. Những gì là bốn? 1. Phát tâm của Bồ-tát có tướng gì? 2. Sở duyên suy gẫm gì mà phát tâm? 3. Tự tánh gì, tướng gì, trạng gì mà phát tâm? 4. Lợi ích thù thắng gì mà phát tâm? Do bốn tướng đây nên rõ biết phát tâm của Bồ-tát. Đó là chư Bồ-tát an trụ nơi trụ Thắng giải hành đã khéo tích tập tất cả thiện căn, đã chánh siêu xuất nơi hạnh Bồ-tát. Đây lược nói tướng phát tâm của Bồ-tát.

Lại chư Bồ-tát duyên đời đương lai không điên đảo, nên nhanh chóng viên mãn tất cả tư lương Bồ-đề. Viên mãn tất cả việc nhiều ích hữu tình của Bồ-tát. Viên mãn tất cả chủng Vô thượng Chánh

đẳng Bồ-đề, tất cả Phật pháp. Viên mãn sự nghiệp sở tác của chư Phật. Đây lược nói duyên suy gẫm mà phát tâm.

Lại chư Bồ-tát không điên đảo, nhanh chóng phát khởi tất cả tư lương Bồ-đề. Tất cả sở tác của Bồ-tát đều tùy thuận hữu tình, tùy thuận thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, diệu trí vô sư tự nhiên, tùy thuận khắp tất cả chủng sự nghiệp sở tác của chư Phật, tùy thuận tâm nguyện rộng lớn.

Lại chư Bồ-tát phát tâm như vậy rồi, vượt qua Bồ-tát dị sanh của phàm địa, chứng nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Sanh nhà Như Lai, thành “chân tử” của Phật, quyết định hướng đến Chánh đẳng Bồ-đề, quyết định tiếp nối thánh chủng Như Lai.

Lại chánh thành tựu chứng tịnh như thật, rất nhiều hoan hỷ. Đối với các hữu tình khác, phần nhiều xa lìa giận dữ oán hại đấu tranh. Đối với tất cả việc làm, Bồ-tát đều vì lợi ích chúng sanh, viên mãn tất cả chủng tư lương Bồ-đề. Ở nơi tất cả Phật pháp, tất cả chủng Vô thượng Bồ-đề, tất cả chủng sở tác Phật sự, lấy ý lạc thanh tịnh tăng thượng nương duyên thắng giải mà thú nhập. Ở nơi các pháp, nhanh chóng chứng đắc viên mãn, tự quán

thân mình năng thuận theo những điều chánh, hiểu rõ như vậy nên rất nhiều hoan hỷ. Lại tự quán thấy diệu khéo rộng lớn, năng dẫn xuất ly, không nhiễm, không gì sánh, nhiếp thọ nhiều ích, thân tâm hoan hỷ. Ở nơi vô lượng thiện pháp hưng thịnh đây thấy đều thành tựu.

Lại tự rõ biết: “Ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề nay đã tiến đến gần. Đối với Đại Bồ-đề, ý lạc thù thắng của ta nay đã được thanh tịnh. Ta đã xa lìa tất cả sợ hãi”. Do nhân duyên đây sanh nhiều hoan hỷ.

Lại, chư Bồ-tát đã phát khởi tâm khéo quyết định nên đoạn trừ năm sợ hãi. Do khéo tu tập diệu trí vô ngã, nên phân biệt ngã tướng vẫn còn chẳng chuyển trở lại, hướng chi có đặc phân biệt ngã ái, hoặc sanh yêu quý thân mình. Cho nên không sợ mất mạng. Do đối với người, không điều mong cầu, thường tự phát khởi vui muốn: “Ta sẽ nhiều ích tất cả hữu tình, chẳng phải ở nơi họ mà tìm kiếm mong cầu”. Do nhân duyên đây không sợ tiếng ác. Do lìa ngã kiến, ở nơi ngã không có tướng hoại mất triển chuyển, nên không sợ chết. Tự biết sau khi chết quyết định được gặp Phật, Bồ-tát ở

đời vị lai, do xác quyết đây nên không sợ đường ác. Do ý lạc thấy tất cả thế gian không có gì ngang bằng “Ta”, hà huống có cái thù thắng hơn, cho nên không khiếp nhược trước đại chúng. Như vậy, Bồ-tát xa lìa năm chủng sợ hãi, xa lìa tất cả khiếp sợ khi nghe thuyết chánh pháp thâm sâu, xa lìa tất cả kiêu mạn phóng túng, xa lìa tất cả hạng người không nhiều ích, chủng chủng tà hạnh khiến phát khởi sân khuể, xa lìa tất cả tham vui tiền bạc của thế gian. Vì không nhiễm ô, nên không sợ trái ghét. Vì mạnh mẽ, nên không có ý vui thế tục, năng chúng đắc viên mãn tất cả thiện pháp.

Lại do lực tín tăng thượng làm tiền dẫn, ở trong hiện pháp năng khởi tất cả tinh tấn của Bồ-tát; ở đời đương lai, hành mười chủng đại nguyện như đã thuyết trong phẩm *Bồ-đề phần* ở trước, ở trụ Cực hoan hỷ đây năng dẫn phát đầy đủ.

Do đắc ý lạc tịnh thắng, vì muốn cúng dường hữu tình tối thắng, pháp chủ, đại sư chân thật phước điền, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ nhất.

Do muốn thọ trì chánh pháp vô thượng đã tuyên thuyết, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ hai.

Do muốn khuyến thỉnh chuyển chánh pháp luân vi diệu chưa từng có, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ ba.

Do muốn tùy thuận hành Bồ-tát hạnh, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ tư.

Do muốn thành thực khí hữu tình kia, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ năm.

Do muốn hướng đến cõi nước chư Phật, phụng kiến Như Lai, thừa sự cúng dường, lắng nghe thọ trì chánh pháp, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ sáu.

Do tinh tu sửa trị quốc độ Phật của mình, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ bảy.

Do tất cả những chốn sanh thân thường chẳng xa lìa chư Phật, Bồ-tát, cùng chư Phật, Bồ-tát đồng một vị ý lạc gia hạnh, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ tám.

Do thường lợi ích tất cả hữu tình, không khó khăn nào mà chẳng vượt qua, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ chín.

Do chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, làm các Phật sự, cho nên dẫn phát đại nguyện thứ mười, phát lời nguyện: “Nhu hữu tình giới triển chuyển tương tục trọn không đoạn tận, cũng như

đường thế gian triển chuyển tương tục trọn không đoạn tận, đại nguyện của tôi cũng sanh sanh tương tục cho đến rốt ráo biên tế Bồ-đề. Thường chẳng xa lìa, thường chẳng quên mất, thường chẳng trái lìa đại nguyện kia”. Tự tâm đã phát chánh thệ nguyện như thế, nên biết trong đây trước hết thành tựu sự phát nguyện, điều nên nguyện; về sau tức thành tựu nguyện, như nguyện đã phát khởi.

Như vậy, Bồ-tát nương mười chủng đại nguyện làm thượng thủ, năng sanh vô số trăm ngàn chánh nguyện. Bồ-tát như vậy, ngay trong hiện pháp phát đại tinh tấn, ở đời đương lai thành tựu đầy đủ các đại nguyện.

Lại có mười chủng pháp tịnh tu ở các trụ, do đây năng khiến trụ Cực hoan hỷ mau được thanh tịnh: 1. Đối với chư Phật, Pháp thâm sanh tịnh tín; 2. Quán đạo lý duyên khởi của các hữu tình, chứng biết chỉ có thuần khổ uẩn lớn, nên phát khởi Đại bi; 3. Quán thấy kia rồi, tự thệ nguyện: “Ta sẽ khiến các loài hữu tình thuần khổ uẩn lớn như thế được giải thoát, được vui bậc nhất”, nên phát khởi Đại từ; 4. Vì muốn cứu giúp tất cả ưu khổ, nên tự mình không luyến tiếc. Vì không luyến tiếc,

năng xả tất cả thân thể tài vật trong ngoài mà hành huệ thí cho các hữu tình; 5. Vì muốn lợi ích các hữu tình, nên từ người siêng cầu pháp thế, xuất thế từng không nhàm mỗi; 6. Vì không nhàm mỗi, nên chứng được tất cả trí luận thanh tịnh, khéo biết các luận; 7. Vì khéo biết luận, nên tùy theo các hữu tình liệt, trung, thắng mà tùy nghi ứng dụng khiến họ tu chánh hạnh; nên khéo hiểu rõ thế gian; 8. Ở nơi chánh gia hạnh như vậy, tu tập tám quý, chánh hạnh đúng lượng đúng thời; 9. Ở nơi chánh gia hạnh như vậy, đắc tánh lực hành trì kiên cố không thối chuyển; 10. Dùng các thứ thượng diệu lợi dưỡng cung kính cúng dường Như Lai.

Đây gọi là mười chủng pháp trụ tịnh tu, do đây năng khiến trụ Cực hoan hỷ mau đắc thanh tịnh. Đó là: tịnh tín, từ, bi, huệ xả, không nhàm mỗi, khéo biết các luận, khéo hiểu thế gian, tu tập tám quý, tánh lực hành trì kiên cố và cúng dường Như Lai.

Lại, chư Bồ-tát ở nơi mười pháp đây đã tùy triển chuyển thọ học, đã tu tập nhiều, lại ở nơi các trụ khác của Bồ-tát như chín tầng thượng giới... từ Phật, Bồ-tát tinh cần hỏi cầu tất cả chủng đạo

công đức, lỗi lầm và vui thân thông không hoại mất đạo. Khéo nắm giữ hành đây nên được tướng đẳng lưu. Ở nơi tất cả trụ tự nhiên thăng tiến, chứng Đại Bồ-đề. Làm đại Đạo sư dẫn dắt tất cả hữu tình vượt qua đường hiểm hoang vu sanh tử. Nên biết trong đây, năng nhập các hành nên gọi là hành, nếu lúc chánh nhập thì gọi là đắc, đã viên chứng thành tựu quả lợi thì gọi là đẳng lưu.

Chư Bồ-tát an trụ nơi trụ đây, do hai nhân duyên hiện thấy chư Phật. Hoặc do lắng nghe thuyết tạng Bồ-tát, hoặc do nội tâm phát khởi thắng giải, tin có mười phương trong các thế giới với chúng chúng tên gọi khác nhau, danh hiệu chư Phật Thế Tôn mỗi mỗi khác nhau. Do tâm đồng hành tịnh tín thô, mong cầu hiện thấy; đã cầu như vậy, nên như thật toại nguyện. Đây gọi là nhân duyên thứ nhất. Lại tâm phát khởi chánh nguyện như vậy: “Tùy ở trong các thế giới kia, nếu có Phật ra đời, tôi sẽ sanh qua nơi ấy”. Như nguyện đây rồi, như thật toại nguyện. Đây gọi là nhân duyên thứ hai.

Bồ-tát như vậy do tịnh tín thô mà hiện thấy chư Phật, do lực chánh nguyện mà hiện thấy chư Phật. Đã được thấy rồi, tùy lực, tùy khả năng phát

khởi tất cả chủng cung kính cúng dường, phụng thí đầy đủ chủng chủng vật dụng thượng diệu, cũng cung kính cúng dường Tăng chúng. Ở chỗ chư Như Lai lắng nghe chánh pháp, thọ trì không điên đảo, tinh tấn tu hành tùy pháp hành pháp, dùng bốn nhiếp sự thuần thực hữu tình. Tất cả thiện căn có được thấy đều hồi hướng Vô thượng Bồ-đề.

Lại do ba chủng nhân duyên thanh tịnh sau khiến các thiện căn kia sáng sạch bội phần: 1. Vì đối với Phật, Pháp, Tăng cúng dường nhiếp thọ; 2. Vì dùng bốn chủng nhiếp sự thành thực hữu tình; 3. Vì đem tất cả thiện căn hồi hướng Bồ-đề. Thực hành như vậy cho đến vô lượng muôn muôn ức nhiều trăm ngàn đại kiếp. Thí như ở thế gian có thợ khéo léo tinh xảo, đem vàng bỏ vào lửa để tinh luyện, trải qua đốt luyện khiến vàng càng trở nên sáng sạch. Cũng thế, sở hữu thiện căn ý lạc thanh tịnh thù thắng của Bồ-tát phải biết do nương ba chủng nhân duyên thanh tịnh kia mà chuyển thêm sáng sạch vậy.

Lại trụ ở đây, Bồ-tát sanh ở xứ nào phần nhiều làm vua Chuyển luân, vua Thiệm-Bộ châu được đại tự tại, xa lìa tất cả sở hữu keo lẩn như cầu, oai nghi

trùm khắp hữu tình, điều phục những kẻ keo lẩn. Các nghiệp được làm đều trong bốn nhiếp sự, tất cả đều không lìa Phật, Pháp, Tăng bảo, chúng tất cả chúng tác ý Bồ-đề, thường phát nguyện: “Tôi sẽ quý trọng tất cả hữu tình, làm tất cả việc mang đến nghĩa lợi, làm chỗ nương cho họ”. Hoặc vui phát khởi tinh tấn như thế, xả bỏ tất cả tài bảo, địa vị, quyền thuộc, quay về thánh giáo Phật, tịnh tín xuất gia. Trong khoảng sát-na, trong nháy mắt năng chứng trăm Tam-ma-địa của Bồ-tát, dùng thiên nhãn thanh tịnh năng hiện thấy một trăm Như Lai ở vô số quốc độ chư Phật. Lại năng nắm giữ thắng giải đối với sự biến hóa của chư Bồ-tát, dùng lực thần thông chấn động một trăm thế giới, thân cũng năng đến đó phóng đại quang minh soi chiếu khắp nơi, mọi người đều được thấy. Hóa hiện làm một trăm loại giáo hóa, thành thực giáo hóa trăm chúng hữu tình. Nếu muốn lưu thân mạng thì có thể trụ trăm kiếp, mỗi đời trước sau là một trăm kiếp. Trí kiến năng nhập tất cả pháp môn uẩn, xứ, giới... năng chánh tư trạch ở một trăm pháp môn. Hóa làm trăm thân, mỗi thân đều hóa hiện trăm Bồ-tát quyền thuộc vây quanh, tự biết các việc đã

trải qua. Chư Bồ-tát ấy do nguyện lực nên biết vô lượng uy lực thần biến. Chúng chư Bồ-tát an trụ nơi trụ Cực hoan hỷ đây, nguyện lực tăng thượng năng dẫn vô lượng sở tác thần biến của chánh nguyện thù thắng. Chánh nguyện như vậy cho đến muôn muôn ức na-do-tha trăm ngàn đại kiếp chẳng thể tính đếm.

Đây lược thuyết trụ Cực hoan hỷ của Bồ-tát: vì khéo quyết định, vì bốn tướng phát tâm, vì phát khởi tinh tấn dẫn phát chánh nguyện, vì pháp trụ tịnh tu, vì khai rõ trụ khác, vì tu sửa thiện căn, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như trong *Kinh Thập Địa* gọi là *Cực hỷ địa*.

Kinh Thập Địa kia rộng tuyên thuyết mười địa của Bồ-tát. Ở trong Ma-đát-ly-ca nhiếp thuộc tạng Bồ-tát đây, tuyên nói lược mười trụ của Bồ-tát, thứ tự từ trụ Cực hỷ cho đến trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng. Nên biết trong đây, do nghĩa Bồ-tát năng thâm nhiếp gìn giữ, gọi là *địa*; do nghĩa năng là chỗ cư trú thọ dụng, gọi là *trụ*.

Quyển 48

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần hai TÙY PHÁP TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 4. TRỤ - 2

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng giới chuyển, nên biết có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Nếu chư Bồ-tát trước ở nơi trụ Cực hoan hỷ, nương mười chủng tâm ý lạc, đã đắc ý lạc thanh tịnh. Những gì là mười? 1. Đối với tất cả sư trưởng, bậc phước điền đáng tôn trọng, ý lạc chẳng hành hư dối; 2. Đối với Bồ-tát đồng pháp, nhu hòa nhẫn nhục, ý lạc dễ cộng trú; 3. Thắng phục tất cả phiền não, tùy phiền não và sự nghiệp của chúng ma, tâm ý lạc tự tại chuyển; 4. Ở nơi tất cả hành, ý lạc thấy sâu quá thât; 5. Đối với Đại Niết-bàn, ý lạc thấy sâu lợi ích thù thắng; 6. Ở nơi các pháp Bồ-đề phần diệu thiện, ý lạc thường siêng tu tập; 7. Tức nương tùy thuận tu hành các pháp kia, ý lạc vui xứ viễn ly; 8. Ở nơi các thế gian nhiễm ô tôn trọng

địa vị lợi dưỡng cung kính, ý lạc không lòng đoái luyến; 9. Ý lạc xa lìa các thừa thấp, thú hưởng chứng đắc Đại thừa; 10. Ý lạc muốn làm tất cả việc có nghĩa lợi cho hết thủy hữu tình. Như vậy mười chủng ý lạc không điên đảo nương tâm mà chuyển, nên nói là ý lạc thanh tịnh. Do mười chủng ý lạc đây thành tựu ở phẩm thượng cho đến cực viên mãn, nên chứng nhập trụ thứ hai Tăng thượng giới.

Lại nữa, ở trong trụ đây đầy đủ tánh giới, rất ít nghiệp đạo nhiếp thuộc tà ác. Các ác phạm giới yếu kém hãy còn chẳng hiện hành, hà huống hiện hành phẩm trung, phẩm thượng.

Lại viên mãn mười chủng nghiệp đạo, tự tánh hiển hiện. Bồ-tát như vậy đầy đủ tánh giới, năng khéo dùng diệu tuệ như thật rõ biết đường thiện, đường ác, là nhiễm, không nhiễm; như thật rõ biết các thừa, các nghiệp hiện hành, hoặc nhân hoặc quả, tu chứng an lập; cũng như thật rõ biết quả dị thực và quả đẳng lưu, các nghiệp như vậy.

Tự năng hiển hiện đoạn trừ các nghiệp bất thiện, tự năng hiển hiện thọ hành tất cả thiện nghiệp. Ở trong ấy, vui khuyến dẫn người, năng

dạy dẫn chân chánh.

Như thật quán chiếu tất cả, thấy các hữu tình giới hoặc hưng hoặc suy, nơi có chủng chủng nghiệp không bình đẳng, nơi có nhiễm ô quá thất hiện hành, tất cả đều không có gì sai khác, đều đọa nơi nghĩa khổ bậc nhất, đều đọa trong sự gian khổ vất vả, chịu bức bách của chủng chủng khổ khổ, rất đáng thương xót. Cho nên thành tựu ai mãn rộng lớn.

Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng giới như vậy, thiện căn thanh tịnh rộng thấy chư Phật, như trước đã nói. Nên biết ở trụ đây có sự sai khác, đó là như thợ luyện vàng khéo léo ở thế gian, dùng lửa để tinh luyện vàng, luôn luôn đốt luyện, cho đến lúc vàng càng thêm sáng sạch. Như thế, thiện căn thanh tịnh của Bồ-tát phải biết cũng vậy.

Bồ-tát an trụ ở trong trụ đây, thú nhập trọn vẹn tâm ý lạc thanh tịnh. Sanh ở chốn nào, phần nhiều làm Chuyển luân vương, vua bốn đại châu. Dùng lực tự tại khiến hữu tình dừng phạm giới, dừng nghiệp đạo bất thiện, khuyến khích kia thọ hành các nghiệp đạo thiện. Phải biết uy lực ở trụ đây vượt hơn trụ trước gấp mười lần.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng giới: vì ý lạc thanh tịnh, vì đầy đủ tánh giới, vì lia tất cả chủng cấu hủy phạm giới, vì thông đạt biết rõ tất cả nghiệp đạo, tất cả nhân quả; vì năng tự thọ hành các tịnh nghiệp, cũng vui khích lệ người khiến họ thọ hành; vì như thật quán chiếu các nghiệp phát sanh các khổ vất vả của hữu tình giới, được đại ai mãn; vì thiện căn thanh tịnh, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như *Kinh Thập Địa* gọi là *Ly cấu địa*, vì xa lia tất cả cấu nhiễm phạm giới. Nên biết trong kia gọi là *Ly cấu địa*, đây là trụ Tăng thượng giới.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng tâm chuyển, nên biết có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Nếu chư Bồ-tát trước ở trụ Tăng thượng giới đã đắc mười chủng ý lạc thanh tịnh, tác ý tư duy, thông đạt hiểu rõ. Lại do mười tâm ý lạc tịnh khác, tác ý tư duy triển chuyển thành tựu phẩm thượng cho đến cực viên mãn, cho nên vượt qua trụ Tăng thượng giới, nhập trụ Tăng thượng tâm. Những gì là mười? 1. Tác ý tư duy: Ở nơi mười chủng tâm ý lạc tịnh, ta đã được thanh tịnh; 2. Tác ý tư duy:

Ta ở nơi mười chủng tâm ý lạc tịnh đã thanh tịnh, trọn không thối chuyển; 3. Tác ý tư duy: Ta ở nơi tất cả pháp lậu, hữu lậu, tâm không thú nhập, năng chánh an trụ ở trong trái nghịch; 4. Tác ý tư duy: Ta ở trong việc tu đối trị kia chân chánh an trụ; 5. Tác ý tư duy: Ta ở việc tu đối trị kia chẳng hoàn thối thất; 6. Tác ý tư duy: Ta kiên cố đối trị như vậy không bị sự thắng phục của tất cả pháp lậu, hữu lậu và tất cả ma quân; 7. Tác ý tư duy: Ta nay năng đối với tất cả Phật pháp, tâm hành chuyển không yếu nhược; 8. Tác ý tư duy: Ta nay năng đối với tất cả khổ hạnh, tâm không khiếm nhược; 9. Tác ý tư duy: Ta đối với Đại thừa thâm sanh tin hiểu, tâm chuyên nhất hướng, tâm trọn chẳng vui thích những thừa hạ liệt; 10. Tác ý tư duy: Ta đối với việc lợi ích hữu tình, thâm tâm vui thích. Do tác ý tư duy mười chủng tâm ý lạc tịnh đây, Bồ-tát năng nhập trụ Tăng thượng tâm.

Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng tâm như vậy, khéo dùng chủng chủng hành tướng quá hoạn mà hoại tất cả hành. Ở nơi các hành kia, thâm tâm chán lìa. Ở nơi diệu trí Phật, năng dùng chủng chủng hành tướng thắng lợi, thấy được sự lợi ích

thù thắng. Lại ở trụ đây năng dùng một vị vui muốn trong sạch, sanh sâu ái mộ. Đối với hữu tình giới, năng dùng chủng chủng hành tướng khổ não, quán là có khổ. Đối với tất cả hữu tình, hưng khởi tâm bi thương xót, tâm nương nghĩa đây sanh. Ở nơi tất cả hành, không phóng dật. Vì Đại Bồ-đề nên tinh tấn mạnh mẽ.

Đối với các hữu tình, năng khởi ý lạc bi mãn rộng lớn. Quán sát thấu hiểu chỉ dụng trí không chướng ngại ở nơi tất cả trói buộc của các tùy phiền não, mới là phương tiện rốt ráo giải thoát hữu tình ra khỏi các khổ. Quán sát thấu hiểu chỉ có tuệ không phân biệt, ở trong pháp giới có tất cả tạp nhiễm phân biệt hiện hành mà sanh khởi đối trị, mới năng chứng đắc trọn vẹn việc giải thoát kia. Quán sát thấu hiểu chỉ dụng Tam-ma-địa thù thắng không điên đảo, năng dẫn phát tất cả tinh lực đẳng trì, đẳng chí, mới năng thành tựu trọn vẹn trí sáng suốt kia. Tất cả đều lấy *lắng nghe tạng Bồ-tát* làm tiền dẫn, lấy *lắng nghe chánh pháp* làm duyên khởi.

Quán thấy đây rồi, phát đại tinh tấn cầu học đa văn. Vì nghe chánh pháp nên chẳng tiếc thân

mạng. Không có tài vật yêu thích trong ngoài nào mà lại lẩn tiếc chẳng thể xả. Không có sư trưởng nào mà chẳng thệ phụng sự. Không có lời dạy tôn quý nào mà chẳng nguyện phụng hành. Không có khổ thân nào mà chẳng nguyện thọ. Nếu nghe tụng một trong bốn câu pháp kệ của Phật thì vui mừng nhảy nhót; quý hơn được trân bảo chứa nhóm đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới. Nghe một câu pháp Phật thuyết năng dẫn Chánh đẳng giác, năng tịnh hạnh Bồ-tát, thì vui mừng nhảy nhót hơn được tất cả địa vị tôn quý của Thích, Phạm, Hộ thế và Chuyển luân vương. Giả sử có người bảo rằng: “Thiện nam tử lắng nghe! Ta có một câu pháp do Phật thuyết năng dẫn Chánh đẳng giác, năng tịnh hạnh Bồ-tát, người muốn nghe chăng? Nếu nay người có thể nhảy vào hầm lửa lớn thọ đại khổ, ta sẽ vì người nói”. Bồ-tát nghe vậy vui mừng nhảy nhót đáp: “Ta năng làm. Nếu ta được nghe một câu pháp nghĩa như người đã nói, dầu có hầm lửa lớn ngang bằng tam thiên đại thiên thế giới đang cháy mạnh mẽ, ta dù từ Phạm thiên vẫn muốn đầu thân nhảy vào, hà huống hầm lửa nhỏ. Vì cầu Phật pháp, thì dù ở lâu nơi đại địa ngục, thọ

đại khổ não còn năng nhẫn được, huống là chút khổ nhỏ mà chẳng thể thọ ư?”. Bồ-tát phát khởi tinh tấn cầu chánh pháp như vậy rồi, lại năng như thật tư duy: Cần phải chánh tu hành tùy pháp hành pháp mới được gọi là tùy thuận Phật pháp, chẳng phải chỉ lắng nghe văn tự âm thanh mà được thanh tịnh. Biết như vậy rồi, liền nương nơi điều đã nghe, chánh duyên pháp tướng, lìa xa các pháp dục ác bất thiện, nói rộng cho đến năng đắc bốn tinh lự thế gian, bốn vô sắc định và an trụ đầy đủ bốn vô lượng, năm chủng thần thông.

·Đã an trú nhiều, lại xả hết thấy tinh lự đẳng trì, đẳng chí, nguyện lực tự tại trở lại Dục giới. Ở Dục giới, quán sát hoặc năng làm lợi ích hữu tình, hoặc năng viên mãn pháp Bồ-đề phần, tức liền vãng sanh về đó, chẳng phải tự dung mà sanh về xứ kia. Như vậy Bồ-tát vì lìa tham dục, nên gọi là đoạn trừ dục phược; vì xả bỏ tinh lự đẳng trì, đẳng chí, gọi là đoạn trừ hữu phược. Bồ-tát trước ở Thắng giải hành địa đã tu thắng giải nơi pháp chân như, nên đã đoạn kiến phược; tà, tham, khuể, si rốt ráo chẳng còn chuyển.

Thiện căn thanh tịnh rộng thấy chư Phật

nên biết như trước, nhưng ở trụ đây có sự sai khác. Thí như ở thế gian có thợ tinh xảo khéo léo tinh luyện để lấy vàng ròng, trong tay đã có được chân kim, cấu bản đã hết, chỉ còn tinh chất. Thiện căn thanh tịnh của Bồ-tát phải biết cũng vậy, phần nhiều thọ sanh làm Thiên đế Thích, khéo léo giáo hóa hữu tình khiến lìa dục tham. Sở hữu uy lực của trụ trước có số ngàn, thì ở trụ đây có số trăm ngàn.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng tâm: vì tác ý tư duy tâm ý lạc, thú nhập thành tựu viên mãn; vì đối với tất cả hành, các hữu tình giới và Đại Bồ-đề, năng chánh thông đạt trọn vẹn; vì đối với hữu tình, năng chánh tìm cầu phương tiện giải thoát các khổ; vì ở trong chánh pháp khởi đại cung kính, thỉnh hỏi cầu học không nhàm mỏi; vì năng chánh tu tập hành pháp tùy pháp; vì đối với hết thảy tinh lự thế gian, đẳng trì, đẳng chí, vô lượng thân thông năng dẫn năng trụ; vì xả bỏ kia, nguyện lực tự tại tùy vui thọ sanh; vì thiện căn thanh tịnh, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như *Kinh Thập Địa* gọi là *Phát quang địa*. Vì chỗ hiển thị của quang minh do nghe pháp, hành theo chánh pháp và quang minh

đẳng trì, cho nên địa đây gọi là Phát quang địa. Bên trong tâm tịnh năng phát quang minh, cho nên gọi là trụ Tăng thượng tâm. Do nghĩa đây gọi là Phát quang địa, cũng tức là trụ Tăng thượng tâm.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng tuệ tương ưng phân giác, nên biết có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Chư Bồ-tát trước an trụ nơi trụ Tăng thượng tâm, vì lực cầu đa văn tăng thượng, đã đắc mười pháp nhập minh. Do mười pháp nhập minh đây thành tựu ở phẩm thượng cho đến cực viên mãn, nên vượt qua trụ Tăng thượng tâm, nhập trụ Tăng thượng tuệ đầu tiên. Chỗ có văn từ của mười pháp nhập minh như kinh đã nói, đó là hoặc giả thiết kia, hoặc ở trong giả thiết, hoặc do giả thiết đây, hoặc ở thắng nghĩa bình đẳng, hoặc vì nhiệm não, hoặc vì thanh tịnh, hoặc thành nhiệm, hoặc thành tịnh, hoặc do chỗ nhiệm ô của phiền não hệ phược, hoặc do chỗ tịnh sạch của vô thượng thanh tịnh. Đây lược nghĩa mười pháp nhập minh. Chư Bồ-tát an trụ nơi trụ đây, như trong kinh thuyết: “Lấy không hoại ý lạc làm tiền dẫn, đều thành tựu sở hữu

mười chủng trí năng thành thực, pháp trí thành thực”. Vì quán tất cả chủng Bồ-đề-tát-đỏa lực tăng thượng luôn ở nhà Như Lai, đặc pháp thể kia. Lấy tu tập bốn niệm trụ làm thượng thủ, khéo tu tập ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần như kinh đã thuyết.

Do ở pháp đây phương tiện nhiếp thọ siêng năng tu tập, nên thân kiến tối cực vi tế, tất cả chấp trước, tất cả uẩn giới xứ, tất cả động loạn thảy đều đoạn trừ rốt ráo không hiện hành.

Do đoạn trừ kia nên không hiện hành những nghiệp mà tất cả Như Lai chê trách, như thật tùy chuyển tất cả nghiệp tốt đẹp mà Như Lai khen ngợi. Đã thành tựu như vậy, nên tâm có khả năng kham chịu, hành chuyển tươi nhuận nhu hòa.

Từ đã như vậy, lại thêm ứng chuyển chủng chủng tướng đều thiện thanh tịnh. Lại khéo biết tri ân, biết báo ân. Ý lạc hành theo chủng chủng bạch pháp đều thành tựu. Vì muốn tầm cầu địa trên, phát đại tinh tấn năng tu đối trị nghiệp, cho đến được an trụ. Do nhân duyên đây, sở hữu ý lạc, tăng thượng ý lạc, thắng giải tánh giới đều được viên mãn. Do nhân duyên đây, tất cả chủng chủng quân ma, ngoại đạo oán địch thánh giáo đều chẳng

thể khuynh động, chẳng thể lẩn đoạt.

Thiện căn thanh tịnh rộng thấy chư Phật, nên biết tương đậy như trước đã nói rộng, nhưng ở trụ đậy có sự sai khác. Như thợ khéo léo tinh xảo ở thế gian đã luyện vàng xong, làm thành đồ trang sức. Ánh sáng của vàng chưa làm thành đồ trang sức chẳng thể lẩn đoạt ánh sáng của vật trang sức kia. Thiện căn của Bồ-tát trụ ở đậy cũng vậy, sở hữu thiện căn của các Bồ-tát an trụ ở trụ phàm địa chẳng thể lẩn đoạt. Lại ví như ánh sáng của bảo ma-ni, thì ánh sáng của bảo châu khác chẳng thể lẩn đoạt được; tất cả gió, mưa, nước... cũng chẳng thể hủy diệt ánh sáng kia. Sở hữu ánh sáng trí tuệ của Bồ-tát, thì ánh sáng của tất cả Thanh văn và Độc giác... chẳng thể lẩn đoạt, tất cả ma oán chẳng thể hủy diệt. Phần nhiều thọ sanh làm vua trời Tô-dạ-ma, khéo giáo hóa hữu tình trừ diệt thân kiến. Ở trụ trước, sở hữu uy lực có số trăm ngàn, thì ở trụ đậy có số muôn muôn ức.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ nơi trụ Tăng thượng tuệ tương ứng phần giác: vì thành tựu viên mãn pháp nhập minh, vì trí thành thực, vì tu tập pháp Bồ-đề phần; vì tất cả chấp trước... thân kiến,

tất cả động loạn đều được đoạn dứt; vì ngăn chặn nghiệp, khai mở nghiệp, tu tập xa lìa, thân cận, do nhân duyên đây tâm điều nhu; vì nương sự tìm cầu, tu trị nghiệp địa, phát đại tinh tấn, do nhân duyên đây, sở hữu ý lạc, tăng thượng ý lạc, thắng giải tánh giới đều tịnh tu trị, tất cả sở hữu oán địch đối với Thánh giáo chẳng thể lẩn thoát và khuynh động; vì thiện căn thanh tịnh, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như *Kinh Thập Địa* gọi là *Diệm huệ địa*. Ở trong địa đây, vì trí như thật thấu tỏ các pháp Bồ-đề phần, năng thành tựu dạy dẫn chánh pháp, tuệ chiếu soi, cho nên địa đây gọi là Diệm huệ địa, cũng gọi là trụ Tăng thượng tuệ tương ưng phần giác.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ ở trụ Tăng thượng tuệ tương ưng các đế chuyển, có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Chư Bồ-tát trước an trụ ở trụ Tăng thượng tuệ tương ưng phần giác, đã đắc mười chủng ý lạc thanh tịnh bình đẳng. Do ý lạc thanh tịnh bình đẳng kia thành tựu ở phẩm thượng, cho đến cực viên mãn, vượt qua trụ Tăng thượng tuệ thứ nhất, chứng nhập trụ Tăng thượng tuệ thứ hai. Chỗ có

văn từ của mười chủng ý lạc thanh tịnh bình đẳng nên biết như kinh đã thuyết, đó là không gì không bình đẳng giác biết và các giác bình đẳng, vượt qua hữu tình giới khác và các pháp đều bình đẳng.

Đây lược thuyết nghĩa của mười chủng ý lạc thanh tịnh bình đẳng. Đó là Bồ-tát trụ trong trụ đây, phần nhiều mong cầu tánh trí thù thắng. Do mười hành tướng, như thật biết rõ tất cả văn từ của pháp bốn thánh đế, tướng đây như kinh đã thuyết. Đó là nương tỏ ngộ khác, nương trí bên trong của mình, nương đồng nơi chốn, gọi là thuyết đây. Đó là nương nơi Khế kinh, Bản mẫu điều phục, gọi là do thuyết đây. Đó là nương nơi tự tánh các khổ hiện tại; nương nơi tánh nhân khổ sanh ở vị lai; nương nơi tánh nhân tận diệt, kia tận diệt, vô sanh; nương nơi tánh tu tập, phương tiện tu đoạn kia, gọi là như thuyết đây. Đây gọi là lược nghĩa mười chủng hành tướng trí bốn thánh đế.

Như vậy, Bồ-tát đã khéo léo ở nơi các đế, dùng chánh tuệ để đoạn trừ tất cả hành. Đối với hữu tình giới, ý lạc bi tăng trưởng. Đối với ngăn mé trước, ngăn mé sau, chỗ có tà hạnh ngu si của hữu tình, năng chánh thông đạt. Vì muốn hữu tình

kia được giải thoát, nên nhiếp thọ tư lương phước trí rộng lớn, tâm phát khởi chánh nguyện. Tức ở nơi ý lạc kia dẫn nhiếp hành chánh tuệ làm thượng thủ, do nhân duyên đây nhiều công đức thù thắng thấy đều tăng trưởng mạnh mẽ, các tác ý khác thấy đều xa lìa. Dùng chủng chủng phương tiện thành thực để thành thực nhiều ích hữu tình, như kinh đã thuyết. Đó là đối với các hữu tình, lòng phát sanh bi mẫn sâu xa; đối với công nghiệp minh xứ thế gian như thư luận, in ấn... đều năng dẫn phát; đối với người mong muốn chủng chủng nhà ở, vật dụng nuôi thân... nếu ít tổn công lực, thì năng thí cho. Bồ-tát làm tất cả điều trên vì tuân tự phương tiện an lập họ nơi Bồ-đề vi diệu; vì thuận theo lời nói việc làm của thế gian mà chuyển; vì muốn phương tiện phá nghèo hèn bần cùng; vì muốn diệt dứt các tai họa do người, phi nhân gây ra khiến các cõi thế gian thác loạn; vì bố thí không tội các vật dụng vui chơi, dứt trừ các trò vui phi pháp; vì muốn trừ sạch các sự bức bách do giặc cướp... gây ra; vì muốn khai mở, ngăn chặn các gia hạnh xứ, phi xứ; vì muốn an lập các việc lành, xả bỏ các việc không lành; vì chân chánh khích lệ

giúp đỡ, không tương mưu đoạt ở hiện pháp; vì tuyên thuyết đạo sanh thù thắng không điên đảo ở đương lai. Nên biết đây gọi là lược nói nghĩa dụng công nghiệp minh xứ để nhiều ích hữu tình.

Thiện căn thanh tịnh rộng thấy chư Phật, nhưng ở trụ đây có sự sai khác. Như thợ khéo léo tinh xảo ở thế gian đã luyện vàng xong, làm thành đồ trang sức, đặt lẫn lộn với những vật báu trang sức khác, thì ánh sáng vàng khác không thể lẫn đoạt. Như vậy, đối với thiện căn của Bồ-tát đây, thì thiện căn của tất cả Thanh văn, Độc giác và Bồ-tát trụ ở địa khác đều chẳng thể lẫn đoạt được. Lại như ánh sáng tự nhiên của mặt trời, mặt trăng, thì tất cả gió không thể lẫn đoạt; nhưng mặt trời, mặt trăng kia vẫn cùng chuyển vận với gió. Cũng vậy, ánh sáng diệu tuệ của Bồ-tát, thì tất cả Thanh văn, Độc giác thấy chẳng thể lẫn đoạt được, nhưng lại cùng sở tác nơi thế gian này vậy. Bồ-tát trụ đây sở hữu uy lực có số ngàn muôn muôn ức, phần nhiều thọ sanh làm vua trời Đô-sử-đa, khéo giáo hóa hữu tình xả bỏ hết thấy tà pháp ngoại đạo.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ ở trụ Tăng thượng tuệ tương ưng các đế: vì đã nhập thành tự viên

mãn mười ý lạc thanh tịnh bình đẳng; vì phương tiện thiện xảo quán sát các đế dần dần tăng trưởng; vì ai mãn hữu tình cũng dần dần tăng trưởng; vì đoạn trừ hoại diệt các hành, tức cũng là nghĩa trưởng dưỡng tư lương phước trí quảng đại; vì tâm phát chánh nguyện siêng gia hạnh; vì công đức tăng trưởng do tuệ hành chánh niệm; vì dùng tất cả chủng thành thực hữu tình không có tác ý khác, tinh cần tu gia hạnh; vì dẫn phát các nghiệp công xảo của thế gian; vì thiện căn thanh tịnh, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như trong *Kinh Thập Địa* gọi là *Cực nan thắng địa*. Trong đây hiển thị diệu trí quyết định của Bồ-tát ở nơi các thánh đế, cực khó có thể vượt qua. Cho nên địa đây gọi là *Cực nan thắng*, cũng chính là trụ Tăng thượng tuệ tương ưng các đế.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ ở trụ Tăng thượng tuệ tương ưng duyên khởi chuyển, có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Chư Bồ-tát trước an trụ nơi trụ Tăng thượng tuệ tương ưng các đế, đã đắc mười chủng pháp tánh bình đẳng. Nên biết văn từ như kinh đã rộng thuyết. Do triển chuyển thành tựu mười chủng

pháp tánh bình đẳng ở phẩm thượng, cho đến cực viên mãn, nên vượt qua trụ trước, được nhập trụ đây: 1. Vì ở nơi tất cả pháp thắng nghĩa tự tánh vô tướng, tánh bình đẳng; 2. Vì ngôn thuyết tạo tác ảnh tượng vô tướng, tánh bình đẳng; 3. Vì tức do tướng đây tự nhiên không sanh, tánh bình đẳng; 4. Vì nhân cũng không sanh, tánh bình đẳng; 5. Vì tự nhiên và nhân đều không sanh, tánh bình đẳng vốn rớt ráo vắng lặng; 6. Vì hiện hữu sự thể năng giữ chánh trí, lìa các hý luận, tánh bình đẳng; 7. Vì xa lìa tất cả tạo tác thủ xả, tánh bình đẳng; 8. Vì ở nơi các khổ phiền não tạp nhiễm được ly hệ giải thoát, tánh bình đẳng; 9. Vì tự tánh phân biệt sở chấp cảnh giới như huyền hóa, tánh bình đẳng; 10. Vì sở hành trí tự tánh vô phân biệt, có-không không hai, tánh bình đẳng. Đây gọi là lược phân biệt nghĩa mười chủng pháp tánh bình đẳng.

Như vậy, Bồ-tát an trụ nơi đây đối với các hữu tình, bi mẫn tăng trưởng. Đối với Đại Bồ-đề, sanh khởi mạnh mẽ vui muốn mong cầu. Đối với các thế gian hợp tan sanh diệt, dụng một chủng chánh quán duyên khởi quán sát biết rõ tất cả. Nương trí duyên khởi năng dẫn phát ba giải thoát môn là

Không, Vô tướng, Vô nguyện. Do nhân duyên đây, sở hữu mình, người, kẻ làm, người thọ, tướng có-không... đều chẳng chuyển trở lại.

Như vậy, Bồ-tát khéo ở nơi thắng nghĩa nghi nhớ hữu tình. Như lý thông đạt phiền não trói buộc chỉ là các duyên hòa hợp, các pháp hữu vi tự tánh yếu kém, có vô lượng nhiễm ô quá thất triển chuyển. Chỉ lìa ngã, ngã sở, chẳng cần lìa phiền não hệ phục, các duyên hòa hợp, cho nên khởi nghi: “Ta nay tự phòng hộ, khiến tất cả phiền não hệ phục, các duyên hòa hợp thấy đều đoạn trừ hoại diệt. Vì lợi ích hữu tình, nên chẳng vĩnh viễn đoạn trừ tất cả hữu vi”.

Như vậy, Bồ-tát trụ nơi đây trí thuận theo bi, gọi là trí vô trước hiện tiền, an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền. Do an trụ đây, ở nơi tất cả thế gian hành chuyển mà vô nhiễm, lại phát khởi nhẫn mãnh lợi. Ở địa thứ bảy có gia hạnh hành ngần mé nhẫn của Bồ-tát, nên biết ở địa này thâm nhiếp tùy thuận nhẫn. Lại trí vô trước hiện tiền, an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền đây, năng dẫn các duyên Bồ-đề. Đối với các hành hữu vi của các thế gian, tuy trụ mà chẳng trụ; tuy ở nơi tịch diệt, thấy đức

tịch tĩnh mà cũng chẳng trụ. Bồ-tát như vậy thuận theo phương tiện trí Bát-nhã, năng nhập Không tam-ma-địa. Lấy tam-ma-địa đây làm tiền dẫn, năng khiến mười, trăm, ngàn tam-ma-địa môn thượng thủ đều hiện tại tiền. Như Không tam-ma-địa, thì hai tam-ma-địa là Vô tướng và Vô nguyện phải biết cũng vậy. Do Tam-ma-địa thượng thủ đây hiện tiền, nên chẳng hoại ý lạc. Đối với tất cả thánh giáo Phật, tất cả ngoại đạo và các ma quân oán địch không thể dẫn đoạt. Còn lại như trước đã nói.

Thiền căn thanh tịnh rộng thấy chư Phật, nhưng ở đây có sự sai khác. Như thợ khéo léo tinh xảo ở thế gian đã luyện vàng xong, làm thành các vật trang sức đặt lẫn lộn với lưu ly, bảo châu, ngọc báu. Ánh sáng của tất cả vàng khác chẳng thể lấn đoạt ánh sáng của kia. Trong đây, thiền căn thanh tịnh thù thắng của Bồ-tát như trước đã nói, chẳng thể bị lấn đoạt. Lại như ánh sáng của mặt trăng năng khiến thân tâm hữu tình vui thích dễ chịu, bốn phong luân chẳng thể khiến hoại dứt. Tuệ quang của Bồ-tát cũng vậy, tất cả phiền não dày đặc của hữu tình cũng chẳng thể khiến tuệ quang kia bị diệt dứt, tất cả ngoại đạo ma quân oán địch

chẳng thể hủy hoại.

Bồ-tát trụ đây phần nhiều thọ sanh làm vua trời Diêu hóa, sở hữu uy lực có số trăm ngàn muôn muôn ức, khéo giáo hóa hữu tình trừ tất cả tầng thượng mạn.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ ở trụ Tăng thượng tuệ tương ưng duyên khởi: vì nhập thành tựu viên mãn mười pháp tánh bình đẳng, vì giác ngộ duyên khởi sanh giải thoát môn, vì tất cả tà tướng chẳng hiện hành, vì phương tiện nhiếp thọ sanh tử, vì trí vô trước hiện tiền, an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền, vì chứng đắc vô lượng Tam-ma-địa, vì chứng đắc ý lạc chẳng hoại, vì ở nơi thánh giáo Phật chẳng thể bị dẫn đoạt, vì thiện căn thanh tịnh rộng thấy chư Phật, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như *Kinh Thập Địa* gọi là *Hiện tiền địa*. Do ở địa đây, trí vô trước hiện tiền, an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện tiền, nên gọi là Hiện tiền địa, cũng gọi là trụ Tăng thượng tuệ tương ưng duyên khởi.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công chuyển, có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Chư Bồ-tát trước đã an trụ nơi trụ thứ sáu là tầng thượng tuệ tương ưng duyên khởi, đã đắc mười phương tiện diệu tuệ, dẫn dắt thế gian, chẳng cùng tất cả hữu tình, mà cùng hành đạo thắng tiến với tất cả thế gian. Do triển chuyển như vậy thành tựu ở phẩm thượng, cho đến cực viên mãn, nên vượt qua trụ thứ sáu, được nhập trụ thứ bảy. Nên biết văn từ của tướng đây như kinh đã nói rộng. Đó là nương thế gian hưng thịnh, năng phát khởi nhiếp thọ phước đức sung mãn; nương ý lạc tầng thượng năng khiến hữu tình được lợi ích an lạc; nương tạo làm tư lương phước đức Bồ-đề, nên pháp Bồ-đề phần càng thắng tiến về sau; nương chẳng cùng chung với Thanh văn, Độc giác; nương hữu tình giới, nương các pháp giới, nương các thế giới; nương tâm, ngữ, thân trí của chư Như Lai. Đây lược nghĩa phương tiện diệu tuệ, chỗ dẫn chẳng cùng tất cả hữu tình, mà cùng hành đạo thắng tiến với thế gian.

Như vậy, vì Bồ-tát tương ưng kia, liền năng thông đạt vô lượng vô số cảnh giới Như Lai, cùng là phát khởi vô tướng, vô phân biệt, không phân biệt khác. Quán vô lượng cảnh giới Phật, phát

khởi tinh siêng tu học không khuyết hở, không gián đoạn. Tác ý ở tất cả oai nghi đi, đứng. Tất cả phần vị chẳng xa lìa đạo. Trong mỗi một sát-na tâm, dùng mười Ba-la-mật-đa làm thượng thủ, năng viên mãn tất cả pháp Bồ-đề phần thù thắng. Các trụ dưới thì chẳng như vậy. Như ở trụ thứ nhất Cực hoan hỷ, chánh dùng đại nguyện làm sở duyên thắng vượt. Ở trụ thứ hai, chánh năng khiến trừ cấu hủy phạm giới. Ở trụ thứ ba, chánh nguyện tăng trưởng, đắc pháp quang minh. Ở trụ thứ tư, chánh thú nhập đạo. Ở trụ thứ năm, chánh nhập tất cả sự nghiệp thế gian. Ở trụ thứ sáu, chánh nhập sâu xa đạo lý duyên khởi. Nay ở trụ thứ bảy đây, phát khởi đầy đủ tất cả Phật pháp giác chi viên mãn.

Bồ-tát an trụ nơi đây, vì nhiếp vào gia hạnh hành viên mãn, vì diệu trí thần thông hành thanh tịnh mà năng nhập trụ thứ tám.

Bồ-tát trụ như vậy không gián đoạn, năng nhập trụ Cực thanh tịnh thứ tám. Trụ thứ bảy vẫn còn gọi là tạp, nhưng trụ thứ tám đây một hướng thanh tịnh. Vì cùng an trụ thanh tịnh làm tiền dẫn, cho nên trụ đây gọi là không nhiễm ô. Vì

chưa đắc, nói trụ đây ở trong hành tạp nhiễm. Nay trong trụ đây, hết thấy tham phiền não thượng thủ thấy đều đoạn trừ.

Nên biết trụ đây chẳng phải có phiền não, chẳng phải lìa phiền não, vì tất cả phiền não chẳng hiện hành, vì hy cầu Phật trí hầy còn chưa được. Hành như vậy mà đắc ý lạc thanh tịnh tăng thượng rồi, vô lượng thân, ngữ, ý nghiệp tùy chuyển, là chỗ chư Như Lai khen ngợi không còn nghiệp.

Ở trụ thứ năm, trí dẫn dắt các nghiệp thiện xảo của thế gian, như trước ở trụ thứ năm đã nói rộng, nay được triển chuyển viên mãn. Tam thiên thế giới tin tưởng tôn xưng là bậc thầy, chỉ trừ Bồ-tát an trụ ở các trụ cao hơn và chư Như Lai, vì ý lạc gia hạnh của trụ ấy không gì sánh cùng. Hết thấy tinh lự, hết thấy pháp Bồ-đề phần đều năng hiện tiền. Do tu hành tướng mà hiện tại tiền, chẳng phải do trụ phần vị dị thực như trụ thứ tám.

Chư Bồ-tát đây phương tiện như vậy, năng khéo tư trạch các tam-ma-địa, dẫn phát Tam-ma-địa thượng thủ của Bồ-tát, lên đến mười, trăm, ngàn chủng tam-ma-địa. Do đắc Tam-ma-địa đây, nên vượt qua tất cả cảnh Tam-ma-địa của Thanh

văn và Độc giác. Bồ-tát như vậy đều xa lìa tất cả phiền não nhỏ nhiệm khó thể nhận biết. Tất cả phân biệt hiện hành đui theo thân, ngữ, ý nghiệp đều được an trụ mà chẳng xả ly. Tầm cầu thắng tiến, gia hạnh đồng mãn, thương nhớ hữu tình. Vì nhanh chóng viên mãn Đại Bồ-đề, nên xa lìa tất cả tướng, tùy chuyển vô lượng thân, ngữ, ý nghiệp. Diệu khéo tu sửa trị, chỗ hiển phát của Vô sanh pháp nhân. Trong trụ đây, do cảnh giới tự giác tuệ, nên vượt qua tất cả cảnh giới Thanh văn, Độc giác. Trong sáu trụ khác, chỉ do sở duyên của Phật pháp tăng thượng mà vượt qua tất cả cảnh giới Thanh văn, Độc giác.

Lại chư Bồ-tát ở trong trụ thứ sáu đã nhập Diệt định, nay ở trụ đây, niệm niệm năng nhập. Nhưng Bồ-tát đây sở hữu nghiệp rất hy hữu kỳ đặc chẳng thể nghĩ bàn. Đó là thường an trụ trong trụ thật tế, mà ở nơi tịch diệt thường chẳng tác chứng. Kia do sự dẫn phát của phương tiện diệu trí lực tăng thượng như vậy, năng hành tất cả diệu hạnh của Bồ-tát, chẳng đồng với tất cả hữu tình. Tuy cùng hiển hiện tương tự thế gian, mà chẳng phải tánh của thế gian.

Nghĩa tổng quát như kinh đã rộng thuyết, đó là: Nương sự nghiệp phước, nhiếp thọ vô số thân thuộc, đồ chúng. Cầu sanh chủng chủng sai khác, phát khởi thắng tiến trụ ba giải thoát, phương tiện điều phục tín giải ở các thừa tháp. Tho dụng các dục, cầu dục khác nhau. Tùy chuyển hóa các ngoại đạo, chuyển hóa tâm người, chuyển hóa đại chúng. Còn lại như trước đã nói.

Thiện căn thanh tịnh rộng thấy chư Phật, nhưng ở trụ đây có sai khác. Như thợ khéo léo tinh xảo ở thế gian đã luyện vàng xong, làm thành các vật trang sức, đặt lẫn lộn với các báu ma-ni, tạo nên ánh sáng rực rỡ. Tất cả ánh sáng của vàng còn lại của Nam-thiệm-bộ châu chẳng thể lẫn đoạt ánh sáng kia. Như vậy trong đây thiện căn của Bồ-tát chuyển càng thêm thanh tịnh, thiện căn của tất cả Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát ở địa dưới chẳng thể lẫn đoạt. Lại như ánh sáng của mặt trời làm khô ráo tất cả dơ ứ, ẩm thấp của Nam-thiệm-bộ châu, các ánh sáng khác chẳng thể lẫn đoạt. Như vậy trong đây tuệ quang của Bồ-tát phần nhiều làm khô kiệt tất cả phiền não của các hữu tình. Như trước đã nói, sở hữu trí quang của Thanh văn

chẳng thể lẩn thoát.

Bồ-tát trụ đây phần nhiều thọ sanh làm vua trời Tha hóa tự tại, sở hữu uy lực có số trăm ngàn muôn muôn ức, năng trao phương tiện thiện xảo hiện quán cho tất cả Thanh văn, Độc giác.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ nơi trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công: vì phương tiện diệu tuệ, dẫn dắt thế gian hành đạo thắng tiến, thành tựu viên mãn, đắc nhập; vì thông đạt cảnh giới Phật Như Lai, phát siêng gia hạnh không khuyết hở, không gián đoạn; vì mỗi mỗi sát-na viên chứng tất cả pháp Bồ-đề phần; vì có gia hạnh nhiếp thuộc hành viên mãn; vì an lập nơi nhiệm ô, không nhiễm ô; vì nương ý lạc mà thanh tịnh chuyển nghiệp; vì thấy đều viên mãn tất cả nghiệp công xảo của thế gian; vì đã thành tựu vô lượng Tam-ma-địa chẳng cùng tất cả Thanh văn, Độc giác; vì sát-na sát-na nhập Diệt định; vì hiện hành cùng tất cả hữu tình, mà chẳng cùng thế gian hành; vì thiện căn thanh tịnh, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như *Kinh Thập Địa* gọi là *Viễn hành địa*. Ở trụ đây, vì nhiếp vào gia hạnh hành viên mãn của Bồ-tát, nên gọi là *Viễn hành địa*. Tức do nghĩa đây,

nên biết cũng gọi là trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công chuyển, có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Chư Bồ-tát ở trong trụ Vô tướng trước đã đắc mười chủng trí đệ nhất nghĩa nhập vào tất cả pháp, như kinh đã rộng thuyết. Đó là nương ba đời, bản lai vô sanh, vô khởi, vô tướng. Nương tánh nhân khác không thành, không hoại. Nương đệ nhất nghĩa, tự tánh các sự rốt ráo lìa lời, tự tánh tạo tác ảnh tượng rốt ráo chỉ là ngôn thuyết. Nương thể tướng và tánh nhân đều không chỗ có, tức thể tánh tạp nhiễm như vậy, tánh không lưu chuyển, tánh không dừng dứt. Nếu nương tà chấp đây sẽ là nhân của vô trí. Ở nơi các sự thể lìa lời kia, ở nơi tánh nhiễm bình đẳng của tất cả thời phần, vị đầu, giữa, sau, nương chân như chứng nhập không điên đảo. Vì tánh bình đẳng không phân biệt, nên năng trừ tạp nhiễm. Đây gọi là nghĩa lược thuyết. Như vậy mười chủng trí đệ nhất nghĩa nhập tất cả pháp thành tựu ở phẩm thượng, cho đến cực viên mãn, nên vượt qua trụ tạp thanh tịnh thứ bảy,

nhập trụ thuần thanh tịnh thứ tám.

Bồ-tát an trụ đây, ở nơi pháp vô sanh chứng đắc Nhẫn cực thanh tịnh tối thắng bậc nhất của Bồ-tát.

Việc đây thế nào? Chư Bồ-tát nương bốn tâm tư, ở nơi tất cả pháp đã chánh tâm tư rồi, nếu lúc thành tựu bốn trí như thật, biết rõ như thật tất cả các pháp, bấy giờ tất cả tà chấp phân biệt thấy đều xa lìa. Quán tất cả pháp ở trong hiện pháp thuần theo tất cả pháp tạp nhiễm, thấy đều vô sanh. Quán thời trước của tất cả pháp đều do chỗ có tà chấp phân biệt làm nhân sanh khởi. Ở đời vị lai, tất cả đều vĩnh viễn diệt không sót thừa, vĩnh viễn không sanh trở lại. Bốn trí như thật của bốn tâm tư đây đã nói rộng trong phẩm *Chân thật nghĩa*. Từ trụ Thắng giải hành đầu tiên, cho đến trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công mà chưa cực thanh tịnh, nay an trụ nơi trụ đây đã được cực thanh tịnh, cho nên nói: “Ở nơi pháp vô sanh, chứng đắc Nhẫn cực thanh tịnh tối thắng bậc nhất của Bồ-tát”. Vì chư Bồ-tát đắc nhẫn đây, an trú ngày càng thắm sâu, bốn chủng tai họa của trụ Vô tướng thứ nhất thấy đều đoạn trừ: 1. Đoạn trừ sự

có gia hạnh, có dụng công ở nơi vô tướng; 2. Đoạn trừ sự nhớ nghĩ quuyến luyến đối với các trụ thanh tịnh cao hơn; 3. Đoạn trừ sự nhớ nghĩ quuyến luyến ở nơi tất cả việc lợi ích hữu tình, có kham chịu lớn; 4. Đoạn trừ tướng có vi tế hiện tại tiền. Cho nên trụ đây gọi là cực thanh tịnh.

Lại Bồ-tát an trụ thắm sâu ở đây sanh cực vui thích, tức an trụ ở nơi pháp môn lưu chảy như vậy, nhờ ân chú Như Lai khích lệ dẫn dắt giác ngộ, trao cho vô lượng môn trí dẫn phát sự nghiệp thân thông. Nhờ ân chú Phật như vậy, dẫn phát vô lượng diệu trí phân thân, thành tựu mười tự tại. Nên biết tướng đây kinh đã rộng thuyết.

Đã được tự tại, tùy ý muốn trụ chỗ nào, tất cả đều năng trụ như ý. Tùy vui muốn an trụ nơi các tâm trụ, các tinh lự, giải thoát... đều năng trụ như ý. Nếu tạm khởi tư duy tất cả thức ăn uống, vật nuôi thân... thấy đều thành tựu đầy đủ. Tất cả công nghiệp minh xứ của thế gian thấy đều hiện hành như ý muốn. Ở khắp tất cả năng chiêu cảm nghiệp sanh và ở tất cả nơi chốn thọ sanh đều tùy ý muốn mà tự tại vãng sanh. Tất cả sở tác sự nghiệp thân thông đều tùy theo ý muốn mà năng khởi làm. Tất

cả diệu nguyện tùy theo ý muốn thấy đều toại nguyện. Ở nơi các việc, các vật, tùy phát khởi thắng giải đều được thành tựu như nguyện không khác. Tùy cảnh giới sở tri muốn biết, đều thành tựu không biến đổi. Tùy nơi muốn biết, cảnh giới muốn biết đều biết như thật. Đối với khắp tất cả danh, cú, văn, thân, đều được thuận theo ý muốn. Ở trong tất cả pháp chân chánh an lập đều được thiện xảo. Bồ-tát thành tựu tự tại như vậy, từ nay trở đi, tất cả sở đắc đều được tự tại, tất cả sở tác đều thù thắng lợi ích. Nên biết tướng đây như kinh đã rộng thuyết. Lại năng xả bỏ thấy thô về Phật, luôn luôn thấy Phật chẳng rời.

Sở hữu thiện căn thanh tịnh đây dụ cho vàng, dụ cho ánh sáng, nên biết như kinh đã thuyết. Bồ-tát an trụ đây, thọ sanh, uy lực, thành tựu các việc thấy đều thù thắng. Tướng đây như trong kinh đều đã thuyết.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ nơi trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công: vì thành tựu viên mãn trí đệ nhất nghĩa nhập tất cả pháp, vì đắc Vô sanh pháp nhẫn, vì đoạn trừ tất cả tai họa, vì đạt đến trụ thâm sâu của Bồ-tát; vì ở nơi

pháp môn lưu chảy, nhờ ân Phật trao cho vô lượng môn trí dẫn phát sự nghiệp thần thông; vì ngộ nhập trí phân thân vô lượng, vì đắc tự tại, vì thọ nhận những lợi ích thù thắng tự tại, vì thiện căn thanh tịnh, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết thì như *Kinh Thập Địa* gọi là *Bất động địa*. Ở trong địa đây, trước xả sở hữu đạo có gia hạnh, có dụng công; nơi tâm thù thắng tối thượng, tiến lên không gia hạnh, không dụng công, đạo bất động thù thắng nhậm vận mà chuyển. Cho nên địa đây gọi là Bất động địa, cũng gọi là trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Vô ngại giải chuyển, có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Chư Bồ-tát chẳng sanh vui đủ ở trụ thâm sâu, lại ở nơi tánh trí tăng thượng thù thắng tùy nhập vui thích.

Chư Bồ-tát đây ở nơi các pháp khởi gia hạnh trí vì người thuyết tất cả pháp, rộng khắp tất cả sở tác thuyết pháp đều như thật biết. Trong đây sở tác thuyết pháp, đó là: đối với tất cả hành gần gũi dày đặc, hoặc như tạp nhiễm đây, hoặc như thanh tịnh đây, hoặc do tạp nhiễm đây, hoặc do thanh

tịnh đây, hoặc chỗ tạp nhiễm, hoặc chỗ thanh tịnh, hoặc chẳng phải một hướng, hoặc là một hướng, hoặc thông hai chủng. Tất cả như vậy đều như thật biết.

Bồ-tát như vậy phương tiện thiện xảo ở trong pháp sở thuyết, phương tiện thiện xảo ở nơi người được thuyết, ở nơi tất cả chủng thành Đại pháp sư, thành tựu vô lượng Đà-la-ni môn. Đối với tất cả chủng, có đầy đủ âm từ văn câu, thiện xảo phân tích giải thích, biện tài vô tận, kham năng lãnh thọ thành tựu pháp Đà-la-ni như vậy. Bồ-tát do vô ngại giải thù thắng như vậy, năng dẫn phát ngôn từ, năng ngời pháp tòa vi diệu. Hoặc ở trong đây, hoặc ở xứ đây tuyên thuyết chánh pháp, tận cùng sở hữu của tất cả môn. Hoặc vì do đây nên đối với hữu tình năng khéo khuyến dẫn, khích lệ, dẫn dụ, an lập sự nghiệp. Hữu tình thấy đều kham nhiệm, thấy đều thành tựu. Tất cả tướng như vậy như kinh đã rộng thuyết. Thiện căn thanh tịnh, thọ sanh, uy lực, thành tựu các việc thù thắng như kinh đã rộng thuyết.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ nơi trụ Vô ngại giải: vì ở nơi giải thoát tịch tĩnh thâm sâu chẳng

sanh vui đủ, nhập thắng tiến; vì ở trong các pháp, khởi trí gia hạnh tuyên thuyết pháp; vì nơi sở tác đây, các trí biết như thật; vì thành Đại pháp sư bất tư nghi; vì thiện căn thanh tịnh, vì thọ sanh, vì uy lực. Nếu rộng tuyên thuyết, thì như *Kinh Thập Địa* gọi là *Thiện huệ địa*. Ở trong trụ đây, ý lạc thanh tịnh muốn làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình, đạt đến tuệ vô ngại giải của Bồ-tát, do đây khéo hay tuyên thuyết chánh pháp. Cho nên địa đây gọi là Thiện huệ địa, cũng gọi là trụ Vô ngại giải.

Hỏi: Khi Bồ-tát an trụ nơi trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng chuyển, có hành gì, trạng gì, tướng gì?

Đáp: Chư Bồ-tát đã trụ Vô ngại giải, khắp tất cả hành tướng đã đắc thanh tịnh, kham làm Pháp vương thọ pháp quán đảnh. Đã xa lìa tất cả cấu, đắc vô lượng vô số Tam-ma-địa thù thắng, được quán đảnh Nhất thiết trí trí thù thắng, về sau Tam-ma-địa hiện tại tiền. Đắc tất cả tướng Phật, xứng diệu ngôi kiết-già có quyền thuộc vây quanh. Đắc đại quang minh, qua lại rộng chiếu soi tất cả hành tướng. Nhất thiết trí trí rưới trên đảnh đầu. Sau khi được quán đảnh, khắp năng khai dẫn giáo

hóa hữu tình. Ở nơi giải thoát kia phương tiện làm Phật sự, đắc trí như thật. Đạt đến vô lượng vô biên giải thoát, Đà-la-ni môn, đại lực thần thông, cùng với tăng thượng đại niệm, đại trí. Tăng thượng dẫn phát dạy răn, huấn từ, an lập cùng với đại thần thông. Tăng thượng dẫn phát thiện căn thanh tịnh, thọ sanh, uy lực, các việc lợi ích thù thắng. Tất cả tướng đây như kinh đã thuyết.

Đây lược thuyết Bồ-tát an trụ nơi trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, nếu rộng tuyên thuyết thì trong *Kinh Thập Địa* gọi là *Pháp vân địa*. Chư Bồ-tát trụ trong địa đây, thấy đều viên mãn các đạo Bồ-tát, cực khéo viên mãn đủ khắp tư lương Bồ-đề. Từ chỗ chư Phật Như Lai, có khả năng kham thọ mây đại pháp. Ngoài ra tất cả loại hữu tình khó có thể lãnh thọ mưa pháp tối cực quảng đại vi diệu này. Lại Bồ-tát đây giống như mây lớn, hoặc chưa hiện Đăng giác Vô thượng Bồ-đề, hoặc đã hiện Đăng giác Vô thượng Bồ-đề, năng vì vô lượng vô biên hữu tình. Khắp tất cả mưa không thể sánh với mưa pháp vi diệu, diệt sạch tất cả trần cấu phiền não, năng khiến chủng chủng thiện căn sanh trưởng thành thực. Cho nên địa

đây gọi là Pháp vân địa, cũng gọi là trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng.

Như vậy đã thuyết chi phần công đức của các trụ Bồ-tát thù thắng về sau, từ đây trở về trước không thuyết. Vì sao? Bởi lẽ sự tu tập trong các trụ trước còn ở phẩm hạ, nên không thuộc trong số kiến lập các công đức. Chỉ khi Bồ-tát triển chuyển tu tập ở phẩm trung, phẩm thượng, ở các địa sau chúng đắc thành tựu viên mãn mới được kiến lập.

Lại nữa, ở nơi mỗi một trụ đây, hoặc trải qua nhiều muôn muôn ức trăm ngàn đại kiếp, hoặc quá số đây, mới chúng đắc và thành tựu viên mãn. Nhưng ở tất cả trụ nói chung phải trải qua ba vô số đại kiếp mới được chúng đắc trọn vẹn. Đó là trải qua vô số đại kiếp thứ nhất mới vượt qua trụ Thắng giải hành, lần hồi chúng đắc trụ Cực hoan hỷ. Ở nơi trụ đây hằng thường tinh tấn dũng mãnh, chẳng gì chẳng tinh tấn dũng mãnh. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ hai mới vượt qua trụ Cực hoan hỷ, cho đến trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công, lần hồi chúng đắc trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công. Ở trụ đây đã quyết định đắc ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát, vì đã phát khởi chắc chắn dũng

mãnh chuyên cần tinh tấn. Lại trải qua vô số đại kiếp thứ ba mới vượt qua trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công và trụ Vô ngại giải, chứng đắc trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng.

Nên biết trong đây lược có hai chủng vô số đại kiếp: 1. Phương tiện tính đếm như ngày, đêm, nửa tháng, tháng... vô lượng thời gian, cũng được gọi là vô số đại kiếp; 2. Phương tiện tính đếm là đại kiếp, vượt qua tất cả so lường tính đếm, cũng gọi là vô số đại kiếp. Nếu theo thuyết vô số đại kiếp thứ nhất, cần phải trải qua vô lượng vô số đại kiếp mới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu theo thuyết vô số đại kiếp thứ hai, chỉ cần trải qua ba vô số đại kiếp, chẳng quá lượng đây bèn chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu chánh tu hành tinh tấn dũng mãnh phẩm thượng không gì vượt hơn, hoặc có thể chuyển nhiều trung kiếp, cho đến hoặc có thể chuyển nhiều đại kiếp, nhưng quyết định chẳng thể chuyển trong vô số đại kiếp.

Lại dựa vào 12 trụ của Bồ-tát đã thuyết như vậy, trải qua thời lượng của ba vô số đại kiếp năng đoạn dứt tất cả sở hữu thô trọng của phẩm phiền não chướng và sở tri chướng. Ở trong ba trụ năng

đoạn dứt sở hữu thô trọng của phẩm phiền não chướng, đó là: Ở trụ Cực hoan hỷ, tất cả phiền não ác thú sở hữu thô trọng đều vĩnh viễn đoạn, tất cả phiền não trung, thượng đều chẳng hiện hành. Ở trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công, tất cả chướng ngại một hướng thanh tịnh Vô sanh pháp nhẫn, tất cả sở hữu thô trọng của phẩm phiền não thấy đều vĩnh viễn đoạn trừ, tất cả phiền não đều chẳng hiện hành. Ở trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, tất cả phiền não tập khí tùy miên chướng ngại thấy đều vĩnh viễn đoạn, nhập trụ Như Lai.

Nên biết tất cả sở hữu thô trọng của phẩm sở tri chướng cũng có ba chủng: 1. Thô trọng ở phần da; 2. Thô trọng ở phần mỡ; 3. Thô trọng ở phần thịt. Trong đây, trụ Cực hoan hỷ đều đã đoạn thô trọng ở phần da. Trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công đều đã đoạn thô trọng phần mỡ. Trụ Như Lai đều đã đoạn tất cả chướng thô trọng phần thịt, đắc cực thanh tịnh tất cả chướng. Như vậy ở trong ba trụ, hai chướng phiền não và sở tri vĩnh viễn đoạn. Ngoài ra, ở các trụ khác tu tập tư lương để đoạn trừ, như thứ lớp đã kể trên.

Mười ba trụ như vậy nên biết lược có 11 loại thanh tịnh. Đó là ở trụ Chủng tánh thứ nhất, chủng tánh thanh tịnh. Ở trụ Thắng giải hành thứ hai, tín thắng giải thanh tịnh. Ở trụ Cự hoan hỷ thứ ba, ý lạc thù thắng thanh tịnh. Ở trụ Tăng thượng giới thứ tư, tăng thượng giới thanh tịnh. Ở trụ Tăng thượng tâm thứ năm, tăng thượng tâm thanh tịnh. Ở trụ Tăng thượng tuệ thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, phát khởi trí không điên đảo thanh tịnh. Ở trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công thứ chín, có gia hạnh hành viên mãn thanh tịnh. Ở trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng công thứ mười, dẫn phát thần thông chân trí thanh tịnh. Ở trụ Vô ngại giải thứ mười một, năng chánh vì người thuyết pháp nghĩa vô ngại giải thanh tịnh. Ở trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng thứ mười hai, diệu trí nhập tất cả chủng của tất cả sở tri thanh tịnh. Ở trụ Như Lai thứ mười ba, tất cả phiền não và sở tri chướng, kể cả các tập khí đều rất ráo thanh tịnh.

Như trong phẩm *Công đức của Bồ-tát* đã thuyết tám pháp năng nhiếp Đại thừa, thì ở đây nên biết mười ba trụ nhiếp. Đó là ở trong trụ thứ nhất, trụ

thứ hai, đối với tạng Bồ-tát phát sanh thắng giải tịnh tín nghe thọ tư duy. Ở trong trụ thứ ba, đặc ý lạc thù thắng, thú hưởng làm hành dẫn đầu, tướng tu hành thù thắng. Ở nơi tất cả trụ còn lại cho đến trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công, thì đặc tu rộng lớn. Ở trong ba chủng hành thanh tịnh trên nhiếp lấy trụ tu quả thành tựu viên mãn của Bồ-tát. Ở trong trụ Như Lai, nên biết thành tựu cứu cánh xuất ly.

Nên biết mười hai chủng trụ của Bồ-tát tương xứng với thứ lớp các loại trụ của Thanh văn. Như trụ tự chủng tánh của các Thanh văn, nên biết trụ đầu tiên của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ gia hạnh, thú nhập chánh tánh ly sanh của các Thanh văn, trụ thứ hai của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ đã nhập chánh tánh ly sanh của các Thanh văn, trụ thứ ba của Bồ-tát cũng vậy. Như đã chứng đắc vị “Giới mà bậc Thánh yêu thích” thanh tịnh, tận các lậu, chứng tăng thượng giới của các Thanh văn, trụ thứ tư của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ nương tăng thượng giới học, dẫn phát tăng thượng tâm học của các Thanh văn, trụ thứ năm của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ Tăng thượng tuệ học, như chỗ đã đặc trí các thánh

đế của các Thanh văn, trụ thứ sáu, thứ bảy, thứ tám của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ khéo quan sát sở tri, gia hạnh Vô tướng tam-ma-địa của các Thanh văn, trụ thứ chín của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ vô tướng thành tựu viên mãn của các Thanh văn, trụ thứ mười của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ từ đây xuất nhập giải thoát xứ của các Thanh văn, trụ thứ mười một của Bồ-tát cũng vậy. Như trụ đầy đủ tướng A-la-hán của các Thanh văn, trụ thứ mười hai của Bồ-tát cũng vậy.

Phần ba TRÌ CỨU CÁNH DU GIÀ XỨ

Phẩm 1. SANH

Sanh của các Bồ-tát lược có 5 chủng rộng nhiếp tất cả sanh, ở nơi tất cả trụ, tất cả thọ sanh của Bồ-tát không tội, năng làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình. Những gì là năm? **1.** Sanh trừ nạn; **2.** Sanh tùy loài; **3.** Sanh đại thế lực; **4.** Sanh tăng thượng; **5.** Sanh tối hậu.

1. Sanh trừ nạn của Bồ-tát: Chư Bồ-tát dùng sức tự tại đại nguyện lực hiện thân đứng vào các thời kỳ chúng sanh gặp nạn cơ cấn đói khát, gian khổ nguy hiểm, vì muốn khiến chúng sanh ít dùng công lực mà được cứu giúp tồn tại. Như hiện sanh trong loài cá thân hình to lớn, tùy sanh xứ nào, dùng thịt của thân mình mà cung cấp cho tất cả chúng sanh đang đói khát, khiến họ đều no đủ.

Hoặc hiện thân đứng vào thời kỳ chúng sanh mắc dịch bệnh, Bồ-tát dùng sức tự tại đại nguyện lực trì các minh chú, thành tựu sức linh nghiệm nhiếp thọ các thứ lương dược rộng lớn, dứt trừ tất cả dịch bệnh của hữu tình.

Hoặc hiện thân đứng vào thời kỳ các nước láng giềng giao tranh tương tàn lẫn nhau, Bồ-tát dùng sức tự tại đại nguyện lực làm chủ đại địa, đầy đủ đại thế lực, phương tiện thiện xảo dùng chánh pháp cai trị, dứt trừ sự đấu tranh tương tàn bức nã lẫn nhau.

Hoặc hiện thân đứng vào thời kỳ chúng sanh gặp nạn vua ác không như lý, cai trị bằng hình phạt, trói buộc bức bách não loạn thân tâm. Bồ-tát dùng sức tự tại đại nguyện lực, hạ sanh vào nhà

vua ác kia, lên ngôi làm vua như pháp, thương yêu chúng sanh, dứt trừ tất cả sự khổ bức bách của họ.

Hoặc có hữu tình khởi các tà kiến, tạo tác các ác hạnh, thâm sanh tin hiểu về một cõi trời nào đó. Bồ-tát vì thương xót kia, dùng sức tự tại đại nguyện lực sanh về cõi trời đó, phương tiện đoạn trừ tà kiến ác hạnh của kia.

Đây nói lược sanh trừ nạn của Bồ-tát. Nếu tuyên nói rộng thì chư Bồ-tát đây dùng sức tự tại đại nguyện lực, lấy ai mãi làm tiền dẫn, ở các xứ kia, bất kỳ chốn nào, đều thọ sanh làm chủng chủng thân. Nên biết việc sanh đây có vô lượng.

2. Sanh theo loài của Bồ-tát: Chư Bồ-tát dùng sức tự tại đại nguyện lực, hoặc sanh vào chủng chủng loài thú bàng sanh như Trời, Rồng, Dược-xoa, A-tố-lạc... lưu chuyển trong loài mưu hại, tranh đoạt, hãm hại lẫn nhau; hoặc sanh vào nhà Bà-la-môn tà kiến; hoặc sanh trong loài thích hành ác hạnh; hoặc sanh trong loài vui thích tà mạng; hoặc sanh trong loài hữu tình quá đam mê các dục. Vì muốn trừ các lỗi lầm của kia, nên sanh đồng phận với các hữu tình kia, làm bậc thượng thủ. Làm

thượng thủ rồi, dùng phương tiện dẫn hóa. Ở nơi các hữu tình làm ác kia, Bồ-tát chẳng làm ác. Hữu tình kia chẳng hành thiện, Bồ-tát hiện hành thiện. Vì muốn khiến kia hiện hành thiện, nên vì họ thuyết chánh pháp. Bồ-tát phương tiện thiện xảo hiện hành không đồng phạm với hữu tình kia, chỉ vì họ mà thuyết chánh pháp đoạn trừ các lỗi lầm của kia. Đây nói lược sanh theo loài của Bồ-tát. Nếu rộng tuyên thuyết, nên biết việc sanh đây có vô lượng.

3. Sanh đại thế lực của Bồ-tát: Chu Bồ-tát khi mới sanh ra, bầm tánh chiêu cảm các quả dị thực về thọ lượng, hình sắc, dòng tộc tự tại giàu sang, tất cả sự nghiệp thế gian rất là thù thắng, như trong phẩm *Tự lợi - Lợi tha* đã tuyên nói rộng. Đây nói lược sanh đại thế lực của Bồ-tát. Nếu rộng tuyên thuyết nên biết việc sanh đây có vô lượng.

4. Sanh tăng thượng của Bồ-tát: Chư Bồ-tát từ trụ thứ nhất Cực hoan hỷ, cho đến trụ thứ mười Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, thọ sanh có sự sai biệt như trước đã nói rộng. Nay ở

đây gọi là sanh tăng thượng, đó là trụ thứ nhất làm vua Chuyển luân cõi Thiệm-bộ châu được đại tự tại, cho đến trụ thứ mười Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng, vượt qua Sắc cứu cánh, làm Đại tự tại, thọ sanh chốn nào, tất cả đều rất thù thắng. Chỉ có chư Bồ-tát đã đắc thành tựu trụ viên mãn tối thượng mới được sanh trong chúng Ma-ha-tát. Chư Bồ-tát kia như thế là do nghiệp chiêu cảm tăng thượng. Đây nói lược sanh tăng thượng của Bồ-tát. Nếu rộng tuyên thuyết nên biết việc sanh đây có vô lượng.

5. Sanh tối hậu của Bồ-tát: Chư Bồ-tát ở trong sanh đây, tư lương Bồ-đề đã cực viên mãn. Hoặc sanh vào nhà đại quốc sư dòng Bà-la-môn, hoặc sanh vào nhà đại vương dòng Sát-đế-lợi, năng hiện Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rộng làm tất cả Phật sự. Đây gọi là sanh tối hậu của Bồ-tát. Nếu rộng tuyên thuyết nên biết việc sanh đây có vô lượng.

Nếu chư Bồ-tát ở quá khứ, vị lai, hiện tại, đã sanh, sẽ sanh, hiện sanh vào những sanh xứ thanh tịnh, nhân hiền diệu thiện, tất cả đều nhiếp vào

năm chủng sanh đây. Ngoài đây ra, không còn sanh nào hoặc quá hoặc hơn, chỉ trừ thọ sanh của Bồ-tát ở phàm địa thì không nhiếp vào năm chủng sanh đây. Vì cố sao? Trong đây ý chỉ nêu lên chỗ thọ sanh của Bồ-tát có trí, tổng cộng gồm có năm sanh. Các sanh như vậy là chỗ nương của quả Đại Bồ-đề, khiến chư Bồ-tát mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Phần ba TRÌ CỨU CÁNH DU GIÀ XỨ

Phẩm 2. NHIẾP THỌ

Nên biết hạnh Bồ-tát ở nơi các trụ lực có 6 chủng nhiếp thọ các hữu tình không điên đảo. Những gì là sáu? **1.** Nhiếp thọ nhanh rộng; **2.** Nhiếp thọ tăng thượng; **3.** Nhiếp thọ nhiếp lấy; **4.** Nhiếp thọ dài lâu; **5.** Nhiếp thọ thời gian ngắn; **6.** Nhiếp thọ tối hậu.

1. Nhiếp thọ nhanh rộng của Bồ-tát đối với hữu tình: Chư Bồ-tát lúc sơ phát tâm, nhiếp thọ tất cả hữu tình giới đều làm quyến thuộc, khởi tư duy đây: “Ta sẽ tùy sức, tùy khả năng làm tất cả việc có nghĩa lợi nhiều ích an lạc đối với hữu tình kia”. Theo điều đã tư duy, cũng làm như vậy. Đây gọi là nhiếp thọ nhanh rộng của Bồ-tát đối với hữu tình.

2. Nhiếp thọ tăng thượng của Bồ-tát đối với hữu tình: Nói lược, chư Bồ-tát hoặc làm gia chủ nhiếp thọ cha mẹ, vợ con, tôi tớ, hoặc làm quốc vương nhiếp thọ tất cả quan dân. Như vậy, Bồ-tát phát khởi tưởng nhiếp thọ tăng thượng rồi, đối với những người được nhiếp thọ mà tùy nghi nhiếp thọ, tùy nghi ứng dụng chuyển nghiệp của họ.

Khi làm gia chủ, đối với cha mẹ, Bồ-tát dùng chũng chũng phương tiện khuyến tu các thiện, tùy thời cúng dường không từng phế bỏ, khéo biết tri ân, khéo biết báo ân, khéo năng tùy thuận ý thích của cha mẹ. Ở nơi pháp, ở nơi nghĩa, tự tại tùy chuyển. Đối với tất cả vợ con, nô tỳ... tùy thời như pháp rộng rãi cấp cho thức ăn uống, y phục, trọn

không bức ép họ trong công việc. Tuy kia trái phạm mà năng kham nhẫn. Nếu kia mắc phải tật bệnh, năng trị liệu đúng mức. Khích lệ kia tu tập các việc thiện, tùy thời khen ngợi ban cho tài vật thù thắng. Dùng ái ngữ để vấn an khích lệ, chẳng sanh tướng sai khiến làm việc như nô tỳ, chỉ quý thương nuôi dưỡng như người thân của mình.

Khi làm quốc vương, không cai trị bằng hình phạt, đui bỏ, dao gậy, mà chỉ năng dụng giáo hóa chân chánh. Đem chánh pháp, đem tài vật để làm nhiều ích. Nương đất đai của mình mà tự thọ dụng, không dùng sức mạnh xâm lấn bờ cõi của người. Tùy lực, tùy khả năng khuyên hữu tình bỏ các việc ác, dạy tu các việc thiện. Xem chúng sanh như cha với con. Đối với các hữu tình khác còn bình đẳng bố thí, hà hướng thân thuộc của mình. Không hành khinh dối, nói lời chân thật. Xa lìa tất cả việc trói buộc đánh đập, sát giết... loại bỏ tất cả sự trị phạt bức nã. Đây gọi là nhiếp thọ tăng thượng của Bồ-tát đối với các hữu tình.

3. Nhiếp thọ nhiếp lấy của Bồ-tát đối với hữu tình: Chư Bồ-tát chân chánh lãnh đạo đ

chúng. Đây gọi là lược nói nhiếp thọ nhiếp lấy hữu tình của Bồ-tát. Nếu rộng nói thì có hai nhân duyên chân chánh nhiếp đồ chúng, gọi là nhiếp thọ nhiếp lấy hữu tình. Những gì là hai? 1. Dem tâm vô nhiễm mà chánh nhiếp đồ chúng; 2. Ở nơi nghĩa tự lợi, chẳng dùng gia hạnh tà để che đậy, chân thật dạy dẫn tu tập.

Lại đối với những người nên nhiếp thọ, tâm bình đẳng chẳng thiên vị, chẳng keo lẩn chánh pháp với người. Chẳng lấy quyền làm thầy, cũng chẳng mong cầu kia thừa sự cung kính cúng dường. Nếu kia vui muốn tự xin làm, cũng không được cấm ngăn, cũng chấp nhận sự phụng sự cúng dường của kia, vì muốn tư lương phước đức của kia được tăng trưởng. Nếu kia ở nơi nghĩa chưa hiểu rõ, thì chỉ bày khai thị khiến hiểu. Đã hiểu rõ rồi, thì triển chuyển khiến tịnh sáng. Hoặc kia sanh khởi nghi hoặc thì thuận theo đó mà giải thích. Hoặc kia phát khởi ác tác, khéo vì kia khai giải, dùng câu nghĩa sâu sắc, chánh tuệ thông đạt, tùy lúc vì kia khai thị hiển bày. Vào lúc khổ, lúc vui, đều cùng kia chia sẻ. Hoặc đối với lúc hủy phạm, phải tùy thời đúng lúc nêu cử khiến kia tỉnh thức, đúng

thời như lý quả trách đui phạt. Hoặc kia có bệnh hay có ưu sầu, trọn chẳng xả bỏ, khéo quyên phương tiện cứu giúp trị bệnh, giải trừ sầu ưu. Đối với người có hình dáng xấu xí, trí nhớ nghĩ chậm lụt, trọn chẳng khinh hủi lãng nhục. Hoặc những lúc kia quá nhàm mõi, thì tùy nghi vì kia thuyết pháp. Hoặc những lúc kia bị phan duyên nơi cảnh giới sở duyên, cũng kham nhẫn chân chánh dạy trao, hỏi han, không sanh giận dữ. Đối với người hành trì giới hoặc bằng hoặc hơn, trọn không khiếp nhục thối lui, cũng chẳng mong cầu lợi dưỡng cung kính. Đây đủ bi mẫn, không trạo cử, không động loạn, giới kiến quỹ tắc chánh mạng viên mãn, dung nhan thư thái xa lìa nhăn nhó. Lời lành thiện nhu hòa, trước mở lời thăm hỏi vấn an. Đối với các phẩm thiện, thường hằng tu tập, không hành phóng dật, xa lìa các giải đãi. Dùn những việc như vậy mà dạy dẫn đồ chúng tu tập, cũng tự mình thực hành ngày càng thăng tiến. Bồ-tát chẳng nên ở tất cả thời nhiếp lấy đồ chúng, cũng chẳng phải chẳng nhiếp, cũng chẳng phải thay đổi. Đây gọi là nhiếp thọ nhiếp lấy của Bồ-tát đối với hữu tình.

4. Nhiếp thọ lâu dài của Bồ-tát đối với hữu tình: Chư Bồ-tát an trụ nhiếp thọ nhiều ích thành thực hữu tình ở phẩm hạ, nên biết gọi là nhiếp thọ lâu dài, vì trải qua thời gian lâu mới kham thanh tịnh. Đây gọi là nhiếp thọ lâu dài.

5. Nhiếp thọ thời gian ngắn của Bồ-tát đối với hữu tình: Chư Bồ-tát trụ nhiếp thọ nhiều ích thành thực hữu tình ở phẩm trung, nên biết gọi là nhiếp thọ thời gian ngắn, vì chẳng cần trải qua thời gian lâu mới kham thanh tịnh. Đây gọi là nhiếp thọ thời gian ngắn.

6. Nhiếp thọ tối hậu của Bồ-tát đối với hữu tình: Chư Bồ-tát trụ nhiếp thọ nhiều ích thành thực hữu tình ở phẩm thượng, nên biết gọi là nhiếp thọ tối hậu, vì chỉ ở đời này năng kham nhiệm tịnh. Đây gọi là nhiếp thọ tối hậu.

Như vậy, Bồ-tát đối với các hữu tình có sáu chủng nhiếp thọ không điên đảo. Do nhiếp thọ đây, chư Bồ-tát quá khứ, vị lai, hiện tại đối với các hữu tình đã từng chánh nhiếp thọ, sẽ chánh nhiếp thọ, hiện chánh nhiếp thọ. Ngoài đây ra, trọn

không có nhiếp thọ nào hoặc hơn hoặc thêm.

Lại khi Bồ-tát triển chuyển sáu chủng nhiếp thọ hữu tình không điên đảo, nên biết gặp phải 12 việc khó khăn. Bồ-tát thông duệ cần phải hiểu biết rõ mười hai việc khó khăn đây. Những gì là mười hai?

1. Đối với hữu tình nhiều vi phạm, hoặc dùng trị phạt, hoặc dùng xả bỏ. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

2. Vì điều phục hữu tình ác, phương tiện hiện hành gia hạnh vất vả gian khổ, bên trong tự hộ trì ý lạc không sanh phiền não. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

3. Hiện có được vật bố thí hiếm có, mà hữu tình kia đến cầu nhiều lần. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

4. Hiện có một thân, nhưng chủng chủng hữu tình với các sự nghiệp đa dạng ở khắp mọi nơi cùng lúc đến cầu làm trợ bạn. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

5. Đối với các hữu tình phóng dật, hoặc trụ diệu định thế gian khả ái, hoặc vui sanh ở cõi trời thù diệu mà khiến tâm họ điều thiện. Đây gọi là

Bồ-tát gặp việc khó khăn.

6. Thường muốn làm lợi ích cho khắp hữu tình, nhưng lại không có sức, không có khả năng. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

7. Đối với các hữu tình ngu si siểm trá, giả dối nịnh hót, hoặc vì kia thuyết pháp, hoặc xả bỏ kia. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

8. Thường đối với sanh tử thấy quá thất lớn, vì muốn độ hữu tình nên chẳng thể xả. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

9. Chưa được ý lạc thanh tịnh tăng thượng, phần nhiều lo sợ mạng chung quên mất chánh niệm. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

10. Chưa chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng, mà người đến cầu xin vật khả ái tối thắng bậc nhất. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

11. Các loại hữu tình có chủng chủng dị kiến, chủng chủng thắng giải, hoặc phải dạy bảo riêng, hoặc xả bỏ chung. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

12. Thường hành không phóng dật dầu rất nhỏ, nhưng lại không nên đoạn trừ tất cả phiền não. Đây gọi là Bồ-tát gặp việc khó khăn.

Nếu chư Bồ-tát gặp phải các sự khó khăn như vậy, nên ở trong ấy quán xét nặng nhẹ, tùy theo chỗ thích hợp mà dụng phương tiện. Hoặc ở trong ấy nên răn dạy phân tích tường tận cho chúng sanh. Hoặc ở trong ấy phan duyên dùng mãnh nhiếp thọ chuyển nhân. Hoặc phát chánh nguyện. Hoặc ở trong ấy chế ngự nơi tâm chẳng khiến lưu tán. Hoặc ở trong ấy, nơi tâm an trụ tư trạch mạnh mẽ, không sanh nhàm mỏi mà tự an nhẫn. Hoặc ở trong ấy mà hành phóng xả. Hoặc ở trong ấy phát siêng tinh tấn mạnh mẽ không lười mỏi. Hoặc ở trong ấy phương tiện thiện xảo chánh siêng tu hành. Bồ-tát như vậy, phương tiện thiện xảo ở nơi việc đối trị đúng mực, tuy gặp những việc khó khăn hiện tiền mà không quá khiếm nhược, tự có khả năng vượt qua.



Quyển 49

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần ba CỨU CÁNH TRÌ DU GIÀ XỨ

Phẩm 3. ĐỊA

Như trước đã thuyết 13 trụ, tùy theo kia mà kiến lập 7 địa. Sáu địa đầu chỉ nói về Bồ-tát địa. Một địa thứ bảy gồm Bồ-tát và Như Lai kiến lập thành một địa. Những gì là bảy? 1. Chủng tánh địa; 2. Thắng giải hành địa; 3. Ý lạc tịnh thắng địa; 4. Hành chánh hạnh địa; 5. Vào trong quyết định địa; 6. Vào trong quyết định hành địa; 7. Đến cứu cánh địa. Trong bảy địa của Bồ-tát thì địa cuối cùng gọi là Tạp địa.

Trong đây, trụ Chủng tánh thứ nhất gọi là *Chủng tánh địa*. Trụ Thắng giải hành gọi là *Thắng giải hành địa*. Trụ Cực hoan hỷ gọi là *Ý lạc tịnh thắng địa*. Trụ Tăng thượng giới, trụ Tăng thượng tâm, ba trụ Tăng thượng tuệ và trụ Vô tướng có gia hạnh có dụng công đều gọi là *Hành chánh hạnh địa*. Trụ Vô tướng không gia hạnh không dụng

công gọi là *Vào trong quyết định địa*, vì địa Bồ-tát đây ở trong sự quyết chắc. Trụ thứ ba Vô ngại giải gọi là *Vào trong quyết định hành địa*. Trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng và trụ Như Lai gọi là *Đến cứu cánh địa*. Trụ Như Lai địa về sau sẽ kiến lập trong phẩm *Pháp Phật*.

Hỏi: Từ Thắng giải hành địa, lúc tùy nhập Ý lạc tịnh thắng địa, làm sao vượt qua các đường ác?

Đáp: Chư Bồ-tát đây nương theo tinh lực thanh tịnh thế gian, từ lúc an trụ ở Thắng giải hành địa đã khéo tích tập tư lương Bồ-đề. Ở nơi 110 chủng khổ của hữu tình như trên đã nói, tu tập ai mãn, tu duy khắp cả. Do tu tập đây làm nhân duyên, nên phát sanh ý lạc ai mãn và ý lạc bi đối với từng sắc loại của hữu tình. Do nhân duyên đây, vì lợi ích các loài hữu tình đọa ở đường ác, nên thệ ở trong các đường ác như nhà của mình, phát lời nguyện rằng: “Ta chỉ ở những chỗ như thế, cho đến khi chúng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, ta đều năng nhẫn thọ, chỉ vì trừ khổ cho các hữu tình. Tất cả các nghiệp đường ác của họ, ta đều đem ý lạc thanh tịnh nguyện lãnh thọ quả khổ dị thực thay thế cho họ. Vì khiến tất cả các ác nghiệp rất ráo chẳng

hiện hành trở lại, vì thường hiện hành tất cả thiện nghiệp, nên phát tâm chánh nguyện”. Kia do lực bi nguyện tu tập tinh lực thế gian như vậy, nên tất cả đường ác sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não, ở nơi tự sở y đều được khiến trừ. Do đoạn đây, không bao lâu Bồ-tát thành tựu sự chuyển y. Bồ-tát rốt ráo chẳng gây tạo sở hữu ác nghiệp nơi đường ác, nên quyết định chắc chắn chẳng đi vào các đường ác. Ngang đây gọi là Bồ-tát đã vượt qua tất cả ác đạo, cũng gọi là vượt qua Thắng giải hành địa, cũng gọi là đã nhập Ý lạc tịnh thắng địa.

Như đã thuyết trong phẩm *Trụ* ở trước, có mười pháp năng tịnh tu trị ở các trụ, nay ở đây cũng là mười pháp tịnh tu sửa trị ở các địa. Mười pháp như vậy cần phải rõ biết thứ lớp lược nghĩa năng trị, sở trị, an lập sai biệt. Những gì là mười?

1. Đối với hữu tình hoàn toàn chưa phát tâm, hoàn toàn chưa thọ trì học xứ của Bồ-tát, thì *tín* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi tín.

2. Đối với các hữu tình có tâm tổn hại, thì *bi* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi bi.

3. Đối với hữu tình có tâm sân khuể, thì *từ* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi từ.

4. Đối với hữu tình ở nơi thân mạng, tiền của có sự đoái luyến, thì *xả* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi xả.

5. Đối với hữu tình mong cầu báo ân, có nhiều việc làm tà hạnh, tham đắm lợi dưỡng, thì *không nhàm mồi* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ ở nơi không nhàm mồi.

6. Đối với hữu tình không gia hạnh, không có phương tiện thiện xảo, thì *khéo biết các luận* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi khéo biết luận.

7. Đối với hữu tình tánh không nhu hòa, tâm hành chuyển chẳng thuận theo người, thì *khéo hiểu biết tất cả thế gian* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi khéo hiểu biết tất cả thế gian.

8. Đối với hữu tình tu thiện pháp mà lại phóng dật giải đãi, thì *tàm quý* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi tàm quý.

9. Nếu nơi chủng chủng khổ lớn sanh tử mãnh

liệt trường thời không gián đoạn, sanh sâu khiếp sợ, thì *tánh lực hành trì kiên cố* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi tánh hành trì lực kiên cố.

10. Đối với hữu tình còn do dự nghi hoặc Đại sư, thì *cúng dường Như Lai* là pháp sở đối trị của kia. Vì đối trị kia, nên an lập họ nơi cúng dường Như Lai.

Như vậy tạm thuyết sở trị, năng trị, an lập của mười pháp. Nghĩa tóm lược thế nào? Mười pháp đây lược hiển hai nghĩa: 1. Hiển thị ý lạc thanh tịnh; 2. Hiển thị gia hạnh thanh tịnh. Nên biết ba chủng đầu hiển thị ý lạc thanh tịnh của Bồ-tát, bảy chủng sau hiển thị gia hạnh thanh tịnh của Bồ-tát.

Sao lại có thứ lớp mười pháp như thế? Chư Bồ-tát trước đối với Đại Bồ-đề sanh tịnh tín thăm sâu, kể đến đối với các loại hữu tình có khổ, phát khởi bi mẫn. Lúc khởi bi mẫn thệ nguyện như vậy: “Ta phải cứu tế tất cả hữu tình khiến họ được an lạc”, nên phát khởi tâm từ. Đã khởi tâm từ rồi, năng xả tất cả thân mạng, tiền của không lòng luyến tiếc. Không luyến tiếc rồi, tức vì nghĩa kia

mà tinh cần gia hạnh không biết nhàm mỗi. Không nhàm mỗi rồi, lại khéo biết các luận. Đã khéo biết luận rồi, tùy thế gian mà chuyển, tức là phải biết thế gian. Đã biết thế gian rồi, nếu phiền não bỗng nhiên hiện hành, sanh sâu tầm quý. Đã sanh tầm quý rồi, không chuyển theo phiền não nên hành được tự tại, do đây thành tựu tánh lực hành trì kiên cố. Do chánh thành tựu tánh đây, nên ở nơi chánh gia hạnh thường không thối chuyển, vô lượng thiện pháp chuyển vận tăng trưởng, năng đối với Như Lai phụng hiến thượng diệu, cúng dường chánh hạnh, cúng dường tài bảo cung kính. Cho nên cuối cùng là cúng dường Như Lai.

Như đây là thứ lớp tu chứng mười pháp, nên biết mười chủng thiện pháp như vậy năng tịnh tu trị ở tất cả địa.

Phần ba TRÌ CỨU CÁNH DU GIÀ XỨ **Phẩm 4. HÀNH**

Bồ-tát từ Thắng giải hành địa đầu tiên cho

đến trụ cuối cùng Đến cứu cánh địa, ở trong tất cả Bồ-tát địa đây nên biết lược có bốn hành của Bồ-tát. Những gì là bốn? 1. Hành Ba-la-mật-đa; 2. Hành pháp Bồ-đề phần; 3. Hành thần thông; 4. Hành thành thực hữu tình.

1. Hành Ba-la-mật-đa: Phần trước đã thuyết sáu chủng Ba-la-mật-đa và Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, Nguyện Ba-la-mật-đa, Lực Ba-la-mật-đa, Trí Ba-la-mật-đa. Mười chủng Ba-la-mật-đa như vậy gọi chung là hành Ba-la-mật-đa.

Như trước đã thuyết 12 hành tướng phương tiện thiện xảo, nên biết gọi là Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa.

Như trước đã thuyết 5 chủng đại nguyện, nên biết gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa.

Sở hữu mười lực gia hạnh thanh tịnh, nên biết gọi là Lực Ba-la-mật-đa.

Ở nơi tất cả pháp, như thật an lập diệu trí thanh tịnh, gọi là Trí Ba-la-mật-đa.

Nay ở trong đây, diệu tuệ thanh tịnh năng nắm giữ thắng nghĩa vô phân biệt chuyển, gọi là Tuệ Ba-la-mật-đa. Diệu trí thanh tịnh năng nắm

giữ nghĩa thế tục có phân biệt chuyển, gọi là Trí Ba-la-mật-đa. Đây gọi là hai chủng khác nhau.

Lại có cách nói khác: Vô lượng trí gọi là Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa. Mong cầu tánh trí thù thắng về sau gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa. Tất cả ma oán chẳng thể hủy hoại tánh đạo gọi là Lực Ba-la-mật-đa. Như thật hiểu rõ tánh cảnh sở tri gọi là Trí Ba-la-mật-đa.

2. Hành pháp Bồ-đề phần: Sở hữu tất cả ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, bốn niệm trụ, bốn chủng tâm tư, bốn trí như thật như trước đã nói, gọi chung là hành pháp Bồ-đề phần của Bồ-tát.

3. Hành thần thông: Như trước đã nói sở hữu sáu chủng thần thông của Bồ-tát trong phẩm *Uy lực*, gọi là hành thần thông.

4. Hành thành thực hữu tình: Như trước đã nói hai chủng vô lượng: 1. Vô lượng giới được điều phục; 2. Vô lượng phương tiện điều phục giới. Và tất cả thành thực hữu tình như trong phẩm *Thành thực* đã nói. Tất cả gọi chung là hành thành thực

hữu tình của Bồ-tát. Như vậy bốn chủng diệu hành của Bồ-tát nhiếp khắp tất cả sở hành thiện hạnh của Bồ-tát.

Nên biết trong đây mười pháp Ba-la-mật-đa như Thí Ba-la-mật-đa... vì phải trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp trường thời tu tập mới chứng đắc viên mãn; vì tự tánh thanh tịnh, thể thù thắng; vì vượt ngoài thiện căn của tất cả thế gian, Thanh văn, Độc giác; vì nhiếp thọ quả Bồ-đề tối thắng. Mười pháp như vậy hành trì tối cực dài lâu mới năng chứng đắc trọn vẹn. Mười pháp như vậy tự tánh tối cực thanh tịnh thù thắng, năng đắc tối cực diệu quả Bồ-đề, cho nên gọi là Ba-la-mật-đa.

Nên biết Ba-la-mật-đa như vậy, do ba nhân duyên nên thứ lớp kiến lập. Những gì là ba? 1. Do đối trị; 2. Do sanh khởi; 3. Do quả dị thực.

1. Sao gọi là do đối trị nên thứ lớp kiến lập Ba-la-mật-đa? Ở nơi hữu tình hà tiện, ác hạnh, oán hận bức não, giải đãi, tán loạn, ám độn ngu si, thì thí... sáu pháp năng là đối trị của kia. Sáu pháp năng chướng ngại Bồ-đề như vậy, tùy chỗ thích hợp mà kiến lập sáu chủng Ba-la-mật-đa.

Nên biết sáu Ba-la-mật-đa còn lại cũng nhiếp vào đây. Đây gọi là do đối trị, nên thứ lớp kiến lập Ba-la-mật-đa như vậy.

2. *Sao gọi là do sanh khởi nên thứ lớp kiến lập Ba-la-mật-đa?* Chư Bồ-tát trước ở nơi tiền của địa vị không lòng đắm luyến, xả dục gia đình, thọ Thi-la thanh tịnh. Vì kính trọng giới đã thọ, năng kham nhẫn khi bị người nã hại, không nã hại lại người. Đã thọ trì tịnh giới, lại tu tập an nhẫn, tịnh giới không lay động, không gián đoạn. Đối với các phẩm thiện, siêng năng tu gia hạnh. Vì tu tập siêng năng tinh tấn như vậy, nên xa lìa phóng dật, năng đạt đến tâm tánh nhất cảnh diệu thiện. Vì tâm đắc định nên quán thấy rõ biết như thật tất cả cảnh giới sở tri. Đây gọi là do sanh khởi, nên thứ lớp kiến lập Ba-la-mật-đa như vậy.

3. *Sao gọi là do quả dị thực nên thứ lớp kiến lập Ba-la-mật-đa?* Ở trong hiện pháp, chư Bồ-tát tinh cần tu học thiện pháp như bố thí... do nhân duyên đây ở đời đương lai, bên ngoài sẽ thành tựu chủng chủng trân bảo tiền của, không gì không viên mãn. Nên biết tất cả đều do lực của nhân thực hành Bố thí Ba-la-mật-đa mà thành tựu. Bên

trong sē thành tựu năm tự thể viên mãn, tất cả đều do lực của nhân thực hành Trì giới Ba-la-mật-đa... mà được thành tựu.

Sao gọi là bên trong thành tựu năm tự thể viên mãn? Đó là nhiếp lấy thiện đạo, hoặc cõi trời, hoặc cõi người, có được hình sắc, thọ lượng... thù thắng hơn so với hữu tình khác. Đây gọi là viên mãn thứ nhất.

Hoặc có câu sanh ở nơi gia hạnh thiện thường không nhàm mỏi, kham nhẫn người náo hại, chẳng vui náo hại người. Đây là viên mãn thứ hai.

Hoặc có câu sanh ở khắp tất cả sở tác sự nghiệp đang tu tập, dũng mãnh bền chắc. Đây là viên mãn thứ ba.

Hoặc có câu sanh tánh mỏng trần cấu, tự tâm thường tự tại chuyển, tâm có khả năng chịu đựng, ở nơi tất cả nghĩa nhanh chóng thông tuệ. Đây là viên mãn thứ tư.

Hoặc có câu sanh thành tựu tuệ rộng lớn ở nơi tất cả nghĩa, thông minh nhạy bén. Đây là viên mãn thứ năm.

Như vậy gọi là do quả dị thực, nên thứ lớp kiến lập sáu chủng Ba-la-mật-đa như vậy.

Do bốn chủng Ba-la-mật-đa trước là tư lương, tự tánh, quyến thuộc, giữ gìn, nên biết chư Bồ-tát tu tăng thượng giới học viên mãn. Do Tĩnh lự Ba-la-mật-đa, nên biết chư Bồ-tát tu tăng thượng tâm học viên mãn. Do Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nên biết chư Bồ-tát tu tăng thượng tuệ học viên mãn. Nếu bỏ qua việc tu tập ba tăng thượng trên, thì Bồ-tát học đạo cũng chẳng thể thành tựu. Cho nên ba việc tu tập đây nhiếp toàn bộ quá trình mà Bồ-tát cần phải học trong lúc tu đạo. Do đây chỉ kiến lập sáu chủng Ba-la-mật-đa. Ngoài đây ra, trọn không có hoặc thêm hoặc hơn.

Lại, chư Bồ-tát lược có 4 chủng việc phải làm, do đây rộng nhiếp toàn bộ việc làm của Bồ-tát. Những gì là bốn? 1. Vì chứng Bồ-đề, huân tu các thiện hạnh; 2. Do đây làm tiền dẫn, thông đạt chân thật nghĩa; 3. Chứng đắc viên mãn uy lực; 4. Thành thực hữu tình. Bốn chủng như vậy là sở tác của chư Bồ-tát. Bốn chủng hành đã nói ở trước nên theo thứ lớp đó kiến lập bốn chủng việc phải làm của Bồ-tát. Cho nên quá đây trọn không kiến lập có các hành khác.

Phần ba TRÌ CỨU CÁNH DU GIÀ XỬ

Phẩm 5. KIẾN LẬP - 1

Nương trụ Như Lai và nương Đền cứu cánh địa của Như Lai, nên biết chư Phật Thế Tôn có 140 pháp Phật bất cộng: **1.** Chư Như Lai thành tựu ba mươi hai tướng Đại tượng phu; **2.** Tám mươi tùy hảo; **3.** Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh; **4.** Mười lực; **5.** Bốn vô sở úy; **6.** Ba niệm trụ; **7.** Ba bất hộ; **8.** Đại bi; **9.** Pháp vô vong thất; **10.** Tập khí vĩnh viễn hại diệt; **11.** Tất cả chủng diệu trí.

1. Ba mươi hai chủng tướng Đại tượng phu của Như Lai: **1.** Tướng bàn chân của bạc đầy đủ Đại tượng phu an trụ bằng phẳng, vững vàng trên đất, là tướng Đại tượng phu của Đại tượng phu; **2.** Dưới hai lòng bàn chân hiện hình bánh xe ngàn căm, trục xe, vành xe, căm xe không gì không viên mãn; **3.** Ngón tay của bạc đầy đủ Đại tượng phu tròn thon dài; **4.** Gót, mu bàn chân đầy đặn; **5.** Tay chân mềm mại nhu nhuyễn; **6.** Giữa kẽ tay, kẽ

chân có màng lưới mỏng; 7. Khi đứng thẳng, tay dài quá đầu gối; 8. Bắp chân như nai chúa; 9. Thân ngay thẳng; 10. Nam căn ẩn kín; 11. Thân tướng viên mãn như Nặc-cù-đà; 12. Thường quang một tâm; 13. Lông trên thân xoáy thành hình tròn ốc về phía bên phải; 14. Mỗi lỗ chân lông toát màu xanh; 15. Sắc da vàng óng; 16. Da thân mịn màng, bụi chẳng thể bám; 17. Hai tay, hai chân, hai vai, cổ, bảy chỗ đều đầy đặn; 18. Phần thân trên như sư tử chúa; 19. Hai vai tròn; 20. Nách đầy đặn; 21. Thân thể ngay thẳng; 22. Đầy đủ bốn mươi cái răng bằng phẳng; 23. Răng đều, trắng, khít; 24. Bốn răng nanh lớn trắng; 25. Hàm như sư tử; 26. Lưỡi rộng dài, lè ra phủ trùm đến mí tóc; 27. Được vị tối thượng trong các vị; 28. Được đại phạm âm, âm thanh vang dội như tiếng sấm rền, ngôn từ ai miễn hòa nhã khiến người nghe vui thích, như âm của ca-lăng-tần-già vang khắp thế gian; 29. Mắt xanh thắm; 30. Lông mi như trâu chúa; 31. Trên đỉnh đầu hiện thịt nổi cao như búi tóc; 32. Lông trắng giữa chạng mày, xoáy thành hình tròn ốc về phía bên phải. Đây gọi là ba mươi hai tướng Đại tướng phu.

2. Tám mươi tùy hảo của Như Lai: Hai tay, hai chân có đủ hai mươi ngón; lông đốt, móng của tay chân thấy đều thù diệu. Đây gọi là 20 tùy hảo. Mặt trong, mặt ngoài của hai tay, hai chân, tổng cộng là tám chỗ: tay có bốn và chân có bốn, khắp đều rất thù diệu. Đây là 8 tùy hảo. Hai mắt cá, hai đầu gối, hai đùi vế, tổng cộng là sáu chỗ đều rất thù diệu. Đây là 6 tùy hảo. Hai cánh tay, hai khuỷu tay, hai cổ tay, sáu chỗ thù diệu. Đây gọi là 6 tùy hảo. Lưng không cong vẹo, rất thù diệu là 1 tùy hảo. Hai hạch rất thù diệu là 2 tùy hảo. Âm tàng rất thù diệu là 1 tùy hảo. Hai hông rất thù diệu là 2 tùy hảo. Rốn sâu, tròn rất thù diệu là 1 tùy hảo. Hai sườn, hai nách, hai vú, thấy đều thù diệu là 6 tùy hảo. Bụng, ngực, xương sống, cổ, mỗi thứ đều có tùy hảo riêng biệt. Như vậy trừ phần trên cổ, phần thân dưới còn lại tổng cộng là 60 tùy hảo.

Trên, dưới của răng, tóc đều thù diệu là 2 tùy hảo. Hàm trên, hàm dưới rất thù diệu là 1 tùy hảo. Hai môi rất thù diệu là 2 tùy hảo. Phần dưới má tròn đầy là 1 tùy hảo. Hai má tròn đầy là 2 tùy hảo. Hai mắt rất thù diệu là 2 tùy hảo. Hai mi rất thù diệu là 2 tùy hảo. Hai lỗ mũi rất thù diệu là 2

tùy hảo. Trán rất thù diệu là 1 tùy hảo. Tóc mai và hai tai rất thù diệu là 4 tùy hảo. Đầu tóc thù diệu là 1 tùy hảo.

Như vậy, thân trên có 20 tùy hảo, thân dưới có 60, tổng cộng là 80 tùy hảo.

Hoặc chư Bồ-tát lúc mới nhập Ý lạc tịnh thắng địa đầu tiên, đã đắc các tướng và các tùy hảo dị thực, từ đây trở lên các địa trên, các tướng tùy hảo càng triển chuyển thanh tịnh thù thắng hơn. Chỉ đến lúc ngồi tòa Bồ-đề mới chứng đắc pháp Phật bất cộng thiện tịnh viên mãn còn lại, như bốn chủng nhất thiết diệu thanh tịnh... Hoặc có các Bồ-tát còn yếu, cũng năng thành tựu các tướng tùy hảo. Vì từ lúc an trụ Ý lạc tịnh thắng địa đầu tiên, tất cả sở hữu tư lương Bồ-đề không hề khác biệt, nên năng chiêu cảm tất cả tướng và tùy hảo.

Lại, tất cả tư lương Bồ-đề đây lược có hai chủng, đó là đi đến Bồ-đề hoặc xa, hoặc gần. Trong đây, *xa* tức là chưa thành tựu quả dị thực các tướng tùy hảo, *gần* tức là ban đầu thu được quả dị thực tướng tùy hảo. Từ đây trở lên các địa trên, các tướng kia càng triển chuyển càng thu được thanh tịnh thù thắng.

Lại do lực giáo hóa, Đức Bạc-Già-Phạm vì đại

chúng tuyên thuyết chủng chủng nghiệp tạo tác năng chiêu cảm quả tướng tùy hảo như vậy. Vì cố sao? Bởi lẽ muốn giáo hóa hữu tình đang hiện hành chủng chủng nghiệp ác, khiến họ sanh sâu vui thích các tướng kia. Như vậy chủng chủng hiện hành nghiệp ác là sở đối trị, chủng chủng nghiệp thiện cảm tướng tùy hảo là năng đối trị. Hữu tình kia nghe chủng chủng quả to lớn lợi ích thù thắng vi diệu như thế, liền đối với quả đây sanh sâu vui muốn. Do nhân duyên đây xa lìa các việc ác, tu tập các việc thiện. Cho nên Như Lai vì hữu tình kia mà thuyết.

Như trong kinh rộng thuyết về các tướng: “Chư Bồ-tát ở trong cấm giới, vì khéo an trụ nhẫn và huệ xả, nên chiêu cảm tướng bàn chân bằng phẳng đứng vững vàng trên đất.

Đối với cha mẹ, cúng dường vô lượng; đối với khổ não của hữu tình, tìm cách cứu giúp. Do nghiệp động chuyển qua lại để cứu giúp, nên chiêu cảm tướng lòng bàn chân có bánh xe ngàn cãm.

Đối với các hữu tình khác, xa lìa tổn hại và xa lìa chẳng cho mà lấy. Đối với các bậc tôn trưởng, khởi nghiệp hòa kính, chấp tay lễ bái thưa hỏi. Đối với hữu tình khác, lòng hoan hỷ giúp đỡ vật

chất chẳng để họ thiếu thốn và tự hàng phục sự cao ngạo nơi lòng. Do đây nên chiêu cảm tướng ngón tay Đại trượng phu tròn thon dài. Cũng lấy ba tướng nghiệp trên làm chỗ nương, nên chiêu cảm gót, mu, bàn chân đầy đặn.

Do hành bốn nhiếp sự đối với bậc tôn trưởng, nên chiêu cảm giữa kẽ tay, kẽ chân có màng lưới mỏng.

Do phụng thí những vật cần thiết dùng để tắm gội, giặt giũ, y phục cho các bậc tôn trưởng, nên chiêu cảm tay chân mềm mại nhu nhuyến.

Do tu tập thiện pháp không sanh vui đủ, lại khiến tăng trưởng, nên chiêu cảm tay chêm gối khi đứng thẳng.

Do tự thọ trì chánh pháp như thật khiến đắc rốt ráo, lại rộng vì người tuyên thuyết và khéo cấp dưỡng phụng sự người, nên chiêu cảm đùi vế như nai chúa.

Do ở nơi chánh pháp khiến triển chuyển tương tục không gián đoạn, ở nơi chủng chủng nghiệp ác của thân, ngữ, ý, đều năng dừng dứt đoạn trừ. Đối với người tật bệnh, năng cấp thí lương dược. Đối với người yếu nhược, năng sách tấn khích lệ. Lại ở nơi

các dục khéo ăn uống biết lượng, chưa từng bị khuất phục. Cho nên chiêu cảm lưng chẳng cong vẹo.

Do đối với hữu tình không có y phục, bị người xa lánh, thì dùng chánh pháp từ bi nhiếp thọ, khiến họ tu tập tâm quý, thí y phục cho họ. Cho nên chiêu cảm âm tàng ẩn kín.

Do tự phòng hộ, tự nhiếp thọ ở nơi thân, ngữ, ý; đối với ăn uống, khéo tự biết lượng và bố thí thuốc trị bệnh. Đối với những việc nhiếp thọ không bình đẳng và thọ dụng không bình đẳng, thì chẳng tùy chuyển. Ở mỗi cõi giới chống trái lẫn nhau, năng khiến hòa thuận. Cho nên chiêu cảm thân tướng viên mãn như Nặc-cù-đà.

Ở nơi nghiệp năng chiêu cảm tướng tay chám gối khi đứng thẳng, cũng là nghiệp năng chiêu cảm phần lông trên thân, đó là do tự mình khéo quán sát thân cận bậc minh trí, thường tư duy nghĩa vi diệu, nhập nghĩa vi diệu. Tôn trọng chỗ ở, năng tịnh tu trị, tắm giặt sạch sẽ, lại năng tịnh khiết tẩy uest, trừ khử các bụi bặm. Cho nên chiêu cảm mỗi một lông trên thân màu xanh biếc, xoáy thành hình tròn ốc về phía bên phải.

Do năng thí ý vui hoan hỷ, cấp phát bố thí

thức ăn uống, áo quần, thuốc trị bệnh cùng các vật nuôi thân; lại năng xa lìa phần khuế, nên chiêu cảm da sắc vàng, thân có hào quang một tầm. Cũng do nghiệp đây, nên chiêu cảm các lỗ lông trên thân, mỗi lỗ có một lông sinh trưởng, cũng năng chiêu cảm da thân mịn màng bụi chẳng bám.

Do huệ thí rộng nhiều các thức ăn uống thượng diệu mỹ vị đầy đủ sung túc cho đại chúng, nên chiêu cảm bảy chỗ trên thân đều tròn đầy.

Do đối với hữu tình như pháp làm việc, năng làm thượng thủ, năng làm trợ bạn, xa lìa ngã mạn, không hẹp hòi hung ác. Lại thường vì hữu tình ngăn chặn những điều không lợi ích, an lập họ nơi lợi ích. Cho nên chiêu cảm thân phần trên như sư tử chúa.

Do nắm tánh xác quyết mạnh mẽ tất cả công việc như sư tử, nên chiêu cảm vai tròn đầy. Cũng do nghiệp đây nên chiêu cảm ngón tay thon dài, cũng năng chiêu cảm thân phần thẳng lớn.

Do xa lìa tất cả lời phá hoại ly gián bạn bè, lại khiến các hữu tình đã chia lìa được hòa hợp, nên chiêu cảm bốn mươi cái răng bằng đều khít, không kẽ hở. Do tư duy pháp nghĩa, tu tập tâm từ ở cõi

Dục, nên năng chiêu cảm màu răng trắng sạch.

Do hoan hỷ xả bỏ trần bảo tùy theo sự mong cầu của hữu tình, nên chiêu cảm trán như sư tử.

Do xem hữu tình như con, yêu thương, nhớ nghĩ, cứu hộ; lòng tịnh tín xót thương cứu giúp, cung cấp thuốc trị bệnh trong sạch không uế, nên chiêu cảm được vị tối thượng trong các vị.

Do thí pháp vị, nếm pháp vị, năng tịnh tu sửa trị các vị biến hoại; xa lìa năm pháp: sát sanh, trộm cướp, tà hạnh, vọng ngữ, uống rượu; năng tự mình phòng hộ, cũng khuyên người thọ trì; tu tập tâm bi, năng chánh hành đại pháp đã thọ. Cho nên chiêu cảm trên đỉnh đầu thịt cao như búi tóc, lưới rộng che khắp mặt.

Do thường tu tập lời chân thật, lời ái kính, lời đúng thời và lời chánh pháp, nên thành tựu đại phạm âm, âm thanh vang dội như tiếng sấm rền, ngôn từ ai cũng hòa nhã, giống như âm của ca-lăng-tần-già vang khắp thế gian.

Do thường tu tập tâm bi tâm ai như cha như mẹ, nên chiêu cảm mắt như trâu chúa. Do như thật khen ngợi tán thán những người có đức, nên chiêu cảm tướng lông bạch hào.

Ba mươi hai tướng Đại tướng phu như vậy chỉ lấy thực hành tịnh giới làm nhân mà năng chiêu cảm. Vì có sao? Nếu Bồ-tát hủy phạm tịnh giới, thì có được thân người hạ tiện còn chẳng thể, huống năng chiêu cảm quả thân tướng Đại tướng phu. Trong đây, tướng đánh và tướng vô kiến đánh của Như Lai hợp lại là một chủng tướng Đại tướng phu. Nếu xa lìa thực hành tịnh giới, thì chẳng thể thành tựu ba mươi hai tướng như trên. Như vậy vừa kiến lập rộng nhân của chủng chủng nghiệp tương xứng năng chiêu cảm ba mươi hai tướng Đại tướng phu.

Lại nữa, lược nói hai phần Bồ-tát tại gia và xuất gia nếu thực hành bốn chủng *khéo tu sự nghiệp* như đã thuyết, sẽ năng chiêu cảm tất cả tướng hảo.

Do *quyết định tu làm* nên năng chiêu cảm tướng bàn chân bằng, khéo đứng vững trên đất.

Do *thấy nhiều tu làm* nên năng chiêu cảm tướng lòng bàn chân bánh xe ngàn căm, khi đứng tay dài chắm gối, tay chân có màng lưới mỏng, da trên thân sạch mịn màng, bảy chỗ trên thân đều đầy đặn, vai tròn đầy, thân phần ngay thẳng, lưới rộng.

Do *hằng thường tu làm* nên năng chiêu cảm ngón tay thon dài, gót mu bàn chân đều đặn, thân

chẳng cong vẹo, thân viên mãn như Nặc-cù-đà, răng không hở.

Do *không tội tu làm* nên năng chiêu cảm các tướng còn lại. Trong đây, không tổn hại đối với tất cả hữu tình nên năng chiêu cảm tay chân mềm mại nhu nhuyễn, da thân sạch mịn màng. Ở trong các thiện gia hạnh thứ lớp, gia hạnh đúng thời đối với các hữu tình, nên chiêu cảm đùi vé như nai chúa. Do tâm cực tịnh sạch, vui sâu hoan hỷ thực hành thiện pháp, nên chiêu cảm thường quang một tấm, da thân có sắc vàng, răng trắng sạch, lông mi bạch hào. Do không đả trước những lời xưng khen ca ngợi, tu thiện, ẩn giấu đức, nên chiêu cảm âm tàng ẩn kín. Do tất cả công đức tu tập thiện căn hồi hướng Bồ-đề, nên chiêu cảm phần lông trên thân xoáy về bên phải, bốn mươi răng đều bằng khít, được vị tối thượng trong các vị, đỉnh đầu nhô cao. Do tu thiện không nhàm mỏi, thực hành gia hạnh không yếu nhược, nên chiêu cảm thân trên như sư tử chúa, trán như sư tử. Do tâm bình đẳng làm lợi ích cho tất cả hữu tình, nên chiêu cảm răng đều bằng, mắt xanh thẳm, lông mi như trâu chúa. Do chẳng sanh vui đủ đối với chút

ít thiện pháp thực hành hạ liệt, lại phát khởi tinh tấn gia hạnh mạnh mẽ hơn, nên được đại phạm âm, âm vang như sấm rền, ngôn từ ai mẫn hòa nhã làm vui đẹp lòng người như tiếng của chim ca-lăng-tần-già.

Bốn chủng khéo tu sự nghiệp như vậy, năng đắc ba mươi hai chủng tướng Đại tướng phu thanh tịnh thù thắng của Bồ-tát.

Nên biết ba mươi hai chủng tướng Đại tướng phu và tám mươi tùy hảo như vậy, nếu Bồ-tát trụ Chủng tánh địa chỉ có chủng tử nương thân mà trụ. Nếu Bồ-tát trụ Thắng giải hành địa mới năng tu, năng đắc phương tiện kia. Nếu Bồ-tát trụ trong Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa mới được gọi là đắc. Nếu Bồ-tát trụ ở các địa cao hơn còn lại, thì tướng hảo triển chuyển càng thanh tịnh thù thắng hơn. Nếu Bồ-tát trụ ở Cứu cánh Như Lai địa, thì tướng hảo thiện tịnh không gì sánh vượt.

Các tướng có hình sắc như vậy chỉ vì khiến các hữu tình phẩm liệt, trung, thắng dễ hiểu biết. Tuy tất cả pháp Phật bát cộng đều được gọi là tướng Đại tướng phu, nhưng chỉ lập ba mươi hai tướng trên là tướng Đại tướng phu. Lại ba mươi

hai tướng Đại trượng phu như vậy do tánh sở y năng giữ gìn, do rất thù diệu đoan nghiêm nên gọi là tùy hảo.

Tóm lại, hết thủy lượng tụ phước mà hữu tình gieo trồng mới là tụ phước năng cảm một lỗ lông của Như Lai. Cho đến tùy nhập tụ phước của tất cả sở hữu lỗ lông, mới là tụ phước năng cảm một tướng tùy hảo của Như Lai. Cho đến tùy nhập tụ phước của tất cả sở hữu tùy hảo tăng đến trăm lần, mới là tụ phước năng cảm một trong các tướng của Như Lai. Cho đến tùy nhập tụ phước của tất cả sở hữu các tướng tăng đến ngàn lần, trừ tướng bạch hào, mới là tụ phước năng cảm tướng bạch hào giữa chạng mây. Cho đến tùy nhập tụ phước của tướng bạch hào tăng đến trăm ngàn lần, mới là tụ phước năng cảm tướng vô kiến đánh của Như Lai. Cho đến tùy nhập tụ phước của tướng bạch hào tăng đến số muôn muôn ức trăm ngàn lần, mới là tụ phước năng cảm các tướng tùy hảo không nhiếp gì khác là tướng đại pháp loa. Do pháp loa đây, Như Lai tùy sở thích phát đại âm thanh, phổ biến khắp vô biên vô tế các thế giới để giáo hóa hữu tình. Như vậy do tu chứng vô lượng tư lương phước

đức, vô lượng viên mãn, nên chiêu cảm tự thể nhiếp lấy tất cả chúng không thể nghĩ bàn, không gì sánh xứng, không gì vượt hơn, phổ biến khắp cả, tối cực viên mãn của chư Như Lai.

Lại vô lượng thiện nghiệp năng cảm các tướng tùy hảo đây lược do ba nhân duyên nên gọi là vô lượng: 1. Vì trải qua ba vô số đại kiếp tu tập không gián đoạn mới viên chứng, gọi là vô lượng thời; 2. Vì đối với hữu tình, vô lượng ý lạc tăng thương làm lợi ích an lạc duyên lực huân tập mà thành, gọi là vô lượng ý lạc diệu thiện; 3. Vì vô lượng thiện nghiệp phẩm loại sai biệt huân tập mà thành, gọi là vô lượng phẩm. Cho nên nói: “Tu tập viên chứng vô lượng tư lương phước đức, năng phát khởi các tướng tùy hảo của Như Lai”.

3. Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh của Như Lai: 1. Nhất thiết chủng thanh tịnh sở y; 2. Nhất thiết chủng thanh tịnh sở duyên; 3. Nhất thiết chủng thanh tịnh tâm; 4. Nhất thiết chủng thanh tịnh trí.

Sao gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh sở y? Tất cả phẩm phiền não thô trọng, kể cả các tập

khí, ở nơi tự sở y vĩnh viễn diệt tận không sót thừa. Lại ở nơi tự thể như ý thích hưởng đến các trụ, rồi xả, tự tại mà chuyển. Đây gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh sở y.

Sao gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh sở duyên? Ở nơi tất cả chủng sở duyên của chủng chủng hoặc biến, hoặc hóa, hoặc hiển hiện, đều tự tại mà chuyển. Đây gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh sở duyên.

Sao gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh tâm? Như trước đã nói, vì tất cả chủng tâm thô trọng đều vĩnh viễn tận diệt xa lìa, lại vì trong tâm tất cả chủng thiện căn đều được huân tập. Đây gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh tâm.

Sao gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh trí? Như trước đã nói vì tất cả phẩm vô minh thô trọng đều vĩnh viễn tận diệt xa lìa, lại vì khắp trong tất cả cảnh sở tri, trí không chướng ngại, trí tự tại chuyển. Đây gọi là nhất thiết chủng thanh tịnh trí.

4. Mười lực của Như Lai: 1. Trí lực xứ, phi xứ; 2. Trí lực tự nghiệp; 3. Trí lực tinh lực giải thoát đẳng trì, đẳng chí; 4. Trí lực căn thắng, liệt; 5. Trí

lực chủng chủng thắng giải; 6. Trí lực chủng chủng giới; 7. Trí lực vào khắp hành; 8. Trí lực tức trụ tùy niệm; 9. Trí lực tử sanh; 10. Trí lực lậu tận. Mười chủng trí lực của Như Lai như vậy đã rộng thuyết trong *Kinh Thập Lực*.

Nên biết trong đây tất cả điều được nói, được thuyết, được bàn đều như thật không hư dối, cho nên gọi là Như Lai. Nhân như thật chuyển, không gì không bình đẳng, cảm quả tịnh hoặc quả bất tịnh; đây gọi là xứ, cũng gọi là kiến lập, cũng gọi là nương, cũng gọi là khởi. Trái với tướng trên, nhân không bình đẳng, cảm quả tịnh hoặc quả bất tịnh; đây gọi là phi xứ. Trí xa lìa tất cả tăng thượng mạn, gọi là như thật. Hoặc Nhất thiết trí, hoặc Vô trệ trí, hoặc Thanh tịnh trí, thì gọi là Trí xa lìa tất cả tăng thượng mạn.

Như vậy, các cú về Nhất thiết trí... tất cả như trước đã thuyết trong phẩm “Tối cực Vô thượng Bồ-đề”, theo thứ tự số đếm, đứng ở hàng đầu nên gọi là *đệ nhất*. Vì không gì hơn được, vì công năng tương ứng tất cả chủng nhiều ích hữu tình, vì rốt ráo thắng phục tất cả đại oai lực của ma oán, gọi là *lực*. Vì nhân nhiếp thọ, viên chứng như thật, vì tùy

theo ý muốn đều năng hành chuyển tự tại, gọi là *thành tựu Niết-bàn tối thượng*. Vì dụng không gì hơn, gọi là *đại*. Vì chứng đắc tám thánh đạo chi, vì xa lìa tất cả tai hoạn sợ hãi, gọi là *vị không côi trời nào hơn*. Vì năng tự rõ biết điều mình tự chứng đắc, gọi là *tự biết*. Đã tự mình chứng đắc, do tâm ai mãi rộng vì hữu tình khai thị, gọi là *chuyển phạm luân*. Vì có sao? Vì chư Như Lai có tăng ngữ đây, nên gọi là *phạm*, cũng gọi là *tịch tịnh*, cũng gọi là *thanh lương*, năng chuyển trước tiên; từ đây về sau phạm triển chuyển không ngừng, châu lưu rộng khắp tất cả hữu tình, gọi là *phạm luân*. Vì tự hiện bậc Đại sư viên mãn vô thượng hơn cả; vì năng tuyên thuyết đạo vô thượng đối trị tất cả ngoại đạo; vì không khiếm nhược đối với đạo oán địch cùng luận khác hiện hành; vì muốn thắng phục tất cả luận khác, tuyên dương luận rộng lớn vô thượng, gọi là *chánh sư tử hống trong đại chúng*. Tóm lại trong đây hiển phát biện rõ, thi thiết khai thị hành tự lợi viên mãn, hành lợi tha viên mãn và hành tự lợi-lợi tha viên mãn không cùng chung.

Lại có lược nghĩa theo một cách khác, đó là: “Phương tiện thù thắng nên đắc phương tiện đây,

tất cả chúng hội tùy theo vui muốn, hoặc trôi, hoặc người, tất cả năng tòng theo ta mà đạt được phương tiện đây”. Như bệnh được lành, nên biết hiển thị *tự biết đã được ở chốn đại an ổn*. Như phương tiện trị lành bệnh kia, nên biết hiển thị *chuyển phạm luân*. Như vì ngăn chặn các thầy tà tự xưng thầy thuốc, hiển rõ quyết chắc đã trị lành các bệnh, nên biết đây hiển thị *chánh sư tử hống ở giữa đại chúng*.

Hoặc có các nghiệp đã tạo làm, đã tăng trưởng, đã đoạn diệt, gọi là quá khứ. Hoặc có các nghiệp chẳng phải đã tạo làm, đã tăng trưởng, đã đoạn diệt, cũng chẳng phải đang tạo làm, mà là sẽ tạo làm, gọi là vị lai. Hoặc có các nghiệp chẳng phải đã tạo làm, đã tăng trưởng, đã đoạn diệt, mà là đang tạo, đang làm, đang hành, gọi là hiện tại. Các nghiệp như vậy có các phẩm loại sai khác.

Lại có ba chủng là thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, mỗi chủng đều có pháp thọ phán chia riêng khác.

Lại có bốn chủng như trước đã nói rộng, có pháp hiện tại thọ vui, sau thọ khổ dị thực cho đến nói rộng.

Lại các nghiệp hiện pháp đương lai đây, tùy theo gia hạnh sai biệt mà có ích hay không có ích. Tùy chỗ thích hợp đều nên rõ biết.

Lại chỗ tạo nghiệp nương phượng xứ đây, nên gọi là xứ. Hoặc chỗ tạo nghiệp lấy số hữu tình hay chẳng phải số hữu tình làm chỗ nương của sự việc, nên gọi là sự. Hoặc chỗ tạo nghiệp lấy thiện căn hay bất thiện căn làm nhân duyên khởi, nên gọi là nhân. Hoặc chỗ tạo nghiệp cảm ái hay phi ái, mà thành tựu các quả tương ưng công đức hay quá thất, nên gọi là dị thực.

Như vậy lược thuyết tất cả thời phần, tất cả phẩm loại, tất cả phần vị gia hạnh sai khác, tất cả nơi chốn, tất cả y xứ, tất cả nhân duyên, tất cả quá hoạn và tất cả công đức. Tất cả chủng loại sai biệt như vậy đều như thật biết. Đây gọi là lược trí tự nghiệp của Như Lai. Ngoài đây ra, không còn lược nào khác hoặc quá hoặc hơn.

Lại có bốn tinh lự và tám giải thoát, tức do tinh lự giải thoát như vậy nên tâm có khả năng kham nhiệm, tùy theo vui muốn đều năng thành tựu. Hoặc lúc tùy theo sắc loại tướng tam-ma-địa sai biệt của kia mà nhập định, nên biết gọi là đẳng

trì, đẳng chí. Như có thuyết rằng: “Thế Tôn lúc tùy theo sắc loại tướng tam-ma-địa ấy mà nhập định. Định tâm như thế, đại quang minh phổ chiếu khắp cả Phạm thế, dùng diệu âm thuyết pháp, chỉ nghe âm thanh mà chẳng thể thấy”, cho đến nói rộng. Như thế, Như Lai tùy muốn hiển thị vô lượng sự nghĩa kia kia, hoặc cùng thế gian, hoặc chẳng cùng thế gian. Lúc tùy theo sắc loại sai khác của tướng tam-ma-địa ấy mà nhập định, nhanh chóng; năng trọn vẹn tướng trên. Trong đây tức do thế lực của tinh lự, giải thoát nên tâm đắc tự tại. Do được tự tại, nương theo tâm đây, tùy theo sự vui thích mà tất cả đều thành tựu viên mãn. Ngang đây gọi là tất cả sở tác của người tu tinh lự. Ngoài đây ra, không còn sở tác nào hoặc thêm hoặc hơn.

Như Lai ở nơi tất cả chủng loại sở tác của tinh lự đây, đều năng như thật biết, cho nên chỉ nói tinh lự đẳng trì, đẳng chí.

Lại lược thuyết tinh lự... đây có hai tạp nhiệm:

1. Trong đắc những điều chưa đắc có tạp nhiệm chướng ngại, tức là không phương tiện thiên xảo trong lúc gia hạnh và thuận theo một trong các cái hiện hành; 2. Trong đã đắc điều nên đắc có tạp

niêm của tự địa, tức là phiền não triền và tùy miên. Như vậy thanh tịnh có bốn chủng, tương đay trái với các tướng tạp nhiễm.

Lại tức các tĩnh lự... như vậy dẫn phát chủng chủng giả lập tên gọi, tùy theo sắc loại mà an lập tương xứng, gọi là kiến lập.

Lại tức ở nơi các tĩnh lự... như vậy đã chứng đắc đầy đủ, sau lại thắng tiến tu tập cho đến viên mãn, được tùy sở thích, được không khó khăn, được không rít rắm. Đây gọi là thanh tịnh.

Như Lai ở nơi những điều chưa đắc, những điều đã đắc đây, trong điều đã đắc, hoặc thù thắng, hoặc thấp kém, những giả danh kia, hoặc sở hữu tăng tiến, biên tế của kia... tất cả như vậy đều như thật biết. Cho nên nói là Như Lai đắc trí vô thượng ở khắp tất cả tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí.

Tùy chỗ thành thực tu chứng viên mãn năm căn là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn và tuệ căn mà hình thành bậc liệt, trung, thượng sai khác. Nên biết gọi là các căn thắng, liệt.

Hoặc từ người mà phát khởi tâm tín, lấy đây làm tiền dẫn; hoặc quán các pháp làm tiền dẫn, vui thích biện luận giải thích thành bậc liệt, bậc

trung, bậc thượng sai khác. Đây gọi là chủng chủng thắng giải.

Hoặc rộng kiến lập các loại chủng tánh, hoặc sở hữu chủng tánh Thanh văn, hoặc sở hữu chủng tánh Độc giác, hoặc sở hữu chủng tánh chư Như Lai, hoặc các loại chủng tánh bất định, hoặc đạo lý hành tham... sai biệt, cho đến tám mươi ngàn hành của hữu tình. Đây gọi là chủng chủng giới.

Hoặc tức như vậy thú nhập các môn thuận theo chánh hạnh, như kẻ hành tham thì tu quán bất tịnh, như trong *Thanh văn địa* đã rộng tuyên thuyết. Hết thấy đây gọi là vào khắp hành. Lại có các dạng khác, đó là thú hướng hành của tất cả năm đường. Nên biết hết thấy đây gọi là vào khắp hành. Lại có các dạng khác, đó là nương chủng chủng nhóm loại sai khác, lại thêm chống trái lẫn nhau, như các ngoại đạo mỗi mỗi có kiến khác, dục khác, tranh luận chống trái lẫn nhau. Tức là sở hữu các hành của các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc tất cả phẩm loại sai biệt còn lại, đời này đời khác, hướng đến không tội. Nên biết hết thấy đây gọi là vào khắp hành. Như trong *Kinh Ca-la-ma* đã thuyết, đó là ở phương đông, tây, nam, bắc sai khác có chủng chủng

danh tự giả thuyết an lập phẩm loại sai khác. Từ quá khứ trước, sở hữu tự thể đều thuộc trong 8 loại câu nói sai biệt. Có vô lượng chủng túc trụ tùy niệm, nhưng chỉ tóm lại trong 6 chủng lược hành.

Những gì gọi là 8 loại câu nói? 1. Tên gọi như vậy; 2. Sanh loại như vậy; 3. Chủng tánh như vậy; 4. Ăn uống như vậy; 5. Lãnh thọ khổ vui sai biệt như vậy; 6. Trường thọ như vậy; 7. Cứu trụ như vậy; 8. Thọ mạng giới hạn như vậy.

Những gì gọi là 6 chủng lược hành? 1. Giả lập tên để gọi; 2. Dòng tộc sắc loại khác nhau như Sát-đế-lợi...; 3. Cha mẹ khác nhau; 4. Cách thức ăn uống khác nhau; 5. Hưng thịnh suy tổn khác nhau; 6. Thọ mạng khác nhau.

Do các thế gian nương 8 loại câu nói và 6 chủng lược hành đây, nên đối với người, đối với mình khởi nói, khởi thuyết: Đây là tên tôi, kia là tên anh. Tôi là dòng Sát-đế-lợi, anh là dòng Sát-đế-lợi. Tôi hoặc là dòng Bà-la-môn, hoặc dòng Phệ-xá, hoặc dòng Chiên-đà-la. Anh hoặc là dòng Bà-la-môn, hoặc dòng Phệ-xá, hoặc dòng Chiên-đà-la. Đây là mẹ tôi, kia là mẹ anh. Đây là cha tôi, kia là cha anh. Tôi dùng các loại thức ăn uống như vậy.

Anh dùng các loại thức ăn uống như vậy. Tôi hành chuyển hưng thịnh, suy tổn sai khác như vậy. Anh hành chuyển hưng thịnh, suy tổn sai khác như vậy. Tôi có tuổi hoặc trẻ, hoặc trung, hoặc già như vậy. Anh có tuổi hoặc trẻ, hoặc trung, hoặc già như vậy... cho đến nói rộng.

Như thế sở hữu tự thân mỗi người ở quá khứ trước kia cũng chỉ tóm lược đầy đủ trong 8 loại câu nói và 6 chủng lược hành như vậy. Ngoài đây ra không có câu nói và chủng lược hành nào khác. Cho nên chỉ ở nơi các phẩm loại như vậy mà phát khởi tùy niệm, lại không có thêm. Tức ở trong đây, hoặc ngôn thuyết hành, chỗ có các tướng hành, hoặc ngôn thuyết câu, chỗ có nói bàn nêu ra, tùy khởi nhớ nghĩ; cho nên nói rằng: “Tất cả tướng, tất cả nói bàn, đều năng tùy nhớ nghĩ”.

Trong đây tinh lự gọi là thiên trụ. Mắt nương nơi kia, vì là quả của kia, vì nhiếp thọ kia, nên gọi là thiên nhãn. Vì cực viên mãn, là quả tinh lự thiện thanh tịnh, nên gọi là cực thanh tịnh. Trong cõi người, chỗ có vẫn tự đều không thể tương ưng, nên nói là siêu vượt đối với người. Trong thời Dục giới, cũng có sanh được danh tương tự chuyển, đó

là thiên nhân thanh tịnh, ở người cũng không có.

Các loại hữu tình đến lúc lâm chung gọi là thời chết. Trụ tại trung hữu thì gọi là thời sanh. Trung hữu hướng đến đen tối có hai chủng tướng: như ánh sáng sắc đen của con dê, hoặc có ánh sáng như trời đêm âm u, cho nên gọi là sắc xấu. Trung hữu hướng đến sáng suốt có hai chủng tướng: như ánh sáng của áo trắng, hoặc ánh sáng của trời đêm trong sáng, cho nên gọi là sắc tốt. Kẻ có sắc xấu thì gọi là thấp kém, kẻ có sắc tốt thì gọi là thắng diệu. Các kẻ thắng diệu thì gọi là đi vào đường thiện, các kẻ thấp kém thì gọi là đi vào đường ác. Do hủy phạm giới và khởi làm hết thấy việc hủy báng kia mà thành ba chủng thân, ngữ, ý hành ác.

Có hai dạng tà kiến: 1. Kẻ hoại kiến do phỉ báng tất cả và trụ trong các ý hành ác khác, nên thành tà kiến; 2. Một dạng khác do phỉ báng Thánh hiền, nên thành tà kiến. Như vậy đều gọi là kẻ phỉ báng Thánh hiền. Do tà kiến đây, nên mưu đắm trong nhân tà và quả tà. Do duyên đây tạo tác tà nghiệp. Do tạo tác tà nghiệp, nên sở hữu pháp thọ, hoặc hiện tại thọ vui, nhưng đương lai thọ khổ dị thực; hoặc hiện đời thọ khổ, đương lai lại tiếp tục

thọ khổ dị thực. Cho nên các nghiệp tà kiến là nhân sanh khởi pháp thọ. Tuy thành tựu chủng chủng thiện pháp khác, mà chỉ do đây nên đi đến các ác đạo. Cho nên nói rằng do hai chủng danh-sắc chống trái lẫn nhau, cho nên gọi là thân hoại. Trong tất cả chết, người chết như vậy rất là hạ liệt, nên gọi là cực tử.

Vì muốn khai thị tướng địa ngục, nên nói đọa đường ác hiểm. Vì muốn khai thị tự tánh sự thể, nên lại nói địa ngục. Vì hành phi pháp, bất bình đẳng, nên đi vào địa ngục kia, gọi là hiểm. Ở trong các đường đây, trường thời không gián đoạn lãnh thọ chủng chủng khổ mãnh liệt, đồng nhau thọ nhận các khổ não xuất hiện, nên gọi là đường ác. Vì đọa ở đường ác, vì hầm sâu các khổ vây bủa, vì khó cứu vớt, vì rất đáng xót thương, vì rất hạ tiện, vì thường có những tiếng bi oán, cho nên gọi là đọa. Do năng phát khởi chán lìa phẩm thượng, cho nên chỉ nói đọa địa ngục. Nên biết trong đây, nếu đã sanh rồi, thọ các khổ não. Đã thọ khổ rồi, tự nghiệp tạo tác còn lại phát khởi chủng chủng các khổ khác. Tất cả như vậy phải biết đều là chỗ hiển thị của tướng.

Trái với tướng trên, như chổ thích hợp rơi trong tất cả phẩm bạch. Đây cũng có sự khác biệt cần nên rõ biết. Đó là sở hữu các hành hương đến đều lấy thiện làm tiền dẫn, gọi là đường thiện. Vì thọ cực lạc, gọi là thế giới lạc. Tất cả các lậu, tùy miên vĩnh viễn đoạn không sót thừa, đạt được tâm năng trị vô lậu thù thắng, tuệ vô lậu thù thắng. Đây nhiếp thuộc tăng thượng tâm tối thắng, nhiếp tăng thượng tuệ tối thắng. Do lậu tận nên gọi là tâm vô lậu, tuệ giải thoát. Ở tối hậu hữu thân, hai chủng tâm và tuệ đều được giải thoát rốt ráo, nên gọi là bên trong chứng thân thông thứ sáu. Do nương kiến đạo và nương tu đạo cho nên bên trong thành tựu việc đây. Như thật rõ biết tự chứng rồi, tùy theo sở thích năng vì người thuyết. Cho nên nói rằng: “Trong hiện pháp, tự chứng thông tuệ, khai giác đầy đủ: Ta sanh đã tận...”. Tất cả các câu nói khác về tướng đây nên biết sẽ rộng nói về sau, trong phần *Nhiếp dị môn*.



Quyển 50

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần ba CỨU CÁNH TRÌ DU GIÀ XỬ

Phẩm 5. KIẾN LẬP - 2

Như vậy đã giải thích riêng mười lục của Như Lai, nay sẽ biện biệt chung. Ớt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh và phân biệt,
Bất cộng cùng bình đẳng,
Tác nghiệp, với thứ lớp
Sai biệt ở sau cùng.*

Như vậy đã thuyết mười lục của Như Lai, phải nên rõ biết: **a.** Sở hữu tự tánh; **b.** Sở hữu phân biệt; **c.** Sở hữu bất cộng; **d.** Sở hữu bình đẳng; **e.** Sở hữu tác nghiệp; **f.** Sở hữu thứ lớp; **g.** Sở hữu sai biệt. Nên biết bảy tướng đây tóm lược nghĩa mười lục của Như Lai.

a. Sao gọi là tự tánh mười lục Như Lai? Tổng năm căn là tự tánh. Do tuệ thù thắng, nên mười lục của tuệ là tự tánh. Trong đây chỉ nói trí lực xứ-

phi xứ, chẳng nói tín lực, chẳng nói lực khác. Như trí lực xư-phi xứ, thì các lực khác nên biết cũng vậy. Đây gọi là tự tánh mười lực Như Lai.

b. Sao gọi là phân biệt mười lực Như Lai? Nên biết có vô lượng, nhưng đây chỉ lược thuyết ba phân biệt: 1. Do phân biệt thời phần, tức là vì tùy ngộ nhập ở nơi tất cả sở tri ở đời quá khứ, vị lai và hiện tại; 2. Do phân biệt phẩm loại, tức là ở nơi mỗi một sự hữu vi có cộng tướng và tự tướng, tùy ngộ nhập tất cả hành tướng của kia; 3. Do phân biệt tương tục, tức là ở mười phương tất cả hữu tình giới mỗi mỗi riêng biệt, tùy ngộ nhập tất cả sự nghĩa, tất cả tương tục của hữu tình kia. Tức do ba chủng phân biệt đây, nên biết mười lực của Như Lai vô lượng. Đây gọi là phân biệt mười lực Như Lai.

c. Sao gọi là bất cộng mười lực Như Lai? Chỉ Như Lai mới có mười lực đây, không cùng chung với tất cả Thanh văn, Độc giác. Đây gọi là bất cộng mười lực Như Lai.

d. Sao gọi là bình đẳng mười lực Như Lai? Tất cả Như Lai đều bình đẳng thành tựu đầy đủ mười lực đây, cho nên nói là bình đẳng không sai khác. Nếu Như Lai an trụ ở nhiều chỗ, tức mười lực

Như Lai như vậy triển chuyển sai biệt. Đó là chư Như Lai khác trụ nhiều lực khác, ngoài ra Như Lai lại còn trụ lực khác nữa. Đây gọi là bình đẳng mười lực Như Lai.

e. *Sao gọi là tác nghiệp mười lực Như Lai?* Như Lai sở hữu trí lực xứ-phi xứ, nên trong các nhân như thật biết nhân, trong các quả như thật biết quả. Lại năng hàng phục vô số tranh luận không nhân, ác nhân của tất cả Sa-môn, Bà-la-môn.

Như Lai sở hữu trí lực tự nghiệp nên ở nơi tự nghiệp sở tác, quả thọ dụng, đều như thật rõ biết. Lại năng hàng phục vô số tranh luận thí phước chuyển đổi của tất cả Sa-môn, Bà-la-môn.

Như Lai sở hữu trí lực tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí, năng hiện ba thân biến, giáo hóa dạy trao hữu tình không điên đảo. Lại năng hàng phục và năng an trụ đứng vững trước vô số dạng loại tranh luận oán hại chống trái của tất cả Sa-môn, Bà-la-môn.

Như Lai sở hữu trí lực căn thắng liệt, nên như thật rõ biết căn loại của các hữu tình ở bậc yếu kém, trung bình, thông lợi sai khác, năng tùy nghi vì hữu tình kia tuyên thuyết chánh pháp.

Như Lai sở hữu trí lực chủng chủng thắng giải, nên như thật rõ biết các hữu tình thanh tịnh hay bất tịnh, hiểu biết ở bậc yếu kém, trung bình, thù thắng sai khác. Nếu họ hiểu biết tịnh, khiến dần dần tăng trưởng. Nếu họ hiểu biết bất tịnh, khiến dần dần xả ly.

Như Lai sở hữu trí lực chủng chủng giới, nên như thật rõ biết các hữu tình đang trụ ở giới hạ liệt, trung bình hay thù diệu bội phần sai khác; cũng như thật rõ biết căn loại, ý vui, tùy miên của các hữu tình kia. Nương môn thú nhập của kia, tùy theo chỗ thích hợp mà an lập dạy trao tương ứng với kia, cũng như chư Như Lai vì lợi ích các Thanh văn, nương môn thú nhập của kia mà chân chánh dạy trao, như trong phần *Thanh văn địa* đã hiển phát biện rõ, thi thiết khai thị, tuyên thuyết trọn vẹn tất cả chủng.

Sao gọi là Như Lai dạy trao chúng các Bồ-tát mới bắt đầu sự nghiệp tư lương đẳng trì khiến an trụ nhiếp thọ, chúng các Bồ-tát muốn an trụ nơi tâm, khiến tâm được trụ? Chư Như Lai không tâm chê trách mà lại ân trọng tư lương đẳng trì ban đầu của chúng chư Bồ-tát. Trước hết thi thiết dạy

trao không diên đảo, bảo rằng: “Thiện nam tử, đến đây! Ông nên an trú đơn độc nơi chốn xa lìa, bên trong tịch tĩnh, tư duy như lý rằng cha mẹ của ông chỉ là chỗ lập danh, cho đến thân giáo sư, quý phạm sư của ông cũng là chỗ lập danh”.

Lại tư duy: “Ta nay đã chân thật lìa tự tánh của sáu pháp xứ hoặc bên trong, hoặc bên ngoài, hoặc giữa hai bên. Ở trong đây có danh tướng thi thiết giả lập ngôn thuyết chuyển ư?”. Đã chánh tư duy như vậy rồi, nên ở nơi pháp như thế đều không chấp đắc, chỉ như thật rõ biết: ở nơi khách pháp có khách tướng chuyển.

Thiện nam tử! Nếu lúc bấy giờ ở nơi tự danh ấy chỉ có danh khách tướng đã sanh đã các, bên trong lại như lý tư duy rằng ở nơi mắt của ông chỉ là chỗ có chế lập danh mắt, tướng mắt, giả thi thiết mắt. Phải tư duy như vậy: “Trong mắt ta đây chỉ có thể đắc hai điều: tức đây chỉ là chế lập danh mắt, tướng mắt, giả thi thiết mắt. Lại trong sự đây chỉ là thi thiết giả lập danh, tướng, ngoài ra không có hoặc thêm hoặc hơn. Ở trong mắt đây, chỗ có chế lập mắt, danh mắt, giả thi thiết mắt, duy chỉ có sự. Ở trong giả lập danh mắt, tướng mắt, nên

biết tự tánh cũng chẳng phải là mất. Vì có sao? Chẳng phải ở trong đây xa lìa chỗ lập danh mất, tướng mất, giả thi thiết mất, mà có chút hiểu biết mất năng chuyển. Nếu có sự thể đây, xứng gọi là sở thuyết chân thật. Chẳng nên ở trong ấy chờ đợi danh mất mới có hiểu biết mất như vậy mà chuyển. Duy có tự tánh chẳng do lắng nghe, chẳng do phân biệt chỗ lập danh kia, chỉ ở nơi sự đây có hiểu biết mất chuyển. Nhưng không như vậy, chẳng đợi danh ngôn hiểu biết chuyển khả đắc. Cho nên trong đây chỉ ở nơi khách pháp mà có khách danh mất, tướng mất, giả thi thiết mất.

Ông đã ở nơi mất đây mà như lý tư duy như vậy, lại ở nơi tướng mất chỉ có khách tướng đang sanh, đang đắc. Như ở nơi mất, thì ở nơi tất cả tai, mũi, lưỡi, thân... nói rộng cho đến thấy, nghe, hiểu, biết, đã cầu, đã được, đã tác ý, tùy tâm, tùy tứ phải biết cũng vậy.

Tóm lại, khắp ở trong tất cả tướng của các pháp chỉ có khách tướng đang sanh, đang đắc. Như vậy, ông ở nơi tự thân khéo trừ khiển tận cùng các sở hữu giả tướng, tinh cần gia hạnh đạo đang chân chánh nhiếp thọ. Nói rộng cho đến ở trong tất cả

pháp khéo khiến trừ tận cùng các sở hữu giá tướng, tinh cần gia hạnh đạo đang chân chánh nhiếp thọ.

Ông do tất cả sở tri như thế khéo léo quan sát nhận biết, nên ở nơi tất cả tướng pháp phát khởi chỉ là khách tướng. Ở nơi tất cả pháp, luôn luôn khiến trừ sở hữu tướng của tất cả hý luận, dụng tâm vô tướng vô phân biệt, chỉ nắm giữ chánh nghĩa mà chuyển, ở trong sự đây nhiều an trụ tu tập. Nếu thực hành đúng như thế, tức là đang nương chũng tánh diệu trí đẳng trì thanh tịnh của Như Lai, sẽ thành tựu tâm tánh nhất cảnh không điên đảo.

Ông đã được như vậy, lại tác ý tư duy bất tịnh, ở nơi tác ý đây chớ nên xả ly. Nếu không, hãy tác ý tư duy hoặc từ mẫn, hoặc duyên khởi của tánh duyên, hoặc giới sai biệt, hoặc A-na-ba-na niệm, hoặc Sơ tĩnh lự, nói rộng cho đến hoặc Phi tướng phi phi tướng xứ, vô lượng tĩnh lự thần thông đẳng trì, đẳng chí của Bồ-tát, ở nơi tác ý đây chớ nên xả ly. Nếu ông tu hành tác ý của Bồ-tát không điên đảo như vậy, dần dần cho đến sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, rốt ráo xuất ly”. Nên biết đây gọi là vào khắp chánh hành của tất cả Bồ-tát.

Quá khứ chư Như Lai đã vì khai thị cho sự nghiệp mới tu tập của chúng chư Bồ-tát, cũng chánh thị thiết dạy trao như vậy. Vị lai chư Như Lai cũng vì khai thị cho sự nghiệp mới tu tập của chúng chư Bồ-tát, sẽ chánh thị thiết dạy trao như vậy. Hiện tại, chư Như Lai cũng vì khai thị cho sự nghiệp mới tu tập của chúng chư Bồ-tát, hiện đang thị thiết dạy trao như vậy.

Các Thanh văn... ở nơi tác ý đây siêng năng tu tập sự nghiệp cũng năng nhanh chóng đắc thông tuệ thù thắng. Nếu năng ở trong đây không tác ý điên đảo, như thật thông đạt, liền năng thành tựu các pháp hiện quán.

Lại, Như Lai sở hữu trí lực vào khắp chánh hành. Do trí lực đây, ở nơi tất cả khổ như thật biết rõ hành năng ra khỏi xa lìa, hành không ra khỏi xa lìa. Thường chánh dạy trao hành năng ra khỏi xa lìa.

Lại, Như Lai sở hữu trí lực tức trụ tùy niệm, luôn nhớ nghĩ các bốn sanh, bốn sự ở quá khứ. Vì muốn giáo hóa các loài hữu tình khiến họ sanh tâm chán lìa, sanh tâm tịnh tín, nên chánh tuyên thuyết; cũng năng hàng phục sự chấp đắm luận

chấp thường của các Sa-môn, Bà-la-môn.

Lại, Như lai sở hữu trí lực sanh tử. Do trí lực đây nên đối với hàng đệ tử đã qua đời, năng chánh ký biệt nơi họ thọ sanh, cũng năng hàng phục tất cả chấp đả luận chấp đoạn của các Sa-môn, Bà-la-môn.

Lại, Như Lai sở hữu trí lực lậu tận. Do trí lực đây nên không nghi không hoặc ở nơi việc tự mình đã được giải thoát, cũng năng hàng phục tất cả A-la-hán, Sa-môn, Bà-la-môn tăng thượng mạn.

Đây gọi là tác nghiệp của mười lực Như Lai.

f. Sao gọi là thứ lớp mười lực Như Lai? Chư Như Lai khi mới chứng Vô Thượng Chánh đẳng Bồ-đề, liền đắc tất cả mười lực. Đã liền chứng đắc rồi, nhưng về sau thứ tự mười lực ấy mới hiện tại tiền. Tức là chư Như Lai vào lúc mới thành Phật, trước khởi trí lực xứ-phi xứ, quán sát thấy tất cả nhân quả của các pháp kiến lập không điên đảo. Đã quán sát rồi, kế khởi trí lực tự nghiệp, tùy theo mong muốn mà sanh thân đồng phạm trong chúng hữu tình của Dục giới, thành tựu quả dị thực khả ái thù thắng. Lấy đây làm phương tiện để tuyên thuyết, khiến hữu tình xa lìa các nghiệp bất thiện,

hiện hành các nghiệp thiện. Kế khởi trí lực tĩnh
lực giải thoát đẳng trì đẳng chí. Nếu hữu tình mong
muốn pháp ly dục thế gian, thì dạy trao khiến kia
thú hưởng ly dục thế gian, thành tựu đạo như thật.
Kế khởi mười lực của Như Lai còn lại. Nếu các hữu
tình mong cầu pháp ly dục xuất thế gian, thì nên
thuyết đạo ly dục xuất thế gian. Trong đây, trước
khởi trí lực căn thẳng - liệt, như thật quán sát căn
mong cầu ly dục xuất thế của hữu tình kia. Kế khởi
trí lực chủng chủng thẳng giải, như thật quán sát
sở hữu ý lạc của hữu tình kia làm tiền dẫn. Kế khởi
trí lực chủng chủng giới, như thật quán sát sở hữu
ý lạc rồi, lại tiếp tục quán sát sự sanh khởi tùy
miên của kia, như thật rõ biết. Như thật rõ biết ý
lạc và tùy miên rồi, kế khởi trí lực vào khắp hành,
tùy nghi khiến kia ở nơi môn thú nhập sở duyên
mà được thú nhập. Kế khởi trí lực túc trụ tùy niệm
và trí lực sanh tử. Kia do gia hạnh môn thú nhập
sở duyên, đã nhiếp trụ tâm, đã tịnh tu hành, lại
tiếp tục thuyết pháp trung đạo khiến kia xa lìa
thân kiến lấy làm căn bản, đoạn chấp biên. Từ
đây trở về sau khởi trí lực lậu tận, vì khiến kia
vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não. Nếu kia tu

chánh phương tiện như vậy, nương lực giữ gìn của Xa-ma-tha, tuy chưa đoạn hẳn tất cả phiền não, nhưng do phiền não chẳng hiện hành, nên không bị sự quấy nhiễu của tăng thượng mạn. Cũng do lực đây, khiến kia xả ly tăng thượng mạn. Đây gọi là môn thứ lớp mười lực thứ nhất.

Lại có môn thứ lớp mười lực khác. Đó là chư Như Lai khi mới chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trước tiên phát khởi trí lực xứ-phi xứ, khiến trí lực đây hiện tại tiền. Khắp trong tất cả pháp duyên sanh, quán sát tối thắng, an trụ diệu pháp trụ trí. Tức nương diệu pháp trụ trí như vậy, kế khởi trí lực tự nghiệp, quán phân tại gia, biết được chủng chủng nghiệp sai biệt của họ. Nương theo phân tại gia, quan sát thói quen huân tập hiện thời tu chứng sai biệt của họ. Đã quán sát phân tại gia, kế khởi trí lực tinh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí, quán sát phần xuất gia như vậy: “Trong số những người xuất gia, có người nào khéo thuyết chánh đạo ra khỏi khổ, xa lìa khổ chẳng? Không có một ai chẳng?”. Đã như thật quán sát rồi, chánh biết không có một ai. Quán sát thế gian không một người cứu hộ, không có chốn để quy về nương ở. Do đại bi đây, như thật dùng Phật

nhân quán chiếu tất cả thế gian. Đã quán chiếu rồi, kế khởi trí lực căn thẳng liệt. Nương trí lực đây, hiện tiền rõ biết chủng chủng hữu tình hiện trú ở thế gian, sanh ở thế gian, lớn lên ở thế gian. Cũng lại rõ biết có loại hoặc độn căn, hoặc trung căn, hoặc lợi căn, tùy theo căn của kia mà thuyết pháp khiến kia thú nhập. Từ đây về sau, thứ lớp trí lực chủng chủng thẳng giải đều như trước. Đây là môn thứ lớp mười lực thứ hai.

Lại có môn thứ lớp mười lực khác. Đó là chư Như Lai khi mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, trước tiên phát khởi trí lực xứ-phi xứ, khiến trí lực đây hiện tại tiền, quán sát tất cả pháp giới duyên sanh. Kế khởi trí lực tự nghiệp, tức ở trong pháp duyên sanh như vậy, quán sát các hữu tình giới, giả lập danh tướng hữu tình. Hữu tình như thế, tự tạo lấy sắc loại các nghiệp như thế, trở lại thọ sắc loại các quả như thế. Như thật quán sát tất cả pháp giới, hữu tình giới như vậy rồi, kế khởi trí lực tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí. Vì muốn giải thoát các loài hữu tình ra khỏi khổ, nên thị hiện ba thân biến không điên đảo để dạy trao. Đã dạy trao rồi, kế khởi trí lực khác, thứ lớp như trước

đã nói. Đã biết căn cơ của hữu tình kia rồi, khiến kia thú nhập chánh đạo. Về sau phương tiện khiến hữu tình kia giải thoát các khổ. Đây là môn thứ lớp mười lục thứ ba.

g. Sao gọi là sai biệt mười lục Như Lai? Nương mười lục đây triển chuyển tương vọng cũng có sai biệt, cũng không sai biệt. Trí lực xư-phi xứ... và trí lực tự nghiệp... có gì sai biệt?

Hoặc chánh rõ biết nghiệp thiện, bất thiện năng khiến chiêu cảm sở hữu quả ái, phi ái. Nên biết đây do trí lực xư-phi xứ.

Hoặc chánh rõ biết các hữu tình tạo nghiệp thiện, bất thiện, tức kia năng thọ quả ái, phi ái chẳng thể khác. Nên biết đây do trí lực tự nghiệp. Hoặc chánh rõ biết các hữu tình năng tu tinh lực giải thoát đẳng trì đẳng chí, tức là kia có thể nhập hết thủy định tinh lực chẳng thể khác. Nên biết đây do trí lực tự nghiệp.

Hoặc chánh rõ biết tức nương định tinh lực đây, hiện ba thân biến dạy trao không điên đảo để giáo hóa hữu tình. Nên biết đây do trí lực tinh lực giải thoát đẳng trì đẳng chí. Hoặc chân chánh chiếu soi nắm giữ tâm tương ưng đồng sanh với

tín... Nên biết đây do trí lực tĩnh lực giải thoát đẳng trì đẳng chí.

Hoặc chánh phân biệt các căn ở bậc yếu kém, trung bình, thắng diệu của kia có chủng chủng sai biệt. Nên biết đây do trí lực căn thắng liệt. Hoặc trước chánh soi chiếu nắm giữ các căn kia làm tiền dẫn, nơi pháp kia phát khởi chủng chủng ý lạc. Nên biết đây do trí lực căn thắng liệt.

Hoặc chánh phân biệt ý lạc kia có chủng chủng sai biệt. Nên biết đây do trí lực chủng chủng thắng giải. Nếu phân biệt thì ý lạc kia lược có 6 chủng: 1. Ý lạc không xuất ly, tức là sở hữu ý lạc phát sanh từ sự phát khởi tin hiểu đối với các cõi trời khác nhau, như trời Đại Tự Tại, trời Na-la-diên, trời Phạm Thế, thế gian...; 2. Ý lạc xuất ly, tức là sở hữu ý lạc phát sanh từ sự tin hiểu đối với ba thừa; 3. Ý lạc xa thanh tịnh, tức là sở hữu ý lạc của người an trụ thành thực ở phẩm hạ hay phẩm trung; 4. Ý lạc gần thanh tịnh, tức là sở hữu ý lạc an trụ thành thực ở phẩm thượng; 5. Ý lạc ở trong hiện pháp đắc Niết-bàn, tức là sở hữu ý lạc phát sanh từ sự tin hiểu chứng đắc Niết-bàn của Thanh văn thừa; 6. Ý lạc ở đời vị lai đắc Niết-bàn, tức là sở hữu ý

lạc phát sanh từ sự tin hiểu chứng đắc Bát-niết-bàn của Đại thừa. Hoặc chánh chiếu soi năm giới: thắng giải về sự sanh khởi các chủng tử tương tự. Nên biết đây do trí lực chủng chủng thắng giải.

Hoặc chánh chiếu soi năm lấy, tức là phân biệt vô lượng phẩm loại sai khác của các chủng tử kia. Nên biết đây do trí lực chủng chủng giới. Lại phân biệt giới kia lược có bốn chủng: 1. Chủng tử trụ bản tánh; 2. Chủng tử phát khởi do huân tập từ trước; 3. Chủng tử có thể tu trị, đó là sở hữu những chủng tử của kẻ có pháp Bát-niết-bàn; 4. Chủng tử chẳng thể tu trị, đó là sở hữu những chủng tử của kẻ không pháp Bát-niết-bàn. Hoặc chánh rõ biết chủng loại dấu tích hành thú nhập của giới. Nên biết đây do trí lực chủng chủng giới.

Hoặc chánh phân biệt phẩm loại của tất cả dấu tích hành kia như vậy: dấu tích hành này năng khiến lìa nhiễm, dấu tích hành kia năng khiến rất ráo thanh tịnh, dấu tích hành như thế không rất ráo thanh tịnh. Nên biết đây do trí lực vào khắp hành. Hoặc như thật biết tùy niệm ở tiền tế đồng hành với tất cả nhân ở tiền tế, nên biết đây do trí lực vào khắp hành.

Hoặc chánh rõ biết phân biệt chủng chủng tám câu nói, thuận theo đó là sáu chủng lược hành, nên biết đây do trí lực túc trụ tùy niệm. Hoặc chánh rõ biết sanh tử của hữu tình ở tiền tế, nên biết đây do trí lực túc trụ tùy niệm.

Hoặc chánh quán thấy sanh tử của chủng chủng hữu tình ở hậu tế, nên biết đây do trí lực sanh tử. Hoặc chánh rõ biết hữu tình tự ở nơi các việc nghĩa chưa được rốt ráo, tương tục thọ sanh ở hậu tế, nên biết đây do trí lực sanh tử.

Hoặc chánh rõ biết ở nơi các việc làm có nghĩa tự mình đã đắc rốt ráo, tâm đã khéo được giải thoát, ngay hiện pháp chứng đắc Niết-bàn. Nên biết đây do trí lực lậu tận.

Nên biết gọi là mười lực của Như Lai triển chuyển tương vọng cũng có sai biệt, cũng không sai biệt.

5. Bốn vô sở úy của Như Lai: Chỗ có văn từ về bốn vô sở úy của Như Lai, tương đương đây như trong kinh đã nói. Đó là chư Như Lai ở trong đại chúng tự xưng khen bốn điều sau:

Vĩnh viễn giải thoát khỏi sở tri chướng, hiện

Đẳng chánh giác trong tất cả chủng, tất cả pháp, không cùng chung với Thanh văn. Đây là điều thứ nhất.

Vĩnh viễn giải thoát khỏi các phiền não chướng, chứng đắc lậu tận, cùng chung với các Thanh văn. Đây là điều thứ hai.

Vì cầu cứu thoát các hữu tình vượt qua vò lượng khổ, nên thuyết đạo xuất ly. Đây là điều thứ ba.

Ở nơi đạo năng xuất ly mà bị chướng ngại, nên thuyết các pháp chướng ngại cần phải xa lìa. Đây là điều thứ tư.

Vì Như Lai đã an trụ bốn điều như thế, nên như nghĩa chân thật ấy mà tự xưng khen. Lại vì loại người có thân, ngữ, ý nghiệp chống trái, hưng khởi nạn hủy báng, nên Như Lai tự xưng khen hai điều đầu tiên. Lại vì loại người có tướng trước sau mâu thuẫn nhau, rơi vào những việc phi lý, hưng khởi nạn phỉ báng, nên Như Lai tự xưng khen hai điều sau. Những hạng người đó ở thế gian hoặc có nhân kiến, hoặc không nhân kiến, hoặc có tha tâm trí, hoặc không có tha tâm trí; vì muốn đối trị nạn phỉ báng của họ mà Như Lai tự xưng khen như vậy. Đối với việc đây, Như Lai đều không thấy có tướng nhân

như thật, cho nên ở nơi bốn điều đây Như Lai năng tự rõ biết, vô úy thản nhiên, không tâm khiếp nhược, không lòng nghi lự, không chút kinh sợ.

Lại nữa, điều phải xưng tán Phật, bậc Đại sư, đó là đều khéo viên mãn hành tự lợi và hành lợi tha. Hai xưng khen trước viên mãn hành tự lợi, hai xưng khen sau viên mãn hành lợi tha. Trong đây, Như Lai hoặc tự xưng khen hiện Đăng chánh giác ở nơi tất cả pháp, thành Chánh đẳng giác, nên biết chính vì tất cả chư Bồ-tát thú hưởng Đại thừa. Hoặc tự xưng khen tận tất cả lậu, chính vì tất cả hữu tình thú hưởng Thanh văn, Độc giác thừa. Hoặc lại xưng khen đạo năng xuất ly và các pháp chướng, nên biết đều vì hết thảy tất cả hữu tình nhập vào các thừa. Do vậy, Như Lai đã thuyết trong kinh: “Ta vì chư Bồ-tát và Thanh văn mà thuyết đạo xuất ly”, cho đến nói rộng. Những người kết tập đây, trong chỗ kết tập tạng Thanh văn, trừ lời của Bồ-tát. Trong chỗ kết tập tạng Bồ-tát, duy chỉ thông lời của Bồ-tát đây.

6. Ba niệm trụ của Như Lai: Chỗ có văn từ về ba niệm trụ của Như Lai, nên biết tướng đây

như kinh đã nói. Đó là chư Như Lai ở trong đêm dài sanh khởi mong muốn như vậy: “Làm sao khiến các loài hữu tình ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da của ta hành không điên đảo, như thật tùy trụ”. Trong đêm dài bậc Pháp Chủ mong muốn như thế, lúc giáo hóa lãnh đạo đồ chúng, nếu điều mong muốn hoặc toại nguyện, hoặc không toại nguyện, cũng không sanh khởi tạp nhiễm. Đây hiển bày sơ lược ba niệm trụ.

Ba niệm trụ đây cũng do ba chúng sai biệt mà được kiến lập. Sao gọi là ba chúng? 1. Hoặc trong chúng kia, tất cả đều hành theo hướng chánh hạnh; 2. Hoặc trong chúng kia, tất cả đều hành theo hướng tà hạnh; 3. Hoặc trong chúng kia, một phần hành chánh hạnh, một phần hành tà hạnh.

7. Ba bất hộ của chư Như Lai: Chỗ có văn từ về ba bất hộ của Như Lai, nên biết tướng đây như kinh đã nói. Tóm lại, chư Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ tất cả chủng thô ác, việc làm đầy che, do đây hiển thị ba bất hộ. Chư A-la-hán vì vọng niệm, có lúc kia quên mất không nhớ, làm việc không lành. Hết thấy việc như vậy đều không hiện hành

ở nơi Như Lai. Cho nên Như Lai đối với hàng đệ tử, như điều cần yếu mà an lập, tức là như tự tánh, có lúc nghiêm khắc răn dạy, hiển hiện quả trách đui bỏ. Có lúc lại hiện hành khất khe bức bách đối với hàng đệ tử không tự phòng hộ, dạy rằng: “Ông chớ để nhiều thời gian trôi qua như vậy, phải tự biết ba nghiệp của mình bất tịnh”. Do việc đây, kẻ kia ý ôm lòng chẳng vui chẳng thuận, lại sanh chống trái, hoặc trước mặt chê trách Như Lai, hoặc hướng về người khác mà chê trách.

8. Đại bi của Như Lai: Như Lai sở hữu tất cả chủng tướng Đại bi, như đã thuyết trong phẩm *Cúng dường–Thân cận–Vô lượng*. Do vậy nên biết Đại bi của chư Như Lai vô lượng, không gì vượt hơn.

9. Pháp vô vong thất của Như Lai: Chư Như Lai thường tùy niệm hoặc sự, hoặc xứ, hoặc như, hoặc thời các việc được làm, tức là Như Lai ở nơi sự ấy, xứ ấy, như ấy, thời ấy đều chánh tùy niệm ghi nhớ. Đây gọi là pháp vô vong thất của Như Lai. Khắp cả sự nghiệp ứng tác, khắp tất cả phương xứ sai khác, khắp tất cả phương tiện nên

làm, khắp tất cả thời phần sai khác, Như Lai thường không quên mất niệm, thường an trụ chánh niệm. Đây gọi là pháp vô vong thất.

10. Tập khí vĩnh viễn hại diệt của Như Lai: Chư Như Lai hoặc động chuyển, hoặc ngược nhìn, hoặc luận nói, hoặc an trụ, chỗ ứng tác nghiệp không hiện hành phiền não. Đây gọi là tập khí vĩnh viễn bị hại của Như Lai. Bậc A-la-hán tuy đoạn phiền não, mà ở nơi động chuyển, ngược nhìn, luận nói và an trụ, chủng chủng chỗ ứng tác nghiệp vẫn còn phiền não hiện hành.

11. Tất cả chủng diệu trí của Như Lai: Tóm lại, chư Như Lai ở nơi ba tụ pháp hiện thành Đẳng chánh giác. Những gì là ba? 1. Tụ pháp năng dẫn có nghĩa; 2. Tụ pháp năng dẫn vô nghĩa; 3. Tụ pháp chẳng phải năng dẫn có nghĩa chẳng phải năng dẫn vô nghĩa.

Trong đây, chư Như Lai hoặc ở nơi tụ pháp năng dẫn vô nghĩa, hoặc ở nơi tụ pháp chẳng phải năng dẫn có nghĩa chẳng phải năng dẫn vô nghĩa, ở tất cả tụ pháp như thế, trí không điên đảo. Đây

gọi là Nhất thiết chủng trí của Như Lai. Ở nơi tu pháp năng dẫn có nghĩa, trong tất cả pháp như thế, trí không điên đảo. Đây gọi là Diệu trí của Như Lai. Nhất thiết chủng trí và diệu trí hợp chung làm một, gọi là Nhất thiết chủng diệu trí.

Tất cả như thế gọi chung là 140 chủng pháp Phật bất cộng của Như Lai. Trong đây, nếu Bồ-tát ở tại vị tối hậu hữu, thì các tướng tùy hảo đều đã chứng đắc cực thiện thanh tịnh. Nếu khi Bồ-tát ngồi tòa Bồ-đề, trụ ở tối hậu hữu, tức lúc bấy giờ tư lương Bồ-đề của đạo Bồ-tát đã cực khéo viên mãn. Bấy giờ không thầy mà vẫn tự tu ba mươi bảy pháp Bồ-đề phần, đắc trong một sát-na, gọi là Trí vô chướng ngại tam-ma-địa. Đạo học của Bồ-tát đây nhiếp lấy định Kim cương dụ. Từ đây không gián đoạn, qua sát-na thứ hai liền đắc pháp Phật bất cộng còn lại. Đó là trước đã thành tựu mười lực của Như Lai, sau mới thành tựu tất cả chủng diệu trí. Tất cả đều cực thanh tịnh, đều không có gì vượt hơn. Do đắc đây, nên ở khắp tất cả cảnh giới sở tri, trí chuyển vận không trì trệ, không chướng ngại, không cấu uế, tối cực thanh tịnh. Nương khoảnh khắc phát ngộ ấy, tư duy viên mãn, ý chuyển viên

mãn, siêu vượt tất cả Bồ-tát hạnh Bồ-tát địa, chứng nhập tất cả Như Lai hạnh Như Lai địa. Vì tất cả thô trọng của phẩm sở tri chướng tại phần thit đều được đoạn trừ không sót, đặc chuyển y thù thắng. Chuyển y như vậy là tối cực vô thượng. Ngoài ra, chuyển y của tất cả cho đến trụ Bồ-tát thành tựu viên mãn tối thượng nên biết là hữu thượng.

Hỏi: Hết thấy trí của Bồ-tát trụ Đến cứu cánh địa và hết thấy trí của chư Như Lai, làm sao phân biệt được sự sai khác của hai trí đây?

Đáp: Như người có mắt sáng nhìn thấy các sắc tượng qua một lớp màng mỏng có hoa văn, tất cả diệu trí của Bồ-tát Đến cứu cánh địa ở nơi tất cả cảnh phải biết cũng vậy. Như người có mắt sáng thấy các sắc tượng không vật ngăn cách, diệu trí của Như Lai ở nơi tất cả cảnh phải biết cũng vậy.

Như vẽ trên vải lụa, vẽ xong nhưng chưa sửa chữa hoàn thiện các diệu sắc, diệu trí của Bồ-tát Đến cứu cánh địa cũng vậy. Như vẽ trên vải lụa đã hoàn thiện các diệu sắc, diệu trí của Như Lai cũng vậy.

Như người mắt sáng ở trong tối qua lỗ nhỏ nhìn thấy các hình sắc mờ mờ, diệu trí của Bồ-tát

Đến cứu cánh địa cũng vậy. Như người mắt sáng thấy các sắc lia mờ tối, diệu trí của Như Lai cũng vậy.

Như người mắt sáng thấy các hình sắc ở xa, diệu trí của Bồ-tát Đến cứu cánh địa cũng vậy. Như người mắt sáng thấy các hình sắc ở gần, diệu trí của Như Lai cũng vậy.

Như mắt bị một lớp màng che mỏng nhìn thấy các sắc, diệu trí của Bồ-tát Đến cứu cánh địa cũng vậy. Như mắt rất tịnh sạch nhìn các sắc, diệu trí của Như Lai cũng vậy.

Như thân còn nằm trong bào thai, diệu trí của Bồ-tát Đến cứu cánh địa cũng vậy. Như thân đã ra khỏi thai, diệu trí của Như Lai cũng vậy.

Như A-la-hán tâm hành trong mộng, thì tâm hành của Bồ-tát Đến cứu cánh địa cũng vậy. Như A-la-hán tâm hành thời giác, thì tâm hành của Như Lai cũng vậy.

Như thể của đèn mờ mờ, thì thể trí của Bồ-tát Đến cứu cánh địa cũng vậy. Như thể đèn sáng, thì thể trí của Như Lai cũng vậy.

Tóm lại, tất cả diệu trí của chúng chư Bồ-tát an trụ Đến cứu cánh địa và thân tâm diệu trí của

Như Lai có sự sai khác lớn.

Như vậy, chư Như Lai chứng đắc Bồ-đề, rộng năng thí làm tất cả Phật sự ở khắp mười phương tất cả Phật độ.

Sao gọi là thí làm tất cả Phật sự? Nói lược có 10 chủng sự nghiệp của chư Như Lai, sở tác của chư Như Lai. Ngoài đây ra, không có hoặc thêm hoặc hơn. Mỗi một sự nghiệp, mỗi một sở tác của Như Lai đều thành tựu viên mãn vô lượng lợi lạc nhiều ích hữu tình. Những gì là mười?

Chư Như Lai trước hết tự hiện thân Đại tượng phư, muốn khiến hữu tình phát tâm tịnh tín. Vì thân Đại tượng phư là thù thắng hơn cả năng khiến hữu tình dễ sanh lòng tịnh tín. Đây là việc làm thứ nhất của Như Lai. Làm việc như vậy, nên các tướng tùy hảo đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai vì khắp các loài hữu tình, phát khởi dạy trao tất cả chủng gia hạnh. Đây là việc làm thứ hai của Như Lai. Làm việc như vậy, nên bốn nhất thiết chủng thanh tịnh đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai làm tất cả mọi việc đều vì nhiều ích hữu tình, năng đoạn tất cả nghi hoặc sanh

khởi. Đây là việc làm thứ ba của Như Lai. Làm việc như vậy, nên mười lực của Như Lai đều năng thành tựu trọn vẹn. Mười lực của Như Lai như trước đã nói, đó là ở nơi tất cả nghĩa làm lợi ích cho tất cả hữu tình đều có khả năng kham nhiệm, năng thành tựu trọn vẹn. Lại cũng có người sanh khởi vấn nạn về sở chứng mười lực của Như Lai, thì chỉ có Như Lai năng biết, năng thấy, năng hiểu, năng liễu, chỉ có Như Lai mới chánh trả lời vấn nạn kia.

Chư Như Lai khắp năng hàng phục tất cả luận khác, khắp năng kiến lập tất cả tự luận. Đây là việc làm thứ tư của Như Lai. Làm việc như vậy, nên bốn vô sở úy đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai giáo hóa hữu tình. Ở nơi những lời răn bảo của Phật, hữu tình kia hoặc chánh an trụ, hoặc chẳng chánh an trụ, mà đối với họ, tâm Như Lai chẳng hề tạp nhiễm. Đây là việc làm thứ năm của Như Lai. Làm việc như vậy, nên ba chủng nhiệm trụ đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai tự phát lời như thế nào thì làm như thế ấy. Đây là việc làm thứ sáu của Như Lai. Làm việc như vậy, nên ba chủng bất hộ đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai ngày đêm dùng Phật nhãn quán chiếu khắp thế gian. Đây là việc làm thứ bảy của Như Lai. Làm việc như vậy, nên Đại bi đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai ở nơi tất cả tất cả việc làm, không lòng thối xả. Đây là việc làm thứ tám của Như Lai. Làm việc như vậy, nên pháp vô vong thất đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai như thật tùy chuyển ứng hành oai nghi quỹ tắc không trái vượt. Đây là việc làm thứ chín của Như Lai. Làm việc như vậy, nên tập khí vĩnh viễn hại diệt đều năng thành tựu trọn vẹn.

Chư Như Lai khéo giản trách, xả ly đối với tụ pháp năng dẫn vô nghĩa và đối với tụ pháp chẳng phải năng dẫn vô nghĩa chẳng phải năng dẫn có nghĩa. Lại vì chúng tuyên thuyết, khai thị, hiển phát đối với tụ pháp năng dẫn có nghĩa. Đây là việc làm thứ mười của Như Lai. Làm việc như vậy, nên nhất thiết chủng diệu trí đều năng thành tựu trọn vẹn.

Như vậy, như trước đã thuyết 140 pháp Phật bất cộng, Như Lai năng ứng tác tất cả việc làm, năng ứng tác tất cả Phật sự. Phật sự như vậy, nếu

rộng phân biệt chẳng thể tính số, cho đến nhiều muôn muôn ức na-do-tha trăm ngàn đại kiếp thuyết cũng chẳng thể tận.

Như vậy đã thuyết chư Như Lai an trụ Như Lai địa. Đây được gọi là *kiến lập*. Vì có sao? Chúng chư Bồ-tát nương đây, trụ đây, mong cầu phẩm loại, ở nơi học của Bồ-tát năng chánh tu học; cũng nương đây, trụ đây mà có chứng đắc. Tức nương trụ đây, khắp năng thành tựu trọn vẹn tất cả nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, cho nên mới gọi là kiến lập.

Lại, tất cả pháp Phật đã thuyết đây hoàn toàn thuận theo hành lợi tha. Cho nên tất cả việc làm của Như Lai đều hiển thị việc lợi người. Thanh văn, Duyên giác thì chẳng như vậy. Cho nên gọi là pháp Phật bất cộng.

Lại ở trong pháp của chư Phật như vậy, Phật tự có pháp. Tất cả Thanh văn, Độc giác đều chẳng thể đắc. Đó là đại bi, pháp vô vong thất, tập khí vĩnh viễn hại diệt, nhất thiết chủng diệu trí, Phật tự có pháp. Tất cả Thanh văn, Độc giác tuy phần đắc tương tự, mà tất cả chủng đều không viên mãn. Như Lai ở nơi tất cả tất cả kia thấy đều chứng đắc, ở tất cả chủng không gì không viên mãn, tối cực

siêu việt, tối cực vi diệu thù thắng. Cho nên đều gọi là bất cộng. Nên biết trong đây, một nghĩa độc nhất là nghĩa *Bất Cộng*.

Như vậy hiển thị việc viên mãn tất cả chủng đạo học của Bồ-tát và quả của đạo học đây, gọi là Bồ-tát địa. Vì cơ sao? Vì tuyên thuyết tất cả đạo học của chư Bồ-tát và tất cả chủng dạy dẫn chân thật, là chỗ nương của quả đạo học.

Lại Bồ-tát địa đây, cũng gọi là Ma-đát-ly-ca của tạng Bồ-tát, cũng gọi là nhiếp Đại thừa, cũng gọi là khai thị con đường hoại-không hoại, cũng gọi là trí thanh tịnh vô chướng căn bản. Nếu các sở hữu thế gian hoặc trời, hoặc người, hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn... đối với sở thuyết Bồ-tát địa đây mà phát khởi tin hiểu bền chắc, vui nghe thọ trì, tinh siêng tu học, rộng vì người thuyết; thấp đến một ngày thọ trì cúng dường, thâm tâm cung kính quý trọng, sẽ thành tựu tụ phước. Tóm lại, như Đức Thế Tôn dạy: “Ở nơi tất cả kinh điển vi diệu nhiếp vào tạng Bồ-tát đây mà có hết thấy nghiệp như vui nghe, hiển bày tuyên thuyết, thi thiết phân biệt, khai thị tán thán, đều thành tựu tụ phước không sai khác. Vì cơ sao? Vì trong Bồ-tát

địa đây hiển thị tất cả tạng Bồ-tát, nêu ra một cách tóm gọn và giải thích rộng nhiếp lấy các môn. Ở địa đây năng rộng khai thị pháp Tỳ-nại-da cho đến giáo hóa nhiều chúng hữu tình. Ở nơi chánh pháp đây, nếu thọ trì đọc tụng, tùy pháp hành pháp, an trụ tăng trưởng, thắng tiến sâu rộng, nên biết bấy giờ chánh pháp không diệt, tương tợ chánh pháp chẳng được hưng thịnh. Nếu lúc bấy giờ tương tợ chánh pháp đang hưng thịnh, cũng có nghĩa là chánh pháp năng dẫn chân thật nghĩa đang nhanh chóng diệt mất. Cho nên ở trong Bồ-tát địa đây mà phát khởi tin hiểu bền chắc, vui nghe thọ trì cho đến rộng thuyết, sẽ thành tựu tu phước vô lượng vô biên”.

Phân bốn THỨ LỚP TRÌ DU GIÀ XỨ Phẩm PHÁT TÂM CHÁNH ĐẲNG BỒ ĐỀ

Như vậy đã thuyết nghĩa của Bồ-tát địa. Sao có thứ lớp như vậy? Chư Bồ-tát trước phải an trụ

chủng tánh Bồ-tát, cho đến chánh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đã phát tâm rồi mới chánh tu hành tự lợi–lợi tha. Khi chánh tu hành tự lợi–lợi tha sẽ được phương tiện không tạp nhiễm. Vì không tạp nhiễm, nên được phương tiện không nhàm mỏi. Vì không nhàm mỏi, nên được phương tiện thiện căn tăng trưởng. Vì các căn đã được tăng trưởng, năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại hạnh tự lợi–lợi tha như vậy được phương tiện không tạp nhiễm, phương tiện không nhàm mỏi, phương tiện thiện căn tăng trưởng, sau đắc Đại Bồ-đề. Khi tu hành, trước nên an lập tin hiểu đối với chánh pháp thậm thâm sâu rộng. Đã an lập tin hiểu mới thỉnh cầu chánh pháp. Đã cầu chánh pháp, rộng vì người thuyết, cũng ở nơi chánh hạnh tự năng thành tựu trọn vẹn. Lúc thành tựu trọn vẹn, nếu do đây, đối đây, vì đây nên hành. Tức do đây, đối đây, vì đây mà hành. Lúc do đây, đối đây, vì đây hành, như điều nên hành khiến phước đức trí tuệ tăng trưởng, tức như vậy hành. Tức phước đức trí tuệ đã được tăng trưởng, năng chánh tu hành phương tiện không xả ly sanh tử. 'Tức lúc

chánh tu hành phương tiện đây, năng hành hạnh không tạp nhiễm nơi sanh tử. Tức lúc chánh tu hành trong đây, năng ở nơi hạnh tụ vui, hạnh vô trước. Tức lúc chánh tu hành trong đây, năng chánh tu hành hạnh không nhằm mỗi đối với vô lượng khổ lớn sanh tử. Do không nhằm mỗi sanh tử, nên chánh hỏi cầu chủng chủng luận khác, nơi tất cả luận được vô sở úy. Đã khéo biết luận, lại năng rõ biết điều nào nên thuyết, điều nào có thể thuyết, nên như vậy thuyết. Do trí đây, khéo biết thế gian. Như vậy, Bồ-tát khéo biết các luận và thế gian rồi, lại năng như lý thỉnh cầu chánh pháp. Đã thỉnh cầu, lại khéo kham năng dứt trừ tất cả nghi hoặc của hữu tình. Đã kham năng dứt nghi hoặc của người, khiến phước đức mình triển chuyển tăng trưởng, cho đến tư lương phước đức dần được viên mãn; khiến trí tuệ mình cũng chuyển tăng trưởng, cho đến tư lương trí tuệ cũng dần được viên mãn. Hai chủng tư lương đã được viên mãn, lại tinh cần tu hành chắc thật không điên đảo pháp Bồ-đề phần, năng chánh rõ biết phương tiện tu hành. Tức lúc chánh siêng tu hành như vậy, hồi hương quả Bát-niết-bàn của Đại thừa, chẳng cầu quả Niết-

bàn của Thanh văn và Độc giác. Tức đặc phương tiện thiện xảo như vậy, lại khéo lắng nghe thọ trì tất cả ngôn ngữ của Bồ-tát. Nương đây thành tựu lực rồi, đối với sở hữu các pháp xưa chưa từng nghe, tất cả chủng tướng đều năng biện biệt phân minh, lại viên mãn Đà-la-ni, vô ngại, biện tài. Vì muốn vĩnh viễn đoạn trừ tất cả chướng, nên tinh cần tu học ba giải thoát môn. Tức lúc chánh tu hành trong đây, vì đoạn trừ tất cả tầng thượng mạn điên đảo của mình, của người, nên siêng năng tu chánh hạnh. Như vậy năng viên mãn tất cả chủng chánh hạnh.

Như vậy, chánh hạnh đã được viên mãn thù thắng hơn hẳn so với tất cả hữu tình, Thanh văn và Độc giác, đó là công đức chánh hạnh thù thắng và công đức đáng xưng khen thù thắng.

– Công đức chánh hạnh thù thắng của Bồ-tát: chư Bồ-tát vì tự lợi–lợi tha mà siêng tu chánh hạnh, lấy việc lợi người làm việc lợi mình. Thanh văn, Độc giác chẳng như vậy. Do chư Bồ-tát lấy việc lợi người làm việc lợi mình, nên đối với tất cả hữu tình khởi tâm bình đẳng như đối với chính mình. Do khởi tâm bình đẳng như vậy, nên đối với

các hữu tình thường thí ân huệ mà chẳng vọng cầu báo đáp. Lúc Bồ-tát siêng tu hạnh như vậy, nên thường phát khởi mong cầu muốn hữu tình kia được lợi ích an lạc. Do ý vui làm lợi ích an lạc đây, nên năng khéo phát khởi gia hạnh chẳng hư dối. Đây gọi là công đức của sự triển chuyển dẫn phát chánh hạnh thù thắng.

– Công đức đáng xưng khen thù thắng của Bồ-tát: tức là ở nơi chư Phật được nhận thọ ký, chẳng phải các Thanh văn, cũng chẳng phải các Độc giác. Đã được thọ ký, liền năng an trụ Bất thối chuyển địa. An trụ trong đây, năng ở nơi “tất cả quyết định tu làm” và “thường hằng tu làm” đạt được pháp kiên cố không quên mất. Pháp kiên cố không quên mất như vậy, chư Phật Bồ-tát thi thiết tại nơi tất cả hữu tình là thi thiết tối thượng, rộng ở tất cả việc nên làm năng không thối thất. Ở nơi những điều chưa đắc, chưa thối chuyển trọn cũng không thối chuyển. Lúc không thối thất, tất cả thiện pháp triển chuyển tăng trưởng thường hằng không gián đoạn, như ánh sáng của mặt trăng. Do các thiện pháp triển chuyển tăng trưởng, nên lúc bấy giờ Bồ-tát được gọi là chân thật, chẳng gọi là

tương tự. Do được gọi là chân thật Bồ-tát, nên Bồ-tát như thật rõ biết tất cả chủng phương tiện điều phục hữu tình. Đã như thật biết, tất cả an lập đều được thiện xảo, theo đây tìm cầu, đối đây tìm cầu, do đây tìm cầu. Đã tìm cầu rồi, do đây rốt ráo đều chánh an lập. Như vậy gọi là tất cả an lập đều được thiện xảo. Đã thiện xảo nơi chánh an lập, lại ở nơi việc dạy trao năng được thiện xảo. Đã ở nơi dạy trao được thiện xảo, nên năng thành tựu vô lượng sở duyên Tam-ma-địa Vương. Đã thành tựu Tam-ma-địa như vậy, nên tuyên thuyết chủng chủng hành tướng thuận theo chánh pháp không hư vọng. Lúc thuyết chánh pháp đều thành tựu thắng quả. Năng ở trong pháp Đại thừa rốt ráo xuất ly. Vì nương đại tánh mà xuất ly, năng nhiếp Đại thừa. Do đây lại ở trong vị xuất ly của Đại thừa kia, nên được danh kia. Tất cả Bồ-tát cùng đồng danh đây. Tất cả thế gian, chư Phật, Bồ-tát đều cùng an lập, đều cùng xưng khen. Nên biết gọi là chỗ công đức đáng xưng khen “thù thắng”. Do được danh Thù thắng như vậy, nên thành tựu các tướng của chư Bồ-tát.

Như vậy, tất cả chủng tướng chánh hạnh của

hai phần Bồ-tát tại gia và xuất gia năng thành tựu trọn vẹn. Đã năng thành tựu trọn vẹn, tiếp tục chánh hạnh kiên cố ở nơi các phẩm thiện, đạt được một hương ý lạc tăng thượng. Ý lạc như vậy, hoặc phẩm tại gia nên nhiếp thọ, hoặc phẩm xuất gia nên nhiếp thọ, hoặc ở phẩm thiện năng chánh an lập cho đến an trụ. Từ đây trở lên, tác ý tư duy việc thọ sanh các hữu. Sanh chốn nào cũng thường được gặp chư Phật, Bồ-tát và năng phát khởi làm các việc nhiều ích tất cả hữu tình thường không gián đoạn. Mong chư Phật, Bồ-tát dạy trao không điên đảo, nhậm trì phẩm thiện, lãnh thọ thù thắng, chứng được phần vị. Do lãnh thọ, nên ở nơi đáng xưng khen, nhiếp thọ thù thắng, chứng được phần vị, năng chánh an xứ như nhà ở. Đã trụ vị đây, càng về sau tất cả chủng tướng thù thắng, phần vị, giác tuệ thắng tiến dần dần cho đến rốt ráo. Ở khoảng trung gian chẳng sanh vui đủ, tiếp tục thăng tiến đến khi chứng đắc rốt ráo. Từ đây chẳng còn địa trên nào khác để cầu, vì đã rốt ráo đạt đến ngàn mé, nên được gọi là chứng đắc Vô thượng. Đây chính là nghĩa thứ lớp của Bồ tát-địa.

Thứ 16. HỮU DƯ Y ĐỊA

Như vậy đã thuyết Bồ-tát địa. Sao gọi là *Hữu dư y địa*? Nên biết địa đây có ba chủng tướng: **1.** Địa thi thiết an lập; **2.** Tịch tĩnh thi thiết an lập; **3.** Chỗ nương thi thiết an lập.

1. Địa thi thiết an lập: Hữu dư y địa, trừ một phần của năm địa là Vô tâm địa, Tu sở thành địa, Thanh văn địa, Độc giác địa và Bồ-tát địa. Trừ hoàn toàn một địa là Vô dư y địa, còn lại các địa khác gọi là Hữu dư y địa. Đây gọi là địa thi thiết an lập.

2. Tịch tĩnh thi thiết an lập: Do bốn chủng tịch tĩnh thi thiết an lập Hữu dư y địa: 1. Do khổ tịch tĩnh; 2. Do phiền não tịch tĩnh; 3. Do không tổn não hữu tình tịch tĩnh; 4. Do xả tịch tĩnh.

Sao gọi là khổ tịch tĩnh? Chư Bí-sô A-la-hán đã vĩnh viễn tận các lậu, sở hữu các khổ ở đương lai đều vĩnh viễn đoạn trừ, đã đắc biến tri, như cây đa-la đã bị chặt tận gốc rễ không sanh trưởng trở lại. Do đắc pháp không sanh ở đời đương lai, nên

gọi là khổ tịch tĩnh.

Sao gọi là phiền não tịch tĩnh? Chư Bí-sô A-la-hán vĩnh viễn đoạn trừ tham dục, vĩnh viễn đoạn trừ sân khuể, vĩnh viễn đoạn trừ ngu si. Tất cả phiền não thấy đều đoạn trừ vĩnh viễn do đắc rốt ráo pháp không sanh. Đây gọi là phiền não tịch tĩnh.

Sao gọi là không tổn não hữu tình tịch tĩnh? Chư Bí-sô A-la-hán vĩnh viễn tận tham dục, vĩnh viễn tận sân khuể, vĩnh viễn tận ngu si. Tất cả phiền não thấy đều vĩnh viễn tận. Không tạo các ác, tu tập các thiện. Đây gọi là không tổn não hữu tình tịch tĩnh.

Sao gọi là xả tịch tĩnh? Chư Bí-sô A-la-hán các lậu đã tận, đối với sáu hằng trụ, phần nhiều an trụ hằng thường không gián đoạn. Đó là mắt thấy sắc rồi, không hỷ không ưu, an trụ xả bậc thượng, chánh niệm chánh biết; cho đến tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý rõ pháp, không hỷ không ưu, an trụ xả bậc thượng, chánh niệm chánh biết. Đây gọi là xả tịch tĩnh.

Nương bốn chủng tịch tĩnh như thế, nên nói Hữu dư y địa tối cực tịch tĩnh, tối cực thanh lương.

Đây gọi là thi thiết an lập tịch tĩnh.

3. Chỗ nương thi thiết an lập: Có 8 chủng:

1. Nương thi thiết; 2. Nương nhiếp thọ; 3. Nương giữ gìn; 4. Nương lưu chuyển; 5. Nương chướng ngại; 6. Nương khổ não; 7. Nương vui thích; 8. Nương hậu biên.

Sao gọi là nương thi thiết? Là năm thủ uẩn. Do nương đây thi thiết có ngã, hữu tình, mạng, sanh, người dưỡng dục, bổ-đặc-già-la, ý sanh, nhơ đồng... các tướng... tướng giả dụng ngôn thuyết. Cũng do nương đây, thi thiết tên gọi như thế, sanh loại như thế, chủng tánh như thế, ăn uống như thế, cảm nhận khổ vui như thế, trường thọ như thế, cứu trụ như thế, thọ mạng giới hạn như thế... các tướng... tướng giả dụng ngôn thuyết.

Sao gọi là nương nhiếp thọ? Có 7 sự nhiếp thọ. Đó là cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nô bộc, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc. Bảy sự nhiếp thọ đây cả rộng phân biệt trong phần *Ý địa*. Do đây nên biết sở hữu nhiếp thọ của các loại hữu tình.

Sao gọi là nương giữ gìn? Có bốn chủng thực: đoạn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Do

nương các chủng thực đây mà hữu tình đã sanh giữ gìn được các chi phần thân thể, lại năng nhiếp dưỡng những kẻ cầu hữu.

Sao gọi là nương lưu chuyển? Đó là nương bốn chủng thức trụ và mười hai duyên khởi. Bao gồm thức trụ hướng đến sắc, thức trụ hướng đến thọ, thức trụ hướng đến tưởng, thức trụ hướng đến hành; vô minh duyên hành, hành duyên thức, nói rộng cho đến sanh duyên lão tử. Do nương đây, nên các loại hữu tình tùy thuận lưu chuyển trong năm đường sanh tử.

Sao gọi là nương chướng ngại? Nếu có hữu tình ở trong năm đường sanh tử phát tâm tu thiện pháp, thiên ma liền đến nơi đó để làm chướng ngại.

Sao gọi là nương khổ não? Tất cả Dục giới đều gọi là nương khổ não. Do nương đây khiến các hữu tình lãnh thọ ưu khổ.

Sao gọi là nương vui thích? Là lạc xuất phát từ tinh lự đẳng chí, gọi là nương vui thích. Do nương đây nên các loại hữu tình hoặc tức ở đây hiện nhập định kia, hoặc sanh nơi kia đem dài lãnh thọ sở hữu vui thích của tinh lự đẳng chí.

Sao gọi là nương hậu biên? Chư A-la-hén tương tục các uẩn, do nương đây nên nói các A-la-hán trụ giữ thân tối hậu.

Hỏi: Bạc Bí-sô A-la-hán đã tận hết các lậu, trụ Hữu dư y địa, có bao nhiêu chủng nương cùng tương ứng?

Đáp: Bạc Bí sô A-la-hán đã tận hết lậu, trụ Hữu dư y địa chỉ cùng một chủng nương một hướng tương ứng là *nương hậu biên*. Không cùng với sáu sự nhiếp thọ tương ứng là *nương nhiếp thọ*. Trong đây, không tương ứng hoàn toàn là *nương lưu chuyển*, *nương chướng ngại*. *Nương khổ não*, *nương vui thích* thì chẳng phải tương ứng, chẳng phải chẳng tương ứng.

Đây gọi là chỗ nương thi thiết an lập.

Thứ 17. VÔ DƯ Y ĐỊA

Như vậy đã thuyết Hữu dư y địa. Sao gọi là Vô dư y địa? Địa đây cũng có ba tướng: 1. Địa thi thiết

an lập; 2. Tịch diệt thi thiết an lập; 3. Môn tịch diệt khác thi thiết an lập.

1. Địa thi thiết an lập: Năm địa đã nói ở phần trước là Vô tâm địa, Tu sở thành địa, Thanh văn địa, Độc giác địa và Bồ-tát địa, trừ đi một phần của năm địa, nên biết tức đây nhiếp vào Vô dư y địa. Đó là Vô tâm địa, nhiếp thuộc Vô dư y địa.

2. Tịch diệt thi thiết an lập: Có hai chủng tịch diệt thi thiết an lập Vô dư y địa: 1. Do tịch tĩnh tịch diệt; 2. Do không tổn não tịch diệt.

Sao gọi là tịch tĩnh tịch diệt? Trước ở Hữu dư y địa đã đạt được bốn chủng tịch tĩnh, nay ở trong Vô dư y Niết-bàn giới, cũng có bốn chủng tịch tĩnh tối thắng: 1. Số giáo tịch tĩnh; 2. Tất cả nương tịch tĩnh; 3. Y nương khổ tịch tĩnh; 4. Y nương khổ sanh nghi lự tịch tĩnh. Như thuyết:

*Bởi tâm không hạ liệt
Khéo nhẫn thọ cần khổ
Kia hướng đến giải thoát
Giống như đèn đã tắt.*

Sao gọi là không tổn não tịch diệt? Nghĩa là

không tương ưng với tất cả chỗ nương đã nói ở trên. Chỗ hiển cõi giới chân vô lậu trái với tất cả phiền não, các khổ lưu chuyển, sanh khởi, chuyển y. Như nói: “Bí-sô vĩnh viễn tịch diệt gọi là trụ chân an lạc”.

Lại như nói rằng: “Thật có không sanh, không khởi, không làm, không tạo, không sanh khởi hết thảy. Cũng lại có sanh, có khởi, có làm, có tạo, có sanh khởi hết thảy. Hoặc sê không sanh, không khởi, không làm, không tạo, không sanh khởi hết thảy. Ta trọn chẳng thuyết: Có sanh, có khởi, có làm, có tạo, có sanh khởi hết thảy, có vĩnh viễn xuất ly. Bởi thật có không sanh, không khởi, không làm, không tạo, không sanh khởi hết thảy. Cho nên ta thuyết: Có sanh, có khởi, có làm, có tạo, có sanh khởi hết thảy, có vĩnh viễn xuất ly”. Thế Tôn nương đây mật ý thuyết rằng: Thẳm sâu quảng đại vô lượng vô số. Đây gọi là tịch diệt. Vì ở trong đây có đầy đủ công đức khó rõ biết, cho nên gọi là thẳm sâu. Vì quá rộng lớn, nên gọi là quảng đại. Vì không cùng tận, nên gọi là vô lượng. Vì nói tính đếm và không thể tính đếm là không hai, nên gọi là vô số.

Sao nói tính đếm và không tính đếm là không hai, nên gọi là vô số? Đó là vì hữu, phi hữu không thể thuyết; tức vì sắc, lìa sắc không thể thuyết; tức vì thọ, lìa thọ không thể thuyết; tức vì tưởng, lìa tưởng không thể thuyết; tức vì hành, lìa hành không thể thuyết; tức vì thức, lìa thức không thể thuyết. Sở dĩ vì sao? Bởi chỗ hiển chân như thanh tịnh đây một hương vô cấu. Đây gọi là không tổn não tịch diệt. Hai chủng như vậy thuyết chung làm một, gọi là tịch diệt thi thiết an lập.

3. Môn tịch diệt khác thi thiết an lập: Nên biết môn tịch diệt khác có vô lượng chủng, như gọi là thường, cũng gọi là hằng, cũng gọi là cứu trụ, cũng gọi là không biến đổi, cũng gọi là pháp có, cũng gọi là nhà cửa, cũng gọi là cồn bãi, cũng gọi là cứu hộ, cũng gọi là quy y, cũng gọi là hướng đến, cũng gọi là an ẩn, cũng gọi là đạm bạc, cũng gọi là sự thiện, cũng gọi là kiết tường, cũng gọi là không chuyển, cũng gọi là vô cấu, cũng gọi là khó thấy, cũng gọi là cam lộ, cũng gọi là không buồn, cũng gọi là không chìm, cũng gọi là không hưng thịnh, cũng gọi là không nóng bức, cũng gọi là không

bệnh, cũng gọi là vô động, cũng gọi là Niết-bàn, cũng gọi là tuyệt dứt tất cả hý luận. Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là môn tịch diệt khác. Đây gọi là môn tịch diệt khác thi thiết an lập.



II. PHÂN NHIỆP QUYẾT TRẠCH

Quyển 51

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ỨNG ĐỊA

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết phần Bản địa, kế sẽ thuyết phần **Quyết trạch thiện xảo các địa**. Quyết trạch thiện xảo ở đây, chính là nương sự khéo hỏi đáp ở tất cả địa. Nay trước sẽ thuyết quyết trạch Năm thức thân địa và Ý địa.

Hỏi: Trước đã thuyết về chủng tử y tức là A-lại-da thức, nhưng chưa thuyết nhân duyên có chi hữu và nghĩa phân biệt rộng. Cớ sao không thuyết? Duyên nào biết có hữu? Nghĩa rộng phân biệt nên biết thế nào?

Đáp: Do kiến lập đây, Phật Thế Tôn đã mật ký là rất thâm sâu, cho nên không thuyết. Như Thế Tôn dạy:

A-đà-na thức rất vi tế

Tất cả chủng tử như dòng chảy

Ta chẳng vì ngu phu khai diễn

Sợ kia phân biệt chấp là ngã.

Lại nữa, Ót-Đà-Nam nói:

Chấp thọ, đầu, rõ ràng

Chủng tử, nghiệp, thân thọ

Vô tâm định, mạng chung

Đều không, không đúng lý.

Do tám chủng tướng chứng minh chắc chắn có A-lại-da thức: **1.** Nếu lìa A-lại-da thức mà có chỗ nương lãnh thọ giữ gìn, thì không đúng đạo lý; **2.** Mà ban đầu có sự sanh khởi, thì không đúng đạo lý; **3.** Mà có tánh rõ ràng, thì không đúng đạo lý; **4.** Mà có tánh chủng tử, thì không đúng đạo lý; **5.** Mà có nghiệp dụng sai biệt, thì không đúng đạo lý; **6.** Mà có thân thọ sai biệt, thì không đúng đạo lý; **7.** Mà có vô tâm định, thì không đúng đạo lý; **8.** Mà mạng chung có thức, thì không đúng đạo lý.

1. *Cớ sao không có A-lại-da thức mà có chỗ nương lãnh thọ giữ gìn thì không đúng đạo lý? Có năm nguyên nhân. Những gì là năm? A-lại-da thức của đời trước tạo tác hành nghiệp làm nhân. Như chuyển thức nhãn... ở đời hiện tại thì các duyên làm nhân, như nói: Vì căn và cảnh giới, lực tác ý*

nên các chuyển thức sanh, cho đến nói rộng. Đây gọi là nguyên nhân ban đầu.

Lại, sáu thức thân có tánh thiện, bất thiện... khả đắc. Đây là nguyên nhân thứ hai.

Lại, sáu thức thân nhiếp thuộc dị thực loại không che đậy, không ghi nhớ thì không thể có việc ấy. Đây là nguyên nhân thứ ba.

Lại, sáu thức thân mỗi loại nương y sai biệt mà chuyển. Ở nơi kia, nương y kia, thức chuyển. Vậy tức sở y của kia mà lại có cái lẽ lãnh thọ giữ gìn hoặc không lãnh thọ giữ gìn, đều không đúng đạo lý. Giả sử chấp nhận cho sở y kia có chấp thọ giữ gìn, cũng không đúng đạo lý. Vì có sao? Vì xa lìa thức vậy. Đây là nguyên nhân thứ tư.

Lại, chỗ nương tựa mà thành lớp lớp lãnh thọ thì có lỗi. Vì có sao? Vì ví như nhãn thức kia có lúc chuyển, có lúc không chuyển. Các thức khác cũng vậy. Đây là nguyên nhân thứ năm.

Như vậy, vì nghiệp trước và duyên hiện tại dùng làm nhân; vì tánh thiện, bất thiện... khả đắc; vì chủng loại dị thực chẳng thể có được; vì sở y các thức riêng biệt chuyển; vì lỗi nương tựa nên thành lớp lớp lãnh thọ, tất cả đều không đúng đạo lý.

2. *Có sao không có A-lại-da thức mà ban đầu có sự sanh khởi thì không đúng đạo lý? Có người hỏi như vậy: “Nếu quyết định có A-lại-da thức, tức lẽ phải có hai thức đồng thời sanh khởi?”. Lúc ấy nên bảo kia rằng: “Ông ở nơi không lỗi mà sanh tưởng hư vọng thành lỗi. Vì có sao? Vẫn có hai thức đồng thời chuyển vậy. Tại sao? Vì như có người đồng thời muốn thấy cho đến muốn biết, theo đó có một thức sanh khởi trước hết, thì không đúng đạo lý. Bởi người kia bấy giờ không tác ý riêng hoặc thấy, hoặc biết. Căn, cảnh cũng vậy. Vậy lấy nhân duyên nào mà thức không đồng chuyển?”.*

3. *Có sao không có các thức đồng chuyển cùng nhân thức... đồng hành ý thức, thì chẳng thể được tánh thể rõ ràng? Nếu có lúc nhớ lại cảnh đã từng thọ nhận ở quá khứ, bấy giờ ý thức hành không rõ ràng. Điều này không xảy ra nếu ở cảnh hiện tại, tức lúc bấy giờ ý hành rõ ràng. Cho nên cần tin các thức đồng chuyển, hoặc ý thức tánh không rõ ràng.*

4. *Có sao không có A-lại-da thức mà có tánh chủng tử thì không đúng đạo lý? Vì sáu thức thân triển chuyển sai khác. Vì sao như thế? Giả sử cho*

là từ thiện không gián đoạn, tánh bất thiện sanh; bất thiện không gián đoạn, tánh thiện sanh; từ hai tánh không gián đoạn, tánh vô ký sanh. Hoặ cho là giới kém không gián đoạn, giới trung sanh; giới trung không gián đoạn, giới diệu sanh; giới diệu không gián đoạn, giới kém sanh. Hoặ cho là hữu lậu không gián đoạn, vô lậu sanh; vô lậu không gián đoạn, hữu lậu sanh. Hoặ cho là thế gian không gián đoạn, xuất thế gian sanh; xuất thế gian không gián đoạn, thế gian sanh. Tướng không có tánh chủng tử như vậy thì không đúng đạo lý.

Lại các thức kia bị gián đoạn thời gian lâu dài, chẳng lẽ trường thời tương tục lưu chuyển, thì đây cũng không đúng đạo lý.

5. *Cớ sao không có các thức đồng chuyển mà có nghiệp dụng sai biệt thì không đúng đạo lý?* Nếu lược thuyết có 4 chủng nghiệp: 1. Nghiệp liễu biệt khí; 2. Nghiệp liễu biệt y; 3. Nghiệp liễu biệt ngã; 4. Nghiệp liễu biệt cảnh. Các liễu biệt đây, sát-na sát-na đồng chuyển khả đắc. Cho nên một thức ở một sát-na mà có tất cả nghiệp dụng sai biệt như trên, thì không đúng đạo lý.

6. *Cớ sao không có A-lại-da thức mà lại có*

thân thọ sai khác thì chẳng xứng đạo lý? Như có người hoặc suy nghĩ như lý, hoặc suy nghĩ không như lý, hoặc không suy ngẫm, hoặc tùy tâm tứ, hoặc tâm nơi định, hoặc tâm không tại định. Khi đó nơi thân phát khởi các sự lãnh thọ, chẳng phải một chủng mà nhiều chủng chủng sai khác. Cho nên A-lại-da thức kia lẽ không hiện hữu, mà hiện khả đắc. Do đây quyết chắc là có A-lại-da thức.

7. *Cớ sao không có A-lại-da thức mà có vô tâm định thì không đúng đạo lý?* Hoặc nhập Vô tướng định, hoặc nhập Diệt tận định, lẽ giống như xả mạng, thức lìa nơi thân, chẳng phải chẳng lìa thân. Nhưng Thế Tôn thuyết: “Đương lúc bấy giờ thức không lìa thân”.

8. *Cớ sao không có A-lại-da thức mà có thức lúc mạng chung thì không đúng đạo lý?* Lúc lâm chung, hoặc từ phần thân trên, hoặc từ phần thân dưới, thức dần dần xả ly, cảm giác lạnh dần dần khởi, nhưng chẳng phải không có ý thức kia chuyển. Nên biết lúc ấy duy có A-lại-da thức năng chấp trì thân. Nếu thức đây xả ly, tức là thân phần bị lạnh, thân không cảm thọ nhận biết, ý thức cũng vậy. Cho nên không có A-lại-da thức thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Sở duyên, hoặc tương ưng
Lại duyên tánh xoay vần
Các thức thấy đồng chuyển
Tập nhiễm ô, hoàn diệt.*

Nếu lược thuyết thì A-lại-da thức do 4 chủng tướng kiến lập lưu chuyển và 1 chủng tướng kiến lập hoàn diệt.

1. Bốn tướng kiến lập lưu chuyển: a. Do kiến lập sở duyên chuyển; b. Do kiến lập tương ưng chuyển; c. Do kiến lập xoay vần làm tánh duyên chuyển; d. Do kiến lập các thức đồng chuyển chuyển.

a. Sao gọi là kiến lập tướng sở duyên chuyển?

Nếu nói lược thì A-lại-da thức do ở nơi hai chủng cảnh sở duyên chuyển: 1. Do liễu biệt chấp thọ bên trong; 2. Do liễu biệt tướng khí không phân biệt bên ngoài.

Liễu biệt chấp thọ bên trong tức là năng liễu biệt tự tánh biến kế sở chấp, tập khí sở chấp hư vọng và các sắc căn, sở y xứ của căn. Đây là ở Hữu sắc giới. Còn ở Vô sắc giới chỉ có liễu biệt tập khí chấp thọ.

Liễu biệt tướng khí không phân biệt bên ngoài tức là vì A-lại-da thức năng liễu biệt nương vào duyên chấp thọ bên trong, ở tất cả thời không có gián đoạn tướng khí thế gian. Ví như đèn khi phát sanh ngọn lửa, thì bên trong có tim, bên ngoài phát ánh sáng. A-lại-da-thức nên biết cũng vậy, duyên chấp thọ bên trong và duyên tướng khí bên ngoài mà sanh khởi nên biết đạo lý cũng vậy.

Lại A-lại-da thức duyên cảnh vi tế, vì người thông huệ thế gian cũng khó rõ biết.

Lại A-lại-da thức duyên cảnh không bị tan hoại, thời gian cũng không bị biến đổi. Vì cơ sao? Bởi lẽ từ sát-na chấp thọ đầu tiên cho đến lúc mạng chung, chỉ triển chuyển theo một vị liễu biệt.

Lại A-lại-da thức ở nơi cảnh sở duyên niệm niệm sanh diệt, nên biết sát-na tương tục lưu chuyển, chẳng phải một, chẳng phải thường.

Lại A-lại-da thức ở trong Dục giới duyên cảnh chấp thọ nhỏ hẹp. Ở trong Sắc giới duyên cảnh chấp thọ rộng lớn. Ở Vô sắc giới duyên cảnh chấp thọ vô lượng. Ở Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ duyên cảnh chấp thọ vi tế. Ở Phi tướng phi phi tướng xứ duyên cảnh chấp thọ cực vi tế.

Như vậy, vì liễu biệt hai chủng sở duyên, vì liễu biệt ở nơi cảnh sở duyên vi tế, vì liễu biệt tương tự, vì liễu biệt sát-na, vì liễu biệt sở duyên nhỏ hẹp, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ rộng lớn, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ vô lượng, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ vi tế, vì liễu biệt sở duyên chấp thọ cực vi tế, nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức sở duyên chuyển.

b. Sao gọi là kiến lập tướng tương ứng chuyển?

Đó là A-lại-da thức cùng tương ứng với năm tâm biến hành, thường cùng tương ứng với pháp đây. Năm tâm là tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư. Năm pháp như vậy cũng chỉ nhiếp thuộc dị thực, tối cực vi tế, vì người thông huệ thế gian cũng khó rõ biết, cũng thường chuyển theo một loại cảnh duyên.

Lại, A-lại-da thức tương ứng thọ không khổ không lạc, một hướng nhiếp thuộc tánh vô ký. Nên biết tướng sở hành của tâm khác cũng vậy.

Như vậy, vì tương ứng tâm biến hành, vì tương ứng với một loại dị thực, vì chuyển tương ứng với cực vi tế, vì thường chuyển tương ứng với một loại duyên cảnh, vì tương ứng không khổ không lạc, vì tương ứng một hướng vô ký, nên biết kiến lập

tướng A-lại-da thức tương ưng chuyển.

c. Sao gọi là kiến lập tướng xoay vần làm tánh duyên chuyển? A-lại-da thức cùng các chuyển thức làm hai tánh duyên: 1. Vì làm chủng tử của kia; 2. Vì làm sở y của kia.

Làm chủng tử: tức là khi sở hữu các chuyển thức thiện, bất thiện, vô ký triển chuyển, tất cả đều lấy A-lại-da thức làm chủng tử.

Làm sở y: do A-lại-da thức chấp thọ sắc căn, nắm chủng thức thân nương đó mà chuyển, chẳng phải không chấp thọ. Lại do có A-lại-da thức nên có Mạt-na. Do Mạt-na đây làm chỗ nương mà ý thức được chuyển, ví như nương nơi nắm căn như nhãn... mà nắm thức thân chuyển, chẳng thể không có nắm căn. Ý thức cũng vậy, chẳng thể không có ý căn.

Lại, các chuyển thức cùng A-lại-da thức làm hai tánh duyên: 1. Ở hiện pháp trưởng dưỡng chủng tử kia; 2. Ở hậu pháp, vì kia được sanh, lại thu nhiếp nuôi dưỡng chủng tử của kia.

Ở hiện pháp trưởng dưỡng chủng tử kia: tức là khi y chỉ A-lại-da thức và các thức thiện, bất thiện, vô ký triển chuyển, bấy giờ ở nơi một y chỉ như thế như thế đồng sanh đồng diệt, huân tập A-lại-da

thức. Do nhân duyên đây, về sau các chuyển thức tánh hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký triển chuyển càng thêm tăng trưởng, càng thêm mạnh mẽ và minh bạch rõ ràng hơn.

Ở hậu pháp, vì kia được sanh, lại được thu nhiếp nuôi dưỡng chủng tử: tức là chủng loại của kia huân tập năng dẫn phát thân nhiếp dị thực vô ký A-lại-da thức ở đời vị lai.

Như vậy, vì chủng tử kia, vì sở y kia, vì trưởng dưỡng chủng tử, vì thân nhiếp nuôi dưỡng chủng tử, do vậy nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức cùng các chuyển thức xoay vần làm tánh duyên chuyển.

d. Sao gọi là kiến lập tướng A-lại-da thức cùng các chuyển thức đồng chuyển mà triển chuyển? A-lại-da thức có lúc chỉ cùng một chủng chuyển thức đồng chuyển, đó là Mạt-na. Vì có sao? Do Mạt-na đây, ngã kiến, mạn... thường cùng tương ưng với hành tướng tư duy suy lường hoặc vị hữu tâm, hoặc vị vô tâm, thường cùng A-lại-da thức một thời đồng chuyển. Duyên A-lại-da thức lấy làm cảnh giới, chấp ngã, khởi mạn, hành tướng tự đui suy lường. Hoặc có lúc cùng hai chuyển thức đồng chuyển, đó

là Mạt-na và ý thức. Hoặc có lúc cùng ba chuyển thức đồng chuyển, đó là Mạt-na, ý thức và tùy một trong năm thức thân chuyển. Hoặc có lúc cùng bốn chuyển thức đồng chuyển, đó là Mạt-na, ý thức và tùy hai trong năm thức thân chuyển. Hoặc có lúc cùng bảy chuyển thức đồng chuyển, đó là lúc Mạt-na, ý thức và năm thức thân hòa hợp chuyển.

Lại ý thức lấy Mạt-na nhiễm ô làm chỗ nương. Lúc kia chưa diệt thì liễu biệt ràng buộc lẫn nhau, chẳng thể giải thoát. Mạt-na diệt rồi, giải thoát khỏi sự ràng buộc lẫn nhau.

Lại ý thức năng duyên cảnh khác và duyên tự cảnh. Duyên cảnh khác tức là cảnh giới sở duyên của năm thức thân, hoặc vội gấp, hoặc thông thả. Duyên tự cảnh tức là duyên pháp làm cảnh.

Lại, A-lại-da thức hoặc có lúc cùng thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc đồng thời mà chuyển. Thọ đây cùng chuyển thức tương ứng, nương kia mà khởi. Đó là hoặc ở trong cõi người, trời Dục giới, hoặc ở một phần trong quỷ, bàng sanh, đồng sanh thọ không khổ không lạc cùng với chuyển thức tương ứng thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc xen tạp lẫn nhau đồng chuyển. Hoặc

trong hết thấy địa ngục bị cái khác che khuất, thọ không khổ không lạc cùng với thọ thuần khổ không tạp đồng thời mà chuyển. Nên biết thọ đây vì bị che khuất nên khó có thể rõ biết. Như trong hết thấy địa ngục đồng chuyển một hướng là thọ khổ. Như vậy ở địa Đệ tam tinh lự đồng chuyển theo một hướng là thọ lạc. Ở địa Đệ tứ tinh lự cho đến hữu đánh đồng chuyển theo một hướng là thọ không khổ không lạc.

Lại, A-lại-da thức hoặc có lúc cùng chuyển thức tương ứng các tâm pháp thiện, bất thiện, vô ký đồng thời mà chuyển.

Như vậy, A-lại-da thức tuy cùng với các chuyển thức đồng thời mà chuyển, cũng dung chứa lãnh thọ, cũng dung chứa tâm pháp thiện, bất thiện, vô ký đồng thời mà chuyển, nhưng chẳng thể nói A-lại-da thức cùng tương ứng tất cả kia. Vì cơ sao? Do chẳng cùng kia đồng duyên chuyển vậy. Như nhãn thức tuy cùng nhãn căn đồng chuyển, nhưng chẳng tương ứng nhãn căn. Đạo lý A-lại-da thức đây cũng lại như vậy. Nên biết trong đây nương đạo lý chút phần tương tự mà lấy làm ví dụ.

Lại như các pháp tâm sở, tuy tánh tâm pháp

không có sai biệt, nhưng vì tướng khác, ở trong một thân đồng chuyển một lúc, xoay vần không trái nhau. Như vậy ở trong một thân, A-lại-da thức cùng các chuyển thức một lúc đồng chuyển, nên biết xoay vần cũng không trái nhau. Lại như một dòng nước mạnh, có nhiều sóng xao động đồng chuyển một lúc, xoay vần không trái nhau. Lại như mặt gương sáng sạch, có nhiều ảnh tượng một lúc hiện trên mặt gương mà không chống trái nhau. Như vậy, ở nơi một A-lại-da thức có nhiều chuyển thức đồng chuyển một lúc, nên biết xoay vần cũng không trái nhau.

Lại như một nhãn thức, ở một thời gian, ở một cảnh sự, hoặc có lúc chỉ thủ lấy một loại tướng sắc, không tướng sắc khác; hoặc có lúc một thoáng thủ lấy không phải một mà là chủng chủng tướng xúc. Như nhãn thức đối với các sắc, thì nhĩ thức đối với các thanh, tỷ thức đối với các hương, thiệt thức đối với các vị cũng lại như vậy. Lại như thân thức, ở một thời gian, ở một cảnh sự, hoặc có lúc chỉ thủ lấy một loại tướng xúc, không tướng xúc khác; hoặc có lúc một thoáng thủ lấy không phải một mà là chủng chủng tướng xúc. Như thế ý thức

phân biệt, ở một thời gian, ở một cảnh sự, hoặc có lúc chỉ thủ lấy một loại tướng cảnh, không tướng cảnh khác; hoặc có lúc một thoáng thủ lấy không phải một mà là chủng chủng tướng xúc. Nên biết đạo lý cũng không trái nhau.

Lại như trước đã thuyết, A-lại-da thức cùng Mạt-na đồng chuyển cho đến chưa đoạn dứt, nên biết thường cùng đồng sanh, nhậm vận tương ưng đồng thời với bốn chủng phiền não là thân kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh. Bốn chủng phiền não đây hoặc ở định địa, hoặc ở bất định địa, nên biết thường hành chuyển không chống trái với tướng thiện... Đây là tánh có che đậy không ghi nhớ.

Như vậy, vì A-lại-da thức cùng chuyển thức đồng chuyển, vì cùng các thọ đồng chuyển, vì cùng các thiện... đồng chuyển, do đây nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức đồng chuyển mà triển chuyển.

2. Một tướng kiến lập hoàn diệt: Nên biết tức là do tạp nhiễm chuyển và hoàn diệt chuyển kiến lập hoàn diệt.

Nói tóm lược thì A-lại-da thức là căn bản của tất cả tạp nhiễm. Vì cơ sao? Do thức đây là căn bản

khiến hữu tình thế gian sanh khởi, năng sanh các căn, sở y xứ của căn và chuyển thức..

Lại thức đây cũng là căn bản khiến khí thế gian sanh khởi. Vì có sao? Do năng khiến khí thế gian sanh khởi.

Lại thức đây cũng là căn bản khiến hữu tình xoay vần sanh khởi. Vì có sao? Do tất cả hữu tình gặp gỡ xoay vần làm tăng thượng duyên. Ở tất cả thời, nếu không có hữu tình này cùng hữu tình khác gặp gỡ qua lại lẫn nhau, thì đã chẳng sanh tướng thọ dụng khổ vui sai khác. Do đạo lý đây, nên biết hữu tình giới xoay vần tăng thượng duyên.

Lại A-lại-da thức đây năng nắm giữ tất cả chủng tử pháp, ở đời hiện tại là thể khổ đế, cũng là nhân sanh khổ đế ở đời vị lai, lại là nhân sanh tập đế ở hiện tại.

Như vậy, vì năng sanh hữu tình thế gian, vì năng sanh khí thế gian, vì là thể khổ đế, vì năng sanh khổ đế ở đời vị lai, vì năng sanh tập đế ở đời hiện tại, do đây nên biết A-lại-da thức là căn bản của tất cả tạp nhiễm.

Lại, A-lại-da thức thu nhiếp giữ gìn tất cả chủng tử thiện pháp thuận phần giải thoát và thuận

phần quyết trạch... chẳng phải nhân tập đế. Vì thiện căn thuận phần giải thoát... trái với tướng lưu chuyển, vì sở hữu nhân thiện căn khác của thế gian đây sanh khởi, lại triển chuyển càng thêm thịnh sáng, do nhân duyên đây, A-lại-da thức nhiếp thọ loại chủng tử của chính nó có công năng triển chuyển, có thể lực triển chuyển tăng trưởng chủng tử khiến nhanh chóng được thành lập. Lại do chủng tử đây, các thiện pháp kia chuyển thêm thịnh sáng mà sanh khởi. Lại năng chiêu cảm các quả dị thực khả ái khả lạc chuyển tăng mạnh, chuyển thắng vượt ở đời vị lai.

Lại vì nương tất cả chủng tử A-lại-da thức đây mà đức Thế Tôn thuyết có nhân giới, sắc giới, nhãn thức giới, cho đến có ý giới, pháp giới, ý thức giới, vì trong A-lại-da thức có chủng chủng giới vậy. Lại như Kinh Ác-xoa Tụ Dụ đã thuyết, vì trong A-lại-da thức tích chứa nhiều giới vậy.

Lại A-lại-da thức tập nhiễm căn bản đây, nếu dùng phương tiện tu tập thiện pháp mới được chuyển diệt. Tu tập thiện pháp đây, nếu các dị sanh lấy duyên chuyển thức làm cảnh tác ý, phương tiện trụ tâm, thì năng nhập thánh đế hiện quán đầu tiên.

Người chưa kiến đế, ở trong các đế chưa được pháp nhãn, thì không thể thông đạt tất cả chủng tử A-lại-da thức. Người chưa kiến đế đây đã tu hành như vậy, hoặc nhập Thanh văn chánh tánh ly sanh, hoặc nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh. Sau khi đã thấu đạt tất cả pháp chân pháp giới, cũng năng thông đạt A-lại-da thức, đương lúc bấy giờ năng tổng quán sát sở hữu tất cả tạp nhiễm bên trong của mình, cũng năng rõ biết tự thân bên ngoài bị sự trói buộc của tướng phược, bên trong bị sự trói buộc của thô trọng phược.

Lại người tu quán hành, vì lấy A-lại-da thức chính là tất cả hý luận, nhiếp lấy các hành của các cõi. Thâu tóm các hành kia ở trong A-lại-da thức, chung là một đoàn, một tập, một tụ. Đã kết thành một tụ, do dụng trí duyên cảnh chân như tu tập, nhiều tu tập mà được chuyển y. Chuyển y không gián đoạn, nên nói đã đoạn A-lại-da thức. Do đoạn đây, nên nói đã đoạn tất cả tạp nhiễm. Nên biết chuyển y là do đối nghịch với A-lại-da thức, nên năng đối trị A-lại-da thức. Lại thể của A-lại-da thức là vô thường, tánh có chấp thủ lãnh thọ. Chuyển y là thường, tánh không chấp thủ lãnh

thọ, vì chỉ duyên cảnh chân như thánh đạo mới năng chuyển y vậy.

Lại A-lại-da thức là tất cả thô trọng đuổi theo, còn chuyển y rốt ráo xa lia tất cả thô trọng.

Lại A-lại-da thức là nhân phiền não chuyển, nhân thánh đạo chẳng chuyển. Chuyển y thì nhân phiền não chẳng chuyển, nhân thánh đạo chuyển. Lẽ phải biết chỉ là kiến lập tánh nhân, chẳng phải tánh nhân sanh khởi.

Lại A-lại-da thức khiến chẳng được tự tại ở trong pháp thiện tịnh, vô ký. Chuyển y khiến được đại tự tại ở trong tất cả pháp thiện tịnh, vô ký.

Lại, tướng A-lại-da thức đoạn diệt tức là vì thức đây chánh đoạn diệt, nên xả hai chủng chấp thủ. Bấy giờ tuy trụ nơi thân mà giống như biến hóa. Vì cố sao? Vì đoạn nhân khổ hậu hữu ở đời đương lai, liền xả chấp thủ hậu hữu đương lai. Vì vĩnh viễn đoạn tất cả nhân phiền não ở hiện pháp, liền xả tất cả tạp nhiễm chấp thủ của sở y hiện pháp. Vì vĩnh viễn xa lia tất cả thô trọng, chỉ có mạng duyên tạm thời được trụ. Do có hữu đây, trong Khế kinh thuyết: “Bấy giờ chỉ có lãnh thọ giới hạn thọ của thân, giới hạn thọ của mạng, nói

rộng cho đến ở trong hiện pháp tất cả sở thọ rất ráo diệt tận”.

Như vậy, vì kiến lập căn bản tạp nhiễm, vì thú nhập thông đạt tác ý tu tập, vì kiến lập chuyển y, do đây nên biết kiến lập tướng A-lại-da thức tạp nhiễm, hoàn diệt.

Như vậy đã nương thẳng nghĩa đạo lý kiến lập tên gọi, nghĩa sai biệt của tâm, ý, thức. Do đạo lý đây nên theo đó hiểu rõ hết thấy đạo lý tạp nhiễm, thanh tịnh của tâm ý thức trong ba cõi... Ngoài đây ra, sự hiển bày lý của tâm, ý, thức ở chỗ khác chỉ tùy theo sự giáo hóa hữu tình sai biệt mà được kiến lập. Vì muốn giáo hóa hữu tình có huệ hẹp kém, nên dùng quyền phương tiện khiến kia dễ thu nhập.

Hỏi: Nếu thành tựu A-lại-da thức, cũng thành tựu chuyển thức ư? Giả sử thành tựu chuyển thức, cũng thành tựu A-lại-da thức ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có dạng thành tựu A-lại-da thức chẳng phải chuyển thức, đó là dạng vô tâm thù miên, vô tâm mê muội, nhập Vô tướng định, nhập Diệt tận định, sanh trời Vô tướng. Hoặc có dạng thành tựu chuyển thức, chẳng phải A-lại-da thức, đó là bậc A-la-hán, hoặc bậc Độc

giác, hoặc chư Bồ-tát bất thối và chư Như Lai trụ vị hữu tâm. Hoặc có dạng đều thành tựu cả hai, đó là hữu tình còn lại trụ vị hữu tâm. Hoặc có dạng không thành tựu cả hai, đó là bậc A-la-hán, hoặc bậc Độc giác, hoặc chư Bồ-tát bất thối và chư Như Lai nhập Diệt tận định, hướng đến Vô dư y Bát-niết-bàn giới.

Hỏi: Tụ tánh các pháp trong ngoài, mỗi mỗi trụ tụ tướng phân chia riêng khác, nhân duyên nào trong mười tám giới chỉ kiến lập tụ tánh của sáu thức giới? Các giới còn lại là sở y, sở duyên, trợ bạn của sáu thức giới kia mà được kiến lập ư?

Đáp: Do sáu thức giới ở trong niệm, nháy mắt, hơi thở, phút chốc, đêm ngày... nhanh chóng chuyển biến; nương giá duyên kia, nương nhân căn... duyên cảnh sắc... dụng các tâm sở lấy làm trợ bạn, chẳng phải một mà nhiều chủng chủng sanh khởi. Do nương vô lượng duyên kia kia mà được sanh, nên được vô lượng tên gọi. Thí như lửa nương duyên kia kia mà bốc cháy mạnh mẽ, bấy giờ liền có vô số tên gọi. Tức là lửa kia nhờ cỏ, cây, phân bò, mặt cưa làm duyên mà cháy mạnh, bấy giờ liền có vô số tên gọi là lửa cỏ cho đến lửa mặt cưa. Như vậy vì

nhãn, sắc dùng làm duyên, nên nhãn thức được sanh, do đó có vô số tên gọi nhãn thức, nói rộng cho đến vô số tên gọi ý thức. Nếu tự tánh nhãn giới... kia kia từ ban đầu sanh rồi, tức tự tánh tương tự kia kia sanh khởi, triển chuyển tương tục, theo đó chuyển rất ráo. Lại có loại thức mượn nhờ duyên kia kia, nên chủng chủng tự tánh sai biệt sanh khởi. Cho nên kiến lập tự tánh thức giới. Các giới còn lại vì làm sở duyên, sở y, trợ bạn cho kia mà được kiến lập.

Lại nữa, nay sẽ biện **biết khắp thức thân**.

Hỏi: Khi Bí-sô thực hành thanh tịnh tâm, có bao nhiêu chủng tướng biết khắp tâm?

Đáp: Nói lược có ba chủng tướng: 1. Tướng vui đắm tạt nhiễm; 2. Tướng lỗi lầm tai họa của tạt nhiễm; 3. Tướng phương tiện thiện xảo khiến tạt nhiễm được đoạn trừ.

Sao gọi là Bí-sô thực hành thanh tịnh tâm, biết khắp tướng vui đắm tạt nhiễm của tự tâm? Bí-sô khởi nghĩ như vậy: “Nay tâm ta đây đêm dài vui đắm ở nơi các tạt nhiễm”. Đã tự biết rồi, liền từ bỏ tánh tham, tâm dừng nghỉ, an trụ nơi tánh là

tham. Nếu khi ấy tâm không thể an trụ, cũng không vui thích nơi tánh lìa tham, thì không duyên điều khác, chỉ nhanh chóng trở lại nhập vào rong ruổi trong tánh tham kia. Như tự biết tánh có tham, thì tự biết tánh có sân, si, hạ liệt, trạo cử, không tịch tĩnh, tán loạn, cho đến tánh vui đấm phóng dật... liền từ bỏ, tâm dừng nghỉ, an trụ tinh cần tu tập các thiện pháp. Nếu khi ấy tâm không thể an trụ, cũng không vui thích siêng tu thiện pháp, thì không duyên điều khác, chỉ nhanh chóng trở lại nhập vào rong ruổi trong tánh si kia, cho đến trong tánh vui đấm phóng dật. Như vậy gọi là Bí-sô thực hành thanh tịnh nơi tâm biết khắp tướng vui đấm tạp nhiễm của tự tâm.

Sau khi biết khắp rồi, Bí-sô thực hành thanh tịnh nơi tâm lại năng biết khắp tướng lỗi lầm tai họa của tạp nhiễm, khởi nghĩ như vậy: “Tâm ta hiện tại có tham khiến tổn hại mình, tổn hại người, tổn hại cả hai; khiến hiện pháp sanh tội, hậu pháp sanh tội, cho đến hiện pháp, hậu pháp sanh tội; lại năng làm duyên khiến thân tâm ưu khổ”. Như khởi nghĩ ở nơi tánh có tham, cho đến khởi nghĩ ở nơi tánh vui đấm phóng dật nên biết cũng

vậy. Lại khởi nghĩ như vậy: “Vì tâm có tham dấy cho đến tâm vui đấm phóng dật dấy, mà có lỗi lầm, có tật bệnh, có hoạnh tử, có tai họa, có ưu não”.

Sau khi biết khắp tướng lỗi lầm tai họa của tạp nhiễm nơi tự tâm, lại năng biết khắp tướng phương tiện thiện xảo khiến tạp nhiễm nơi tâm được đoạn trừ. Tức là khởi nghĩ như vậy: “Ta nay không được thuận theo tạp nhiễm lỗi lầm có tật bệnh, có hoạnh tử, có tai họa, có ưu não. Nếu tâm tự tại chuyển theo kia, tất khiến tâm ta thuận theo thế lực của ngã mà chuyển”. Vị kia đã rõ biết như vậy, lại tiếp tục luôn luôn tinh cần, ở nơi tâm có tham, xả tánh có tham, vui thích an trụ nơi tánh không tham, lại thấy được công đức thù thắng của việc kia, cho đến xả tánh vui đấm phóng dật, vui thích an trụ siêng tu tập các thiện pháp, lại thấy được công đức thù thắng của việc kia.

Vị kia đã nhiều an trụ hành như vậy, bấy giờ nơi tâm chẳng do tinh cần mà tự nhiên vui thích an trụ siêng tu tập các thiện pháp; đối với tánh tạp nhiễm mà trước kia vui thích thuận theo, rày sanh sâu chán lìa. Do nhân duyên đây, Bí-sô thực hành thanh tịnh tâm như thật rõ biết tâm mình đang vui

đắm theo tạp nhiễm, liền nhanh chóng hồi chuyển tánh, không chút do dự; lại năng khéo biết tâm tạp nhiễm có tánh lỗi lầm; lại năng khéo biết phương tiện thiện xảo khiến tâm tạp nhiễm kia được đoạn trừ. Tất cả điều trên khiến Bí-sô hành thanh tịnh tâm chóng năng chứng đắc tánh tâm thanh tịnh vô thượng, chỗ gọi các lậu vñh viễn tận.

Lại nữa, nay sẽ biện về **tâm thiện xảo sai biệt và chuyển tâm thiện xảo sai biệt**.

Đó là nương tự tánh biến kế sở chấp nên biết tâm thiện xảo sai biệt, nương tự tánh y tha khởi nên biết chuyển tâm thiện xảo sai biệt.

Lại, nếu người năng khéo léo huân tu tâm sẽ được 2 lợi ích thù thắng: 1. Ở thời quả được an lạc; 2. Ở thời nhân tự tại hành chuyển.

Lại người tâm hỗn loạn vẫn đực có 3 lỗi lầm: 1. Lỗi lầm do không như lý tác ý; 2. Lỗi lầm do tùy miên; 3. Lỗi lầm do triền sanh khởi.

Hỏi: Như Thế Tôn thuyết: “Phải ở nơi tâm khéo dñng mãnh sâu, như lý quán sát niệm trụ. Nhưng cần yếu phải ở nơi thân trụ quán tuần thân, cho đến ở nơi pháp trụ quán tuần pháp”. Đây có

mật ý gì?

Đáp: Vì hiển bốn niệm trụ chỉ cần quán sát tâm, đó là quán tâm chấp thọ, quán tâm lãnh nạp, quán tâm liễu biệt và quán tâm nhiễm tịnh. Chỉ vì quán sát tâm sở chấp thọ, tâm sở lãnh nạp, tâm liễu biệt cảnh và tâm nhiễm tịnh nên thuyết bốn niệm trụ.

Lại có các Bí-sô an trụ 3 chủng trụ, hành 6 chánh hạnh, tức là đối với lời dạy của Đại sư có nhiều sự thực hành.

Ba chủng trụ: 1. An trụ nơi trụ giải thoát; 2. An trụ nơi trụ giải thoát môn; 3. An trụ nơi trụ pháp năng dẫn giải thoát môn.

Sáu chánh hạnh: 1. Hành hạnh không gián đoạn; 2. Hành hạnh lãnh thọ khéo tư duy; 3. Hành hạnh tu tập dẫn thiện căn sanh khởi; 4. Hành hạnh xa lìa các ái vị, khéo phân tích chọn lọc; 5. Hành hạnh không tăng thượng mạn; 6. Hành hạnh chánh thọ dụng thanh tịnh.

Lại có 2 chủng xả thí: 1. Xả thí người thọ nhận; 2. Xả thí người thí cho. Quả thí cũng có 2 chủng: 1. Được giàu sang sung túc lớn; 2. Được thắng giải thọ dụng đẳng lưu.

Lại nữa, nay sẽ biện **chứng thành đạo lý**.

Hỏi: Nương đạo lý nào mà tuyên thuyết: “Các hành tướng sanh từ vị lai chẳng phải thật, chẳng phải có?”

Đáp: Giả sử hành tướng của pháp vị lai thật có mà được sanh, pháp đây vì chuyển mà nói sanh ư? Tức là từ nơi đời vị lai chuyển hướng đến nơi đời hiện tại, tức là ở vị lai chết rồi ở hiện tại sanh ư? Tức là đời vị lai chết, sanh đời hiện tại là kia làm duyên mà được sanh ư? Tức là pháp trụ ở vị lai không biến đổi, dụng kia làm duyên, ở đời hiện tại có pháp trụ khác, là có nghiệp dụng mà nói sanh ư? Tức là đời vị lai xưa không có nghiệp dụng, đến đời hiện tại mới có nghiệp dụng, là tướng viên mãn mà nói sanh ư? Tức là đời vị lai tướng chưa viên mãn, đến đời hiện tại tướng được viên mãn, là do tướng khác mà nói sanh ư? Tức là ở trong vị lai có phần vị lai và có phần nhân, do hai chủng đây tướng có sự khác nhau; lại đến hiện tại, có phần hiện tại và có phần quả, do hai chủng đây tướng có sự khác nhau mà nói sanh ư?

Như vậy 6 chủng khiến các pháp sanh khởi đều không đúng đạo lý. Vì cơ sao? Pháp chẳng

phải không phương không xứ mà có nghĩa từ phương khác chuyển đến phương khác; cũng chẳng phải pháp chưa sanh, chưa đã sanh mà có nghĩa chết.

Nếu kia làm duyên mà được sanh, thì pháp khác đây chẳng phải vị lai sanh, ở vị lai đây liền chưa là có.

Lại trong đệ nhất nghĩa, vì tất cả pháp không tác dụng, nên là nghiệp dụng tướng khác chẳng thể có được, chỉ tức nơi tướng mà giả kiến lập. Giả sử có tướng khác, thì vị lai, hiện tại đồng thật có tướng, mà chỉ nói hiện tại riêng có nghiệp dụng thì lý này bất khả đắc.

Lại nghiệp dụng đây liền lẽ xưa không mà nay được sanh, liền thành trái với ngôn thuyết vi diệu của Đức Thế Tôn: “Các hành chẳng phải thường, chẳng phải hằng”. Trong lúc ông lại hiển các hành nghiệp dụng vô thường. Do nghĩa đây, hành phải là thường.

Ở một tướng, nếu phần tướng khác được là có, cơ sao phần khác của tướng lại chẳng có? Lại phần tướng khác xưa không nay có, cơ sao phần khác của tướng lại chẳng thành xưa không nay có? Lại là tất cả hành tướng như sắc... phần vị lai khác tất

không thể đắc. Lại lẽ vị lai không có tướng quả, hiện tại mới có tướng quả sanh khởi.

Như vậy đã biện chứng thành đạo lý. Nương đạo lý đây nên biết tuyên thuyết: “Tất cả hành tướng của các pháp vị lai chẳng phải thật chẳng phải có, xưa không nay có”. Như đối với vị lai, thì quá khứ theo chỗ thích hợp do đạo lý đây đều tuyên thuyết chẳng phải thật, chẳng phải có.

Lại hành quá khứ thế nào? Là tướng đã diệt mất, tự tánh đã xả. Hành hiện tại thế nào? Là tướng chưa diệt mất, tự tánh chưa xả, lúc sanh tạm trụ. Hành vị lai thế nào? Là nhân hiện có, tự tướng chưa sanh, tự tánh chưa được.

Hỏi: Nếu các hành vị lai xưa không mà được sanh, thì có sao hoa đốm trong hư không, sừng thỏ, thạch nữ... chẳng sanh?

Đáp: Vì hoa đốm trong hư không... không có nhân sanh, còn tất cả các hành mỗi mỗi sai khác quyết định có nhân sanh.

Hỏi: Nếu tất cả hành mỗi mỗi có nhân sanh sai biệt, thì nhân duyên nào các hành không đồng thời sanh ngay?

Đáp: Tuy các hành có nhân sanh mỗi mỗi sai

biệt, nhưng phải đợi duyên mới được sanh khởi. Nếu duyên sanh của hành kia hiện tiền, nhân của hành kia mới sanh hành kia. Cho nên các hành tuy hiện có nhân, nhưng không thể cùng một lúc sanh khởi ngay.

Lại sao gọi là nhân các hành? Sao gọi là duyên? Đức Thế Tôn thuyết: “Duyên sanh các hành lược có 4 chủng: một là nhân duyên; hai là đẳng vô gián duyên; ba là sở duyên duyên; bốn là tăng tượng duyên”. Chủng nhân duyên thứ nhất cũng là nhân cũng là duyên. Ba chủng còn lại chỉ là duyên, chẳng phải nhân.

1. Nhân duyên: Là các sắc căn, chỗ căn nương tựa và thức. Hai đây lược nói năng giữ gìn tất cả chủng tử các pháp. Nếu đuổi theo sắc căn có các chủng tử sắc căn, chủng tử sắc pháp khác và tất cả chủng tử tâm, tâm pháp. Nếu đuổi theo thức có tất cả chủng tử thức và chủng tử pháp vô sắc khác, các chủng tử sắc căn và chủng tử sắc pháp còn lại. Nên biết tự tánh sắc pháp còn lại chỉ là sự đuổi theo của tự chủng tử, trừ đại chủng sắc. Do đại chủng sắc là sự đuổi theo của hai loại chủng tử, chỗ gọi là

chúng tử đại chúng và chúng tử sắc sở tạo. Kiến lập sự đuổi theo sai khác của các chúng tử tượng tục đây, tùy theo chỗ thích hợp mà pháp được sanh. Đây gọi là nhân duyên.

Lại nữa, nếu các sắc căn và tự đại chúng chẳng phải chỗ đuổi theo của chúng tử pháp tâm tâm sở, thì nhập Diệt tận định, nhập Vô tướng định, sanh trời Vô tướng, thời sau chẳng lẽ thức... lại sanh? Tất nhiên lại sanh. Cho nên phải biết chúng tử pháp tâm tâm sở đuổi theo sắc căn, lấy đây làm duyên, kia lại được sanh.

Lại nữa, nếu chúng tử phi sắc đuổi theo các thức, thì hàng dị sanh sanh ở Vô sắc giới thọ tận, nghiệp tận chết đi, lúc sanh trở lại cõi dưới, chúng tử vô sắc lẽ không sanh lại? Tất lẽ sanh. Cho nên nên biết chúng tử các sắc đuổi theo nơi thức, lấy đây làm duyên nên sắc pháp lại sanh.

Lại nữa, nếu các dị sanh do đạo thế gian nhập Sơ tinh lự được sanh cõi kia, bấy giờ các pháp nhiệm ô và chúng tử các pháp khác của Dục giới chỉ có thể tổn hại nhất thời, mà không thể vĩnh viễn hại diệt. Vì có sao? Do dị sanh đây từ định kia hoàn thối, nên pháp nhiệm ô của Dục giới trở lại hiện tiền, từ Sơ

tĩnh lự chết rồi sanh trở lại Dục giới.

Lại nữa, có ba chủng tổn phục: 1. Tổn phục do xa lìa; 2. Tổn phục do nhầm chán họa hoạn; 3. Tổn phục do Xa-ma-tha.

Sao gọi là tổn phục do xa lìa? Như có người xa lìa pháp tại gia hướng đến xuất gia, xa lìa chủng chủng thọ dụng dục mà thọ trì cấm giới. Ở trong hạnh viễn ly, thọ trì cấm giới, thân cận tu tập hoặc nhiều tu tập. Do thân cận tu tập, nhiều tu tập không gián đoạn, nên ở nơi các dục tâm không thú nhập, tâm không lưu tán, tâm không an trụ, tâm không vui đắm, cũng không phát khởi lực tăng thượng đối với các dục, cũng không duyên theo cảnh giới kia khiến sanh khởi phiền não. Đây gọi là tổn phục do xa lìa.

Sao gọi là tổn phục do nhầm chán họa hoạn? Như có một người do tưởng quá hoạn, hoặc do tưởng bất tịnh, hoặc do tưởng xanh bầm ứ thảy, hoặc do thuận theo một tác ý như lý... biết được họa hoạn của các dục kia, nên sanh nhầm chán. Tuy chưa ly dục, nhưng đối với các dục tu nhầm chán trái nghịch, tâm không thú nhập cho đến nói rộng. Như vậy gọi là tổn phục do nhầm chán họa hoạn.

Sao gọi là tổn phục do Xa-ma-tha? Như có một người do đạo thế gian, hoặc đắc ly dục Dục giới, hoặc đắc ly dục Sắc giới. Do tâm tương tục nhậm trì Xa-ma-tha, nên ở trong dục, sắc mà tâm không thú nhập, nói rộng như trên. Như vậy gọi là tổn phục do Xa-ma-tha.

Nếu Thánh đệ tử nương đạo xuất thế mà ly dục Dục giới, cho đến đều đắc ly dục của ba cõi, bấy giờ tất cả chủng tử pháp nhiễm ô của ba cõi thảy đều vĩnh viễn được đoạn trừ. Vì cố sao? Vì Thánh đệ tử ở trong hiện pháp không từ ly dục mà hoàn thối thất, hoặc lại hiện tiền phát khởi phiền não của địa dưới. Nếu sanh ở địa trên cũng không hoàn thối thất, khiến từ địa kia chết đi sanh trở lại địa dưới. Thí như vỏ thóc bên ngoài bao bọc hạt giống (chủng tử) bên trong, được để nơi khí hậu khô ráo hay trong kho trống. Tuy hạt thóc kia không sanh mầm, nhưng chẳng phải không có hạt giống bên trong. Nếu để trên lửa nấu chín, lúa kia bị hỏng, bấy giờ không thể thành hạt giống. Đạo lý tổn hại nhất thời (tổn phục) và vĩnh viễn hại diệt chủng tử bên trong của các pháp nên biết cũng vậy.

Nếu Thánh đệ tử lúc sắp nhập Vô dư Niết-bàn

giới, sở hữu tất cả chúng tử pháp thiện và vô ký đều bị tổn hại. Do chúng tử pháp nhiễm đoạn diệt, nên không trở lại chiêu cảm quả dị thực ở đời đương lai, cũng không lại năng sanh quả tự loại. Nên biết đây là tổn phục thứ tư, được gọi là tổn phục do vĩnh viễn hại diệt trợ bạn.

Lại kể đầy đủ phục, chỗ có tâm sanh khởi hoặc đồng hành vui, hoặc đồng hành khổ, hoặc đồng hành không khổ không vui. Tất cả tâm đây đều là sự theo đuổi của chúng tử vui, chúng tử khổ và chúng tử không khổ không vui. Nếu khởi tâm hoặc thiện, hoặc nhiễm ô, hoặc vô ký, thì tất cả tâm đây đều là sự đuổi theo của chúng tử thiện, chúng tử nhiễm ô và chúng tử vô ký.

Lại các bậc hữu học không đầy đủ phục, chỗ có tâm sanh khởi hoặc tâm thiện thế gian, hoặc tâm xuất thế, hoặc tâm nhiễm ô, hoặc tâm vô ký. Tất cả tâm đây đều là sự đuổi theo của tất cả chúng tử phiền não tu đạo sở đoạn. Do chưa đoạn, nên có lúc được sanh khởi, cũng là sự đuổi theo của chúng tử các pháp còn lại.

Lại các bậc vô học đã vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não, chỗ có tâm sanh khởi hoặc tâm thiện

thế gian, hoặc tâm xuất thế, hoặc tâm vô ký. Tất cả tâm đây đều đã vĩnh viễn lìa chủng tử pháp nhiễm, chỉ là sự đuổi theo của tất cả chủng tử pháp thiện, vô ký tiếp nối mà sanh.

Lại nữa, nên biết sự kiến lập đạo lý chủng tử đây là nương chưa kiến lập thánh giáo A-lại-da thức mà thuyết. Nếu đã kiến lập giáo A-lại-da thức, nên biết lược thuyết tất cả chủng tử các pháp đều nương A-lại-da thức.

Lại các pháp kia hoặc chưa vĩnh viễn bị đoạn trừ, hoặc chẳng phải bị đoạn trừ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết có sự đuổi theo của chủng tử.

Hỏi: Như Thế Tôn thuyết: “Ta nói các Bí-sô A-la-hán ở nơi bốn chủng pháp tăng thượng tâm, thì trong hiện pháp trụ nơi an lạc”. Nếu thối thất một trong bốn chủng pháp kia, tuy tất cả chủng tử nhiễm ô đều vĩnh viễn bị hại, sao nói là sanh khởi lại phiền não của địa dưới? Nếu không sanh khởi lại, vị kia sao gọi là thối thất?

Đáp: Thối có 2 chủng: 1. Đoạn thối; 2. Trụ thối. Nói đoạn thối: là chỉ dị sanh. Nói trụ thối: là các thánh giả, cũng là dị sanh.

Nếu nương đạo thế gian mà đoạn các phiền

não, về sau phiền não lại hiện tiền khởi, nên biết bấy giờ do thối thất trong việc đoạn nên bị thối, gọi là đoạn thối, cũng gọi là trụ thối. Nếu nương đạo xuất thế đã đoạn phiền não, nhưng tâm lao vào công việc thế tục, chẳng chuyên tu tập như lý tác ý, do đây ở khoảng giữa chẳng năng đắc hiện pháp lạc trú, phiền não luôn hiện tiền phát khởi. Như tên gọi trước, đây cũng như thế. Nhưng nếu phiền não của địa dưới đã đoạn, thì không hiện tiền trở lại. Như vậy do thối thất trong việc an trụ nên bị thối, gọi là trụ thối, chẳng phải đoạn thối.

Hỏi: Nếu đã đoạn tất cả phiền não thành A-la-hán, mà chưa thể vĩnh viễn hại diệt tất cả chủng tử pháp nhiễm, sao nói là tâm thiện giải thoát. Còn quả A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận?

Đáp: Nếu đã vĩnh viễn hại diệt, ở trong tương tục vĩnh viễn không còn chủng tử pháp nhiễm, bấy giờ chủng tử pháp nhiễm, tư duy bất chánh còn không khởi, hà huống khởi các phiền não. Do đây nên biết người do đạo xuất thế mà đoạn trừ phiền não, thì quyết chắc không còn thối thất.



Quyển 52

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ỨNG ĐỊA

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 2

2. Đẳng vô gián duyên: Là các tâm tâm sở đây không gián đoạn, các tâm tâm sở kia sanh, cho nên nói đây là đẳng vô gián duyên kia. Nếu sáu thức đây là đẳng vô gián duyên sáu thức kia, tức thi thiết đây gọi là ý căn, cũng gọi là ý xứ, cũng gọi là ý giới.

3. Sở duyên duyên: Là năm thức thân theo thứ lớp lấy năm cảnh là sắc, thanh, hương, vị, xúc làm sở duyên duyên; hoặc ý thức lấy tất cả nội ngoại của mười hai xứ làm sở duyên duyên.

4. Tăng thượng duyên: Đó là nhãn xứ.. nhãn thức... là đồng sanh tăng thượng duyên. Hoặc tác ý ở nơi cảnh sở duyên là các thức dẫn phát tăng thượng duyên. Hoặc các tâm, tâm sở triển chuyển xoay vần là đồng sanh tăng thượng duyên. Hoặc

nghiệp tịnh, bất tịnh, cùng với quả ái, phi ái và quả dị thực về sau là sở tác trước kia tăng thượng duyên. Hoặc ruộng, phân, nước... cùng với mầm lúa là thành biện tăng thượng duyên. Hoặc trí khéo léo cùng với sự nghiệp công xảo của thế gian là công nghiệp tăng thượng duyên.

Lại trong bốn duyên ấy, một chủng nhân duyên hướng về pháp được sanh, năng làm nhân sanh. Ba chủng duyên còn lại hướng về pháp được sanh, chỉ là nhân phương tiện. Cho nên các hành sanh, lúc duyên phương tiện hiện tại tiền, thì chủng tử các hành kia liền năng sanh khởi các hành kia. Do vậy các hành không có nghĩa đồng thời sanh khởi ngay. Nên biết nương theo bốn duyên như vậy kiến lập mười nhân, như trong *Bồ-tát địa đã thuyết*.

Hỏi: Như Thế Tôn thuyết: “Các hành quá khứ làm duyên sanh ý. Các hành vị lai làm duyên sanh ý”. Các hành quá khứ, vị lai chẳng phải có, vậy có sao Thế Tôn tuyên thuyết hành kia làm duyên sanh ý? Nếu ý cũng duyên sự cảnh *chẳng phải có* mà lại được sanh, thì sao không trái với ngôn thuyết vi diệu của Đức Thế Tôn: “Do hai chủng duyên mà các thức được sanh. Những gì là hai? Đó là nhân và

sắc, nói rộng cho đến ý và pháp?”

Đáp: Do nghĩa năm thức thân năng chấp giữ “không hành”, nên Phật Thế Tôn mới giả lập danh “pháp”. Do vậy mà nói: “Ý duyên cùng pháp, ý thức được sanh”.

Hỏi: Vì nhân duyên nào biết Phật Thế Tôn có mật ý ấy?

Đáp: Do ý thức kia cũng duyên thức quá khứ, vị lai làm cảnh giới hiện đời khả đắc, chẳng phải cảnh thức kia nhiếp thuộc pháp xứ. Lại tánh có ấy an lập nghĩa có, năng trì nghĩa có; hoặc tánh không ấy an lập nghĩa không, năng trì nghĩa không, cho nên đều gọi là pháp. Do ý thức kia ở nơi nghĩa tánh có, nếu do nghĩa đây mà được an lập, tức dụng nghĩa như vậy khởi thức liễu biệt; ở nơi nghĩa tánh không, nếu do nghĩa đây mà được an lập, tức dụng nghĩa như vậy khởi thức liễu biệt. Nếu ở nơi hai chủng chẳng do hai nghĩa như thế mà khởi liễu biệt, thì không nên nói ý duyên tất cả nghĩa, nắm lấy tất cả nghĩa. Giả sử tác thuyết đây liền xúng với tự hại. Lại chẳng nên nói như sở hữu đã thuyết, thì phi hữu cũng là như lý thuyết. Cho nên ý thức như việc quá khứ vị lai, chẳng phải thật có tướng,

duyên kia làm cảnh. Do đây nên biết ý thức cũng duyên *chẳng phải có* làm cảnh.

Lại có ngôn luận đạo lý rộng sâu, do đây chúng biết có duyên không thức. Đó là ngôn thuyết vi diệu của Thế Tôn: “Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trung gian đều không có ngã”. Ngã đây vô tánh, chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Quán cộng tướng thức, chẳng phải chẳng duyên cảnh giới kia mà chuyển. Đây gọi là ngôn luận đạo lý thứ nhất.

Lại ở trong sự sanh khởi biến đổi của sắc, hương, vị, xúc như vậy như vậy, mà thi thiết an lập các việc ăn uống, xe cộ, áo quần, nhà ở, vật dụng... Các sự đây là sắc, hương... đều không chỗ có. Tánh không có đây chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Quán tự tướng thức, chẳng phải chẳng duyên cảnh giới kia mà chuyển. Đây là ngôn luận đạo lý thứ hai.

Lại loại trừ chỗ tà kiến của ngoại đạo cho rằng tất cả đều vô sở hữu, như không thí, không thọ, cũng không lễ nghi tế tự, nói rộng như trước. Nếu thấy thí, thọ, lễ nghi... là vô tánh, tức kiến như vậy chẳng phải tà kiến. Vì có sao? Vì kia như

thật thấy, như thật thuyết. Nếu không như vậy, những kẻ tà kiến duyên cảnh giới đây lẽ ra thức không chuyển. Đây là ngôn luận đạo lý thứ ba.

Lại trong các hành không thường, không hằng, không chẳng biến đổi, mà trong đây lấy các hành thường hằng, bất biến, vô tánh, chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Quán cộng tướng thức, chẳng phải chẳng duyên cảnh giới đây mà chuyển. Nếu thức duyên cảnh giới đây chẳng chuyển, liền ở trong các hành thường hằng, bất biến, tánh rỗng không, trí tuệ không như thật quán sát. Nếu không quán sát thì không sanh nhàm chán. Nếu không sanh nhàm chán thì không ly dục. Nếu không ly dục thì không giải thoát. Nếu không giải thoát thì không vĩnh viễn tận đến cứu cánh Niết-bàn. Nếu có lý đây, tất cả hữu tình đều rất ráo thuận theo tạp nhiễm, không thời kỳ ra khỏi, xa lìa. Đây là ngôn luận đạo lý thứ tư.

Lại hành vị lai còn không có sanh, hà huống có diệt. Nhưng ở nơi hành vị lai, Thánh đệ tử chẳng phải không trụ tùy quán sanh diệt. Đây là ngôn luận đạo lý thứ năm.

Do tất cả đây, chứng biết có duyên mà không

ý thức. Lại có chủng loại ngôn luận chứng thành đạo lý khác, quyết chắc có duyên mà không có thức, tùy theo đó nên biết.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Có nghiệp quá khứ”. Đây mật ý gì? Nếu nghiệp quá khứ thể là không, thì không nên ở thời nay lãnh thọ cái thọ có tổn hại, hoặc lại không nên lãnh thọ cái thọ không tổn hại?

Đáp: Trong quá khứ sanh nghiệp tịnh, bất tịnh, đã khởi, đã diệt, năng chiêu cảm quả ái, phi ái ở vị lai. Chủng tử nghiệp đây được nhiếp thọ huân tập, ở nơi hành tương tục triển chuyển không đoạn dứt. Thế Tôn vì hiển sự tương tục như vậy nên nói rằng: “Có nghiệp quá khứ”.

Lại, Phật Thế Tôn vì quán hai nghĩa sau nên tác thuyết như thế: 1. Ý vì ngăn chặn phái luận nhân không bình đẳng, nên hiển đạo lý đây. Bởi những kẻ kia kiến chấp cho là tự tánh trưng phụ từ trời Đại tự tại, Đế Thích, Phạm vương và các cõi trời khác mà tất cả hữu tình tịnh, bất tịnh chuyển sanh; 2. Ý ngăn chặn phái luận không nhân nên hiển đạo lý đây. Bởi những kẻ kia kiến chấp cho là đều không có nhân mà tất cả hữu tình tịnh, bất

tĩnh chuyển sanh.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Có hành quá khứ. Ở trong các hành kia, chúng đệ tử Thanh văn đầy đủ đa văn của Ta không trụ doái luyến. Có hành vị lai. Ở trong các hành kia, chúng đệ tử Thanh văn đầy đủ đa văn của Ta không trụ mong muốn”. Đây mật ý gì?

Đáp: Các hành quá khứ cho quá nên có, các hành vị lai nhiếp nhân nên có. Vì cơ sao? Bởi các hành hiện tại do ba tướng mà được hiển rõ: 1. Do quả, tánh quá khứ; 2. Do nhân, tánh vị lai; 3. Do tự tướng tương tục không đoạn dứt. Vì hiển lý đây, nên Phật Thế Tôn nói lời như thế.

Lại vì quán hai nghĩa nên tác thuyết như thế: 1. Vì ngăn chặn đoạn dứt những kẻ kế chấp cho là pháp quá khứ, vị lai là thật có, cho nên hiển đạo lý đây. Nếu tánh tướng các hành quá khứ vị lai là thật có, chẳng lẽ do tánh quá khứ vị lai kia mà nói là có; 2. Vì ngăn chặn đoạn dứt những kẻ kế chấp không, cho nên hiển đạo lý đây. Bởi kẻ kia kế chấp cho là đời quá khứ, vị lai đều vô sở hữu, hiện tại cũng vậy.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Có giới quá khứ, có

giới vị lai, có giới hiện tại”. Đây mật ý gì?

Đáp: Hoặc chúng tử tương tục đã cho quả, gọi là giới quá khứ. Hoặc chúng tử tương tục chưa cho quả đương lai, gọi là giới vị lai. Hoặc chúng tử tương tục chưa cho quả hiện tại, gọi là giới hiện tại. Nên biết trong đây mật ý như vậy: Nếu Bí-sô... ở trong chúng tử tương tục như thế mà được thiện xảo, gọi là trong tất cả pháp kia chứng được vô lượng chủng chủng tự tánh các giới thiện xảo.

Lại, thế nào là lia sắc uẩn... nên biết sanh, lão, trụ, vô thường không riêng thật có? Đó là loại trừ tánh thật có của các hành vị lai, nên biết cũng loại trừ tánh thật có của sanh. Vì có sao? Vì sanh của đời vị lai tự nó không chỗ có, làm sao năng sanh các hành khác. Cũng chẳng phải sanh hiện tại năng sanh các hành hiện tại. Chỉ do tướng sanh đây có tên gọi sai khác, chỗ gọi là các hành hoặc sanh, hoặc khởi, hoặc tánh hiện tại, lia sự sai khác đây mà sanh các tướng khác quyết định không thể đắc. Kẻ thông huệ chẳng nên nói rằng: “Tức do hiện tại khiến các hành kia thành tánh hiện tại”. Vì có sao? Nếu tác thuyết: “Sanh đây sanh các hành”, nên biết hiển nghĩa “tức tánh hiện tại năng

thành hiện tại”. Lại tất cả pháp mỗi mỗi tự có nhân chủng tử riêng khác, đầu đời kế chấp có sanh khác mới năng sanh.

Lại tướng sanh đây tức là các hành sanh, hay là nhân các hành sanh? Nếu tức là các hành sanh, thì kế chấp “tướng sanh đây năng sanh các hành, bởi có sanh nên các hành được sanh”, điều này không đúng đạo lý. Nếu là nhân các hành sanh, thì khi các hành sanh, ở mỗi một hành liền có hai sanh, đó là sanh và năng sanh. Điều này không đúng đạo lý.

Như sanh, thì lão, trụ, vô thường do đạo lý đây nên biết cũng vậy. Cho nên biết sanh... ở trong các hành giả thi thiết có. Do có nhân, nên các hành chẳng phải gốc. Tự tướng mới khởi gọi là sanh. Về sau khởi các hành sai khác với trước gọi là lão. Tức các hành kia sanh tạm thời chưa dừng gọi là trụ. Sát-na sau sanh, tướng các hành tận, gọi là diệt, cũng gọi là vô thường.

Hỏi: Nếu pháp hữu vi khả đắc đầy đủ bốn tướng hữu vi sanh, lão, trụ, diệt, cơ sao Thế Tôn chỉ thuyết ba chủng: 1. Sanh; 2. Diệt; 3. Tánh trụ, dị (biến đổi)?

Đáp: Do hiển ba đời của tất cả hành. Theo đời vị lai thì xưa vốn không mà sanh, cho nên Thế Tôn vì đời vị lai, ở nơi pháp hữu vi mà thuyết tướng sanh hữu vi. Tức kia đã sanh lại lui vào quá khứ, cho nên Thế Tôn vì đời quá khứ, ở nơi pháp hữu vi mà thuyết tướng diệt hữu vi. Pháp đời hiện tại chỗ hiển hai tướng trụ và dị. Vì cơ sao? Duy đời hiện tại mới khả đắc trụ, mà trước sau biến đổi cũng chỉ ở hiện tại, cho nên Thế Tôn vì đời hiện tại, ở nơi pháp hữu vi mà thuyết chung trụ và dị là một tướng hữu vi.

Hỏi: Thánh đệ tử Phật nên quán pháp hữu vi có đầy đủ ba tướng. Cơ sao chỉ thuyết chúng Thánh đệ tử ở trong các uẩn trụ tùy quán sanh diệt, mà không thuyết tùy quán tánh trụ dị?

Đáp: Sanh và trụ dị chỗ hiển đồng sanh, cho nên hai tướng hợp làm một phần kiến lập phẩm sanh, tức là thuyết trụ tùy quán một tướng sanh; đối với phần thứ hai kiến lập phẩm diệt, tức là thuyết trụ tùy quán một tướng diệt. Lại do ở nơi tướng đây phát khởi tư duy, sanh sâu nhàm chán, cho nên trong đây chỉ thuyết tướng kia. Đó là ở trong các hành quán tướng vô thường, năng khởi

nhàm chán họa hoạn, ly dục giải thoát, nên chỉ tư duy tánh tướng vô thường. Tánh tướng vô thường đây xưa không nay có, có rồi lại trở lại không. Chỗ hiển xưa không nay có gọi là sanh; có rồi trở lại không gọi là diệt.

Lại nữa, *sanh* có nhiều chủng sai biệt: sát-na sanh, tương tục sanh, tăng trưởng sanh, tâm sai biệt sanh, khả ái sanh, không khả ái sanh, hạ liệt sanh, trung xứ sanh, thắng diệu sanh, hữu thượng sanh, vô thượng sanh.

Trong đây các hành, sát-na sát-na mới mới mà khởi, gọi là sát-na sanh.

Hoặc đủ các kiết, hoặc không đủ các kiết, từ tụ hữu tình này mất sanh qua tụ hữu tình kia, các uẩn nối tiếp sanh, gọi là tương tục sanh.

Hoặc từ lúc là đồng tử cho đến suy lão... gọi là tăng trưởng sanh.

Hoặc duyên cảnh giới nào đó ở đêm ngày, sát-na, lạc-phước, ni-hô-lật-đa... lớp lớp dời chuyển trôi qua, chẳng phải một chủng mà nhiều chủng chủng tâm khởi hoặc tương ưng vui, hoặc tương ưng khổ, hoặc tương ưng không khổ không vui, hoặc tâm có tham, hoặc tâm lìa tham, nói rộng cho đến hoặc

tâm thiện giải thoát, hoặc tâm bất thiện giải thoát. Như vậy gọi là tâm sai biệt sanh.

Hoặc sanh trong đường vui như trời người, gọi là khả ái sanh.

Hoặc sanh trong đường khổ như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, gọi là không khả ái sanh.

Hoặc sanh trong Dục giới thấp kém, gọi là hạ liệt sanh. Hoặc sanh trong Sắc giới trung xứ, gọi là trung xứ sanh. Hoặc sanh ở Vô sắc giới thắng diệu, gọi là thắng diệu sanh.

Lại có cách giải thích khác: Ban đầu nhập thai gọi là hạ liệt sanh. Giữa hai lần nhập thai gọi là trung xứ sanh. Cuối cùng nhập thai gọi là thắng diệu sanh.

Lại có cách giải thích khác: Pháp nhiễm ô và quả nhiễm ô sanh, gọi là hạ liệt sanh. Các pháp thiện và quả thiện sanh, gọi là thắng diệu sanh. Trừ quả thiện, bất thiện, là pháp vô ký. Pháp vô ký sanh, gọi là trung xứ sanh.

Hoặc sanh nương theo các cõi, đó là sanh từ Dục giới cho đến Vô sở hữu xứ, gọi là hữu thượng sanh. Hoặc sanh Phi tưởng phi phi tưởng xứ gọi là vô thượng sanh.

Hoặc nương tương tục sanh, sát-na sanh mà nói, trừ sở hữu các uẩn của vị tối hậu như A-la-hán, thì sở hữu hành sanh của tất cả vị khác gọi là hữu thượng sanh. Nếu sở hữu hành sanh của vị tối hậu A-la-hán, gọi là vô thượng sanh.

Lại nữa, *lão* có nhiều chủng sai biệt: thân lão, tâm lão, thọ lão, biến hoại lão, tự thể chuyển biến lão.

Trong đây suy biến cho đến thân hoại như kinh rộng thuyết, gọi là thân lão.

Hoặc tâm tương ưng thọ lạc biến chuyển thành tâm tương ưng thọ khổ, hoặc tâm thiện biến chuyển thành tâm nhiễm ô, hoặc tâm mong muốn việc khả ái biến chuyển thành quả tâm không như mong muốn, đây gọi là tâm lão.

Hoặc ở đêm ngày, sát-na, lạc-phược, ni-hô-lật-đa... luôn luôn dời đổi trôi qua, thọ lượng suy tổn, dần dần thuyên giảm đến lúc đều tận, gọi là thọ lão.

Hoặc sự giàu sang hưng thịnh bị giảm mất, lúc sức khỏe không bệnh cường tráng mà suy biến, gọi là biến hoại lão.

Hoặc ở trong đường thiện tự thể tăng trưởng

mạnh mẽ rồi chết đi, tự thể sanh khởi trong đường ác hạ liệt, gọi là tự thể chuyển biến lão.

Lại có một lão làm duyên năng thành như tất cả chúng lão đã thuyết trên, đó là lão của các hành sát-na sát-na chuyển, chỗ gọi là tánh biến đổi lão.

Lại nữa, *trụ* có nhiều chủng sai biệt: sát-na trụ, tương tục trụ, duyên tương tục trụ, không tán loạn trụ, lập quỹ phạm trụ.

Trong đây, hoặc các hành đã sanh, khi tạm dừng sanh gọi là sát-na trụ.

Hoặc các chúng sanh ở cõi giới kia, chỗ được tự thể, nương vật thực mà tồn tại mạng sống, cho đến trụ giới hạn thọ lượng; hoặc khí thể gian bên ngoài tồn tại lượng bằng đại kiếp, gọi là tương tục trụ.

Hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc; hoặc pháp thiện, bất thiện, vô ký... cho đến các duyên riêng biệt hiện tại tiền, gọi là duyên tương tục trụ.

Hoặc do các bậc tâm định hiện tiền chánh khởi tam-ma-địa, gọi là không tán loạn trụ.

Hoặc ở phương xứ, đất nước, thành thị, thôn quê... hoặc nơi có nhiều người sinh sống, tụ tập...

kiến lập quỹ phạm, tùy theo đó mà chuyển. Đây gọi là quỹ phạm trụ.

Lại nữa, *vô thường* có nhiều chủng sai biệt: hoại diệt vô thường, sanh khởi vô thường, biến đổi vô thường, tán hoại vô thường, sẽ có vô thường và hiện đọa vô thường.

Trong đây, hoặc tất cả hành sanh khởi đi đến diệt, gọi là hoại diệt vô thường.

Hoặc tất cả hành xưa không nay có, gọi là sanh khởi vô thường.

Hoặc các hành khả ái khởi tướng hành khác, gọi là biến đổi vô thường.

Hoặc có đầy đủ thứ khả ái và địa vị tăng thượng không biến hoại, mà bị lìa tan hư mất, gọi là tán hoại vô thường.

Bốn vô thường kể trên ở đời vị lai, gọi là sẽ có vô thường. Ở đời hiện tại đang hiện tiền gọi là hiện đọa vô thường.

Nếu kẻ thọ dụng dục trần nhiều phóng dật, chỉ năng tư duy biến đổi vô thường, tán hoại vô thường và hiện đọa vô thường mà rộng khởi ta thán, sầu ưu, bi lụy... nhưng ở nơi các hành lại không thể chán lìa. Nếu là các ngoại đạo, ở nơi các

tánh vô thường như vậy lại khởi nhiều tư duy, năng dùng phương tiện là nhằm chán họa hoạn, ly dục, nhưng rất yếu kém, đối với các hành chỉ chán lia một phần, chẳng thể chán lia rốt rác. Nếu là Thánh đệ tử thì tư duy trọn vẹn các tánh vô thường, đối với các hành hoàn toàn nhằm chán họa hoạn của chúng, cho đến được giải thoát.

Lại nữa, sao gọi là *hoạch đắc thành tựu*? Nếu nói lược thì do nhân của sanh được duyên nhiếp thọ khiến tăng trưởng mạnh mẽ, gọi là đắc. Do đạo lý đây, nên biết đắc là giả có. Giả sử nói đắc là thật có, thì do nhân các hành sanh, hay là nhân các pháp chẳng ly tán?

Nếu là nhân các hành sanh, thì từ trước đến nay pháp chưa được sanh, do đây không có đắc của nhân sanh, lẽ thường chẳng sanh. Do đây cũng lẽ sẽ rất ráo chẳng có đắc.

Nếu là nhân các pháp chẳng ly tán, thì tất cả pháp thiện, bất thiện và vô ký, do đã đắc nên các pháp kia cùng có. Như vậy chúng trái lẫn nhau mà vẫn hiện hành cùng lúc. Cho nên cả hai điều trên đều không đúng đạo lý.

Lại nhân sanh của đắc đây, chỗ gọi là mỗi

duyên riêng nhiếp các pháp thuộc chủng loại của chính nó. Nhân ly tán, tức là do duyên khác hiện tại tiền, duyên khác ly tán. Nếu ở trong dẫn phát duyên có thể lực tự tại giả lập là đắc, có bổ-đặc-già-la sĩ phu lấy tự tại đây làm chỗ nương, tuy các pháp kia đã khởi, đã diệt, nhưng nếu muốn điều kia trở lại hiện tiền, liền khéo nhanh chóng dẫn phát các duyên khiến được sanh khởi. Cho nên đây cũng gọi là đắc.

Nên biết đắc đây lược có 3 chủng: 1. Thành tựu chủng tử; 2. Thành tựu tự tại; 3. Thành tựu hiện hành.

Hoặc chỗ có các pháp vô ký, pháp nhiễm ô mà pháp thiện được sanh, chẳng do dụng công mà hiện tiền. Các chủng tử pháp bất thiện và vô ký kia hoặc chưa bị sự tổn phục của Xa-ma-tha, hoặc chưa bị sự vĩnh viễn đoạn trừ của Thánh đạo và các pháp thiện kia chưa bị sự tổn phục của các tà kiến như kẻ đoạn thiện căn... như vậy gọi là thành tựu chủng tử. Vì cơ sao? Vì các chủng tử pháp nhiễm kia chưa bị tổn phục, chưa bị vĩnh viễn đoạn trừ, bấy giờ kia hiện hành hoặc không hiện hành đều gọi là thành tựu.

Hoặc gia hạnh pháp thiện sanh và một phần pháp vô ký sanh, nhân chủng tử được duyên nhiếp thọ khiến tăng trưởng mạnh mẽ, gọi là thành tựu tự tại.

Hoặc hiện tại tự tướng các pháp hiện tiền triển chuyển, gọi là thành tựu hiện hành.

Lại nữa, sao gọi là *mạng căn*? Do nghiệp trước, tự thể được sanh ở cõi giới kia, sở hữu thời phần, hạn lượng, đời sống tồn tại gọi là thọ sanh khí mạng căn. Đây lại có nhiều chủng sai biệt: hoặc quyết định, bất định; hoặc tùy chuyển, không tùy chuyển; hoặc ít, nhiều; hoặc có ngăn mé, không ngăn mé; hoặc tự thể lực chuyển, chẳng phải tự thể lực chuyển.

Trong đây, trừ phần thọ lượng của người ở Thiệm-bộ châu, các cõi sanh còn lại có thọ lượng quyết định, gọi là thọ lượng quyết định. Ở Thiệm-bộ châu đây, hoặc có khi thọ mạng rộng không hạn lượng, hoặc có khi ngắn ngủi, gọi là thọ lượng bất định.

Người ở Bắc-cu-lô châu, thọ lượng tùy chuyển rất rảo, không bị chết yếu, gọi là thọ lượng tùy chuyển. Ngoài ra tất cả cõi khác gọi là không tùy chuyển.

Người ở Thiệm-bộ châu lúc thọ 10 tuổi, gọi là thọ ít. Một phần bàng sanh cũng gọi là thọ ít. Vì có sao? Vì một phần bàng sanh thọ lượng được 1 ngày 1 đêm. Hoặc có một số loài, hoặc hai, hoặc ba cho đến rất nhiều có thể thọ lượng được 10 ngày 10 đêm. Hữu tình thọ sanh ở Phi tướng phi phi tướng xứ, vì thọ lượng trái qua số 8 vạn đại kiếp, gọi là thọ nhiều.

A-la-hán... thì gọi là thọ có ngần mé. Hoặc các hữu học ở trong hiện pháp quyết định Bát-niết-bàn, hoặc các dị sanh trụ tối hậu hữu, cũng gọi là thọ có ngần mé. Nên biết ngoài đây ra thì gọi là thọ không ngần mé.

Hoặc bậc A-la-hán, hoặc chư Bồ-tát, hoặc chư Như Lai ở trong thọ hành tự tại duy trì sở hữu mạng căn, gọi là tự thế lực chuyển. Nên biết còn lại gọi là chẳng phải tự thế lực chuyển.

Lại nữa, sao gọi là *chúng đồng phận*? Nói lược thì hữu tình kia thọ sanh nơi kia, đồng giới, đồng thú, đồng sanh, đồng loại, đồng tánh, đồng vị, đồng hình... bởi kia có các tánh phận giống nhau, gọi là chúng đồng phận, cũng gọi là hữu tình đồng phận. Trong đây, hoặc có hữu tình do giới đồng

phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng sanh một giới. Hoặ có hữu tình do thú đồng phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng sanh một thú. Hoặ có hữu tình do sanh đồng phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng sanh một sanh. Hoặ có hữu tình do loại đồng phận mà gọi là đồng phận, tức là đồng một chủng loại. Hoặ có hữu tình do tánh thể, phần vị, đi đứng, dung sắc, dáng mạo, âm thanh, nhà cửa, y thực đồng phận mà gọi là đồng phận. Hoặ có hữu tình do lỗi lầm đồng phận và công đức đồng phận mà gọi là đồng phận, như kẻ sát sanh so với kẻ sát sanh, nói rộng cho đến kẻ tà kiến so với kẻ tà kiến; người lìa sát sanh so với người lìa sát sanh, cho đến người chánh kiến so với người chánh kiến; từ bậc Dự lưu cho đến Độc giác, A-la-hán so với Dự lưu cho đến Độc giác, A-la-hán; Bồ-tát so với Bồ-tát, Như Lai so với Như Lai, xoay vần như vậy gọi là đồng phận.

Lại nữa, sao gọi là *tánh dị sanh*? Đó là chưa vĩnh viễn hai lượng của chủng tử pháp kiến sở đoạn của ba cõi gọi là tánh dị sanh. Nếu nói lược có bốn chủng tánh dị sanh: 1. Chủng tánh nhiếp lấy pháp không Bát-niết-bàn; 2. Chỗ đuổi theo của

chúng tánh Thanh văn; 3. Chỗ đuổi theo chúng tánh Độc giác; 4. Chỗ đuổi theo chúng tánh Như Lai.

Lại nữa, sao gọi là *hòa hợp*? Là các nhân, các duyên năng sanh các pháp kia kia lược chung làm một gọi là hòa hợp, tức đây cũng gọi là nhân đồng sự.

Lại có nhiều chủng sai biệt: hoặc có lãnh thọ hòa hợp, đó là sáu xứ duyên xúc, hoặc sắc duyên... hoặc tác ý duyên... hoặc xúc duyên thọ.

Hoặc có dẫn sanh hậu hữu hòa hợp: là vô minh duyên hành... thọ duyên ái, ái duyên thủ, nói rộng cho đến sanh duyên lão tử.

Hoặc có sáu xứ trụ hòa hợp: là bốn thực và mạng căn.

Hoặc có công xảo xứ thành tựu viên mãn hòa hợp: là trí công xảo và nghiệp tương ưng kia, đầy đủ tác dụng sĩ phu.

Hoặc có thanh tịnh hòa hợp: là sự tích tập mười hai chủng không tạp, tức tự tha viên mãn...

Hoặc có thể tục hòa hợp: vì các hữu tình nương nhau, ý vui lực tăng thượng, không chống đối nhau, không tranh không tụng cũng không chia lìa.

Lại nữa, sao gọi là *danh thân*? Nương tự tánh thi thiết, tự tướng thi thiết của các pháp. Do khắp phân biệt, duy chỉ có tướng kiến lập tùy theo ngôn thuyết. Đây gọi là *danh thân*.

Sao gọi là *cú thân*? Tức nương tự tướng thi thiết của kia, ở nơi sở hữu các pháp sai biệt thi thiết kiến lập hý luận cho là công đức, quá thất, tạp nhiễm, thanh tịnh. Đây gọi là *cú thân*.

Sao gọi là *văn thân*? Là tánh nương *danh thân* và *cú thân*, chỗ có văn chữ thân. Đây gọi là *văn thân*.

Lại ở trong tất cả sự sở tri, sự lý lẽ, tướng cạn mỏng là *văn*, tướng trung là *danh*, tướng sâu rộng là *cú*.

Nếu chỉ nương *văn*, chỉ năng liễu đạt trên âm vận, không thể liễu đạt sở hữu nghĩa sự. Nếu nương *danh*, thì năng liễu đạt tự tánh, tự tướng các pháp, cũng năng liễu đạt chỗ có âm vận, nhưng không thể liễu đạt chọn lựa phân tích pháp sâu rộng sai khác. Nếu nương *cú*, nên biết năng liễu đạt tất cả.

Lại *danh*, *cú*, *văn thân* đây, nên biết phân biệt được kiến lập ở nơi năm minh xứ là nội minh, nhân minh, thanh minh, y phương minh và sự

nghiệp thế gian công xảo xứ minh.

Lại nữa, sao gọi là *lưu chuyển*? Là nhân quả của các hành, tánh tương tục chẳng dứt. Đây gọi là lưu chuyển.

Lại có nhiều chủng sai biệt. Hoặc có chủng tử lưu chuyển: là có chủng tử, các pháp không hiện tiền.

Hoặc có thể lực tự tại lưu chuyển: là chủng tử bị tổn, các pháp hiện hành.

Hoặc có chủng quả lưu chuyển: là chủng tử không bị tổn, các pháp hiện hành.

Hoặc có danh lưu lưu chuyển: là bốn phi sắc uẩn.

Hoặc có sắc lưu lưu chuyển: là các nội ngoại mười hữu sắc xứ cùng với các sắc nhiếp thuộc pháp xứ.

Hoặc có Dục giới lưu lưu chuyển: là các hành triền của Dục.

Hoặc có Sắc giới lưu lưu chuyển: là các hành triền của Sắc.

Hoặc có Vô sắc lưu lưu chuyển: là các hành triền của Vô sắc.

Hoặc có lạc lưu lưu chuyển: là thọ lạc cùng sở

y xứ của kia. Như vậy cho đến khổ lưu lưu chuyển, không khổ không lạc lưu lưu chuyển phải biết cũng vậy.

Hoặc có thiện lưu lưu chuyển: là các hành thiện.

Hoặc có bất thiện lưu lưu chuyển: là các hành bất thiện.

Hoặc có vô ký lưu lưu chuyển: là các hành vô ký.

Hoặc có thuận lưu lưu chuyển: là thuận duyên khởi.

Hoặc có nghịch lưu lưu chuyển: là nghịch duyên khởi.

Lại nữa, sao gọi là *quyết định sai khác*? Từ vô thủy đến nay chủng chủng nhân quả quyết định sai khác, tánh không tạp loạn. Như Lai xuất thế hoặc không xuất thế, pháp nhĩ các pháp vốn như vậy.

Lại có nhiều chủng sai biệt: hoặc có lưu chuyển, hoàn diệt quyết định khác, đó là thuận, nghịch duyên khởi.

Hoặc có tất cả pháp quyết định khác: là 12 xứ thâm nhiếp tất cả pháp, không quá không hơn.

Hoặc có lãnh thọ quyết định khác: là ba thọ thân nhiếp tất cả thọ, không quá không hơn.

Hoặc có trụ quyết định khác: là tất cả phần trong cho đến thọ lượng, tất cả phần ngoài trải qua đại kiếp trụ.

Hoặc có hình lượng quyết định khác: là các hữu tình sanh ở nơi hữu sắc xứ, có thân hình lượng quyết định sai khác và phần ngoài của bốn đại châu... có hình lượng quyết định sai khác.

Lại nữa, sao gọi là *tương ưng*? Các pháp kia kia là ngôn thuyết thấy, là kiến lập thấy, là chỉ dạy hiển bày thấy, là các phương tiện thù thắng. Đây gọi là tương ưng.

Lại có bốn đạo lý phân biệt tương ưng sai khác: quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, nhân thành đạo lý và pháp nhĩ đạo lý. Các đạo lý đây nên biết đã phân biệt rộng trong *Thanh văn địa*.

Lại nữa, sao gọi là *thế tốc*? Là tánh các hành sanh diệt tương ưng vận chuyển nhanh chóng. Đây gọi là thế tốc.

Lại có nhiều chủng sai biệt. Hoặc có các hành lưu chuyển thế tốc: là tánh các hành sanh diệt.

Hoặc có thế tốc của hữu tình đi trên đất: là

người, voi, ngựa...

Hoặc có thể tốc của hữu tình bay trên không: là Phi-ly không hành, Dược-xoa không hành và chư thiên...

Hoặc có ngôn âm thế tốc: là lời chuyển vận nhanh nhẹn sắc bén.

Hoặc có lưu nhuận thế tốc: là sông lớn, sông nhỏ... có dòng chảy xiết.

Hoặc có thiêu cháy thế tốc: là lửa cháy nhanh, lửa mạnh do gặp gió lớn.

Hoặc có dẫn phát thế tốc: là như hết thủy tên bắn.

Hoặc có trí tuệ thế tốc: là người tu quán, có tánh tuệ sở tri giản trạch nhạy bén.

Hoặc có thần thông thế tốc: là người đại thần thông, chỗ có thân ý chuyển vận thần thông nhanh chóng.

Lại nữa, sao gọi là *thứ lớp*? Ở mỗi hành có sự tương tục riêng biệt, mỗi mỗi tùy chuyển trước, giữa, sau thứ lớp. Đây gọi là thứ lớp.

Lại có nhiều chủng sai biệt. Hoặc có lưu chuyển thứ lớp: là vô minh duyên hành, nói rộng cho đến sanh duyên lão tử.

Hoặc có hoàn diệt thứ lớp: là vô minh diệt nên hành diệt, cho đến sanh diệt nên lão tử. diệt.

Hoặc có người tại gia, xuất gia đi đứng thứ lớp. Đó là quá ban mai thức dậy, tắm gội, trang điểm, mặc áo quần, ăn uống, sắp đặt công việc cho đến ngủ nghỉ. Đây là thứ lớp đi đứng của người tại gia. Hoặc y phục nghiêm chỉnh, đi vào tụng lạc, tuần tự khát thực, thọ thực như pháp, rời khỏi tụng lạc quay về, ngồi yên thọ thực, xong rửa bát, rửa chân, vào thất không nhàn, đọc tụng kinh điển, như lý tư duy, ban ngày ngồi yên hay kinh hành, trong lòng tịnh tu đoạn diệt các chướng, đến giữa đêm ít ngủ, ở phần sau đêm nhanh chóng thức dậy chỉnh trị tu tập nghiệp của thân. Hoặc ở trong Tăng, tu nghiệp hòa kính, tùy theo lớn nhỏ, thứ lớp sắp xếp chỗ ngồi, chỗ nằm và phân chia lợi dưỡng cùng sắp đặt sự việc. Đây là thứ lớp đi đứng của người xuất gia.

Hoặc có tăng trưởng thứ lớp: ở vị anh nhi, đồng tử... sanh trưởng thứ lớp theo tám giai đoạn.

Hoặc có hiện quán thứ lớp: ở trong bốn thánh đế, hiện quán thứ lớp.

Hoặc có nhập định thứ lớp: là thứ lớp nhập chín thứ đệ định.

Hoặc có tu học thứ lớp: là tăng thượng giới học làm chỗ nương sanh tăng thượng tâm học, tăng thượng tâm học làm chỗ nương sanh tăng thượng tuệ học.

Lại nữa, sao gọi là *thời*? Do mặt trời mọc, lặn lực tăng thượng mà an lập hiển thị thời tiết sai biệt. Hoặc lại do các hành sanh diệt lực tăng thượng mà an lập hiển thị đời sai biệt. Đây gọi chung là thời. Thời đây có nhiều chủng sai biệt: thời, năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, sát-na, lap-phược, ni-hô-lật-đa... và quá khứ, vị lai, hiện tại.

Lại nữa, sao gọi là *số*? Là sự an lập hiển thị mỗi sự vật không giống nhau, nên có số lượng tính đếm sai khác. Đây gọi là số. Lại số đây có nhiều chủng sai biệt, như là số một, số hai, quá đây trở lên thì gọi là số nhiều. Lại biên tế số gọi là a-tăng-xí-da, vì quá đây trở đi tất cả toán số chẳng thể tính đếm, cho nên biên tế số lại còn gọi là bất khả số.

Lại nữa, sao gọi là *chủng tử*? Không thể tách riêng các hành mà riêng có thật vật, gọi là chủng tử, cũng chẳng phải ở nơi khác. Nhưng tức ở nơi các hành có chủng tánh như vậy, đẳng sanh như

vậy, an bố như vậy, gọi là chủng tử, cũng gọi là quả. Nên biết trong đây tướng quả và tướng chủng tử không tạp loạn. Vì có sao? Nếu nhìn về quá khứ các hành, tức ngay đây gọi là quả. Nếu nhìn về vị lai các hành, tức ngay đây gọi là chủng tử. Như vậy, nếu lúc nhìn về vị lai gọi là chủng tử, chẳng phải lúc bấy giờ được gọi là quả. Nếu nhìn về thời quá khứ gọi là quả, chẳng phải ở lúc bấy giờ được gọi là chủng tử. Cho nên biết chủng tử và quả, tướng không tạp loạn. Thí như hạt lúa... và chủng tử, mầm, thân, lá... Ở hạt lúa kia, xay giã đập tách ra để tìm chủng tử thì rất chẳng thể được, cũng chẳng phải tìm ở nơi khác. Nhưng nơi các đại chủng có chủng tánh như vậy, đẳng sanh như vậy, an bố như vậy, tức là hạt lúa kia năng làm duyên khiến chủng tử, mầm, thân, lá... được sanh, nên gọi là chủng tử. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

Hỏi: Trước đã thuyết tổn phục chủng tử pháp nhiệm, thế nào là tổn phục chủng tử pháp thiện?

Đáp: Nếu tổn phục của người ân trọng tập thiện, trái với các pháp nhiệm ô, là tổn phục thứ nhất, cũng gọi là tổn phục do xa lìa. Nếu tổn phục của kẻ chấp thủ tà kiến, nhiều tập tà kiến như các

ngoại đạo, là tổn phục thứ hai, cũng gọi là tổn phục do nhàm chán họa hoạn. Nếu tổn phục của kẻ nhiều tu tập tà kiến phỉ báng, như kẻ đoạn thiện căn, là tổn phục thứ ba, cũng gọi là tổn phục do Xa-ma-tha. Nếu tổn phục của bậc năng vĩnh viễn hại diệt chủng tử pháp nhiễm như trước đã thuyết, là tổn phục thứ tư, cũng gọi là tổn phục do vĩnh viễn hại diệt trợ bạn.

Lại nếu nói lược thì tất cả chủng tử bao gồm 9 chủng: 1. Đã cho quả; 2. Chưa cho quả; 3. Quả đang hiện tiền; 4. Quả không hiện tiền; 5. Phẩm nhuyễn; 6. Phẩm trung; 7. Phẩm thượng; 8. Tổn phục; 9. Không tổn phục.

Hoặc đã cho quả, đây gọi là quả đang hiện tiền. Hoặc quả đang hiện tiền, đây gọi là đã cho quả. Hoặc chưa cho quả, đây gọi là quả không hiện tiền. Hoặc quả không hiện tiền, đây gọi là chưa cho quả. Hoặc ở vị trụ bản tánh gọi là phẩm nhuyễn. Hoặc tu tập, hoặc điều luyện pháp thiện, bất thiện chưa đến rốt ráo, gọi là phẩm trung. Hoặc tu tập, hoặc điều luyện đã đến rốt ráo, gọi là phẩm thượng. Hoặc tổn phục, hoặc không tổn phục, nên biết như trước.

Lại nữa, Ta sẽ nói lược về *an lập chủng tử*. Sao gọi là an lập chủng tử? Trong A-lại-da thức, tất cả tự tánh các pháp biến kế hư vọng chấp là tập khí, đây gọi là an lập chủng tử. Nhưng tập khí đây là thật vật có, hay thế tục có? So với các pháp, tập khí kia không thể nhất định nói là tướng khác hay không khác, tức đây cũng gọi là biến hành thô trọng.

Hỏi: Nếu tập khí đây nhiếp tất cả chủng tử, lại gọi là biến hành thô trọng, vậy thì các pháp xuất thế gian từ chủng tử nào sanh? Nếu nói chủng tử tự tánh thô trọng là chủng tử sanh, thì không hợp đạo lý?

Đáp: Các pháp xuất thế gian từ chủng tử chân như sở duyên duyên sanh, chẳng do chủng tử tập khí tích tập mà sanh.

Hỏi: Nếu chẳng phải chủng tử tập khí tích tập mà sanh, vậy do nhân duyên nào kiến lập chủng tánh bồ-đặc-già-la có ba chủng pháp Bát-niết-bàn sai biệt và kiến lập chủng tánh bồ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn. Vì có sao? Vì tất cả đều có chân như làm sở duyên duyên.

Đáp: Do có chướng, không chướng sai biệt.

Nếu nơi chân như sở duyên duyên, chủng tử rất ráo có chướng, do đây kiến lập chủng tánh bổ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn. Nếu chẳng như vậy, kiến lập chủng tánh bổ-đặc-già-la pháp Bát-niết-bàn. Nếu chủng tử rất ráo có sở tri chướng biểu hiện tại sở y, chẳng phải chủng tử phiền não chướng, thì kiến lập một phần chủng tánh bổ-đặc-già-la Thanh văn, kiến lập một phần chủng tánh bổ-đặc-già-la Độc giác. Nếu chẳng như vậy, thì kiến lập chủng tánh bổ-đặc-già-la Như Lai. Cho nên không lỗi. Nếu các pháp xuất thế gian đã sanh tức liền tùy chuyển, nên biết do sự nhậm trì của lực chuyển y. Nhưng chuyển y đây và A-lại-da thức xoay vần trái ngược. Chuyển y đối trị A-lại-da thức gọi là vô lậu giới, là các hý luận.



Quyển 53

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ỨNG ĐỊA

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 3

Lại nữa, sao gọi là *biểu nghiệp*? Lược có ba chủng: 1. Nhiễm ô; 2. Thiện; 3. Vô ký.

Hoặc thân, ngữ, ý không lìa mười nghiệp đạo bất thiện, hiện hành lực tăng thượng, chỗ có biểu nghiệp của thân, ngữ như vậy gọi là biểu nghiệp nhiễm ô.

Hoặc thế nguyện thọ xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện, chỗ có biểu nghiệp của thân, ngữ như vậy gọi là biểu nghiệp thiện.

Hoặc một phần sở hữu biểu nghiệp của thân ngữ thuộc về các biểu hiện oai nghi, các sự nghiệp công xảo xứ, gọi là biểu nghiệp vô ký.

Hoặc không muốn biểu thị cho người biết, chỉ tự trong tâm khởi ý tư duy suy xét, không dùng lời nói, chỉ hiện hành biểu nghiệp của ý phát khởi pháp thiện, nhiễm ô, vô ký, gọi là biểu nghiệp của ý.

Trong đây, chỉ có thân diệt ở xứ này sanh ở xứ khác, hoặc tại xứ đây biến đổi mà sanh, gọi là biểu nghiệp của thân. Chỉ có ngũ âm gọi là biểu nghiệp của ngũ. Chỉ phát khởi tâm tạo tác tư duy gọi là biểu nghiệp của ý.

Tất cả biểu nghiệp đều là giả có. Vì có sao? Do tất cả các hành đều sát-na, nên từ phương này di chuyển đến phương khác, thì không đúng đạo lý. Lại chỉ lia các hành sanh, cái khác mới thật có tác dụng, do đây nhãn nhĩ ý đều bất khả đắc, cho nên nói tất cả biểu nghiệp đều là giả có.

Lại nếu có người sanh trong nhà bất luật nghi, tự phát khởi tâm như vậy: “Ta sẽ dùng phương cách này để tự nuôi sống mình”. Lại đối với phương thức nuôi sống phi pháp đây, nhiều lần khởi tâm vui muốn thích thú, gọi là kẻ bất luật nghi. Do nhiếp lấy bất luật nghi, do tác ý nhiếp lấy không như lý, tổn hại tâm cực nặng, chỉ thành những việc bất thiện căn rộng lớn, nhưng chưa thành tự sự sanh khởi sát sanh và nghiệp đạo bất thiện còn lại. Nếu sanh khởi các nghiệp bất thiện khác, hoặc ít, hoặc nhiều, cho đến về sau sự việc chưa hiện hành, tùy theo chỗ thích hợp lại càng tăng thêm

các nghiệp bất thiện.

Như sanh trong nhà bất luật nghi như vậy, tùy theo người, tùy theo sự việc, có người khởi tâm hưng thịnh, cho đến về sau chưa xả suy nghĩ đối với các bất luật nghi đây, thường được gọi là kẻ bất luật nghi. Một phần trong ngày cho đến cả ngày, kẻ kia nhiều tích tập suy nghĩ bất thiện, nhiều hiện hành nghiệp bất thiện, nên biết là sự chuyển vận tăng trưởng phi phước.

Lại, suy nghĩ mong muốn tà ác đây hằng cùng câu hành với bất tín, giải đãi, quên niệm, tán loạn, ác huệ, khiến năng lãnh thọ nghiệp kia, năng phát khởi nghiệp kia. Từ đây về sau, do chủng tử và do hiện hành đây nên tương tục chuyển trong hiện tại, cho đến có nhân duyên xả bỏ mà không xả bỏ, cho nên gọi là kẻ bất luật nghi.

Trong đây, nếu hiện hành các nghiệp ác, về sau sẽ chiêu cảm quả không được yêu quý, không được tin tưởng, không thông hiểu, cũng không được tùy nhập, gọi là bất tín.

Hoặc ở nơi nghiệp ác kia vui thích say đắm chuyển theo, không siêng năng khiến nghiệp kia dừng dứt, gọi là giải đãi.

Hoặc cùng tương ưng với quá thất, ở nơi pháp có tội không thể như thật nhớ rõ có tội, gọi là quên niệm.

Hoặc tâm nhiễm ô tương tục, không an trụ mà chuyển, gọi là tán loạn.

Hoặc tâm điên đảo tương tục mà chuyển, ở nơi các lỗi lầm mà cho là công đức thù thắng, gọi là ác huệ.

Do lực ác giới tăng thượng, nên sở hữu tư duy bất thiện đồng hành bất thiện, bất tín... hiện tại chuyển, gọi là kẻ ác giới.

Nếu trái với các tướng trên, như chỗ thích hợp nên biết gọi là người tùy chuyển theo luật nghi.

Lại có cách giải thích khác: Người kham năng thọ luật nghi mới được thọ. Trong đây hoặc có loại do người, do mình mà thọ luật nghi; hoặc có một loại chỉ tự nhiên thọ, trừ luật nghi Bí-sô. Vì cơ sao? Vì luật nghi của Bí-sô chẳng phải tất cả đều có thể kham thọ. Nếu luật nghi Bí-sô không do từ người truyền thọ, thì hoặc có người kham xuất gia, hoặc có người không kham xuất gia, chỉ vì muốn xuất gia, tất cả tùy theo sở thích tự nhiên xuất gia, như vậy thánh giáo không có quĩ phạm, cũng không

thể rõ biết pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Cho nên luật nghi Bí-sô không có nghĩa tự nhiên thọ.

Hỏi: Nếu trừ luật nghi Bí-sô, có loại luật nghi nào tự nhiên thọ? Vì nhân duyên nào lại từ người mà thọ?

Đáp: Do có hai chủng xa lìa ác giới, thọ chi tùy phòng hộ, chỗ gọi là tâm quý. Vì lúc hiện hành tội, đối với mình, đối với người sanh hồ thẹn sâu, gọi là ở nơi lìa ác giới, thọ chi tùy phòng hộ. Vì năng thọ đầy đủ, nên từ người mà thọ. Nếu có tâm chánh hiện tiền, tất cũng có quý. Chẳng phải có quý, nhất định có tâm. Cho nên pháp tâm thù thắng hơn. Nếu có người như điều đã thọ mà tự hộ trì sâu, nên biết chỗ sanh phước đức không sai khác.

Nếu có người khởi tâm đến chỗ của thầy, ân cần khuyến thỉnh, phát khởi nghiệp lễ kính... dùng chánh oai nghi đứng trước thầy, lại dùng lời nói biểu hiện nghĩa thù thắng mà mình mong muốn. Đây gọi là biểu nghiệp thân và biểu nghiệp ngữ. Biểu nghiệp ý tức là hai hành trước. Nếu người tự nhiên thọ chỉ có biểu nghiệp ý. Nếu suy nghĩ trái lìa bất luật nghi, thì do lực trái lìa tăng thượng cùng câu hành năm căn, nên gọi là luật nghi.

Lại thọ luật nghi đây tức là nhiếp lấy 100 hạnh. Đó là đối với mười chủng nghiệp cạo bất thiện, ít phần lìa sát sanh cho đến ít phần lìa tà kiến, gọi là mười hạnh đầu tiên.

Nếu nhiều phần lìa sát sanh cho đến nhiều phần lìa tà kiến, gọi là mười hạnh thứ hai.

Nếu toàn phần lìa sát sanh cho đến toàn phần lìa tà kiến, gọi là mười hạnh thứ ba.

Nếu ít thời lìa sát sanh cho đến ít thời lìa tà kiến, đó là hoặc một ngày, một đêm, hoặc nửa tháng, một tháng, hoặc cho đến một năm, gọi là mười hạnh thứ tư.

Nếu nhiều thời lìa sát sanh cho đến nhiều thời lìa tà kiến, đó là quá một năm, nhưng không đến lúc mạng chung, gọi là mười hạnh thứ năm.

Nếu lìa sát sanh cho đến lìa tà kiến đến thọ mạng tận hết, gọi là mười hạnh thứ sáu.

Nếu tự lìa sát sanh cho đến tự lìa tà kiến, gọi là mười hạnh thứ bảy.

Nếu khuyến tấn người khác cũng làm những hạnh như vậy, gọi là mười hạnh thứ tám.

Nếu ở nơi các việc kia, dùng vô lượng môn xưng tán, khen ngợi, kể lại, thực hành theo gọi là

mười hạnh thứ chín.

Nếu thấy người lìa sát sanh, cho đến người lìa tà kiến mà thâm tâm vui mừng sanh đại hoan hỷ, gọi là mười hạnh thứ mười.

Như vậy là 100 hạnh, lượng phước đức theo đó sanh khởi nên biết cũng vậy.

Lại nên biết luật nghi lược có 8 chủng: 1. Năng khởi luật nghi; 2. Nhiếp thọ luật nghi; 3. Phòng hộ luật nghi; 4. Hoàn dẫn luật nghi; 5. Phẩm hạ luật nghi; 6. Phẩm trung luật nghi; 7. Phẩm thượng luật nghi; 8. Thanh tịnh luật nghi.

Hoặc chưa chánh thọ, trước khởi tâm này: “Ta phải quyết định thọ xa lìa như thế”. Đây gọi là năng khởi luật nghi.

Hoặc lúc chánh nhiếp thọ giới xa lìa, gọi là nhiếp thọ luật nghi. Từ đây về sau, tư duy về giới xa lìa đây, nhiếp thọ năm căn lực tăng thượng, hằng thường câu hành với chủng tử kia. Ở từng thời gian cũng cùng hiện hành câu hành như thế. Do năm căn nhiếp thiện tư duy, nên tùy chuyển phòng hộ theo luật nghi đã thọ. Do nhân duyên đây, nếu có gần gũi bạn ác hay phiền não tăng nhiều khiến ác dục sanh khởi hiện hành, thì liền

hổ thẹn năng nhanh chóng xa lìa, tự nghĩ: “Chớ để kia khiến ta trái vượt với điều đã thọ mà đọa vào cõi ác”. Đây gọi là phòng hộ luật nghi.

Hoặc khi lạc mất niệm, các ác hiện hành, liền nhanh chóng khiến an trụ niệm, chân thành tự trách, phát lồ điều đã phạm, ưu hối từ bỏ, về sau kiên cố thủ hộ luật nghi đã thọ. Đây gọi là hoàn dẫn luật nghi.

Hoặc đối với các đạo nghiệp ác như sát sanh... ít phần xa lìa, ít thời xa lìa; chỉ tự xa lìa, chẳng khuyến tấn người; không dùng vô lượng môn xưng khen, tán thán, kể lại; thấy người đồng pháp thâm tâm cũng chẳng vui mừng sanh nhiều hoan hỷ. Đây gọi là phẩm hạ luật nghi.

Hoặc đối với các ác, nhiều phần xa lìa, nhiều thời xa lìa, nhưng không đến lúc mạng chung; tự năng xa lìa, cũng khuyến tấn người xa lìa, nhưng đối với xa lìa không dùng vô lượng môn xưng khen, tán thán, kể lại; thấy người đồng pháp thâm tâm không vui mừng sanh nhiều hoan hỷ. Đây gọi là phẩm trung luật nghi.

Hoặc đối với các ác, tất cả phần, tất cả thời, tự năng xa lìa, cũng khuyến tấn người xa lìa; dùng

vô lượng môn để xưng khen, tán thán, kể lại; thấy người đồng pháp tâm tâm vui mừng sanh đại hoan hỷ. Đây gọi là phẩm thượng luật nghi.

Hoặc đối với luật nghi đã thọ đây, năng không khuyết phạm lấy làm chỗ nương, tu vô hối... cho đến đầy đủ, nhập Sơ tinh lự. Do lực Xa-ma-tha năng tổn phục tất cả chủng tử phạm giới, đây gọi là tinh lự luật nghi.

Như Sơ tinh lự, thì Đệ nhị, Đệ tam, Đệ tứ tinh lự phải biết cũng vậy. Ở đây có sự sai biệt như vậy: do lìa đạo Xa-ma-tha nhiếp thuộc phần đối trị, chuyển sâu tổn hại chủng tử ác giới, đây gọi là lực thanh tịnh đầu tiên dẫn phát thanh tịnh luật nghi.

Nếu ở nơi luật nghi giới đây không khuyết phạm, cũng lại y chỉ tinh lự luật nghi, nhập hiện quán đế, đắc quả Bất hoàn. Bảy giờ tất cả chủng tử ác giới thấy đều vĩnh viễn bị đoạn trừ. Nếu nương “vị chí định” chứng đắc sơ quả, bảy giờ tất cả chủng tử năng đến ác thú, ác giới thấy đều vĩnh viễn bị đoạn trừ. Đây gọi là giới mà bậc Thánh yêu thích. Nên biết đây gọi là lực thanh tịnh thứ hai dẫn phát thanh tịnh luật nghi, tức cũng gọi là vô lậu luật nghi. Vô lậu luật nghi đây, nếu khi đắc quả A-

la-hán, chỉ do *thanh tịnh thù thắng năng trị* nên thắng, chẳng do *đoạn thù thắng sở trị* nên thắng.

Tổng tám chủng như vậy, duy chỉ tóm lược làm ba phần: **1.** Thọ luật nghi; **2.** Trì luật nghi; **3.** Thanh tịnh luật nghi. Hai luật nghi đầu là thọ. Phòng hộ, hoàn dẫn luật nghi là trì. Phấm hạ, phấm trung, phấm thượng luật nghi thông cả thọ và trì. Còn *Đệ nhị tinh lự vô lậu* thì nhiếp thuộc thanh tịnh.

Hỏi: Cớ sao Thế Tôn kiến lập ba loại luật nghi là Bí-sô, Cận sự và Cận trụ.

Đáp: Do ba nhân, tức là có ba loại người mà Phật giáo hóa: 1. Có loại năng hành là hành ác và là hành dục; 2. Có loại năng hành là hành ác, mà chẳng phải là hành dục; 3. Có loại chẳng năng hành là hành ác, cũng không là hành dục.

Nương giáo hóa loại thứ nhất, nên kiến lập luật nghi Bí-sô.

Nương giáo hóa loại thứ hai, nên kiến lập luật nghi Cận sự. Vì cớ sao? Vì sống nơi cư gia có nhiều sự thúc bách, chẳng thể tương tục một hướng hộ trì viên mãn các học xứ.

Nương giáo hóa loại thứ ba, nên kiến lập luật

nghi Cận trụ. Vì cơ sao? Vì loại đây không thể rớt ráo hành cả hai hạnh, chỉ khuyến tấn để kia nhiếp thọ hai nhân trên, không nên thúc ép. Trước tu ba chi là hành ác, sau tu bốn chi là hành dục, là phi phạm hạnh đồng tu cả hai chủng.

Hỏi: Luật nghi Bí-sô, Cận sự và Cận trụ nên biết mỗi loại nhiếp thuộc bao nhiêu chi?

Đáp: Luật nghi Bí-sô nhiếp thuộc bốn chi. Những gì là bốn? 1. Chi thọ Cụ túc; 2. Chi thọ học xứ tùy pháp; 3. Chi tùy hộ tâm người; 4. Chi tùy hộ học xứ đã thọ.

Hoặc tự mình dùng biểu nghiệp tác bạch tứ Yết-ma và nhiếp thọ tóm lược theo học xứ thô, gọi là chi thọ Cụ túc. Do chi cụ túc đây, nên gọi là Bí-sô ban đầu đầy đủ giới Bí-sô. Từ đây về sau, ở trong Biệt giải thoát Tỳ-nại-da sở hữu giới Bí-sô, nếu người kia dẫn phát nhiều học xứ, phòng hộ giữ gìn phụng hành, do đây được gọi là người thủ hộ luật nghi Biệt giải thoát. Đây gọi là chi thọ học xứ tùy pháp. Do thành tựu hai chi đây, nên đầy đủ quỹ phạm, đầy đủ sở hành. Đây gọi là chi tùy hộ tâm người. Đầy đủ quỹ phạm và đầy đủ sở hành như trong *Thanh văn địa* đã thuyết. Hoặc ở trong tội

nhỏ thấy sợ hãi lớn, tức trong các học xứ đã thọ năng không hủy phạm, nếu có hủy phạm liền năng ra khỏi. Đây gọi là tùy hộ học xứ đã thọ.

Luật nghi Cận sự nhiếp vào ba chi. Những gì là ba? 1. Chi thọ xa lìa tổn người là thù thắng hơn cả; 2. Chi ân trọng tu hành, xa lìa sự trái vượt điều đã thọ; 3. Chi không trái vượt điều đã thọ. Đó là hoặc vĩnh viễn xa lìa tổn hại mạng người, tổn hại tiền của của người, xâm tổn vợ người, gọi là chi ban đầu. Hoặc xa lìa vọng ngữ gọi là chi thứ hai. Hoặc xa lìa các thứ rượu, các nơi phóng dật, gọi là chi thứ ba.

Luật nghi Cận trụ nhiếp vào năm chi. Những gì là năm? 1. Chi thọ xa lìa tổn hại người; 2. Chi thọ xa lìa tổn hại mình người; 3. Chi trái vượt điều đã thọ liền ân trọng tu hành; 4. Chi trụ không trái vượt điều đã thọ, chánh niệm; 5. Chi không hoại chánh niệm. Đó là hoặc năng xa lìa tổn hại mạng người, tổn hại tài của của người, gọi là chi ban đầu. Lìa phi phạm hạnh là chi thứ hai. Vì có sao? Do lìa đây, không tập nhiễm thê thiếp của mình, nên không tổn hại mình. Cũng chẳng năng tập nhiễm thê thiếp người, nên không tổn hại người. Xa lìa

vọng ngữ là chi thứ ba. Trừ xa lìa các thứ rượu, các nơi phóng dật, xa lìa ba điều khác là chi thứ tư. Vì có sao? Vì thường xuyên tập quen với ca vũ, kỹ nhạc, xoa hương bôi phấn, nằm giường cao lớn, ăn uống phi thời. Để xa lìa kia phải luôn tự nhớ: “Ta nay quyết định an trụ trai giới”. Ở tất cả thời, kiên cố thủ hộ chánh niệm, xa lìa các thứ rượu, nơi phóng dật, gọi là chi thứ năm. Vì có sao? Vì người kia an trụ chi nhớ nghĩ chân chánh: “Ta nay quyết định trụ trai giới, nếu theo các thứ rượu say sẽ phát cuồng loạn, không tự tại hành chuyển”.

Nay ở trong đây, hoặc luật nghi Bí-sô-ni, hoặc luật nghi Chánh học, Cần sách nữ, vì đều nhiếp vào phẩm xuất gia, nên biết nhiếp thuộc luật nghi Bí-sô. Nếu luật nghi Cận sự nữ vì thuộc phẩm tại gia, nên chỗ hiển học xứ cũng giống như luật nghi Cận sự, nên biết nhiếp vào luật nghi Cận sự.

Hỏi: Có sao ở trong luật nghi Bí-sô, Thế Tôn chế lập hai chúng là luật nghi Bí-sô và Cần sách, còn ở trong luật nghi Bí-sô-ni lại chế lập ba chúng luật nghi là Bí-sô-ni, Chánh học và Cần sách nữ?

Đáp: Do người nữ kia nhiều phiền não, nên dần dần mới cho thọ học luật nghi Bí-sô-ni. Nếu

trước ở nơi ít phần học xứ Cần sách nữ sanh sâu vui thích, kể nên cho thọ sở hữu học xứ của Chánh học. Nếu đối với nhiều phần học xứ của Chánh học sanh vui thích sâu, thì chưa nên truyền Cụ túc ngay, rốt ráo trải qua hai năm tập học học xứ, nếu quý trọng vui thích sâu mới truyền đầy đủ giới. Như vậy tích tập tu học lâu dài ở ít phần học xứ rồi, kể mới có lực năng thọ nhiều học xứ sáu rộng, về sau mới năng tu học đầy đủ luật nghi Bí-sô-ni.

Hỏi: Cớ sao ở trong luật nghi Cần sách lại thêm giới xa lìa vàng bạc, sao không thêm ở luật nghi Cận trụ?

Đáp: Do Cần sách kia nhiếp vào chúng xuất gia. Phạm là người xuất gia có hai điều thật không tịnh diệu: 1. Rơi vào biên dục lạc, ham ưa trau chuốt trang điểm cho thân, hành vi thọ dụng đều theo ý thích, vui thích chơi đùa; 2. Tích trữ tiền của, châu báu. Vì đoạn trừ điều không tịnh diệu thứ nhất, nên kiến lập phải xa lìa ca múa kỹ nhạc cho đến ăn phi thời. Vì đoạn trừ điều không tịnh diệu thứ hai, nên kiến lập xa lìa nắm giữ vàng bạc. Bởi vàng bạc kia là vật căn bản và tối thắng trong tất cả tài bảo.

Hỏi: Cớ sao trong luật nghi Cận sách chế lập hai chi là xa lìa ca múa kỹ nhạc và xoa hương bôi phấn, còn trong luật nghi Cận trụ hợp làm một chi?

Đáp: Đối với việc ca múa kỹ nhạc, nếu người tại gia thọ dụng thì chẳng phải là không như pháp; còn người xuất gia thọ dụng thì quả thật là không như pháp. Cho nên đối với người tại gia thì chế lập cả hai thành một học xứ. Nếu người tại gia vi phạm, chân thành tự trách, hợp một phát lồ, chẳng phải hai chủng. Đối với người xuất gia, ở nơi một xứ đây chế riêng làm hai chi. Kia nếu khởi vi phạm, chân thành tự trách, phát lồ hai chủng, chẳng do một.

Hỏi: Cớ sao không chấp nhận cho phiến-quất-ca (bán nam), bán-trạch-ca (bán nữ) xuất gia và thọ Cụ túc giới?

Đáp: Do hai loại người đây, nếu cho vào trong chúng Bí-sô liền thành nữ; nếu cho vào chúng Bí-sô-ni, nhân chạm xúc liền thành nam. Do đây không cho sống cùng hai chúng. Cho nên chẳng thể chấp nhận cho loại đây xuất gia và thọ Cụ túc. Lại vì loại người đây nhiều phiền não, vì tánh phiền não

chướng cực ngăn che, chẳng thể phát khởi tư duy phân tích. Kẻ kia còn không thể tư duy khiến uẩn, giới hiện hành thanh tịnh, hà huống sẽ chứng vượt hơn pháp người. Cho nên không chấp nhận cho loại kia xuất gia và thọ Cụ túc giới. Lại trong chúng kia khó có được người tốt, cũng khó quán sát.

Hỏi: Cớ sao hai loại người đây tuy thọ quy y, cũng năng thọ sở hữu các học xứ của Cận sự nam, mà không được gọi là Cận sự nam?

Đáp: Người Cận sự nam gọi là năng gần gũi phụng sự chúng Bí-sô, Bí-sô-ni. Kẻ kia tuy có thể hộ trì luật nghi đã thọ, mà chẳng nên ở trong số người thân cận phụng sự chúng Bí-sô, Bí-sô-ni. Bí-sô, Bí-sô-ni lại cũng không nên thân cận nhiếp thọ, hoặc chạm hoặc xúc chúng loại như vậy. Lại cũng không nên xem như Cận sự nam mà thân thiện gần gũi. Cho nên loại kia không được gọi là Cận sự nam. Nhưng kẻ kia lãnh thọ hộ trì sở hữu học xứ thì phước đức như nhau không sai khác.

Lại nữa, sao gọi là *chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi*? Trừ phần trước đã thuyết về luật nghi, bất luật nghi, chỗ có nghiệp thân, ngữ, ý thiện, bất thiện còn lại, nên biết tất cả đều

nhiếp thuộc nghiệp chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi.

Hỏi: Có người thọ luật nghi, hoặc do tự thọ, hoặc do người thọ, hoặc từ người thọ, hoặc tự nhiên thọ. Thọ luật nghi như vậy, phước đức thu được có hơn kém sai biệt không?

Đáp: Nếu tâm thọ bình đẳng, cũng hành trì như vậy, nên biết không có gì sai biệt.

Hỏi: Do bao nhiêu nhân duyên không nên truyền luật nghi Bí-sô, đầu kia vui muốn thọ?

Đáp: Tóm lược do sáu nhân: 1. Tổn hại ý lạc; 2. Tổn hại y chỉ; 3. Tổn hại nam hình; 4. Tổn hại bạch pháp; 5. Bị hệ thuộc người; 6. Vì hộ người.

Hoặc bị vua bức bách, hoặc bị giặc bức bách, hoặc bị sợ hãi bức bách, hoặc sợ không có kế sinh nhai, kia nghi như vậy: “Ta ở cư gia khó kiếm sống, còn như các Bí-sô đây mạng sống thật dễ dàng. Ta nay nên đến gia nhập chúng Bí-sô, tự thân giả hiện cùng kia đồng pháp, mạng sống sẽ dễ dàng hơn”. Do kia ý vui đối trá như vậy, nên tuy đã xuất gia mà ôm lòng sợ hãi, tùy phụng hành giữ gìn theo một học xứ. Kẻ kia tự nghĩ: “Chớ để các Bí-sô cùng sống chung biết ta phạm giới, sẽ liền đuổi

bỏ”. Nhưng do kia bị tổn hại ý lạc, nên không gọi là xuất gia thọ Cụ túc giới. Như vậy gọi là tổn hại ý lạc.

Hoặc lại có người tác nghĩ như vậy: “Ta ở cư gia mạng sống khó khăn, cần phải xuất gia mạng sống mới dễ dàng. Như các Bí-sô tu phạm hạnh, ta cũng như vậy, sẽ tu phạm hạnh đến lúc mạng chung”. Xuất gia như vậy không gọi là tổn hại ý lạc. Tuy không phải thuần tịnh, nhưng không phải không gọi là xuất gia thọ cụ.

Hoặc thân có bệnh như ung thủng... như những bệnh trạng đã nói trong giá pháp, như vậy gọi là tổn hại y chỉ. Do thân của kia bị tổn hại, tuy xuất gia nhưng không có lực năng cộng sự làm việc với sư trưởng và những người đồng phạm hạnh. Do nhân duyên đây, không thể thọ nhận sự thuần tín của thí chủ và những vật thí tịnh tín như y phục, thức uống ăn... Hai chủng tịnh tín thí đây, người kia thọ dụng rất khó tiêu, không nên để kia thọ dụng. Nếu cho thọ dụng sẽ khiến kia thối giảm các thiện pháp. Cho nên người bị tổn hại y chỉ không nên xuất gia thọ Cụ túc giới. Nếu hai dạng bán nam và bán nữ thì gọi là tổn hại nam hình, không

cho xuất gia thọ Cụ túc giới, nên biết nhân duyên như trước đã thuyết.

Lại bán nữ lược có 3 chủng: 1. Toàn phần bán nữ; 2. Một phần bán nữ; 3. Tổn hại bán nữ.

Hoặc có người lúc mới sanh nam căn không thành, gọi là toàn phần bán nữ.

Hoặc có người nửa tháng khởi dùng trạng thái nam, hoặc có lúc bị người xâm phạm đối với mình, hoặc thấy người hành phi phạm hạnh thì trạng thái nam mới khởi. Đây gọi là một phần bán nữ.

Hoặc bị dao... hoặc các vật dụng khác làm tổn hại, trước kia được nam căn, nay bị đoạn hoại. Dầu đã đoạn hoại mà trạng thái nam không bị chuyển biến. Đây gọi là tổn hại bán nữ.

Bán nữ thứ nhất cũng gọi là bán nữ, cũng gọi là bán nam. Thứ hai chỉ có bán nữ, chẳng phải bán nam. Thứ ba nếu không bị người xâm hại mình, chỉ là bán nam, chẳng phải bán nữ. Nếu bị người xâm tổn, gọi là bán nữ, cũng gọi là bán nam.

Hoặc tạo nghiệp vô gián nhiễm ô với Bí-sô-ni, hoặc sống với ngoại đạo, kẻ cướp, hoặc sống riêng lẻ, hoặc không sống chung. Đây gọi là tổn hại pháp bạch, chẳng nên trao Cụ túc giới cho kia. Vì

sao? Vì kẻ kia không tầm không quý phẩm thượng, nhiếp thuộc pháp cực cấu nhiễm, khiến sở hữu pháp bạch cực thành hạ liệt.

Hoặc ở chỗ vua ác, hoặc gây tạo nghiệp không như pháp, hoặc làm nô lệ cho người, hoặc bị người dẫn đoạt, hoặc bị tranh tụng, hoặc cha mẹ không chấp nhận... Đây gọi là hệ thuộc người, không nên trao Cụ túc giới.

Hoặc vì hộ người, nếu là kẻ biến hóa cũng không truyền Cụ túc giới. Vì sao? Hoặc do rồng... muốn thọ pháp nên hóa thân giống như Bí-sô đến cầu thọ Cụ túc giới. Nếu vì kia trao cụ giới, khi kia ngủ nghỉ, liền hoàn lại hình cũ. Ngủ dậy lại hóa thành Bí-sô, giả hình Bí-sô. Nếu người giữ vườn, hoặc Cận sự nam bất chợt thấy, liền đối với tất cả chân Bí-sô phát khởi tâm ác, cho là các Bí-sô đều thuộc loại phi nhân. Như vậy còn ai kính quý pháp chư Phật, ủng hộ người xuất gia. Cho nên vì hộ người mà không truyền Cụ túc giới cho kia.

Do sáu nhân đây không nên truyền luật nghi Bí-sô. Lại trừ ngoại lệ, năng tác bạch Yết-ma A-già-lợi-da, Ô-ba-đà-da, trụ thanh tịnh giới, đầy đủ Tăng chúng.

Hỏi: Do bao nhiêu nhân duyên không nên vì kia truyền luật nghi Cận sự nam?

Đáp: Lược có hai nhân: 1. Tổn hại ý lạc; 2. Tổn hại nam hình. Nếu người tổn hại ý lạc thì không truyền. Nếu người tổn hại nam hình, hoặc cho phép truyền, nhưng không gọi là Cận sự nam. Không thuyết nhân duyên vì trước đã biện đủ.

Nếu luật nghi Cận trụ, chỉ cần tổn hại ý lạc thì không truyền. Vì cơ sao? Hoặc bị chuyển theo người, hoặc vì tài lợi cung kính mà giả xưng muốn thọ, kẻ kia không thật có ý lạc cầu thọ. Nên biết đây gọi là tổn hại ý lạc. Không thuộc những nhân duyên trên, thì phải truyền trao sở hữu luật nghi như trước đã nói.

Hỏi: Có bao nhiêu nhân duyên đã thọ luật nghi Bí-sô lại hoàn xả?

Đáp: Hoặc do xả học xứ đã thọ, hoặc do phạm tội căn bản, hoặc do hình ẩn sanh hai hình, hoặc do đoạn thiện căn, hoặc do xả bỏ chúng đồng phạm, nên đã thọ luật nghi Bí-sô lại hoàn xả. Lúc chánh pháp hủy hoại, chánh pháp ẩn chìm, tuy không có người mới thọ luật nghi Bí-sô, nhưng người trước kia đã được thọ nên biết không xả giới tướng. Vì

sao? Do bây giờ là lúc kiếp uế chánh khởi, không một hữu tình năng thọ Cụ giới mà không tổn ý lạc, hưởng là có người chứng đắc quả Sa-môn.

Hoặc luật nghi Cận sự nam nên biết do khởi tâm không đồng phạm, do đoạn thiện căn, do xả bỏ chúng đồng phạm, tuy đã thọ lại hoàn xả. Hoặc lúc chánh pháp ẩn chìm, thì như đạo lý luật nghi Bísô, nên biết luật nghi Cận sự nam cũng vậy.

Hoặc luật nghi Cận trụ nên biết do xa ánh sáng chánh pháp, hoặc do phát khởi tâm không đồng phạm, hoặc do ở khoảng giữa xả chúng đồng phạm, tuy đã được thọ lại hoàn xả.

Lại nữa, sao gọi là *Vô tướng định*? Đã là Biến tịnh tham, nhưng chưa là thượng tham, do tác ý xuất ly tướng làm tiền dẫn, các tâm tâm sở chỉ đoạn diệt tịch tĩnh, chỉ không chuyển. Đây gọi là Vô tướng định. Đây chỉ là giả có, chẳng phải thật vật có.

Nên biết lược có ba chủng sai biệt: 1. Tu phẩm hạ; 2. Tu phẩm trung; 3. Tu phẩm thượng.

Nếu người tu phẩm hạ, ở trong hiện pháp bị suy thối, chẳng thể nhanh chóng dẫn phát khiến hiện tiền trở lại. Nếu sanh trong hữu tình cõi trời

Vô tướng, chỗ đắc thân sở y không thanh tịnh lắm, oai quang sáng rỡ, hình sắc rộng lớn như các trời khác, quyết định sẽ chết yếu.

Nếu tu phẩm trung, tuy hiện pháp thối nhưng năng nhanh chóng dẫn khiến hiện tiền trở lại. Nếu sanh trong hữu tình cõi trời Vô tướng, chỗ cảm thân sở y tuy cực thanh tịnh, oai quang sáng rỡ, hình sắc rộng lớn, nhưng không rốt ráo tối cực thanh tịnh. Tuy có chết yếu, nhưng không quyết định như vậy.

Nếu tu phẩm thượng thì quyết chắc không suy thối. Nếu sanh hữu tình trời Vô tướng, chỗ cảm thân sở y tối cực thanh tịnh, oai quang sáng rỡ, hình sắc rộng lớn, đạt đến rốt ráo tối cực thanh tịnh. Không nằm trong chết yếu, nhưng về sau thọ lượng tận hết mới chết. Lại nữa, nếu do nhân đây duyên đây sở hữu sanh đắc tâm tâm sở diệt, gọi là vô tướng.

Lại nữa, sao gọi là *Diệt tận định*? Đã lìa Vô sở hữu xứ tham, đối với thượng tham hoặc chưa lìa, hoặc đã lìa. Do tác ý ngừng dứt tướng làm tiền dẫn, nên các tâm tâm sở duy chỉ diệt tịnh, duy chỉ không chuyển. Đây gọi là *Diệt tận định*. Định đây

chỉ năng khiến *chuyển thức* diệt tĩnh, chẳng năng diệt tĩnh *A-lại-da thức*. Nên biết định đây cũng gọi giả có, chẳng phải thật vật có.

Định đây lược có ba chủng sai biệt. Nếu tu phẩm hạ, ở hiện pháp bị suy thối, chẳng năng nhanh chóng dẫn phát khiến hiện tiền trở lại. Nếu tu phẩm trung, thì tuy hiện pháp suy thối, vẫn năng nhanh chóng dẫn phát khiến hiện tiền trở lại. Nếu tu phẩm thượng thì rốt ráo không thối. Thánh giả hữu học năng nhập định đây, đó là thân chứng Bất hoàn. Thánh giả vô học cũng lại năng nhập, đó là câu phần giải thoát. Vô tướng định trước thì chẳng phải hàng hữu học nhập, cũng chẳng phải vô học nhập. Vì cơ sao? Vì trong đó không có tuệ hiện hành. Vì trên đây có trụ và sanh tịch tĩnh thù thắng. Lại định đây chẳng thể chứng đắc các thắng thiện pháp chưa chứng đắc, bởi chỉ là chỗ ngưng nghỉ huyền hóa hư dối.

Lại nữa, sao gọi là *hư không*? Là chỗ hiển các sắc chẳng phải có. Vì sao? Vì nơi mà sở hành đều vô sở đắc, mới lấy mới có tướng hư không chuyển. Cho nên biết đây chỉ là giả có, chẳng phải thật vật có.

Lại nữa, sao gọi là *phi trạch diệt*? Nếu duyên của pháp khác sanh khởi hiện tiền, vì pháp khác sanh nên cái khác không được sanh, chỉ tịch diệt, chỉ tịch tĩnh, đây gọi là phi trạch diệt. Các sở hữu pháp thời đây lẽ sanh, vượt quá thời sanh, nên kia ở thời đây trọn không sanh lại. Cho nên diệt đây cũng là giả có, chẳng phải thật vật có. Vì cơ sao? Vì đây không có tự tướng khác khả đắc. Vì chủng loại pháp đây chẳng lìa hệ buộc, nên ở thời khác gặp duyên có thể sanh. Do vậy, phi trạch diệt chẳng một hướng nhất định. Ngoại trừ nếu ở vị học kiến tích, ở nơi hai loại noãn và thấp sanh, sanh ở trời Vô tướng, Bắc-cu-lô châu, hoặc nữ, hoặc bán nam, hoặc bán nữ, không hình, hai hình... và ở nơi hậu hữu hoặc yêu thích, hoặc mong cầu được đắc phi trạch diệt, nên biết một hướng quyết định. Do ở học kiến tích nếu chưa vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử ái, thì đối với hậu hữu khởi mong muốn trói buộc khiến phát sanh hậu hữu; ở vị học kiến tích còn lại thì ngược lại.

Hỏi: Nhân duyên nào gọi là tâm bất tương ưng?

Đáp: Đây chỉ là giả tướng ở trong các sự mà

khởi ngôn thuyết. Ở hai chủng hữu sắc... đều chẳng phải. Ở hai chủng hữu kiến... đều chẳng phải.

Như vậy đã rộng thuyết về an lập đạo lý. Tất cả như vậy đã thuyết sáu chủng thiện xảo, bao gồm uẩn thiện xảo cho đến căn thiện xảo.

Lại nữa, sao gọi là **kiến lập rộng nghĩa các thiện xảo**? Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh, nghĩa, sai biệt
Thứ lớp, nhiếp, y chỉ.*

Hỏi: Những gì là tự tánh sắc?

Đáp: Lược có 11 chủng: gồm 10 sắc xứ, đó là năm sắc căn như nhãn, nhĩ... năm sắc cảnh như sắc, thanh... và sắc nhiếp thuộc pháp xứ. Lại tổng có 2: bốn đại chủng và sắc sở tạo. Như vậy tất cả đều là tướng biến ngại.

Hỏi: Những gì là tự tánh thọ?

Đáp: Lược có 6 chủng: nương sáu xúc như nhãn xúc... mà được sanh. Đây có 2 chủng: hoặc sắc làm chỗ nương gọi là thân thọ, hoặc vô sắc làm chỗ nương gọi là tâm thọ. Vì có sao? Bởi năm căn trước đều là tánh sắc vậy.

Hỏi: Nếu năm căn trước đều là tánh sắc, nương nhãn thọ... gọi là thân thọ, cứ sao nhãn... chẳng phải là thân?

Đáp: Do tướng khác vậy. Vì sao? Bởi tướng của năm căn triển chuyển khác nhau.

Hỏi: Nếu tướng của nhãn căn... khác nhau chẳng phải tướng thân, các thọ nương mỗi căn có sự riêng khác, do nhân duyên đây nên chẳng gọi là thân thọ?

Đáp: Do căn có sắc không lìa thân nên được danh như thế, không có lỗi.

Hỏi: Nếu do không lìa thân nên không lỗi, ý căn cũng vậy, chẳng lìa thân chuyển, thì thọ nương từ ý căn phải gọi là thân thọ, tức là tất cả đây đều là thân thọ, không có tâm thọ?

Đáp: Các căn có sắc nhất định không lìa thân, ý thì không như vậy, nên không có gì trái vượt. Vì sao? Hữu tình sanh ở Vô sắc, ý căn lìa thân mà chuyển. Cho nên năm căn phát sanh các thọ, gọi chung là thân thọ. Chỉ riêng nương ý, nên gọi là tâm thọ. Cho nên thuyết chung cả hai là thân tâm thọ. Lại tất cả thọ đều là tướng lãnh nạp.

Hỏi: Những gì là tự tánh tướng?

Đáp: Đây cũng có 6 chủng nên biết như trước. Lại tướng có sáu: 1. Tướng hữu tướng; 2. Tướng vô tướng; 3. Tướng hẹp nhỏ; 4. Tướng rộng lớn; 5. Tướng vô lượng; 6. Tướng vô sở hữu. Lại lược có hai: 1. Tướng thế gian, 2. Tướng xuất thế gian.

Tướng hẹp nhỏ: tướng trói buộc Dục giới.

Tướng rộng lớn: tướng trói buộc Sắc giới.

Tướng vô lượng: tướng trói buộc Không, Thức vô biên xứ.

Tướng vô sở hữu: tướng trói buộc ở Vô sở hữu xứ.

Tất cả tướng đây đều gọi là tướng hữu tướng.

Tướng vô tướng: tướng Hữu đánh và tất cả tướng học, vô học xuất thế gian.

Lại tất cả tướng đều là tướng liễu hết thấy.

Hỏi: Những gì là tự tánh hành?

Đáp: Đây cũng có 6 chủng, nên biết như trước. Lại tướng hành đây do 5 chủng loại khiến tâm tạo tác: 1. Chạy theo cảnh; 2. Hòa hợp; 3. Chia lìa; 4. Năng phát nghiệp tạp nhiễm; 5. Khiến tâm tự tại chuyển.

Lại hành tướng đây lược có 3 chủng: 1. Hành thiện; 2. Hành bất thiện; 3. Hành vô ký.

Lại tất cả hành đều là tướng tạo tác.

Hỏi: Những gì là tự tánh thức?

Đáp: Lược có 6 chủng, chỗ gọi nhãn thức cho đến ý thức là tự tánh thức sai biệt. Lại thức có 3 chủng: 1. Lãnh thọ sai biệt; 2. Chọn cảnh sai biệt; 3. Phần vị sai biệt. Lãnh thọ sai biệt có 3; chọn cảnh sai biệt có 6; phần vị sai biệt có 3. Như vậy thức uẩn sai biệt tổng cộng có 18 tự tánh. Đây gọi là tự tánh các uẩn.

Lại nữa, sao gọi là *nghĩa uẩn*? Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập các uẩn? Là sở hữu sắc hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, cho đến xa gần. Như sắc, cho đến thức cũng vậy. Như vậy lược chung nhiếp tất cả uẩn. Nghĩa tích tụ là nghĩa uẩn.

Lại do các uẩn chỉ có chủng chủng danh tánh các hành, vì hiển nghĩa tánh vô ngã mà kiến lập các uẩn.

Lại nữa, sao gọi là *sắc uẩn sai biệt*? Lược do 6 chủng: 1. Do sự; 2. Do tướng; 3. Do thức chấp, không chấp; 4. Do thức không, chẳng không; 5. Do sở hành của tướng; 6. Do ngăn mé.

Do sự: sở hữu các sắc đều là bốn đại chủng và bốn đại chủng sở tạo.

Do tướng, lược có 3 chủng: 1. Sắc thanh tịnh; 2. Sắc do đồng phạm sắc thanh tịnh; 3. Sắc do ý nắm giữ. Lại tướng biến ngại là cộng tướng sắc.

Do thức chấp, không chấp: nếu thức nương chấp, gọi là chấp thọ sắc. Đây có nghĩa gì? Tức là thức nương dựa sự an ổn, nguy hại đồng hòa hợp sanh trưởng. Lại đây làm chỗ nương năng sanh các thọ. Trái với tướng trên, chẳng phải chấp thọ sắc.

Do thức không, chẳng không: nếu thức chẳng không gọi là sắc đồng phạm, vì nghĩa thức... cùng với đây chuyển. Nếu thức không, thì gọi là sắc kia đồng phạm, vì lấy tương tục của chính nó mà tùy chuyển.

Do sở hành tướng: tướng duyên sắc lược có 3 chủng: 1. Tướng sắc; 2. Tướng có đối; 3. Tướng riêng khác. Tướng sắc cũng có 3 chủng: 1. Tướng có quang ảnh; 2. Tướng dựa theo phương xứ; 3. Tướng an trụ tích tập. Ba tướng như vậy tùy theo đó là thứ lớp sở hành của ba tướng. Nắm giữ tướng xanh... gọi là tướng sắc; năng nắm giữ ngăn ngại hành, gọi là tướng có đối; năng nắm giữ giả lập nam, nữ, nhà, ruộng... gọi là tướng riêng khác. Đây gọi là sở hành sai biệt của tướng.

Do ngần mé: ngần mé của sắc lược có 2 chủng: 1. Đọa hạ giới, là sắc hệ buộc ở Dục giới; 2. Đọa trung giới, là sắc hệ buộc ở Sắc giới. Nên biết trong đây các sắc được nói đến là do thành tựu nghiệp tăng thượng sanh khởi. Vô sắc giới không có các sắc. Sắc đây chẳng phải do thành tựu thắng định tự tại mà nói. Vì có sao? Do thắng định kia ở nơi tất cả sắc đều được tự tại, các gia hạnh định khiến hiện tại tiền. Nên biết sắc đây gọi là sắc do cực vi tế định sanh khởi.

Lại nữa, sao gọi là *thọ uẩn sai biệt*? Lược do 5 chủng: 1. Do sự; 2. Do tướng; 3. Do sanh; 4. Do quán sát; 5. Do xuất ly.

Do sự: là lãnh nạp và pháp thuận lãnh nạp.

Do tướng: là tự tướng và cộng tướng. Tự tướng có ba: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thọ lạc do hoại khổ nên khổ, thọ khổ do khổ khổ nên khổ, thọ không khổ không lạc do hành khổ nên khổ. Do nhân duyên đây, các sở hữu thọ đều gọi là khổ. Đây gọi là cộng tướng của thọ.

Do sanh: tất cả thọ do 16 xúc sanh. Những gì là 16? Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc, xúc có đối, xúc tăng ngữ, xúc thuận thọ

lạc, xúc thuận thọ khổ, xúc thuận thọ không khổ không lạc, xúc ái, xúc khuể, xúc minh, xúc vô minh, xúc chẳng phải minh chẳng phải vô minh. Do sở y và sở thủ cảnh mà kiến lập sáu xúc và xúc có đối. Do phân biệt cảnh mà kiến lập xúc tăng ngữ. Do lãnh nạp cảnh mà kiến lập xúc thuận thọ lạc... Do nhiệm tịnh mà kiến lập xúc ái, khuể, minh, vô minh, chẳng phải minh chẳng phải vô minh. Đây gọi là sanh thọ sai biệt.

Do quán sát sai biệt: tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác xuất hiện thế gian đều đối với các thọ khởi 8 chủng quán: Thọ có bao nhiêu chủng? Gì là thọ tập? Gì là thọ diệt? Gì là thọ tập thú hưởng hành? Gì là thọ diệt thú hưởng hành? Gì là thọ ái vị? Gì là thọ quá hoạn? Gì là thọ xuất ly?. Khi quán như vậy như thật rõ biết thọ có ba chủng xúc tập nên thọ tập, nên biết như kinh đã phân biệt rộng thuyết.

Như vậy, 8 chủng quán sát các thọ nên biết lược hiển: quán tự tướng, quán nhân hiện pháp chuyển; quán kia diệt, quán nhân hậu pháp chuyển; quán kia diệt, quán nhân hiện pháp hậu pháp chuyển; quán nhân chuyển diệt của hiện pháp hậu pháp và

quán thanh tịnh. Đây gọi là quán sát sai biệt.

Do xuất ly: Sơ tĩnh lự xuất ly căn ưu. Độ nhị tĩnh lự xuất ly căn khổ. Độ tam tĩnh lự xuất ly căn hỷ. Độ tứ tĩnh lự xuất ly căn lạc. Ở Vô tướng giới xuất ly căn xả. Đây gọi là xuất ly sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *tướng uẩn sai biệt*? Lược do 5 chủng: 1. Do sự; 2. Do tướng; 3. Do điên đảo; 4. Do không điên đảo; 5. Do phân biệt.

Do sự: nắm giữ tướng sở duyên và pháp thuận theo kia.

Do tướng: tự tướng có 6 chủng, nên biết như trước. Tướng liễu hết thấy là cộng tướng. Đây gọi là tướng sai biệt.

Do điên đảo sai biệt: các ngu phu không hiểu biết đuổi theo vô minh, khởi tác ý không như lý. Đối với cảnh sở duyên mà thủ tướng cho là thường, như vậy mà chuyển. Đây gọi là tướng đảo. Như ở nơi vô thường cho là thường, thì ở nơi khổ cho là vui, ở bất tịnh cho là tịnh, ở nơi vô ngã cho là ngã. Do tướng điên đảo đây, người tại gia năng phát tâm đảo, một phần người xuất gia năng phát kiến đảo. Đây gọi là điên đảo sai biệt.

Đây lại có sai biệt: đó là ở nơi bốn việc tà mà

nắm giữ tướng kia, đây gọi là tướng đảo. Nếu do tướng liễu hết thấy như vậy, nên ở nơi cảnh tham trước gọi là tâm đảo. Nếu do tướng liễu hết thấy như vậy, kẻ có chấp trước, ở nơi các việc điên đảo chấp kiên cố cho đến kiến lập khai thị, đây gọi là kiến đảo.

Do không điên đảo sai biệt: người thông tuệ có hiểu biết minh bạch, thuận theo trí tuệ sáng suốt, khởi tác ý như lý. Ở nơi cảnh sở duyên vô thường biết là vô thường, khổ biết là khổ, bất tịnh biết là bất tịnh, vô ngã biết là vô ngã. Chân chánh thủ tướng đây mà chuyển. Đây gọi là tướng không điên đảo, tâm không điên đảo và kiến không điên đảo. Đây gọi là không điên đảo sai biệt.

Do phân biệt sai biệt: lược có 5 chủng tướng phân biệt tướng: 1. Phân biệt cảnh giới; 2. Phân biệt lãnh nạp; 3. Phân biệt giả thiết; 4. Phân biệt hư vọng; 5. Phân biệt thật nghĩa.

Hoặc đối với cảnh giới, tùy theo đó mà chấp lấy tướng vị, gọi là phân biệt cảnh giới. Hoặc chấp thủ cảnh giới phát sanh các thọ, gọi là phân biệt lãnh nạp. Hoặc đối với mình, người mà nắm giữ danh như vậy, loại như vậy, tánh như vậy, chủng

chúng tướng ngôn thuyết thế tục. Đây gọi là phân biệt giả thiết. Hoặc đối với các cảnh giới mà thủ tướng diên đảo, gọi là phân biệt hư vọng. Hoặc đối với các cảnh giới mà thủ tướng không diên đảo, gọi là phân biệt thật nghĩa.

Như vậy gọi chung là tướng uẩn phân biệt sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *hành uẩn sai biệt*? Cũng do 5 tướng: 1. Do cảnh giới; 2. Do phần vị; 3. Do tạp nhiễm; 4. Do thanh tịnh; 5. Do tạo tác.

Do cảnh giới: ở hành uẩn thân lập sáu tư thân.

Do phần vị: lập sanh... bất tương ưng hành, do sanh... chỉ có phần vị hiển hiện.

Do tạp nhiễm: ở các hành tạp nhiễm kiến lập phiền não và tùy phiền não.

Do thanh tịnh: ở các hành thanh tịnh kiến lập tín...

Do tạo tác: như trước đã thuyết, năm tướng tạo tác vì đuổi theo hết thấy cảnh.

Quyển 54

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ƯNG ĐỊA

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 4

Lại nữa, sao gọi là *thức uẩn sai biệt*? Nên biết đây cũng có 5 chủng: 1. Do an trụ; 2. Do tạp nhiễm; 3. Do sở y; 4. Do trụ; 5. Do dị tướng.

Do an trụ: là những kẻ tập dục, các thức Dục giới chấp sắc trần bên ngoài, gọi là an trụ sắc. Hoặc các thức Sắc giới của cõi trời thanh tịnh chấp danh sắc bên trong, gọi là an trụ danh và sắc. Các thức Vô sắc giới chỉ chấp danh bên trong, gọi là an trụ danh. Đây gọi là thức an trụ sai biệt.

Do tạp nhiễm sai biệt: các ngu phu do 2 chủng môn khiến thức bị ô nhiễm: 1. Ở trong hiện pháp do môn thọ dụng cảnh giới; 2. Ở trong hậu pháp do môn sanh, lão... Đây gọi là thức nhiễm ô sai biệt.

Do sở y sai biệt: do sáu sở y nên các thức tùy chuyển, tức nương sáu xứ là nhãn xứ... sáu thức thân chuyển, như lửa ở thế gian nương vỏ trấu,

phân bò, mặt cưa... mà cháy. Đây gọi là thức sở y sai biệt.

Do trụ sai biệt: do bốn thức trụ, như kinh nói: “Có bốn sự nương tựa giữ gìn làm sở duyên khiến thức an trụ, đó là thức theo sắc mà được trụ, duyên sắc lấy làm cảnh”. Như kinh rộng thuyết: “Ta trọn không thuyết thức đây mất ở phương Đông cho đến bốn phương. Nhưng Ta chỉ thuyết ở trong hiện pháp là dục, tất ảnh của kia tịch diệt, tịch tĩnh, thanh lương, thanh tịnh”. Như vậy trong kinh đã hiển Như Lai nói về các tướng thức trụ.

Từ đây về sau Ta sẽ tuyên thuyết về tướng sai khác của kia, đó là trong kinh đây lược hiển về tướng thức trụ và nhân duyên, ngăn mé của hai chủng thức trụ và nhân duyên, dừng dứt hai chủng thức trụ và nhân duyên. Nên biết trong đây hoặc các sự phiền não, hoặc thuộc phiền não kia, gọi là sự nương tựa giữ gìn. Có hai điều cũng được gọi là sở duyên, đó là vì tánh sở duyên, vì có sở duyên. Do tham ái kia làm duyên phiền não, gọi là sự hướng đến sở chấp. Do bốn chủng thân hệ buộc tham dục... làm duyên phát khởi nghiệp, gọi là sự duyên sở duyên. Vì sự đuổi theo hai tùy miên nên

gọi là sự kiến lập.

Nếu các bổ-đặc-già-la dị sanh chưa thu được trong việc đối trị chán lìa, thức của nội thân được tưới nhuần bằng chấp thủ, tự mãn. Ở đời đương lai kiến chấp năng thủ, năng mãn đây triển chuyển, nên không thể xả bỏ các tánh dị sanh. Do đây nhất định tương tục lưu chuyển. Đây gọi là trụ. Nhân duyên trụ khác nên biết như trước.

Đây gọi là nói lược hai tướng trụ và nhân duyên.

Thức của Hữu sắc giới có đến có đi. Thức của Vô sắc giới có sanh có tử. Lại trụ hai tướng cây cho đến thọ tận. Lại sanh trưởng tăng ích hai tướng đây và nghĩa rộng lớn nên biết như trước. Ngang đây gọi là ngăn mé của thức trụ và nhân duyên. Nếu khác đây mà thi thiết chỉ là văn tự sai khác, chẳng phải nghĩa sai khác. Do có người nương nghĩa cảnh-giới-không khác, nếu bị người chân chánh hỏi thì không biết đáp thế nào. Hoặc lại có người cũng nương nghĩa cảnh-giới-không khác, về sau tự nhiên như lý quán sát, sẽ tự trách mình đã ngu si tác thuyết như vậy.

Nếu người thông huệ năng đoạn trừ xa lìa

vĩnh viễn ở nơi các sắc ái cho đến hành ái nhiếp lấy tham triền, cũng vĩnh viễn đoạn ở nơi phần phiền não nhiếp lấy triền của bốn chủng thân hệ buộc năng phát khởi nghiệp. Vì cố sao? Do chúng tại gia nương hai sự hệ buộc là tham dục và sân khuể khiến sanh khởi các nghiệp, vì nhiếp thọ cảnh giới làm nhân, vì tổn hại hữu tình làm nhân. Do chúng xuất gia nương hai sự hệ buộc là giới cấm thủ và thật chấp thủ khiến sanh khởi các nghiệp. Giới cấm thủ đây vì cầu sanh thiên nên ngang bằng tham dục. Thật chấp thủ đây ngang bằng sân khuể vì chê bai Niết-bàn. Nên biết bốn thân hệ buộc như vậy chỉ ở tại *Ý địa* mới phát sanh phân biệt. Từ đây về sau do nhiều tu tập đối trị thù thắng, lại năng vĩnh viễn đoạn trừ hai chủng tùy miên của thân hệ buộc là tham và ái. Do đoạn đây, phiền não sở duyên cảnh sắc, thọ... cũng không tương tục, vì dụng rốt ráo là hệ buộc. Do sở duyên đây không tương tục, nên thức tùy miên rốt ráo tịch diệt, ở trong các thức trụ sắc, thọ... không an trụ trở lại. Do đối trị thức vĩnh viễn thanh tịnh, gọi là dừng dứt thức trụ, nhân duyên. Lại do vị lai nhân duyên diệt, nên ở phần nội thân không chấp

thủ, không tự mãn, cho nên nhất định không có tương tục lưu chuyển. Đây gọi là dừng dứt thức trụ.

Lại đối trị nhiếp lấy thức thanh tịnh gọi là không chỗ trụ. Do nhân duyên kia nên gọi là không sanh trưởng. Do khéo tu tập Không giải thoát môn gọi là không sở vi. Do khéo tu tập Vô nguyện giải thoát môn gọi là tri túc. Do khéo tu tập Vô tướng giải thoát môn gọi là an trụ. Như vậy vì không sanh trưởng cho đến vì an trụ gọi là cực giải thoát.

Lại ở nơi hành... không chấp trước ngã và ngã sở, do nhân duyên đây, khi sắc... hoại cũng không sanh khiếp sợ. Do tướng trạng đây hiển tự thể kia đã được thanh tịnh. Lại do thức kia vĩnh viễn thanh tịnh, không đợi nhân khác mà tự nhiên nhậm vận nhập vào tịch diệt. Vì thức tương tục đây rất ráo đoạn, nên không lưu chuyển trở lại mười phương cõi giới. Vì ở nơi mạng sống và chết cũng chẳng mong cầu, cho nên gọi là vĩnh viễn ly dục.

Lại sở hữu thọ chính là ảnh của cây thức, vì kia lúc bấy giờ không có trở lại, gọi là vĩnh viễn là ảnh. Các thức hữu lậu ở trong hiện pháp sẽ rất ráo diệt tận, nên gọi là tịch diệt. Các thức vô lậu thì tùy theo thứ lớp, nếu là hàng hữu học giải thoát

gọi là tịch tĩnh, nếu là hàng vô học giải thoát gọi là sáng sạch thanh lương. Y sót thừa vĩnh viễn diệt nên gọi là thanh tịnh.

Lại tự tánh các thức chẳng phải nhiễm, như Thế Tôn đã thuyết: “Tất cả tánh tâm gốc thanh tịnh”. Vì cơ sao? Chẳng phải tự tánh tâm rốt ráo bất tịnh năng sanh tất cả phiền não quá thất như tham... Cũng chẳng một mình là nhân duyên của phiền não như sắc, thọ... Vì cơ sao? Vì tất không riêng một mình ở nơi tánh thức mà khởi nhiễm ái như ở nơi sắc... Cho nên duy chỉ có thức mà không lập thức trụ, gọi là thức uẩn do trụ sai biệt.

Do dị tướng sai biệt: là tâm có tham, tâm là tham, tâm có sân, tâm là sân... cho đến tâm không giải thoát, tâm cực giải thoát, như kinh đã rộng thuyết. Đây gọi là môn dị tướng sai biệt thứ nhất.

Lại có dị tướng sai biệt trong phạm vi giới. Dục giới có 4 tâm là: tâm thiện, tâm bất thiện, tâm có che đậy không ghi nhớ và tâm không che đậy không ghi nhớ. Sắc giới có 3 tâm như các tâm ở Dục giới, nhưng trừ tâm bất thiện. Vô sắc giới có 3 tâm, cũng trừ tâm bất thiện. Vô lậu có 2 tâm là hữu học và vô học.

Lại Dục giới có 2 chủng tâm thiện là gia hạnh và sanh mà được. Tâm không che đậy không ghi nhớ có 4 chủng: tâm dị thực sanh, tâm đường oai nghi, tâm công xảo xứ và tâm biến hóa. Tâm chỉ do sanh mà được như Trời, Rồng, Dược-xoa... nhưng không phải do quả tu tâm. Ở trong Sắc giới không có tâm công xảo xứ, ở Vô sắc giới cũng vậy. Nên biết tâm thiện cõi dưới thì cõi trên cũng vậy, có ở tất cả xứ.

Lại có dị tướng sai biệt trong phạm vi chủng. Dục giới có 5 tâm: 1. Tâm kiến khổ sở đoạn; 2. Tâm kiến tập sở đoạn; 3. Tâm kiến diệt sở đoạn; 4. Tâm kiến đạo sở đoạn; 5. Tâm tu đạo sở đoạn. Như Dục giới có 5 tâm, thì Sắc giới và Vô sắc giới, mỗi một giới cũng có 5 tâm, kể cả tâm vô lậu, tổng cộng là 16 tâm.

Nay Ta sẽ phân biệt nghĩa của dị tướng tâm sai biệt thứ nhất.

Tất cả hữu tình lược có 3 phẩm: 1. Phẩm chưa phát khởi hướng đến định; 2. Phẩm tuy đã phát khởi hướng đến nhưng chưa đắc định; 3. Phẩm đã đắc định, đây lại có hai chủng: 1. Không thanh tịnh; 2. Cực thanh tịnh.

Ở phẩm thứ nhất, hoặc có lúc khởi tâm nhiễm ô, do tâm kia bị tham triền... nhiều loạn; hoặc có lúc khởi tâm thiện, vô ký, do tạm xa lìa tham triền...

Ở phẩm thứ hai, hoặc có lúc khiến nội tâm lặng lẽ; hoặc có lúc lạc niệm nên tâm rong ruổi phân tán ở năm diệu dục; hoặc có lúc cực lặng lẽ, bèn bị hôn trầm thù miên trói buộc chướng che tâm; hoặc có lúc vì đoạn kia, nên tâm an trụ ở cảnh tịnh diệu; hoặc có lúc tâm kia chẳng chánh an trụ nên bị trạo cử, hoặc chánh an trụ không bị trạo cử. Do trầm, trạo, cái chưa đoạn diệt, nên ở hai phẩm kia tâm không tịch tĩnh. Do kia đoạn diệt nên tâm được tịch tĩnh. Nếu do như lý tác ý, đã đắc căn bản tĩnh lự gọi là tâm định, nếu chưa đắc gọi là tâm bất định. Vì cứu cánh đạo gọi là tâm tu thiện, vì đoạn rốt ráo gọi là tâm cực giải thoát. Trái với tướng đây gọi là tâm tu bất thiện và tâm không giải thoát. Từ tâm định đây về sau nên biết là phẩm thứ ba.

Đây gọi là dị tướng sai biệt của thức uẩn.

Lại nữa, sao gọi là *thứ lớp các uẩn*? Là cách gọi sai biệt. Nên biết đây lại có 5 chủng: 1. Sở tác

sinh khởi; 2. Sở tác đối trị; 3. Sở tác lưu chuyển; 4. Sở tác trụ; 5. Sở tác an lập.

Sở tác sinh khởi: nhãn sắc làm duyên năng sinh nhãn thức, cho đến ý pháp làm duyên năng sinh ý thức. Trong đây trước nói về sắc uẩn, kế nói về thức uẩn. Đây lại là sở y của các tâm sở. Do nương kia nên các tâm thọ... sinh khởi. Khế kinh thuyết: “Do ba sự hòa hợp nên xúc, xúc duyên thọ...”. Đây gọi là tuyên thuyết thứ lớp sở tác sinh khởi của các uẩn.

Sở tác đối trị: vì muốn đối trị bốn điên đảo nên thuyết bốn niệm trụ. Tức là ở nơi bất tịnh điên đảo kế chấp tịnh, ở nơi khổ điên đảo kế chấp vui, ở nơi ngã điên đảo kế chấp vô ngã, ở nơi vô thường điên đảo kế chấp thường. Trong đây trước nói về sắc uẩn, kế nói về thọ uẩn, kế nói về thức uẩn, sau mới nói hai uẩn là tướng và hành. Đây gọi là tuyên thuyết thứ lớp sở tác đối trị.

Sở tác lưu chuyển: vì căn và cảnh giới làm chỗ nương, ở trong hiện pháp do hai chủng uẩn thọ dụng cảnh giới sinh khởi các tạp nhiễm: đó là lãnh nạp cảnh giới và họa màu sắc cảnh giới. Do một chủng uẩn tạo tác tất cả nghiệp thiện, bất

thiện khiến ở hậu pháp sanh khởi tất cả tạp nhiễm như sanh, lão... nhất là sự nhiễm ô, nên nói sau cùng.

Sở tác trụ: do bốn thức trụ và thứ lớp thức mà thuyết. Đây gọi là sở tác trụ.

Sở tác an lập: những kẻ thế gian trước nương sắc mà thấy lẫn nhau, nên trước lập sắc uẩn. Kế do thọ uẩn biết kia hoặc tiến hoặc thoái, hoặc khổ hoặc vui, nên lập thọ uẩn. Kế do tưởng uẩn nên biết được kia tên như vậy, loại như vậy, tánh như vậy... nên lập tưởng uẩn. Kế do hành uẩn biết được kia ngu si như vậy, thông duệ như vậy, nên lập hành uẩn. Cuối cùng do thức uẩn an lập nội ngã, tức ở trong các uẩn an lập hiểu biết có khổ có vui, theo đó khởi ngôn thuyết và ngu trí... Đây gọi là tuyên thuyết thứ lớp sở tác an lập của các uẩn.

Lại vì nương các công cụ của sự ngã và sự ngã, nên biết tuyên thuyết thứ lớp các uẩn. Đó là ngã nương thân đây ở nơi các cảnh giới mà thọ dụng khổ vui, ở nơi mình nơi người tùy khởi ngôn thuyết như tên như vậy, chủng loại như vậy, tánh như vậy... Hai chủng đây nương pháp và phi pháp mới được tích tập. Như vậy nên biết các công cụ của sự

ngã. Uẩn sau cùng là sự ngã.

Lại nữa, sắc uẩn nhiếp bao nhiêu uẩn, nhiếp bao nhiêu giới, bao nhiêu xứ, bao nhiêu hữu chi, bao nhiêu xứ phi xứ, bao nhiêu căn? Như sắc uẩn, cho đến thức uẩn cũng vậy.

Sắc uẩn nhiếp trọn một uẩn; trọn mười giới, mười xứ; ít phần một giới, một xứ; ít phần sáu chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn bảy căn.

Thọ uẩn nhiếp trọn một uẩn, ít phần một giới, một xứ; trọn một chi hữu và ít phần ba chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn năm căn và ít phần ba căn.

Tướng uẩn nhiếp trọn một uẩn; ít phần một giới, một xứ; ít phần ba chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; chẳng nhiếp các căn.

Hành uẩn nhiếp trọn một uẩn; ít phần một giới, một xứ; trọn bốn chi hữu và ít phần năm chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn sáu căn và ít phần ba căn.

Thức uẩn nhiếp trọn một uẩn; trọn bảy giới; trọn một xứ; trọn một chi hữu và ít phần bốn chi hữu; ít phần xứ, phi xứ; trọn một căn và ít phần ba căn.

Như vậy có sáu chủng nhiếp, chỗ gọi là nhiếp uẩn cho đến nhiếp căn, do đây đạo lý nhiếp lẫn nhau triển chuyển, tùy chỗ thích hợp phải nên rõ biết.

Lại có 10 chủng nhiếp khác: 1. Nhiếp giới, đó là các uẩn mỗi uẩn tự nhiếp chủng tử tự loại; 2. Nhiếp tướng, đó là các uẩn nhiếp thuộc tự tướng, cộng tướng; 3. Nhiếp chủng loại, đó là các uẩn nhiếp thuộc khắp chủng loại; 4. Nhiếp phần vị, đó là các uẩn nhiếp phần vị thuận theo thọ vui...; 5. Nhiếp không lìa nhau, đó là các uẩn do mỗi mỗi pháp và các trợ bạn nhiếp lấy tất cả uẩn; 6. Nhiếp thời, đó là các uẩn, mỗi tự tướng của các uẩn nhiếp thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại; 7. Nhiếp phương, đó là các uẩn tại phương đây chuyển, hoặc nương đây sanh, tức nhiếp thuộc phương đây; 8. Nhiếp hoàn toàn, đó là các uẩn nhiếp thuộc hết thấy năm loại; 9. Nhiếp ít phần, đó là các uẩn nhiếp thuộc ít phần mỗi loại sai biệt; 10. Nhiếp thắng nghĩa, đó là các uẩn nhiếp thuộc tướng chân như.

Như vậy tất cả nghĩa nhiếp của các uẩn tổng cộng có 16. Như uẩn, thì cho đến căn cũng vậy.

Lại do ba pháp nhiếp tất cả pháp: là sắc uẩn,

pháp giới và ý xứ.

Lại nữa, sắc uẩn chuyển y nương bao nhiêu xứ? Y nương bao nhiêu xứ gọi là nhiếp lấy bốn uẩn chuyển?

Sắc uẩn chuyển y nương sáu xứ: 1. Kiến lập xứ; 2. Ngăn che xứ; 3. Vật dụng xứ; 4. Căn xứ; 5. Căn trụ xứ; 6. Sở hành định có uy đức xứ.

Y nương bảy xứ gọi là nhiếp lấy bốn uẩn chuyển: 1. Dục lạc; 2. Hy vọng; 3. Cảnh giới; 4. Tầm tứ; 5. Chánh tri; 6. Phương tiện thanh tịnh; 7. Thanh tịnh. Những kẻ thọ dụng dục y nương bốn xứ. Người trụ luật nghi và người hành tinh tấn y nương một xứ. Người đã đắc phần cận định y nương một xứ. Người an trụ định căn bản y nương một xứ. Như vậy có bảy xứ, nên biết tóm lược có bốn vị.

Lại nữa, trước Ta sẽ thuyết phân biệt nghĩa sắc uẩn mỗi mỗi riêng khác, về sau sẽ thuyết phân biệt nghĩa danh của bốn uẩn.

Sao gọi là **phân biệt sắc uẩn**? Ớt-Đà-Nam nói:

*Vật, cực vi, sanh khởi
An lập cùng lưu, nghiệp*

*Sát-na, riêng, sở hành
Tướng tạp khác sau cùng.*

Hỏi: Trong sắc uẩn, nhãn nhiếp thuộc bao nhiêu vật?

Đáp: Nếu căn cứ nhiếp lẫn nhau thì chỉ có một vật, đó là nhãn thức nương tựa sắc thanh tịnh. Nếu căn cứ nhiếp không lìa nhau thì có bảy vật, đó là nhãn đây cùng với thân, địa, sắc, hương, vị, xúc. Nếu căn cứ nhiếp giới thì có mười vật, đó là bảy vật giới đây cùng thủy, hỏa, phong. Như nhãn, thì nhĩ, tỷ, thiệt nên biết cũng vậy. Trong đây có sự sai biệt, đó là: nhĩ, nhĩ thức nương tựa sắc thanh tịnh; tỷ, tỷ thức nương tựa sắc thanh tịnh; thiệt, thiệt thức nương tựa sắc thanh tịnh, còn lại như trước đã thuyết. Nếu thân thì khác cả bốn loại là nhãn... trên. Vì có sao? Vì tách rời kia, một mình nó vẫn tồn tại được. Tướng đây tức là thân thức nương tựa sắc thanh tịnh. Nếu sắc, hương, vị, xúc bên ngoài, thì trong tướng sở hành của kia, trừ ra tất cả căn, còn lại tất cả nên biết như trước. Thanh và thanh giới vì không hằng có, nên nay thuyết riêng. Nếu ở xứ nào đó có thanh, nên biết xứ đó lại tăng thêm một. Nên biết thanh giới thì tất cả xứ đều tăng.

Lại nữa, cảnh giới sở duyên của sắc... như phần *Bản địa* đã rộng phân biệt. Nếu trong xúc xú đã thuyết sắc sở tạo trơn cho đến nặng, nên biết tức là ở đại chủng có giả lập thi thiết phần vị. Đó là ở đại chủng tánh thanh tịnh giả lập tánh trơn, ở đại chủng tánh thật bền chắc giả lập tánh nặng. Ở đại chủng tánh không thanh tịnh, không thật bền chắc, giả lập tánh rít và tánh nhẹ. Ở đại chủng tánh không thanh tịnh, tánh chậm chạp, giả lập tánh nhuyến. Do nước và gió hòa hợp mà sanh, giả lập tánh lạnh. Do thiếu sự giữ gìn, không quân bình, giả lập đói khát và yếu sức. Do không thiếu, quân bình, giả lập no đủ và sức mạnh. Do rối loạn biến đổi không quân bình giả lập bệnh. Do thời phần biến đổi không quân bình giả lập già. Do mạng căn biến đổi không quân bình giả lập chết. Do huyết bị hư không quân bình giả lập ngứa. Do ăn uống không tốt, không quân bình, giả lập buồn bã. Do đất và nước hòa hợp mà sanh, giả lập kết dính. Do công việc đến đi mỗi mệt không quân bình, giả lập rất mỗi mệt. Do lìa đến đi mỗi mệt khiến quân bình, giả lập nghỉ ngơi. Do trừ dơ bẩn, lìa khô héo ốm yếu, giả lập mạnh mẽ nhanh nhẹn. Tóm lại mà

nói toàn bộ đại chúng có 6 vị: đó là vị tịnh, vị bất tịnh, vị bền chắc, vị không bền chắc, vị chậm chạp, vị hòa hợp, vị quân bình, vị không quân bình. 6 vị như thế nếu mở rộng thì có 8 vị. Hoặc 6 hoặc 8 đều bình đẳng không khác.

Lại nữa, tất cả sắc cho đến xúc đều có sự nhận thức của hai thức: 1. Sự nhận thức của tự thức; 2. Sự nhận thức của ý thức. Hoặc vội vàng, hoặc chậm rãi. Năm căn như nhãn... có sự nhận thức của ý thức.

Lại nữa, trong sắc giới tuy không hiện hương vị, nhưng có giới kia. Vì cơ sao? Vì cả hai hương vị đây đều là giả có, nhiếp thuộc thực. Do không có hai chủng đây, nên hai thức tử, thiệt cũng không. Đây nói chung có hiện hành nên thuyết, chẳng phải vì có giới mà thuyết.

Như vậy tất cả sắc uẩn nhiếp lấy, đó là trong sắc có 9 chủng là thật vật có; trong bốn đại chủng nhiếp thuộc xúc là thật vật, nên biết còn lại chỉ là giả có. Sắc rơi trong pháp xứ cũng có hai chủng: thật có và giả có. Nếu có cảnh sở hành của uy đức định giống như biến hóa, thì quả kia, cảnh kia và sắc tương ưng cảnh thức kia... là thật vật có. Nếu sắc luật nghi, sắc bất luật nghi đều là giả có.

Lại nữa, sắc của sở hành định nếu nương hệ thuộc định đây, tức do hệ thuộc đại chúng sở tạo đây. Lại sắc định đây chỉ là do định của hữu lậu, do định của vô lậu thế gian mà sanh khởi, chẳng phải xuất thế gian, vì sắc định đây có hý luận hành định làm nhân. Lại chẳng phải tất cả sở hữu tâm định đều có công năng sanh sắc đây, chỉ có một loại có thể sanh như năng khởi hóa hiện, đó là không tư duy. Đây chỉ do lúc trước dẫn dắt tác ý là các tối tăm, khiến cực thiện thanh tịnh sáng rõ hiện tiền, nên biết chính là định năng sanh sắc. Nếu định do lực khích lệ lớp lớp tư duy, do lực thắng giải mà được thấy, nên biết chẳng thể sanh khởi sắc đây. Lại sắc đây tuy chẳng phải sở hành của định xuất thế, nhưng do lực tăng thượng của định kia nên có một năng hiện. Nên biết việc đây chẳng thể nghĩ bàn.

Hỏi: Hai cõi Dục giới và Sắc giới đều thật vật có sắc, vậy có khác biệt gì?

Đáp: Các sắc của Sắc giới thanh tịnh tối thắng, năng phát quang minh, lại cực vi tế, chẳng phải chỗ sở hành của các căn địa dưới. Lại không có khổ, vì nương các sắc kia thọ khổ chẳng sanh. Dục

giới thì chẳng vậy. Đây chính là sự khác biệt.

Lại nên biết sắc uẩn lược do 6 tướng: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Tướng năng y, sở y phụ thuộc nhau; 4. Tướng thọ dụng; 5. Tướng nghiệp; 6. Tướng vi tế.

Tự tướng: đất... lấy rắn chắc làm tướng. Như nhân... mỗi loại riêng lấy sắc thanh tịnh làm tướng.

Cộng tướng: tất cả sắc đều là tướng biến ngại.

Tướng năng y, sở y phụ thuộc nhau: đại chủng là sở y, tạo sắc là năng y.

Tướng thọ dụng: vì sắc xứ bên trong có sự thọ dụng lực tăng thượng, nên ngoại sắc cảnh giới sai biệt sanh khởi. Vì tùy theo sự thọ dụng sai khác của mỗi sắc xứ mà có tụ sắc, hoặc chỉ do bền chắc sanh, hoặc chỉ do ẩm ướt sanh, hoặc chỉ do ấm áp sanh, hoặc chỉ do chuyển động sanh, hoặc chỉ do hòa hợp sanh.

Tướng nghiệp: các đại chủng như đất... lấy giữ gìn nhiếp thọ, thành thực tăng trưởng làm tướng. Lại có các nghiệp khác về sau sẽ rộng thuyết.

Tướng vi tế: là tướng cực vi. Tánh vi tế lược có 3 chủng: 1. Tánh tổn giảm vi tế; 2. Tánh chủng loại vi tế; 3. Tánh tâm tự tại chuyển vi tế.

Tánh tổn giảm vi tế: là phân tách các sắc đến vi cực nhỏ, gọi là cực vi.

Tánh chủng loại vi tế: sắc gió... và sắc trung hữu.

Tánh tâm tự tại chuyển vi tế: là các sắc ở hai cõi Sắc giới và Vô sắc giới. Như kinh thuyết rằng: “Hết thấy tâm chư thiên từng ở trong cõi người huân tập mài giũa tâm như vậy như vậy... Theo lực tu đây triển chuyển xoay vần, không tướng ngăn ngại”.

Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tư duy quán sát vật loại của sắc uẩn sai biệt.

Hỏi: Các sắc cực vi do bao nhiêu chủng tướng kiến lập?

Đáp: Lược thuyết do 5 chủng tướng, nếu rộng kiến lập thì như trong phần *Bản địa*. Những gì là năm? 1. Do phân biệt; 2. Do sai biệt; 3. Do độc lập; 4. Do trợ bạn; 5. Do không phân chia.

Do phân biệt: do tuệ hiểu biết phân biệt chia chẻ các sắc đến giới hạn nhỏ nhất mà kiến lập cực vi, chẳng phải do thể có, cũng chẳng phải tụ sắc tích tập thành cực vi; cho nên cực vi không sanh không diệt.

Do sai biệt: lược thuyết cực vi có 15 chủng, đó là nhãn căn... có 5 cực vi, cảnh giới sắc... có 5 cực vi, cực vi như địa... lại có 4 chủng, thật vật có sắc cực vi nhiếp thuộc pháp xứ có 1 chủng.

Do độc lập: vì ở nơi sự cực vi kiến lập tự tướng.

Do trợ bạn: là tự cực vi. Vì cố sao? Vì ở mỗi một nơi cực vi là địa... thì có cực vi khác đồng tự một chỗ không lìa nhau, cho nên nương đây lập tự cực vi.

Hỏi: Nhân duyên nào các pháp có đối ngại mà lại đồng một chỗ không lìa nhau, sao không được gọi là tánh không đối ngại?

Đáp: Vì thuận theo mà chuyển vậy, do kia triển chuyển thuận nhau khiến sanh khởi, không ngăn cản trở ngại lẫn nhau. Lại do nghiệp tăng thượng của chủng loại như vậy chiêu cảm mà sanh. Vì cố sao? Vì tất cả tự sắc, tất cả sắc căn cùng chung thọ dụng. Nếu có sự việc khác đây, thì trong tất cả tự chẳng phải có tất cả các sắc như địa... không rời lìa nhau. Nếu vậy, cảnh giới các thức như nhãn... liền không đều khắp trong tất cả tự, như vậy lẽ không thọ dụng đều khắp. Do đó nên biết quyết định có các sắc đồng một xứ không rời lìa nhau.

Lại có các sắc hoặc ở xứ như vậy xoay vần trở ngại lẫn nhau, hoặc ở xứ như vậy không trở ngại lẫn nhau, như trong Hữu sắc... mà các sắc kia tánh chẳng phải không đối ngại. Nên biết đạo lý đây cũng vậy.

Do không phân chia: chẳng phải cực vi kia lại phân chia thành nhiều cực vi khác, vì tánh cực vi không do tích tụ mà thành. Các tụ cực vi có thể có phần tế, nhưng ở xứ cực vi đây lại không thể phân tách để lấy được phần tế.

Hỏi: Như vậy đã thuyết 5 tướng cực vi. Lại có 5 nhãn là nhục nhãn, thiên nhãn, thánh huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Bao nhiêu nhãn dụng bao nhiêu cực vi làm cảnh sở hành?

Đáp: Trừ nhục nhãn và thiên nhãn, các nhãn còn lại dùng tất cả cực vi làm cảnh sở hành. Vì sao? Vì thiên nhãn kia duy nắm giữ tụ sắc giới giới hạn trên dưới, trước sau, hai biên hoặc sáng hoặc tối, ắt chẳng thể nắm giữ nơi chốn cực vi. Do thế cực vi phải dùng tuệ phân chia mà kiến lập vậy.

Hỏi: Cớ sao thuyết cực vi không sanh không diệt?

Đáp: Do các tụ sắc lúc mới sanh khởi thì toàn

phần sanh, lúc cuối cùng diệt lại không đến khoảng cực vi tận diệt.

Lại do 5 tướng gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi. Đó là cho ở trong tụ sắc có tự tánh các cực vi cư trú, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ nhất. Hoặc cho là cực vi có sanh có diệt, nên biết không như lý nghĩ bàn cực vi thứ hai. Hoặc cho là cực vi này cùng cực vi khác hoặc hợp hoặc tan, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ ba. Hoặc cho là ở cực vi có lượng sắc tích tụ mà thành, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ tư. Hoặc cho là cực vi năng sanh rất nhiều tụ sắc khác biệt, nên biết gọi là không như lý nghĩ bàn cực vi thứ năm. Phải dùng phương tiện như lý để nghĩ bàn cực vi, sẽ đoạn trừ năm điều không như lý.

Lại kiến lập cực vi có 5 lợi ích thù thắng. Đó là do an lập phương tiện phân chia một tụ sắc gom nhóm, ở nơi cảnh sở duyên liền có thể tu tập thanh tịnh rộng lớn. Đây là lợi ích thù thắng thứ nhất. Năng dần dần đoạn thân kiến, đây là lợi ích thù thắng thứ hai. Như dần dần đoạn thân kiến, cũng dần dần đoạn kiêu mạn, đây là lợi ích thù thắng

thứ ba. Cũng dần dần điều phục các phiền não triền, đây là lợi ích thù thắng thứ tư. Năng nhanh chóng khiến trừ các tướng, đây là lợi ích thù thắng thứ năm. Hết thấy loại như vậy là như lý tư duy cực vi.

Lại nữa, nói tóm lược có 5 chủng sanh của vật sắc. Những gì là năm? 1. Y nương sanh; 2. Chủng tử sanh; 3. Thế dẫn sanh; 4. Nhiếp thọ sanh; 5. Tồn giảm sanh.

1. *Y nương sanh*: Ở nơi sở y đại chủng có sắc sở tạo khác sanh khởi, cho nên thuyết như vậy. Do bốn đại chủng tạo sắc sở tạo thì đồng một xứ thân nhiếp giữ gìn nghĩa kia.

Lại ở trong tụ sắc gom nhóm đây có tự tướng đại chủng và tự tướng sắc sở tạo kia khả đắc, nên biết trong xứ đây tức có pháp kia. Nếu ở xứ đây không có tự tướng của pháp kia, nên biết xứ đây không có pháp kia. Đây gọi là tổng kiến lập tướng chung của có và chẳng phải có.

Nếu có kẻ nói rằng: “Ở xứ đây, tự tướng pháp kia tuy không có được, nhưng chắc chắn là có”. Lúc ấy nên hỏi kia: “Có được và không có được đây là vật bình đẳng hay không bình đẳng? Nếu là vật

bình đẳng, vật đã là bình đẳng mà lại không có được thì không hợp đạo lý. Nếu là vật không bình đẳng, thì do lượng nói không bình đẳng, hay nương tựa uy thế mà nói không bình đẳng? Nếu do lượng mà nói không bình đẳng, thì ít phần tự tướng cũng chẳng thể có được, nên không phải đạo lý. Nếu nương tựa uy thế, thì lìa tự tướng kia có thể lực khác, đây không đúng đạo lý. Hết thấy loại như vậy nên biết là y nương sanh.

2. *Chủng tử sanh*: Mỗi sắc riêng từ tự chủng tử của mình mà sanh khởi, như tụ bèn chắc cứng rắn, nếu khi gặp duyên liền sanh ẩm ướt, ẩm ướt gặp duyên liền sanh bèn cứng, không ẩm sanh ẩm, ẩm trở lại sanh lạnh, bất động sanh động, động sanh bất động, cho đến sắc tốt, sắc xấu... sai biệt nên biết cũng vậy. Do hết thấy loại như thế, tuy không có tự tướng mà có giới ấy. Từ tụ kia, sắc pháp sai biệt kia... mà sanh khởi. Hết thấy loại như vậy gọi là chủng tử sanh.

3. *Thế dẫn sanh*: Vì lực bên trong của các sắc căn tăng thượng, nên phần ngoài tiếp nối sai biệt mà sanh như khí thế gian... Lại do thế lực của nghiệp trước dẫn, nên phần trong các sắc xứ sai

biệt mà sanh. Lại côi trời hoặc dục hiện tiền, hoặc dục không hiện tiền, và chỗ có đầy đủ vật dụng ở Bắc-cu-lô châu, nên biết phần nhiều do thế dẫn mà sanh nên triển chuyển sai biệt. Trong tương tục sanh của côi người, chỉ có khí thể giới. Hết thấy loại như vậy là thế dẫn sanh.

4. *Nhiếp thọ sanh*: Vì gặp duyên nhiếp thọ kia, nên sắc pháp kia kia triển chuyển mạnh mẽ tăng trưởng mà sanh khởi, như nước... là duyên nhiếp thọ hạt giống, khiến mầm kia mạnh mẽ tăng trưởng mà sanh. Hết thấy loại như vậy gọi là nhiếp thọ sanh.

5. *Tổn giảm sanh*: nên biết trái với tướng trên.

Lại khi các tụ sắc sanh, nếu các loại vật do lấy đá mài thành bột, dùng nước hòa hợp tạt kết mà sanh, không giống với tụ lúa mạch, rau đậu. Vì cơ sao? Vì kia có lực tăng thượng của nhân sanh trưởng, như vậy mà sanh, vì có hữu dụng vậy.

Hỏi: Nếu tất cả hành đều do tự chủng tử mà được sanh, nhân duyên nào lại nói các đại chủng tạo sắc sở tạo?

Đáp: Do các đại chủng kia biến chuyển, nên

các sắc sở tạo cũng bị biến chuyển. Vì các đại chủng là chỗ kiến lập và là chỗ giữ gìn sắc sở tạo kia vậy. Do ba nhân duyên đại chủng biến đổi khiến sắc sở tạo triển chuyển biến đổi: 1. Vì tác động sĩ phu; 2. Vì nghiệp sở tác; 3. Vì thắng định.

Tác động sĩ phu: do địa đại xúc chạm mạnh, do khí sai biệt, do ruộng sai biệt, khiến sắc sở tạo biến đổi khá có thể được. Hoặc do sự thấm ướt của nước, sự đốt cháy của lửa, sự động chuyển của gió... khiến sắc sở tạo biến đổi khá có thể được. Nên biết đây gọi là do tác động sĩ phu của đại chủng kia khiến sanh ra sự biến đổi của sắc sở tạo.

Nghiệp sở tác: tùy thuộc vào thế lực nghiệp mà đại chủng sanh trước, về sau tùy lực của kia khiến sắc sanh ra sự biến đổi. Đây gọi là do nghiệp sở tác.

Do thắng định: do lực thắng định nên đại chủng sanh trước, về sau sắc sở tạo sanh khởi sự biến đổi. Nên biết đây gọi là do thắng định. Cho nên biết do đại chủng biến đổi, nhân đây sắc sở tạo cũng sanh khởi sự biến đổi.

Lại nữa, lực do 5 duyên khiến sở hữu đại chủng đang ở tại quả này chuyển thành quả khác.

Những gì là năm? 1. Vì lực đại chủng; 2. Vì lực tác động sĩ phu; 3. Vì lực chú thuật; 4. Vì lực thần thông; 5. Vì lực nghiệp sở tác.

Hỏi: Từ đây mất rồi, nhân nào duyên nào tụ sắc trung hữu tiếp nối được sanh?

Đáp: Nên biết sắc đây dụng chủng tử của chính nó làm nhân, chiêu cảm nghiệp sanh làm duyên.

Hỏi: Nhân nào biết có trung hữu?

Đáp: Từ chỗ đây chết rồi, nếu các tâm tâm sở không còn chỗ nương tựa, vì không có đạo lý chuyển đến phương khác. Chẳng nên như tiếng vọng, vì chỉ có hoặc loạn; chẳng nên như ảnh, vì kia chẳng diệt; cũng chẳng nên nói lẽ như bám lấy sở duyên, vì chẳng phải đi đứng. Hết thấy sở thuyết thí dụ như vậy đều không đúng đạo lý, cho nên nên biết quyết chắc là có trung hữu.

Hết thấy loại như vậy, nên biết tư duy sự sanh khởi của sắc uẩn.

Lại nữa, khi sắc uẩn sanh, cái gì nương xứ ấy đầu tiên? Sắc gì nương xứ ấy mà chuyển?

Nên biết đại chủng nương xứ ấy đầu tiên. Về sau sắc sở tạo nương xứ ấy mà chuyển. Chỉ có các đại chủng ở xứ ấy hiện tiền chướng ngại, tự tướng của

sắc sở tạo khác thì toàn khắp. Nên biết do thể lực giữ gìn của kia mà có sự nương tựa, chướng ngại.

Lại nữa, bốn đại chủng như đất... nên biết tùy theo thứ lớp thô mà hiển, đó là địa giới và quả, năng giữ gìn nghiệp trội hơn cả là tươi nhuận, đốt cháy, động lay của thủy, hỏa, phong... Tức vì nương dựa giới kia thấy nên các nghiệp trên mới lưu chuyển được.

Lại nữa, các âm thanh vừa mới phát ra đã tìm đến diệt, cho nên ở trong tụ sắc không thường hằng tương tục. Lại âm thanh đây lúc nương chất sanh khởi, chất xứ cùng với bên ngoài đồng chuyển tức khắc mới có được. Tùy theo xứ nghe, âm thanh đây phát khởi tức khắc trải khắp, như ngọn lửa phát ánh sáng, chẳng phải chậm rãi sanh khởi triển chuyển hướng đến.

Lại nữa, phong có 2 chủng: hằng tương tục và không hằng tương tục. Các gió luân hành gọi là hằng tương tục. Gió di chuyển trong hư không gọi là không hằng tương tục. Gió di chuyển ở vật gọi là hằng nhiếp thọ. Gió lưu chuyển ở cơ thể gọi là hằng tương tục. Còn lại nên biết chẳng hằng tương tục.

Hỏi: Những gì gọi là không giới?

Đáp: Sắc sở tạo nhiếp thuộc sáng tối, gọi là không giới. Đây cũng có hai chủng: hằng tương tục và không hằng tương tục. Nếu các hữu tình sống trong xứ sở thường tối thường sáng, gọi là hằng tương tục. Xứ khác chẳng như vậy thì gọi là không tương tục. Nên biết đây cũng y nương tụ sắc. Lại không giới đây nhiếp thuộc ánh sáng gọi là thanh tịnh, nhiếp thuộc hang tối gọi là không thanh tịnh.

Hỏi: Chỗ nói các hình sắc ngắn dài... đang được nói đến là thật có hay giả có?

Đáp: Đang nói là giả có. Vì sao? Vì tích tụ lại rồi tồn tại như vậy gọi là hình. Chỉ có các nhóm sắc tích tụ mới khả đắc, vì tướng hình sắc khác thì chẳng thể được.

Lại, lẽ hẳn nhiên có sự chờ đợi lẫn nhau chứ? Nếu pháp chờ đợi có thật tự tánh, thì pháp kia liền có lỗi lầm do tạp loạn.

Lại sắc của quả thắng định nhiếp thuộc pháp xứ, nên biết chỉ có tướng hiển sắc. Vì cố sao? Vì ở nơi hương... khuyết nhân sanh, lại vô dụng. Như vậy gió di chuyển trong không trung không có đồng sanh hương... chỉ có giả hòa hợp. Lại là ánh sáng của mặt trời, các đại chủng khác cùng với hương...

đều chẳng thể có được. Lại sắc của quả thắng định nhiếp thuộc pháp xứ, nên biết sắc đây chỉ nương thắng định, chẳng nương đại chủng, nhưng từ duyên chủng loại kia, ảnh tượng tam-ma-địa phát khởi, cho nên cũng nói đại chủng tạo sắc kia, chẳng phải nương đại chủng kia sanh, nên được gọi là tạo.

Hỏi: Ở trong sắc uẩn, bao nhiêu pháp do có thể thấy có đối ngại nên trụ; do không thể thấy có đối ngại nên trụ; do không thể thấy không đối ngại nên trụ?

Đáp: Mỗi pháp đều do 2 chủng: tức là sở hành của mắt, còn lại chỉ có đối ngại. Trừ sắc do pháp xứ nhiếp lấy, nên biết sắc đây không thể thấy không đối ngại.

Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tư duy sự an lập của sắc uẩn.

Lại nữa, sắc uẩn do bao nhiêu chủng lưu chuyển mà tương tục chuyển?

Do ba chủng: 1. Lưu chuyển đẳng lưu; 2. Lưu chuyển dị thực sanh; 3. Lưu chuyển trưởng dưỡng.

1. Lưu chuyển đẳng lưu có bốn chủng: *a.* Lưu chuyển dị thực đẳng lưu; *b.* Lưu chuyển trưởng dưỡng đẳng lưu; *c.* Lưu chuyển biến đổi đẳng lưu; *d.* Lưu

chuyển tự tánh đẳng lưu.

2. Lưu chuyển dị thực sanh có hai chủng: *a.* Mới đầu; *b.* Tương tục. Đó là nghiệp sanh dị thực và dị thực được sanh. Tức là từ lực của nghiệp kia dẫn dắt khiến dị thực về sau triển chuyển.

3. Lưu chuyển trưởng dưỡng cũng có hai chủng: *a.* Lưu chuyển trưởng dưỡng biến khắp; *b.* Lưu chuyển trưởng dưỡng tương tăng thạnh lẫn nhau.

- Lưu chuyển trưởng dưỡng ban đầu chỉ là trưởng dưỡng sắc. Nên biết do ăn uống, ngủ nghỉ, phạm hạnh... nên các sắc được trưởng dưỡng.

- Lưu chuyển trưởng dưỡng còn lại do thực, do sở y, do tu tác ý thù thắng, do lâu dài thuần thực mà được trưởng dưỡng. Các pháp hữu sắc do sự trưởng dưỡng của cả hai trưởng dưỡng. Các pháp vô sắc chỉ tương tăng thạnh lẫn nhau gọi là trưởng dưỡng.

Lại, sắc Dục giới do đầy đủ bốn thực và tất cả nhân duyên trưởng dưỡng khác mà được trưởng dưỡng. Các sắc Sắc giới chẳng do vay mượn ăn uống, ngủ nghỉ, phạm hạnh mà được trưởng dưỡng.

Lại, các sắc căn do hai chủng lưu chuyển mà được lưu chuyển, dụng các sắc căn là lưu chuyển của dị thực tương tục và lưu chuyển trưởng dưỡng, bên

ngoài không tách riêng với lưu chuyển đẳng lưu.

Hỏi: Dị thực tương tục có lúc cũng có tăng trưởng rộng lớn khá có thể được. Cớ sao lưu chuyển nhiếp dị thực không phải là trưởng dưỡng?

Đáp: Do riêng có trưởng dưỡng tương tục năng thâm nhiếp, năng giữ gìn lưu chuyển dị thực và lưu chuyển đẳng lưu, nên hiện tại có sự tăng trưởng... Nếu chẳng phải sắc nhiếp thuộc căn, nên biết đủ cả ba chủng lưu chuyển. Các tâm tâm sở có lưu chuyển đẳng lưu, lưu chuyển dị thực sanh và chủng trưởng dưỡng thứ hai của phần lưu chuyển trưởng dưỡng. Sắc nhiếp thuộc pháp xứ không có lưu chuyển dị thực sanh, phần còn lại nên biết như tâm tâm sở.

Lại nữa, trong Dục giới có đủ nội ngoại các sắc thành thực. Trong Sắc giới xa lìa hương, vị. Lại trong Dục giới các sắc căn thành thực, hoặc đủ hoặc chẳng đủ. Trong Sắc giới tất đầy đủ các căn. Lại các thanh giới cũng có dị thực mà không phải là thanh.

Hết thấy loại như thế, nên biết gọi là tư duy về nghĩa lưu chuyển của sắc uẩn.

Lại nữa, sắc uẩn nhiếp thuộc địa giới năng làm bao nhiêu nghiệp, cho đến phong giới năng

làm bao nhiêu nghiệp?

Nên biết tất cả đều làm năm nghiệp. Địa giới năng làm nghiệp xúc chạm, va đập, biến hoại, kiến lập và nghiệp nương tựa, nghiệp trái tổn, nghiệp nhiếp thọ.

Thủy giới năng làm nghiệp lưu nhuận, nghiệp nhiếp trì, nghiệp tưới rót, nghiệp trái tổn và nghiệp nhiếp thọ.

Hỏa giới năng làm nghiệp soi chiếu, nghiệp thành thực, nghiệp đốt cháy, nghiệp trái tổn và nghiệp nhiếp thọ.

Phong giới năng làm nghiệp phát động, nghiệp tùy chuyển, nghiệp khô ráo, nghiệp trái tổn và nghiệp nhiếp thọ.

Lại, các đại chủng đối với sanh khởi sắc sở tạo năng làm năm nghiệp: nghiệp sanh khởi, nghiệp nương tựa, nghiệp kiến lập, nghiệp giữ gìn và nghiệp tăng trưởng. Vào lúc đại chủng kia sanh khởi sự biến đổi năng làm dẫn đầu. Sanh khởi biến đổi rồi, cùng với sắc sở tạo kia làm thành một xứ không lìa nhau là năng làm nơi nương tựa. Cùng chung nhiếp thọ hao tổn, an ổn, nguy hại là năng kiến lập sắc sở tạo kia. Năng giữ gìn lượng gốc của

kia khiến không tổn giảm là năng giữ gìn. Khiến sắc sở tạo tích tập tăng trưởng rộng lớn là năng tăng trưởng.

Hỏi: Sở hành của nhãn, nhĩ là sắc thiện, bất thiện. Nhân duyên nào kia thành tánh thiện... mà chẳng phải sắc khác?

Đáp: Nếu lược thuyết thì do ba chủng tư duy phẩm hạ, trung, thượng sai biệt: 1. Tư duy gia hạnh; 2. Tư duy quyết định; 3. Tư duy đẳng khởi. Do đây năng khởi biểu nghiệp thân, ngữ hoặc thiện hoặc bất thiện. Nên biết vì tư duy phẩm thượng làm chỗ nương, năng phát nghiệp thiện, bất thiện.

Hỏi: Nương vào tụ sắc thì có vận động, vậy thì vận động và tụ sắc là khác hay không khác?

Đáp: Phải nói là không khác. Vì có sao? Ở nơi xứ kia, hoặc sanh, không sanh, hoặc diệt, không diệt, mà có sự vận động đều mắc phải lỗi lầm khả đắc.

Hỏi: Có lỗi lầm gì?

Đáp: Nếu nói sanh mà có vận động liền trái vượt tướng sát-na. Nếu nói không sanh, liền là vô động. Nếu nói diệt lẽ phải nói tụ sắc và vận động khác nhau. Nếu không diệt, liền trái vượt tướng hành.

Lại ở một xứ khác, nhân duyên sanh khởi phân minh khả đắc. Cho nên biết thực chất của sự vận động không riêng có được.

Hết thấy loại như vậy, nên biết tư duy tác nghiệp của sắc uẩn.

Lại nữa, tất cả sắc uẩn nên nói đều là tánh sát-na diệt. Vì cố sao? Vì các hành vừa sanh liền tức thì hoại diệt khá có thể được. Lại không nên cho là nhân năng sanh tức là nhân diệt, vì kia khác nhau vậy.

Lại vì pháp đã sanh, do nhân khác khiến ngưng trụ thì không có việc ấy. Cho nên tất cả các hành đều nhậm vận diệt. Do đây đạo lý nghĩa sát-na thành tựu.

Nếu cho lửa... là nhân hoại diệt thì không đúng đạo lý. Vì cố sao? Do lửa... cùng các hành kia đồng sanh đồng diệt hiện khá có thể được vậy, nên chỉ năng làm duyên khiến kia sanh khởi biến đổi, thì lời đây có thể chấp nhận.

Lại cho hoại diệt là nhân của hoại diệt thì không đúng đạo lý. Vì cố sao? Vì hai kia cùng sanh thì không đúng như lý. Nếu khi kia sanh khởi tức liền hoại diệt, thì mắc phải lỗi đoạn hoại tiếp nối

xảy ra đồng thời.

Lại chỉ có tự tánh hoại diệt nên gọi là diệt, mà lại nói năng là nhân diệt thì không đúng đạo lý. Nếu nói riêng có tự tánh hoại diệt, vậy thì lìa ngoài pháp kia riêng có tướng diệt, điều này rất ráo chẳng thể được. Cho nên đây không đúng đạo lý. Nếu cho lửa... là trợ bạn của diệt mới năng diệt, vậy thì ở nơi đèn, ánh chớp... và tâm tâm sở nhậm vận diệt chẳng thể được, cho nên không đúng đạo lý.

Nếu cho là sanh kia mỗi mỗi có công năng riêng biệt, thì vì công năng riêng biệt đây không thể có được. Cho nên điều này không đúng đạo lý. Nếu cho là hai chủng ở một xứ có công năng diệt, vậy lẽ hai chủng đều có hai phần là có công năng diệt hoặc không có công năng thì có lỗi lầm. Điều này không đúng đạo lý.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy nghĩa sát-na diệt của sắc uẩn, đó là vì nhân nhậm vận hoại diệt; vì ngăn chặn kế chấp cho lửa... là nhân diệt; vì ngăn chặn kế chấp cho tướng diệt là nhân diệt; vì ngăn chặn kế chấp cho hai chủng là nhân diệt. Hết thấy loại như vậy, phải rõ biết tương tận. Lại vì tất cả hành là quả của tâm, nên biết tâm

đều là sát-na diệt.

Lại nữa, sắc sở tạo so với các đại chủng kia nên nói là có tướng khác, hay không có tướng khác? Có tướng khác nhau. Vì cố sao? Vì tướng khác nhau đây khả đắc. Trong đây tướng khác nhau tức là sở hành của căn khác nhau. Vì sao? Do sắc căn khác năng nắm giữ đại chủng, lại do căn khác nữa nắm giữ sắc sở tạo. Lại vì vận chuyển, không thể vận chuyển hiện khả đắc, như là tùy mỗi loại hoa mà vận chuyển mùi hương khắp thế gian hiện khả đắc, chẳng phải hương kia rắn chắc mà có thể lan tỏa được. Lại vì biến đổi, không biến đổi hiện khả đắc, như nấu cô đặc sữa, bên trong có sự biến đổi sắc vị sai khác có thể thấy được, chẳng phải sữa kia rắn chắc mà có thể biến đổi được. Như vậy nên biết đại chủng và sắc sở tạo tướng có sự khác nhau. Nếu ở nơi tướng khác đây mà kế chấp là một, thì ở nơi các đại chủng cũng nên vậy chăng, vì các đại chủng tướng triển chuyển xoay vần khác nhau? Nếu người tin theo như vậy, lẽ chỉ có một đại chủng sao? Cho nên nên biết các sắc sở tạo so với đại chủng kia quyết định có tướng khác.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy sắc của

các đại chủng tướng riêng, chẳng phải riêng.

Lại nữa, các sắc nhiếp lấy pháp bao nhiêu là tánh căn, bao nhiêu là tánh sở hành? Năm là tánh căn và sáu là tánh sở hành.

Hỏi: Những cảnh sở hành nào là căn sở hành?

Đáp: Nếu căn không bị hư hoại... như trong phần *Bản địa* đã rộng thuyết, đó là do y xứ, hoặc do tướng, hoặc do phương, hoặc do thời, hoặc do hiển rõ, không hiển rõ, hoặc do toàn phần sự, một phần sự.

Hỏi: Do bao nhiêu nhân duyên các căn bị hư hoại và không bị hoại?

Đáp: Do hai nhân duyên: 1. Do tổn giảm suy yếu; 2. Do hư hoại hoàn toàn. Trái với tướng đây nên biết không hoại.

Lại lược do bốn duyên khiến các căn biến đổi: 1. Do ngoại duyên khiến phát sanh, tức là hoặc do thọ dụng, nhiếp thọ cảnh giới bên ngoài nên bị tổn hoại, hoặc sự tổn hoại do vật khác gây ra; 2. Do nội duyên khiến phát sanh, tức là hoặc do không như lý tác ý nên sanh các phiền não triền như tham... hoặc do như lý tác ý sanh khởi Tam-ma-bát-đề; 3. Do nghiệp duyên khiến phát sanh, tức là do

nghiệp trước kia lực tăng thượng duyên, nên chiêu cảm đọa chánh hay xấu xí...; 4. Do tự thể biến đổi khiến phát sanh, tức là do tự tướng của các căn kia sai khác.

Hỏi: Do bao nhiêu nhân duyên khiến ý căn hoại?

Đáp: Do bốn nhân duyên: 1. Do cái gây ra, tức là một trong năm cái che chướng tâm; 2. Do tán loạn gây ra, tức là do quỷ mị nhiễu loạn tâm; 3. Do chưa chứng đắc gây ra, tức là do nội tâm chưa chứng đắc công đức phẩm thù thắng của tinh lự Vô sắc, nhưng đối với việc ấy lại phát khởi tác ý mạnh mẽ cho là đã chứng đắc; 4. Do chưa hiểu biết gây ra, tức là ở nơi những việc đa văn công xảo... tâm chưa thành thực, chưa phương tiện mạnh mẽ như bố thí...

Sao nói cảnh giới như sắc... so với các căn kia gọi là hiện ở trước? Đó là sắc đối với mắt, không hòa hợp, không mờ tối, không quá nhỏ quá xa, cũng không có chướng ngại, thì gọi là hiện tiền. Nói chung có thể thấy, có ánh sáng không bị chướng ngại tại nơi chốn có thể hành, gọi là hiện tiền. Lại có một loại nhãn tuy sắc chướng che cũng được gọi là hiện tiền.

Thanh đối với nhĩ căn cũng không hòa hợp, không quá nhỏ quá xa, gọi là hiện tiền. Có chướng, không chướng, hoặc sáng, hoặc tối, tại nơi chốn có thể hành, đều gọi là hiện tiền.

Hương, vị, xúc đối với tỷ, thiệt, thân chỉ hòa hợp, năng nắm giữ, tại nơi chốn có thể hành, gọi là sở hành cảnh giới hiện tiền.

Nếu các thiên nhãn chỉ chiếu soi, hoặc có thể thấy, hoặc có chướng, hoặc không chướng, hoặc tối, hoặc sáng, hoặc xa, hoặc gần, đều gọi là hiện tiền, hoặc nơi chốn có thể hành, hoặc không phải nơi chốn có thể hành. Nếu Thánh huệ nhãn, tất cả chủng sắc đều là sở hành.

Hỏi: Như phần *Bản địa* thuyết thì sáu chủng tánh sở hành đây có sai khác gì?

Đáp: Tánh sở hành ban đầu là sắc nhiếp thuộc hữu tình thế gian và sắc nhiếp thuộc khí thế gian. Tánh sở hành thứ hai do ba tự tánh sai biệt, đó là do tướng sai biệt, do tác dụng sai biệt và do phần vị sai biệt. Tánh sở hành thứ ba đó là đông, tây, nam, bắc... phương hướng sai biệt. Tánh sở hành thứ tư đó là quá khứ, vị lai, hiện tại sai biệt. Tánh sở hành thứ năm đó là giữ lấy thật, không thật sai

biệt. Tánh sở hành thứ sáu đó là thủ lấy một phần sự hay toàn phần sự sai biệt.

– *Sắc*:

Do tướng sai biệt: đó là xanh, vàng, đỏ, trắng cho đến nói rộng.

Do tác dụng sai biệt: đó là tác dụng nhiếp thuộc biểu nghiệp, không biểu nghiệp; luật nghi, bất luật nghi; chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi.

Do phần vị sai biệt: đó là sắc khả ý, không khả ý và sắc thuận xứ xả.

– *Thanh*:

Do tướng sai biệt: do đại chủng chấp thọ làm nhân; do chẳng phải đại chủng chấp thọ làm nhân; do đại chủng chấp thọ, chẳng phải chấp thọ làm nhân.

Do tác dụng sai biệt: là biểu nghiệp ngữ.

Do phần vị sai biệt: nên biết như trước.

– *Hương*:

Do tướng sai biệt: là gốc, thân, da, hoa, lá, quả thật.

Do tác dụng sai biệt: là hương, vị, xúc, đều không tác dụng.

Do phần vị sai biệt: nên biết như trước.

– *Vi*:

Do tướng sai biệt: ngọt, đắng... Còn lại như trước đã thuyết.

– *Xúc*:

Do tướng sai biệt: có nhiều chủng. Còn lại như trước đã thuyết.

Hết thấy loại như vậy nên biết cảnh giới của các sắc hiện tiền sai biệt.

Sao gọi là năng sanh tác ý? Vì sở y không hư hoại, cảnh giới hiện tiền, chỗ khởi năng dẫn phát tâm sở.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy tướng sở hành của sắc uẩn.

Lại nữa, người ở Dục giới nương thân Dục giới phát khởi đại chủng Sắc giới hiện tiền. Các đại chủng kia sao nói cùng sắc cõi dưới đồng trụ là khác xứ, hay chẳng phải khác xứ? Phải nói như cát trong nước, chẳng phải trụ khác xứ.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy sắc uẩn xoay vần lẫn nhau, xen tạp lẫn nhau.



Quyển 55

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ƯNG ĐỊA

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 5

Như vậy đã tư trạch về sắc uẩn, kể đến Ta sẽ thuyết về **Danh**, nhiếp thuộc *bốn vô sắc uẩn*, tùy chỗ thích hợp mà kiến lập tương. Như trong phần *Bản địa* đã lập một tương tâm, nay hiển thị trước.

Như Thế Tôn nói: “Nếu có chúng sanh chỉ phát một tâm và một lời nói đối với Như Lai thế này: “Bậc Thiện Thệ Đại Sư! Bậc Thiện Thệ Đại Sư!” Chỉ cần phát một tâm như vậy, Ta nói người kia có nhiều thực hành đối với thiện pháp, hướng là thân ngữ tùy thuận phụng hành như tâm lượng”. Lại như nói: “Do một tâm tịnh sẽ đến cõi thiện”. Hết thấy loại như vậy, nên biết trong đây nương theo sự triển chuyển nhiếp lấy một tâm tương tục. Do đạo thể tục mà gọi là phát một tâm. Lại nương đạo lý thể tục tương tục, gọi là phát một ngữ và phát thân nghiệp.

Hỏi: Tâm có phân biệt và tâm không phân biệt đang được nói đến là đồng hay không đồng duyên cảnh hiện tại?

Đáp: Đang được nói đến là đồng duyên cảnh giới hiện tại. Vì cố sao? Do 3 nhân: vì rất rõ ràng, vì ở nơi kia tác ý, vì nuôi dưỡng hai điều kia.

Hỏi: Khi tâm nhiễm sanh là vì tự tánh nên nhiễm, hay vì tương ưng, hay vì tùy miên?

Đáp: Vì tương ưng, vì tùy miên, chẳng phải vì tự tánh. Nếu tự tánh kia là nhiễm ô, thì lẽ như tham... sẽ rất ráo bất tịnh, nếu vậy có lỗi lớn. Do tự tánh kia không nhiễm ô, nên nói khi tâm sanh tự tánh thanh tịnh.

Hỏi: Đối với nhân của hai chủng nhiễm ô tâm, các phiền não triền phải nói thuộc loại nào?

Đáp: Phải nói là tương ưng.

Hỏi: Trong đây những gì gọi là tùy miên?

Đáp: Sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não, tánh không an ổn, lại nắm giữ các hành khiến thành tánh khổ, cho nên bậc Thánh do hành khổ hiện quán là khổ, ở trong các hành mà an trụ quán khổ.

Hỏi: Quán thế nào?

Đáp: Như độc, nhiệt, ung cho đến nói rộng như *Có tâm có tứ địa*, nên như vậy mà quán.

Lại có 3 chủng pháp nhiễm não tâm, nên biết nhiếp khắp tất cả nhiễm não, chỗ gọi là nghiệp nhiễm não, thọ nhiễm não và phiền não nhiễm não. Hai nhiễm não đầu chỉ ở hệ buộc Dục giới. Nhiễm não rốt sau hệ buộc thông cả ba cõi.

Hỏi: Những gì gọi là tâm phiền não phược?

Đáp: Tất cả tùy miên.

Hỏi: Những gì gọi là nghiệp phược?

Đáp: Vui đắm sự nghiệp gọi là nghiệp phược. Lại ở ba nơi gây tạo nghiệp chướng ngại, cũng gọi là nghiệp phược, đó là: ở nơi tâm xuất ly, ở nơi đắc hỷ lạc xuất ly và ở nơi đắc Thánh đạo. Lại nghiệp thuận dị thực chướng cũng gọi là nghiệp phược. Lại nghiệp tà nguyện cũng gọi là nghiệp phược. Bốn chủng như vậy nếu triển khai riêng thì có sáu, hợp chung là bốn.

Hỏi: Khi các thức sanh khởi, cùng bao nhiêu tâm pháp biến hành đồng khởi?

Đáp: Có năm: 1. Tác ý; 2. Xúc; 3. Thọ; 4. Tưởng; 5. Tư.

Hỏi: Lại cùng với bao nhiêu tâm pháp không

biến hành đồng khởi?

Đáp: Tâm pháp không biến hành có nhiều chủng, nhưng trội hơn chỉ có năm: 1. Dục; 2. Thắng giải; 3. Niệm; 4. Tam-ma-địa; 5. Tuệ.

Tác ý là gì? Là tâm hồi chuyển.

Xúc là gì? Là ba hòa hợp (căn, cảnh, thức).

Thọ là gì? Là lãnh nạp.

Tưởng là gì? Là biết rõ ảnh tượng. Lại có hai chủng: 1. Tưởng có nhận thức; 2. Tưởng ngôn thuyết tùy miên. Tưởng có nhận thức: là tưởng ngôn thuyết thiện thuộc người, trời... Tưởng ngôn thuyết tùy miên: là tưởng ngôn thuyết bất thiện thuộc loại anh nhi... cho đến cầm thú...

Tư là gì? Là tâm tạo tác.

Dục là gì? Là sự vui thích, rồi theo đó mà làm. Dục có tánh hành động.

Thắng giải là gì? Là đối với sự việc quyết định, rồi theo đó mà làm. Tánh năng tùy thuận.

Niệm là gì? Là đối với sự việc xuyên suốt tập, rồi theo đó mà làm. Tánh ghi nhớ rõ ràng.

Tam-ma-địa là gì? Là đối với sự việc quán sát, rồi theo đó mà làm, quán sát sâu sở y, tâm tánh nhất cảnh.

Tuệ là gì? Túc ở nơi sự việc quán sát, rồi theo đó mà làm. Tánh chọn lọc các pháp. Hoặc do như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý chẳng phải không như lý dẫn dắt.

Tác ý tạo nghiệp gì? Là năng dẫn phát tâm pháp.

Xúc tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của thọ, tưởng, tư.

Thọ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của sự yêu thích.

Tưởng tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên khiến tâm phát khởi chủng chủng lời nói.

Tư tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp khiến phát khởi tâm tứ thân ngữ nghiệp...

Dục tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp phát động.

Thắng giải tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên, giữ gìn công đức, quá thất.

Niệm tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với việc đã suy nghĩ, đã làm, đã nói từ lâu mà có thể nhớ nghĩ.

Tam-ma-địa tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của trí.

Tuệ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở

hành hý luận nhiễm ô hoặc thanh tịnh, thuận theo, thúc đẩy, tìm hiểu.

Hỏi: Năm chủng tâm sở không biến hành đây, ở cảnh sự riêng biệt nào mà được sanh?

Đáp: Như thứ lớp đó thì ở nơi sự ưa thích mà quyết định xuyên suốt tu tập quán sát bốn cảnh sự khiến phát sanh. Tam-ma-địa và tuệ ở nơi cảnh cuối cùng, còn lại tùy thứ lớp ở ba cảnh trước.

Hỏi: Các tên gọi nhiếp lấy cùng tâm pháp tương ưng uẩn còn lại là bổng nhiên khởi, hay tầm cầu, hay quyết định?

Đáp: Nếu tâm nương loại kia, phải nói tức loại kia.

Hỏi: Như trong kinh nói: “Bốn vô sắc uẩn đây nên nói là hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Không thể nói rằng các pháp như vậy có thể phân ra, có thể chia chẻ khiến thành sai biệt”. Cớ sao tướng thành thực của pháp kia khác nhau mà nói hòa hợp không có sự sai biệt?

Đáp: Vì nhiều nhóm hòa hợp, ở nơi cảnh sở duyên thọ dụng, lãnh nạp, hiểu biết mới được viên mãn. Nếu không như thế, tùy khuyết một chủng, ở nơi sự sở vi lễ không viên mãn.

Hỏi: Các tâm, tâm sở thường có bao nhiêu tên gọi sai khác?

Đáp: Chúng có nhiều tên: đó là có sở duyên, tương ưng, có hành, có sở y... vô lượng sai biệt.

Hỏi: Cớ sao nhãn... cũng có cảnh giới, mà chỉ nói tên gọi của tâm tâm sở kia là có sở duyên, chẳng phải là nhãn...?

Đáp: Do nhãn kia... là cảnh sở thủ cũng sanh khởi được. Tâm và tâm sở thì không như vậy.

Hỏi: Cớ sao có tên là tương ưng?

Đáp: Do sự... do xứ... do thời... do sở tác...

Hỏi: Cớ sao có tên là có hành?

Đáp: Vì ở nơi một sở duyên, tạo tác vô lượng chủng hành tướng sai biệt triển chuyển.

Hỏi: Cớ sao có tên là có sở y ?

Đáp: Do mỗi một chủng loại nương gá các sở y sai biệt mà chuyển. Tuy pháp hữu vi không phải không có nương, nhưng không phải nghĩa “nương” mà trong đây nói đến, vì chỉ có “thường hằng sở y” là đúng với nghĩa trên.

Hỏi: Cớ sao vui so với thọ khổ, khổ so với thọ vui, hoặc khổ hoặc vui so với không phải khổ vui, mà thuyết là xoay vần đối nhau?

Đáp: Do tự chủng loại của chính nó mà không đồng phạm, nên có sự xoay vần đối nhau.

Hỏi: Cớ sao thọ không khổ không vui so với vô minh kia mà nói là xoay vần đối nhau?

Đáp: Do tất cả phiền não cùng các thọ đều là trợ bạn xoay vần đối nhau.

Hỏi: Cớ sao minh và vô minh nói là xoay vần đối nhau?

Đáp: Vì năng trị và sở trị hỗ tương đối nhau.

Hỏi: Cớ sao minh và Niết-bàn nói là xoay vần đối nhau?

Đáp: Do nhân quả phụ thuộc xoay vần đối nhau.

Lại nữa, cớ sao kiến lập bốn vô sắc uẩn là tánh thiện, bất thiện, vô ký? Vì tất cả không có sự sai khác vậy.

Ốt-Đà-Nam nói:

Y xứ cùng tự tánh

Tương ưng, thế tục thấy

Nhuyễn thấy, sự, sai biệt

Được, mất, năng sở trị.

Tánh thiện:

Hỏi: Y xứ thiện pháp có bao nhiêu chủng?

Đáp: Lược thuyết có sáu: 1. Thời quyết định, 2. Thời dừng nghỉ; 3. Thời tác nghiệp; 4. Thời thế gian thanh tịnh; 5. Thời xuất thế gian thanh tịnh; 6. Thời nhiếp thọ chúng sanh.

Hỏi: Những gì là tự tánh?

Đáp: Đó là tín, tâm, quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, bất hại. Các pháp như vậy gọi là tự tánh thiện.

Hỏi: Sao nói là các pháp như vậy có nghĩa tương ưng lẫn nhau?

Đáp: Thời quyết định có tín tương ưng. Thời dừng nghỉ tạp nhiễm có tâm và quý, vì quán xét mình người. Thời tác nghiệp phẩm thiện chuyển có không tham, không sân, không si và tinh tấn. Thời đạo thế gian ly dục có khinh an. Thời đạo xuất thế gian ly dục có không phóng dật và xả. Thời nhiếp thọ chúng sanh có bất hại, vì Bi nhiếp lấy vậy.

Hỏi: Các pháp thiện đây, thế tục có bao nhiêu, thật vật có bao nhiêu?

Đáp: Thế tục có ba: không phóng dật, xả và bất hại. Vì cố sao? Vì không phóng dật, xả là phần không tham, không sân, không si và tinh tấn. Tức là pháp như thế nghĩa là tạp nhiễm nên kiến lập là xả, nghĩa đối trị tạp nhiễm nên lập không phóng dật. Bất hại tức là phần không sân. Không có riêng thật vật.

Hỏi: Những gì gọi là thiện căn phẩm hạ?

Đáp: Là sở hữu thiện căn ở các bất định địa, hoặc tại định địa, hoặc năng đối trị phiền não phẩm thượng.

Hỏi: Những gì gọi là thiện căn phẩm trung?

Đáp: Hoặc thiện căn thế gian ở định địa, hoặc năng đối trị phiền não phẩm trung.

Hỏi: Những gì gọi là thiện căn phẩm thượng?

Đáp: Là sở hữu thiện căn của xuất thế gian, hoặc năng đối trị phiền não phẩm hạ. Lại các thiện pháp hoặc do lực gia hạnh, hoặc do lực xuyên suốt tu tập, hoặc do lực tự tánh, hoặc do lực điền sĩ, hoặc do lực thanh tịnh, nên biết thành tựu phẩm thượng.

Hỏi: Lúc thiện căn sanh nường bao nhiêu chủng sự?

Đáp: Nếu lược thuyết thì nương 8 chủng sự: 1. Sự thí, chỗ thành tựu phước nghiệp; 2. Sự giới, chỗ thành tựu phước nghiệp; 3. Sự tu, chỗ thành tựu phước nghiệp; 4. Sự do văn mà thành tựu; 5. Sự do tư mà thành tựu; 6. Sự do tu mà thành tựu; 7. Sự do chọn lựa mà thành tựu; 8. Sự do nhiếp thọ hữu tình mà thành tựu. Nên biết trong đây tùy chỗ thích hợp nương theo sự đã thuyết, hoặc ở hiện pháp, hoặc ở hậu pháp. Do trước kia tâm tương tục theo đuổi một chủng tham, sân, ác kiến nên thành uesthiệp; đã bị uesthiệp rồi, do đối trị khiến không trở lại tương ưng kia.

Hỏi: Những gì gọi là thiện pháp sai biệt?

Đáp: Hoặc có 1 chủng cho đến 10 chủng, như trong phần *Bản địa* đã rộng tuyên thuyết. Lại, các thiện pháp đây hoặc do đối trị tạp nhiễm, hoặc do tạp nhiễm lặn dứt, hoặc do nhiếp thọ quả khả ái, hoặc do thanh tịnh tương tục, hoặc do cúng dường, hoặc do nhiếp thọ hữu tình. Cần phải rõ biết tất cả thiện pháp sai biệt như vậy.

Lại nữa, thiện pháp không có lỗi lầm, vậy có công đức gì? Công đức thiện pháp có vô lượng chủng, đó là: năng sửa trị thanh tịnh tâm khiến là thiện

não triển và tùy miên, năng khiến ở nơi sở duyên không bị điên đảo, năng khiến thiện căn kiên cố bất thối, năng khiến hành đẳng lưu tương tục chuyển; không tự hại mình, không làm hại người, không làm hại cả hai; không sanh tội ở hiện pháp, không sanh tội ở hậu pháp, không sanh tội ở hậu pháp hiện pháp. Lại năng khiến lãnh thọ sự an vui, năng tận dứt các khổ, sanh làm bậc thượng thủ. Lại năng tăng trưởng thắng giải Niết-bàn, năng tiến gần Niết-bàn, năng khiến tài bảo địa vị không suy mất; ở trong đại chúng dùng mãn, không sợ hãi; danh xưng lưu bố rộng khắp mười phương, được các bậc hiền thánh xưng khen; lúc mạng chung không sanh ưu hối, sau khi thân hoại sẽ sanh về các đường thiện. Nếu nơi các thiện pháp không bị thối thất, sẽ năng nhanh chóng tùy chúng tự nghĩa như mong muốn. Hết thấy loại công đức thiện như vậy có vô lượng vô biên, cần rõ biết tường tận.

Sao gọi là kiến lập các thiện đối trị? Do 15 chủng: 1. Do lấy nhàm chán họa hoạn để đối trị; 2. Do lấy đoạn để đối trị; 3. Do lấy trì để đối trị; 4. Do đối trị phần xa; 5. Do đối trị sở dục hướng đến trần; 6. Do đối trị chẳng phải sở dục hướng đến

triền; 7. Do đối trị tùy miên; 8. Do đối trị phiền não phẩm nhuyễn; 9. Do đối trị phiền não phẩm trung; 10. Do đối trị phiền não phẩm thượng; 11. Do đối trị tán loạn; 12. Do đối trị huân hối; 13. Do đối trị hạ liệt; 14. Do đối trị chế phục; 15. Do đối trị lìa hệ buộc.

Tánh bất thiện:

Các pháp nhiễm ô được hiển bởi 2 tướng: 1. Gốc phiền não; 2. Tùy phiền não. Trước sẽ nói về gốc phiền não, sau sẽ phân biệt tùy phiền não.

Hỏi: Gốc phiền não có bao nhiêu chủng y xứ?

Đáp: Có 6 chủng y xứ: 1. Vô minh cùng cảnh giới tạp nhiễm vừa ý; 2. Vô minh cùng cảnh giới tạp nhiễm không vừa ý; 3. Không như lý tác ý cùng cảnh giới tạp nhiễm; 4. Vô minh cùng hữu tình thắng, trung, liệt ở nơi năm thủ uẩn mỗi mỗi riêng khác; đắc, chưa đắc điền đảo, công đức điền đảo; 5. Vô minh cùng không như lý tác ý, lắng nghe pháp bất chánh; 6. Vô minh cùng không như lý tác ý, ở nơi chánh pháp được nghe mà sanh giải đãi.

Nên biết ở y xứ thứ nhất có vui thích hòa hợp. Ở y xứ thứ hai có vui thích xa lìa. Ở y xứ thứ ba có

điên đảo ở nơi cảnh giới. Ở y xứ thứ tư có lãng miệt tăng thượng mạn. Ở y xứ thứ năm có tà hạnh chấp pháp. Ở chủng y xứ thứ sáu có không tu chánh hạnh, không trở lại đoạn diệt.

Hỏi: Tự tánh phiền não có bao nhiêu chủng?

Đáp: Có sáu chủng: 1. Tham; 2. Sân; 3. Vô minh; 4. Mạn; 5. Kiến; 6. Nghi.

Hỏi: Phiền não nào cùng phiền não nào tương ứng?

Đáp: Vô minh và tất cả nghi đều không tương ứng với phiền não khác. Tham, sân không qua lại tương ứng nhau. Hoặc kiến cùng mạn tương ứng, đó là lúc nhiễm ái hoặc cao cử, hoặc mong cầu. Như nhiễm ái, thì ghét khuyển cũng vậy. Hoặc kiến cùng mạn lại tương ứng, đó là lúc cao cử lại thêm tà thôi thúc mong cầu.

Hỏi: Các phiền não như vậy, thế tục có bao nhiêu, thật vật có bao nhiêu?

Đáp: Kiến là thế tục có, vì chính là phần tuệ. Còn lại là thật vật có, riêng có tánh tâm sở.

Hỏi: Các phiền não ấy làm thế nào kiến lập phẩm hạ, trung, thượng?

Đáp: Vị đoạn trừ cuối cùng gọi là phẩm hạ. Vị

đoạn trừ trung gian gọi là phẩm trung. Vị đoan trừ đầu tiên gọi là phẩm thượng.

Lại do 6 nguyên nhân khiến thành tựu các phiền não phẩm thượng: 1. Phiền não do tâm dục phát sanh, tánh phẩm thượng nhiều; 2. Phiền não do thường xuyên tập quen, tánh phẩm thượng nhiều; 3. Chìm ngập lâu nơi phiền não, đó là người có căn thành thực, tánh phẩm thượng nhiều; 4. Phiền não không thể đối trị, đó là người không pháp Niết-bàn, tánh phẩm thượng nhiều; 5. Phiền não do gia hạnh phi xứ, đó là những việc không tôn trọng phước điền, tánh phẩm thượng nhiều; 6. Có nghiệp phiền não, đó là người đang lúc phát nghiệp, tánh phẩm thượng nhiều.

Hỏi: Lúc phiền não sanh khởi do bao nhiêu sự phiền não mà được sanh?

Đáp: Tham do 10 sự: 1. Thủ uẩn; 2. Các kiến; 3. Cảnh giới chưa được; 4. Cảnh giới đã được; 5. Cảnh giới quá khứ đã thọ dụng; 6. Ác hạnh; 7. Nam nữ; 8. Thân hữu; 9. Vật dụng; 10. Hậu hữu và vô hữu.

Hỏi: Tham nào ở nơi sự nào sanh?

Đáp: Tùy theo thứ lớp 10 tham ở nơi 10 sự

sanh. Những gì là mười? Đó là tham sự, tham kiến, tham tham, tham bủn xỉn, tham cái, tham ác hạnh, tham con cái, tham thân hữu, tham vật dụng và tham hữu, tham vô hữu.

Sự sân cũng có 10 chủng: 1. Thân mình; 2. Chỗ hữu tình yêu thích; 3. Chỗ hữu tình không yêu thích; 4. Oán thân quá khứ; 5. Oán thân vị lai; 6. Oán thân hiện tại; 7. Cảnh không vừa ý; 8. Tật đố; 9. Tập quen đời trước; 10. Tha kiến.

Tùy theo thứ lớp 10 sự như vậy cũng có 10 sân sanh. Nương 6 sự trước mà lập 9 sự nào. Duyên tất cả sân kia gọi là sân của hữu tình, còn lại gọi là sân của cảnh giới. Nếu bất nhẫn làm tiền dẫn, cũng là sân của hữu tình. Hoặc sân do tập quen đời trước, hoặc sân do kiến chấp, gọi là sân kiến. Như vậy 10 sân lược có ba chủng: 1. Sân của hữu tình; 2. Sân của cảnh giới; 3. Sân kiến.

Vô minh nương 7 sự mà khởi: 1. Sự đời; 2. Sự an lập thế gian; 3. Sự chuyển vận; 4. Sự tối thắng; 5. Sự chân thật; 6. Sự tạp nhiễm, thanh tịnh; 7. Sự tăng thượng mạn.

Nương 7 sự đây khởi 7 điều không hiểu biết, hoặc lại 19 sự không hiểu biết. Nên biết ở sự ban

dầu do ba chủng môn sanh nghi hoặc. Ở sự thứ hai do nội sáu xứ, hoặc ngoại sáu xứ, hoặc đồng sanh kiến ngã, ngã sở, oán, thân... Ở sự thứ ba do nghiệp dị thực đồng sanh với kiến tác giả, thọ giả, không nhân, ác nhân. Ở sự thứ tư phỉ báng Tam Bảo. Ở sự thứ năm phỉ báng các đế. Ở sự thứ sáu khởi hạnh hiểu biết tà. Ở sự thứ bảy nương nghĩa mình đã đắc mà khởi tăng thượng mạn.

Mạn nương 6 sự mà sanh: 1. Hữu tình kém hơn; 2. Hữu tình ngang bằng; 3. Hữu tình vượt hơn; 4. Nội thủ uẩn; 5. Đã đắc, chưa đắc điên đảo; 6. Công đức điên đảo. Nương 6 sự đây sanh 7 chủng mạn là mạn, quá mạn... Nên biết hai mạn đây nương sự vượt hơn hữu tình mà phát khởi; còn lại mỗi mạn nương một sự mà phát khởi.

Kiến nương 2 sự mà sanh: 1. Sự tăng thêm; 2. Sự tổn giảm.

Sự tăng thêm có 4 chủng: 1. Tăng thêm tánh ngã, hữu; 2. Tăng thêm tánh thường, vô thường; 3. Tăng thêm phương tiện tăng thượng sanh; 4. Tăng thêm phương tiện giải thoát.

Sự tổn giảm cũng có 4 chủng: 1. Phỉ báng nhân; 2. Phỉ báng quả; 3. Phỉ báng tác dụng; 4. Phỉ

báng sự thiện. Trong đây không thí cho đến không diêu hạnh, ác hạnh, gọi là phỉ báng nhân. Nghiệp ác hạnh, diêu hạnh không có quả dị thực, gọi là phỉ báng quả. Không thế gian cho đến không hóa sanh hữu tình, gọi là phỉ báng tác dụng. Vì có sao? Trong đây các dụng sĩ phu là nghĩa tác dụng. Dụng sĩ phu đây lại có 4 chủng: 1. Dụng đến đi; 2. Dụng giữ gìn thai tạng; 3. Dụng sắp đặt chủng tử; 4. Dụng của nghiệp hậu hữu. Thế gian không có A-la-hán... gọi là phỉ báng sự thiện. Như vậy nương đây mà rộng nói 8 sự.

Lại hai sự sanh 5 kiến: đó là thân kiến, chấp biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến.

Lại nương 62 sự phát sanh chấp biên kiến và tà kiến là sự kế chấp tiền tế và sự kế chấp hậu tế như kinh đã rộng thuyết. Nương sự sai biệt đây nên có 62 kiến.

Nghi-nương 6 sự mà sanh: 1. Không được nghe chánh pháp; 2. Gặp thầy hành tà kiến; 3. Đã có tín thọ mà ý kiến sai khác; 4. Tánh tự ngu muội; 5. Pháp tánh thâm sâu; 6. Giáo pháp rộng sâu.

Hỏi: Những gì gọi là phiền não sai biệt?

Đáp: Tất cả lược có 15 chủng sai biệt: 1. Nội

môn phiền não; 2. Ngoại môn phiền não; 3. Phiền não kiến sở đoạn; 4. Phiền não tu sở đoạn; 5. Phiền não nhiếp thuộc triền do hướng đến sự khả ái; 6. Phiền não nhiếp thuộc triền do hướng đến sự không khả ái; 7. Phiền não nhiếp thuộc tùy miên; 8. Phiền não phẩm nhuyễn; 9. Phiền não phẩm trung; 10. Phiền não phẩm thượng; 11. Phiền não ở vị tán loạn; 12. Phiền não ở vị cải hối; 13. Phiền não ở vị yếu liệt; 14. Phiền não ở vị chế phục; 15. Phiền não ở vị lìa hệ buộc.

Lại phiền não có nhiều lỗi lầm, không có công đức, đó là tâm bị nhiễm ô tương tục... nói rộng như *Có tâm có tứ địa* đã thuyết.

Lại phiền não không năng đối trị phiền não, tuy kinh nói nương ái đoạn ái, nương mạn đoạn mạn, nhưng chẳng nói phiền não, duy chỉ nhờ vào việc tâm thiện gia hạnh. Hành tướng cao cử cùng với tương tợ kia giả nói là ái mạn.

Lại như trước đã thuyết 15 chủng đối trị tâm sai biệt, nên biết phiền não sở trị của kia cũng có 15 chủng.

Lại nữa, sao gọi là y xứ của tùy phiền não? Lược có 9 chủng: 1. Triển chuyển cộng trú; 2. Triển

chuyển nêu cử lẫn nhau; 3. Lợi dưỡng; 4. Tà mạn; 5. Bất kính tôn sư; 6. Bất nhẫn; 7. Hủy tăng thượng giới; 8. Hủy tăng thượng tâm; 9. Hủy tăng thượng tuệ.

Sao gọi là tự tánh tùy phiền não? Đó là phần, hận, phú, não, tật, khan, cưỡng, siểm, kiêu, hại, không tâm, không quý, hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết, ác tác, thù miên, tầm tứ, như phần *Bản địa* đã rộng tuyên thuyết. Hết thấy loại như vậy gọi là tự tánh của tùy phiền não.

Trong đây tự tánh ban đầu và thứ hai nương y xứ thứ nhất mà sanh. Thứ ba, thứ tư nương y xứ thứ hai mà sanh. Thứ năm, thứ sáu nương y xứ thứ ba mà sanh. Thứ bảy, thứ tám nương y xứ thứ tư mà sanh. Thứ chín nương y xứ thứ năm mà sanh. Thứ mười nương y xứ thứ sáu mà sanh. Mười một, mười hai nương y xứ thứ bảy mà sanh. Ngoài thứ mười hai thì nương các y xứ sau mà sanh.

Nên biết trong đây hủy tăng thượng tâm, hủy tăng thượng tuệ do ba môn chuyển: 1. Do hủy môn tướng chỉ; 2. Do hủy môn tướng cử; 3. Do hủy môn tướng xả. Hôn trầm, thù miên do y xứ ban đầu mà

sanh. Trạo cử, ác tác do y xứ thứ hai mà sanh. Bất tín cho đến tầm tứ do y xứ thứ ba mà sanh.

Sao gọi là tùy phiền não triển chuyển tương ưng? Nên biết không tầm, không quý tương ưng với tất cả bất thiện. Bất tín, giải đãi, phóng dật, vọng niệm, tán loạn, ác tuệ tương ưng với tất cả tâm nhiễm ô. Thùy miên, ác tác tương ưng với tất cả thiện, bất thiện, vô ký. Còn lại nên biết xoay vần không tương ưng nhau.

Sao gọi là tùy phiền não thế tục có bao nhiêu, thật vật có bao nhiêu? Vì phần, hận, não, tật, hại thuộc phần sân, đều là thế tục có. Vì khan, kiêu, trạo cử thuộc phần tham, đều là thế tục có. Vì phú, cưỡng, siểm, hôn trầm, thùy miên, ác tác thuộc phần si, đều là thế tục có. Không tầm, không quý, bất tín, giải đãi là thật vật có. Phóng dật là giả có như trước đã thuyết. Vì vọng niệm, tán loạn, ác tuệ thuộc phần si, nên tất cả đều là thế tục có. Hai chủng tầm và tứ là phần gia hạnh của tâm phát ra lời nói và phần tuệ, nên đều là giả có.

Sao gọi là thành tựu tùy phiền não phẩm hạ, trung, thượng? Nên biết đã thuyết về gốc phiền não, thì tùy phiền não cũng vậy.

Như vậy hoặc sự, hoặc sai biệt, hoặc lỗi lầm, hoặc sở tri của tùy phiền não, nên biết tùy theo chỗ thích hợp đều như phiền não.

Tánh vô ký:

Hỏi: Những gì là y xứ của pháp vô ký?

Đáp: Lược có 4 chủng y xứ là: nghiệp dẫn dắt khiến sanh, sanh rồi hoặc đi đứng, hoặc nuôi dưỡng mạng, hoặc tam-ma-địa sai biệt.

Hỏi: Tự tánh của các pháp vô ký là gì?

Đáp: Là uẩn dị thực sanh, hoặc nhiếp thuộc gia hạnh trung dung, cách thức oai nghi và công xảo xứ, hoặc biến hóa nhiếp vào gia hạnh chỉ để vui chơi.

Hỏi: Sao gọi là kia triển chuyển tương ưng?

Đáp: Cách thức oai nghi và công xảo xứ hoặc có lúc triển chuyển tương ưng, như nói: hoặc có lúc có sự nghiệp hạnh dễ làm, chẳng phải đứng, chẳng phải ngồi, cũng chẳng phải nằm, cho đến hoặc có sự nghiệp đều dễ làm, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm... như kinh đã nói rộng. Còn lại không có triển chuyển tương ưng.

Hỏi: Các pháp vô ký đây, thật vật có bao nhiêu,

giả có có bao nhiêu?

Đáp: Vì ở dị thực nhiếp lấy các uẩn và trong tâm gia hạnh sai biệt mà thi thiết, nên biết tất cả đều là thế tục có.

Hỏi: Sao gọi là vô ký thành tựu phẩm hạ, trung, thượng?

Đáp: Đó là dị thực sanh và cách thức oai nghi không mãnh lợi đều là phẩm hạ. Tánh nhạy bén ở nơi các công xảo xứ gọi là phẩm trung. Tánh biến hóa cực nhạy bén gọi là phẩm thượng. Lại có bốn chủng loại, mỗi loại đều có sự khác biệt, đó là: dị thực Vô sắc giới là phẩm hạ, dị thực Sắc giới là phẩm trung, dị thực Dục giới là phẩm thượng. Hoặc ngồi, hoặc nằm là oai nghi bậc hạ, đứng là oai nghi bậc trung, đi là oai nghi bậc thượng. Nghiệp tập ban đầu là công xảo bậc hạ, thường xuyên tập là công xảo bậc trung, kham năng làm thầy là công xảo bậc thượng. Tu tam-ma-địa phẩm hạ, sở đắc là biến hóa bậc hạ; tu tam-ma-địa phẩm trung, sở đắc là biến hóa bậc trung; tu tam-ma-địa phẩm thượng, sở đắc là biến hóa bậc thượng. Tất cả loại như vậy là bậc hạ, trung, thượng sai khác.

Hỏi: Các vô ký đây nương sự nào sanh?

Đáp: Lược thuyết thì nương 12 sự như trong *Văn sở thành địa* đã thuyết.

Hỏi: Sao gọi là các vô ký sai biệt?

Đáp: Vì dị thực sanh của năm đường riêng khác, nên có 5 chủng sai biệt. Hoặc vì cách thức oai nghi sai biệt nên có 4 chủng sai biệt. Hoặc vì công xảo xứ có 12 sự sai biệt, tức là 12 chủng sai khác. Vì dị sanh Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai sai biệt, vì vui chơi, vì lợi người mà hóa hiện thân, ngữ sai khác, nên biết có 8 chủng biến hóa sai khác. Do sai biệt đây tức là nhiếp sự việc khác nhau nên không nói riêng.

Lại dị thực sanh thì một hướng vô ký, còn hai, ba thì có thể đắc. Một có hai chủng: hoặc nương kỹ nhạc vui chơi, dụng tâm nhiễm ô mà phát khởi oai nghi, chính là tánh nhiễm ô; hoặc nương tịch tĩnh, tức là tánh thiện; hoặc nương nhiễm đấm mà phát khởi công xảo, chính là tánh nhiễm ô; hoặc khéo gia hạnh mà phát khởi công xảo, tức là tánh thiện; hoặc vì dẫn đường cho người, hoặc vì lợi ích các hữu tình mà khởi biến hóa, nên biết là thiện, đây không nhiễm ô.

Lại nữa, năm uẩn như vậy nhiếp thuộc bao nhiêu đế? Lại các đế đây nhiếp thuộc bao nhiêu uẩn? Nên biết ba đế và năm uẩn xoay vần nhiếp lẫn nhau. Diệt đế và các uẩn không nhiếp lẫn nhau, vì tánh diệt đế là chỗ hiển hiện kia tịch tĩnh vậy.

Hỏi: Như trong *Thanh văn địa* đã thuyết, ở trong bốn đế có 16 quán hành, cơ sao ở Khổ đế có 4 quán hành?

Đáp: Vì muốn đối trị bốn diên đảo: một hành đầu tiên đối trị diên đảo đầu tiên; một hành kế đối trị diên đảo thứ hai; hai hành sau đối trị diên đảo thứ ba và thứ tư.

Hỏi: Cơ sao ở Tập đế có bốn quán hành?

Đáp: Do có bốn chủng ái. Bốn chủng ái đây do thường, lạc, tịnh, ngã ái sai khác, nên kiến lập sai khác. Ái thứ nhất làm duyên kiến lập ái hậu hữu. Ái thứ hai, thứ ba làm duyên kiến lập ái đồng hành hỷ tham và ái hy lạc kia kia. Ái sau cùng làm duyên kiến lập một ái riêng, ái đây đuổi theo tự thể.

Sao gọi là ái? Vì ở nơi tự thể, gần gũi yêu thích ẩn sâu.

Sao gọi là ái hậu hữu? Vì truy cầu tự thể đương lai sai khác.

Sao gọi là ái đồng hành hỷ tham? Ở hiện tiền, hoặc ở nơi sắc, hương, vị, xúc, pháp khả ái đã đắc mà sanh khởi ái tham trước.

Sao gọi là ái hy lạc kia kia? Ở nơi sắc khả ái... khác, lại khởi yêu thích mong cầu.

Hỏi: Cớ sao ở Diệt đế có bốn chủng quán hành?

Đáp: Do chỗ hiển bốn chủng ái diệt.

Hỏi: Cớ sao ở Đạo đế có bốn chủng quán hành?

Đáp: Do năng chứng bốn ái kia diệt.

Lại nữa, như *Thanh văn địa* đã thuyết 10 chủng hành tướng hoại, trong đây vô sở đắc là sao? Vì chỉ có căn, chỉ có cảnh giới, chỉ có kia sở sanh thọ, chỉ có kia sở sanh tâm; chỉ có kế chấp ngã, ngã tướng; chỉ có kế chấp ngã, ngã kiến; chỉ có ngã, ngã ngôn thuyết hý luận. Trừ bảy điều đây, thật tướng ngã khác rõ là chẳng thể có được. Không tự tại là sao? Vì các duyên sanh tướng vô thường khổ nhiếp lấy các hành là tướng ngã.

Hỏi: Mười hành tướng đây thì hành tướng nào nhiếp hoại khổ?

Đáp: Do hành tướng kết và biến hoại tăng thượng sanh khởi ưu ão, nên biết là tána hoại khổ. Chẳng phải duy chỉ có biến hoại, vì người đã lia ưu, tuy lại gặp gỡ mà kia chẳng thể gây hại được.

Hỏi: Những hành tướng nào nhiếp khổ khổ?

Đáp: Do hành tướng không khả ái.

Hỏi: Những hành tướng nào nhiếp hành khổ?

Đáp: Do hành tướng không an ổn.

Lại nữa, như kinh nói sanh khổ lược nhiếp năm thủ uẩn khổ, các tướng khổ như vậy, khổ khổ nhiếp bao nhiêu? – Năm khổ đầu tiên. Hoại khổ nhiếp bao nhiêu? – Hai khổ ở phần giữa. Hành khổ nhiếp bao nhiêu? – Một khổ sau cùng.

Lại nữa, bảy khổ đầu nhiếp thuộc khổ khổ. Phiền ão tịnh diệu sở đối trị nhiếp thuộc hoại khổ. Một khổ sau cùng nhiếp thuộc hành khổ. Cho nên Thế Tôn nói: “Tâm nhập vào biến hoại”. Lại tác lời như vậy: “Vì triền cái, vì lãnh thọ kia tâm phát sanh các ưu khổ, vì biết phiền ão hoại khổ, cho nên đạo lý khổ thành tự”.

Lại như kinh nói có bốn chủng khổ: 1. Sanh khổ; 2. Nội duyên khổ; 3. Ngoại duyên khổ; 4. Thô

trọng khổ.

Hỏi: Trong đây hành nào nhiếp khổ nào? Khổ nào nhiếp hành nào?

Đáp: Hành ban đầu và khổ ban đầu triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Ba hành tiếp theo và khổ thứ hai triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Ba hành kế và khổ thứ ba triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Một hành sau cùng và khổ sau cùng triển chuyển nhiếp lẫn nhau. Trước đã thuyết về tự tánh ái sai biệt nên kiến lập bốn chủng hành tương tập đế, nên biết là sanh. Nay nói về quả sai biệt của bốn chủng khổ.

Lại nữa, 16 hành đây bao nhiêu hành không? –Có 2 hành, đó là 2 hành sau của khổ đế. Bao nhiêu hành vô nguyên? –Có 6 hành, đó là 2 hành trước của khổ đế và tất cả tập đế. Bao nhiêu hành vô tướng? –Là tất cả diệt đế. Bao nhiêu hành hiển nhân thanh tịnh? –Là tất cả đạo đế.

Hỏi: Nói chung do tướng vô thường năng trụ tướng vô ngã, cứ sao trong đây trước lại thuyết không?

Đáp: Trong phạm vi đã sanh quán vô ngã, lại do quán vô thường kiến lập vô nguyên, vì lấy hai

quán này trước sau triển chuyển tu trị lẫn nhau.

Lại nữa, thứ lớp bốn Thánh đế được rọi như vậy: do đây nên khổ là đầu tiên; như đây nên khổ là thứ hai. Hai khổ đây rớt ráo nhiếp thuộc phẩm hắc. Do đây nên lạc là thứ ba; như đây nên lạc là thứ tư. Hai lạc đây rớt ráo nhiếp thuộc phẩm bạch. Đây dụ như bệnh, nguyên nhân bệnh, lành bệnh, thuốc trị bệnh.

Lại có cách nói khác: Như thế gian tiếp xúc thứ lớp khổ, nên kiến lập thứ lớp Thánh đế. Vì cơ sao? Những kẻ thế gian đã từng gặp khổ, ở nơi khổ đây trước phát khởi tác ý. Kế lại ở nơi nhân của khổ đã gặp. Kế lại ở nơi khổ ấy giải thoát. Sau cùng ở nơi phương tiện giải thoát, phát khởi tác ý.

Hỏi: Sao gọi là nghĩa đế?

Đáp: Như sở thuyết tức là nghĩa không xả bỏ, xa lìa nhau. Do quán tướng đây nên đạt đến nghĩa rớt ráo thanh tịnh. Đây chính là nghĩa đế.

Hỏi: Sao gọi là nghĩa Khổ đế?

Đáp: Nghĩa phiền não sanh khởi hành.

Hỏi: Sao gọi là nghĩa Tập đế?

Đáp: Nghĩa năng sanh khổ đế.

Hỏi: Sao gọi là nghĩa Diệt đế?

Đáp: Nghĩa kia đều tịch diệt.

Hỏi: Sao gọi là nghĩa Đạo đế?

Đáp: Nghĩa năng thành ba đế.

Hỏi: Bốn thánh đế như vậy nhiếp thuộc thế tục đế hay nhiếp thuộc thắng nghĩa đế?

Đáp: Nhiếp thuộc thắng nghĩa đế. Vì có sao? Ở trong các hành thuận theo khổ, lạc, không khổ không lạc, thì do tự tướng của kia sai khác nên kiến lập thế tục đế; do cộng tướng của kia chỉ một vị khổ nên kiến lập thắng nghĩa đế.

Hỏi: Duyên nào mà nói biết khắp khổ đế, vĩnh viễn đoạn tập đế, xúc chứng diệt đế và tu tập đạo đế?

Đáp: Do khổ đế kia thì chỗ nương tựa là bốn diên đảo, vì trừ diên đảo nên biết khắp khổ. Đã biết khắp khổ, tức biết khắp tập. Do tập đế kia bị khổ đế nhiếp lấy, tuy biết khắp khổ, nhưng vì sự đuổi theo của tập đế, nên lại thuyết vĩnh viễn đoạn tập đế. Lại nói xúc chứng, tức là nghĩa hiện kiến, do hiện tiền kiến ở nơi diệt đế nên không sanh khiếp sợ, lại vui thích nhiếp thọ, cho nên kể thuyết xúc chứng diệt đế. Nếu siêng tu đạo, bền vững thành tựu cả ba nghĩa đã thuyết, cho nên

thuyết tu tập đạo để sau cùng.

Hỏi: Hiện quán để có bao nhiêu chủng? Tương dây thế nào?

Đáp: Nghĩa quyết định là nghĩa hiện quán. Nghĩa dây tức là ở trong các đế, quyết định trí tuệ và nhân kia, tương ưng với kia, pháp cộng hữu với kia làm thể. Dây gọi là tương hiện quán. Dây lại có 6 chủng như *Có tâm có tứ địa* đã thuyết.

Trong đây, sao gọi là *hiện quán đầu tiên*? Là ở nơi các đế quyết định tư duy.

Sao gọi là *hiện quán thứ hai*? Là 3 chủng tịnh tín đối với Tam Bảo, vì đối với nghĩa Bảo đã được quyết định và trí tuệ quyết định do nghe mà thành tựu.

Sao gọi là *hiện quán thứ ba*? Là giới mà bậc Thánh yêu thích, vì đối với các bất luật nghi là nhân dẫn đến nghiệp đường ác, quyết định không còn gây tạo.

Sao gọi là *hiện quán thứ tư*? Vì ở trong đạo gia hạnh, tích tập tư lương đã cực viên mãn, vì khéo phương tiện gọt giũa tâm, nên từ ngăn mé thiện căn thuận phần quyết trạch của thế gian không gián đoạn, đầu tiên, bên trong khiến trừ tâm duyên

giả pháp hữu tình sanh, năng đoạn trừ phiền não sở đoạn thô trọng phẩm hạ của vị kiến đạo. Từ đây không gián đoạn, thứ hai, bên trong khiến trừ tâm duyên giả pháp các pháp mà sanh, năng đoạn trừ phiền não sở đoạn thô trọng phẩm trung của vị kiến đạo. Từ đây không gián đoạn, thứ ba, khiến trừ khắp tất cả tâm duyên giả pháp hữu tình các pháp mà sanh, năng trừ tất cả phiền não sở đoạn thô trọng ở vị kiến đạo.

Lại hiện quán đây tức là kiến đạo, cũng gọi là đạo song vận. Trong đây tuy có 3 tâm thuộc phẩm Tỳ-bát-xá-na và 3 tâm thuộc phẩm Xa-ma-tha, nhưng do chuyển vận song song, nên hợp lại thành 3 tâm. Vì lấy ở trong một sát-na Chỉ Quán cùng khả đắc, nên biết các tâm đây chỉ duyên cảnh phi an lập đế. Lại hai tâm trước tương ưng pháp trí, tâm thứ ba tương ưng loại trí. Lại do thế lực tâm đây, nên ở trong an lập đế là khổ... có vị hiện quán thứ hai thanh tịnh vô ngại, sanh khởi khổ trí... Nên biết vì nương trí đây, nên khổ, tập, diệt, đạo trí được thành lập. Ba tâm trước bao gồm cả phẩm Chỉ Quán năng chứng phiền não kiến sở đoạn tịch diệt, năng đắc vĩnh viễn diệt tất cả phiền não và

sự sở y của đạo xuất thế gian. Đây gọi là hiện quán trí hiện quán đế.

Sao gọi là *hiện quán biên trí hiện quán đế thứ năm*? Vì hiện quán đây về sau sẽ đắc trí, gọi là hiện quán biên trí. Nên biết trí của tâm thứ ba đây không gián đoạn, từ vị kiến đạo phát khởi mới hiện tại tiền; duyên thế trí trước đã từng quán sát hai địa thượng và hạ và hai cảnh an lập đế tăng thượng. Giống như pháp trí, loại trí, thì thế tục trí nhiếp thông cả thế, xuất thế, chính là xuất thế gian hậu sở đắc trí. Như thứ lớp đây ở mỗi một đế đều có hai chủng trí sanh đó là: nhãn khả dục lạc trí và hiện quán quyết định trí. Như vậy trước đã nương hiện quán khởi rồi, ở trong các đế thượng và hạ, hai của hai trí sanh khởi. Đây gọi là hiện quán biên trí hiện quán đế.

Trong đây, vì trí trước loại bỏ duyên giả pháp, nên là vô phân biệt. Vì trí sau đuổi theo duyên giả pháp là có phân biệt.

Lại trí trước ở trong y chỉ, năng đoạn trừ tùy miên phiền não kiến sở đoạn. Vì trí sau tư duy sở duyên khiến kia đoạn trừ hẳn không khởi trở lại.

Lại trí trước năng tiến đến tu đạo trong đạo

đoạn xuất thế. Trí thứ hai năng tiến đến trong đạo đoạn thế, xuất thế. Chỉ thuần đạo thế gian không thế khiến tùy miên kia vĩnh viễn bị hại diệt. Vì có sao? Bởi đạo thế gian và vì tướng chấp dẫn phát. Như tướng chấp dẫn dắt, như vậy chẳng năng khiến các tướng kia tiêu mất. Như các tướng chẳng thế tiêu mất, như vậy cũng chẳng năng vĩnh viễn đoạn trừ thô trọng. Cho nên đạo thế gian kia không có nghĩa vĩnh viễn đoạn trừ các tùy miên.

Sao gọi là *hiện quán cứu cánh*? Do vĩnh viễn đoạn trừ tu sở đoạn, nên sở hữu tận trí, vô sanh trí sanh khởi, hoặc chỉ một hướng xuất thế, hoặc thông cả thế, xuất thế. Vì ở trong hiện pháp tất cả phiền não quyết chắc đoạn trừ vĩnh viễn, vì ở đời đương lai tất cả sự y quyết chắc diệt vĩnh viễn, nên gọi là hiện quán cứu cánh.

Những gì gọi là xuất thế tận trí? Tức là trí ở nơi tận cùng vô phân biệt. Những gì gọi là thế, xuất thế tận trí? Tức là trí ở nơi tận cùng có phân biệt. Những gì gọi là xuất thế vô sanh trí? Tức là nghĩa nhân của sự y đây diệt, nên trong đời đương lai sự y không sanh, sở hữu trí vô phân biệt. Những gì gọi là thế, xuất thế vô sanh trí? Trong đời đương

lai sự y không sanh, sở hữu trí có phân biệt.

Lại nữa, có chủng tánh Bà-la-môn kiến lập ba điều là thật là đế. Nhưng chủng tánh các Bà-la-môn kia ở nơi ba điều đây rơi vào ba lỗi lầm nhiễm ô cấu bẩn tâm. Nếu nương đệ nhất nghĩa Bà-la-môn, thì những kẻ kia đều thuộc trong số chẳng phải Phạm chí. Những gì là ba điều? **1.** Do dưỡng mạng; **2.** Do tu phước; **3.** Do an lập quả.

1. Do dưỡng mạng: Chủng tánh các Bà-la-môn kia vì kế sanh nhai, ở trước thí chủ hoặc chú nguyện, hoặc xưng khen tán thán, hoặc tự thuật.

Chú nguyện: như có chủng tánh Bà-la-môn kia vì mong cầu một trong các vật nuôi thân, nên đến chỗ nhà vua, hoặc đại thần của vua, hoặc các trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ, thương chủ.. giả dối bày trò chú nguyện. Như cầu nguyện cho oán địch của họ đều bị hàng phục, tiêu diệt, các tai họa bất ngờ được giải tan. Lại nguyện cho họ được kết tường chẳng bao giờ đổi khác, không gì có thể xâm đoạt.

Khen ngợi tán thán: Kẻ kia vì mong cầu nên đến chỗ ở của người, rồi giả dối khen ngợi: “Ông thật dũng mãnh, có nhiều mưu sách khéo hại oán

địch”. Lại đến chỗ oán hại của kia, giả dối bày trò nói rằng: “Người gặp phải bọn như thế, như thế... lại năng hại trừ oán địch thật là hy hữu, thế gian khó có người như các ông”. Lại giả dối khen ngợi kẻ có tài vị hưng thịnh dài lâu: “Thế gian thật khó có được người thành tựu kiết tường không hoại như vậy”.

Tự thuật: Kẻ kia vì mong cầu mà đi đến chỗ ở của người, hư vọng tự phát lời rằng: “Ông khéo thành tựu tướng đại trượng phu, chẳng bao lâu nhất định tất cả oán địch đều bị tiêu diệt, các tai ương họa hoạn cũng chẳng còn. Nếu ông thành tựu tướng như vậy, nhất định mãi mãi kiết tường không chuyển hoại”. Hoặc nói lời: “Như ông, hoặc những nhà thân hữu của ông, hoặc nhà thí chủ, thường không có Sa-môn, Bà-la-môn khác dễ dàng được cấp thí, chỉ có ta thường được cung kính cúng dường y phục, ăn uống, ngọa cụ...”. Kẻ kia do phương tiện như vậy nên thu được lợi dưỡng, lại sanh sâu đắm trước, mê muội chìm đắm, chấp thủ kiên cố mà thọ dụng.

2. Do tu phước: Như có chủng tánh các Bà-la-môn tuyên bố việc sát hại vô lượng chúng sanh để

phục vụ cúng tế sẽ được phước, tuyên bố việc cúng tế sẽ gặt hái quả tốt. Lại vì muốn thu gom nhiều vật dụng nuôi sống thượng đế, nên triệu tập vô lượng quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ gia nhập thiết lễ cúng tế. Kia đã thu được như vậy lại chấp là vật sở hữu của mình, khởi tâm lãng miệt lẫn nhau. Nên biết kia có ba lỗi lầm như vậy.

3. Do an lập quá: Như chủng tánh các Bà-la-môn kia tự nói rằng: “Thân A-tổ-lạc còn có thể bị giết hại, thân Trời là thường còn, chủng tánh Bà-la-môn là hơn cả, tất cả chủng tánh khác đều thấp kém... nói rộng cho đến các Bà-la-môn là do Đại phạm sanh ra, Đại phạm hóa ra”. Bà-la-môn kia kế chấp như thế lập luận như thế, nên gọi là an lập quá.

Như vậy, chủng tánh Bà-la-môn chấp thủ sâu dày ba điều đây, nên theo đó dấy khởi ngôn luận chỉ cho đây là chân là thật, khác đây đều là ngu mê hư vọng.

Những gì gọi là do ba lỗi lầm nhiễm ô cấu bẩn tâm? Đó là do lỗi lầm của lời nói, do lỗi lầm của kiêu mạn, do lỗi lầm của nhận thức. Nếu ở ba điều trên mà ngữ nghiệp tà chuyển, đây gọi là lỗi lầm

của lời nói. Nếu ở ba điều trên mà thi thiết kiến lập, cũng tùy phát khởi ngôn luận bất chánh so sánh với người khác, cho là hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém; đây gọi là lỗi lầm của kiêu mạn. Nếu ở ba điều trên mà chẳng quán xét là được hay mất, chỉ một hương tín thọ, tuy được gặp Phật và đệ tử Phật chánh dạy trao về thị xứ, phi xứ, nhưng chẳng thể đi vào chánh đạo phân biệt, chẳng thể đi vào chánh đạo về luận của các bậc trí, chẳng thể đi vào chánh đạo an trụ chân chánh. Nên biết gọi là lỗi lầm của nhận thức. Ba lỗi lầm đây nên biết đều là chỗ sanh khởi ác kiến. Nếu có người trụ ở ba điều đây sẽ rơi vào lỗi lầm như trên, tuy là chủng tánh các Bà-la-môn nương đệ nhất nghĩa, nhưng kẻ kia đều rơi trong số chẳng phải Phạm chí.

Lại nếu có người kiến lập ba điều là chân là thật, nhưng ở nơi ba điều không có ba lỗi lầm nhiệm ô cấu bấn tâm, người kia tuy chẳng phải chủng tánh Bà-la-môn, nhưng thuộc trong số Bà-la-môn đệ nhất nghĩa.

Những gì gọi là ba điều? Đó là “chẳng nên hại tất cả chúng sanh”, đây là điều đầu tiên. Điều được nói đây chỉ là chân chỉ là thật, chẳng hư vọng. Cho

nên người kia ở điều đây không có lỗi lầm của lời nói nhiễm ô cấu bản tâm. Lại nương điều đây, không dùng ngôn luận thật để mà so sánh với các người khác, cho là hoặc hơn, hoặc bằng, hoặc kém. Cho nên người kia ở điều đây không có lỗi lầm kiêu mạn nhiễm ô cấu bản tâm. Lại ở điều đây quán chiếu sâu sự được mất, quán sở duyên của kia năng tăng trưởng thiện pháp, lại năng nhiếp lợi ích thân tâm không tội, hiện pháp lạc trú, đối với các hữu tình đêm ngày tu học, an trụ nhiều nơi tưởng từ. Lại ở điều đây, không tin theo người khác mà hành, bên trong tự hiểu biết chân chánh là để là thật, mà ở nơi thật để không hư vọng chấp trước. Cho nên người kia ở điều đây không có lỗi lầm nhận thức nhiễm ô cấu bản tâm. Như vậy “tất cả hành vô thường” gọi là điều thứ hai, còn lại như trước thuyết. Như vậy “tất cả pháp vô ngã” gọi là điều thứ ba, còn lại như trước đã thuyết.

Trong đây khác biệt đó là: Ở điều chân thật thứ hai thay đổi là “ở nơi tất cả hành, đêm ngày tu học trụ quán sanh diệt”. Ở điều chân thật thứ ba thay đổi là “ở nơi tất cả pháp, đêm ngày tu học nhiều trụ tưởng không ngã, ngã sở”. Nếu thường ở

ba điều đây thì không có lỗi lầm nhiễm ô nơi tâm, cho nên người kia tuy không phải chủng tánh Bà-la-môn, nhưng thuộc trong số Bà-la-môn đệ nhất nghĩa.

Như vậy ba điều đây thành tựu pháp chân thật của Bà-la-môn, xa lìa ba lỗi lầm, duy chỉ có Như Lai là bậc Chân Giác.



Quyển 56

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯỚNG ỨNG ĐỊA Thứ 2. Ý ĐỊA Phần 6

Hỏi: Phần vị của các uẩn có bao nhiêu chủng?

Đáp: Có nhiều chủng. Đó là có được tâm không tương ưng hành, Vô tướng định... như trước đã nói rộng.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập có được? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị của nhân, tự tại, hiện hành mà kiến lập có được. Đây lại có 3 chủng: thành tựu chủng tử, thành tựu tự tại và thành tựu hiện hành.

Hỏi: Nương phần vị nào mà kiến lập Vô tướng định, Diệt tận định và Vô tướng thiên? Ba loại đây mỗi loại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Đã lìa Biến tịnh tham, chưa lìa thượng tham, tác ý xuất ly tướng làm tiền dẫn, gọi là phần vị diệt, kiến lập Vô tướng định. Đây lại có 3 chủng. Tự tánh: chỉ là thiện. Bồ-đặc-già-la: ở dị san.a tương

tục. Khởi: trước ở đây khởi, sau ở Sắc giới, ở Đệ tứ tinh lự sẽ thọ quả kia.

Nương đã lia Vô sở hữu xứ tham, tác ý dừng nghỉ tưởng làm tiền dẫn, gọi là phần vị diệt, kiến lập Diệt tận định. Đây lại có 3 chủng. Tự tánh: chỉ là thiện. Bồ-đặc-già-la: ở thánh tương tục, thông cả bậc học, bậc vô học. Khởi: trước ở đây khởi, sau nhiều lần ở Sắc giới hiện tại tiền, vì nương gá sở y sắc mới hiện tiền. Nếu căn cứ đây tức là chưa kiến lập giáo A-lại-da thức, nếu đã kiến lập thì tất cả xứ đều được hiện tiền.

Nương chúng hữu tình đã sanh ở Vô tướng thiên, gọi là phần vị diệt, kiến lập Vô tướng. Đây cũng có 3 chủng. Tự tánh: không che đậy không ghi nhớ. Bồ-đặc-già-la: chỉ là tánh dị sanh, chẳng phải các bậc thánh. Khởi: năng dẫn phát Vô tướng định vì tư duy nhớ nghĩ kia, năng chiêu cảm quả dị thực Vô tướng thiên. Về sau tướng sanh khởi liền từ kia chết đi.

Hỏi: Phần vị nào kiến lập mạng căn? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị nghiệp dẫn dắt dị thực quyết định thời trụ, kiến lập mạng căn. Đây lại có

3 chủng: vì định, bất định; vì ái, phi ái và năm, kiếp, số... mà được an lập.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *chúng đồng phạm*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị các hữu tình giống nhau mà kiến lập chúng đồng phạm. Đây lại có 3 chủng: chủng loại đồng phạm, tự tánh đồng phạm và công xảo nghiệp xứ nuôi dưỡng mạng đồng phạm.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *sanh*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị hiện tại kiến lập *sanh*. Đây lại có 3 chủng: sát-na sanh, tương tục sanh và phần vị sanh.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *lão*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị trước thì phần vị sau kiến lập *lão*. Đây lại có 3 chủng: dị tánh lão, chuyển biến lão và thọ dụng lão.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *trụ*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị sanh kiến lập phần vị *trụ*. Đây lại có 3 chủng: sát-na trụ, tương tục trụ và chế lập trụ.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *vô thường*?
Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị sanh đã hoại diệt kiến lập vô thường. Đây lại có 3 chủng: hoại diệt vô thường, chuyển biến vô thường và biệt ly vô thường.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *danh thân*?
Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị giả ngôn thuyết mà kiến lập danh thân. Đây lại có 3 chủng: danh thân giả thiết, danh thân thật vật, danh thân mà người thế gian cùng hiểu rõ hay không hiểu rõ.

Như danh thân, thì *văn thân* và *cú thân* nên biết cũng vậy. Cú thân có sự sai khác: đó là cú tiêu biểu, cú giải thích. Văn thân có sự sai khác: đó là nhiếp thuộc tiếng, nhiếp thuộc chữ.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *tánh dị sanh*?
Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị tất cả thánh pháp xuất thế chưa sanh khởi mà kiến lập tánh dị sanh. Đây lại có 3 chủng: hệ buộc Dục giới, hệ buộc Sắc giới, hệ buộc Vô sắc giới.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *lưu chuyển*?
Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị nhân quả tương tục mà kiến lập lưu chuyển. Đây lại có 3 chủng: lưu chuyển của sát-na triển chuyển, lưu chuyển của sar.h triển chuyển và lưu chuyển của nhiễm ô, thanh tịnh triển chuyển.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *quyết định khác*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị tướng của các pháp riêng biệt mà kiến lập quyết định khác. Đây lại có 3 chủng: tướng quyết định khác, nhân quyết định khác, quả quyết định khác.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *tương ứng*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị nhân quả tương xứng mà kiến lập tương ứng. Đây lại có 3 chủng: tương ứng hòa hợp, tương ứng phương tiện và tương ứng do sở tác đúng với đạo lý.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *thế tốc*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị lưu chuyển nhanh chóng kiến lập thế tốc. Đây lại có 3 chủng: các hành thế tốc, sĩ dụng thế tốc và thần thông thế tốc.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *thứ lớp*? Đây

lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị mỗi mỗi hành lưu chuyển mà kiến lập thứ lớp. Đây lại có 3 chủng: thứ lớp sát-na lưu chuyển, thứ lớp nội thân lưu chuyển, thứ lớp thành lập sở tác lưu chuyển.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *thời*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị hành tương tục không ngừng kiến lập thời. Đây lại có 3 chủng: quá khứ, vị lai và hiện tại.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *phương*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị các sắc được thấu nhiếp lãnh thọ kiến lập phương. Đây lại có 3 chủng: trên, dưới và bốn bên.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *số*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị pháp lượng bằng nhau biểu hiện rõ ràng kiến lập số. Đây lại có 3 chủng: số một, số hai và số nhiều.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *hòa hợp*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Nương phần vị sở tác của các bộ phận

không bị khuyết mà kiến lập hòa hợp. Đây lại có 3 chủng: tụ tập hòa hợp, một nghĩa hòa hợp và viên mãn hòa hợp.

Hỏi: Nương phần vị nào kiến lập *chẳng hòa hợp*? Đây lại có bao nhiêu chủng?

Đáp: Trái với hòa hợp, nên biết không hòa hợp, hoặc phần vị, hoặc sai khác.

Hỏi: Trong các uẩn, bao nhiêu uẩn là hữu sắc? Nghĩa nào là hữu sắc?

Đáp: Tức là dùng tánh đây, trở lại thuyết tánh đây. Nghĩa tự tánh sắc là nghĩa hữu sắc. Một uẩn là hữu sắc.

Hỏi: Nghĩa nào là có thấy? Bao nhiêu uẩn là có thấy?

Đáp: Nghĩa sở hành của mắt là có thấy. Một phần của một uẩn là có thấy.

Hỏi: Nghĩa nào là có đối ngại? Bao nhiêu uẩn là có đối ngại?

Đáp: Nghĩa căn cứ vào nơi chốn, có sự triển chuyển xúc chạm lẫn nhau và nghĩa thô lớn là nghĩa có đối ngại. Nghĩa thô lớn nên biết xa lìa ba chủng vi tế, ba vi tế đây nên biết như trước. Một phần của một uẩn là có đối ngại.

Hỏi: Nghĩa nào hữu lậu? Bao nhiêu uẩn là hữu lậu?

Đáp: Nghĩa thô trọng đi theo, chẳng phải kia đối trị phiền não phát khởi. Một phần của tất cả uẩn là hữu lậu.

Lại có nghĩa hữu lậu khác. Đó là nếu ở nơi phiền não năng sanh 4 chủng quá thất là nghĩa hữu lậu. Những gì gọi là bốn chủng quá thất? 1. Quá thất không tịch tịnh; 2. Quá thất nội ngoại biến đổi; 3. Quá thất phát khởi ác hạnh; 4. Quá thất của nhân nhiếp thọ.

Nên biết quá thất thứ nhất do triền hiện hành gây ra. Quá thất thứ hai do các sự phiền não đui theo phiền não gây ra. Quá thất thứ ba là do nhân duyên phiền não gây ra. Quá thất thứ tư dẫn phát hậu hữu gây ra.

Hỏi: Nghĩa nào là hữu vi? Bao nhiêu uẩn là hữu vi?

Đáp: Nghĩa theo nhân đã sanh và nên sanh. Tất cả uẩn là hữu vi.

Hỏi: Nghĩa nào là hữu tránh? Bao nhiêu uẩn là hữu tránh?

Đáp: Nghĩa tự tại chuyển theo nhiều sân khuể.

Một phần của tất cả uẩn là hữu tránhh.

Hỏi: Nghĩa nào là có ái vị? Bao nhiêu uẩn là có ái vị?

Đáp: Nghĩa tự tại chuyển theo nhiều ái kiến. Một phần của tất cả uẩn là có ái vị.

Hỏi: Nghĩa nào là nường đām mê vui thích? Bao nhiêu uẩn là nường đām mê vui thích?

Đáp: Nghĩa tự tại chuyển theo nhiều dục tham. Một phần của tất cả uẩn là nường đām mê vui thích.

Hỏi: Nghĩa nào là thế gian? Bao nhiêu uẩn là thế gian?

Đáp: Nghĩa nường hý luận. Một phần của tất cả uẩn là thế gian.

Hỏi: Nghĩa nào là đọa giới? Bao nhiêu uẩn là đọa giới?

Đáp: Nghĩa thế gian nhiếp thuộc 3 cõi. Một phần của tất cả uẩn là đọa giới.

Hỏi: Nghĩa nào là quá khứ? Bao nhiêu uẩn là quá khứ?

Đáp: Nghĩa đã thọ dụng nhân quả. Tất cả uẩn là quá khứ.

Hỏi: Nghĩa nào là vị lai? Bao nhiêu uẩn là vị lai?

Đáp: Nghĩa chưa thọ dụng nhân quả. Tất cả uẩn là vị lai.

Hỏi: Nghĩa nào là hiện tại? Bao nhiêu uẩn là hiện tại?

Đáp: Nghĩa đã thọ dụng nhân và nghĩa chưa thọ dụng quả. Tất cả uẩn là hiện tại.

Hỏi: Nghĩa nào là bên trong? Bao nhiêu uẩn là bên trong?

Đáp: Nghĩa sáu xứ, kể cả những gì thuộc sáu xứ. Một phần của một uẩn, hoàn toàn bốn uẩn là bên trong.

Hỏi: Nghĩa nào là bên ngoài? Bao nhiêu uẩn là bên ngoài?

Đáp: Nghĩa trái với tướng bên trong. Một phần của một uẩn là bên ngoài.

Hỏi: Nghĩa nào là thô? Bao nhiêu uẩn là thô?

Đáp: Nghĩa tướng tích tụ tăng trưởng, không sáng sạch. Một phần của tất cả uẩn là thô.

Hỏi: Nghĩa nào là tế? Bao nhiêu uẩn là tế?

Đáp: Nghĩa trái với tướng thô. Một phần của tất cả uẩn là tế.

Hỏi: Nghĩa nào là kém? Bao nhiêu uẩn là kém?

Đáp: Nghĩa vô thường, khổ, bất tịnh, nhiễm ô. Một phần của tất cả uẩn là kém.

Hỏi: Nghĩa nào là diệu? Bao nhiêu uẩn là diệu?

Đáp: Nghĩa trái với tướng kém. Một phần của tất cả uẩn là diệu.

Hỏi: Nghĩa nào là xa? Bao nhiêu uẩn là xa?

Đáp: Nghĩa nơi chốn, quá khứ, vị lai, thời, phương, khoảng cách, tầm rộng. Một phần của tất cả uẩn là xa.

Hỏi: Nghĩa nào là gần? Bao nhiêu uẩn là gần?

Đáp: Nghĩa trái với tướng xa. Một phần của tất cả uẩn là gần.

Hỏi: Nghĩa nào là hệ buộc Dục giới? Bao nhiêu uẩn là hệ buộc Dục giới?

Đáp: Nghĩa ở khoảng sanh đây mà chưa đạt được đối trị cõi cao hơn. Nếu đạt được sẽ vượt khỏi đây, ba thời hiện hành. Một phần của tất cả uẩn là hệ buộc Dục giới.

Hỏi: Nghĩa nào là hệ buộc Sắc giới? Bao nhiêu uẩn là hệ buộc Sắc giới?

Đáp: Nghĩa đã đạt được đối trị hệ buộc Sắc giới, hoặc nhập định kia, hoặc sanh ở kia, chưa đạt

được đối trị cõi cao hơn, nếu đạt được sẽ vượt khỏi đây, ba thời hiện hành. Một phần của tất cả uẩn là hệ buộc Sắc giới.

Hỏi: Nghĩa nào là hệ buộc Vô sắc giới? Bao nhiêu uẩn là hệ buộc Vô sắc giới?

Đáp: Nghĩa đã đạt được đối trị hệ buộc Vô sắc giới, hoặc nhập định kia, hoặc sanh ở kia, chưa đạt được đối trị cõi cao hơn, nếu đạt được sẽ vượt khỏi đây, ba thời hiện hành. Một phần của tất cả uẩn là hệ buộc Vô sắc giới.

Lại có sự sai biệt: Nghĩa không thể nhiếp khinh an tam-ma-địa và quyền thuộc của các tam-ma-địa kia, kể cả quả pháp của kia, gọi là hệ buộc Dục giới. Thuộc sắc phiền não và trái với nghĩa trên, gọi là hệ buộc Sắc giới. Nhiếp lấy nghĩa như hệ buộc Sắc giới, nhưng là sắc phiền não, gọi là hệ buộc Vô sắc giới.

Hỏi: Nghĩa nào là thiện? Bao nhiêu uẩn là thiện?

Đáp: Nghĩa năng cảm quả báo vui ở đương lai và nghĩa đối trị đoạn vĩnh viễn khổ phiền não. Một phần của tất cả uẩn là thiện.

Hỏi: Nghĩa nào là bất thiện? Bao nhiêu uẩn

là bất thiện?

Đáp: Nghĩa năng cảm quả báo khổ ở đương lai và nghĩa năng phát khởi các ác hạnh. Một phần của tất cả uẩn là bất thiện.

Hỏi: Nghĩa nào là vô ký? Bao nhiêu uẩn là vô ký?

Đáp: Nghĩa trái với hai tướng trên. Một phần của tất cả uẩn là vô ký.

Lại có cách giải thích khác: Nghĩa xa lìa quá thất, đối trị quá thất và nghĩa thuận theo công đức gọi là thiện. Nghĩa trái với tướng thiện gọi là bất thiện. Nghĩa trái với cả hai tướng thiện và bất thiện gọi là vô ký.

Hỏi: Nghĩa nào là học? Bao nhiêu uẩn là học?

Đáp: Nghĩa học phương tiện thiện. Một phần của tất cả uẩn là học.

Hỏi: Nghĩa nào là vô học? Bao nhiêu uẩn là vô học?

Đáp: Nghĩa học rốt ráo thiện. Một phần của tất cả uẩn là vô học.

Hỏi: Nghĩa nào là phi học phi vô học? Bao nhiêu uẩn là phi học phi vô học?

Đáp: Nghĩa lìa hai chủng trước, pháp sở hữu

thiện, nhiệm ô và vô ký. Một phần của tất cả uẩn là phi học phi vô học.

Hỏi: Nghĩa nào là kiến sở đoạn? Bao nhiêu uẩn là kiến sở đoạn?

Đáp: Nghĩa chỗ nên đoạn trừ của hiện quán trí để hiện quán. Một phần của tất cả uẩn là kiến sở đoạn.

Hỏi: Nghĩa nào là tu sở đoạn? Bao nhiêu uẩn là tu sở đoạn?

Đáp: Nghĩa từ hiện quán trở về sau, tu đạo sở đoạn. Một phần của tất cả uẩn là tu sở đoạn.

Hỏi: Nghĩa nào là vô đoạn? Bao nhiêu uẩn là vô đoạn?

Đáp: Nghĩa đối trị đoạn trừ vĩnh viễn tất cả nhiệm ô và nghĩa đã đoạn trừ. Một phần của tất cả uẩn là vô đoạn.

Hỏi: Nghĩa nào là vô sắc? Bao nhiêu uẩn là vô sắc?

Đáp: Trái với nghĩa sắc đã thuyết ở trước, nên biết là nghĩa vô sắc.

Hết thấy loại như vậy nên biết tư duy phân biệt các uẩn sai biệt.

Hỏi: Như nói nghĩa tích tụ là nghĩa uẩn, những

gì gọi là nghĩa tích tụ?

Đáp: Đó là nghĩa tập trung của chủng chủng thể; nghĩa càng thêm hòa hợp xen lẫn triển chuyển; nghĩa thâu tóm chung một loại; nghĩa tăng ích, tổn giảm. Tất cả đều là nghĩa tích tụ.

Hỏi: Duyên nào sắc uẩn gọi là sắc?

Đáp: Nghĩa ở phương xứ nào đó, chủng mới tăng trưởng và nghĩa biến ngại, nên gọi là sắc. Nghĩa biến ngại đây lại có 2 chủng: 1. Nghĩa chịu sự xúc chạm của tay... rồi liền biến hoại; 2. Nghĩa chủng chủng tương ở nơi phương xứ sai khác.

Hỏi: Duyên nào gọi chung bốn vô sắc uẩn là danh?

Đáp: Nghĩa thuận hướng đến chủng chủng cảnh sở duyên, nghĩa nương ngôn thuyết danh mà phân biệt chủng chủng cảnh sở duyên, cho nên nói là danh.

Hỏi: Cái gì nhiếp lấy các uẩn? Vì nghĩa gì mà kiến lập nhiếp đó?

Đáp: Tự tánh nhiếp lấy, chẳng phải tha tánh. Vì nghĩa khắp rõ biết chủng chủng tự loại, cho nên kiến lập.

Hỏi: Cái gì tương ưng các pháp? Vì nghĩa nào

mà kiến lập tương ứng?

Đáp: Tha tánh tương ứng, chẳng phải tự tánh. Vì nghĩa khắp rõ biết nương tự tánh thanh tịnh, tâm pháp có nhiễm, không nhiễm, hoặc tăng, hoặc giảm, cho nên kiến lập.

Có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn kế chấp cho rằng tâm là thật có, chứ chẳng phải các tâm pháp. – Điều này không như lý. Vì cơ sao? Vì như thế các uẩn có năm chủng tánh không thành tựu được.

Lại kẻ kia kế chấp cho là vì phần vị riêng khác, nên các uẩn kia có năm tánh. –Thì kế chấp phần vị riêng cũng có lỗi. Vì cơ sao? Vì các phần vị triển chuyển tương vọng tác dụng sai khác, hoặc có, hoặc không đều thành lỗi. Nếu nói là có, thì do khác nhau nên lẽ có thể tánh thật vật khác nhau. Nếu nói là không, thì kế chấp phần vị riêng tức là hoang đường.

Lại kẻ kia kế chấp cho là như sáu thức thân có phần vị riêng biệt. –Không nên cho là như thế. Vì cơ sao? Vì sáu thức thân có sở y và sở duyên sai biệt, tức là một xứ vẫn có được các phần vị, cho nên không đúng lý.

Lại kế chấp cho là do chuyển biến nên phần

vị riêng khác. –Nếu cho là chuyển biến cũng không đúng đạo lý. Vì có sao? Ở nơi vật có sắc thì sự chuyển biến khả đắc, do phần vị trước sau sai khác; ở những cái vô sắc thì chẳng thể như vậy, như sữa lạc sanh tô...

Lại nói nhân duyên của tâm không có sai khác, mà phần vị hành riêng khác thì không đúng đạo lý. Vì ở một sát-na ắt chẳng thể đắc nhân duyên sai khác, mà khiến cho phần vị kia có sai khác. Cho nên ông kế chấp phần vị sai khác thì không đúng đạo lý. Lại vì trái với giáo, nên chỉ có tâm thật có thì không đúng đạo lý. Trái với những giáo gì? Vì như kinh nói: “Hết thủy tham, sân, si... nhiệm nào nơi tâm khiến chẳng giải thoát”.

Hỏi: Trong đây trái thế nào?

Đáp: Nếu cho là chỉ có tâm, hai chẳng cùng có, vậy tức là tham... lẽ không nương thức. Nếu ông lại cho là lấy thức làm tiền dẫn thì cũng không đúng đạo lý, như vậy cũng có lỗi không khác trước. Lại kinh nói: “Ba hòa hợp cùng xúc đồng sanh thọ, tưởng, tư...”. Lại kinh khác nói: “Các pháp như vậy thường cùng hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp”. Không thể nói rằng các pháp như vậy có thể phân

tách khiến thành riêng khác. Lại, Phật Thế Tôn vì muốn thiết lập nghĩa hòa hợp đây nên lấy đèn sáng làm dụ. Cho nên chẳng thể lìa sự đồng sanh của ba hòa hợp cùng với xúc mà nói hòa hợp. Tuy kinh lại nói sáu giới như vậy thuyết danh là sĩ phu. Nhưng đây mật ý thuyết nên không có lỗi.

Hỏi: Trong đây có mật ý gì?

Đáp: Vì muốn hiển thuyết sắc động, pháp của tâm là chỗ nương thù thắng hơn cả. Nên biết đây gọi là mật ý trong kinh.

Lại thêm trái với Thánh giáo. Những gì là Thánh giáo? Vì Thế Tôn nói ba thí dụ về sữa, pho-mát, sanh tô, hoặc có xứ sở bốn đại chủng thô lấy làm ngã; hoặc có xứ sở hữu sắc sanh ý; hoặc có xứ sở vô sắc sanh tướng. Như vậy ý kinh há chỉ có đại chủng, hoặc chỉ có tâm, hoặc chỉ có tướng sao? Cho nên phải biết hết thấy kinh như vậy đều có mật ý. Do đó gọi là đạo lý bốn vô sắc uẩn nhiếp lấy tâm và tâm sở xoay vần tương ứng nhau thành tự.

Trong Ót-Đà-Nam nói:

Năm chủng tánh không thành

Phân vị riêng thành lỗi

Vì nhân duyên không khác

Và trái với Thánh giáo.

Như vậy đã quyết trạch sự uẩn thiện xảo, Ta nay sẽ quyết trạch **sự giới thiện xảo**.

Hỏi: Những gì là nhãn giới?

Đáp: Nhãn hoặc chưa đoạn, hoặc đã đoạn, do mạng căn nhiếp thọ. Như nhãn giới, thì cho đến ý thức giới và pháp giới, mỗi một phần nên biết cũng vậy.

Hỏi: Những gì là sắc giới?

Đáp: Hoặc sắc căn tăng thượng sanh khởi, hoặc kia làm tăng thượng đối với đây, đây gọi là sắc giới. Như sắc giới, cho đến xúc giới nên biết cũng vậy.

Hỏi: Mười tám giới đây, thật có bao nhiêu, giả có bao nhiêu?

Đáp: Thật có mười bảy, hoặc mười hai. Vì sáu là một, một là sáu. Đây nói trong phạm vi an lập đạo lý thế tục.

Hỏi: Nếu có nhãn cũng là nhãn giới ư? Giả sử có nhãn giới cũng là nhãn ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có nhãn chẳng phải nhãn giới, đó là nhãn của A-la-hán tối hậu.

Đây gọi là câu thứ nhất. Hoặc có nhãn giới chẳng phải là nhãn, đó là sanh Hữu sắc giới, hoặc nhãn chưa sanh, hoặc sanh rồi đã mất, hoặc không đắc nhãn, hoặc nhãn diệt không gián đoạn; hoặc các dị sanh sanh Vô sắc giới. Đây là câu thứ hai. Hoặc có nhãn cũng là nhãn giới, đó là trừ chỗ có các tướng như hai câu trên. Đây là câu thứ ba. Hoặc không có nhãn cũng không có nhãn giới, đó là hoặc A-la-hán đã hoại mất nhãn hay không sanh nhãn; hoặc sanh Vô sắc giới, hoặc ở Vô dư y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn. Đây là câu thứ tư. Như nhãn giới, thì tất cả nội giới tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Thân giới nên phân biệt là nếu không có những sự đã thuyết trước, thì thân chẳng được sanh, còn lại tùy theo chỗ thích hợp sẽ tuyên nói đầy đủ. Ở nơi bốn ngoại giới, tùy chỗ thích hợp cũng phải tuyên nói đầy đủ. Hoặc thanh, thanh giới đúng lúc kích động phát ra, phải nói hai đây đồng có. Nếu không kích động phát ra phải nói đuổi theo giới khác, duy chỉ giới, không phải thanh.

Hỏi: Mười tám giới đây, bao nhiêu đồng phạm, bao nhiêu đồng phạm kia?

Đáp: Có nhãn thức giới gọi là đồng phận. Nhãn giới còn lại gọi là đồng phận kia. Như nhãn giới cho đến thân giới cũng vậy. Duy chỉ ở trong nội các giới nhiếp thuộc căn, ngũ lương đồng phận và đồng phận kia, chẳng phải ở trong ngoại các giới như sắc... Nên biết các hữu sở duyên của pháp giới thì như tâm giới đã thuyết. Các vô sở duyên thì như sắc... đã thuyết.

Hỏi: Bao nhiêu giới hợp mà năng thủ? Bao nhiêu giới chẳng hợp mà năng thủ?

Đáp: Sáu hợp năng thủ. Bốn chẳng hợp năng thủ. Năm và một phần ít chẳng phải năng thủ. Một giới hợp, chẳng hợp. Hai đều năng thủ.

Hỏi: Bao nhiêu duy chỉ là sở thủ, chẳng phải năng thủ? Bao nhiêu cũng sở thủ cũng năng thủ?

Đáp: Tất cả đều sở thủ, đó là năm và một ít phần duy chỉ là sở thủ. Mười hai và một ít phần cũng là năng thủ.

Hỏi: Bao nhiêu vì trợ bạn nên năng thủ? Bao nhiêu chỉ một mình năng thủ?

Đáp: Mười và một ít phần trợ bạn mà năng thủ. Một và một ít phần chỉ một mình năng thủ.

Hỏi: Bao nhiêu chỉ hệ buộc Dục giới?

Đáp: Bốn.

Hỏi: Bao nhiêu chỉ hệ buộc Sắc giới?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bao nhiêu chỉ hệ buộc Vô sắc giới?

Đáp: Cũng không có.

Hỏi: Bao nhiêu chỉ hệ buộc Dục, Sắc giới?

Đáp: Mười một.

Hỏi: Bao nhiêu chỉ hệ buộc Sắc, Vô sắc giới?

Đáp: Không có.

Hỏi: Bao nhiêu thông cả ba giới hệ buộc?

Đáp: Ba.

Hỏi: Bao nhiêu chấp thọ? Bao nhiêu chẳng phải chấp thọ?

Đáp: Năm chấp thọ. Năm chấp thọ chẳng phải chấp thọ. Chỗ còn lại đều có một hướng là chẳng phải chấp thọ. Vì cố sao? Vì đã lìa nơi kia, còn lại là năng chấp thọ, vì chấp thọ ở kia bất khả đắc vậy.

Sao gọi là chủng chủng giới? Là tánh tướng mười tám giới triển chuyển khác nhau.

Sao gọi là chẳng phải một giới? Các giới kia vô lượng, sở y của hữu tình có chủng chủng tánh sai biệt.

Sao gọi là vô lượng giới? Tổng hai điều kia gọi

là vô lượng giới. Như Phật Thế Tôn thuyết: trong Ác-xoa-tụ-dụ: “Ta ở nơi các giới trọn không tuyên thuyết giới có ngần mé”.

Trong Ốt-Đà-Nam nói:

*Những gì tánh thật có
Bốn câu cùng đồng phạm
Thủ, giới, chẳng chấp thọ
Chủng chủng... chẳng phải một.*

Hỏi: Những gì là nghĩa giới?

Đáp: Nghĩa nhân, nghĩa chủng tử, nghĩa bản tánh, nghĩa chủng tánh, nghĩa vi tế, nghĩa giữ gìn, đó là nghĩa giới.

Hỏi: Nương nghĩa nào mà nói Niết-bàn, hư không cũng gọi là giới?

Đáp: Vì nghĩa năng giữ gìn khiến khổ chẳng sanh, nên Niết-bàn được gọi là giới. Vì nghĩa giữ gìn các hoạt động của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân... nên hư không được gọi là giới.

Hỏi: Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập giới?

Đáp: Vì hiển nghĩa nhân duyên và hiển nghĩa căn cảnh thọ dụng.

Hỏi: Mười tám giới đây do cái gì phân biệt?

Đáp: Nếu lược thuyết nên biết do 6 chủng: 1. Pháp giới, đó là nhãn pháp... có nhãn giới...; 2. Tịnh giới, đó là sở hữu các giới của bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh; 3. Bản tánh giới, đó là như đã thuyết mười tám giới sanh khởi từ thời vô thủy đến nay cho đến về sau, tánh ấy thành tựu; và bồ-đặc-già-la trụ chủng tánh, không trụ chủng tánh, pháp Niết-bàn, không phải pháp Niết-bàn từ thời vô thủy đến nay, tánh ấy thành tựu; 4. Huân tập giới, đó là các giới đây trước đã huân tập pháp tịnh, bất tịnh, nên ở trong sanh tử chiêu cảm sanh hoặc thặng diệu hoặc thấp kém hoặc tánh nhân Niết-bàn; 5. Đã cho quả giới, đó là các giới đây chiêu cảm quả và đã diệt; 6. Chưa cho quả giới, đó là các giới đây chưa chiêu cảm quả hoặc diệt, hoặc chưa diệt. Như vậy lược thuyết thì các giới có sáu chủng, nếu rộng thuyết thì giới đây số vô lượng.

Hỏi: Mười tám giới đây có bao nhiêu hữu sắc, có bao nhiêu vô sắc, cho đến có bao nhiêu vô đoạn?

Đáp: Như tướng trước đã thuyết nên thuận theo đó mà kiến lập.

Hỏi: Như thuyết thì mắt thấy các sắc, cho đến ý hiểu các pháp. Vậy mắt đây là kẻ thấy cho đến ý

là kẻ hiểu, hay là thức kia?

Đáp: Nếu trong phạm vi thắng nghĩa đạo lý thì chẳng phải là mất... cũng chẳng phải thức kia. Vì có sao? Vì tự tánh các pháp do nhiều duyên sanh, vì sát-na diệt, vì không tác dụng. Trong phạm vi đạo lý thế tục thì mất... rõ ràng hơn cả, nên có thể ở nơi kia lập người thấy... Vì có sao? Nếu có các căn như mắt... không bị khuyết giảm... thì thức nhất định sanh; hoặc có thức chuyển lưu thì chẳng phải là căn mất... vì đây hoặc khuyết hoặc không khuyết thức đều có được. Thật nghĩa trong đây tức là chỉ ở nơi cái thấy... mà nói kẻ thấy...

Hỏi: Mười tám giới đây, bao nhiêu chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói?

Đáp: Lược có hai chủng: 1. Ba chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói; 2. Sáu chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói.

Sao gọi là ba chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói? Vì sở y và cảnh giới sai biệt đồng y. Vì sao? Do nghĩa thức và căn đồng một xứ nên gọi là y. Nghĩa cảnh giới là sở duyên, nên cũng gọi là y.

Sao gọi là sáu chủng thứ lớp nhân duyên được tuyên nói? Vì sở hành của kia chúng có nhiều sai

biệt luân luân hành chuyển, trước nói mắt... là nhân duyên đầu tiên. Lại kia tùy theo sự việc người đời thế gian mà chuyển nên thứ lớp dần dần kiến lập, đó là người thế gian trước qua lại gặp gỡ thấy nhau, sau mời chào thăm hỏi, tiếp theo bày biện ăn uống, rồi ban ngày trôi qua, đêm đến xếp đặt chũng chũng thứ như trái ngọạ cụ, đệm lông, mền gối... là nhân duyên thứ hai. Lại do vui thích khác nhau làm chỗ nương, nên thứ lớp được tuyên nói là nhân duyên thứ ba. Lại vì chỗ thâm nhiếp, thọ dụng những vật trang điểm khác nhau nên thứ lớp được tuyên nói, đó là kẻ thọ dụng tốn nhiều thời gian cho việc trang điểm lông mày, mắt, kể đến đeo hoa tai, cài trâm lên tóc... nghiêm sức như vậy là nhân duyên thứ tư. Lại nương hành nghiệp ăn uống, vui thích tập quen dục, hết thủy việc nên thứ lớp được tuyên nói, đó là các chúng sanh trước đều nương hai nghiệp thân, ngữ hoặc tịnh hoặc bất tịnh mà cần cầu phương tiện, sau đó ăn uống no say rồi, lại tập quen gần gũi các dục. Đây là nhân duyên thứ năm. Lại do chỗ thâm nhiếp, lãnh thọ của nghiệp tạo tác sai biệt, nên thứ lớp tuyên nói. Việc đây thế nào? Do mắt năng thấy vô số các sắc

qua lại không lầm lẫn tạp loạn: nhận ra, gặp gỡ, nhớ đến người đã từng thấy, hoặc chưa thấy; thấy rõ nơi chốn gặp gỡ người oán, thân, trung dung sai khác; thấy các cuộc chuyện trò với người, từ đây nhớ nghĩ phát khởi lời nói, kể lại việc đã thấy như vậy như kia... Mắt kia nương thân mà được trưởng dưỡng, lãnh thọ rộng lớn chủng chủng sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Hết thấy loại như vậy là vô lượng chủng nghiệp tạo tác của nhĩ giới. Do tai năng nghe chủng chủng âm thanh, nhân đây hiểu rõ thiện thuyết, ác thuyết và chủng chủng nghĩa lý nên khởi nói năng luận bàn, năng nghe chủng chủng âm vui vi diệu. Tai kia nương thân mà được trưởng dưỡng, lãnh thọ rộng lớn chủng chủng sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Hết thấy loại như vậy là nghiệp tạo tác của nhĩ giới, phía trước hẹp nhỏ. Do mũi năng ngửi chủng chủng các hương, theo hương mà tìm đến. Mũi kia nương thân mà được trưởng dưỡng, lãnh thọ rộng lớn chủng chủng sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Hết thấy loại như vậy là nghiệp tạo tác của tỷ giới, phương trước hẹp nhỏ. Lưỡi năng nếm chủng chủng các vị. Lưỡi kia nương thân mà được trưởng dưỡng. Hết thấy loại

như vậy là nghiệp tạo tác của thiện giới, phương trước hẹp nhỏ. Thân năng xúc chủng chủng sự va chạm, lãnh thọ các sự việc vui vẻ thích thú của thế gian. Tuy nương thân mà được trưởng dưỡng nhưng việc vui thích kia một lúc nào đó lại làm tổn hại. Hết thấy loại như vậy là nghiệp tạo tác của thân giới, rất là hẹp nhỏ. Đây gọi là thứ lớp nhân duyên thứ sáu được tuyên nói. Ở trong nhân duyên sai biệt của sáu chủng mắt... trong đó đều có ý hành chuyển khắp cả, nên tuyên nói ý sau cùng. Vì nhiếp thứ lớp nhân duyên như vậy, mà trong Ôt-Đà-Nam nói:

*Chúng nhiều, thuận thế tục
Vui thích cùng nghiêm sức
Theo hai chủng tác nghiệp
Nên thứ lớp tuyên nói.*

Lại nữa, mười tám giới đây nên biết năng nhiếp tất cả sở thuyết giới khác trong kinh.

Hỏi: Người đã sanh ở Sắc giới, ở nơi cảnh giới đã được ly dục, duyên nào sanh trở lại hai giới tử và thiện?

Đáp: Vì khiến thân sở y được trang nghiêm. Lại vì ở trong Sắc giới, hai chủng đây chưa ly dục.

Hỏi: Hoặc sanh ở Đệ nhị tinh lự, hoặc sanh địa trên, nếu có tầm có tứ, nhãn thức... hiện tại tiền, sao nói là địa đây không tầm không tứ? Nếu không hiện tiền, sao nói là ở địa kia các căn hữu sắc không hiện tiền, mà năng lãnh thọ cảnh giới địa kia?

Đáp: Do các chủng tử thức có tầm có tứ triển chuyển đuổi theo Không tầm không tứ tam-ma-địa. Từ kia khởi rồi, đây được hiện tiền. Lại lúc ở đây khởi rồi, thức kia hiện hành trở lại. Lại vì có sự đuổi theo của chủng tử Không tầm không tứ tam-ma-địa, cho nên địa đây không theo một hướng là không tầm không tứ. Do hữu tình kia ở nơi các tầm tứ dùng tánh ly dục mà ly dục, cho nên địa kia tuy gọi là không tầm không tứ, mà tầm tứ đây lại hiện hành, cũng không có lỗi gì.

Hỏi: Duyên nào nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, mỗi một giới sanh hai phần, chẳng phải khác?

Đáp: Vì khiến sở y được trang nghiêm.

Hỏi: Khi các thức như nhãn, nhĩ và tỷ sanh là nương hai phần, phải nói là một hay hai?

Đáp: Chỉ nói một phần. Vì có sao? Nếu một phần kia không chướng ngại, không bị hư hoại, thì

thức rõ ràng sanh. Nếu kia bị chướng ngại, hoặc bị hoại mất, thức không rõ ràng sanh. Lại vì thức không phải sắc, nên không như sắc do nơi chốn mà riêng thành nghĩa hai phần.

Hỏi: Nếu nhãn và nhãn thức là nhân và quả, sao gọi là cùng có? Nếu cùng có thì sao nói thành tựu hai tánh nhân và quả?

Đáp: Thức nương nhãn sanh, chẳng phải như đạo lý nhân quả của hạt giống và mầm. Vì sao? Vì nhãn và nhãn thức chẳng phải là nhân chánh sanh, chỉ là nhân kiến lập, cho nên nhãn và nhãn thức đây đồng thời mà có, nên tánh nhân quả thành tựu, thí như đạo lý lửa và ánh sáng của đèn. Như nhãn và nhãn thức, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân cùng các thức kia nên biết cũng vậy. Nếu khác với điều trên, tuy có tự chủng tử mà vì không sở y, nên các thức như nhãn thức... lẽ không được sanh.

Hỏi: Nếu ở Dục giới hoặc sanh hoặc tăng trưởng, mà nói nhãn giới... nhất định chuyển ư?

Đáp: Đây chẳng nhất định một hướng như vậy. Như nhãn giới, thì nhĩ, tỷ, thiệt giới và các thức kia cũng vậy. Thân giới nhất định chuyển theo. Như vậy thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý

thức giới và sắc, thanh, hương, vị, xúc giới cũng vậy.

Hỏi: Nếu ở Sắc giới hoặc sanh hoặc tăng trưởng, mà nói nhãn giới... nhất định chuyển theo ư?

Đáp: Nhất định chuyển theo. Như nhãn giới, thì nhĩ, tỷ, thiệt, thân giới; nhãn, nhĩ, thân thức giới nên biết cũng vậy. Trừ hương giới, vị giới và thức giới kia, tất cả giới khác cũng nhất định chuyển theo. Ở Vô sắc giới hoặc sanh, hoặc trưởng, trừ ý giới, pháp giới, ý thức giới, còn lại nhất định không chuyển theo, chỉ trừ các sắc thu được tự tại. Nên biết ba giới ở nơi kia nhất định chuyển theo.

Như sự uẩn thiện xảo, thì sự giới thiện xảo cũng nên tuyên nói Ót-Đà-Nam kệ tụng. Như sự giới thiện xảo, thì **sự xứ thiện xảo** Ót-Đà-Nam kệ tụng nên biết cũng vậy.

Sao gọi là nhãn xứ? Nếu nhãn đã được không xả, ở nơi thể không gián đoạn, pháp chẳng phải đoạn diệt. Như tướng nhãn xứ, thì tự tánh xứ còn lại nên biết cũng vậy.

Hỏi: Xứ, xúc xứ có gì sai biệt?

Đáp: Xứ như trước đã thuyết. Xúc xứ là sở hữu

các xứ đồng với xúc, hoặc năng dẫn phát các xúc không gián đoạn, thuận theo nơi xúc.

Hỏi: Nếu nhãn cũng là xứ ư? Giả sử xứ cũng là nhãn ư?

Đáp: Có nhãn chẳng phải là xứ, tức là nhãn đã được không xả, nhưng là pháp đoạn diệt không gián đoạn. Có xứ chẳng phải là nhãn, đó là xứ khác an trụ tương xứ. Cũng có nhãn cũng có xứ, tức là nếu nhãn đã được không xả, cũng chẳng phải pháp đoạn diệt không gián đoạn. Cũng có chẳng phải nhãn, cũng chẳng phải xứ, đó là hoặc nhãn không được, hoặc nhãn được rồi đã xả và nhĩ khác... không trụ nơi tương xứ.

Hỏi: Xứ cũng là xúc xứ ư? Giả sử xúc xứ cũng là xứ ư?

Đáp: Các xúc xứ hẳn là xứ. Có xứ chẳng phải là xúc xứ. Đó là nhãn... không hợp cùng xúc, cũng lại chẳng thể dẫn phát xúc không gián đoạn, nhưng không phải pháp diệt không gián đoạn. Nếu ở Sắc giới, sở hữu tử, thiết hoặc sanh hoặc trưởng; nếu sở hữu các căn của hữu tình sanh trong trời Vô tướng, ở tất cả thời nên biết nhất định không phải là xứ.

Hỏi: Nghĩa nào gọi là xứ? Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập xứ?

Đáp: Nghĩa môn các tâm, tâm sở sanh trưởng, nghĩa duyên, nghĩa phương tiện, nghĩa tánh hòa hợp, nghĩa chỗ nương tựa, nghĩa nơi cư trú. Đây gọi là nghĩa xứ. Vì muốn hiển thị nghĩa đẳng vô gián sở duyên, tăng thượng 3 chủng duyên, nên kiến lập xứ. Rộng phân biệt và thứ lớp của xứ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết như giới.

Lại như kinh rộng thuyết Thế Tôn nói có tám thắng xứ, mười biến xứ. Lại có bốn xứ là Không vô biên xứ... Lại có hai xứ là Vô tướng xứ và Phi tướng phi tướng xứ. Như vậy hết thảy tên gọi pháp xứ đã được nêu ra, như tướng đã thuyết, tùy theo chỗ thích hợp đều nhiếp ở mười hai xứ. Lại y chỉ xứ nên biết như giới.

Lại nữa, sao gọi là **pháp duyên sanh**? Đó là không có chủ thể, không có tác giả, không có thọ giả, không tự tác dụng, không được tự tại từ nhân mà sanh, vin dựa theo các duyên mà chuyển, xưa không mà có, có rồi tan diệt, chỉ là pháp hiển phát, chỉ là pháp năng nhuần, chỉ là pháp sở nhuần,

roi trong tương tục. Hết thấy tướng như vậy gọi là pháp duyên sanh. Trong đây, nhân gọi là duyên khởi, quả gọi là duyên sanh. Vì chi hữu vô minh tùy miên đây không đoạn trừ, nên vô minh triền kia có. Vì vô minh triền đây sanh, nên các hành kia chuyển. Vì chủng tử các hành không đoạn diệt, nên các hành được sanh. Vì các hành sanh, nên đắc chi hữu thức chuyển. Như vậy, đạo lý lưu chuyển của các chi duyên khởi còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Nên biết chi hữu sanh và lão tử là pháp giả có, các chi hữu còn lại là pháp thật có.

Lại do năm tướng kiến lập duyên khởi sai biệt. Những gì là năm? 1. Chỗ nương của nhân dẫn dắt các khổ; 2. Chỗ nương của nhân sanh khởi các khổ; 3. Nhân dẫn dắt các khổ; 4. Nhân sanh khởi các khổ; 5. Các khổ sanh khởi.

1. Chỗ nương của nhân dẫn dắt các khổ: Ở trong hiện pháp danh sắc làm duyên sáu xứ sanh khởi không đoạn không biết. Vì đây làm sở duyên và y xứ, nên tất cả ngu phu ở nội tự thể sanh khởi ngu si. Đây gọi là vô minh. Vì vô minh duyên nên kế sau có các hành, cho đến thời sau có xúc duyên thọ. Trong đây sáu xứ gọi là vô minh... dẫn nhân y xứ.

2. Chỗ nương của nhân sanh khởi các khổ: Các ngu phu ở trong hiện pháp do xúc làm duyên nên các thọ sanh khởi. Đây làm y xứ ở nơi ngoại cảnh giới phát khởi các ái. Vì ái làm duyên nên kế sau có thủ. Vì thủ làm duyên nên kế sau có hữu. Như vậy ái... ba chủng sanh nhân, lấy xúc duyên thọ làm sở y xứ.

3. Nhân dẫn dắt các khổ: Vô minh duyên hành cho đến xúc duyên thọ, ở trong hiện pháp, thức là chỗ huân tập của nghiệp phước, phi phước, bất động. Về sau sự đuổi theo của chủng tử năng dẫn thân thức sanh lão tử khổ ở đời vị lai. Cho nên nói đây là nhân dẫn kia.

4. Nhân sanh khởi các khổ: Thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, đây gọi là nhân sanh các khổ đương lai. Tức là chỗ gây tạo nghiệp trước kia nhiếp thọ phiền não, vì ở đời vị lai sanh sắp hiện tiền, nên biết gọi là "hữu".

5. Các khổ sanh khởi: Hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, như vậy gọi là các khổ sanh khởi. Tức là chủng tử tánh thức, danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ lúc trước theo đuổi sở y được tên gọi là các khổ dẫn nhân. Nay đã cho quả tên gọi là sanh, lão, tử, cũng

được tên gọi là khổ.

Lại nữa, nên biết trí là sở đối trị của vô minh. Vô minh riêng có tâm pháp che đậy làm tánh. Vô minh kia chẳng phải chỉ có không sáng suốt, cũng chẳng phải tà trí. Vì cơ sao? Nếu vô minh kia chỉ toàn là không sáng suốt, thì không thể lập phẩm hạ, trung, thượng, vì pháp tánh Không kia đều không có phẩm hạ, trung, thượng sai biệt. Lại cũng không thể lập vô minh, tùy miên và triền khác nhau, vì pháp tánh Không ở tất cả thời tương ấy giống nhau, không thể tùy theo sự trói buộc hiện hành mà kiến lập. Lại tâm của dị sanh ở tất cả xứ nhiễm, thiện, vô ký thường lìa huệ sáng suốt. Nếu tánh Không đây là vô minh, lẽ tất cả tâm đều thành nhiễm ô. Lại pháp tánh Không chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, chẳng phải nhiếp thuộc vô vi. Đã chẳng phải nhiếp thuộc hữu vi, vô vi, thì chẳng năng làm nhiễm ô, cũng chẳng khiến thanh tịnh. Lại trong tâm lìa sự sáng suốt tương tục, thì lẽ ở tất cả thời minh chẳng khởi được. Lại chẳng nên nói vì vô minh diệt nên minh được sanh khởi. Vì cơ sao? Vì không có pháp Không mà có thể diệt.

Nếu chỉ do tà trí là vô minh, thì trừ các trí

nhiếp thuộc huệ minh, còn lại tất cả trí đều là tà trí ư? Hay chỉ có tánh trí nhiễm ô tà chấp là tà trí ư? Hay các phiền não tương ưng tà trí là tà trí ư?

Nếu nói trí ban đầu là tà trí, thì trí tương tục ở trong tất cả dị sanh hoặc thiện hoặc vô ký lẽ đều là tà trí. Đây không đúng đạo lý.

Nếu chỉ có tánh trí nhiễm ô tà chấp là tà trí, thì chỉ nên ở nơi năm thân kiến gọi là tánh trí nhiễm. Trong đây, vì không rõ hành tướng như thật, gọi là vô minh. Do không rõ hành tướng như thật, nên tà chấp sự tướng gọi là kiến, đó là thân kiến là do lực vô minh chấp ngã, ngã sở. Như vậy, do mỗi kiến khác nhau nên ở mỗi sự của chính nó tà chấp hành chuyển. Nhưng các kiến như vậy chẳng là ngu si, bởi hành tướng si và kiến mỗi mỗi riêng khác, mà cho là năm tánh trí nhiễm ô gọi là vô minh thì không đúng đạo lý. Lại nếu vô minh và các kiến tướng không sai khác, không lẽ Thế Tôn ở trong bảy tùy miên mà đối với vô minh bên ngoài lập là kiến tùy miên? Lại, Phật Thế Tôn không ở nơi các kiến trên mà hợp chung một xứ gọi là vô minh.

Nếu các phiền não tương ưng tà trí là vô minh,

thì năm chủng trí tà kiến như thân kiến... là tự tánh như vậy không có hai thể trí đồng có tương ứng. Vậy thì các kiến lẽ cùng vô minh thường không tương ứng.

Lại nếu do lực phiền não tham... khiến trí tương ứng thành tánh ngu si, tức vì lực tham... tăng thượng nên ngu si khá được, chẳng phải do si, tăng thượng si làm tiền dẫn mà có tất cả các phiền não tham...

Lại lẽ có thể nói như huệ tương ứng các phiền não khác, do tương ứng nên thành nhiễm ô? Đây chẳng phải tự tánh kia, vì chẳng phải thể ngu si mà khá thành tánh si. Lại như tương ứng các phiền não khác, chẳng phải tánh phiền não của các tâm, tâm sở. Cho nên, nên biết riêng có vô minh là tánh tâm sở, cùng tâm tương ứng.

Như Thế Tôn nói: “Hành có 3 chủng, đó là: thân hành, ngữ hành và ý hành”. Trong đây nên biết gió của hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì gió làm tiền dẫn khiến thân nghiệp chuyển, nên nghiệp tạo tác của thân cũng gọi là thân hành. Do kẻ ngu si trước phát khởi thuận theo gió thân nghiệp rồi, về sau mới khởi thân nghiệp nhiễm ô. Như hơi thở

ra vào năng khởi thân nghiệp nên gọi là thân hành, thì tâm tứ và các ngữ nghiệp đồng gọi là ngữ hành. Thọ, tưởng và tư nghiệp đồng gọi là ý hành. Như vậy tất cả nói chung là thân hành, ngữ hành và ý hành.

Các *hữu* sanh ở giới nào, địa nào? Nên biết chi hữu tức là nhiếp thuộc đây. Lại trong mười hai chi, hành và hữu nhiếp thuộc 2 nghiệp. Vô minh, ái, thủ nhiếp thuộc 3 phiền não. Nên biết chi còn lại đều nhiếp thuộc sự. Lại trong 2 nghiệp, thứ nhất nhiếp thuộc nghiệp dẫn dắt gọi là *hành*, thứ hai nhiếp thuộc nghiệp sanh gọi là *hữu*. Trong 3 phiền não, thì 1 năng phát khởi nghiệp dẫn dắt gọi là vô minh, 2 năng phát khởi nghiệp sanh gọi là ái và thủ. Trong các chi còn lại nhiếp thuộc sự, 2 ch. nhiếp thuộc khổ ở đời vị lai là sanh và lão tử, 5 chi nhiếp thuộc nhân khổ ở vị lai là ở hiện tại từ hành. duyên thức cho đến xúc duyên thọ. Lại 5 chi đây cũng nhiếp thuộc chi khổ hiện tại. Do nhân đời trước nên nay được sanh khởi, nhiếp thuộc quả dị thực, đó là: thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ. Lại 5 chi nhiếp thuộc quả hiện tại và 2 chi nhiếp thuộc quả vị lai, đều gọi chung là duyên khởi nhiếp thuộc quả. Nên

biết chi còn lại là duyên khởi nhiếp thuộc nhân.

Lại nữa, lược do năm điều là nhân năng sanh khởi sự không hiểu biết: 1. Nghi năng sanh khởi; 2. Ái năng sanh khởi; 3. Tín phi xứ năng sanh khởi; 4. Kiến năng sanh khởi; 5. Tăng thượng mạn năng sanh khởi.

Chỗ không hiểu biết đối với tiền tế là nghi năng sanh khởi, tức là nghi như vậy: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Đã từng không chăng?”. Hết thấy nghi như vậy chuyển trong ba đời, như kinh rộng thuyết. Quá khứ gọi là tiền tế, vị lai gọi là hậu tế. Hiện tại gọi là tiền hậu tế, vì chờ đợi đời quá khứ tức là hậu tế, vì chờ đợi đời vị lai tức là tiền tế. Nếu nghi quá khứ nên biết nghi đây phát khởi do không hiểu biết đối với tiền tế. Nếu nghi vị lai, nên biết nghi đây phát khởi do không hiểu biết đối với hậu tế. Nếu bên trong phát khởi nghi hoặc như vậy: “Những gì là ta? Ta là những gì? Nay hữu tình từ đâu đến đây? Ở đây chết rồi sẽ đi đến đâu?”. Nên biết nghi đây phát sanh là do không hiểu biết đối với tiền hậu tế.

Lại không hiểu biết đối với bên trong, không hiểu biết đối với bên ngoài, không hiểu biết đối

với trong ngoài, nên biết là nội ngoại ái năng sanh khởi và ái hậu hữu, ái đồng hành hỷ tham, ái hỷ lạc kia kia.

Lại nếu không hiểu biết đối với nghiệp, không hiểu biết đối với dị thực, không hiểu biết đối với nghiệp dị thực, tức là các hữu tình kia không hiểu biết đối với nghiệp mà mình đã gây tạo làm duyên, nên đối với các cõi trời Tự tại, trời Tỳ-sắc-rô, trời Thế chủ... không phải là xứ chân chánh, mà sanh mong cầu quay về nương tựa kính tin.

Lại nếu không hiểu biết đối với Phật... cho đến không hiểu biết đối với đạo, nên biết là các kiến năng sanh. Vì sao? Do không thông đạt chân chánh đối với Tam Bảo và bốn Thánh đế, cho đến năng sanh 62 kiến, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có thí, không có thọ”, nói rộng cho đến chỗ có các tà kiến.

Lại nếu không hiểu biết đối với nhân và không hiểu biết đối với nhân sanh pháp thiện, bất thiện... thì như kinh rộng thuyết: do không hiểu biết đây, đối với đường đến cõi thiện và phương tiện đến cõi thiện phát sanh tăng thượng mạn. Vì sao? Do ở nơi pháp thiện, bất thiện... mà không như thật biết

quả ái, phi ái... cho nên ở nơi không phải phương tiện mà khởi tưởng cho là chánh phương tiện, thực hành những hạnh như tự nhin đối, nhảy vào lửa, từ núi cao gieo mình xuống... để cầu sanh thiên.

Lại không hiểu biết đối với sáu xúc xứ, không như thật thông đạt đắc quả Sa-môn, nên khởi tăng thượng mạn. Vì có sao? Do trí không như thật thông đạt sáu xúc xứ mà lại sanh tăng thượng mạn. Nên biết trong đây hoặc phương tiện sanh cõi trời tăng thượng mạn, hoặc quả Sa-môn tăng thượng mạn, hợp chung là hai tăng thượng mạn.

Như vậy, vô minh năng sanh 5 chủng tạp nhiễm, đó là: nghi tạp nhiễm, ái tạp nhiễm, tín giải tạp nhiễm, kiến tạp nhiễm và tăng thượng mạn tạp nhiễm.

Do bị tạp nhiễm bởi nghi tạp nhiễm, nên tất cả ngu phu kết thành nghi hoặc, lại tín thuận đối với người dẫn đường lầm lạc, ở trong hiện pháp thọ nhiều khổ não, chẳng trụ an ổn.

Do bị tạp nhiễm bởi ái tạp nhiễm, nên dẫn sanh hậu hữu, tất cả đại khổ sanh, lão, bệnh...

Do bị tạp nhiễm bởi tín giải tạp nhiễm, hoặc cho là không nhân, hoặc kể chấp Tự tại thiên...

nhân không bình đẳng mà cho là chánh nhân, phỉ báng tất cả tác dụng sī phu..

Do bị tạp nhiễm bởi kiến giải tạp nhiễm, tùy ý gây tạo tất cả ác hạnh, năng cảm các khổ đường ác ở đời vị lai.

Do bị tạp nhiễm bởi tăng thượng mạn tạp nhiễm khiến dụng sī phu thành không có quả, hoặc quả khác đi.

Lại nữa, duyên khởi thiện xảo như phần *Bản địa* đã rộng phân biệt, cho nên văn quyết trạch phần duyên khởi thiện xảo còn lại không hiển nói thêm.



Quyển 57

Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯỚNG ỨNG ĐỊA

Thứ 2. Ý ĐỊA

Phần 7

Như vậy đã thuyết duyên khởi thiện xảo, Ta nay sẽ thuyết về **xứ, phi xứ thiện xảo**. Ốt-Đà-Nam nói chung:

Thế, hiển bày làm đầu

Môn, sai biệt theo sau.

Hỏi: Những gì là xứ?

Đáp: Ở nơi sự kia, lý không trái nhau.

Hỏi: Những gì là phi xứ?

Đáp: Ở nơi sự kia, lý có trái nhau.

Đây gọi là thể của xứ, phi xứ.

Hỏi: Cớ sao Thế Tôn hiển bày chỉ dạy xứ, phi xứ thiện xảo?

Đáp: Vì muốn hiển thị dù nhiễm ô hay thanh tịnh, trí phương tiện chân chánh không bị hoại mất.

Hỏi: Nên dùng bao nhiêu môn quán sát xứ, phi xứ?

Đáp: Bốn. Do Phật Thế Tôn chỉ dùng bốn môn này để tuyên thuyết tất cả xứ, phi xứ. Những gì là bốn? 1. Môn thành biện; 2. Môn hộ hợp; 3. Môn chứng đắc; 4. Môn hiện hành.

Hỏi: Duyên nào dùng bốn môn đây để thuyết về xứ, phi xứ?

Đáp: Vì muốn hiện khắp tất cả chủng sai biệt. Sao gọi là tất cả chủng sai biệt? Là tướng sai biệt của tất cả môn ở trên. Ta nay sẽ thuyết tướng sai biệt của môn thành biện ban đầu, không nhiếp lấy tướng của môn khác.

1. Tướng sai biệt của môn thành biện xứ, phi xứ: a. Do vượt sở tác của các căn; b. Do vượt sở tác của đại chủng; c. Do vượt sở tác của vật dụng.

Vượt sở tác của các căn: Không xứ không vị, nhãn có khả năng nghe tiếng, ngửi hương, nếm vị, nhận biết các xúc... ắt không phải thị xứ. Chỉ năng thấy các sắc, đó là thị xứ. Như nhãn căn, thì sắc căn còn lại tùy theo chỗ thích hợp theo đó mà biết.

Vượt sở tác của đại chủng: Không xứ không vị, địa có khả năng làm thành dụng của thủy, hỏa, phong, ắt không phải thị xứ. Chỉ năng tạo làm các

nghiệp dụng của địa, đó là thị xứ. Như địa, thì các địa chủng còn lại tùy theo chỗ thích hợp theo đó mà biết.

Vượt sở tác của vật dụng: Không xứ không vị, từ một chủng loại này sanh ra mầm loại khác, tất không phải thị xứ. Chỉ có tự chủng loại sanh, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, sừng trâu mà vắt ra sữa, hẳn không phải thị xứ. Từ nhũ vắt ra sữa, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, cô đặc nước trong bình mà xuất hiện tô, tất không phải thị xứ. Nấu cô đặc lạc sanh tô, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, ép cát ra dầu hẳn không phải thị xứ. Ép thực vật ra dầu, đó là thị xứ. Như không xứ không vị, cọ xát cây ẩm ướt mà có lửa, tất không phải thị xứ; cọ xát cây khô phát sanh lửa, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy nên biết quán sát tướng sai biệt của môn thành biện xứ, phi xứ thứ nhất.

2. Tướng sai biệt của môn hội hợp xứ, phi xứ: Không xứ không vị, ánh sáng và bóng tối cùng một lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ một nơi cái thứ nhất sanh, cái thứ hai không sanh, đó là thị xứ. Không xứ không vị, phần thô

của nước và lửa cùng một lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Ở một nơi chỉ có một chủng loại, đó là thị xứ. Không xứ không vị, hai tụ sắc thô tụ hội hòa hợp chung một chỗ thì không phải thị xứ. Chỉ một cực vi, đó là thị xứ. Không xứ không vị, tâm và pháp của tâm đồng một chủng loại cùng lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ một loại phát sanh, đó là thị xứ. Không xứ không vị, đồng một chủng loại hoặc thiện, bất thiện; hoặc thiện vô ký, bất thiện vô ký; hoặc khổ, hoặc vui cùng lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ tùy có một chủng, đó là thị xứ. Không xứ không vị, quả ái, phi ái cùng lúc tụ hội hòa hợp thì không phải thị xứ. Chỉ tùy có một loại, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy là quán sát tướng sai biệt của môn hội hợp xứ, phi xứ thứ hai.

3. Tướng sai biệt của môn chứng đắc xứ, phi xứ: Không xứ không vị, thạch nữ sanh con thì không phải thị xứ. Nếu không phải thạch nữ, đó là thị xứ. Không xứ không vị, bán nữ năng sanh nam nữ thì không phải thị xứ. Nếu là nam và nữ mà căn

nam, nữ không hư hoại, đó là thị xứ. Không xứ không vị, mắt mù mà thấy sắc, tai điếc nghe âm thanh, tử, thiệt hư hoại mà ngửi hương, nếm vị, thì không phải thị xứ. Các căn không hư hoại, đó là thị xứ. Không xứ không vị, ở trong hiện pháp tư lương chưa đầy đủ mà chứng học, vô học cứu cánh giải thoát thì không phải thị xứ. Đã có đầy đủ tư lương, đó là thị xứ. Không xứ không vị, chưa đắc thánh đạo mà năng chứng Niết-bàn, hoặc chứng Thanh văn, Độc giác Bồ-đề, hoặc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thì không phải thị xứ. Đã đắc thánh đạo, đó là thị xứ. Không xứ không vị, hoặc hữu tình ở cõi người mà ăn các thứ cỏ như bàng sanh, hoặc chúng chư thiên mà ăn thức ăn như người, hoặc ở Sắc, Vô sắc giới mà ăn bằng cách đoạn thực thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ. Không xứ không vị, không xả bỏ thân hình địa ngục mà được thân người, cho đến không xả bỏ thân hình này mà được thân hình khác, thì không phải thị xứ. Đã xả thân này, có được thân khác, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy, nên biết quán sát tướng sai biệt của môn chứng đắc xứ, phi xứ thứ ba.

4. Tướng sai biệt của môn hiện hành xứ, phi xứ: Không xứ không vị, xả tự tướng địa thành tướng giới khác thì không phải thị xứ. Không xả tự tướng, đó là thị xứ. Như địa, thì các đại chủng khác nên biết cũng vậy. Không xứ không vị, sanh trưởng ở Dục giới không được thiên nhãn mà thấy các sắc của cõi trời thì không phải thị xứ. Chỉ thấy được sắc người, đó là thị xứ. Tùy chỗ thích hợp nên biết các căn khác cũng vậy. Không xứ không vị, người có tham ái, bị tham ái chướng che, chưa thể đoạn dứt tham ái mà đối với tiền tài lợi dưỡng tâm li nhiễm đắm thì không phải thị xứ. Tùy theo chỗ thích hợp nên biết sân, si cũng vậy. Không xứ không vị, không đoạn trừ tất cả phiền não tham... tùy phiền não triền mà tu tập bốn niệm trụ thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ. Như tu tập bốn niệm trụ, thì tu tập pháp Bồ-đề phần khác nên biết cũng vậy. Không xứ không vị, ở chỗ Như Lai mà không xả tâm đấu tranh, hoặc không được dạy trao, khai mở, cho phép, mà năng trực tiếp thấy Như Lai thì không phải thị xứ. Hoặc xả bỏ, hoặc hứa xả bỏ, đó là thị xứ. Không xứ không vị, tất cả bậc trí, tất cả bậc có chánh kiến,

ở nơi cảnh sở tri mà không biết hoặc bị chướng che khiến quên mất niệm, tạo làm những điều chẳng phải của bậc trí giả, thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ. Không xứ không vị, chư Bồ-tát đã nhập đại địa mà đối với các hữu tình khởi tâm tổn hại, hoặc thối chuyển tâm Bồ-đề thì không phải thị xứ. Trái với tướng trên, đó là thị xứ.

Hết thấy loại như vậy là quán sát tướng sai biệt của môn hiện hành xứ, phi xứ.

Lại nương điều đã nói ở trước thì lược có bốn xứ và bốn phi xứ, cần quán sát chân chánh về quán đãi đạo lý, tác dụng đạo lý, chứng thành đạo lý và pháp nhĩ đạo lý. Nếu ở nơi đạo lý như vậy mà hiển bày tuyên thuyết không trái nghịch, thì gọi là thị xứ. Nếu thị hiện tuyên thuyết trái với trên, thì gọi là phi xứ. Bốn chủng như vậy và những điều đã thuyết trước hợp thành tám chủng xứ, phi xứ thiện xấu.

Hỏi: Duyên khởi thiện xấu và xứ, phi xứ thiện xấu có sai khác gì?

Đáp: Ở nơi đạo lý nhân quả mà sanh khởi chánh trí liễu biệt rõ ràng, gọi là duyên khởi thiện

xảo. Nếu ở nơi tất cả lý không điên đảo mà chánh trí liễu biệt rõ ràng, gọi là xứ, phi xứ thiện xảo. Văn quyết trạch phân xứ, phi xứ thiện xảo còn lại không hiển nói thêm.

Như vậy đã thuyết về xứ, phi xứ thiện xảo, Ta nay sẽ thuyết về **căn thiện xảo**. Ôt-Đà-Nam nói chung:

*Nghĩa, ý, kiến lập đi đâu
Rộng phân biệt khắp theo sau.*

Hỏi: Những gì là nghĩa căn?

Đáp: Nghĩa tăng thượng là nghĩa căn.

Hỏi: Vì hiển nghĩa nào?

Đáp: Vì hiển nghĩa: ở nơi kia, pháp của sự kia vượt thắng hơn cả.

Những gì là 22 căn? 1. Nhãn căn; 2. Nhĩ căn; 3. Tỷ căn; 4. Thiệt căn; 5. Thân căn; 6. Ý căn; 7. Nam căn; 8. Nữ căn; 9. Mạng căn; 10. Căn khổ; 11. Căn lạc; 12. Căn ưu; 13. Căn hỷ; 14. Căn xả; 15. Tín căn; 16. Tấn căn; 17. Niệm căn; 18. Định căn; 19. Tuệ căn; 20. Căn chưa biết muốn biết; 21. Căn đã biết; 22. Căn biết đầy đủ.

Sao gọi là kiến lập 22 căn? Vì nghĩa năng thủ

cảnh tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa an lập gia tộc tiếp nối không đoạn dứt tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa phương tiện sự nghiệp nuôi sống tánh mạng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa thọ dụng nghiệp quả tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa thế gian thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa xuất thế gian thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 3 căn.

Lại vì nghĩa hiển thọ dụng cảnh tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa ẩn thọ dụng cảnh tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa thọ dụng thời, khắc, ngăn mé cảnh giới tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa thọ dụng cảnh giới phát sanh tạp nhiễm tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa an lập thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nghĩa ở nơi nội môn thọ dụng cảnh giới tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa ở nơi ngoại môn thọ dụng cảnh giới tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa thọ dụng nội thân tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa thọ dụng ngoại cảnh cùng với nội thân phát sanh tạp nhiễm tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa đối trị tạp nhiễm, an lập thanh tịnh tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nghĩa nương vào đoạn nghiêm tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa năng khiến nương theo đó tùy chuyển tự tại tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa nương vào an trụ tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa nương vào xuất sanh tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa nương vào tổn ích tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa nương vào giải thoát tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nghĩa hiển rõ sự hữu tình tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa sự sanh của hữu tình tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa sự khiến hữu tình hoặc sống hoặc chết tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa hiển các hữu tình thọ dụng cảnh giới tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa hiển phương tiện sanh thù thắng của các hữu tình tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa hiển phương tiện định thù thắng của các hữu tình, kiến lập 3 căn.

Lại vì nghĩa hiển rõ sự hữu tình tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa hiển rõ tăng trưởng của hữu tình tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa hiển rõ thọ mạng của hữu tình dần dần tổn giảm tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa hiển rõ hưng thịnh, suy tổn của hữu tình tăng thượng, kiến lập

5 căn. Nghĩa hiển rõ công đức, lỗi lầm của hữu tình tăng thượng, kiến lập 8 căn.

Lại vì nương danh như vậy, kiến lập 6 căn. Vì nương chủng như vậy, tánh như vậy, kiến lập 2 căn. Vì nương trường thọ như vậy, sống lâu như vậy, thọ mạng giới hạn như vậy, kiến lập 1 căn. Vì nương ăn như vậy, thọ khổ vui như vậy, kiến lập 5 căn. Nên biết các căn đây nương phẩm tại gia mà thi thiết kiến lập. Vì nương tín như vậy, tinh tấn như vậy, cho đến tuệ như vậy, hướng như vậy, quả như vậy mà kiến lập 8 căn. Nên biết các căn đây nương phẩm xuất gia mà thi thiết kiến lập.

Lại vì nghĩa nương hành giả tu tập phòng hộ căn môn tăng thượng, kiến lập 6 căn. Vì nghĩa kham năng xuất gia chứng quả Sa-môn tăng thượng, kiến lập 2 căn. Vì nghĩa tích tập phẩm thiện tăng thượng, kiến lập 1 căn. Vì nghĩa hành theo chánh biết tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa chứng quả Sa-môn tăng thượng, kiến lập 5 căn. Vì nghĩa chứng quả Sa-môn tăng thượng, kiến lập 3 căn.

Trong Ốt-Đà-Nam nói:

Theo cảnh giới chuyển thủy

Do hiển và nội môn

*Trang nghiêm, hai hữu tình
Giả thiết, phòng hộ thủy.*

Hỏi: Nhãn căn làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp đã thấy, nay thấy, sẽ thấy các cảnh sắc. Như vậy, sở hữu tác nghiệp của nhãn căn cho đến ý căn nên biết cũng vậy.

Hỏi: Nam căn, nữ căn làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp nhiếp thọ cha mẹ, vợ con, thân thích, quyến thuộc xoay vần.

Hỏi: Mạng căn làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp khiến các hữu tình rơi trong số giữ gìn, tồn tại, sông còn.

Hỏi: Căn nhiếp thuộc thọ làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp khiến các hữu tình lãnh nạp tất cả việc hưng thịnh, suy tổn.

Hỏi: Các căn như tín... làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp năng sanh các cõi thiện và năng viên mãn tư lương Niết-bàn.

Hỏi: Ba căn sau cùng làm những nghiệp gì?

Đáp: Là tạo nghiệp năng ở hiện pháp hướng đến chứng Niết-bàn.

Hỏi: Các căn như vậy bao nhiêu là thật có,

bao nhiêu là không thật có?

Đáp: Mười sáu là thật có, 6 là không thật có.

Hỏi: Sắc nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Bảy.

Hỏi: Tâm nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Một, ít phần của 3.

Hỏi: Tâm pháp nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Mười, ít phần của 3.

Hỏi: Tâm không tương ưng hành nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Một.

Hỏi: Hữu vi nhiếp bao nhiêu?

Đáp: Tất cả căn là hữu vi, không có căn là vô vi.

Hỏi: Hai căn nam và nữ thuộc phần căn nào?

Đáp: Thuộc phần căn thân.

Hỏi: Ba căn sau cùng thuộc những phần căn nào?

Đáp: Thuộc 9 căn: ý căn, 5 căn là tín tấn niệm định tuệ căn và căn lạc, căn hỷ, căn xả.

Hỏi: Mạng căn thuộc những phần căn nào?

Đáp: Mạng căn không thuộc phần căn nào, vì nương theo nghiệp trước dẫn dắt phần giới hạn thọ lượng quyết định mà được kiến lập, chỉ là giả có.

Hỏi: Bao nhiêu căn thiện?

Đáp: Hoặc 8, hoặc 5, ít phần của 6.

Hỏi: Bao nhiêu căn bất thiện?

Đáp: Ít phần của 6.

Hỏi: Bao nhiêu căn vô ký?

Đáp: Tám, ít phần của 5.

Hỏi: Bao nhiêu căn có dị thực?

Đáp: Một, ít phần của 10.

Hỏi: Bao nhiêu không dị thực?

Đáp: Mười một, ít phần của 10.

Hỏi: Bao nhiêu căn trợ bạn có dị thực?

Đáp: Ba căn rốt sau năng làm trợ bạn có pháp dị thực khả ái khiến triển chuyển sáng sạch mạnh mẽ, năng quyết định chiêu cảm dị thực là trời, người.

Hỏi: Bao nhiêu căn là dị thực?

Đáp: Một, ít phần của 9.

Hỏi: Bao nhiêu căn có chủng tử dị thực?

Đáp: Tất cả đều có.

Hỏi: Bao nhiêu căn chẳng phải dị thực?

Đáp: Mười hai, ít phần của 9.

Hỏi: Bao nhiêu căn là dị thực sanh?

Đáp: Cũng nhiếp thuộc tất cả chủng tử, vì dị

thục sanh khởi.

Hỏi: Bao nhiêu căn hệ buộc Dục giới?

Đáp: Bốn, ít phần của 15.

Hỏi: Bao nhiêu căn hệ buộc Sắc giới?

Đáp: Mười, ít phần của 5.

Hỏi: Bao nhiêu căn hệ buộc Vô sắc giới?

Đáp: Ít phần của 8.

Hỏi: Bao nhiêu căn không bị hệ buộc?

Đáp: Ba, ít phần của 9.

Hỏi: Vị chí địa có bao nhiêu căn khả đắc?

Đáp: Mười.

Hỏi: Nếu Vị chí địa mà có hỷ căn, cứ sao chẳng kiến lập hỷ của Sơ tinh lự địa?

Đáp: Do hỷ ở Sơ tinh lự địa có thể chuyển biến.

Hỏi: Hỷ có ở địa kia, vậy lấy gì làm chứng?

Đáp: Như Thế Tôn dạy: “Bí-sô như vậy ly sanh hỷ lạc thấm nhuần nơi thân, thấm nhuần trải khắp, hỷ duyệt trải khắp, không có chút phần nào mà không sung mãn. Như vậy gọi là ly sanh hỷ lạc”.

Trong đây môn ban đầu nói vị của Vị chí, môn sau nói về vị Căn bản.

Hỏi: Ở Sơ tinh lự địa, bao nhiêu căn khả đắc?

Đáp: Mười tám. Đệ nhị tinh lự địa cũng vậy.

Hỏi: Đệ tam tinh lự địa có bao nhiêu căn khả đắc?

Đáp: Mười bảy.

Hỏi: Đệ tứ tinh lự địa có bao nhiêu căn khả đắc?

Đáp: Mười sáu.

Hỏi: Không vô biên xứ địa có bao nhiêu căn khả đắc?

Đáp: Mười một. Như Không vô biên xứ địa, thì Thức vô biên xứ địa và Vô sở hữu xứ địa cũng vậy.

Hỏi: Phi tướng phi phi tướng xứ địa có bao nhiêu căn khả đắc?

Đáp: Tám.

Hỏi: Các căn nhiếp thuộc Sơ tinh lự địa gọi là hữu lậu hay vô lậu?

Đáp: Nên gọi cả hai chủng.

Như căn nhiếp thuộc Sơ tinh lự địa, cho đến các căn nhiếp thuộc Vô sở hữu xứ địa nên biết cũng vậy. Các căn nhiếp thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ địa gọi là hữu lậu. Đây ở trong phạm vi chủng loại mà nói. Nếu trong phạm vi tương tục thì phải nói cả hai chủng là hữu lậu và vô lậu. Lại

do giải thoát phiền não khiến các căn kia thành tánh vô lậu. Như hữu lậu, vô lậu, thì nên đoạn, không nên đoạn, thế gian, xuất thế gian nên biết cũng vậy.

Hỏi: Nếu sanh ở Dục giới thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm hết thấy.

Hỏi: Nếu sanh ở địa ngục thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Tám. Chủng tử hiện hành đều thành tựu. Trừ 3, còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Ba đây trong phạm vi hiện hành thì không thành tựu; trong phạm vi chủng tử, nếu thành tựu gọi là pháp Bát-niết-bàn, nếu không thành tựu gọi là không pháp Bát-niết-bàn. Ba chủng khác vì hiện hành thì không thành tựu, vì chủng tử thì thành tựu. Như sanh trong cõi địa ngục chỉ một hướng khổ, thì bằng sanh, ngã quỷ nên biết cũng vậy. Nếu cõi thọ vui khổ lẫn tạp, 3 chủng sau cũng hiện hành, thành tựu.

Hỏi: Nếu sanh trong cõi người, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm hết thấy. Như sanh trong cõi

người, thì sanh trong cõi trời cũng vậy.

Hỏi: Những người khuyết căn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ 5 căn, còn lại đều có đủ.

Hỏi: Những người đủ căn, thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Có tất cả.

Hỏi: Những người bán nữ thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ 5 căn, còn lại có đầy đủ.

Hỏi: Nữ thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 21 căn.

Hỏi: Nam thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Cũng có 21 căn.

Hỏi: Những người hai hình thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 19 căn.

Hỏi: Người đoạn thiện căn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Trừ 8 căn, còn lại đều có đủ.

Hỏi: Người không đoạn thiện căn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm hết thảy.

Hỏi: Các dị sanh thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Mười chín căn, trừ 3 căn sau cùng.

Hỏi: Những người kiến đế thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm hết thấy.

Hỏi: Hữu học thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 21 căn.

Hỏi: Vô học thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 19 căn.

Hỏi: Hương quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 20 căn.

Hỏi: Quả Dự lưu thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Cũng bao gồm 20 căn. Như quả Dự lưu, thì hương quả Nhất lai, quả Nhất lai, hương quả Bất hoàn nên biết cũng vậy.

Hỏi: Quả Bất hoàn thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 19 căn. Như quả Bất hoàn thì hương A-la-hán cũng vậy.

Hỏi: A-la-hán quả thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 19 căn.

Hỏi: Nếu sanh ở Sắc giới thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 18 căn.

Hỏi: Nếu sanh ở Vô sắc giới thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp: Bao gồm 11 căn.

Hỏi: Nếu ở Dục giới mất đi mà sanh trở lại Dục giới thì xả bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

Đáp: Trong phạm vi các căn có sắc: hoặc xả các căn khuyết, được các căn khuyết; hoặc xả các căn khuyết, được các căn đủ; hoặc xả các căn đủ, được các căn đủ; hoặc xả các căn đủ, được các căn khuyết; hoặc xả các căn kém, được các căn kém; hoặc xả các căn kém, được các căn diệu; hoặc xả các căn diệu, được các căn kém; hoặc xả các căn diệu, được các căn diệu hơn. Ý căn, mạng căn diệu, kém, xả, được, nên biết cũng vậy. Nếu các căn thọ diệu, kém, xả, được, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Đây trong phạm vi quả dị thực nên có sự sai biệt. Nếu các thiện căn trong phạm vi quả đẳng lưu, thì trước xả kém, về sau được diệu, vì không do sanh vậy; xả diệu được kém, vì về sau tà phương tiện vậy. Ba căn rốt sau ở tất cả vị đều trái với tướng sanh, nên không thuyết.

Hỏi: Từ Dục giới mất sanh ở Sắc giới, xả bao nhiêu căn, được bao nhiêu căn?

Đáp: Xả tất cả căn của địa dưới, được tất cả căn của địa trên. Như từ Dục giới mất sanh ở Sắc giới, thì từ Sắc giới mất sanh ở Vô sắc nên biết cũng vậy. Ba căn sau cùng do phương tiện chứng quả Sa-môn mà được, chẳng do chết mà sanh. Trước do lực tu tập nhậm vận giữ gìn, về sau quả đẳng lưu triển chuyển thành tự mà sanh. Lại đây năng làm duyên sanh quả dị thực khiến triển chuyển sáng sạch mạnh mẽ. Trong Ốt-Đà-Nam nói:

*Nghiệp, thật có, sắc thấy
Thiện thấy, dị thực thấy
Hoặc giới, hoặc các địa
Và tử, sanh, được, xả.*

Hỏi: Bao nhiêu căn do nghĩa cảnh giới mà được gọi là có nghĩa? Bao nhiêu chẳng phải?

Đáp: Hai một căn gọi là có nghĩa, một căn chẳng phải.

Hỏi: Bao nhiêu ở nơi phi sắc, nghĩa trợ bạn chuyển?

Đáp: Bảy sắc căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn sắc có phi sắc làm trợ bạn?

Đáp: Nghĩa căn còn lại.

Hỏi: Năm sắc căn có nghĩa gì?

Đáp: Cảnh của năm sắc... mỗi mỗi riêng biệt.

Hỏi: Căn thứ sáu có nghĩa gì?

Đáp: Tất cả pháp.

Hỏi: Nam, nữ căn có nghĩa gì?

Đáp: Nhân tương ưng dục, tức là nhiếp thuộc xúc.

Hỏi: Năm căn thọ có nghĩa gì?

Đáp: Tùy thuận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả xứ, tức là nghĩa sáu căn.

Hỏi: Tín căn có nghĩa gì?

Đáp: Sở hữu cảnh giới nên được, nên xả.

Hỏi: Tinh tấn căn có nghĩa gì?

Đáp: Tức là ở nơi hai chủng hoặc được hoặc xả đều không hãi sợ.

Hỏi: Niệm căn có nghĩa gì?

Đáp: Ở nơi văn, tư, tu, nhớ giữ chẳng quên mất.

Hỏi: Định căn có nghĩa gì?

Đáp: Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Tuệ căn có nghĩa gì?

Đáp: Sở tri chân thật.

Hỏi: Những gì là căn chưa biết muốn biết?

Đáp: Người tu hiện quán đế, từ dục thiện pháp trở về trước, ở trong tất cả phương tiện đạo, nên biết nghĩa của năm căn kia là nghĩa đây vậy.

Hỏi: Nghĩa gì là căn đã biết?

Đáp: Từ quả Dự lưu cho đến định Kim cương dụ. Nên biết nghĩa năm căn kia cũng tức là nghĩa đây.

Hỏi: Nghĩa gì là căn biết đầy đủ?

Đáp: Từ đạo vô học đầu tiên cho đến Vô dư Niết-bàn giới, nên biết nghĩa năm căn kia cũng tức là nghĩa đây.

Hỏi: Bao nhiêu căn hữu sắc lấy hữu sắc làm nghĩa?

Đáp: Bảy căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn vô sắc lấy hữu sắc, vô sắc làm nghĩa?

Đáp: Trừ mạng căn, còn lại tất cả căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn phi hữu sắc phi vô sắc lấy phi hữu sắc phi vô sắc làm nghĩa?

Đáp: Mạng căn, vì đây là pháp giả có.

Hỏi: Bao nhiêu căn có thể thấy, lấy có thể thấy làm nghĩa?

Đáp: Tất cả chẳng phải có thể thấy, bởi trong một hữu sắc, một phần lấy có thể thấy làm nghĩa, một phần còn lại chẳng phải hữu sắc.

Hỏi: Bao nhiêu căn có đối ngại, lấy có đối ngại làm nghĩa?

Đáp: Bảy căn hữu sắc và một phần còn lại vô sắc, không đối ngại.

Hỏi: Bao nhiêu căn hữu lậu, lấy hữu lậu làm nghĩa?

Đáp: Chỉ có 7, trừ 2 căn cuối cùng và căn khổ, ưu. Căn hữu lậu vô lậu còn lại lấy hữu lậu vô lậu làm nghĩa. Nên biết căn khổ hữu lậu vô lậu lấy hữu lậu làm nghĩa. Căn ưu hữu lậu lấy hữu lậu vô lậu làm nghĩa. Ở nơi căn chưa biết muốn biết, nếu xa quả Sa-môn nhiếp thuộc hành thế gian là hữu lậu; nếu gần quả Sa-môn, nhiếp thuộc hành thế gian là vô lậu.

Hỏi: Bao nhiêu căn hữu vi, lấy hữu vi làm nghĩa?

Đáp: Tất cả căn đều là hữu vi, lấy 8 căn hữu vi làm nghĩa, lấy căn hữu vi vô vi còn lại làm nghĩa.

Hỏi: Bao nhiêu căn hữu tránh, lấy hữu tránh làm nghĩa?

Đáp: Như đã thuyết căn hữu lậu, thì đây cũng vậy. Như đã thuyết về căn hữu tránh, nên biết căn có ái vị, nương đam mê vui thích thế gian, xuất thế gian... cũng vậy.

Hỏi: Bao nhiêu căn quá khứ, lấy quá khứ làm nghĩa?

Đáp: Trừ căn hữu sắc và căn khổ, một phần còn lại lấy quá khứ làm nghĩa. Nếu căn hữu sắc và căn khổ ở quá khứ chẳng phải lấy quá khứ làm nghĩa.

Hỏi: Bao nhiêu căn quá khứ lấy hiện tại làm nghĩa?

Đáp: Như đã thuyết thì chỉ có một phần, tức là căn ở quá khứ đây lấy vị lai làm nghĩa. Lại tức là căn ở hiện tại đây lấy quá khứ, vị lai làm nghĩa.

Hỏi: Bao nhiêu căn hiện tại lấy hiện tại làm nghĩa?

Đáp: Tất cả căn hữu sắc và căn khổ, kể cả một phần như trước đã thuyết. Lại một phần đây ở vị lai lấy quá khứ, vị lai, hiện tại làm nghĩa. Nếu các sắc căn ở vị lai chẳng phải lấy vị lai làm nghĩa.

Căn khổ cũng vậy.

Hỏi: Bao nhiêu căn hệ buộc Dục giới lấy hệ buộc Dục giới làm nghĩa?

Đáp: Bốn. Hai căn hệ buộc Dục, Sắc giới lấy hệ buộc Dục giới làm nghĩa. Ba căn hệ buộc Dục, Sắc giới lấy hệ buộc Dục, Sắc giới làm nghĩa. Hai căn hệ buộc Dục và không hệ buộc Sắc giới, lấy hệ buộc và không hệ buộc Dục, Sắc, Vô sắc giới làm nghĩa. Bảy căn hệ buộc và không hệ buộc Dục, Sắc, Vô sắc giới kia nghĩa cũng vậy. Một căn hệ buộc và không hệ buộc Sắc giới, lấy tất cả hệ buộc và không hệ buộc làm nghĩa. Hai căn không hệ buộc lấy tất cả hệ buộc, không hệ buộc làm nghĩa.

Hỏi: Bao nhiêu căn thiện lấy thiện làm nghĩa?

Đáp: Tám căn chỉ có thiện lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa. Năm căn thiện, bất thiện, vô ký lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa. Một căn thiện, bất thiện lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa. Năm căn vô ký lấy vô ký làm nghĩa. Hai căn vô ký lấy thiện, bất thiện, vô ký làm nghĩa.

Hỏi: Bao nhiêu căn học lấy học làm nghĩa, hết thấy như vậy?

Đáp: Chín căn học, vô học, phi học phi vô học

lấy ba chũng làm nghĩa. Bảy căn phi học phi vô học tức lấy đây làm nghĩa. Một căn thông ba chũng lấy phi học phi vô học làm nghĩa. Một căn phi học phi vô học lấy ba chũng làm nghĩa. Hai căn học lấy ba chũng làm nghĩa. Một căn vô học lấy ba chũng làm nghĩa.

Hỏi: Bao nhiêu căn kiến sở đoạn lấy kiến sở đoạn làm nghĩa, hết thấy như vậy?

Đáp: Mười bốn, một phần kiến sở đoạn, một phần tu sở đoạn. Mười hai, một phần tu sở đoạn, một phần chẳng phải sở đoạn. Tức là 14 căn bao gồm trừ 6 căn, 6 còn lại và 2 còn lại phi sở đoạn. Trong 14 căn đây, các căn hữu sắc lấy kiến, tu sở đoạn làm nghĩa; các căn vô sắc lấy ba chũng làm nghĩa, đó là kiến sở đoạn, tu sở đoạn và phi sở đoạn.

Hỏi: Bao nhiêu căn hiển nơi nghĩa tạp nhiễm xả?

Đáp: Trừ các căn thiện, vì chỗ hiển dụng các căn thiện ở nơi nghĩa thanh tịnh xả.

Hỏi: Bao nhiêu căn có nghĩa điên đảo?

Đáp: Trừ các căn thiện, sở hữu nghĩa của 6 căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn sở y điên đảo?

Đáp: Bảy sắc căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn tự tánh diên đảo?

Đáp: Ít phần của 6 căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn đối trị diên đảo?

Đáp: Tám căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn quán nghĩa lỗi lầm?

Đáp: Hoặc 8, hoặc 5, hoặc 1.

Hỏi: Nếu các hành kia cũng có bốn đức tương ưng khả đắc, sao chỉ quán là lỗi lầm? Gì là bốn đức? 1. Trụ bền vững đức, như trụ một uẩn trải qua một trăm năm, hoặc trụ đúng như vậy, hoặc vượt quá số năm đây; 2. Thế lực đức, đó là năng sanh vui và thanh tịnh hiện tại; 3. Chuyển biến đức, đó là vì tự tại chuyển trong việc dẫn nhập, tho dụng, buông xả; 4. Khả lạc đức, tức là vì nương điều nào đó sanh vô số vui đấm. Đây gọi là các hành có bốn tướng đức.

Đáp: Tuy kể thế gian đối với các pháp kia chấp lấy cho là công đức, nhưng tất cả pháp kia đều là sự triển chuyển của lỗi lầm.

Hỏi: Những gì gọi là các lỗi lầm?

Đáp: Vì chỉ trụ trong thời gian ngắn, không phải mãi mãi; vì ái vô thường trải khắp hiện có

được; vì có chết yếu vô thường hiện khả đắc, nên phải quán các hành lià đức thứ nhất.

Lại vì năng phát sanh chủng chủng khổ não hiện khả đắc, vì chủng chủng bất tịnh hiện khả đắc, nên quán các hành lià đức thứ hai.

Lại vì ở nơi lão, bệnh, tử... không thể tùy theo sở thích hiện khả đắc, nên quán các hành lià đức thứ ba.

Lại, phần của các côn trùng, thì loài heo, chó... cũng rất vui đắm bất tịnh hiện khả đắc, nên quán các hành lià đức thứ tư. Do các hành kia lià các đức, tương ưng với tất cả lỗi lầm, vậy phải quán hành kia đủ các lỗi lầm.

Hỏi: Sở y xứ của nhãn căn là gì?

Đáp: Thấy sắc là y xứ.

Hỏi: Cho đến sở y xứ của ý căn là gì?

Đáp: Riêng thủ lấy tự cảnh của mình là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của hai căn nam và nữ là gì?

Đáp: Tập dục là y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của mạng căn là gì?

Đáp: Từ lúc có hữu cho đến lúc hữu chết là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của các thọ căn là gì?

Đáp: Đối với các cảnh giới vừa ý, không vừa ý, hoặc yêu, hoặc ghét đều là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của tín căn là gì?

Đáp: Thú nhập thiện pháp là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của tinh tấn căn là gì?

Đáp: Đã nhập thiện pháp, hằng thường tu tập là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của niệm căn là gì?

Đáp: Chánh biết mà hành là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của định căn là gì?

Đáp: Tri kiến thanh tịnh là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của tuệ căn là gì?

Đáp: Phiền não vĩnh viễn đoạn là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của căn chưa biết muốn biết là gì?

Đáp: Chứng quả Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của căn đã biết là gì?

Đáp: Quả Sa-môn vô học cho đến định Kim cương dụ là sở y xứ.

Hỏi: Sở y xứ của căn biết đủ là gì?

Đáp: Phiền não không gián đoạn vĩnh viễn được đoạn trừ, tác chứng hiện pháp lạc trú, sở y vĩnh viễn diệt là sở y xứ.

Hỏi: Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Thân hữu sắc này do các cận bã thô mà thành, do bốn đại chủng tạo ra, do bất tịnh của cha mẹ hòa hợp mà sanh; lại nương chủng chủng thức ăn uống mà được sanh trưởng; lại thường nhờ vào áo quần, tắm gội, xoa bóp. Là pháp đoạn tiết, phá hoại, tan, diệt”?

Đáp: Nương 7 sắc căn mà tác thuyết như thế. Nên biết trong đây lược nói các căn hữu sắc của Dục giới.

Cú đầu “Thân hữu sắc này do các cận bã thô mà thành” nói về cộng tướng của kia. Cú thứ hai “do bốn đại chủng tạo ra” nói về tự tướng của kia. Ba cú kế “do... sanh trưởng” nói về tướng nhân của kia, đó là: nhân sanh, nhân nương và nhân đã sanh được tăng trưởng. Ba cú kế “thường nhờ vào áo quần, tắm gội, xoa bóp” nói về tướng biến chuyển của kia, đó là: việc làm vào lúc lạnh, việc làm vào lúc nóng và việc làm vào lúc mệt nhọc. Sau cùng có bốn cú “là pháp đoạn tiết, phá hoại, tan, diệt” nói về tướng biến hoại của kia: hai cú trước nói về sở tác hoạt động khiến bị bức tổn, hai cú sau nói về sở tác sau khi chết. Nên biết biến hoại đây hoặc do

tác động của vật khác, hoặc do tự nhiên.

Hỏi: Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Viễn hành và độc hành; Không thân ngủ ở hang”?

Đáp: Nương nơi ý căn. Do vì ở tiền tế không thể biết, duyên khắp tất cả cảnh sở tri, gọi là viễn hành. Vì các tâm mỗi mỗi tương tục lưu chuyển, vì không chủ tế, gọi là độc hành. Vì vô sắc, không thể thấy, không đối ngại, gọi là không thân. Vì y nương sắc, gọi là ngủ ở hang.

Hỏi: Nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Có tám điều khiến nam bị nữ trói buộc, đó là: nhảy múa, ca hát, mỉm cười, liếc mắt nhìn, dung mạo đẹp đẽ, qua lại, diệu xúc, tiết lễ”?

Đáp: Nương hai căn nam và nữ. Khi vui chơi bị bốn điều là thân hành, lời nói, vẻ mặt, ánh mắt tươi vui trói buộc. Khi thọ dụng cũng bị bốn điều là quyến rũ, tha thướt, mềm mại, hầu hạ trói buộc.

Hỏi: Nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Chúng sanh, sống còn, trụ, giữ và an ổn”?

Đáp: Nương mạng căn mà thuyết. Có các hơi thở nên gọi là chúng sanh. Tương ứng tư lự nên gọi là sống còn. Trụ hết thấy điều khác nên gọi là trụ.

Chuyển tăng thượng nên gọi là giữ. Không có bệnh nào nên gọi là an ổn.

Hỏi: Nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Bình chánh thọ, nhiếp thuộc thọ”?

Đáp: Nương căn hỷ, lạc. Lại là chỗ hiển tự tướng, cộng tướng, y chỉ tướng.

Như bình chánh... thì không bình chánh, chẳng phải bình chánh chẳng phải không bình chánh... tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Đối với chỗ Như Lai mà kiến lập phát sanh căn tịnh tín sâu chắc, người ấy sẽ dẫn dắt tất cả thế gian, hoặc các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm không như pháp khiến được giải thoát”?

Đáp: Nương tín căn mà thuyết. Đây hiển nghĩa tín kiên cố ở nơi thắng giải văn-tư-tu. Lại kiên cố đây tùy sự tin hiểu mà phương tiện hiển bày, đó là người nào có tín tối thượng thì người có trí còn chẳng thể lay chuyển, hà huống kẻ phàm nhân. Lại nghĩa kiên cố có sai biệt, đó là tín kiên cố đây do thắng giải thế gian khéo quyết định là thắng giải xuất thế gian căn bản, lại do thắng giải xuất

thế gian thanh tịnh mà được kiến lập, nên biết ở đây câu đầu là nêu ra, câu sau là giải thích.

Hỏi: Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Trụ siêng năng, dũng kiện mạnh mẽ ở nơi các thiện pháp, thường không xả thiện ách”?

Đáp: Nương tinh tấn căn mà thuyết. Tinh tấn căn đây lược hiển có 5 tướng sai biệt: 1. Mặc giáp tinh tấn; 2. Phương tiện tinh tấn; 3. Không lui tinh tấn; 4. Vô động tinh tấn; 5. Không vui đủ tinh tấn.

Hỏi: Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Niệm, đẳng niệm, tùy niệm, biệt niệm, không vọng niệm, tâm nhớ rõ không quên mất, pháp không quên không mất”?

Đáp: Nương niệm căn mà thuyết. Nghĩa sai biệt đây nên biết như trong phần *Nhiếp đi môn*.

Hỏi: Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Khiến tâm nội trụ, đẳng trụ, an trụ, cận trụ, điều thuận, tịch tĩnh, tối cực tịch tĩnh, chuyên chú theo một hướng, đẳng trì”?

Đáp: Nương định căn mà thuyết. Nghĩa sai biệt đây nên biết như trong phần *Thanh văn địa*.

Hỏi: Thế Tôn nương căn nào mà thuyết lời như vậy: “Chọn lựa, cực chọn lựa phân tích, tầm tư

toàn khắp, quán xét toàn khắp”?

Đáp: Nương tuệ căn mà thuyết. Nghĩa sai biệt đây nên biết như trong phần *Thanh văn địa*. Vì thiện căn nhiếp tín... Nghĩa sai biệt đây lại chẳng thể đắc.

Hỏi: Bao nhiêu căn lập thân niệm trụ?

Đáp: Bảy.

Hỏi: Bao nhiêu căn lập thọ niệm trụ?

Đáp: Năm.

Hỏi: Bao nhiêu căn lập tâm niệm trụ?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu căn lập pháp niệm trụ?

Đáp: Tám căn sau cùng và mạng căn.

Hỏi: Bao nhiêu căn trội hơn y xứ Khổ đế?

Đáp: Chín.

Hỏi: Bao nhiêu căn trội hơn y xứ Tập đế?

Đáp: Năm.

Hỏi: Bao nhiêu căn y xứ Diệt đế?

Đáp: Tất cả.

Hỏi: Bao nhiêu căn y xứ Đạo đế?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Hỏi: Nương bao nhiêu căn nghĩ thiện?

Đáp: Chín.

Hỏi: Nương bao nhiêu căn nói thiện?

Đáp: Mười.

Hỏi: Nương bao nhiêu căn làm thiện?

Đáp: Mười sáu. Như vậy nghĩ ác, nói ác, làm ác, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Bao nhiêu căn trội hơn y xứ nghiệp hoặc?

Đáp: Chín.

Hỏi: Nương bao nhiêu căn mà khởi nghiệp phiền não?

Đáp: Năm.

Hỏi: Nương bao nhiêu căn để đoạn nghiệp phiền não?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Hỏi: Do bao nhiêu căn khiến lãnh nạp sự kiết tường của thế gian, xuất thế gian?

Đáp: Trừ 2.

Hỏi: Do bao nhiêu căn khiến lãnh nạp tất cả kiết tường bại hoại?

Đáp: Mười một.

Hỏi: Do bao nhiêu căn năng dẫn kiết tường?

Đáp: Tám căn sau cùng.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Các kẻ thọ dụng lược có 5 pháp tạo tác năng sanh kiết tường là:

nhẫn nhục, nhu hòa, quán người, xả, hành hạnh hiền thiện và không phóng dật”.

Sao gọi là *nhẫn nhục*? Do rõ biết 3 chủng hành tướng: 1. Không phần nộ; 2. Không trả oán; 3. Không ôm lòng ác. Nếu phân biệt riêng thì có 10 chủng: 1. Nhẫn oán hại đã lãnh thọ; 2. Nhẫn oán hại hiện tiền; 3. Nhẫn lo sợ bị oán hại; 4. Nhẫn nhiều ích, oán ghét; 5. Nhẫn thân hữu tổn hại; 6. Nhẫn tất cả oán hại; 7. Nhẫn tất cả nhân oán hại; 8. Nhẫn oán hại do thọ sự dạy bảo; 9. Nhẫn oán hại do lực tư trách; 10. Nhẫn tự tánh oán hại. Tất cả như vậy gọi chung là *nhẫn* chịu trái hại.

Sao gọi là *nhu hòa*? Là tánh hiền thiện. Thân, ngữ, ý giúp đỡ che chở cho người. Đối với người không tội, hỷ lạc nếu chưa sanh khởi thì khiến sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì khiến giữ gìn. Đối với người có tội, ưu khổ nếu chưa sanh khởi thì ngăn chặn không sanh khởi, nếu đã sanh khởi thì phương tiện khiến ra khỏi đoạn trừ.

Trong đây, *nhẫn* nhục thì *nhẫn* chịu trái hại của người, *nhu* hòa thì không làm những việc tổn hại người. Đây là sự sai biệt của hai chủng.

Sao gọi là *quán người, xả*? Quán người ở 2 thời kỳ khác nhau: 1. Thời kỳ nhiếp thọ; 2. Thời kỳ sắp đặt.

Ở thời nhiếp thọ nên dùng 5 tướng quán sát người rồi sau mới nhiếp thọ: 1. Nương chân thật; 2. Kỹ năng; 3. Trí huệ; 4. Dấu vết hành; 5. Trong sạch.

Ở thời sắp đặt cũng quán sát 5 tướng của người rồi sau mới sắp đặt: 1. Kham năng ở nơi sự nghiệp, thì sắp đặt trong chỗ có sự nghiệp; 2. Kham năng ở nơi tư nghiệp, thì sắp đặt trong chỗ có tư nghiệp; 3. Kham năng ở nơi hòa nghiệp, thì sắp đặt trong chỗ hòa nghiệp; 4. Kham năng ở nơi tài nghiệp hộ thân, thì sắp đặt trong chỗ tài nghiệp hộ thân; 5. Kham năng ở nơi pháp nghiệp, thì sắp đặt trong pháp nghiệp.

Lược có năm xả: 1. Xả đất đai; 2. Xả tài vật; 3. Xả tùy nghi; 4. Xả ăn uống; 5. Xả tối thắng. Trong đây xả tướng mạo và xả vật dụng gọi là xả.

Sao gọi là *hành hạnh hiền thiện*? Là tánh không có hành vi cô phụ chống trái và không hư dối đối với người.

Không cô phụ chống trái lại có 5 chủng: 1.

Không trái phụ diên đảo; 2. Không trái phụ uy tín; 3. Không trái phụ thừa sự; 4. Không trái phụ giao ước; 5. Không phương tiện trái phụ khác.

Sao gọi là *không phóng dật*? Là tu tập các thiện pháp, phòng hộ tâm bất thiện, vì thông tương tương nhân quả phụ thuộc lẫn nhau. Nên biết đây có 5 chủng: 1. Không phóng dật cầu tài bảo; 2. Không phóng dật gìn giữ tài bảo; 3. Không phóng dật phòng hộ thân; 4. Không phóng dật gìn giữ danh dự; 5. Không phóng dật hành pháp.

Tất cả điều như thế tổng có 5 lực năng sanh kết tường: 1. Lực do hộ trì giới; 2. Lực do bạn lành tốt; 3. Lực không hư xấu; 4. Lực tín đáng tin cậy; 5. Lực pháp.

Nên biết kết tường cũng có 5 chủng: 1. Chúng yêu mến; 2. Phú quý tự tại; 3. Oán địch thối lui; 4. Sở y được nhiều ích; 5. Đến các đường thiện. Bốn chủng lực trước năng sanh khởi bốn chủng kết tường trước, còn lực thứ năm năng sanh chủng kết tường thứ năm.

Hỏi: Bao nhiêu căn chiêu cảm nghiệp phiền não?

Đáp: Tám.

Hỏi: Bao nhiêu căn làm duyên danh sắc?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu căn làm duyên xúc?

Đáp: Năm.

Hỏi: Bao nhiêu căn làm duyên sách tấn?

Đáp: Tám.

Hỏi: Bao nhiêu căn nên phòng hộ?

Đáp: Tám.

Hỏi: Bao nhiêu căn nên điều thuận tịch tĩnh?

Đáp: Một.

Hỏi: Bao nhiêu căn nên dừng dứt?

Đáp: Năm.

Hỏi: Bao nhiêu căn điều thuận tịch tĩnh, dừng dứt, lại năng điều phục tịch tĩnh, dừng dứt?

Đáp: Tám.

Sao gọi là các căn xả? Tức là đồng phạm giới địa, các căn diệt, sanh khởi khác.

Sao gọi là các căn khí? Tức là không đồng phạm giới địa, các căn diệt, sanh khởi khác.

Sao gọi là các căn đoạn? Tức là đoạn diệt tất cả phiền não hệ phược của kia.

Sao gọi là các căn thối? Tức là thế gian hưng thịnh, chỗ có hoại mất hoặc định hoặc sanh.

Hỏi: Các căn của Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát có gì sai khác?

Đáp: Lược có 5 chủng loại sai khác: 1. Phẩm loại sai khác; 2. Nhậm trì sai khác; 3. Dục sách sai khác; 4. Chánh hạnh sai khác; 5. Chứng đắc sai khác.

Phẩm loại sai khác: Sở hữu căn của chư Bồ-tát tánh phẩm thượng. Sở hữu căn của các Thanh văn, Độc giác tánh phẩm hạ, phẩm trung.

Nhậm trì sai khác: Sở hữu căn của chư Bồ-tát nhậm trì tất cả minh xứ thiện xảo. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác nhậm trì một phần minh xứ thiện xảo.

Dục sách sai khác: Sở hữu căn của chư Bồ-tát là do huân ược Đại bi. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác thì không như vậy.

Chánh hạnh sai khác: Sở hữu căn của chư Bồ-tát hiện tiền chánh hạnh tự lợi, lợi tha. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác hiện tiền tự lợi.

Chứng đắc sai khác: Sở hữu căn của chư Bồ-tát chứng đắc quả Đại Bồ-đề Vô thượng. Sở hữu căn của Thanh văn, Độc giác chứng đắc hai quả Bồ-đề là trung và hạ.

Hỏi: Nếu bổ-đặc-già-la nương hiện quán để tu Vị chí định, khi kia đắc quả, căn hỷ khởi ở Sơ tinh lự hiện tiền không khởi ư?

Đáp: Có một dạng bổ-đặc-già-la năng khởi, có một dạng không khởi. Nếu có bổ-đặc-già-la lợi căn có gốc thiện sung mãn làm trợ lực, vị này sẽ năng hiện khởi, chẳng phải dạng bổ-đặc-già-la khác.

Hỏi: Bao nhiêu căn nhập Sơ tinh lự?

Đáp: Tám căn. Ba căn sau cùng, một phần năng nhập, một phần không năng nhập.

Như Sơ tinh lự, thì Đệ nhị tinh lự, Đệ tam tinh lự cũng vậy. Đệ tứ tinh lự thì chẳng phải vậy. Ở Đệ tứ tinh lự và ở Vô sắc định có 7 căn năng nhập, vì 3 căn sau có một căn năng nhập, một căn không năng nhập.

Hỏi: Bao nhiêu căn đắc quả Dự lưu?

Đáp: Hoặc 1 căn, hoặc 8 căn.

Đắc quả Nhất lai có hoặc 2 căn, hoặc 9 căn. Căn ưu tuy sở y đạo, nhưng chẳng nhiếp thuộc đạo. Trong đây chẳng lấy thiện căn, vì chẳng trụ bền chắc. Ở đây cũng chẳng lấy. Nếu hành giả thông mà lấy thì tăng số lên vậy.

Hỏi: Bao nhiêu căn đắc quả Bất hoàn?

Đáp: Hoặc 2 căn, hoặc 11 căn. Đạo lý căn ưu nên biết như trước.

Hỏi: Bao nhiêu căn đắc quả A-la-hán?

Đáp: Hoặc 1 căn, hoặc 10 căn. Như kinh nói: “Ở nơi thượng giải thoát hy, cầu, ưu, thích”.

Sao gọi là hy? Người tu hành khởi niệm như vậy: “Đây là nơi các bậc Thánh năng an trụ đầy đủ”.

Sao gọi là cầu? Người tu hành khởi niệm như vậy: “Ở nơi xứ đây, ta sẽ an trụ đầy đủ”.

Sao gọi là thích? Chẳng sanh vui đủ ở nơi những điều chúng đắc thấp kém.

Sao gọi là ưu? Tâm sanh nhớ nghĩ đối với Vô thượng Bồ-đề.

Trong đây, Dự lưu và Nhất lai vì tất cả chủng đều đầy đủ, nên kiến lập căn ưu. Nếu quả Bất hoàn tuy có căn hy, cầu, nhưng hai căn khác là ưu, thích không có, cho nên không lập căn ưu, chỉ có dục thiện căn.

Hỏi: Nương tựa căn hỷ nhiều, có năng xả căn hỷ, căn ưu, căn xả không?

Đáp: Có, tức là vì nương xuất ly căn hỷ làm y chỉ, xả nương đắm thích ba căn.

Hỏi: Nương tựa căn ưu nhiều, xả căn ưu chẳng?

Đáp: Có, tức là vì nương xuất ly làm y chỉ, cho nên xả nương đắm thích.

Hỏi: Có y chỉ căn xả nhiều, xả căn xả chẳng?

Đáp: Có, tức là vì nương một tánh xả làm y chỉ, xả bỏ việc nương chủng chủng tánh xả. Vì không chỗ nương xả làm y chỉ nên xả. Khi nương một tánh xả đắc quả Dự lưu, căn chưa biết muốn biết cũng diệt cũng xả, chẳng phải do khởi mà bỏ, chẳng do đoạn, chẳng do thối. Khi đắc quả A-la-hán, đạo lý căn đã biết nên biết cũng vậy.

Hỏi: Bao nhiêu bổ-đặc-già-la có điều luyện căn?

Đáp: Tất cả hữu học và vô học tự phòng hộ giữ gìn năm điều không thối thất, kham đạt chủng tánh. Cũng chẳng phải chư Độc giác, cũng chẳng phải chư Bồ-tát, vì tánh lợi căn vậy.

Hỏi: Nếu lúc các bậc Dự lưu tu tập điều luyện căn, đã đắc điều luyện căn, cũng chứng quả Nhất lai chẳng?

Đáp: Chứng.

Hỏi: Cũng chứng quả Bất hoàn chẳng?

Đáp: Không chứng vì đối trị khó được vậy, vì

ngĩa nên đắc rất rộng sâu vậy.

Hỏi: Nếu khi các bậc Bất hoàn tu tập điều luyện căn, đã đắc luyện căn, cũng tiến đến ly dục chẳng?

Đáp: Cũng tiến đến.

Hỏi: Cũng chứng quả A-la-hán chẳng?

Đáp: Không chứng. Do vì nhân trước kia, nên chuyển căn rồi về sau tất cả đều chứng.

Hỏi: Có sao chuyển căn?

Đáp: Vì đối với căn bặt mỏng, không tiến, thì chẳng sanh vui đủ; vì vun bồi dẫn phát lực thắng định; vì vun bồi lực đa văn; vì vun bồi lực luận nghị quyết trạch; vì vun bồi lực quán sát pháp nhãn thâm sâu.

Hỏi: Sao nói là kiến lập ba căn là chưa biết muốn biết, đã biết và biết đầy đủ của chư Bồ-tát?

Đáp: Ở Thắng giải hành địa kiến lập căn thứ nhất. Ở Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa... kiến lập căn thứ hai. Ở Như Lai địa lập căn thứ ba.

Hỏi: Do viên mãn bao nhiêu chủng gọi là sự học viên mãn?

Đáp: Do viên mãn 3 chủng: 1. Viên mãn căn, đó là lợi căn; 2. Viên mãn định, gồm tám giải

thoát định; 3. Viên mãn quả, đó là quả Bất hoàn. Hàng vô học sẽ đắc hai viên mãn: 1. Viên mãn căn, đó là pháp bất động; 2. Viên mãn định, nên biết như trước. Tất cả vô học đều do viên mãn quả mà gọi là viên mãn.

Hỏi: Như thuyết: “Các căn không điều, không thủ, không hộ, không phòng, cũng không tu tập”. Tên gọi sai khác đây có nghĩa gì?

Đáp: Lược thuyết do 4 nhân duyên gọi là không điều phục các căn. Đó là vì lực chọn lựa phân tích làm nương tựa, ở các cảnh giới nếu các căn không phóng túng, liền khởi gia hạnh khiến không đuổi theo phóng dật. Nếu các căn bị cuốn theo phóng túng, liền khởi gia hạnh từ các căn kia phòng hộ phiền não khiến không hiện khởi. Vì lực đối trị đoạn làm nương tựa, tức là ở nơi các cảnh giới trước, tánh không còn đắm trước, tánh phiền não không hiện hành trở lại. Nếu các căn không có bốn sự điều phục, đó là do không thủ, do không hộ, do không phòng, do không tu, nên biết kia gọi là căn không điều phục. Nếu có bốn sự điều phục các căn đây, đó là bốn nhân duyên có thủ, có hộ, có phòng, có tu, nên biết gọi là điều phục cho đến tu tập.

Sao gọi là kẻ không điều phục năng dẫn phát nhiều sự khổ? Vì năng sanh 6 chủng khổ: 1. Khổ phát sanh do đắm chìm trong ưu não; 2. Khổ do bị người xua đuổi; 3. Khổ do bị người chê trách hủy báng; 4. Khổ do hối hận dày vò; 5. Khổ do sanh vào các đường ác; 6. Khổ do hết thấy các khổ sanh khởi. Nếu người nào khéo điều phục các căn, nên biết trái với sáu tướng khổ trên, đoạn dứt sáu chủng khổ, năng dẫn đến sự hỷ lạc.

Hỏi: Mười bốn chủng căn và 3 tụ hữu tình, thì 14 nhiếp 3, hay 3 nhiếp 14?

Đáp: Ba nhiếp 14, chẳng phải 14 nhiếp 3. Chẳng nhiếp những gì? Đó là ít phần ngoại xứ. Ba tụ hữu tình là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Hỏi: Năm căn và 3 thọ thì 3 nhiếp 5, hay 5 nhiếp 3?

Đáp: Xoay vần nhiếp lẫn nhau.

Hỏi: Năm căn và ba mươi bảy phẩm pháp giác, thì 5 nhiếp 37 hay 37 nhiếp 5?

Đáp: Ba mươi bảy nhiếp 5, chẳng phải 5 nhiếp 37. Chẳng nhiếp những gì? Đó là ngũ, nghiệp, mạng, hỷ, an, xả. Như vậy hoặc 6, hoặc 4, kia chỗ chẳng nhiếp.

Hỏi: Năm căn và 3 căn thì 5 nhiếp 3, hay 3 nhiếp 5?

Đáp: Ba nhiếp 5, chẳng phải 5 nhiếp 3. Chẳng nhiếp những gì? Đó là căn ý, lạc, hỷ, xả.

Hỏi: Chín biến tri bao nhiêu căn nhiếp?

Đáp: Chín biến tri đây nhiếp thuộc đoạn biến tri, chẳng phải nhiếp thuộc căn. Những gì là chín? Đoạn trừ kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Dục là biến tri thứ nhất. Đoạn trừ kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc là biến tri thứ hai. Đoạn trừ kiến diệt sở đoạn hệ buộc Dục là biến tri thứ ba. Đoạn trừ kiến diệt sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc là biến tri thứ tư. Đoạn trừ kiến đạo sở đoạn hệ buộc Dục là biến tri thứ năm. Đoạn trừ kiến đạo sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc là biến tri thứ sáu. Đoạn hạ phần kiết là biến tri thứ bảy. Tận trừ Sắc ái là biến tri thứ tám. Tận trừ Vô sắc ái là biến tri thứ chín.

Nên biết biến tri lược do 2 duyên mà được kiến lập: 1. Đoạn do thông đạt đế; 2. Đoạn do vĩnh viễn độ giới. Do tướng đồng phạm, giới chẳng đồng phạm và đồng phạm, nên lập 2 biến tri. Tướng chẳng đồng phạm, giới chẳng đồng phạm và đồng

phận, nên lập 4 biến tri. Vĩnh viễn độ giới liệt nên lập 1 biến tri. Vĩnh viễn độ giới trung nên lập 1 biến tri. Vĩnh viễn độ giới diệu nên lập 1 biến tri.

Hỏi: Các tướng tùy hảo, lực vô úy, pháp Phật bất cộng... nhiếp bao nhiêu căn?

Đáp: Thiết căn và y xứ bốn căn nhiếp lấy các tướng tùy hảo. Những gì là bốn? Thân căn, nam căn, nhãn căn và thiết căn. Huệ căn nhiếp lấy mười lực của Như Lai, trong thân Như Lai và toàn bộ tri căn. Năm căn nhiếp lấy bốn vô sở úy.

Như vô sở úy thì bất hộ cũng vậy. Ba chủng niệm trụ không phải căn, không nhiếp lấy căn, nhưng sáu căn dẫn dắt không tham không sân nhiếp lấy. Đại bi cũng căn dẫn dắt không tham không sân không si nhiếp lấy, không phải căn nhiếp lấy. Pháp vô vong thất nên biết như lực. Tất cả chủng diệu trí Phật cũng vậy. Vĩnh viễn đoạn tập khí không phải căn nhiếp lấy, nhưng sáu căn chứng đắc vĩnh viễn đoạn phiền não.

Hỏi: Sở hữu thô trọng của các phẩm phiền não, chư A-la-hán đã vĩnh viễn đoạn không sót thừa, lại có phẩm thô trọng nào mà A-la-hán chưa

đoạn? Vì đoạn thô trọng đây nên nói Như Lai vĩnh viễn đoạn tập khí ư?

Đáp: Phẩm thô trọng dị thực thì A-la-hán.. cũng chưa năng đoạn, chỉ có Như Lai gọi là đoạn rốt ráo.

Hỏi: Như kinh nói: “Có bốn chủng thực đều năng trưởng dưỡng các căn đại chủng”. Những gì gọi là bốn chủng thực? Sao gọi là trưởng dưỡng các căn đại chủng?

Đáp: Đoạn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Do bốn chủng đây năng trưởng dưỡng năm sắc căn và ý căn, bao gồm sở hữu đại chủng; mà căn nương.

Hỏi: Sao gọi là đoạn thực?

Đáp: Đó là các vật thực dùng để tống ăn, năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Trái với tướng trên nên biết chẳng phải thực. Như đoạn thực, các thực khác, chẳng phải thực nên biết cũng vậy.

Hỏi: Sao gọi là đoạn thực năng làm thức ăn, cho đến thức thực cũng vậy?

Đáp: Nếu các đoạn thực năng nhiếp ích cho thức khiến thức cường thịnh, do đây các căn đại

chúng cũng được trưởng dưỡng khiến mạnh mẽ. Xúc thực năng nhiếp thọ một phần hoặc hỷ, hoặc lạc, hoặc xả, do đây lại năng nhiếp tăng ích cho các thức; vì nhiếp tăng ích, lại năng trưởng dưỡng các căn đại chủng. Ý tứ thực, tức đây vì muốn chúng đắc tướng cảnh giới khả ái, nên nương chánh phương tiện khởi mong muốn nhiếp ô, chẳng nhiếp ô, căn hỷ duyên cảnh vị lai nhiếp tăng ích cho thức, do đây các căn đại chủng được trưởng dưỡng. Ba thực như vậy nhiếp tăng ích cho thức. Do thể tăng mạnh và duyên hiện tại vị lai thức sanh, thức lại trưởng dưỡng các căn đại chủng, vì vậy mà lập bốn thực.

Hỏi: Sao gọi thức và ý căn là thực?

Đáp: Do chỗ nhậm trì của sự gìn giữ ba thứ thực, nên càng về sau càng làm nhân tăng tịnh khiến kia được tăng trưởng.

Hỏi: Vì sao ngũ mộng, phạm hạnh, đẳng chí đều năng trưởng dưỡng các căn đại chủng mà không lập là thực?

Đáp: Có hai chủng trưởng dưỡng: 1. Nhiếp thọ là nghĩa riêng của trưởng dưỡng; 2. Không tổn hại là trưởng dưỡng. Hết thấy pháp như ngũ mộng... so

với trưởng dưỡng sau tuy năng trưởng dưỡng, nhưng đối với trước thì chẳng phải, cho nên không lập.

Hỏi: Vì sao mạng căn năng nhậm trì thân mà không lập là thực?

Đáp: Nếu lia thức uống ăn, kia trọn không thể trưởng dưỡng thân được.

Hỏi: Những gì gọi là đoạn thực thô?

Đáp: Nếu không phải cách ăn uống của cõi trời.

Hỏi: Những gì gọi là tế?

Đáp: Thực của cõi trời. Bởi khi kia ăn rồi, tức trong thân liền tự tiêu hóa, chẳng phải dần dần.

Hỏi: Những gì xúc, ý tư, thức thực gọi là thô?

Đáp: Nếu ở tại Dục giới.

Hỏi: Những gì gọi là tế?

Đáp: Hoặc ở Sắc giới, hoặc ở Vô sắc giới.

Hỏi: Những gì gọi là hữu tình đã sanh?

Đáp: Nếu ở hiện tại đã sanh tăng trưởng.

Hỏi: Những gì gọi là hữu tình cầu hữu?

Đáp: Nếu có mong cầu các hữu ở vị lai.

Hỏi: Những gì gọi là trụ?

Đáp: Nếu không tổn hại trưởng dưỡng.

Hỏi: Những gì gọi là an?

Đáp: Nếu nhiếp thọ trưởng dưỡng.

Hỏi: Hữu tình đã sanh, sao gọi là nhờ thực mà được an trụ?

Đáp: Nên biết đạo lý như đã thuyết ở trước.

Hỏi: Hữu tình cầu hữu, sao gọi là nhờ thực nhiếp thọ?

Đáp: Do ba môn mà hai chủng tạp nhiễm tăng trưởng, đó là nghiệp phiền não, hai chủng tạp nhiễm nường thức mà có. Do ba môn tạp nhiễm nuôi lớn thức, nên các kẻ cầu hữu sanh không gián đoạn nhiếp thọ hữu khác.

Hỏi: Giai đoạn nào đoạn thực mới được kiến lập là thực?

Đáp: Giai đoạn biến hoại hoặc ở giai đoạn thọ dụng mà được kiến lập. Xúc thực do nhiếp thọ kia mới được tăng ích. Cho nên đoạn thực nhiếp thuộc ba xứ là hương, vị và xúc mới kiến lập là thực, không lập là sắc xứ. Do vị kia lúc chín thì hết thấy mùi vị mới bị tổn ích. Hoặc có đoạn vật ở giai đoạn thọ dụng có sự tổn hại, ở giai đoạn biến hoại mới năng nhiếp lợi ích, như nhiếp ích cho sự khổ mệt. Hoặc có đoạn vật ở giai đoạn thọ dụng tạm là nhiếp ích, ở thời biến hoại bèn là tổn hại, như

những vật có sự ngon ngọt. Ở giai đoạn biến hoại mới lập là thực, chẳng phải thời thọ dụng.

Hỏi: Lại có nhiều pháp hành là nhân khiến trụ khả đắc, như do nghiệp thân thông đời trước, nhân duyên hòa hợp năng lìa chướng. Cớ sao chỉ thuyết 4 chủng đây là thực?

Đáp: Vì lấy phần nhiều, vì khiến dễ hiểu, vì khiến dễ thú nhập các niệm trụ, vì khiến dễ tư dưỡng hằng ngày, nên hiển bốn chủng đây là thực. Ở địa ngục không có đoạn thực. Chư thiên ở định địa cũng vậy. Các loài địa ngục do sự nhậm trì của nghiệp lực trước gây tạo mà được sống lâu, tuy có nhân duyên tổn hại các căn đại chủng rộng lớn mà chẳng thể chết. Kia có các gió vi tế tùy nhập vào thân phần, lấy đó làm thức ăn, khó có thể rõ biết cho nên không thuyết.

Hỏi: Các căn nương thân mà chuyển, cũng nương cảnh giới ư? Giả sử nương cảnh giới cũng là nương thân chuyển ư?

Đáp: Nếu căn nương cảnh giới tất nương thân chuyển. Nếu nương thân mà chuyển, thì chẳng phải nương cảnh giới. Như các căn hữu sắc đồng phận với kia, vì dụng các đại chủng làm chỗ nương, nên

nói là kia nương thân.

Hỏi: Nếu các căn có chỗ nương mà chuyển, tất cả căn đều chỉ có một chỗ nương mà chuyển ư?

Đáp: Hoặc có một chỗ nương là các căn hữu sắc đồng phận kia. Hoặc có hai chỗ nương là các căn hữu sắc đồng phận. Hoặc có ba chỗ nương: chỗ gọi là ý căn và tâm pháp vô sắc, các căn ở Hữu sắc giới. Nếu ở Vô sắc thì các căn đây chỉ có hai chỗ nương.

Hỏi: Các căn là khổ, tất cả đều hợp với tướng khổ ư? Giả sử hợp với tướng khổ ấy, tất cả đều là khổ ư?

Đáp: Hoặc các căn là khổ ấy mà chẳng hợp tướng khổ như căn lạc, căn hỷ. Hoặc các căn là khổ cũng hợp tướng khổ như căn khổ, căn ưu. Hoặc có căn là khổ mà chẳng phải tướng khổ lạc, như căn xả. Hoặc có các căn không phải khổ, cũng không phải tướng khổ, đó là ba căn sau cùng, vì đối trị khổ vậy.

Hỏi: Các căn là thiện cũng là căn dẫn lạc ư? Giả sử căn kia dẫn lạc cũng là căn thiện ư?

Đáp: Hoặc có căn là thiện mà chẳng dẫn lạc, đó là sở hữu căn thiện của người tu phạm hạnh

cùng với ưu khổ, ở hiện pháp không thể dẫn lạc. Hoặc có căn dẫn lạc mà chẳng phải là thiện, như các căn vô ký và căn bất thiện, ở hiện pháp năng dẫn vô ký và lạc nhiễm ô. Hoặc có căn là thiện cũng năng dẫn lạc, đó là sở hữu căn thiện của người tu phạm hạnh cùng với hỷ lạc, ở hiện pháp năng dẫn lạc. Hoặc có căn chẳng phải thiện cũng chẳng dẫn lạc, như các căn vô ký và căn bất thiện, ở trong hiện pháp năng dẫn các khổ.

Trong Ót-Đà-Nam nói:

Nghĩa, y xứ, chứng đắc

Nhiếp, thực do các câu.

Lại nữa, nghĩa nhiếp trì đầy đủ tất cả hành, do nghĩa nhiếp trì đầy đủ tất cả hành như vậy được gọi là *Uẩn*. Lại có nghĩa khác: năng tăng trưởng các nghiệp phiền não, do năng tăng trưởng các nghiệp phiền não như vậy nên gọi là *Uẩn*. Lại có nghĩa khác: thường có hành vi và chóng hoại diệt, do thường có hành vi và chóng hoại diệt như vậy nên gọi là *Uẩn*.

Nghĩa phát khởi các pháp, do phát khởi các pháp như vậy nên gọi là *Giới*.

Năng sanh trưởng, năng phát triển rộng các tâm, các tâm pháp là nghĩa dẫn dắt. Do năng sanh trưởng, năng phát triển rộng các tâm, các tâm pháp như vậy nên gọi là *Xú*.

Nhiều duyên nên tập khởi chóng hoại, do nhiều duyên như vậy nên tập khởi chóng hoại gọi là *Duyên khởi*.

Phát khởi hết thủy lý thú hướng, do khởi hết thủy lý thú hướng như vậy nên gọi là *Xú*. Nếu không phải lý thú hướng gọi là *Phi xú*.

Ở nơi sự thấy... tương ưng tự tại, do ở nơi sự thấy... tương ưng tự tại như vậy nên gọi là *Căn*.

Nên biết uẩn... lược do 6 nhân mà được kiến lập: 1. Thân thể kiến lập; 2. Nhân kia kiến lập; 3. Thân giả kiến lập; 4. Phương tiện kia chuyển kiến lập; 5. Tức ở nơi phương tiện kia chuyển thẳng, liệt kiến lập; 6. Tức thọ dụng kia tăng thượng kiến lập.

Lại lược hiển thị 6 chủng thiện xảo, vì khiến trừ 6 chủng tà chấp. Những gì là sáu? 1. Tà chấp về chỗ nương; 2. Tà chấp tự tánh Tự tại... nhân không bình đẳng; 3. Tà chấp ngã năng nắm giữ y chỉ; 4. Tà chấp tử sanh kia chuyển; 5. Tà chấp

phương tiện kia tịnh, bất tịnh; 6. Tà chấp chủ tế cảnh giới thọ dụng ái, chẳng ái.

Hỏi: Quán bao nhiêu thắng lợi khiến phân biệt, kiến lập, chọn lựa phân tích các pháp, tu tập thiện xảo?

Đáp: Lược có 10 chủng: 1. Biết khắp thân kiến... phân tích một tập hợp của tướng; 2. Ở nơi pháp có, vì hiện hữu, vì trụ, trước không nên phỉ báng; 3. Tự không nghi hoặc, trả lời ôn hòa khi được hỏi đến; 4. Người chưa tin khiến tin, đã tin khiến tăng trưởng, cũng khiến thánh giáo Như Lai cứu trụ; 5. Lại ngộ nhập đạo lý duyên khởi, năng hiểu rõ tự tánh Thích, Phạm, Thế chủ và sĩ phu... là không có tác giả, không thật tánh; 6. Lại khiến tuệ căn tăng trưởng quảng đại; đối với thiện, bất thiện nói rộng cho đến duyên sanh sai khác, như thật rõ biết; 7. Lại đối với pháp thiện, bất thiện nói rộng cho đến duyên sanh sai khác, vì tu tập tùy pháp hành pháp nên khéo trụ niệm; 8. Tức lấy niệm trụ làm chỗ nương, làm kiến lập sẽ chứng thiện tâm tánh nhất cảnh; 9. Lại dụng tâm tánh nhất cảnh đây làm chỗ nương, làm kiến lập khiến thánh huệ căn sẽ được sanh khởi; 10. Nương thánh

huệ căn năng đoạn vĩnh viễn điên đảo, tùy chứng lậu tận.

Do quán các thắng lợi như vậy, cho nên phân biệt, kiến lập, chọn lựa phân tích các pháp, tu tập thiện xảo.

Như vậy đã lược quyết trạch Năm thức thân địa và Ý địa. Ở trong hai địa, vẫn quyết trạch phần còn lại không hiển nói thêm.



Quyển 58

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết quyết trạch Năm thức thân tương ưng địa và Ý địa. Ta nay sẽ thuyết quyết trạch ba địa **Có tâm có tử địa, Không tâm chỉ có tử địa** và **Không tâm không tử địa**.

Hỏi: Cớ sao Diệm-ma gọi là Pháp vương, vì năng tổn hại chúng sanh hay vì năng nhiều ích chúng sanh? Nếu tổn hại chúng sanh mà gọi là Pháp vương thì không đúng đạo lý. Nếu nhiều ích chúng sanh thì nay nên thuyết tại sac nhiều ích?

Đáp: Bởi năng làm nhiều ích, chẳng năng tổn hại. Vì cớ sao? Nếu chúng sanh đến nơi ở của vua, Pháp vương liền hiện thân tương tự như kia, vì muốn khiến kia nhớ nghĩ nên bảo rằng: “Các người tự gây tạo nghiệp nên thọ quả này”. Do nhân duyên

đây nên các chúng sanh rõ biết tự mình tạo tác nghiệp trở lại tự thọ quả. Chúng sanh ở chỗ sứ giả Diệm-ma, bởi nghiệp lực tăng thượng mà thọ sanh nơi đây giống như biến hóa, không trở lại phạm tâm chúng sanh xưa, tâm không phản hại, tâm không sân khúể, chẳng lòng oán hận. Do đây không tích tập nghiệp mới khiến cảm địa ngục, nên nghiệp tận rồi thoát đường địa ngục. Như vậy Diệm-ma năng nhiều ích chúng sanh, nên gọi là Pháp vương. Nếu có chúng sanh sanh ở địa ngục nhớ mạng đời trước, Diệm-ma Pháp vương không lại giáo huấn. Nếu có kẻ thọ sanh đây rồi mà không nhớ mạng đời trước, vua liền dạy răn.

Lược có 3 chủng bổ-đặc-già-la sanh ở địa ngục không nhớ mạng đời trước: 1. Kẻ cực ngu si, đó là kẻ sanh nơi biên địa, không quán sát hiểu biết nên chuyển theo các ác; 2. Kẻ cực phóng dật, đó là kẻ thọ dục, đắm trước tăng thượng các dục, không quán sát hiểu biết nên chuyển theo các ác; 3. Kẻ cực tà kiến, đó là kẻ thành tựu tất cả các tà kiến phỉ báng, không quán sát hiểu biết nên chuyển theo các ác. Do chúng sanh kia chẳng thể tự nhiên nhớ nghĩ, nên phải nhắc lại khiến nhớ nghĩ.

Lại có 2 nhân duyên khiến nước trong đại hải mặn: 1. Vì chúng sanh sanh trong kia phước tăng thượng; 2. Vì một phần chúng sanh trong đất liền phi phước tăng thượng. Vì cơ sao? Bởi nước mặn, phi nhân bơi lội trong ấy và vô lượng chúng sanh nhỏ bé sanh trong đại hải không bị tổn hại. Lại ở trong đại hải có chủng chủng trân bảo sai biệt, nhờ nước đại hải mặn nên chúng sanh ở lục địa một phần khó lấy được.

Lại nữa, nay Ta sẽ quyết trạch **phiền não tạp nhiễm**. Nên biết như nghĩa phiền não tạp nhiễm đã thuyết, phiền não đây cũng do 5 chủng tướng mà kiến lập sai khác. Những gì là năm? 1. Vì tự tánh; 2. Vì tự tánh sai biệt; 3. Vì nhiễm, tịnh sai biệt; 4. Vì mê đoạn sai biệt; 5. Vì đối trị sai biệt.

1. **Tự tánh**: Lược có 2 chủng: **a**. Tánh kiến phiền não; **b**. Tánh không kiến phiền não.

2. **Tự tánh sai biệt**: Lược có 10 chủng: **a**. Tánh kiến phiền não có 5 chủng sai khác; **b**. Tánh không kiến kia cũng có 5 chủng. Tổng cộng có

mười chủng gọi là tự tánh phiền não sai khác.

a. Năm chủng tánh kiến: đó là thân kiến, chấp biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ.

Thân kiến: Ở nơi năm thủ uẩn, tâm chấp tăng trưởng, kiến ngã, ngã sở, gọi là thân kiến. Đây có 2 chủng: 1. Đồng sanh; 2. Phân biệt khởi. Đồng sanh tức là ở khắp tất cả từ ngu phu, dị sanh cho đến cầm thú đều năng hiện hành. Phân biệt khởi: do các ngoại đạo... kế chấp mà sanh khởi.

Chấp biên kiến: Ở nơi năm thủ uẩn, vì thân kiến lực tăng thượng, nên tâm chấp tăng trưởng, kiến ngã, kiến thường, kiến đoạn, gọi là chấp biên kiến.

Chấp biên kiến nhiếp thuộc thường kiến: Ở trong 62 kiến kế chấp tiền tế như luận thường, luận một phần thường và kế chấp hậu tế như các luận tướng, luận vô tướng và luận phi tướng phi phi tướng.

Chấp biên kiến nhiếp thuộc đoạn kiến: Đó là có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn hưng khởi bảy sự luận đoạn kiến. Chấp biên kiến đây chỉ có phân biệt khởi, không có đồng sanh, chỉ trừ kể từ trước

đến nay đã thường xuyên tập quen theo đuổi hết thủy chấp biên kiến... Tướng sai khác hoặc có phân biệt, hoặc không phân biệt như phần *Bản địa* đã rộng phân biệt.

Tà kiến: là tất cả kiến điên đảo, ở nơi sở tri sự điên đảo mà chuyển, tất cả đều gọi là tà kiến. Nên biết kiến đây lược có 2 chủng: 1. Tăng ích; 2. Tồn giảm.

Bốn kiến là thân kiến, chấp biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ đều gọi là tăng trưởng tà kiến. Chỗ có các kiến như phỉ báng nhân, phỉ báng dụng, phỉ báng quả, hủy hoại sự thật... tâm chấp tăng trưởng, tất cả đều gọi là tà kiến tồn giảm. Cho là không thí không thọ, cũng không tế tự, gọi là phỉ báng nhân. Cho là không có diệu hạnh, cũng không có ác hạnh, gọi là phỉ báng dụng. Cho là các nghiệp ác hạnh, diệu hạnh không có quả và dị thực, gọi là phỉ báng quả. Cho là không cha, không mẹ, không hóa sanh hữu tình, cũng không thế gian, không chân thật có A-la-hán vĩnh viễn tận các lậu, cho đến nói rộng, gọi là hủy hoại sự thật.

Lại tà kiến đây tức là kế chấp tiền tế như các

luận không nhân, có biên, không biên, luận bất tử kiểu loạn và kế chấp hậu tế như luận hiện pháp Niết-bàn... của Sa-môn, Bà-la-môn. Nên biết luận như vậy lấy thân kiến làm căn bản.

Như vậy, 62 kiến nhiếp thuộc ba kiến: thường kiến nhiếp lấy các chấp biên kiến, đoạn kiến nhiếp lấy các chấp biên kiến và các tà kiến.

Kiến thủ: Ở nơi 62 kiến, các kế chấp kiến thủ mỗi mỗi riêng cho kế chấp của mình là tối là thượng, là thắng là diệu. Do thuận theo thế lực chấp thủ, tùy khởi ngôn thuyết cho rằng chỉ đây là chân thật, ngoài ra đều là hư vọng, chỉ có kiến đây năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây gọi là kiến thủ.

Giới cấm thủ: Chỗ thọ trì thuận theo kiến thủ, thuận theo quyền thuộc của kiến thủ, theo pháp hoặc giới hoặc cấm của kiến thủ. Trong sự thọ trì các giới cấm, kế chấp cho là tối là thượng là thắng là diệu. Do thế lực chấp thủ mà tùy khởi ngôn thuyết, cho chỉ đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng, chỉ giới cấm đây năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây gọi là giới cấm thủ.

b. Năm chủng tánh không kiến: đó là tham, khuể, mạn, vô minh, nghi.

Tham: Tâm sở năng nắm giữ đắm trước làm tánh. Đây lại chia làm 4 chủng, đó là đắm trước các kiến, dục, sắc, vô sắc.

Khuể: Tâm sở năng tổn hại làm tánh. Đây lại có 4 chủng: sân khuể đối với hữu tình khác tổn hại kiến mình; sân khuể đối với hữu tình khác tổn hại kiến người; sân khuể đối với điều yêu thích mà không được làm nhiều ích; sân khuể đối với điều không yêu thích mà lại làm nhiều ích.

Mạn: Tâm sở cao cử làm tánh. Đây lại có 4 chủng: đối với các kiến, đối với các hữu tình, đối với sự thọ dụng dục và đối với các xứ hậu hữu sanh khởi.

Mạn đối với các hữu tình: có 3 loại mạn như trước đã thuyết.

Mạn đối với sự thọ dụng dục: tức là do hiện tại tài bảo nhiều, dòng tộc lớn, đồ chúng đông, nên tâm theo đó cao cử.

Mạn đối với xứ hậu hữu sanh khởi: tức là do kế chấp cho là *ta đang có* hoặc *chẳng có*, nói rộng cho đến *ta đang ở phi tướng phi phi tướng...* hoặc

hiện tiền lưu chuyển trong các đường ái, tạo tác hý luận động, bất động, cho nên tâm theo đó cao cử.

Lại mạn đây lược có 2 chủng: 1. Mạn hoặc loạn; 2. Mạn không hoặc loạn.

Mạn không hoặc loạn là ở nơi hạ liệt mà kế chấp cho mình là hơn. Ở nơi ngang bằng kế chấp ngang bằng mà sanh cao mạn.

Mạn hoặc loạn là 6 mạn khác nhau. Ở nơi sự thọ dụng vật dụng xấu kém, tự cho là vui giàu sang, gọi là mạn hoặc loạn. Ở nơi thọ dụng vật dụng thắng diệu, tự cho là vui giàu sang, gọi là mạn không hoặc loạn. Lại ở nơi tà hạnh mà cho là có được sự thù thắng về sau, gọi là mạn hoặc loạn. Ở nơi chánh hạnh mà cho là thù thắng về sau, gọi là mạn không hoặc loạn.

Vô minh: Ở nơi sở tri giác ngộ chân thật, tâm sở năng khuất lấp, năng chướng che làm tánh. Đây lược có 4 chủng: 1. Ngu không hiểu biết; 2. Ngu phóng dật; 3. Ngu nhiễm ô; 4. Ngu không nhiễm ô.

Nếu chỗ có vô trí do ở nơi nghĩa sở tri mà không thấy nghe hiểu biết, gọi là ngu không hiểu biết.

Nếu chỗ có vô trí do ở nơi nghĩa sở tri thấy nghe hiểu biết mà tán loạn quên mất nhớ nghĩ, gọi là ngu phóng dật.

Nếu chỗ có vô trí do tâm điên đảo, gọi là ngu nhiễm ô.

Nếu chỗ có vô trí do tâm không điên đảo, gọi là ngu không nhiễm ô.

Lại vô minh đây bao gồm 2 chủng: 1. Vô minh tương ứng với phiền não; 2. Vô minh độc hành. Chẳng thể không có ngu si mà khởi các hoặc, nên chỗ có vô minh tương ứng với các hoặc khác như tham... gọi là vô minh tương ứng với phiền não. Hoặc không có các phiền não triền như tham... nhưng do lực không như lý tác ý ở nơi các cảnh khổ đế... nên bổ-đặc-già-la sĩ phu độn huệ bị các sự chướng che mà không như thật giản trạch, tánh tâm sở trói buộc ám muội, gọi là vô minh độc hành.

Nghi: Tâm sở do dự ở hai phần mà không quyết định được làm tánh. Nghi đây do 5 tướng sai biệt mà được kiến lập, đó là tâm ôm lòng do dự ở trong đời khác, tác dụng, nhân, quả, các thật đế.

Như vậy đã thuyết 10 chủng phiền não, cũng

là duyên phiền não, cũng là duyên sự chuyển. Đó là mười phiền não đều cùng tất cả phiền não của tự địa triển chuyển duyên lẫn nhau, cũng duyên các sự hữu lậu của tự địa. Phiền não địa dưới năng duyên phiền não và sự của địa trên, chẳng phải phiền não địa trên năng duyên phiền não và sự của địa dưới. Như vậy phiền não triển chuyển duyên lẫn nhau và các hoặc của địa dưới năng duyên địa trên. Ở trong các sự đây, văn quyết trạch phần còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, đồng sanh của thân kiến chỉ có tánh vô ký luôn hiện hành, không gây cực tổn não cho mình cho người. Nếu phân biệt khởi của thân kiến, thì chấp kiên cố và trái với tướng trên. Ở Dục giới chỉ có tánh bất thiện. Nếu ở địa trên, do lực chế phục giữ gìn của Xa-ma-tha, do sự nhiếp thọ của nhiều pháp bạch tịnh, nên thành tánh vô ký, do nhiễm ô nên thể bị ẩn mất. Nương đạo lý đây, các phiền não còn lại tùy theo chỗ thích hợp mà biết.

Phiền não của Dục giới vì là nơi cư trú của các ác hạnh, nên nhiều tánh bất thiện. Lại bất thiện đây hội tụ đầy đủ ba nhân duyên sẽ đi vào đường

ác, khác đây thì bất định. Những gì là ba? Đó là tập quen rất nhiều các ác hạnh không giã. đoạn, kế chấp cho là công đức, không thấy đó là tội lỗi lớn, không thấy đó là tai họa lớn, mặc tình phát khởi là nhân duyên thứ nhất. Dụng phiền não đây làm chỗ nương, thân, ngữ, ý tạo tác và tăng trưởng các ác hạnh là nhân duyên thứ hai. Do phiền não đây nên đoạn trừ phẩm thiện khác, dạy trao phẩm bất thiện là nhân duyên thứ ba. Ngoài sở tác trước, nghiệp thuận thọ về sau năng đến cõi ác.

Lại mười phiền não đây ở phần *Ý địa* chỉ có bảy. Tham, khuể, vô minh cũng thông năm thức. Lại ở Dục giới, bốn kiến và mạn tương ứng với hỷ, xả. Tham tương ứng với lạc, hỷ, xả. Khuể tương ứng với khổ, ưu, xả. Tà kiến tương ứng với hỷ, ưu, xả. Nghi tương ứng với ưu, xả. Vô minh tương ứng với hết thấy năm căn. Nương đây có nhiều đạo lý tương ứng nhau, ngoài ra rất vi tế về sau sẽ rộng thuyết. Các địa trên thì tùy theo sở hữu căn, tức cùng với phiền não của địa đó tương ứng.

Lại mười phiền não kiến sở đoạn gọi là *vô sự*, vì sự sở duyên của kia chẳng phải thành thật

vậy. Phiền não còn lại là hữu sự vô sự, vì trái ngược với kia.

Lại tham cùng mạn do duyên một phần sự vừa ý hữu lậu mà sanh khởi. Khuể do duyên một phần sự không vừa ý mà sanh khởi. Cho nên ba phiền não đây do một phần mà sanh khởi gọi là thủ một phần. Phiền não còn lại là duyên thông nội ngoại ái, phi ái và trái với sự hữu lậu mà sanh, cho nên gọi kia là vào khắp hành.

Nếu thủ tất cả sự thuận theo phiền não như vậy, đồng hành phiền não, phẩm loại phiền não, thì gọi là tùy phiền não.

Tùy phiền não: Được kiến lập bởi bốn tướng sai khác: 1. Thông tất cả tâm bất thiện mà phát khởi; 2. Thông tất cả tâm nhiễm ô mà phát khởi; 3. Mỗi tâm bất thiện riêng khởi; 4. Tâm thiện, bất thiện, vô ký khởi, chẳng phải tất cả xứ, tất cả thời.

Không tà, không quý gọi là thông tất cả tâm bất thiện mà phát khởi.

Mười tùy phiền não là phóng dật, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, tà dục, tà thắng giải, tà

niệm, tán loạn, không chánh biết, đây thông tất cả tâm nhiễm ô mà phát khởi, thông tất cả xứ hệ buộc ba cõi.

Mười tùy phiền não là phân, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại, thì mỗi tâm bất thiện riêng khởi, tức là có một phiền não đầy phát khởi, ắt không có cái thứ hai sanh. Mười chủng như vậy đều hệ buộc Dục giới, ngoại trừ cuống, siểm, kiêu, do cuống và siểm đến Sơ tinh lự, kiêu thông ba cõi. Đây kể cả hai chủng trước. Nếu ở địa trên thì cuống và siểm chỉ là tánh vô ký.

Bốn tùy phiền não là tâm, tứ, ác tác, thù miên đây thông tâm thiện, bất thiện, vô ký mà phát khởi, chẳng phải tất cả xứ, tất cả thời. Nếu tâm cầu suy nghĩ quán sát quá lâu, khiến thân sanh mỗi mệt, tâm thất niệm, cũng khiến lao tổn, cho nên hai loại tâm và tứ đây cho đến Sơ tinh lự địa đều gọi là tùy phiền não. Ác tác và thù miên chỉ có ở Dục giới.

Lại nữa, có các tùy phiền não ở định địa, đó là: tâm, tứ, cuống, siểm, hôn trầm, trạo cử, kiêu, phóng dật, giải đãi... Sơ tinh lự địa có bốn chủng ban đầu, còn lại thông tất cả địa. Ở trong *Tạp sự*,

Thế Tôn thuyết về các tùy phiền não, nói rộng cho đến sâu, thán, ưu, khổ, tùy ưu não... sẽ rộng phân biệt trong phần *Nhiếp sự*. Tất cả tùy phiền não như vậy đều thuộc bốn tướng sai biệt như trên, tùy theo chỗ thích hợp nên biết nhiếp lẫn nhau.

Lại các tùy phiền não ở Dục giới nương 12 điều mới được triển chuyển. Những gì là mười hai? 1. Chấp đắm ác hạnh; 2. Đấu tranh kiện tụng; 3. Hủy phạm giới; 4. Thọ học tùy chuyển theo pháp không phải là bậc thiện nhân; 5. Tà mạn; 6. Đắm trước các dục; 7. Như pháp nghĩa đã nghe, tâm tư duy chắc thật; 8. Ở nơi nghĩa đã tư duy, trong tâm dừng nghỉ, phương tiện giữ gìn tâm; 9. Triển chuyển thọ dụng tài pháp; 10. Không cùng chung sống hỗn tạp; 11. Xa lìa ngọa cụ, phòng xá; 12. Các khổ nhóm họp.

Như tham trước đã thuyết cho đến tùy phiền não... đều lấy 12 điều đây làm chỗ nương, nên các tùy phiền não triển chuyển sai biệt.

Tham trước, sân khuể, ngu si nương điều thứ nhất mà chuyển. Phẫn... cho đến siểm, nương điều thứ hai mà chuyển. Không tà, không quý nương điều thứ ba mà chuyển. Cuống... cho đến mưu hại,

nương điều thứ tư mà chuyển. Kiêu trá... cho đến ác tác, nương điều thứ năm mà chuyển. Bất nhẫn, đam mê vui thích... cho đến tham trước, không bình đẳng, nương điều thứ sáu mà chuyển. Thân kiến, hữu kiến, vô hữu kiến nương điều thứ bảy mà chuyển. Tham dục... cho đến không tác ý, nương điều thứ tám mà chuyển. Luyến tiếc vui vẻ nương điều thứ chín mà chuyển. Tánh không chất trực, tánh không nhu hòa, tánh không chuyển theo đồng phận nương điều thứ mười mà chuyển. Tâm tư dục... cho đến tâm tư cư gia quyến thuộc ràng buộc nương điều thứ mười một mà chuyển. Sâu, thán.. nương điều thứ mười hai mà chuyển.

Lại nữa, vì năm kiến đây là tánh huệ, nên xoay vẫn không tương ưng nhau, vì tự tánh này chẳng tương ưng với tự tánh khác. Vì sân khúe và mạn, nghi lại trái nhau, nên không tương ưng nhau. Tham nhiễm khiến tâm ti tiện hạ liệt, kiêu mạn khiến tâm cao cử, cho nên tham và mạn lại xoay vẫn trái nhau.

Lại nữa, như điều đã thuyết thì các tùy phiền não đều là phẩm loại phiền não. Phóng dật cũng thuộc tất cả phẩm loại phiền não. Vì cơ sao? Vì lúc

ái nhiễm sanh nhiều phóng dật, cho đến lúc nghi cũng có phóng dật. Tham trước, xan, lận, kiêu, cao, trạo cử... đều thuộc phẩm loại tham, đều thuộc tham đẳng lưu. Phẫn, hận, nã, tật, hại... thuộc phẩm loại sân, thuộc sân đẳng lưu. Cuống, siểm... thuộc phẩm loại tà kiến, thuộc tà kiến đẳng lưu. Phú... thuộc phẩm loại siểm, tức là thuộc siểm đẳng lưu của kia. Tùy phiền não còn lại thuộc phẩm loại si, tức là thuộc si đẳng lưu. Chỉ ngoại trừ tầm tứ, vì tầm tứ thì tuệ tư duy làm tánh, giống như các kiến. Nếu tuệ nương tựa ý lời mà sanh, nhưng ở nơi cảnh sở duyên lại sợ hãi thúc đẩy xét tìm, dấu tuệ làm tánh nhưng gọi là tầm tứ. Nếu ở nơi các cảnh giới hành cảnh sơ sai vội vàng, tuệ nương tựa ý lời thô, gọi là tầm. Nếu ở nơi cảnh giới đây không vội vàng mà lại tìm tòi quán xét, tuệ nương tựa ý lời tế, gọi là tứ.

Đây gọi là phiền não tạp nhiễm do tự tánh sai biệt mà được kiến lập.

3. Do nhiễm, tịnh sai biệt: Như đã thuyết về gốc theo hai hoặc, thì lược do hai duyên khiến hữu tình bị nhiễm não: **a.** Do triền; **b.** Do tùy miên.

Phiền não hiện hành khởi gọi là triền. Chủng tử đây chưa được đoạn trừ, chưa bị tổn hại, gọi là tùy miên, cũng gọi là thô trọng. Lại ở tại vị không biết được nhận ra gọi là tùy miên. Ở tại vị biết được nhận ra gọi là triền. Nếu bổ-đặc-già-la có đủ các phược sanh ở Dục giới, thì thành tựu phiền não tùy miên của ba cõi. Nếu sở hữu dị sanh sanh ở Sắc giới, nhờ Xa-ma-tha nên thành tựu trong việc tổn phục phiền não tùy miên của Dục giới, nhưng chưa thành tựu việc tổn phục phiền não tùy miên của Sắc giới và Vô sắc giới. Nếu sở hữu dị sanh sanh Vô sắc giới, nhờ Xa-ma-tha nên thành tựu việc tổn phục phiền não tùy miên của Dục giới và Sắc giới, nhưng chưa thành tựu việc tổn phục phiền não của Vô sắc giới. Như đạo lý giới thì tùy theo đó mà địa cũng vậy. Các phiền não triền, nếu kẻ chưa ly dục tự địa phiền não, thì kia ở tự địa hiện khởi; nếu người đã lìa dục, tức không hiện khởi. Nếu ở địa dưới thì các triền địa trên cũng đều có được, chẳng phải ở tại địa trên mà nói là có được các triền địa dưới.

Hỏi: Bổ-đặc-già-la đủ tất cả phược, các phiền não triền khởi diệt, nhưng chưa xả. Các phiền não

hệ thuộc sự nào, ở quá khứ, ở vị lai hay ở hiện tại?

Đáp: Quá khứ đã hệ buộc nên không gọi là hệ. Chỉ ở hiện tại bởi chủng loại phiền não tùy miên đây, nên gọi là hệ. Nếu các phiền não đây hiện tiền khởi, cũng do triền, nên nói là hệ. Ở đời vị lai tùy miên và triền vì sẽ hệ buộc, nên cũng không được gọi là hệ. Như chủng loại đây, nên biết các phiền não còn lại cũng vậy. Như đây đủ phược, thì không đầy đủ phược cũng như vậy. Khác nhau ở chỗ phiền não khác gọi là hệ buộc.

Hỏi: Những người tu hành điều phục phiền não triền, phải điều phục thế nào?

Đáp: Vì dụng tu ba chủng lực đối trị, nên nói là điều phục phiền não triền: 1. Biết rõ tự tánh quá hoạn của phiền não; 2. Tư duy đối trị cảnh tướng sở duyên; 3. Dùng phẩm thiện thù thắng huân ướp thấm nhuần tương tục nơi tâm. Nên biết đây dụng chánh kiến làm đạo dẫn đầu, vĩnh viễn đoạn phiền não triền.

Hỏi: Những người tu hành lúc đoạn các phiền não là xả triền chãṅg, là xả tùy miên chãṅg? Do đoạn những gì mà nói là đoạn?

Đáp: Chỉ xả tùy miên, vì phiền não triền trước

đã xả. Chỉ do đoạn tùy miên nên nói là đoạn. Vì có sao? Tuy triền đã đoạn, nếu tùy miên chưa đoạn, phiền não triền lại hiện khởi. Nếu tùy miên đã đoạn, thì triền và tùy miên rốt ráo chẳng khởi.

Hỏi: Là đoạn quá khứ, là đoạn vị lai, hay là đoạn hiện tại?

Đáp: Chẳng phải đoạn quá khứ hay đoạn vị lai, hay đoạn hiện tại, nhưng nói đoạn chung ba đời. Vì có sao? Nếu ở quá khứ có tâm tùy miên, vì nhậm vận diệt, tánh kia đã đoạn thì lại đoạn cái gì? Nếu ở vị lai có tâm tùy miên, vì tánh chưa sanh, thể tức là không, sẽ đoạn cái gì? Nếu ở hiện tại có tâm tùy miên đây sát-na sau tánh không trụ, lại đoạn cái gì? Lại tâm có tùy miên và lìa tùy miên, hai tâm đó chẳng hòa hợp, cho nên hiện tại cũng chẳng phải đoạn hiện tại. Do hai nhân duyên, đó là từ người được nghe thuyết chánh pháp và bên trong như lý tác ý, nên tương ưng chánh kiến, tùy theo các hoặc sở trị mà tâm năng trị sanh khởi, các tâm có tùy miên diệt; tức là khi tâm đây sanh thì tâm kia diệt. Nên biết đạo lý sanh diệt đối trị bình đẳng. Tâm năng đối trị tương ưng chánh kiến, nên đời hiện tại không có tùy miên, đời quá khứ

cũng không có tùy miên, sát-na sau lìa tâm tùy miên nên đời vị lai cũng không có tùy miên. Từ đây về sau, ở trong thân tương tục đã chuyển y, đã đoạn tùy miên, sở hữu về sau đắc tâm thiện, vô ký nhiếp thuộc thế gian. Ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều lìa tùy miên nên cả ba đời đều nói là đoạn. Đây gọi là kiến lập nhiệm tịnh sai biệt của phiền não tạp nhiễm.

4. Kiến lập mê, đoạn của phiền não tạp nhiễm: Lược có 15 chủng. Ở hệ buộc Dục giới có năm chủng là các lậu kiến khổ, tập, diệt, đạo để sở đoạn và các lậu tu sở đoạn. Như hệ buộc Dục giới, thì hệ buộc Sắc giới, hệ buộc Vô sắc giới mỗi mỗi cũng có năm. Như vậy tổng cộng là 15 chủng.

Ở Dục giới, mê khổ đế có 10 phiền não, mê tập đế có 8, trừ thân kiến và chấp biên kiến. Như mê tập đế, thì mê diệt đế, mê đạo đế cũng lại như vậy. Mê các đế của các giới cao hơn, trừ sân khuể, tùy theo thứ lớp cũng như mê ở Dục giới.

Mê khổ đế có 10 tùy miên: Lược có năm thủ uẩn gọi chung là khổ. Ngu phu ở trong năm thủ

uẩn đây mà khởi 20 cú thân kiến, 5 cú ngã kiến, còn lại là ngã sở kiến. Đây gọi là mê khổ thân kiến.

Lại tức dụng thân kiến làm chỗ nương, ở nơi năm thủ uẩn kiến ngã đoạn, thường. Cho nên chấp biên kiến cũng là mê khổ.

Lại các tà kiến như không thí... cho đến không có nghiệp quả diệu hạnh, ác hạnh và dị thực đều là mê khổ đế. Lại có tà kiến cho là hữu tình hóa sanh, bác bỏ không có cha mẹ. Tà kiến như vậy, một phần mê khổ, một phần mê tập. Lại có các ngoại đạo phỉ báng Khổ đế, khởi đại tà kiến: “Sa-môn Kiều-Đáp-Ma vì chúng đệ tử tuyên nói Khổ đế, đây nhất định không có”. Tà kiến như vậy cũng là mê khổ đế. Lại có các kiến vọng kế chấp cho là Tự tại, Thế chủ, Thích, Phạm và vật loại khác là thường, là hằng, là không biến đổi. Tà kiến như vậy cũng là mê khổ đế. Lại có các kiến kế chấp biên, không biên, như vậy cũng gọi là mê khổ tà kiến. Lại có Sa-môn, Bà-la-môn tà kiến một phần kiêu loạn bất tử, cũng là mê khổ đế.

Lại có kiến thủ kế chấp hư vọng mê khổ, cho sở hữu các kiến đây là bậc nhất, năng khiến thanh

tĩnh giải thoát xuất ly. Như vậy gọi là mê khổ kiến thủ.

Lại có chấp thủ hư vọng thuận theo kiến đây, cho thọ giới cấm là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Giới cấm thủ đây cũng là mê khổ đế.

Lại có các ngoại đạo ở nơi các kiến đây không nhất định tín nhận tin thọ, cũng không nhất hướng phỉ báng chỗ kiến lập khổ đế Như Lai, nhưng lại ôm lòng do dự đối với khổ đế đây. Đây và các khổ do dự còn lại là mê khổ nghi.

Lại tự mình khởi kiến như vậy mà yêu quý chấp đắm kiên cố, như kiến tham, đây là mê khổ tham.

Lại ở nơi phát khởi kiến của người, tâm ôm lòng trái tổn là mê khổ khuể.

Lại giữ kiến đây sanh tâm cao cử là mê khổ mạn.

Lại không hiểu biết các kiến đây và tương ưng phiền não như nghi tham, hoặc chỉ ở nơi khổ không hiểu biết độc hành, gọi là mê khổ vô minh.

Mười loại phiền não đây đều là mê khổ đế, kiến khổ sở đoạn.

Mê tập đế có 8 tùy miên: Có các Sa-môn, hoặc Bà-la-môn sanh khởi tà kiến phỉ báng nhân. Hoặc có các Sa-môn, các Bà-la-môn kế chấp Tự tại... là người sanh ra, là người hóa ra, người làm ra tất cả vật. Đây là sở hữu tà kiến của luận ác nhân.

Lại có tà kiến cho là không thí, không thọ, cũng không có tế tự, cũng không có diệu hạnh, không có ác hạnh. Lại có ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn phát khởi một phần tà kiến kiểu loạn bất tử. Lại có tà kiến phỉ báng Tập đế, đó là các ngoại đạo kế chấp tác lời như vậy: “Như Sa-môn Kiều-Đáp-Ma kia vì chúng đệ tử mà thuyết Tập đế, điều này quyết chắc không có”. Hết thấy kiến như thế là do mê tập đế nên khởi tà kiến.

Lại có kiến thủ chấp lấy các kiến kia là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây do mê tập đế nên khởi kiến thủ.

Lại thuận theo kiến đây cho việc thọ các pháp giới cấm thủ là bậc nhất. Giới cấm thủ đây là do mê tập đế. Tham nghi... còn lại nên biết như trước.

Tám chủng loại phiền não tùy miên như vậy do mê tập đế, kiến tập sở đoạn.

Mê diệt đế có 8 tùy miên: Có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn kế chấp biên, không biên. Lại có các kiến một phần kiểu loạn bất tử.

Lại có sở hữu tà kiến của các Sa-môn, Bà-la-môn kế chấp luận hiện pháp Niết-bàn. Lại có tà kiến phỉ báng cho là thế gian không có chân A-la-hán, rộng thuyết cho đến không có hai đức của A-la-hán là đoạn và trí. Trong đây chỉ lấy tà kiến phỉ báng đoạn. Lại có tà kiến phỉ báng Diệt đế, đó là các ngoại đạo như trước đã nói rộng. Lại có sở hữu các tà kiến kế chấp ngang ngược các tà giải thoát. Các kiến như vậy là do mê diệt đế nên phát khởi tà kiến.

Lại có các kiến thủ chấp các kiến kia cho là bậc nhất, nói rộng như trước. Đây do mê diệt đế nên phát khởi kiến thủ.

Lại thuận theo kiến kia cho việc chấp thọ các pháp giới cấm thủ là bậc nhất, nói rộng như trước. Đây là do mê diệt đế nên phát khởi giới cấm thủ. Ngoài ra tham... nên biết như trước. Sân khuể thì đối với diệt đế khởi tâm kinh sợ, khởi tâm tổn hại, khởi tâm khuể não. Sân khuể như vậy là mê diệt đế.

Tám loại phiền não tùy miên như vậy là mê diệt đế, kiến diệt sở đoạn.

Mê đạo đế có 8 tùy miên: Đó là phỉ báng thế gian không có chân thật A-la-hán, cho đến nói rộng, trong đây sở hữu phỉ báng Nhất thiết trí là đạo dẫn dắt hữu vi vô lậu. Nên biết kiến đây do mê đạo đế mà khởi tà kiến. Lại có các Sa-môn, Bà-la-môn có tà kiến một phần kiểu loạn bất tử, cũng là mê đạo đế. Lại có các ngoại đạo có tà kiến phỉ báng đạo, cho là Sa-môn Kiều-Đáp-Ma vì chúng đệ tử thuyết đạo xuất ly, đây chẳng thật xuất ly. Do đây chẳng thể tận xuất ly khổ. Phật thi thiết vô ngã kiến và tùy pháp thọ trì giới cấm là đạo tà ác, chẳng phải đạo chánh diệu. Như vậy cũng gọi là mê đạo tà kiến. Lại các ngoại đạo kia tác kế chấp như vậy: “Sở hành của ngã... hoặc hành hoặc đạo là chân hành đạo, năng tận dứt, năng ra khỏi tất cả khổ”. Như vậy cũng gọi là mê đạo tà kiến.

Lại có kiến thủ kế chấp tà kiến kia, là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly, gọi là mê đạo kiến thủ.

Lại thuận theo kiến kia cho việc thọ các pháp

giới cấm thủ là bậc nhất, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đây gọi là mê đạo giới cấm thủ. Ngoài ra tham... là mê đạo phiền não.

Như đạo lý mê diệt đế, nên biết tám chủng phiền não tùy miên mê đạo đế, kiến đạo sở đoạn cũng vậy.

Như vậy đã thuyết các lậu kiến sở đoạn.

Các lậu tu đạo sở đoạn: Sân khuể của Dục giới và ba chủng tham, mạn, vô minh của ba cõi do phải trường thời tu tập chánh đạo mới năng đoạn được, cho nên gọi là tu đạo sở đoạn. Lại phiền não của vô lượng địa giới kia đều có ba phẩm là hạ, trung, thượng. Đạo năng đoạn cũng có ba phẩm: tu đạo phẩm hạ năng đoạn các lậu phẩm thượng, trung năng đoạn trung, đạo thượng năng đoạn hạ.

Lại người kia tu đạo các lậu sở đoạn, mà trường thời kiên cố ở nơi sự hữu lậu nhậm vận chuyển theo, thì ở nơi mê của mình khó thể giải thoát. Như vậy gọi là kiến lập mê-đoạn sai biệt của phiền não tạp nhiễm.

Lại như đã thuyết, các lậu phiền não kiến sở đoạn và tu sở đoạn nên biết lược có 5 loại sở duyên:

1. Duyên cảnh sự do tà phân biệt sanh khởi; 2. Duyên cảnh kiến; 3. Duyên cảnh cấm giới; 4. Duyên cảnh danh do tự phân biệt sanh khởi; 5. Duyên cảnh sự tự nhậm vận kiên cố.

Trong đây, nếu sở hữu các lậu do duyên cảnh sự khổ, tập mà sanh khởi, thì gọi là duyên cảnh sự do tà phân biệt khởi. Các lậu kiến đoạn như kiến thủ tham... trừ nghi, gọi là duyên cảnh kiến; giới cấm thủ là duyên cảnh giới cấm. Sở hữu các lậu duyên cảnh diệt, đạo và duyên cảnh giới không đồng phạm, gọi là duyên cảnh danh do tự phân biệt khởi. Vì cơ sao? Vì chẳng phải phiền não đây năng duyên diệt, đạo, cũng chẳng năng duyên giới không đồng phạm, cũng chẳng phải không sở duyên. Các lậu tu sở đoạn là duyên cảnh sự tự nhậm vận kiên cố.

5. Kiến lập đối trị sai biệt phiền não tạp nhiễm: Lược có 4 chủng: *a.* Đối trị tương tục thành thực; *b.* Đối trị cận đoạn; *c.* Đối trị một phần đoạn; *d.* Đối trị toàn phần đoạn. Trong *Thanh văn địa* đã thuyết đầy đủ.

Mười ba chủng tư lương đạo gọi là đối trị tương

tục thành thực như trong *Thanh văn địa* đã thuyết đầy đủ. Noãn, đảnh, nhãn, pháp thế đệ nhất, thiện căn phần quyết trạch gọi là đối trị cận đoạn. Kiến đạo gọi là đối trị một phần đoạn. Tu đạo gọi là đối trị toàn phần đoạn.

Hỏi: Bậc tiến lên kiến đạo của bậc Thánh, trí hành có tướng gì? Do bao nhiêu tâm khiến kiến đạo đặc rõ ráo? Sao gọi là nên xả *hoặc kiến sở đoạn*? Dùng đốn hay tiệm?

Đáp: Chỗ có trí hành của bậc tiến lên kiến đạo thì xa lìa nhóm tướng. Bấy giờ thánh trí tuy duyên nơi khổ, nhưng ở nơi sự khổ mà không khởi phân biệt “đây là khổ”, rồi nắm giữ tướng ấy mà chuyển. Như nơi khổ đế, thì nơi tập, diệt, đạo cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ, ở trong thế tục trí quán các đế trước kia, tất cả tướng tướng đều được giải thoát, trí tuyệt dứt hý luận, chỉ nghĩa duyên lý chân như, lìa tướng mà chuyển. Ngay khi ấy trí hành như vậy.

Do hai đạo lý mà kiến đạo được kiến lập: 1. Kiến lập đạo lý rộng lưu bố thánh giáo có hý luận; 2. Kiến lập đạo lý thẳng nghĩa do nội chứng lìa hý luận.

Vì nương kiến lập ban đầu lực tăng thượng, nên thuyết phẩm pháp trí có bốn chủng tâm và phẩm loại trí cũng có bốn chủng tâm. Lúc bấy giờ tùy theo chỗ thích hợp mà tám chủng tâm chuyển. Như vậy nói chung gọi là chỗ hiển một tâm duy chỉ thuần nhập Xa-ma-tha địa không gián đoạn. Như vậy tổng lược có chín chủng tâm khiến kiến đạo rất ráo. Tùy lúc ấy như chỗ thi thiết liễu biệt rất ráo tướng của khổ đế, tức lúc ấy gọi là một tâm.

Vì nương kiến lập thứ hai lực tăng thượng, nên thuyết có một tâm, đó là chỉ nương một loại tâm tương ứng chứng chân như trí, kiến đạo rất ráo. Trong đây cũng có đạo Xa-ma-tha, nên biết như trước.

Lại lập hai phần phiên não tùy miên sở đoạn của vị kiến đạo: 1. Đuối theo sắc thanh tịnh; 2. Đuối theo tâm, tâm sở. Do trong kiến đạo Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na chuyển vận song song, Thánh đệ tử đồng thời năng xả, dụng hai đạo Chỉ và Quán đây mà đoạn trừ tùy miên. Quán đoạn trừ phần tùy miên thứ nhất, Chỉ đoạn trừ phần tùy miên thứ hai. Ngang đây kiến đạo gọi là đến rất ráo.

Nếu nói phẩm Tỳ-bát-xá-na nhiếp lấy các trí

kiến đoạn trừ tùy miên đuổi theo sanh khởi, thì lẽ không được gọi là thể tánh đối trị. Do nhân duyên đây nên đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Bạc tùy tín hành, bạc tùy pháp hành lúc nhập kiến đạo gọi là bổ-đặc-già-la hành thứ sáu, hành vô tướng. Chẳng phải được năm tên gọi là bổ-đặc-già-la tín, thắng giải, kiến đắc thân chứng, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Do vị kia ở nơi diệt an trụ tướng tịch tĩnh, nên gọi vị kia là trụ vô tướng. Ví như lương y nhỏ mũi tên độc. Biết ung nhọt đã chín mũi liền dùng dao bén mổ, mũi ra dần nhưng chưa hết. Về sau lại mổ rộng hơn, xoa bóp đều quanh, mũi ra hết nhưng chưa thật sạch sẽ. Miệng vết thương vẫn mở, vì khiến lành nên lại dùng vải băng kín, như vậy dần dần bắp thịt được lành. Dùng ví dụ đây để dễ dàng liễu nghĩa kia hơn. Trong đây, nghĩa như ung nhọt đã mũi nên biết cũng như các lậu đã đến lúc đoạn trừ. Như dùng dao bén mổ, thì phẩm Tỳ-bát-xá-na nhiếp lấy kiến đạo cũng vậy. Như mổ rộng vết thương, xoa bóp đều quanh, thì phẩm Xa-ma-tha nhiếp lấy kiến đạo cũng vậy. Như mũi, thì tất cả tùy miên lậu sở đoạn của vị kiến đạo cũng vậy. Như vết thương chưa sạch hẳn, chưa khít thì sự lậu của

các lậu sở đoạn ở vị tu đạo cũng vậy. Như dùng vải băng kín, thì tu đạo cũng vậy.

Nếu các dị sanh ly dục Dục giới hay dục Sắc giới, chỉ là tu đạo, không có kiến đạo. Khi người kia đắc ly dục Dục giới, thì tham dục, sân khuể và các pháp thân cận kiêu mạn, chỗ gọi phiền não tương ứng với vô minh không hiện hành, nên đều gọi là đoạn, chẳng phải như thân kiến sở đoạn của vị kiến đạo. Do các hoặc kia vẫn trụ nơi thân đây, từ định khởi rồi có lúc hiện hành, chẳng phải người sanh địa trên mà kia hiện khởi trở lại. Như vậy dị sanh ly dục Sắc giới như chỗ thích hợp trừ sân khuể, thì phiền não khác nên biết cũng vậy. Sở hữu các lậu kiến sở đoạn của tự địa, hoặc định, hoặc khởi, hoặc sanh, ở tất cả thời nếu gặp duyên sanh liền hiện tại tiền.

Lại lược có 2 chủng thô trọng: 1. Lậu thô trọng; 2. Hữu lậu thô trọng.

Lậu thô trọng: khi phiền não sở đoạn ở vị tu đạo của bậc A-la-hán... đoạn trừ, đều vĩnh viễn là hết thấy tùy miên, tánh không an ổn, tánh không kham năng có trong thân hữu thức.

Hữu lậu thô trọng: khi tùy miên đoạn, thì tất

cả từ lậu sanh khởi, chỗ huân tập phát sanh lậu, tánh sở đắc trước kia, tánh không an ổn, tánh nương gá, tánh không kham năng và những tánh tương tự với kia, thấy đều bạt trừ. Lại hữu lậu thô trọng đây gọi là tập phiền não. A-la-hán và Độc giác chưa năng đoạn dứt, chỉ có Như Lai năng rốt ráo đoạn. Cho nên nói kia là vĩnh viễn đoạn tập khí, pháp Phật bất cộng.

Như vậy gọi là phiền não tạp nhiễm do 5 chủng tướng sai biệt mà được kiến lập.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Tham phân biệt hư vọng gọi là dục của sĩ phu”. Bởi nhân duyên nào duy chỉ có phiền não dục được gọi là dục, chẳng phải sự dục?

Đáp: Vì tánh của phiền não dục là nhiễm ô. Lại chỉ có phiền não dục năng thúc đẩy sự dục. Lại phiền não dục phát động sự dục khiến sanh chủng chủng quá hoạn tạp nhiễm. Đó là những kẻ sở hữu tham hư vọng phân biệt mà chưa biết chưa đoạn, trước chịu sự thiêu não của ái dục. Vì ái dục thiêu đốt nên truy cầu các dục. Vì truy cầu dục nên thân tâm thọ chủng chủng bệnh khổ.

Giả cho là dục kia có lợi ích, nếu không được

thỏa mãn toại ý, liền bị khổ do nhọc nhằn mà không có kết quả, sanh khởi ta thán sâu bi. Nếu được thỏa mãn toại ý, liền bị khổ do nắm giữ nhân duyên, thọ dụng, giữ gìn, tham đắm, luyến tiếc. Khi thọ dụng bị lửa tham thiêu đốt, bên trong liền thọ khổ không tịch tĩnh. Khi hoại mất lại thọ khổ sâu ưu. Lại vì theo đuổi nhớ nghĩ, nên thọ khổ luyến tiếc. Do nhân đây phát khởi thân, ngữ và ý hành ác.

Lại hàng xuất gia lúc xả bỏ dục, tuy xả ly nhân phiền não dục, nhưng dục khởi trở lại. Lại do nhân duyên phiền não dục đây, năng rước lấy khổ sanh, lão, bệnh, tử, ác thú... ở Dục giới. Hết thấy các loại quá hoạn tạp nhiễm đều lấy phiền não dục làm nhân duyên, cho nên Thế Tôn chỉ thuyết phiền não dục gọi là dục, chẳng phải sự dục.

Hỏi: Có bao nhiêu chủng phân biệt hư vọng năng sanh dục tham?

Đáp: Lược có 8 chủng: 1. Phân biệt dẫn phát; 2. Phân biệt gặp gỡ; 3. Phân biệt sở kết hòa hợp; 4. Phân biệt có tướng; 5. Phân biệt gần gũi; 6. Phân biệt hỷ lạc; 7. Phân biệt xâm túc; 8. Phân biệt cực gần gũi. Như trong kinh Đại Phạm

thỉnh hỏi:

*Dẫn phát cùng gặp gỡ
 Và sở kết hòa hợp
 Có tướng, hoặc gần gũi
 Cũng nhiều chủng hỷ lạc
 Xâm bức, cực gần gũi
 Gọi hư vọng phân biệt
 Hay sanh nơi dục tham
 Người trí phải xa lìa.*

Phân biệt dẫn phát: là tâm phương tiện tương tục xả rồi, ở trong các dục phát sanh tác ý. Phân biệt gặp gỡ: ở nơi cảnh chưa hòa hợp, không hiện tiền, bị sự trói buộc của dục tham triền. Phân biệt sở kết hòa hợp: bị sự trói buộc của tham dục triền, nên truy cầu các dục. Phân biệt có tướng: ở nơi cảnh giới hòa hợp hiện tiền lại chấp thủ tướng, chấp thủ tùy hảo. Phân biệt gần gũi: ở cảnh giới hòa hợp hiện tiền bị sự trói buộc của tham dục triền nên truy cầu các dục. Phân biệt hỷ lạc: do tham dục triền, mong cầu thọ dụng vô lượng dục. Phân biệt xâm bức: do một hướng thấy công đức nên lãnh thọ, lại thêm mong cầu. Phân biệt cực

gân gũ: sự trói buộc của các tham dục triển lên đến cực điểm.

Hỏi: Có sao trong số các phiền não Dục giới, chỉ hiển thị tham là tướng dục?

Đáp: Do đây chính là nhân hiển thị tham ái là tướng tập đế, tức lấy nhân đây mà biết tướng đây.

Hỏi: Có sao hiển thị phân biệt đồng với tham lấy làm tướng dục?

Đáp: Hoặc do nhân duyên đây khiến tham hiện tiền phát khởi ở nơi tham, hoặc do nhân duyên đây thọ dụng sự dục, gọi chung làm một là tham phân biệt hư vọng. Lại có một người buông xả các dục mà xuất gia, nhưng nơi các dục khởi phân biệt hư vọng. Vì rõ biết phân biệt hư vọng cũng là dục, thoát hiện rồi lại buông xả, cho nên hiển phân biệt cũng là tướng dục.

Hỏi: Có sao chỉ thuyết tham ái là tướng tập đế?

Đáp: Do 2 nhân duyên: 1. Vì tham ái kia có mong muốn, không muốn làm chỗ nương; 2. Vì tham ái sanh khởi khắp. Vì sao như thế? Do tham ái kia nên đối với thân mạng, tài bảo... có sự mong

muốn, tức do thu nhiếp thọ dụng chúng nên khởi mong muốn; đối với những việc trái ngược thiện không mong muốn mà hiện nhiếp thọ phương tiện, nên phát khởi không mong muốn. Do mong muốn, không mong muốn đây, nên lưu chuyển trong sanh tử không đoạn dứt. Nên biết sanh khởi khắp lại có 3 chủng: 1. Vị biến khắp, vì nương tất cả thọ sai khác mà chuyển, đây do năm môn: do hòa hợp hỷ, do không lìa hỷ, do không hòa hợp hỷ, do chia lìa hỷ, do theo tự thân mà có ái ẩn sâu; 2. Thời biến khắp, vì duyên cảnh ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại; 3. Cảnh biến khắp, vì duyên hiện pháp, hậu pháp, nội thân mà khởi; cũng duyên cảnh giới đã được, chưa được mà khởi.

Hỏi: Cớ sao chỉ thuyết là sự phiền não tham, sân, si thì tâm đắc ly dục, không thuyết là sắc thọ...?

Đáp: Do lìa đây cũng tức là lìa kia; lại vì các phiền não tánh nhiễm ô, lại tức do đây có nhiều quá hoạn. Vì sao? Nếu nơi sự việc khởi các quá hoạn, nên biết đều do phiền não gây ra, là các quá hoạn như trong *Uẩn thiện xảo* trước đã quán sát sở hữu quá hoạn của bất thiện. Lại quá hoạn đây có

thể tránh khỏi, xa lìa. Vì có sao? Ở trong các sự, tất cả phiền não đều có thể thoát khỏi, nhưng chẳng phải ở nơi tất cả sự. Lại các đạo thế tục do tu tập quán bất tịnh... tuy nhằm chán sự kia mà nhập ly dục địa, nhưng ở ly dục địa, phiền não vẫn đuổi theo, phiền não nơi tâm chưa đắc ly dục. Do đạo lý đây chỉ lìa phiền não thì tâm khéo ly dục, chẳng phải lìa sự. Ở xứ đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Hỏi: Nhân nào ở trong các kinh, từ các phiền não khác mà chọn lấy ngã, ngã sở kiến, ngã mạn, chấp trước, tùy miên gọi là phẩm phiền não nhiễm ô?

Đáp: Do 3 nhân: 1. Vì hướng đến tà hạnh, đó là hai chủng: ngã, ngã sở kiến. Vì có sao? Vì nương thân kiến lấy làm căn bản, năng sanh khởi 62 kiến. Nương gá đây nên đối với việc không giải thoát mà kế chấp cho là giải thoát nên khởi tà hạnh; 2. Vì trái ngược chánh hạnh, đó là hai chủng: ngã mạn, chấp trước. Vì có sao? Vì nương chấp trước, ngã mạn, nên sở hữu bạn lành ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da đây, chỗ gọi chư Phật và đệ tử Phật chân thiện tượng phu mà không đến thỉnh

hỏi điều gì là thiện, điều gì bất thiện. Giả sử kia có đến hỏi cũng chẳng như thật hiển bày chính mình; 3. Vì thói thất thăng vị, đó là một chủng tùy miên. Vì cơ sao? Tuy đã đến hữu đẳng mà do sự đuổi theo của tùy miên của địa dưới, nên trở lại thói đọa.

Lại có cách nói khác, đó là thông đạt sở tri ở nơi diệt tác chứng có 2 chủng pháp gây chướng ngại rất lớn: 1. Nhân duyên tà hạnh; 2. Nhân duyên sanh khổ. Nhân duyên tà hạnh đó là 62 kiến, nhân chấp đây nên thân, ngữ, ý khởi các tà hạnh đối với hữu tình. Nhân duyên sanh khổ vì không đoạn tùy miên. Lại hai nghiệp đây có hai nhân duyên: nhân duyên của nhân duyên tà hạnh, đó là kế chấp ngã, ngã sở, thân kiến; nhân duyên của nhân duyên sanh khổ, đó là hai vị trước sau không khởi chánh hạnh. Do ngã mạn nên trước chẳng nghe chánh pháp, do tăng thượng mạn nên sau chẳng tu chánh hạnh.

Lại có cách nói khác, đó là ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có 4 chủng pháp là tối là thượng, thắng cực thắng diệu chẳng đồng ngoại đạo. Những gì là bốn? 1. Giải trạch các đế; 2. Minh cùng các đồng phạm hạnh tu tập pháp khả lạc; 3. Đối với

các dị luận không sanh ganh ghét tật đố; 4. Năng không thối thất trong phẩm thanh tịnh.

Ở trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da cũng có 4 pháp, nhưng 4 pháp đây gây chướng ngại lớn: 1. Kế chấp ngã, ngã sở, thân kiến; 2. Ngã mạn; 3. Hư vọng chấp thủ đế; 4. Không đoạn tùy miên. Do nhân duyên đây, tuy đến được hữu đẳng cũng đọa lạc trở lại. Lại có hai chấp: 1. Chấp căn cảnh, đó là chấp ngã, ngã sở; 2. Chấp hữu tình triển chuyển, đó là ngã mạn, kế chấp cho ta là hơn hết.

Hỏi: Tự có tham ái làm nhân các khổ, có sao ở chỗ khác Thế Tôn lại thuyết dục là nhân khổ?

Đáp: Bởi lấy đây làm nhân duyên khổ ở hiện pháp. Vì có sao? Nếu đối với các hữu tình có dục, có tham, có gạn gũi, khi kia biến đổi liền sanh hết thảy khổ ưu não...

Hỏi: Có sao năm cái thuyết danh là con rùa?

Đáp: Vì giống như năm chi, vì năng chướng ngại tu tập như lý tác ý.

Hỏi: Có sao phần thuyết danh là lạc đà mẹ?

Đáp: Vì tánh giống kia vậy. Do nói lời thô ác, nói lời không kham nhẫn đối với hữu tình, nên năng chướng ngại được nghe giáo thọ giác giới.

Hỏi: Cớ sao keo kiệt ganh ghét thuyết danh là máu đông?

Đáp: Do ở nơi lợi dưỡng hư huyền vô vị mà hiện hành, vì năng chướng pháp vui khả ái.

Hỏi: Cớ sao các dục thuyết danh là máy xay thịt?

Đáp: Vì không nhất định một chủ thể nào, vì năng chướng tu thiện pháp không gián đoạn.

Hỏi: Cớ sao vô minh thuyết danh là chó sói?

Đáp: Vì tánh giống kia vậy, che chướng trí *văn*.

Hỏi: Duyên nào nghi thuyết danh là đường núi lạ?

Đáp: Vì tánh giống kia vậy, chướng che trí *tu*.

Hỏi: Cớ sao ngã mạn thuyết danh là lẩn quẩn?

Đáp: Vì tánh giống kia vậy, chướng che trí *tu*.

Hỏi: Lại có các loại khác năng phát khởi vô lượng phiền não ác hạnh, cớ sao chọn lấy tham, sân, si kiến lập là bất thiện căn?

Đáp: Nhân duyên phát nghiệp lược có ba chủng: đó là vì nhân duyên ái vị, vì nhân duyên tổn người và vì nhân duyên chấp trước kiến lập tà pháp. Tham, sân, si đây tùy theo đó mà phân tách giải

thích thích hợp với các nhân duyên trên.

Trong Ốt-Đà-Nam nói:

Dục, ái, ly dục

Kế chấp ngã... dục

Rùa, lạc đà mẹ...

Cùng tham, sân, si...



Quyển 59

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

Phần 2

Hỏi: Trong mười phiền não tham... thì bao nhiêu năng phát nghiệp, bao nhiêu chẳng năng phát nghiệp?

Đáp: Tất cả đều năng phát nghiệp. Nếu các phiền não mãnh lợi hiện hành, thì năng phát khởi nghiệp dẫn đến các đường ác, không do thất niệm hiện hành mà năng dẫn được. Lại phân biệt khởi mới năng phát nghiệp đây, chẳng phải do nhậm vận khởi mà năng phát được.

Hỏi: Các phiền não có bao nhiêu tướng?

Đáp: Lược có 3 tướng: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Tướng sai biệt.

Tự tướng: là tướng nhiếp thuộc tự tánh của mỗi loại như tham, sân...

Cộng tướng: các phiền não không có sai biệt,

tất cả đều có chung một tướng là không tịch tịnh.

Tướng sai biệt lại có 2 chủng: 1. Tướng môn sai biệt; 2. Tướng chuyển sai biệt. Tướng môn sai biệt là kiết phược tùy miên, tùy phiền não triền như trong phần *Bản địa* đã thuyết. Tướng chuyển sai biệt vì tùy miên chuyển, vì sở duyên chuyển, vì hiện hành chuyển, vì phẩm sai biệt chuyển, vì lực chuyển, vì không lực chuyển, vì nhân quả chuyển, vì mê hành chuyển.

Lại nữa, lược có 18 tướng tùy miên chuyển: 1. Tùy miên theo đuổi cảnh của chính nó; 2. Tùy miên theo đuổi tha cảnh; 3. Tùy miên bị tổn; 4. Tùy miên không bị tổn; 5. Tùy miên tăng trưởng; 6. Tùy miên không tăng trưởng; 7. Tùy miên đủ phần; 8. Tùy miên không đủ phần; 9. Tùy miên có thể hại; 10. Tùy miên không có thể hại; 11. Tùy miên tăng thượng; 12. Tùy miên bình đẳng; 13. Tùy miên hạ liệt; 14. Tùy miên gặp gỡ; 15. Tùy miên không gặp gỡ; 16. Tùy miên năng sanh nhiều khổ; 17. Tùy miên năng sanh ít khổ; 18. Tùy miên không năng sanh khổ.

Tùy miên theo đuổi cảnh của chính nó là tùy miên nhiếp thuộc tự địa trong ba cõi.

Tùy miên theo đuổi tha cảnh: là tùy miên do phiền não phẩm hạ đuổi theo lúc sanh ở địa trên và tùy miên do phiền não phẩm thượng đuổi theo lúc sanh địa dưới.

Tùy miên bị tổn: là tùy miên của thế gian ly dục ở địa dưới.

Tùy miên không bị tổn: là tùy miên của người đã ly dục hoặc chưa ly dục của tự địa.

Tùy miên tùy tăng trưởng: là tùy miên của tự địa.

Tùy miên không tùy tăng trưởng: là tùy miên của địa khác.

Tùy miên đủ phần: là sở hữu tùy miên của các dị sanh.

Tùy miên không đủ phần: là sở hữu tùy miên của các hữu học, chẳng phải dị sanh.

Tùy miên có thể hại: là sở hữu tùy miên của bồ-đặc-già-la có pháp Bát-niết-bàn.

Tùy miên không có thể hại: là sở hữu tùy miên của bồ-đặc-già-la không pháp Bát-niết-bàn.

Tùy miên tăng thượng: là sở hữu tùy miên của bồ-đặc-già-la tham hành.

Tùy miên bình đẳng: là sở hữu tùy miên của

bổ-đặc-già-la đẳng phân hành.

Tùy miên hạ liệt: là sở hữu tùy miên của bổ-đặc-già-la mỏng trần hành.

Tùy miên gặp gỡ: là tùy miên của các quả triền và triền đồng chuyển.

Tùy miên không gặp gỡ: là tùy miên lìa bỏ các triền hàng đuổi theo.

Tùy miên năng sanh nhiều khổ: là tùy miên của Dục giới.

Tùy miên năng sanh ít khổ: là tùy miên của Sắc và Vô sắc giới.

Tùy miên không năng sanh khổ: là sở hữu tùy miên của Bồ-tát được tự tại.

Hỏi: Như thuyết thì thể tánh thô trọng gọi là tùy miên, vậy thì phiền não phẩm thô trọng đây so với các hành kia là có khác hay không khác?

Đáp: Phải nói có khác. Vì có sao? Vì như bậc A-la-hán thì tất cả phiền não thô trọng thấy đều vĩnh viễn đoạn trừ, mà các hành thô trọng vẫn chưa tuyệt dứt.

Hỏi: Có bao nhiêu thô trọng nhiếp lấy các thô trọng?

Đáp: Lược có 18 chủng: 1. Tự tánh dị thực thô

trọng; 2. Tự tánh phiền não thô trọng; 3. Tự tánh nghiệp thô trọng; 4. Phiền não chướng thô trọng; 5. Nghiệp chướng thô trọng; 6. Dị thực chướng thô trọng; 7. Cái thô trọng; 8. Tầm tư bất chánh thô trọng; 9. Sáu não thô trọng; 10. Kinh sợ thô trọng; 11. Mệt nhọc thô trọng; 12. Ăn uống thô trọng; 13. Ngủ mộng thô trọng; 14. Dâm dục thô trọng; 15. Giới không quân bình thô trọng; 16. Thời phần biến đổi thô trọng; 17. Chết hoàn toàn thô trọng; 18. Biến hành thô trọng. Thô trọng như vậy như trước nên biết.

Lại nữa, sở duyên chuyển là hai hiện hành ở nơi xứ của chính nó, sẽ rộng tuyên thuyết.

Phẩm sai biệt chuyển như đã thuyết trong phần *Uẩn thiện xảo*.

Lực, không lực chuyển như đã thuyết trong phần *Bản địa*.

Nhân quả chuyển là nghiệp phiền não và sanh đều lấy phiền não làm nhân; quả tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Một phần phiền não bất thiện của Dục giới có quả dị thực, còn lại không có quả dị thực.

Mê hành chuyển có 7 chủng, như đã phân tích

từng nghĩa riêng trong phần *Bản địa*. Ba kiến là thân kiến, chấp biên kiến và tà kiến, vì ở nơi bốn thánh đế mê hành chuyển, nên ở nơi cảnh sở tri phát khởi tà rõ hành. Một chủng vô minh là chẳng rõ hành. Nghi là thuộc rõ, chẳng rõ hành. Kiến thủ, giới cấm thủ và tham, sân... duyên kiến làm cảnh kiến sở đoạn, tất cả kia đều là chấp tà rõ hành. Tức tất cả mê khổ đế, mê tập đế đây chính là mê nhân duyên chỗ nương hành kia; tức tất cả mê diệt đế, mê đạo đế đây chính là mê hải sợ sanh hành kia; tức tất cả nhậm vận khởi tu đạo sở đoạn đây chính là nhậm vận hiện hành mê chấp hành kia.

Lại nữa, như trước đã thuyết tất cả phiền não chương trị sai khác chỉ nương tùy nghi dạy dẫn giáo hóa hiển bày tướng thô, kiến lập phiền não mê chấp tà hành, vì muốn giáo hóa hữu tình khiến dễ thông hiểu quá thất của chủng chủng các hành phiền não. Nay sẽ biện chung về tướng thô tế như thật của tất cả phiền não, nên kiến lập mê chấp các hành sai biệt.

Hỏi: Các phiền não như vậy có bao nhiêu hữu sự, bao nhiêu vô sự?

Đáp: Các kiến và mạn là vô sự, vì trong các hành thật không có ngã mà phân biệt chuyển. Tham khuể là hữu sự. Vô minh và nghi đều thông cả hai chủng.

Hỏi: Các phiền não đây bao nhiêu cùng tương ứng với căn lạc, cho đến bao nhiêu cùng tương ứng với căn xả?

Đáp: Nếu tất cả phiền não đều nhậm vận sanh khởi thì ở nơi ba thọ đều hiện hành, cho nên thông tất cả thức thân thì cùng tương ứng tất cả căn, không thông tất cả thức thân thì cùng tương ứng tất cả căn của Ý địa. Nếu tất cả phiền não không nhậm vận sanh khởi, thì tùy chỗ thích hợp tương ứng với các căn. Nay Ta sẽ thuyết.

Tham hoặc có lúc tương ứng với hỷ, lạc; hoặc có lúc tương ứng với ưu, khổ; hoặc có lúc tương ứng với xả.

Hỏi: Như những gì?

Đáp: Như có người lúc ở nơi thọ lạc khởi yêu thích gặp gỡ, yêu thích không chia lìa, lại hiện tiền đuổi theo, nhưng ở thọ lạc không gặp gỡ, chẳng phải gặp gỡ, hoặc chia lìa, chẳng phải hòa hợp. Hoặc có lúc ở nơi thọ khổ khởi không yêu thích

gặp gỡ, hoặc yêu thích chia lìa mà không hiện tiền đuổi theo, nhưng ở nơi thọ khổ hòa hợp gặp gỡ, chẳng phải không hòa hợp gặp gỡ; không chia lìa, chẳng phải chia lìa. Tất cả đây do tham có lúc tương ứng với ưu, khổ chính là nhân duyên. Trái với tướng trên, tham có lúc tương ứng với hỷ, lạc. Nếu có lúc ở vị không khổ không lạc mà sanh ái trước, nên biết tham đây tương ứng với căn xả.

Khuể hoặc có lúc tương ứng với ưu, khổ; hoặc có lúc tương ứng với hỷ, lạc.

Hỏi: Như những gì?

Đáp: Như có người bị sự khổ bức bách thân tâm, bên trong đuổi theo khổ ấy, tác ý nghĩ đến, nên phát khởi tâm khuể hận. Hoặc đối với hành động không tốt đẹp của hữu tình, hoặc rời các pháp không tốt đẹp, tác ý nghĩ đến, khiến tâm phát khởi khuể hận. Đây do khuể tương ứng với ưu, khổ.

Hỏi: Những gì là khuể tương ứng với hỷ, lạc?

Đáp: Như có người đối với kẻ oán hay hữu tình không yêu thích mà khởi tâm khuể não, tác ý suy nghĩ: “Mong kẻ kia bị chết khổ, chết rồi cũng chẳng được tốt đẹp, không được an vui, nếu có được cũng

hoàn mất”. Nếu sự việc đúng như mong muốn liền sanh vui thích. Đây do khuể tương ưng với hỷ lạc.

Thân kiến và chấp biên kiến nếu ở nơi lạc đồng hành uẩn, hoặc quán ngã ngã sở, hoặc quán là thường, thì tương ưng căn hỷ; nếu ở nơi khổ đồng hành uẩn, hoặc quán ngã ngã sở, hoặc quán là thường, thì tương ưng với căn ưu; nếu nơi xả đồng hành uẩn, hoặc quán ngã ngã sở, hoặc quán là thường, thì tương ưng với căn xả. Đoạn kiến nhiếp lấy chấp biên biến nên biết tất cả trái với tướng thường trên.

Kiến thủ, giới cấm thủ vì chấp giữ kiến kia, tùy theo chỗ thích hợp có sự tương ưng như kia. Một chủng tà kiến trước tạo tác diệu hạnh thì tương ưng với căn ưu, trước tạo tác ác hạnh thì tương ưng với căn hỷ.

Mạn có lúc tương ưng với căn hỷ, có lúc tương ưng với căn ưu.

Hỏi: Như những gì?

Đáp: Lược có 2 mạn: 1. Cao cử mạn; 2. Ty hạ mạn. Lại cao cử mạn có 3 chủng. Những gì là ba? Xứng lượng cao cử, thông giải cao cử và lợi dưỡng cao cử. Cao cử mạn đây tương ưng với căn hỷ. Ty hạ

mạn trái với cao cử mạn nên tương ứng với căn ưu.

Nghi nếu ở nơi các sự việc lợi dưỡng, cung kính, xưng khen, vui các đường thiện... đã được quyết chắc, nhưng bị người khác dẫn dắt khiến do dự thì tương ứng với căn ưu. Nếu ở nơi các sự việc không lợi dưỡng, bất kính, chê trách, khổ các đường ác... đã được quyết chắc, nhưng bị người khác dẫn dắt khiến do dự thì tương ứng với căn hỷ.

Vô minh tương ứng thông cả năm căn. Văn quyết trạch các tương ứng còn lại không hiển nói thêm.

Trước đã nói rõ phiền não tương ứng các căn, nhưng chỉ kiến lập đạo lý trong phạm vi tướng thô, khiến hành giả ban đầu hiểu rõ không loạn. Nay kiến lập đạo lý trong phạm vi thô tế, khiến hành giả đã tìm hiểu lâu hiểu rõ thân mình, thân người có chủng chủng hạnh giải sai biệt chuyển.

Lại nữa, các phiền não lược có 3 tụ: 1. Hệ buộc Dục giới; 2. Hệ buộc Sắc giới; 3. Hệ buộc Vô sắc giới.

Hỏi: Ba tụ như vậy có bao nhiêu bất thiện, có bao nhiêu vô ký?

Đáp: Một phần của tụ đầu là bất thiện. Hai tụ

còn lại là vô ký. Các bất thiện có dị thực, còn lại thì chẳng phải.

Hỏi: Bao nhiêu tánh nhiều, bao nhiêu tánh ít?

Đáp: Tự đầu là tánh nhiều, tự còn lại chẳng vậy. Như tánh nhiều, tánh ít, thì tánh mãnh lợi trường thời nhiễm não, tánh không mãnh lợi trường thời nhiễm não; tánh phát khởi ngoại môn tạp nhiễm, tánh phát khởi nội môn tạp nhiễm; tánh phát khởi ác hạnh, tánh phát khởi chẳng ác hạnh; tánh năng sanh nhiều khổ, tánh năng sanh ít khổ; tánh có tội lớn, tánh có tội nhỏ; tánh ly dục chậm, tánh ly dục nhanh; tánh hiển phát ly dục, tánh hiển phát không ly dục; tánh trái tướng tam-ma-địa, tánh không trái tướng tam-ma-địa; tánh sanh chẳng phải một chủng tướng quyết định, tánh sanh một chủng tướng quyết định... nên biết cũng vậy. Trong *Ốt-Đà-Nam* nói:

Nhiều, nhiễm não, nội môn

Ác hạnh, sanh các khổ

Có tội, ly dục chậm

Tam-ma-địa, sanh thầy.

Lại nữa, sao gọi là năng đoạn phiền não? Ngang đầu nói là đã đoạn phiền não? Từ cái gì mà nói đoạn phiền não? Đoạn các phiền não là đốn hay tiệm? Thứ lớp đoạn các phiền não thế nào? Đoạn các phiền não có bao nhiêu chủng? Phiền não đoạn rồi có những tướng gì? Các phiền não đoạn có lợi ích thù thắng gì?

Đó là vì đã tích tập tư lương thiện pháp, vì đã chứng nhập phương tiện địa, vì chứng đắc kiến địa, vì tích tập tu địa, nên năng đoạn phiền não. Đắc Cứu cánh địa thì nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có cách giải thích khác: Do tu tập bốn chủng Du-già nên năng đoạn phiền não. Nếu khéo tu tập bốn chủng như vậy, phải nói đã đoạn tất cả phiền não. Tướng của bốn chủng Du-già như trong phần *Thanh văn địa* đã thuyết.

Lại có cách giải thích khác: Vì tương tục thành thực, vì thuận theo giáo, vì bên trong chánh tác ý, vì đạo đối trị sanh, nên năng đoạn phiền não. Lại tu đạo đối trị đã đến rốt ráo, cho nên nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có cách giải thích khác: Vì biết rõ sự phiền não, vì biết rõ tự tánh phiền não, vì biết rõ quá

hoạn của phiền não, vì phiền não đã sanh không trụ chấp trước kiên cố, vì nhiếp thọ đối trị, nên năng đoạn phiền não. Đối trị đã sanh, nên nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại có cách giải thích khác: Vì tu Xa-ma-tha, vì tu Tỳ-bát-xá-na, nên năng đoạn phiền não. Nếu đã được giải thoát khỏi các tướng phược, cũng được giải thoát khỏi các thô trọng phược, thì nói đã đoạn tất cả phiền não. Như Thế Tôn nói: “Chúng sanh bị trói buộc bởi tướng phược và thô trọng phược. Khéo song tu pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xa-na mới năng giải thoát cả hai phược kia”.

Lại có cách giải thích khác: Vì biết rõ sở duyên, vì hỷ lạc sở duyên, nên năng đoạn phiền não. Vì sở y đã diệt, vì đã đắc chuyển y, cho nên nói đã đoạn tất cả phiền não.

Lại nữa, vì từ tương ưng kia và sở duyên mà phiền não được đoạn trừ. Vì cơ sao? Vì đạo đối trị sanh khởi nên phiền não không khởi, đắc pháp vô sanh, cho nên gọi là tương ưng đoạn kia. Tương ưng đoạn rồi không duyên cảnh trở lại, cho nên từ sở duyên cũng gọi là đoạn.

Lại nữa, phiền não kiến sở đoạn là đốn đoạn,

chẳng phải tiệm đoạn. Vì cơ sao? Do hiện quán trí hiện quán đế, nên năng đoạn phiền não kiến đạo sở đoạn. Nhưng hiện quán đây cùng tương ưng tác ý hoại duyên đế, cho nên ba tâm đốn đoạn phiền não của tất cả phiền não kiến sở đoạn như mê khổ đế... Phiền não tu sở đoạn là tiệm đoạn, vì phải lớp lớp tu đạo mới năng đoạn trừ.

Lại nữa, hàng tại gia phải đoạn trừ sự nghiệp bất thiện và các ác kiến là việc đầu tiên. Hàng xuất gia phải vui đoạn các chướng ngại, đó là tâm tư dục, tâm tư khuể và tâm tư hại. Kế phải đoạn tâm bất định chướng ngại tam-ma-địa, đó là tâm tư quyến thuộc, tâm tư đất nước và tâm tư bất tử; lại phải đoạn chướng sở đắc tác ý, đó là vui phẩm xa lìa các thô trọng của thân. Kế phải đoạn phiền não kiến sở đoạn. Kế phải đoạn phiền não tu sở đoạn. Kế phải đoạn phiền não chướng ngại của phẩm chướng các định thuộc khổ, thuộc ưu, thuộc lạc, thuộc hỷ và thuộc các xả.

Lại nữa, có một loại bổ-đặc-già-la phải đoạn các chướng của phẩm sở tri chướng. Đây là thứ lớp đoạn phiền não.

Lại nữa, có nhiều chủng đoạn các phiền não,

nói lược có hai: 1. Đoạn các triền; 2. Đoạn tùy miên. Đoạn các triền: đoạn tham, sân cho đến đoạn si; đoạn thân kiến cho đến đoạn tà kiến; đoạn kiến khổ sở đoạn cho đến đoạn tu đạo sở đoạn; đoạn hệ buộc Dục giới cho đến đoạn hệ buộc Vô sắc giới; đoạn tán loạn, đoạn hiểu ngộ, đoạn yếu liệt, đoạn chế phục, đoạn lìa hệ buộc. Nên biết đoạn lìa hệ buộc tức là đoạn tùy miên.

Lại nữa, đã đoạn phiền não rồi thì ở nơi pháp khả ái hoặc thấp hèn, hoặc thắng diệu, hoặc hiện tại tiền, hoặc chẳng hiện tại tiền, tuy quán sát mạnh mẽ cũng chẳng sanh khởi nhiễm trước. Như đối với pháp khả ái mà không sanh yêu thích, thì đối với pháp đáng sân cũng không sanh sân, đối với pháp đáng si cũng không sanh si. Lại mắt tuy thấy các sắc, không hỷ không ái, chỉ trụ xả, chánh niệm chánh biết. Như mắt thấy sắc, cho đến ý biết pháp cũng vậy. Lại tánh ít muốn, thành tựu ít muốn chân thật bậc nhất. Như ít muốn, thì vui đủ, xa lìa, dũng mãnh, tinh tấn, an trụ, chánh niệm, tịch định, thông tuệ cũng vậy. Ở nơi không hỷ luận, tánh nhậm vận vui thích. Ở nơi hỷ luận, phải sách tấn tâm mới năng duyên tịnh lự. Hết thấy

loại như vậy nên biết tướng của phiền não đã đoạn.

Lại nữa, các phiền não đã đoạn có nhiều lợi ích thù thắng, đó là tùy chúng đắc vượt qua ưu khổ, vượt qua hỷ lạc, vượt qua tướng sắc, tướng đối ngại và chủng chủng tánh tướng, vượt qua khổ đường ác, vượt qua tất cả chủng khổ sanh... Lại chúng an ổn, an ổn bậc nhất. Lại chúng thanh lương, thanh lương bậc nhất. Lại chúng đắc hiện pháp lạc trú bậc nhất, hoặc hành hoặc trụ tùy tự tại mà chuyển; đối với nghĩa tự lợi viên mãn rốt ráo; đối với các sở tác không lại mong cầu. Lại có người vì muốn lợi ích an lạc chúng sanh, ai mãn thế gian nên tu hạnh lợi tha, khiến các trời, người được lợi ích an lạc. Nên biết đoạn phiền não như vậy có rất nhiều sự lợi ích thù thắng.

Lại nữa, lược có 15 phiền não duyên cảnh: 1. Duyên đầy đủ phần, đó là thân kiến...; 2. Duyên một phần, đó là tham, sân, mạn...; 3. Duyên hữu sự, đó là các hữu sự phiền não; 4. Duyên vô sự, đó là các vô sự phiền não; 5. Nội duyên, đó là sở hữu phiền não duyên sáu xứ định, bất định địa; 6. Ngoại duyên, đó là sở hữu phiền não duyên năm dục; 7. Duyên hiện kiến, đó là sở hữu phiền não duyên

hiện tại; 8. Duyên không hiện kiến, đó là sở hữu phiền não duyên quá khứ, vị lai; 9. Duyên tự loại, đó là sở hữu phiền não duyên tự loại phiền não; 10. Duyên tha loại, đó là sở hữu phiền não duyên loại phiền não khác và duyên sự phiền não; 11. Duyên hữu, đó là sở hữu phiền não duyên hậu hữu; 12. Duyên không hữu, đó là sở hữu phiền não duyên đoạn trừ không có hữu; 13. Duyên tự cảnh, đó là phiền não Dục giới duyên với hành Dục, phiền não Sắc giới duyên với hành Sắc và phiền não Vô sắc giới duyên với hành Vô sắc; 14. Duyên cảnh khác, đó là phiền não Sắc giới duyên với hành Dục, phiền não Vô sắc giới duyên với hành Sắc. Lại, phiền não của địa trên duyên với địa dưới. Vì cố sao? Vì các hữu tình ở địa trên thường hằng lạc tịnh đủ công đức thù thắng, tự cho là thù thắng hơn so với chúng sanh ở địa dưới; 15. Duyên cảnh không, đó là sở hữu phiền não phân biệt kế chấp duyên đạo diệt và Phật pháp rộng lớn..

Lại nữa, có 20 chủng phiền não hiện hành. Do 20 chủng bổ-đặc-già-la nương 20 duyên, nên phát khởi 20 chủng phiền não hiện hành.

Hai mươi chủng bổ-đặc-già-la: 1. Tại gia; 2. Xuất

gia; 3. Trụ pháp ác thuyết; 4. Trụ pháp thiện thuyết; 5. Hành phiền não tăng thượng; 6. Đẳng phần hành; 7. Mông trần hành; 8. Ly dục thế gian; 9. Chưa ly dục; 10. Thấy dấu vết Thánh; 11. Chưa thấy dấu vết Thánh; 12. Chấp trước; 13. Không chấp trước; 14. Quán sát; 15. Thùy miên; 16. Giác ngộ; 17. Anh nhi, thiếu niên; 18. Căn thành thực; 19. Pháp Bát-niết-bàn; 20. Không pháp Bát-niết-bàn.

Hai mươi phiền não hiện hành: 1. Tùy theo sở dục triển hiện hành; 2. Không theo sở dục triển hiện hành; 3. Không biết rõ phiền não hiện hành; 4. Biết rõ phiền não hiện hành; 5. Phiền não thô hiện hành; 6. Hết thấy phiền não hiện hành; 7. Phiền não tế hiện hành; 8. Nội môn phiền não hiện hành; 9. Ngoại môn phiền não hiện hành; 10. Thất niệm phiền não hiện hành; 11. Phiền não hiện hành mãnh lợi; 12. Phiền não hiện hành do phân biệt khởi; 13. Phiền não hiện hành do nhậm vận khởi; 14. Phiền não hiện hành do tâm tư; 15. Phiền não hiện hành không tự tại; 16. Phiền não hiện hành tự tại; 17. Phiền não hiện hành không chỗ nương; 18. Phiền não hiện hành có chỗ nương; 19. Phiền não hiện hành có thể cứu

trị; 20. Phiền não hiện hành không thể cứu trị.

Hai mươi duyên phiền não hiện hành: 1. Duyên lạc; 2. Duyên khổ; 3. Duyên không khổ không lạc; 4. Duyên dục; 5. Duyên tầm tư; 6. Duyên xúc; 7. Duyên tùy miên; 8. Duyên thói quen huân tập đời trước; 9. Duyên gần gũi bạn ác; 10. Duyên nghe pháp bất chánh; 11. Duyên tác ý bất chánh; 12. Duyên bất tín; 13. Duyên giải đãi; 14. Duyên thất niệm; 15. Duyên tán loạn; 16. Duyên ác tuệ; 17. Duyên phóng dật; 18. Duyên phiền não; 19. Duyên chưa ly dục; 20. Duyên tánh dị sanh. Vì nương các duyên đây nên phiền não hiện hành.

Hỏi: Ở mỗi mỗi cõi kia, trong mỗi thân kia kết sanh tương tục, thì nói là tất cả phiền não đều kết sanh khắp cả cõi giới hay không khắp cả cõi giới?

Đáp: Nên nói là khắp cả, chẳng phải không khắp cả. Vì cơ sao? Nếu người chưa ly dục thì ở nơi mình sắp sanh mới được thọ sanh, chẳng phải ly dục mà được. Lại người chưa lìa dục thì sở hữu thọ trọng của các phẩm phiền não tùy mỗi mỗi mà cột trói tự thân, cũng năng làm nhân sanh thân khác. Do nhân duyên đây nên biết tất cả phiền não đều

kết sanh tương tục. Lại khi sắp thọ sanh, nơi tự thể trên tham ái tăng thượng hiện hành. Đối với nam, đối với nữ, hoặc thương, hoặc ghét cũng xoay vần hiện hành lẫn nhau. Lại nghi hiện hành khởi nghĩ như vậy: “Đây là nam hay nữ đang cùng ta hành sự?”. Lại ở nội ngoại ngã, ngã sở kiến và ngã mạn... cũng đều hiện hành. Do nhân duyên đây nên biết tất cả phiền não đều được kết sanh tương tục.

Lại nữa, kết sanh tương tục lược có 7 chủng: 1. Triền và tùy miên kết sanh tương tục, đó là các dị sanh; 2. Chỉ có tùy miên kết sanh tương tục, đó là vị thấy dấu vết Thánh; 3. Chánh biết nhập thai kết sanh tương tục, đó là Chuyển luân vương; 4. Chánh biết nhập trụ kết sanh tương tục, đó là các Độc giác; 5. Ở tất cả vị không mất chánh niệm kết sanh tương tục, đó là chư Bồ-tát; 6. Nghiệp dẫn phát kết sanh tương tục, đó là trừ kết sanh tương tục của Bồ-tát; 7. Trí dẫn phát kết sanh tương tục, đó là chư Bồ-tát. Lại có vô nghĩa kết sanh tương tục, đó là nghiệp dẫn phát kết sanh tương tục. Lại có nghĩa kết sanh tương tục, đó là trí dẫn phát kết sanh tương tục. Như vậy tổng thuyết hoặc có 7, hoặc có 9 kết sanh tương tục.

Lại, tất cả còn lại thuận theo tiền cú (câu trước), hậu cú (câu sau) và tứ cú (bốn câu) thấy, như lý quyết trạch nên không hiển nói thêm.

Sau Ốt-Đà-Nam nói:

*Nghiệp, tướng, sự, lạc thấy
Bất thiện thấy và đoạn
Sở duyên với hiện hành
Nói sanh là rốt sau.*

Như vậy đã thuyết quyết trạch phiền não tạp nhiễm, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **nghiệp tạp nhiễm**. Như nghĩa nghiệp tạp nhiễm đã thuyết, nên biết nghiệp đây cũng do 5 tướng kiến lập sai biệt, đó là: nghiệp đạo căn bản nhiếp lấy nghiệp thân, ngữ, ý và các nghiệp do về sau phát khởi phương tiện nhiếp lấy. Như trước đã thuyết thì nghiệp đạo bất thiện gọi là nghiệp đạo căn bản nhiếp lấy nghiệp thân, ngữ, ý bất thiện.

Kiến lập tứ tướng nghiệp đạo bất thiện:

Như sát sanh, đó là tâm nhiễm ô khởi vui muốn giết hại... tức ở chỗ này, nghiệp kia hiện hành cho đến được rốt ráo. Nên biết gọi chung là

tự tướng tất cả nghiệp đạo sát sanh.

Tâm nhiễm ô tức là tâm có tham và bị tham che lấp; tâm có sân và bị sân che lấp; tâm có si và bị si che lấp.

1. Giả sử tâm nhiễm ô mà không khởi vui muốn, tuy ở chỗ này nghiệp kia hiện hành cho đến được rất ráo, nhưng nghiệp ác đây không nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

2. Giả sử có tâm nhiễm ô và khởi vui muốn mà tâm điên đảo giả sử ở sự việc khác, nghiệp kia hiện hành cho đến được rất ráo. Nghiệp đây cũng không nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

3. Giả sử có tâm nhiễm ô và khởi vui muốn, tuy ở chỗ này, nhưng nghiệp kia không hiện hành cho đến được rất ráo, thì cũng không nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

4. Giả sử có tâm nhiễm ô và khởi vui muốn, tức ở chỗ này, nghiệp kia hiện hành cho đến rất ráo đầy đủ tất cả chi. Nghiệp đây mới gọi là nhiếp thuộc nghiệp đạo viên mãn.

Như lược thuyết tự tướng nghiệp đạo đây, tất cả tự tướng nghiệp đạo bất thiện khác nên tùy theo đó mà quyết rõ.

Kiến lập tự tánh sai biệt của nghiệp đạo bất thiện:

Nếu rộng kiến lập tự tánh sai biệt của mười nghiệp đạo ác, nên biết do 5 tướng. Những gì là năm? 1. Sự; 2. Tướng; 3. Vui muốn; 4. Phiền não; 5. Phương tiện rốt ráo.

1. Sự: mỗi mỗi nghiệp đạo, chỗ nương của sự việc diễn ra quyết định riêng khác, hoặc thuộc trong số hữu tình, hoặc chẳng phải trong số hữu tình. Tùy chỗ thích hợp mười nghiệp đạo ác nương đó mà chuyển.

2. Tướng: có bốn, đó là đối với kia, chẳng phải tướng kia; chẳng phải đối với kia, tướng kia; đối với kia, tướng kia; chẳng phải đối với kia, chẳng phải tướng kia.

3. Vui muốn: hoặc có tướng điên đảo, hoặc có tướng không điên đảo, vui muốn gây tạo.

4. Phiền não: hoặc tham, hoặc sân, hoặc si, hoặc tham sân, hoặc tham si, hoặc sân si, hoặc đầy đủ tất cả tham sân si.

5. Phương tiện rốt ráo: tức là ở chỗ muốn gây tạo nghiệp, tùy khởi phương tiện, hoặc ngay lúc bấy giờ, hoặc ở về sau mới được rốt ráo.

Do năm tướng đây, trong các nghiệp đạo từ sát sanh cho đến tà kiến, tùy chỗ thích hợp mà rộng kiến lập đầy đủ tự tánh sai biệt của mười chủng.

Nghiệp đạo sát sanh: Lấy chúng sanh thuộc trong số hữu tình làm sự. Hoặc kẻ năng giết hại chúng sanh, tức là đối với chúng sanh, tác tướng chúng sanh, khởi muốn hại mạng sống. Tướng đây đối với chúng sanh kia gọi là tướng không điên đảo. Do nương tướng đây nên khởi tâm như vậy: “Ta sẽ hại mạng người”, như vậy gọi là vui muốn sát sanh. Kẻ năng hại đây, hoặc bị tham che lấp, hoặc bị sân che lấp, hoặc bị si che lấp, hoặc bị hai che lấp, hoặc bị cả ba che lấp khiến khởi tâm tạo tác. Đây gọi là phiền não. Kia do tâm nhiễm ô và vui muốn, hoặc do tự mình, hoặc do người mà phát khởi phương tiện gia hại chúng sanh, hoặc hại không gián đoạn, kia liền mạng chung. Tức khởi phương tiện như vậy, ngay lúc ấy gọi là thành tựu nghiệp đạo rất ráo. Hoặc lúc sau, kia mới xả mạng, do phương tiện đây, khi kia mạng chung gọi là thành tựu nghiệp đạo rất ráo.

Nghiệp đạo chẳng cho mà lấy: Sự là vật thuộc

của người khác. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là muốn trộm. Phiền não là hoặc đủ, hoặc không đủ ba độc. Phương tiện rốt ráo đó là khởi phương tiện rời khỏi chỗ ban đầu.

Nghiệp đạo hành tà dục: Sự là người nữ, không được phép hành. Giả sử được hành, cũng hành chẳng phải chi, chẳng phải chỗ, chẳng phải lúc, chẳng phải lượng. Hoặc tất cả nam và chẳng phải nam, không được phép hành. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là vui thích hành. Phiền não là hoặc đủ, hoặc không đủ ba độc. Phương tiện rốt ráo đó là hai bên giao hợp.

Nghiệp đạo vọng ngữ: Sự là thấy, nghe, hiểu, biết; chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hiểu, chẳng biết. Tưởng là ở nơi sự việc được thấy... tưởng “nói trái lại như vậy như vậy...”. Vui muốn là tưởng che giấu, vui thích được nói ra. Phiền não là hoặc đủ, hoặc không đủ ba độc tham, sân, si. Phương tiện rốt ráo đó là lúc người đối diện và mọi người lãnh thọ hiểu lời nói.

Nghiệp đạo nói lời ly gián: Sự là các hữu tình hoặc hòa hợp, hoặc không hòa hợp. Tưởng là ở hai loại hữu tình kia, khởi một tưởng hoặc khiến không

hòa hợp, hoặc khiến chia lìa. Vui muốn là vui thích kia hoặc không hòa hợp, hoặc chia lìa. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là khi kia tin hiểu lời phá hoại.

Nghiệp đạo nói lời thô ác: Sự là năng làm tổn não hữu tình. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là vui thích nói lời thô. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là quát tháo chửi mắng kia.

Nghiệp đạo ý ngữ: Sự là năng dẫn phát nghĩa vô ích. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn là vui thích nói. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là vừa mới phát lời nói.

Nghiệp đạo tham dục: Sự là thuộc tài sản người. Tưởng là đối với kia, tưởng kia. Vui muốn tức là ái dục. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là đối với việc kia nhất quyết phải thuộc về mình.

Nghiệp đạo sân khuê: Sự và tưởng như đã thuyết ở nghiệp đạo nói lời thô ác. Vui muốn là muốn tổn hại... Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rất ráo đó là tâm nhất định tổn hại.

Nghiệp đạo tà kiến: Sự là nghĩa thật có. Tướng là ở nơi có tướng chẳng phải có. Vui muốn tức là ái dục. Phiền não là hoặc đủ, hoặc chẳng đủ ba độc. Phương tiện rốt ráo đó là nhất định phải báng.

Lại nữa, sát sanh... có 3 chủng: 1. Có tội tăng trưởng; 2. Có tội không tăng trưởng; 3. Không có tội. Nhân duyên sanh tội cũng lược có ba: 1. Phiền não sanh khởi; 2. Năng sanh khởi; 3. Mong cầu đầy đủ. Chúng sát sanh ban đầu có đủ ba duyên; chúng kế có hai duyên, không có mong cầu đầy đủ; chúng sau cùng chỉ sanh khởi.

Lại nữa, do ***năm tướng kiến lập*** đầy đủ tự tướng tham dục, sân khuể, tà kiến.

Năm tướng tham dục: 1. Tâm đắm trước, đó là tâm đắm trước tài bảo của mình; 2. Có tâm tham lam, như vui tích chứa tài bảo vật thực; 3. Có tâm tham tiền tham ăn, đó là đối với hết thảy tiền của vật thực thuộc về người, mà kế chấp cho là tốt đẹp, sanh sâu ưa thích; 4. Có tâm mưu kế, đó là nghĩ rằng: “Làm sao những gì thuộc sở hữu của kia sẽ thuộc về ta”; 5. Có tâm che giấu, đó là vì sự che giấu của tham dục triền, nên không biết xấu hổ,

không thấy lỗi lầm tai họa và không biết là bỏ.

Nếu đối với tài bảo của mình, tâm có đắm trước, tâm khác không hiện, nên biết đây chẳng phải tướng tham dục có ý ác hành. Như vậy tâm có đắm trước, tâm tham lam, tâm khác không hiện, cũng chưa đầy đủ tướng của tham dục. Như vậy nói rộng cho đến các tướng tâm như trên đã thuyết tùy khuyết một chủng, tức là không đầy đủ tướng của tham dục. Nếu nhiếp toàn phần thì gọi là đầy đủ tướng của tham dục.

Năm tướng sân khuê: 1. Có tâm ác tăng trưởng, đó là tùy pháp phân biệt mà năng tổn hại; 2. Có tâm không thể kham chịu, đó là không kham nhẫn đối với sự việc bị hại, không nhiều ích; 3. Tâm oán hận, đó là tùy nhớ nghĩ không như lý đối với sự việc bị hại, không nhiều ích; 4. Có tâm mưu tính, đó là đối với hữu tình tác ý như làm sao để lạng miệt, làm sao để giết hại, cho đến nói rộng; 5. Tâm che giấu, đó là như trước đã nói. Ở nơi năm tướng tâm đây, tùy khuyết một chủng tức không đầy đủ tướng của sân khuê, nếu nhiếp toàn phần gọi là đầy đủ tướng của sân khuê.

Năm tướng tà kiến: 1. Có tâm ngu si, đó là

không như thật hiểu biết các sự việc; 2. Có tâm bạo ngược, đó là vui làm việc ác; 3. Tâm hành trái vượt, đó là không như lý phân biệt các pháp, không cầu học rộng; 4. Tâm hoại mất, đó là kế chấp không có bố thí, ái dưỡng, tế tự, phỉ báng tất cả diệu hành; 5. Tâm che giấu, đó là do sự che giấu của tà kiến triền, không biết hổ thẹn, không biết lỗi lầm tai họa và không biết xả lìa. Ở nơi năm tướng tâm đây, tùy khuyết một chủng tức không đầy đủ tướng của tà kiến, nếu nhiếp toàn phần gọi là đầy đủ tướng của tà kiến.

Lại dùng tay... hại chúng sanh gọi là sát sanh, cho đến dùng đá, dao, gậy... để trói buộc, bỏ đói, trị phạt, dùng chú dục... để nguyên rửa, làm hại tất cả chúng sanh đều gọi là sát sanh. Hoặc vì tài lợi mà tổn hại chúng sanh cũng gọi là sát sanh. Hoặc sợ bị tổn hại, hoặc trừ oán địch, hoặc cho là vì pháp, cho đến hoặc vì vui chơi mà tổn hại chúng sanh đều gọi là sát sanh. Hoặc tự giết hại, hoặc bảo người giết hại đều gọi là tội sát.

Lại hoặc tài vật của người chẳng cho mà tự cướp lấy gọi là chẳng cho mà lấy. Như vậy, ăn cắp của kẻ ăn cắp, đào tường khoét vách, hoặc tấn

công, hoặc phục kích để trộm cướp, hoặc mượn nợ mà không hoàn trả, hoặc hành cưỡng siểm kiêu trá để lấy, hoặc dùng phương tiện biểu hiện sợ hãi, hoặc hiện oai đức mà lấy các vật kia, hoặc tự trộm cướp, hoặc bảo người trộm cướp, tất cả như vậy đều thuộc loại chẳng cho mà lấy. Hoặc tự mình làm, hoặc vì người, hoặc vì sợ hãi, hoặc bị trói buộc giết chết, hoặc bị chế phục, hoặc vì thọ dụng, hoặc vì chờ đợi giúp đỡ, hoặc vì tật đố ganh ghét... nên chẳng cho mà lấy. Hết thấy như vậy đều gọi là tội chẳng cho mà lấy.

Lại hoặc hành hạnh không được hành gọi là hành tà dục. Hoặc hành ở nơi chẳng phải chi, chẳng phải lúc, chẳng phải chỗ, chẳng phải lượng, chẳng phải lý, tất cả thọ dụng như vậy gọi là hành tà dục. Hoặc đối với mẹ, đối với chị đang bảo hộ như kinh đã rộng thuyết, gọi là không được hành. Hoặc tất cả nam và chẳng phải nam, thuộc mình, thuộc người đều không được hành. Trừ cửa sanh đẻ, các phần còn lại đều gọi là chẳng phải chi. Hoặc lúc phần dưới bị ướ, lúc thai đã già tháng, lúc cho trẻ bú, lúc thọ trai giới, lúc có bệnh như những bệnh không hợp với hành dục, gọi là chẳng phải

lúc. Hoặc những nơi tụ hội đáng tôn trọng, hoặc trong linh miếu, hoặc trước đại chúng, hoặc nơi đất cao thấp rắn chắc không bằng phẳng, không an ổn... hết thấy nơi như vậy gọi là chẳng phải chỗ. Hoặc hành quá lượng gọi là chẳng phải lượng. Trong đây tối đa là năm, ngoài ra tất cả đều gọi là quá lượng. Hoặc không theo lễ nghi của thế tục gọi là chẳng phải lý. Hoặc tự hành dục, hoặc làm mai mối kết hợp cho người, cả hai đều nhiếp thuộc hạnh tà dục. Hoặc vì lập công, hoặc lại trộm cướp mà che giấu, hoặc nhân cuống siểm phương tiện kiêu loạn, hoặc nhân được gửi gắm mà hành tà hạnh, như vậy đều gọi là tội hành tà dục.

Lại hoặc vì nguyên nhân của mình mà nói vọng ngữ, hoặc nhân người, hoặc nhân kinh sợ, hoặc nhân tài lợi mà nói vọng ngữ. Tất cả đều gọi là vọng ngữ. Hoặc không thấy nghe hiểu biết mà nói thấy nghe hiểu biết, hoặc thấy nghe hiểu biết mà nói không thấy nghe hiểu biết. Hoặc ghi chép trình bày, hoặc dùng phương tiện biểu lộ nghĩa, hoặc dùng tướng động chi phần cơ thể biểu hiện, hoặc làm chứng mà nói, hoặc tự nói, hoặc bảo người nói, tất cả như vậy đều gọi là tội vọng ngữ.

Lại hoặc dùng sự thật để hủ chê người, dùng lời nói để gây chia lìa, gọi là lời nói ly gián. Hoặc phương tiện dùng lời không thực giả dối, bày đặt nói để tổn hoại người, hoặc nương sự gần gũi cấp thí, hoặc nương biết bạn đang cần được giúp đỡ mà bày đặt nói, gọi là ly gián. Hoặc duyên lợi mình, hoặc duyên tổn người, hoặc do người dạy, hoặc hiện phá đức, hoặc hiện sợ hãi, hoặc vì chia lìa, hoặc tự mình phát lời, hoặc khiến người phát đều là tội ly gián.

Lại hoặc đối với người phát lời cay độc gọi là lời thô ác. Hoặc không ở trước mặt, hoặc đối trước đại chúng, hoặc biên chép biểu thị, hoặc giả hiện tướng, hoặc nương mình tự nói, hoặc nương người nói, hoặc nhân trạo cử, hoặc nhân không bình tĩnh, hoặc nương chủng tộc quá thất, hoặc nương y chỉ quá thất, hoặc nương tác nghiệp cấm giới hiện hành quá thất, hoặc tự phát lời cay độc, hoặc khiến người phát lời, tất cả như vậy đều gọi là tội nói lời thô ác.

Lại hoặc nương múa hát mà phát ca từ gọi là ý ngữ; hoặc nương làm trò, hoặc nương cả hai, hoặc không nương cả hai mà phát ca từ đều gọi là ý ngữ.

Hoặc năng dẫn thư luận vô nghĩa bên ngoài Phật pháp, đem lòng yêu quý mê đắm gìn giữ khen ngợi, dùng âm thanh lớn đọc tụng, lại rộng vì người diễn giảng phân biệt, đều gọi là ỷ ngữ. Hoặc nương đầu tranh kiện tụng mà phát lời, hoặc ở trong chúng đông vui thích nói bàn việc vua, việc quan, việc giặc, nói rộng cho đến đất nước... đều gọi là ỷ ngữ. Hoặc nói lời vọng ngữ, hoặc nói lời ly gián, hoặc nói lời thô ác, thấp cho đến không suy không nghĩ phát lời vô nghĩa, đều gọi là ỷ ngữ. Lại nương 7 sự mà phát lời ỷ ngữ: 1. Đấu tranh kiện tụng mà phát lời; 2. Lời chú thuật ác của các Bà-la-môn; 3. Lời khổ bức bách; 4. Lời cười giỡn trêu ghẹo mua vui; 5. Lời phát ở nơi tạp chúng; 6. Lời cuồng điên; 7. Lời tà mạng. Tất cả như vậy đều gọi là tội ỷ ngữ.

Lại đối với gia chủ mà khởi mong muốn như vậy: “Vì sao ta không cùng với gia chủ lãnh thọ các nô bộc, tùy thích mà sai sử họ”. Đây gọi là tham dục. Lại khởi mong muốn đây: “Gia chủ kia có cha mẹ, vợ con, nô tỳ và các người làm, nói rộng cho đến bảy sự nhiếp thọ, mười sự tư thân như ăn uống... đều sẽ thuộc sở hữu của ta”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao để khiến người biết được ta

thiếu dục tri túc, dũng mãnh tinh tấn xa lìa, an trụ chánh niệm, tịch tĩnh thông huệ, các lậu tận hẳn, thí giới đa văn?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến người cúng dường cho ta? Từ quốc vương cho đến thương chủ, hoặc Bí-sô, Bí-sô-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ... đều sẽ cung kính tôn trọng thừa sự cúng dường cho ta?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta sẽ được lợi dưỡng, y phục, uống ăn, tọa ngọa cụ, thuốc trị bệnh và các vật nuôi thân?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta sanh lên cõi trời đủ năm diệu dục tha hồ du hí?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta hy hữu sanh trong chúng đồng phạm trong thế giới Lỗ-đạt-la, thế giới Tỳ-sát-nô, thế giới người, cho đến khiến ta sẽ sanh trong chúng đồng phạm ở cõi trời Tha hóa tự tại?”. Lại khởi mong muốn đây: “Làm sao khiến ta sẽ có được cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nô bộc, bạn hữu quan khách thân thích, anh em đồng phạm hạnh... sở hữu tài sản?”. Tất cả như vậy đều nhiếp thuộc nghiệp đạo tham dục.

Hoặc tác nghĩ như vậy: “Kia đối với ta vui muốn làm điều vô nghĩa, thì ta đối với kia phải làm điều vô nghĩa”. Đây gọi là sân khuê. Lại tác

ngĩ đây: “Kia đối với chỗ ta đã làm, đang làm, sẽ làm vô nghĩa. Ta cũng đối với kia phải làm điều vô nghĩa”. Đây cũng gọi là sân khuể. Như vậy rộng thuyết chín sự não hại nên biết cũng vậy.

Lại tác nghĩ đây: “Làm sao ta năng khiến tổn hại oan gia, bạn ác mà ta được tự tại. Kia hoặc bị trói cột hãm hại, đánh đập, xua đuổi, hoặc bị hành hạ trừng phạt, hoặc bị tán hao tài sản, hoặc thê thiếp, bạn hữu, quyến thuộc, nhà cửa đều bị đoạt mất...”. Tâm não hại đây cũng gọi là sân khuể. Lại tác nghĩ đây: “Làm sao khiến oan gia, bạn ác năng làm tổn ta gặp phải những sự khổ não như đã thuyết ở trên”. Tâm tổn hại đây cũng gọi là sân khuể. Lại tác nghĩ đây: “Nguyện kia tự nhiên thân, ngữ, ý phát khởi làm như vậy, như vậy... do đây tan mất tiền của, bạn hữu, quyến thuộc, tiếng tăm, an vui, thọ mạng và các thiện pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ đọa trong các đường ác”. Tất cả tâm não hại như vậy đều gọi là nghiệp đạo sân khuể căn bản.

Lại nếu tác nghĩ đây: “Nhất quyết không thĩ”. Đây gọi là tà kiến, nói rộng cho đến hủy báng nhân, hủy báng dụng, hủy báng quả, hoại việc chân

thiện. Tất cả như vậy đều gọi là nghiệp đạo tà kiến căn bản.

Hỏi: Tất cả diên đảo kiến đều gọi là tà kiến, cơ sao Thế Tôn ở nơi nghiệp đạo như vậy chỉ thuyết kiến phỉ báng gọi là tà kiến?

Đáp: Bởi vì tà kiến đây vượt trội hơn cả trong các tà kiến. Vì cơ sao? Do nương tà kiến đây làm y chỉ khiến Sa-môn, Bà-la-môn đoạn dứt thiện căn. Lại tà kiến đây rất thuận với nghiệp ác, kẻ tà kiến tùy ý mà hành các pháp ác. Cho nên khéo thuyết kiến đây thuộc trong nghiệp đạo ác kia. Nên biết các kiến còn lại không gì không tương ưng với tự tướng tà kiến.



Quyển 60

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐÌA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐÌA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐÌA

Phần 3

Lại nữa, do 5 nhân duyên khiến sát sanh thành nặng. Những gì là năm? 1. Do ý vui; 2. Do phương tiện; 3. Do không sửa trị; 4. Do tà chấp; 5. Do sự việc.

Hoặc do ý vui tham dục mạnh mẽ mà làm, hoặc do ý vui sân khúe mạnh mẽ mà làm, hoặc do ý vui ngu si mạnh mẽ mà làm, thì gọi là sát sanh nặng. Trái với tướng trên gọi là sát sanh nhẹ.

Hoặc nghĩ rằng: “Ta nên sẽ làm, đang làm, đã làm”, tâm liền nháy nhót, tâm sanh sung sướng. Hoặc tự mình làm, hoặc khuyến khích người làm, hoặc khen ngợi tán thán khích lệ kia làm, thấy người đồng pháp ý liền thỏa mãn vui mừng. Trường thời nghĩ lường, trường thời tích chứa, tâm oán hận rồi mới gây tạo, gây tạo không gián đoạn, gây

tạo mạnh mẽ. Hoặc cùng một lúc chặt giết nhiều loại. Hoặc do nhân duyên phát nghiệp kiên cố mà hành sát hại. Hoặc khiến hãi sợ, không còn chỗ nương mới hành sát hại. Hoặc đối người khổ không nơi nương tựa, bần cùng, buồn bã, sầu thảm... mà hành sát hại. Tất cả như vậy là do phương tiện khiến sát sanh thành nặng.

Hoặc chỉ hành sát giết, chẳng thể ngày ngày cho đến rất ít phần của ngày trì một học xá. Hoặc cũng chẳng năng tám ngày trong một tháng, nửa tháng, ngày mười bốn, ngày rằm... mà thọ trì trai giới. Hoặc cũng chẳng thể ở mỗi thời gian hành huệ thí, làm phước, thiết lễ hành nghiệp chấp tay, cung kính, lễ bái... Lại cũng không có lúc phát khởi tâm quý tặng thưởng, ăn năn những việc làm ác. Lại không chứng đắc ly dục thế gian, cũng chẳng chứng đắc chân pháp hiện quán. Tất cả như vậy là do không sửa trị khiến sát sanh thành nặng.

Hoặc các Sa-môn, các Bà-la-môn theo đuổi tế tự tà ác, nhẫn đến chấp cho việc hành sát giết đây là chánh pháp, do tà chấp đây gọi là sát sanh nặng. Tâm nghĩ như vậy: “Giết dê không tội, bởi dê kia là vật nuôi mạng sống do Thế chủ hóa ra”.

Các kẻ nương tà kiến mà hành sát hại như vậy, vì đều là tà chấp nên gọi là sát sanh nặng.

Hoặc sát hại chúng sanh có thân lớn, đây do sự việc gọi là sát sanh nặng. Hoặc sát hại người, hoặc tướng người, hoặc cha, hoặc mẹ, hoặc những bậc đáng tôn trọng khác. Hoặc sát hại những người quy y, hoặc các hữu học, hoặc các Độc giác, bậc A-la-hán, chư Bồ-tát. Hoặc đối với Như Lai, tác ý sát hại, ác tâm làm chảy máu, nhưng tánh Như Lai lẽ không thể sát hại. Tất cả như vậy do sự việc nên gọi là sát sanh nặng. Trái với tướng nhân duyên đã thuyết ở trên mà sát sanh gọi là sát sanh nhẹ.

Lại nữa, nay sẽ thuyết chẳng cho mà lấy... do sự việc nên có nhẹ nặng sai khác, tùy chỗ thích hợp nên biết như sát. Hoặc trộm cướp nhiều gọi là không cho mà lấy nặng. Như vậy cho đến hoặc trộm cướp đồ tốt đẹp, trộm cướp vật gởi gắm, trộm cướp của kẻ nghèo cùng, trộm cướp của Phật, của Pháp, của chúng xuất gia. Hoặc trộm cướp của chúng hữu học, trộm cướp của A-la-hán, trộm cướp của các Độc giác, trộm cướp của Tăng. Hoặc trộm cướp sở hữu tài vật ở chỗ tháp, chỗ thờ Phật, linh miếu. Hoặc vào thôn xóm mà hành trộm cướp. Tất cả

như vậy do sự việc gọi là chẳng cho mà lấy nặng.

Lại nữa, hành hạnh không được phép đối với mẹ, chị, thê thiếp của người gởi gắm, hoặc người trụ cấm giới, hoặc Bí-sô-ni, hoặc Cần sách nữ, hoặc Chánh học, tất cả như vậy là do sự việc gọi là hành tà dục nặng. Trong đây, hành chẳng phải chi đó là ở mặt, do việc đây nên gọi là hành tà dục nặng. Hành chẳng phải lúc là lúc thọ trai giới, hoặc lúc thai đã già, hoặc lúc có trọng bệnh, do việc đây nên gọi là hành tà dục nặng. Hành chẳng phải chỗ là hoặc chỗ thờ Phật, hoặc chùa chiền, do việc đây gọi là hành tà dục nặng.

Lại nữa, hoặc vì lừa dối để lấy nhiều tài bảo của người, hoặc lành tốt, hoặc đẹp diệu mà nói vọng ngữ, do việc đây gọi là vọng ngữ nặng. Đối với những chỗ ủy tín hoặc cha hoặc mẹ, nói rộng cho đến chỗ Phật mà nói vọng ngữ, do việc đây gọi là vọng ngữ nặng. Hoặc vọng ngữ khiến người sát sanh, tổn hao mất mát tài vật cùng với thê thiếp, các việc đây nếu được làm xong trọn vẹn thì kết thành hoặc sát sanh cực nặng, hoặc chẳng cho mà lấy nặng, hoặc hành tà dục nặng. Do sự việc trầm trọng đây mà gọi là vọng ngữ nặng. Trong các sự vọng ngữ, vọng ngữ

nặng phá hoại Tăng là nặng nhất.

Lại nữa, hoặc đối với người trường thời tích tập thân ái mà lại phá hoại, do việc trầm trọng đây gọi là lời ly gián nặng. Hoặc phá hoại người khiến lìa bạn lành, cha mẹ, nam nữ; hoặc dùng lời ly gián để phá hòa hợp Tăng; hoặc dùng lời ly gián nặng dẫn đến việc sát sanh, chẳng cho mà lấy, hành tà dục, nên biết như đạo lý đã thuyết ở trước. Tất cả như vậy là do sự việc trầm trọng gọi là lời ly gián nặng.

Lại nữa, hoặc đối với cha mẹ, sư trưởng mà phát lời thô ác, do sự việc trầm trọng đây gọi là lời thô ác nặng. Hoặc đem điều chẳng thật, chẳng chân, vọng ngữ mà hiện tiền hủy mắng quở trách người, do sự việc trầm trọng đây gọi là lời thô ác nặng.

Lại nữa, phạm các lời nói thù dật đều di theo lời nói vọng, nên hết thấy tội nặng nhẹ của ý ngữ đây đều như vọng ngữ mà biết. Hoặc nương các việc đấu tranh, kiện tụng, cãi vã... mà khởi ý ngữ cũng gọi là nặng. Hoặc dùng tâm nhiễm ô, ở nơi các điển tích nặng dẫn vô nghĩa của ngoại đạo mà lại đọc tụng khen tặng, rộng vì người nói, do việc

đây gọi là ý ngữ nặng. Hoặc đối với cha mẹ, quyến thuộc, sư trưởng mà lộng ngôn trêu ghẹo cười cợt, hiện nói lời không hợp đạo lý, do sự việc đây gọi là ý ngữ nặng.

Lại nữa, hoặc sở hữu tài bảo thuộc chùa chiền, nơi thờ Phật, tháp Phật... mà sanh lòng tham muốn, do sự việc đây gọi là tham dục nặng. Hoặc ở nơi đức của mình mà khởi tăng thượng mạn tự cho là bậc trí giả, cho đến đối với quốc vương, đại thần, quý tộc, các bậc sư trưởng và các đồng phạm hạnh thông tuệ... lại khởi muốn tăng thượng, tham cầu lợi dưỡng, gọi là tham dục nặng.

Lại nữa, đối với cha mẹ, quyến thuộc, sư trưởng mà khởi tâm tổn hại, do việc đây nên gọi là sân khuể nặng. Lại đối với kẻ nghèo khổ bản cùng, cô độc đáng thương mà khởi tâm tổn hại, do sự việc đây gọi là sân khuể nặng. Lại đối với người thành tâm đến quay đầu và người có ân mà lại khởi tâm tổn hại, do sự việc đây gọi là sân khuể nặng.

Lại nữa, hoặc có kẻ ở trong tất cả tà kiến mà lại năng phỉ báng tất cả tà kiến khác. Kẻ đây vì phỉ báng tất cả môn chuyển, cho nên gọi là tà kiến nặng. Hoặc có sở kiến cho rằng: “Thế gian không

có chân thật A-la-hán chánh chí chánh hạnh”, cho đến nói rộng, tà kiến đây do sự việc nên gọi là tà kiến nặng.

Như vậy, tùy chỗ thích hợp trái với các tướng của tất cả sự việc đã nói ở trên đều gọi là nhẹ.

Lại nữa, sát sanh khiến dẫn phát các nghiệp bất thiện, hoặc có gây tạo mà không tăng trưởng, hoặc có tăng trưởng mà không gây tạo, hoặc cũng có gây tạo cũng tăng trưởng, hoặc không gây tạo cũng không tăng trưởng.

Câu thứ nhất: Không có nhận thức phân biệt, đó là việc làm của trẻ con, hoặc việc làm của người trong mộng, hoặc không suy nghĩ mà làm, hoặc mình không muốn mà bị người bức bách khiến làm. Hoặc nếu có tạm thời làm, tức thời khởi tâm hối hận mạnh mẽ và tâm nhằm chán họa hoạn, tâm chân thành tự trách xa lìa, chân chánh thọ luật nghi khiến kia mỏng nhẹ, không đợi quả báo liền phát khởi đạo ly dục thế gian khiến chúng tử kia bị tổn hại, kể lại khởi đạo xuất thế vĩnh viễn đoạn trừ chúng tử kia.

Câu thứ hai: Như có người vì tổn hại sanh mạng, nên trong đêm dài luôn suy nghĩ việc kia.

Do nhân duyên đây, kia theo đuổi tăng tướng sát sanh dẫn đến pháp ác bất thiện, nhưng chưa năng gây tạo nghiệp sát sanh.

Câu thứ ba: Ngoại trừ những tướng thuộc phần có gây tạo mà không tăng trưởng và tăng trưởng mà không gây tạo đã nói, tất cả tướng nghiệp sát sanh còn lại.

Câu thứ tư: Trừ các tướng đã thuyết trên, các tướng còn lại.

Như vậy, chẳng cho mà lấy... cho đến ý ngữ còn lại, tùy chỗ thích hợp nên biết như sát sanh. Ở trong tham dục, sân khuể, tà kiến thì không có câu thứ hai. Ở câu đầu thì không có “chẳng nghĩ mà gây tạo” và “bị người bức bách khiến làm”. Còn lại như trước đã thuyết.

Lại nữa, nếu gần gũi, luôn tích tập, nhiều gây tạo việc sát sanh, sẽ sanh trong địa ngục. Đây gọi là quả dị thực của sát sanh. Nếu từ kia chết đi đến sanh đồng phạm trong chúng nhân gian, thì thọ lượng ngắn ngủi. Đây gọi là quả đẳng lưu của sát sanh. Ở khí thế gian bên ngoài, thức ăn uống, trái cây đều ít thanh ngọt. Thế lực dị thực và uy đức thấy đều mỏng kém, tan biến thất thường, tật bệnh

sanh trưởng. Do nhân duyên đây vô lượng hữu tình chưa hết thọ mạng, không đúng thời mà chết yếu. Đây gọi là quả tăng thượng của sát sanh. Ngoài ra các nghiệp đạo còn lại có hai quả đẳng lưu và dị thực sai biệt như trong kinh đã thuyết. Nay Ta sẽ thuyết quả tăng thượng.

Hoặc khí thế gian có các quả ít ngon ngọt, quả không tăng trưởng, quả nhiều thối hoại, quả không chân thật, không nhẫn bóng, quả nhiều khô héo, hoặc hoàn toàn không có quả. Tất cả như vậy gọi là quả chẳng cho mà lấy tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có nhiều thứ dơ bẩn phần ược bất tịnh, nơi sanh nhiều vật bất tịnh hôi thối bức bách, phàm có các sở hữu đều không đáng vui thích. Tất cả như vậy là quả hành tà dục tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có các sự nghiệp thế tục như làm nông, đi thuyền... không thể phát triển lợi tức, thiếu ít tiện nghi, gặp nhiều nhân duyên khiến kinh hãi, nhiều việc không thuận hòa. Tất cả như vậy là quả vọng ngữ tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có đất địa gò nổi, lở bồi, hiểm trở khó đi, có nhiều nhân duyên gây

kinh hãi khiếp sợ. Tất cả như vậy là quả lời ly gián tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi đất địa có nhiều gốc cây, bụi cây có gai độc châm chích, cát đá khô cằn, không có độ ẩm, không có ao hồ, sông suối cạn kiệt, ruộng đất nước mặn nứt nẻ, gò nông hiểm trở, có nhiều nhân duyên gây kinh sợ. Tất cả như vậy là quả lời thô ác tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có cây trồng không cho quả đúng mùa, quả chín phi thời, vườn rừng ao hồ có nhiều điều chẳng tốt lành, có nhiều nhân duyên gây kinh sợ. Tất cả như vậy là quả ỷ ngữ tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi tất cả sự việc hưng thịnh tốt đẹp đều bị suy tổn. Năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm... dần dần suy giảm. Chỗ có các khí, các vị chỉ giảm dần không tăng thêm. Tất cả như vậy gọi là quả tham dục tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có nhiều các phiền não tai họa quấy nhiễu, bệnh tật, oán địch đe dọa, tạp loại cầm thú như sư tử, chó sói, rắn rít, bò cạp, muỗi mòng, loài nhiều chân, võng lợng, dơi-xoa, giặc cướp... Tất cả như vậy gọi là quả sân khúế tăng thượng.

Hoặc khí thế gian nơi có hoa quả thơm ngon bậc nhất thấy đều ẩn mất, đối với các vật bất tịnh cho là thanh tịnh, đối với các việc khổ não cho là an vui, chẳng phải là nơi có thể yên sống, chẳng phải là nơi cứu hộ, chẳng phải là chỗ nương về. Tất cả như vậy là quả tà kiến tăng thượng.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Sát sanh có ba chủng, đó là sự sanh khởi của tham, sân, si, cho đến tà kiến cũng lại như vậy”. Nghĩa sai biệt của các chủng đây nên biết thế nào? Hoặc sát hại chúng sanh có máu thịt... hoặc khởi tâm nghĩ sát hại kia rồi sẽ cướp lấy tài vật, hoặc có người thuê, hoặc vì báo ân, hoặc bị bạn thù nhiếp, hoặc cầu làm bạn, hoặc vì y phục, thức ăn, mạng sống nên tuân lời chủ dạy mà hành sát hại; hoặc cho là kẻ kia năng làm suy tổn, hoặc cho là kẻ kia năng làm chướng tài lợi mà hành sát hại. Như tài lợi, thì suy tổn, hủy chê, xưng khen, giễu cợt, khổ vui tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Tất cả như vậy do tham khiến phát sanh nghiệp đạo sát sanh.

Lại nữa, hoặc cho là kẻ kia đối với mình vui làm vô nghĩa mà hành sát hại, hoặc suy nghĩ kẻ kia đối với mình từng làm vô nghĩa, hoặc sợ kia đối

với mình sẽ làm điều vô nghĩa, hoặc thấy kia đối với mình đang làm điều vô nghĩa mà hành sát hại... nói rộng cho đến chín sự nào đều như vậy mà biết. Tất cả gọi là do sân khuể khiến phát sanh nghiệp đạo sát sanh.

Lại nữa, hoặc kể chấp cho là vì pháp mà hành sát hại, như nghĩ: “Ta là bạn lành của các chúng sanh khác, kẻ kia nhân ta giết, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh thiên”. Sát hại như vậy từ si phát sanh. Hoặc tâm tác nghĩ như vậy: “Vì tôn trưởng, vì pháp nên phải sát hại”. Hoặc tâm tác nghĩ: “Các kẻ phỉ báng Phạm thiên, Thế chủ, mắng chửi pháp Bà-la-môn phải bị sát hại”. Tâm sát hại như vậy từ si phát sanh. Hoặc kể chấp cho việc gây tạo và tăng trưởng sát sanh không có quả dị thực. Hoặc lại vì người nói bày khuyến khích hành nghiệp sát sanh, kẻ kia được khích lệ nên theo đó làm các việc sát. Khi kia khích lệ người thành được tội sát, tức từ si phát sanh. Hoặc có kẻ hư vọng kể chấp cho là đem cha mẹ thân thuộc ném vào trong lửa, bỏ trên núi, nơi đồng hoang là pháp chân chánh. Tất cả như vậy gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo sát sanh.

Từ đạo lý do si phát sanh nghiệp đạo sát sanh, các nghiệp khác về sau cho đến tà kiến nên biết cũng vậy.

Lại ở nơi tiền của, vật thực của người mà trộm lấy gọi là chẳng cho mà lấy. Đây do tham dục mà phát sanh. Hoặc được người thuê hành trộm cướp, hoặc vì mang ân nên bị hệ thuộc, hoặc cầu xin ân huệ về sau, hoặc vì y phục, thức ăn mà vâng lệnh chủ, hoặc vì tiếng khen, hoặc vì vui thích mà hành trộm cướp. Tất cả nghiệp chẳng cho mà lấy như vậy đều từ tham khiến phát sanh.

Hoặc tác hoặc nghĩ: “Kẻ kia đối với những việc ta vui mà làm vô nghĩa”, rộng thuyết cho đến chín sự nảo lực tăng thượng mà hành trộm cướp. Không hẳn vì tham đắm tài bảo của kia mà hành chẳng cho mà lấy, không hẳn mong cầu các tài vật khác mà hành chẳng cho mà lấy. Đây từ sân khuể mà phát sanh. Hoặc vì ghét người nên đốt tụ lạc, nhà cửa, tài vật, của báu... nên biết do sân khuể mà sanh tội tương ứng với trộm cắp. Hoặc vì bị bức chế, hoặc ghét kia nên sai người cướp đoạt phá hoại khiến kia tan mất tài bảo. Nếu khi người tuân lệnh làm như vậy, người ra lệnh mang tội chẳng

cho mà lấy. Đây gọi là từ sân khuể khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy.

Hoặc tâm tác nghĩ nầy: “Vì bậc tôn trưởng nên hành trộm cướp là chánh pháp”, đây gọi là si khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy. Hoặc tác tâm như vậy: “Nếu có người phỉ báng Phạm thiên, Thế chủ, chủi mắng pháp Bà-la-môn, phải nên đoạt lấy tài vật của kia”, đây do si khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy. Hoặc tác tâm: “Vì tế tự, vì chi tế tự, vật dùng để tế tự nên trộm cướp”, đây cũng do si khiến phát sanh tội chẳng cho mà lấy.

Lại nữa, hoặc thấy nghe việc hành tà hạnh, liền không như lý phân biệt, chấp giữ tướng ấy, cuốn theo sự trói buộc của tham dục triền mà hành phi pháp, gọi là tham phát sanh tội hành tà dục. Hoặc có người thuê liền âm thầm chấp nhận làm mai mối, do phương tiện đây hành tà dục. Kia do tham dục khiến phát sanh tội hành tà dục. Hoặc vì muốn nhiếp thọ bạn hữu tri thức, hoặc vì y phục, vật thực mà phụng mệnh chủ, hoặc vì tồn tại nên truy cầu tiền của, lúa thóc, vàng bạc, trân bảo mà hành tà hạnh. Tất cả như vậy gọi là do tham khiến phát sanh tội hành tà dục.

Hoặc khởi nghĩ đây: “Kia đối với ta vui làm điều vô nghĩa”, nói rộng cho đến lấy chín sự não hại lấy làm chỗ nương mà hành tà hạnh. Kẻ kia trước không bị sự trói buộc của tham dục triền, nhưng do đấu tranh lẫn nhau, vì báo oán, nên khích lệ người hành tà hạnh. Đây gọi là do sân khiến phát sanh tội hành tà dục. Hoặc vì ghét kia mà đem thê thiếp của kia khiến người hủy nhục. Khi kẻ thọ lệnh hành hạnh tà dục, người ra lệnh đạt đến sân khuể khiến sanh tội đồng như tội hành tà dục, là điều nặng nhất. Tất cả tội hành tà dục như vậy gọi là do sân khiến phát sanh.

Hoặc tâm tác nghĩ này: “Ra lệnh mẹ, cha, con cái làm việc tà hạnh. Nếu người không hành, đây có tội lớn. Nếu người hành tức có được phước lớn”. Phi pháp mà cho là pháp mà hành tà hạnh. Đây gọi là do si khiến phát sanh tội hành tà dục.

Lại nữa, hoặc vì lợi dưỡng mà nói vọng ngữ, hoặc vì sợ người tổn hại tài vật của mình, hoặc vì xưng khen, hoặc vì an ổn mà nói vọng ngữ. Tất cả như vậy gọi là từ tham khiến sanh nghiệp đạo vọng ngữ.

Hoặc nương chín sự não hại mà nói vọng ngữ,

gọi là từ sân khiến phát sanh nghiệp đạo vọng ngữ. Hoặc tác nghĩ đây: “Hoặc vì các tôn trưởng, hoặc vì đầy đủ vật cho pháp cúng tế mà phải nói vọng ngữ”. Vọng ngữ như vậy từ si phát sanh. Hoặc tác nghĩ đây: “Có các Sa-môn hoặc Bà-la-môn chống trái chư thiên, chống trái Phạm thế chủ, chống trái Bà-la-môn, ta đối với kia vọng ngữ là xứng thuận theo chánh pháp”. Vọng ngữ như vậy gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo vọng ngữ. Hoặc tác kế chấp “ở nơi các pháp chỉ là tướng pháp, ở nơi Tỳ-nại-da chỉ là tướng Tỳ-nại-da”, dùng tướng che đậy mà vọng ngữ nói là phá Tăng không phải phi pháp. Vọng ngữ như vậy cũng từ si phát sanh.

Như nghiệp đạo vọng ngữ, thì hai nghiệp đạo nói lời ly gián và nói lời thô ác tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, hoặc vì vui đùa mà hành ý ngữ. Hoặc vì muốn hiển mình thông huệ mà hành ý ngữ. Hoặc vì tài lợi, xưng khen, an ổn mà hành ý ngữ. Đây gọi là do tham khiến phát sanh đạo ý ngữ. Hoặc nương vào chín sự nảo hại mà nói ý ngữ, gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo ý ngữ. Hoặc ở trong ấy vì cầu chân thật, vì cầu bền chắc, vì cầu

xuất ly, vì cầu pháp mà hành ỷ ngữ, gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo ỷ ngữ.

Lại nữa, hoặc đối với hữu tình kia không oán ghét, nhưng có được đầy đủ tiền của và vật dụng nuôi thân tăng thượng, nên khởi tâm như vậy: “Tất cả sở hữu của kia, mong sao sẽ thuộc về ta”. Đây từ tham ái mà sanh tham ái, gọi là do tham khiến phát sanh nghiệp đạo tham dục. Hoặc đối với tài bảo của người không chấp cho là tốt đẹp, chỉ nương chín việc nào hại lực tăng thượng, khởi tâm như vậy: “Tất cả sở hữu của kia đều sẽ thuộc về ta”. Đây từ sân khuể mà sanh tham ái, gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo tham dục. Hoặc tác kế chấp đây: “Nếu ai muốn cầu sanh vào cõi trời Lỗ-đạt-la, trời Tỳ-sắc-nô, Thích, Phạm thế chủ, các thế giới kỳ diệu, nhiều trụ tâm vào các cõi đó, sẽ thu nhiều phước lớn”. Tác ý như vậy trụ tâm bền vững nơi ấy, đây gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo tham dục.

Lại hoặc vì tài lợi, xưng khen, an thân mà khởi tâm tổn hại hữu tình khác, không phải mình đối với kia phát sanh tưởng oán ghét, chỉ do hữu tình kia đem lòng oán ghét đối với mình. Đây từ

tham ái mà sanh sân khuể, gọi là do tham khiến phát sanh nghiệp đạo sân khuể. Hoặc nương chín sự nỗ lực tăng thượng, từ tưởng oán đối mà khởi tâm tổn hại, gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo sân khuể. Hoặc trụ pháp đây và pháp ngoại đạo, đối với kiến của Sa-môn, Bà-la-môn, tăng thêm ganh ghét, đối với kiến của người và kiến của Sa-môn, Bà-la-môn mà khởi tâm tổn hại. Đây gọi là do si khiến phát sanh nghiệp đạo sân khuể.

Lại hoặc tác nghĩ như vậy: “Những kẻ đây phát khởi bác bỏ không thí... cho đến nói rộng. Kẻ kia ở nơi vua... thu được cúng dường lớn và y phục...”. Vì suy nghĩ nghĩa đây lực tăng thượng mà khởi kiến như thế, đây gọi là do tham khiến phát sanh nghiệp đạo tà kiến. Hoặc tác nghĩ đây: “Có thí, có thọ... cho đến nói rộng, kẻ kế chấp như vậy thì làm tổn hại cho ta, nay ta không được đồng kiến với kẻ oán kia”. Kia do giận ghét mà khởi kiến “không thí, không thọ...” cho đến nói rộng. Đây gọi là do sân khiến phát sanh nghiệp đạo tà kiến. Hoặc ở nơi pháp không như lý tư duy quán sát thọ lượng, do phương tiện đây dẫn dắt tâm tứ khiến phát khởi tà kiến. Đây gọi là do si khiến phát sanh

nghiệp đạo tà kiến.

Lại nữa, nghiệp đạo sát sanh dụng ba chủng là tham, sân, si làm phương tiện, do sân khiến đến rốt ráo. Như nghiệp đạo sát sanh thì nghiệp đạo thô ngữ, sân khuể cũng vậy. Nghiệp đạo chẳng cho mà lấy dụng ba chủng làm phương tiện, do tham khiến đến rốt ráo. Như chẳng cho mà lấy, thì nghiệp đạo tà hành, tham dục cũng vậy. Trừ tà kiến, thì nghiệp đạo còn lại dụng cả ba chủng làm phương tiện, do cả ba chủng khiến đến rốt ráo. Nghiệp đạo tà kiến dụng ba chủng làm phương tiện, do si khiến đến rốt ráo.

Lại nữa, sáu nghiệp đạo sát sanh, tà hành, vọng ngữ, ly gián, thô ngữ, sân khuể, thì hữu tình làm chỗ khởi. Nghiệp đạo chẳng cho mà lấy và nghiệp đạo tham dục, thì tài bảo vật dụng làm chỗ khởi. Nghiệp đạo ỷ ngữ thì thân làm chỗ khởi. Nghiệp đạo tà kiến thì các hành làm chỗ khởi.

Lại nữa, do ba nhân duyên khiến nghiệp đạo bất thiện thành tánh ác bất thiện cực đầy đủ. Những gì là ba? 1. Do lỗi tự tánh; 2. Do lỗi nhân duyên; 3. Do lỗi ô nhiễm chồng chất.

Trong đây sát sanh dẫn dắt suy nghĩ, cho đến

tà kiến dẫn dắt suy nghĩ tương ưng kia. Như vậy tất cả vì tánh nhiễm ô, vì tánh bất thiện, nên gọi là do lỗi tự tánh mà thành ác. Nếu lấy tham dục, sân khú, ngu si triền mãn lợi làm chỗ phát khởi, tức đây cũng gọi là do lỗi nhân duyên mà kia thành tánh ác rất nặng, thành bất thiện bậc thượng, năng dẫn quả không đáng yêu thích tăng thượng. Nếu đến rốt ráo, tức đây cũng gọi là do lỗi ô nhiễm chồng chất thành ác cực nặng, thành bất thiện bậc thượng, năng dẫn quả không đáng yêu thích tăng thượng. Vì có sao? Nếu dụng tâm nhiễm ô thì chỉ năng dẫn phát khổ không đáng yêu thích và không hân duyệt, nhưng vì tâm của kẻ kia bị cuốn theo thế lực khổ, năng dẫn phát khổ do suy nghĩ, theo đó đạt đến tội rộng lớn, cho nên gọi là lỗi ô nhiễm chồng chất. Tuy kẻ kia chưa phát tướng tâm như vậy: “Những kẻ năng dẫn phát khổ ngã ấy sẽ đạt đến tội lớn”, nhưng pháp nhĩ của kia đã đạt đến đại tội. Việc kia thế nào? Ví như đá nam châm tự nó tuy không tác ý mong cầu các vật khác hút vào mình, nhưng do pháp nhĩ của kia, khi vật gần nam châm, không cần lực tác động mà tự hút vào. Đạo lý đây nên biết cũng vậy. Thí dụ như ngọc

châu ban ngày nên biết cũng vậy. Lại ở nơi các vật trên, một mình nó không có pháp kia, chỉ vì uy lực của nó phát sanh khiến các pháp kia đến nương gá lẫn nhau mà gọi là ô nhiễm chồng chất. Nên biết sự chuyển biến đây là do uy lực của kia khiến phát khởi. Như uy thế nghiệp lực của bốn đại chủng dẫn phát sanh khởi chủng chủng tánh cứng chắc, tánh ẩm ướt, tánh ấm nóng, tánh chuyển động, chẳng phải riêng đại chủng bên ngoài có chủng chủng các tánh như vậy. Tức là do duyên thế lực nghiệp của đại chủng như vậy mà chuyển biến. Như duyên uy thế nghiệp lực chuyển biến như vậy, thì duyên lực gia hạnh thần túc chuyển biến phải biết cũng vậy. Lại như Ma vương mê hoặc tâm của Bà-lê-dược-ca, các Bà-la-môn, trưởng giả... khiến họ thay lòng bạo ác đối với Thế Tôn, chẳng phải nơi tâm họ có pháp ghét riêng gọi là mê hoặc, chỉ do thế lực của Ma vương vào các tâm kia khiến họ chuyển tâm cực bạo ác như thế. Nên biết đạo lý đây cũng vậy.

Lại nữa, như trước đã thuyết về nghiệp gây tạo và tăng trưởng, hoặc trước đã thuyết do năm nhân duyên khiến thành nghiệp cực nặng, gọi là

nghiệp quyết định lãnh thọ. Trái với tướng đây gọi là nghiệp lãnh thọ bất định.

Lại có 4 nghiệp: 1. Quyết định dị thực; 2. Quyết định thời phần; 3. Đầy đủ cả hai quyết định; 4. Không đầy đủ cả hai quyết định. Tuy nghiệp bất thiện của chư A-la-hán hoặc do đời trước gây tạo, hoặc do ở vị dị sanh gây tạo quyết định lãnh thọ, nhưng trải qua sự bức não của khổ rất nhẹ, gọi là quả báo đã chín muồi. Nếu đã chuyển y, vì chủng tử quả báo đều đã vĩnh viễn hại diệt, nên tất cả đều không lãnh thọ. Vì cơ sao? Bởi chư Phật Thế Tôn nương vị trí chưa đắc giải thoát tương tục mà kiến lập nghiệp quyết định lãnh thọ.

Hỏi: Nếu cùng một lúc cũng dẫn dắt kia đến, cũng đoạt lấy chúng sanh tức là đoạn mạng nó, đây nói là một nghiệp hay hai nghiệp?

Đáp: Phải nói là hai nghiệp, vì chuyển quá nhanh. Ở nơi hai nghiệp đây do tăng thượng mạn mà cho là một. Nếu cho là: “Ta phải dẫn nó đến” là suy nghĩ thứ nhất. Vào lúc đoạt lấy lại cho là “Ta phải đoạt mạng nó” là suy nghĩ thứ hai. Nếu khi dẫn nó đến mà lại không đoạt mạng kia ư? Nếu khi đoạt mạng kia mà lúc ấy không dẫn kia đến ư?

Vì chuyển quá nhanh nên sanh tăng thượng mạn cho là cùng một lúc. Cho nên trong đây phân làm hai nghiệp.

Lại nữa, lược do 3 nhân duyên nên thành nghiệp lãnh thọ hiện pháp. Những gì là ba? 1. Vì ruộng rộng lớn; 2. Vì tư duy rộng lớn; 3. Vì thanh tịnh tương tục.

Do 5 chủng tướng thành ruộng rộng lớn: 1. Từ nơi tất cả hữu tình, phát khởi an trụ tăng thượng ý lạc làm lợi ích an lạc bậc nhất, đó là Từ đẳng chí; 2. Từ nơi tất cả hữu tình, phát khởi an trụ tâm giúp đỡ bậc nhất, đó là Vô tránh đẳng trì; 3. Từ vui tịch tĩnh Niết-bàn bậc nhất như bậc Thánh, phát khởi an trụ, đó là Diệt tận đẳng chí; 4. Đã đắc luật nghi “không làm điều bất thiện”, đó là quả Dự lưu; 5. Cực rốt ráo thanh tịnh tương tục, đó là A-la-hán và Phật, Đại Bí-sô Tăng làm thượng thủ. Như vậy gọi là tánh ruộng rộng lớn.

Nếu đối với đây, lấy tín thanh tịnh ân trọng thâm sâu, tâm thanh tịnh xả tài bảo, đây gọi là tánh tư duy rộng lớn.

Nếu ở trong sanh đời trước, đối với vật thực, y phục... mà người có được, do thân ngũ ý không gây

chương ngại, cũng không suy lường, không phát khởi tâm nhiệm ô, phát khởi “không gây chương ngại” tương tục, nên biết như vậy gọi là thanh tịnh tương tục.

Nếu ở nơi ba chủng nhân duyên đây mà đây đủ tất cả, nên biết nghiệp kia nhất định lãnh thọ hiện pháp, cũng lãnh thọ lúc còn sống, cũng lãnh thọ ở đời sau. Nếu trái ba chủng nhân duyên đây mà khởi nghiệp bất thiện, nên biết cũng thành nghiệp quyết định lãnh thọ ở hiện pháp. Hoặc có một sát-na nghiệp sanh cũng lãnh thọ ở hiện pháp. Hoặc có một sát-na nghiệp sanh cũng lãnh thọ ở hiện pháp, cũng lãnh thọ lúc còn sống. Hoặc có một sát-na nghiệp sanh lãnh thọ cả ba đời. Ví như một sợi tơ rất mảnh chỉ có thể buộc một cái hoa, không thể buộc thêm. Lại có sợi tơ có thể buộc hai cái hoa, không thể buộc thêm. Lại có sợi tơ có thể buộc nhiều cái hoa, đã buộc nhiều hoa lượng dây mới hết. Lại như dòng nước thứ nhất, lượng nước chảy rất ít, chỉ chảy qua một đoạn ngắn sức nước chảy liền kiệt. Lại như dòng nước thứ hai, lượng nước chảy nhiều hơn một chút, chảy gấp hai lần đoạn trước sức nước chảy mới kiệt. Lại như dòng

nước thứ ba, lượng nước chảy rộng lớn, chảy qua một đoạn rất dài sức nước chảy mới kiệt. Trong đây đạo lý các nghiệp sai khác nên biết cũng vậy.

Lại nữa, mười chủng nghiệp đạo bất thiện chỉ ở hệ buộc Dục giới, cũng chỉ năng chiêu cảm dị thực Dục giới, nhiều ở đường ác, ít ở đường thiện.

Lại lúc ở quả Dự lưu thì nghiệp đường ác đều đã đoạn tận. Hoặc các dị sanh ly dục thế gian, sanh ở các cõi trên, thì tất cả nghiệp đường ác đều tiềm ẩn mà chưa vĩnh viễn đoạn trừ. Hoặc quả Bất hoàn, thân vẫn còn trụ ở đây hay sanh ở các cõi trên và các A-la-hán thì nghiệp bất thiện thấy đều rất ráo đoạn trừ. Hoặc chư Bồ-tát đã chứng nhập *Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa* thì tất cả nghiệp bất thiện đều rất ráo đoạn trừ. Đây chỉ do lực ngăn chặn gìn giữ của không quên mất chánh niệm, chẳng phải do đắc lìa hệ buộc phiền não.

Lại tư duy đây là nghiệp, chẳng phải nghiệp đạo. Sát sanh cho đến y ngữ cũng là nghiệp, cũng là nghiệp đạo. Tham khuể, tà kiến là nghiệp, chẳng phải nghiệp đạo. Các nghiệp đạo đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Sau Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh, tướng, rộng, lược
 Phương tiện và nặng nhẹ
 Tăng giảm và Du-già
 Dẫn quả sanh, quyết trạch.*

Như vậy đã thuyết quyết trạch về Nghiệp đạo tạp nhiễm. Nay ta sẽ thuyết quyết trạch về **Sanh tạp nhiễm**.

Như nghĩa sanh tạp nhiễm đã thuyết ở trước, nên biết sanh đây lược có 11 chủng: 1. Sanh một hướng lạc, đó là một phần chư thiên; 2. Sanh một hướng khổ, đó là các chúng sanh ở địa ngục; 3. Sanh khổ lạc xen lẫn, đó là một phần chư thiên, người, quỷ, bàng sanh; 4. Sanh không khổ không lạc, đó là một phần chư thiên; 5. Sanh một hướng không thanh tịnh, đó là dị sanh ở Dục giới; 6. Sanh một hướng thanh tịnh, đó là Bồ-tát đã chứng đắc tự tại; 7. Sanh thanh tịnh, không thanh tịnh, đó là dị sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới; 8. Sanh không thanh tịnh, xứ thanh tịnh, đó là sanh tại Dục giới, pháp Bát-niết-bàn, xứ yên ổn; 9. Sanh thanh tịnh, xứ không thanh tịnh, đó là dị sanh sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới; 10. Sanh không thanh tịnh, xứ không

thanh tịnh, đó là dị sanh sanh ở Dục giới, không pháp Bát-niết-bàn; hoặc giả sử có pháp Bát-niết-bàn, thì sanh chốn không yên ổn; 11. Sanh thanh tịnh, xứ thanh tịnh, đó là các bậc hữu học sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới, chẳng phải dị sanh.

Lại nữa, trong kinh nói: “Các người đem dài tăng trưởng yết-trá-tư, hằng thường lãnh thọ giọt huyết”. Những gì gọi là yết-trá-tư? Đó là tham ái. Nói tham ái ấy là tên gọi sai khác của yết-trá-tư. Lời đây hiển thị việc nhiếp thọ tập đế. Hằng thường lãnh thọ giọt huyết hiển thị việc nhiếp thọ khổ đế.

Lại nữa, trong *Kinh Bà-la-môn Dự*, Thế Tôn nương tận cùng của tạp nhiễm mà thuyết như vậy: “Có năm dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng. Những gì là năm?”

1. Kẻ chi li: Như có kẻ phương tiện kiếm sống rất sung túc, mà chỉ dùng chút ít phần nhỏ nhặt để tự nuôi sống thân. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ nhất.

2. Kẻ xan tham: Như có kẻ do nhân duyên tham lam, keo kiệt che lấp, đối với của cải vật thực thu được không dám ăn, không vui thích bố thí, trừ

lúc mạng chung đột ngột phải xả bỏ tài sản. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ hai.

3. Kẻ thích sanh thiên: Có chủng chủng phương tiện diệu hành của thân ngũ ý năng là nhân chân chánh sanh vào các cõi trời, nhưng có kẻ kể chấp hư vọng điên đảo cho việc nhảy vào nước lửa, gieo mình từ núi cao xuống, tự hại thân mạng... là nhân sanh các cõi trời. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ ba.

4. Kẻ thích giải thoát: Có phương tiện giải thoát chân chánh là tám Thánh đạo chi, mà có kẻ kể chấp hư vọng cho việc tự não hại mình, tự bức bách mình, hành chủng chủng khổ hạnh... là nhân khiến giải thoát. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ tư.

5. Kẻ cảm thương người đã chết: Có kẻ do nhân duyên người chết mà sanh ưu não khóc than, đầu tóc rối bời, thân vật vã trên đất, tự hủy mình, nhịn đói... vì mong muốn người chết phải sống trở lại. Đây là dạng người không phải cuồng mà tạo tác như cuồng thứ năm.

Lại thuyết kệ tụng:

*Thế gian không nhất định
Điên đảo cho là ngã
Cha mẹ cùng vợ con
Anh em bạn bè thầy
Từ mẹ chuyển làm vợ
Vợ lại làm vợ bé
Vợ bé chuyển nô tỳ
Hoặc làm kẻ oan gia
Từ cha chuyển làm con
Con lại làm oán địch
Oán địch làm đứa ở
Hoặc làm con tôi tớ
Từ vua chuyển làm thân
Thân lại làm nghèo thiếu
Hoặc xóm làng hạ tiện
Lúc lại ở kinh đô
Từ làm Bà-la-môn
Triển chuyển làm ba tánh
Hoặc lại Chiên-trà-la
Hoặc lại nhà bán thịt
Ở vô lượng trăm ngàn
Kho kia nhiều na-do
Làm cha lại làm con*

Đến oan gia thầy thân
Như trong chúng huyễn sĩ
Hiện chủng chủng loại hình
Lưu chuyển sanh xứ khác
Hiện nhiều thân cũng vậy
Nhân duyên nghiệp phiền não
Khiến chủng chủng các hành
Lớp lớp luôn chứa nhóm
Sanh khởi như huyễn hóa
Tuy gặp là các huyễn
Nhưng vô trí chướng ngăn
Thường ở trong các hành
Từng đắm say không chán
Đã tự mê huyễn rồi
Khóc thương than bụi đất
Nơi chẳng nên ưu bi
Phát sanh các bi não
Lìa tan gọi thân thuộc
Chủng chủng tự ưu bi
Vứt bỏ hành chánh pháp
Đưa tay mà gào khóc
Si kiêu mạn quấy nhiễu
Luôn hành các phóng dật

*Chủng loại như vậy thảy
Nên biết rộng thuyết khắp.*

Lại nữa, trong kiếp đấu tranh có 4 quá thất: 1. Thọ mạng suy giảm; 2. An vui suy giảm; 3. Công đức suy giảm; 4. Tất cả việc kiết tường ở thế gian đều suy giảm.

Lại nữa, trong kiếp đấu tranh, các loại hữu tình tóm lược ở nơi tám chỗ xoay vần bất kể: 1. Bất kể chánh pháp; 2. Bất kể danh dự tiếng tăm; 3. Bất kể dòng tộc; 4. Bất kể những sự việc đáng thương xót; 5. Bất kể bạn lành; 6. Bất kể người có đức; 7. Bất kể người có ân; 8. Bất kể thân hữu.

Hỏi: Như trước thuyết trong sanh tạp nhiễm, thì vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử. Sao nói là nên biết nghĩa của 12 chi sai biệt, đó là vô minh...?

Đáp: Lược do 5 tướng: 1. Do tướng; 2. Do tự tánh; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.

Hỏi: Những gì là tướng vô minh?

Đáp: Tướng tham, sân, mạn là tướng vô minh. Tướng kế chấp ngã, ngã sở, tướng không tâm, không quý, tướng nhiều phóng dật, tướng tánh kém độn,

tướng nhiều ngu ngủ, tướng tâm ưu sầu, tướng hết thấy chủng chủng ác nghiệp hiện hành. Đây đều gọi là tướng vô minh.

Hỏi: Những gì là tự tánh vô minh?

Đáp: Tướng chung của tự tánh đây như trước đã thuyết, nay sẽ hiển thị tướng tự tánh sai biệt: hoặc có vô minh tùy miên, hoặc có vô minh hội ngộ, hoặc có vô minh đồng hành phiền não, hoặc có vô minh bất cộng, độc hành, hoặc có vô minh tánh tâm che đậy, hoặc có vô minh phát nghiệp, hoặc vô minh không nhiễm ô, hoặc vô minh lia hồ thẹn, hoặc có vô minh bền chắc là sở hữu vô minh của kẻ không pháp Bát-niết-bàn.

Hỏi: Những gì là nghiệp vô minh?

Đáp: Ở nơi nghĩa không hiện thấy mê sanh mê hoặc là nghiệp vô minh. Như vậy ở nơi nghĩa hiện thấy, nghĩa thấp kém, nghĩa trung bình, nghĩa thắng diệu, nghĩa lợi ích, nghĩa không lợi ích, nghĩa chân thật, nghĩa tà, nghĩa nhân, nghĩa quả mà sanh mê hoặc là nghiệp vô minh.

Lại nữa, có 10 chủng hữu tình ngu si thâm nhiếp toàn bộ ngu si của các loại hữu tình: 1. Ngu si khiếm khuyết; 2. Ngu si cuồng loạn; 3. Ngu si

tán loạn; 4. Ngu si tự tánh; 5. Ngu si chấp trước; 6. Ngu si mê loạn; 7. Ngu si kiên cố; 8. Ngu si tăng thượng; 9. Ngu si không phân biệt rõ; 10. Ngu si hiện thấy.

Ngu si khiếm khuyết: Như có người hoặc mắt không đầy đủ, hoặc tai không đầy đủ. Ở nơi mắt nhận biết sắc, ở nơi tai nghe âm thanh... ở nơi tất cả cảnh giới như vậy, mắt tai đều không thể lãnh nhận rõ ràng, nên gọi là ngu si.

Ngu si cuồng loạn: Như có người hoặc gặp việc bức bách, hoặc gặp khổ lớn, hoặc lâm phải trọng bệnh, hoặc bị đau đớn bức thiết, hoặc có bệnh điên động kinh khiến tâm cuồng loạn. Do đây không rõ việc thiện, việc ác, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si tán loạn: Như có người tâm tán loạn nơi cảnh khác lạ, không thể hiểu được việc thiện, việc ác, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si tự tánh: Như có người từ vô thủy sanh tử đến nay, không hiểu biết tự tánh khổ tập diệt đạo, không hiểu biết chúng sanh vô ngã, pháp vô ngã... cho nên gọi là ngu si.

Ngu si chấp trước: Như có người rơi trong ngoại đạo, ở nơi thân kiến mà cho là gốc, ở trong các

kiến thú khác không thể rõ biết, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si mê loạn: Như có người hoặc lầm loạn danh tướng, hoặc lầm loạn hình tượng, hoặc lầm loạn sắc tướng, hoặc lầm loạn nghiệp dụng. Ở nơi các pháp xứ lầm loạn mà không rõ biết, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si kiên cố: Như có người cho là rốt ráo không có pháp Bát-niết-bàn, tự tánh sở hữu ngu si bền chắc, cho đến chư Phật cũng chẳng thể cứu, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si tăng thượng: Như có người tập quen làm các tà hạnh không gián đoạn. Nhân các tà hạnh đây phát sanh nên chịu sự bức bách của các thứ khổ. Tuy thấy biết mà cố theo đuổi, hướng đến vui đắm hý luận. Lại có kẻ tham hành... cũng gọi là ngu si tăng thượng.

Ngu si không phân biệt rõ: Như có người vì không nghe, không nghĩ, không tu tập, ở nơi pháp nghĩa chẳng thể hiểu rõ, cho nên gọi là ngu si.

Ngu si hiện thấy: Như có người hiện thấy các hành thấy đều vô thường mà khởi tưởng thường; hiện thấy đều khổ mà khởi tưởng vui; hiện thấy

bất tịnh mà khởi tướng tịnh; hiện thấy vô ngã mà khởi tướng ngã; hiện thấy pháp già, pháp bệnh, pháp chết mà khởi tướng an ổn, tướng không bức não.

Lại nữa, vô minh đây năng làm chướng ngại 5 xứ: 1. Năng chướng ngại trí vui chân thật; 2. Năng chướng ngại trong việc đoạn diệt phiền não; 3. Năng chướng ngại thành tựu viên mãn Thánh đạo; 4. Năng chướng ngại hướng đến cõi thiện; 5. Hiện pháp năng chướng ngại các việc kiết tường của thế gian.

Hỏi: Những gì gọi là pháp vô minh?

Đáp: Hoặc do vô minh nên đọa trong đường vô minh, gọi là vô minh ngu si. Hoặc không phải si gây nhiều, không phải si cấu, không phải si làm mê hoặc, đó là trụ vô minh tùy miên. Hoặc có ngu si là si gây nhiều, không phải si cấu, không phải si làm mê hoặc, đó là do vô minh nhiếp thuộc triền. Hoặc có ngu si là si gây nhiều, là si cấu, không phải si làm mê hoặc, đó là do vô minh phát khởi nghiệp; đã phát nghiệp ác rồi, sanh hồ thẹn ở nơi ác hạnh đây. Hoặc có ngu si là si gây nhiều, là si cấu, là si làm mê hoặc, đó là nhân vô minh khiến

phát khởi chủng chủng nghiệp ác bất thiện, không biết hổ thẹn ở nơi ác hạnh đây. Trong đây ba chủng trước gọi là ngu si, đọa trong cõi vô minh, nhưng không gọi là kẻ si. Do một chủng sau gọi là kẻ si. Hoặc có pháp vô minh tối tăm, đó là ở Dục giới. Hoặc có pháp vô minh hôn muội, đó là ở Sắc giới. Hoặc có pháp vô minh bị che khuất, đó là ở Vô sắc giới.

Hỏi: Những gì gọi là nhân quả vô minh?

Đáp: Nhân như phần *Bản địa* đã thuyết. Quả tức là tất cả chi hữu phía sau. Lại ở nơi chân như và nghĩa các đế không thể hiểu rõ, hoặc do dự, hoặc sanh quyết định tà, cũng có nghĩa là ở nơi lý Thánh đế hoặc tăng hoặc giảm, vì điên đảo chấp trước vô thường, hoặc vì tăng thượng mạn, hoặc vì tự khinh miệt. Văn quyết trạch các chi còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Nhân là nhân, sắc là duyên, nên nhân thức sanh, cho đến thân là nhân, xúc là duyên nên thân thức được sanh”. Lại thuyết: “Xúc làm duyên thọ”. Lại thuyết: “Năng sanh tác ý là nhân sanh khiến thức sanh”

Trong đây không phải nhân... là nhân sanh

nhân thức..., cũng không phải xúc là nhân sanh thọ, cũng không phải năng sanh tác ý là nhân sanh khởi thức sở sanh, chỉ do tự chủng tử của mỗi một pháp là nhân sanh của chính nó. Cớ sao trong đây thuyết nhân... là nhân của nhãn thức...? Nên biết đây nương nhiếp thuộc câu hữu y mà theo đó thuyết nhân dẫn phát, không phải nhân sanh khởi. Vì cớ sao? Do câu hữu nhãn căn... làm chỗ nương, nên cảnh kia kia của các nhãn thức... chuyển, chẳng phải không có chỗ nương. Như vậy do câu hữu xúc làm chỗ nương, nên có các thọ chuyển, chẳng phải không chỗ nương. Do câu hữu năng sanh tác ý làm chỗ nương mà thức sở sanh chuyển, chẳng phải không chỗ nương. Cho nên Thế Tôn ở nơi các xứ đây, nương nhiếp thuộc câu hữu y mà theo đó thuyết nhân dẫn phát, chẳng phải nhân sanh khởi hoặc nhân trợ bạn mà thuyết. Vì cớ sao? Chẳng phải nhãn đã diệt năng làm chỗ nương cho nhãn thức đã sanh. Nhĩ... cũng vậy. Chẳng phải xúc đã diệt năng làm chỗ nương cho thọ đã sanh. Chẳng phải năng tác ý đã diệt năng làm chỗ nương cho thức sở sanh đã sanh.

Lại nữa, lược có 4 thứ lớp duyên khởi: 1. Dẫn

dắt thứ lớp; 2. Sanh khởi thứ lớp; 3. Thọ dụng cảnh giới thứ lớp; 4. Thọ dụng khổ thứ lớp. Vô minh duyên hành, hành duyên thức là dẫn dắt thứ lớp. Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục xứ là sanh khởi thứ lớp. Lục xứ duyên xúc, xúc duyên thọ là sanh khởi đã thọ dụng cảnh giới thứ lớp. Thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử là thọ dụng khổ thứ lớp. Ở xứ đây, văn quyết trạch phần còn lại không hiển nói thêm.



Mục Lục

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN

Quyển 41

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 10.	Trì Giới - 2	7

Quyển 42

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 10.	Trì Giới - 3	46
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 11.	An Nhẫn	53
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 12.	Tình Tấn	70

Quyển 43

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 13.	Tình Lự	83
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 14.	Trí Tuệ	90
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 15.	Nhiếp Sự	98

Quyển 44

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 14.	Cúng Dường - Thân Cận - Vô Lượng	123
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phẩm 17.	Bồ Đề Phần - 1	149

Quyển 45

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phần 17.	Bồ Đề Phần - 2	160

Quyển 46

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phần 17.	Bồ Đề Phần - 3	192
Phần đầu	Trì Du Già Xứ	
Phần 18.	Công Đức Bồ Tát	201

Quyển 47

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần hai	Tùy Pháp Trì Du Già Xứ	
Phần 1.	Tướng Bồ Tát	225
Phần hai	Tùy Pháp Trì Du Già Xứ	
Phần 2.	Phần	233
Phần hai	Tùy Pháp Trì Du Già Xứ	
Phần 3.	Ý Lạc Tăng Thượng	239
Phần hai	Tùy Pháp Trì Du Già Xứ	
Phần 4.	Trụ - 1	247

Quyển 48

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần hai	Tùy Pháp Trì Du Già Xứ	
Phần 4.	Trụ - 2	271
Phần ba	Trì Cứu Cánh Du Già Xứ	
Phần 1.	Sanh	311
Phần ba	Trì Cứu Cánh Du Già Xứ	
Phần 2.	Nhiếp Thọ	316

Quyển 49

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
---------	------------	--

Phần ba	Cứu Cánh Trì Du Già Xứ	
Phần 3.	Địa	325
Phần ba	Trì Cứu Cánh Du Già Xứ	
Phần 4.	Hành	330
Phần ba	Trì Cứu Cánh Du Già Xứ	
Phần 5.	Kiến Lập - 1	337

Quyển 50

Thứ 15.	Bồ Tát Địa	
Phần ba	Cứu Cánh Trì Du Già Xứ	
Phần 5.	Kiến Lập - 2	364
Phần bốn	Thứ Lớp Trì Du Già Xứ	
Phần	Phát Tâm Chánh Đăng Bồ Đề	393
Thứ 16.	Hữu Dư Y Địa	400
Thứ 17.	Vô Dư Y Địa	404

II. PHẦN NHIẾP QUYẾT TRẠCH**Quyển 51**

Thứ 1.	Năm Thức Thân Tương Ứng Địa	
Thứ 2.	Ý Địa	
	Phần 1	411

Quyển 52

Thứ 1.	Năm Thức Thân Tương Ứng Địa	
Thứ 2.	Ý Địa	
	Phần 2	447

Quyển 53

Thứ 1.	Năm Thức Thân Tương Ứng Địa	
Thứ 2.	Ý Địa	
	Phần 3	479

Quyển 54

Thứ 1.	Năm Thức Thân Tương Ứng Địa	
--------	-----------------------------	--

Thứ 2.	Ý Địa Phần 4	514
Quyển 55		
Thứ 1.	Năm Thức Thân Tương Ứng Địa	
Thứ 2.	Ý Địa Phần 5	556
Quyển 56		
Thứ 1.	Năm Thức Thân Tương Ứng Địa	
Thứ 2.	Ý Địa Phần 6	596
Quyển 57		
Thứ 1.	Năm Thức Thân Tương Ứng Địa	
Thứ 2.	Ý Địa Phần 7	639
Quyển 58		
Thứ 3.	Có Tâm Có Tứ Địa	
Thứ 4.	Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa	
Thứ 5.	Không Tâm Không Tứ Địa Phần 1	698
Quyển 59		
Thứ 3.	Có Tâm Có Tứ Địa	
Thứ 4.	Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa	
Thứ 5.	Không Tâm Không Tứ Địa Phần 2	739
Quyển 60		
Thứ 3.	Có Tâm Có Tứ Địa	
Thứ 4.	Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa	
Thứ 5.	Không Tâm Không Tứ Địa Phần 3	775
Mục Lục		813



DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Tập III

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

270. Nguyễn Đình Chiểu Q.3 - TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Mai Thời Chính

Biên tập:

Công Bình – Thăng Long

Bìa và trình bày:

Trần Phú Nhạc

Khổ 14.5 x 20.5 cm, Số ĐKKHXB: 293 - 2010 / CXB / 41 - 09 / TN

Quyết định xuất bản số 449 / QĐ - TN / CN ngày 06 . 10 . 2010

In 1000 cuốn, tại XN IN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 - 2010